

TUẦN 1

TIẾT 1,2: PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH

TIẾT 3: CÁC PHƯƠNG CHÂM HỘI THOẠI

TIẾT 4: SỬ DỤNG MỘT SỐ BIỆN PHÁP NGHỆ THUẬT TRONG VĂN BẢN THUYẾT MINH

TIẾT 5: LUYỆN TẬP SỬ DỤNG MỘT SỐ BIỆN PHÁP NGHỆ THUẬT TRONG VĂN BẢN THUYẾT MINH

TIẾT 1+2	PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH Lê Anh Trà	NS:1/9/2023

I. Mục tiêu cần đạt:

1. Kiến thức:

- Một số biểu hiện của phong cách HCM trong đời sống và trong sinh hoạt.
- Ý nghĩa của phong cách HCM trong việc giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc.
- Đặc điểm của kiểu bài nghị luận xã hội qua một đoạn văn cụ thể.

2. Năng lực:

- **Năng lực chung:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác.
- **Năng lực chuyên biệt:** năng lực đọc hiểu văn bản, phân tích một văn bản nghị luận.

3. Phẩm chất: Kính yêu và tự hào về lãnh tụ.

***Tích hợp QPAN: Giới thiệu một số hình ảnh về chủ tịch Hồ Chí Minh**

*** Tích hợp tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh**

II. Chuẩn bị:

1. Giáo viên: SGK, SGV, TKBG, Tranh ảnh về các hoạt động của Bác; tranh nhà sàn Bác Hồ; video bài hát “Bác Hồ, một tình yêu bao la”; phiếu học tập.

2. HS: Đọc, soạn bài theo yêu cầu ở SGK, sưu tầm tranh ảnh, tiểu sử, mẫu chuyện về Bác.

III. Tiến trình tổ chức các hoạt động

1. Hoạt động khởi động (5p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
- HS nghe bài hát “Bác Hồ, một tình yêu bao la.” - Ở lớp 7, các em đã học văn bản nào viết về Bác Hồ? - Em hãy nêu hiểu biết của em về Hồ Chí Minh? GV: Bác Hồ-hai tiếng ấy thật gần gũi và rất đời thân thương đối với mọi người dân VN và bạn bè thế giới. HCM không những là nhà yêu nước, nhà CM vĩ đại mà còn là danh nhân văn hoá thế	-Lắng nghe -“Đức tính giản dị của Bác Hồ”-Phạm Văn Đồng -Trình bày -Theo dõi	

giới.Vẻ đẹp văn hoá chính là nét nổi bật trong phong cách HCM. Phong cách đó như thế nào chúng ta cùng tìm hiểu qua bài “Phong cách HCM” của tác giả Lê Anh Trà		

2. Hoạt động hình thành kiến thức (70 ph)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
I. Tìm hiểu chung - Kể tên một số cuốn sách viết về Bác Hồ? (GV nhận xét HS trả lời và chốt lại bằng 1 số cuốn sách như: “Đức tính giản dị ...”, “Học tập tấm gương đạo đức Bác Hồ”... - Cho HS tìm hiểu tác giả, tác phẩm *Tích hợp ANQP: Giới thiệu một số hình ảnh về Bác Hồ qua một số hoạt động, yêu cầu học sinh xác định - GV hướng dẫn HS đọc : chú ý đọc đúng, diễn cảm, thể hiện sự kính trọng đối với Bác - GV hướng dẫn HS tìm hiểu một số chú thích trong SGK/7 *TL cặp đôi (3p): Nêu câu hỏi thảo luận: Vb viết theo phương thức biểu đạt nào? Thuộc loại Vb gì? VB chia làm mấy phần? Nội dung chính của từng phần? * GV chốt II. Phân tích -GV gọi HS đọc lại phần 1 Phiếu HT 1 (TLN 5p)	HS kể. Gọi hs đọc chú thích sao. - Quan sát, xác định - 2 HS đọc, lớp theo dõi -Thảo luận nhóm đôi -Cử đại diện trình bày -Nhận xét, góp ý hoàn thiện <i>Văn bản nhật dụng.</i> <i>Bố cục: 2 phần</i> <i>+ Phần 1 : HCM với sự tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại</i> <i>+ Phần 2 : Những nét đẹp trong lối sống của HCM</i> - Đọc nhanh phần 1	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả - tác phẩm - Văn bản được trích ”HCM và văn hoá Việt Nam” của Lê Anh Trà 2. Bố cục : 2 phần II. Phân tích: 1. Sự tiếp thu văn hoá nhân loại của HCM -Hoàn cảnh: + Đi nhiều nơi

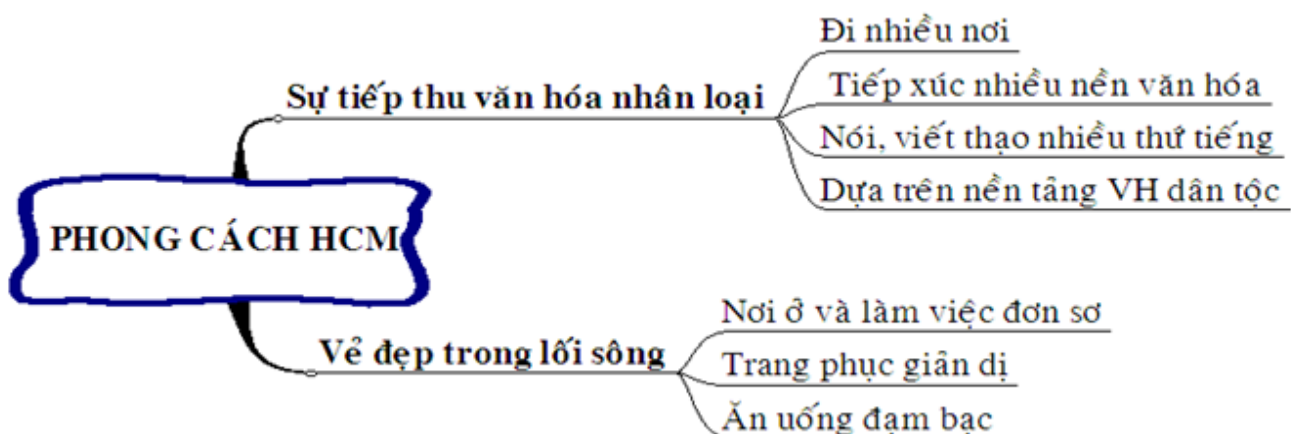
1/ Những tình hoa văn hoá của nhân loại đến với HCM trong hoàn cảnh nào? 2/ Vì sao Người có thể có được vốn tri thức văn hoá nhân loại? 3/ Qua các nội dung trên, em có nhận xét gì về phong cách Hồ Chí Minh? ->GV gọi đại diện nhóm trình bày, nhận xét, bổ sung, chốt ý -Sự tiếp thu đó đã hình thành ở Bác vốn tri thức văn hoá nhân loại như thế nào? -Nhận xét nghệ thuật nghị luận ở luận điểm 1? ->GV chốt ý: cách gợi mở, dẫn dắt văn đề rất tự nhiên và hiệu quả. Cách lập luận chặt chẽ, cách nêu luận cứ xác đáng; lời diễn đạt tinh tế, tạo sức thuyết phục lớn TIẾT 2 Phiếu HT 2 (TLN 5p) 1/ Lối sống của Bác được tác giả làm rõ qua các phương diện nào? ở, trang phục, làm việc, ăn uống 2/ Tìm dẫn chứng ở các phương diện đó? ->Gv gọi đại diện nhóm trình bày, kết hợp với các hình ảnh sưu tầm được. ->Yêu cầu các nhóm nhận xét, bổ sung. ->Gv giới thiệu thêm một số hình ảnh, chốt ý	-Thảo luận nhóm 3p, hoàn thành phiếu học tập, trình bày, nhận xét -HS có thể trả lời như ở câu văn chứa luận điểm “Tất cả những ảnh hưởng quốc tế đó rất hiện đại” -Hs thảo luận, trình bày, nhận xét -Quan sát	+ Tiếp xúc nhiều nền văn hoá trên thế giới - Cách thức: + Nói, viết thạo nhiều thứ tiếng + Học hỏi qua lao động + Tiếp thu có chọn lọc * Hồ Chí Minh tiếp thu VH nhân loại dựa trên nền tảng văn hoá dân tộc -> Sự hiểu biết sâu, rộng về các dân tộc và văn hoá thế giới nhào nặn nên cốt cách văn hoá dân tộc HCM 2. Những nét đẹp trong lối sống Hồ Chí Minh - Nơi ở làm việc đơn sơ - Trang phục giản dị - Ăn uống đạm bạc * Cách sống giản dị, đạm bạc, thanh cao, có văn hoá, là cách di dưỡng tinh thần, thể hiện một quan niệm thẩm mỹ cao đẹp.

- Theo em được biết, cuộc sống của các vị tổng thống, chủ tịch..., của các nước khác đương đại cùng thời đó, có giống Bác không ? *Tích hợp: tư tưởng HCM Trình chiếu 1 số hình ảnh, qua đó em cảm nhận được gì về lối sống của Bác. -Tác giả so sánh lối sống của Bác với các vị anh hùng dân tộc, các vị hiền triết có những điểm nào giống và khác? -Nhận xét về hệ thống và cách trình bày dẫn chứng? III. Tổng kết Phiếu HT 3 (TL cặp đôi 5p) 1/Để nêu bật lối sống giản dị của Bác Hồ, tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? 2/ Nêu khái quát nội dung của văn bản? 3/ Nêu cảm nhận của em về những nét đẹp trong phong cách Hồ Chí Minh? 4/ Nêu ý nghĩa của văn bản? ->GV gọi đại diện trình bày	-Đây là một cách sống có văn hoá đã trở thành một quan niệm thẩm mỹ là: cái đẹp là sự giản dị, tự nhiên. -Ta nhận ra điểm tương đồng của những bậc hiền triết xưa gặp lúc thời thế nhiều nhương sẵn sàng từ bỏ công danh, tìm đến cuộc sống ẩn dật để giữ tâm hồn trong sạch -HS nhắc lại N.Trãi với “Bài ca Côn Sơn”; N.B.Kvui thú điền viên với cảnh thanh bần để di dưỡng tinh thần. - Trình bày dẫn chứng dạng liệt kê nhưng không gây nhàm chán chính nhờ cách kết hợp khéo léo trình bày dẫn chứng với bình luận Thảo luận, trình bày, nhận xét	III. Tổng kết: 1. Nghệ thuật: -Ngôn ngữ trang trọng -Kết hợp các phương thức biểu đạt tự sự, biểu cảm, lập luận - Hình thức so sánh, nghệ thuật đối lập... 2.Nội dung: ghi nhớ sgk 3.Ý nghĩa:- Cốt cách văn hoá HCM trong nhận thức và hành động

->Gv gọi các nhóm nhận xét ->Gv nhận xét, chốt ý		- Tiếp thu VH nhân loại dựa trên nền tảng văn hoá dân tộc.

3. Hoạt động luyện tập (5p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
1/ Trò chơi: Ai nhanh, ai khéo: -Chia lớp thành 2 đội. - Thi vẽ sơ đồ tư duy khái quát nội dung bài học - Thời gian 3p - Đội nào nhanh hơn, đẹp và đúng sẽ thắng cuộc.	Tham gia, cổ vũ trò chơi	



4. Hoạt động vận dụng (5p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
1/ Qua nội dung bài giảng, em rút ra được bài học gì qua việc học tập phong cách Hồ Chí Minh? - GV nhận xét. - GV chốt : + <i>Giao lưu, mở rộng tiếp xúc với các nước trên thế giới nhưng phải có sự chọn lọc, tránh những luồng văn hoá phản động, tiêu cực.</i> + <i>Phải biết giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.</i> + <i>Sống và làm việc theo gương Bác.</i>	HS trả lời cá nhân	

2/ Suy nghĩ của em về hướng phấn đấu của bản thân từ tấm gương Hồ Chí Minh?		

5. Hoạt động Tìm tòi và mở rộng (3p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
? Em kể 1 số mẩu chuyện mà em biết về cuộc đời và sự nghiệp của Bác Hồ?	Kể	

* Hướng dẫn tự học (2p):

- Viết 1 đoạn văn ngắn trình bày cảm xúc của em về Bác qua nội dung bài học.
- Chuẩn bị cho tiết học đến: **Các phương châm hội thoại:**
 - + Hoàn thành các yêu cầu mục I,II sgk
 - + Xem trước và thử làm một số bài tập phần luyện tập.

MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BÁC HỒ

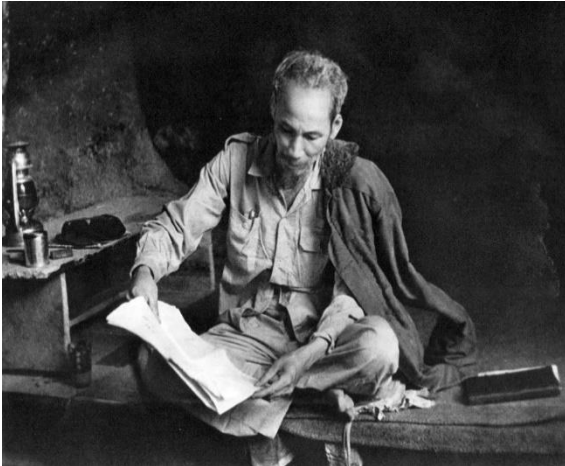


Chàng thanh niên Nguyễn Tất Thành làm phụ bếp ở khách sạn Carlton tại nước Anh, năm 1913.



Ngày 26-12-1920 với tư cách là đại biểu Đông Dương, Nguyễn Ái Quốc trong thời gian hoạt động cách mạng ở Pháp) ủng hộ Luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa

Ngày 2-9-1945, tại Quảng trường Ba Đình-Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc "Tuyên ngôn Độc lập" tuyên bố sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa



Người làm việc trong hang núi Việt Bắc năm 1951



Cuối năm 1953, tại Việt Bắc, Hồ Chủ tịch và các đồng chí lãnh đạo Đảng quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ.

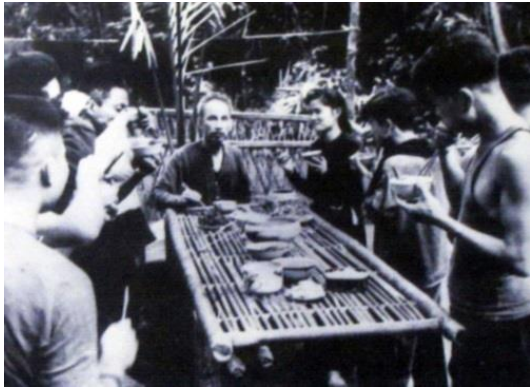


Người chủ trì một phiên họp Hội đồng Chính phủ sau chiến thắng Điện Biên Phủ.



Thăm đền Hùng, Hồ Chủ tịch nói với các chiến sĩ: “Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải ra sức giữ nước”.

MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ SỰ GIẢN DỊ CỦA BÁC HỒ



TIẾT 3	PHƯƠNG CHÂM HỘI THOẠI	NS:3/9/2023

I. Mục tiêu cần đạt:

1.Kiến thức:

- Nội dung phương châm về lượng, phương châm về chất.
- Nhận biết và phân tích được cách sử dụng phương châm về lượng và phương châm về chất trong một tình huống giao tiếp cụ thể.
- Vận dụng phương châm về lượng, phương châm về chất trong hoạt động giao tiếp.

2.Năng lực:

- **Năng lực chung:**Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác
- **Năng lực chuyên biệt:** năng lực sử dụng ngôn ngữ.

3. Phẩm chất:

- Yêu ngôn ngữ dân tộc.
- Ý thức vận dụng các PCHT đã học vào thực tế giao tiếp trong cuộc sống

II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:

1. Giáo viên: SGK, SGV Ngữ văn 9, TKBG, phiếu học tập...

2. Học sinh: Soạn bài, SGK ngữ văn 9, bảng nhóm...

III.Tiến trình tổ chức các hoạt động dạy và học.

1.Khởi động (3p)

Hoạt động của Gv	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
-Ở lớp 8, các em đã được học những vấn đề gì liên quan đến hội thoại? -> Trong giao tiếp có những quy định tuy không nói ra thành lời nhưng những người tham gia giao tiếp cần phải tuân thủ. Nếu tuân thủ, cuộc thoại ấy sẽ không bao giờ thành công. Những quy định đó được thể hiện qua các phương châm hội thoại.	Học sinh nêu các quy tắc về giao tiếp (Lượt lời, vai xã hội)	

2. Hoạt động hình thành kiến thức.(18 phút).

Hoạt động của Gv	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
I.Phương châm về lượng. - Học sinh đóng vai , thực hiện lời thoại bài tập 1 (SGK/8). - Câu trả lời của Ba có đáp ứng điều mà An muốn biết không?	-Đóng vai, thực hiện lời thoại bài tập 1. -Câu trả lời của Ba chưa đầy đủ nội dung mà An cần biết.	I.Phương châm về lượng

- Vậy cần trả lời như thế nào? - Từ đó có thể rút ra bài học gì trong giao tiếp ? -Thảo luận nhóm (3p), hoàn thành Phiếu HT 1 1/Vì sao truyện này lại gây cười ? 2/Lẽ ra anh “lợn cưới” phải trả lời như thế nào ? 3/Anh “áo mới” phải trả lời như thế nào? 4/Bài học giao tiếp từ văn bản? ->GV yêu cầu các nhóm trình bày, nhận xét. ->Gv nhận xét, bổ sung ->Phương châm về lượng là gì? -> Chốt ý II. Phương châm về chất. - Yêu cầu HS đọc văn bản -Thảo luận nhóm đôi (3p) 1/Truyện cười này phê phán điều gì? 2/Như vậy trong giao tiếp điều gì cần tránh? ->GV yêu cầu các nhóm trình bày, nhận xét ->Gv chốt: Trong giao tiếp không nên nói những điều mà mình tin là không đúng hoặc chưa có cơ sở.	- Cần trả lời địa điểm cụ thể. -Khi nói, câu nói phải có nội dung đúng với yêu cầu của giao tiếp, không nên nói ít những gì mà giao tiếp đòi hỏi -Truyện cười vì 2 nhân vật đều nói thừa nội dung cần hỏi, cần trả lời. -Bỏ từ “cười”. - Bỏ từ “áo mới”. -Trong giao tiếp không nên nói nhiều hơn những gì cần nói. Thảo luận, trình bày, nhận xét: - Phê phán những người nói khoác, nói sai sự thật. - Không nên nói những điều mà mình không tin là đúng sự thật.	Khi giao tiếp cần nói có nội dung, nội dung của lời nói phải đáp ứng yêu cầu của cuộc giao tiếp, không thiếu, không thừa. II. Phương châm về chất. Khi giao tiếp đừng nói những điều mà mình không tin là đúng hay không có bằng chứng xác thực.

3. Hoạt động luyện tập.(15 phút)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Bài 1 (SGK/10) Nhóm đôi: -Hãy vận dụng phương châm về lượng để phân tích lỗi ở hai câu văn này. Bài 2(SGK/10) -Bài tập làm vào bảng nhóm. Bài 3(SGK/11). - Đóng vai, đọc văn bản.. -Trong văn bản này phương châm hội thoại nào không được tuân thủ? Bài 4 (SGK/11) Thảo luận nhóm đôi (3p) -Hãy vận dụng những phương châm hội thoại để giải thích vì sao người nói đôi khi phải dùng những cách diễn đạt như trên? ->Giáo viên đánh giá kết quả thảo luận của các nhóm.	Vận dụng phương châm về lượng để phân tích lỗi. -Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống. - Đọc bài tập 3. - Thực hiện yêu cầu -Thảo luận, trình bày, nhận xét	Bài 1 (SGK/10). -Sai phương châm về lượng a. Thừa cụm từ “Nuôi ở nhà” b. Thừa cụm từ “Có 2 cánh”. Bài 2 (SGK/10). a. Nói có sách, mách có chứng. b. Nói dối. c. Nói mò. d. Nói nhăng nói cuội. đ. Nói trạng . Bài 3 (SGK/11) -Không tuân thủ phương châm về lượng. -Thừa cụm từ “Rồi có nuôi được không”. Bài 4 (SGK/11) a. Các cụm từ thể hiện người nói cho biết thông tin họ nói chưa chắc chắn b. Các cụm từ không nhằm lập nội dung cũ (người nói chủ ý).

4. Hoạt động vận dụng(6 phút)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
-Thành ngữ sau liên quan đến phương châm hội thoại nào? + <i>Hứa hươu hứa vượn.</i> + <i>Ăn không nói có.</i>	- Liên quan đến phương châm về chất.	

-Trong cuộc sống có nên có những thói quen trong hai thành ngữ trên không? Vì sao? - Qua tiết học này, em rút ra được bài học gì cho mình?	-Đồng ý hoặc không đồng ý nhưng phải có cách giải thích hợp lí. -Bộc lộ quan điểm.	

***Hướng dẫn tự học (3 phút)**

- Nắm nội dung của hai phương châm; tìm đọc các đoạn hội thoại có các câu nói không tuân thủ phương châm về lượng và phương châm về chất : xác định và chữa lại cho đúng.
- Sưu tầm những câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ đề cao tuân thủ phương châm về chất.
- Soạn bài: Sử dụng một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh

TIẾT 4	SỬ DỤNG MỘT SỐ BIỆN PHÁP NGHỆ THUẬT TRONG VĂN BẢN THUYẾT MINH	NS: 3/9/2023

I. Mục tiêu cần đạt: Giúp học sinh nắm được:

1. Kiến thức:

- Vb thuyết minh và các phương pháp thuyết minh thường dùng.
- Vai trò của các biện pháp nghệ thuật trong bài thuyết minh.
- Nhận ra các biện pháp nghệ thuật trong VB thuyết minh.
- Biết cách sử dụng một số biện pháp nghệ thuật vào VB thuyết minh.

2. Năng lực:

- **Năng lực chung:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác.
- **Năng lực chuyên biệt:** năng lực nhận biết những biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh; biết vận dụng những biện pháp nghệ thuật vào một đoạn văn thuyết minh.

3. Phẩm chất:

- Yêu thích thể văn thuyết minh, yêu văn học dân tộc.

II. Chuẩn bị:

1. Giáo viên :- SGK, SGV, TKBG, Các bài tập, đoạn văn mẫu, bảng phụ, hình ảnh về Hạ Long

2. Học sinh: Đọc, soạn bài theo yêu cầu Sgk, tìm đọc lại Sgk Ngữ văn lớp 8 về văn bản thuyết minh.

III. Tiến trình tổ chức các hoạt động:

1. Khởi động: (3p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
-Ở lớp 8, em được học thuyết minh về các đối tượng nào? - Đối tượng của thuyết minh rất đa dạng. Có khi thuyết minh về một đối tượng cụ thể, cũng có khi phải thuyết minh về một vấn đề trừu tượng như tính cách của một con người, phẩm chất của một sự việc... Bên cạnh tuân thủ mục đích, đặc điểm của một văn bản thuyết minh, để cho bài viết sinh động, hấp dẫn, người viết còn vận dụng thêm một số biện pháp nghệ	-Thuyết minh về một thứ đồ dùng, một danh lam thắng cảnh, một thể loại văn học, một phương pháp -Lắng nghe	

thuật. Để hiểu và vận dụng, chúng ta cùng tìm hiểu bài Sử dụng...		

2. Hình thành kiến thức:(20 p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
I.Hướng dẫn tìm hiểu việc sử dụng các biện pháp nghệ thuật trong văn t/m - Nêu các câu hỏi ở SGK - Gv nhắc lại : Thuyết minh có những đặc điểm là : Trình bày những đặc điểm tiêu biểu của đối tượng, trình bày những tri thức khách quan, phổ thông bằng các yếu tố xác thực, không có hư cấu, tưởng tượng, tránh bộc lộ cảm xúc chủ quan (yêu - ghét ...) - Các phương pháp thuyết minh thường dùng là : Liệt kê, nêu định nghĩa, giải thích, nêu ví dụ, dùng số liệu, so sánh, phân loại, phân tích. II. Sử dụng một số biện pháp nghệ thuật trong VB thuyết minh - HS đọc văn bản Hạ Long – đá và nước - Gv phát phiếu học tập, yêu cầu HS làm việc theo nhóm (5p) Phiếu học tập : 1/ Bài văn thuyết minh đặc điểm gì của đối tượng ? 2/ Sự kì lạ của Hạ Long được thuyết minh bằng cách nào?	- HS suy nghĩ độc lập - 1 số HS trả lời bổ sung nhau - HS theo dõi - 1 HS đọc, cả lớp theo dõi SGK - HS thảo luận nhóm lớn trả lời + Bài thuyết minh sự kì lạ của Hạ Long (Đá, Nước) + Thuyết minh bằng giải thích những khái niệm, sự vận động của nước (Đoạn 2 SGK) + Tác giả thuyết minh kết hợp các phép lập luận. +Thuyết minh, liệt kê miêu tả sự biến đổi của nước là trí tưởng tượng độc đáo => thấy	I/Ôn tập văn bản thuyết minh: 1.Khái niệm: 2.Các phương pháp: II/ Sử dụng một số biện pháp nghệ thuật trong VB thuyết minh:

3/ Nếu chỉ dùng phương pháp liệt kê nhiều đảo, nhiều hàng động lạ lùng thì đã nêu được sự kỳ lạ của Hạ Long chưa ? 5/ Sau mỗi ý tác giả giải thích về sự thay đổi của nước, tác giả làm nhiệm vụ gì ? 6/ Em hãy nhận xét các dẫn chứng, lí lẽ trong VB trên ? ->Gv yêu cầu các nhóm trình bày, nhận xét. ->Gv nhận xét, bổ sung * GV chốt lại nội dung như ghi nhớ SGK/13.	được sự kì lạ của Hạ Long (nhân hóa) - HS tìm các dẫn chứng minh họa + Các dẫn chứng, lí lẽ xác thực, hiển nhiên, theo trình tự và được liên kết chặt chẽ với nhau bằng các phương tiện liên kết. HS nhắc ghi nhớ	- Các biện pháp nghệ thuật trong Vb thuyết minh gồm có kể chuyện, tự thuật, đối thoại theo lối ẩn dụ, nhân hoá - Tác dụng: góp phần làm rõ những đặc điểm của đối tượng được thuyết minh một cách sinh động nhằm gây hứng thú cho người đọc

3 . Luyện tập (20p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Bài tập 1: -Cho hs đọc bài tập 1 - Thảo luận (5p), hoàn thành Phiếu học tập 2: a.Văn bản có tính chất thuyết minh không? Tính chất ấy thể hiện ở những điểm nào? b. Những phương pháp thuyết minh nào đã được sử dụng? Bài thuyết minh này có gì đặc biệt?Tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật nào?	Thảo luận trình bày, nhận xét	III. Luyện tập 1.Bài tập 1 a. Tính chất thuyết minh: Giới thiệu loài ruồi một cách hệ thống: Họ, giống, loài, tập tính sinh sống,đặc điểm cơ thể,thức tỉnh ý thức giữ gìn vệ sinh,phòng bệnh, diệt ruồi. Phương pháp thuyết minh:định nghĩa,phân loại,sô liệu,liệt kê *Định nghĩa: Thuộc họ côn trùng hai cánh, mắt lưới... *Phân loại: Các loại ruồi

c. Các biện pháp NT đó có tác dụng gì? ->Gv yêu cầu các nhóm nhận xét, bổ sung ->Gv chốt ý Bài tập 2 -HS đọc BT 2, nhận xét về biện pháp được sử dụng trong văn bản? -> GV định hướng, chốt ý	Trả lời cá nhân	*Số liệu: số vi khuẩn,số lượng sinh sản... *Liệt kê: mắt lưới , chân tiết ra chất dính... b. Nét đặc biệt: Văn bản là một câu chuyện tưởng tượng. Các biện pháp nghệ thuật: nhân hoá, các tình tiết c. Tác dụng: Gây hứng thú cho người đọc, làm nổi bật nội dung cần thuyết minh 2. Bài tập 2: Đoạn văn này nhằm nói về tập tính của chim cú dưới dạng một ngộ nhận thời thơ ấu, sau lớn lên đi học mới nhận thức lại sự nhầm lẫn cũ. Biện pháp nghệ thuật ở đây chính là lấy ngộ nhận làm đầu mỗi câu chuyện. (Dưới hình thức kể chuyện mà dẫn vào thuyết minh là chính).

***Hướng dẫn tự học (2p)**

- Tập viết đoạn thuyết minh ngắn có sử dụng các biện pháp nghệ thuật.
- Học thuộc ghi nhớ
- Làm BT2,chuẩn bị bài luyện tập : Thuyết minh về cái quạt và cái nón
- + Tổ 1,2: Làm dàn bài thuyết minh cái quạt.
- + Tổ 3,4: Làm dàn thuyết minh cái nón
- Chuẩn bị bài mới: Luyện tập Sử dụng một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh:
- + Đọc yêu cầu của bài học.
- + Làm bài tập theo sự phân công nhóm

TIẾT 5	LUYỆN TẬP SỬ DỤNG MỘT SỐ BIỆN PHÁP NGHỆ THUẬT TRONG VĂN BẢN THUYẾT MINH.	NS: 3/9/2023

I. Mục tiêu cần đạt:

1. Kiến thức:

- Cách làm bài thuyết minh về một số đồ dùng
- Tác dụng các biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh.
- Xác định yêu cầu của đề bài thuyết minh về một số đồ dùng cụ thể.
- Lập dàn ý chi tiết và viết phần mở bài cho bài văn thuyết minh về một đồ dùng (có sử dụng một số biện pháp nghệ thuật)

2. Năng lực:

- **Năng lực chung** : Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác.
- **Năng lực chuyên biệt**: biết vận dụng những biện pháp nghệ thuật vào một đoạn văn, bài thuyết minh.

3. Phẩm chất: Yêu thích thể văn thuyết minh, yêu văn học dân tộc.

II. Chuẩn bị:

1. Giáo viên: Phân nhóm (2 nhóm) về nhà lập dàn ý cho các đề bài:

- + Tổ 1,2: Lập dàn ý thuyết minh về cái quạt
- + Tổ 3,4: Lập dàn ý thuyết minh về cái nón
- Yêu cầu các nhóm lập dàn ý chi tiết của bài thuyết minh có sử dụng các biện pháp nghệ thuật.

2. Học sinh: Chuẩn bị như GV đã phân công

III. Tiến trình tổ chức các hoạt động:

1. Khởi động: (2ph)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
- Ở tiết học trước, văn bản Đá và Nước, người viết đã sử dụng những BPNT nào để thuyết minh? -> Nhờ những biện pháp trên mà văn bản trở nên sinh động, hấp dẫn. Hôm nay chúng ta sẽ tiến hành luyện tập để các em có thể vận dụng những biện pháp ấy vào bài làm của mình.	Những biện pháp như miêu tả, so sánh, nhân hóa...	

2 Luyện tập, vận dụng (35 ph)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
I. Tìm hiểu đề, dàn ý		I. Tìm hiểu đề, dàn ý

- GV phân lớp thành hai nhóm - GV chép đề bài lên bảng, HS đọc đề, đọc phân yêu cầu của luyện tập về nội dung của văn bản, về hình thức. -Gv nêu yêu cầu: lập một dàn ý chi tiết. Dựa trên dàn ý đã chuẩn bị ở nhà của cá nhân, HS thảo luận nhóm và hình thành một dàn ý chi tiết của nhóm. Trong đó nêu rõ đoạn nào sử dụng phương pháp thuyết minh gì, sử dụng biện pháp NT gì? -Chỉ định một hs trong nhóm lên trình bày, lưu ý chỉ rõ dự kiến sử dụng pp thuyết minh và sử dụng biện pháp NT gì. -Lớp nhận xét phần trình bày và dàn ý của từng nhóm ->GV chiếu dàn ý, HS chốt lại trình tự t/m về một thứ đồ dùng	- Thực hiện theo hướng dẫn - Hoạt động nhóm -Trình bày -Nhận xét -Theo dõi	1.Tìm hiểu đề 2. Lập dàn ý: *Đề thuyết minh về cái nón MB:Nón lá là đồ dùng quen thuộc của người phụ nữ Việt Nam.Có giá trị vật chất lẫn tinh thần. TB: 1/Lịch sử ra đời, phân loại: -Ra đời từ rất xa xưa Huế nổi tiếng với các làng nghề làm nón -Nón có nhiều loại: nón thô dùng khi lao động;nón bài thơ dùng cho các thiếu nữ... 2/Cấu tạo: - Hình chóp nhọn, phủ bên ngoài lớp lá nón làm bằng lá cọ.Bên ngoài quét một lớp dầu rái để bảo vệ nón và giúp cho nón sáng bóng, đẹp -Có quai giữ nón bằng 3/Công dụng của chiếc nón: -Che nắng, che mưa rất tiện lợi, khi cần có thể dùng như chiếc quạt -Tăng vẻ đẹp duyên dáng của người phụ nữ Việt Nam nhất là khi đi kèm áo dài. -Mang bản sắc dân tộc Việt Nam. KB:nón lá là nét đẹp tinh tế, mang bản sắc dân tộc độc đáo của người Việt Nam .Cần được gìn giữ, lưu truyền *Đề thuyết minh về cái quạt. Mở bài: Giới thiệu về cái quạt Thân bài 1/Lịch sử ra đời

II. Viết đoạn văn .- Mỗi cá nhân viết một mở bài theo dàn ý của nhóm mình, xung phong trình bày - GV nhận xét, hướng dẫn hs sửa chữa.	Quạt được phát minh bởi nhà khoa học Mĩ, ban đầu được chạy bằng hơi nước. Máy quạt hiện đại nhất hiện nay chạy bằng điện và sử dụng rất rộng rãi hiện nay. 2/ Phân loại Các loại quạt: Quạt treo tường, quạt để bàn, quạt đứng, quạt trần, quạt âm trần, quạt âm tường, quạt hút gió, quạt thổi gió. 3/Cấu tạo a. Khái quát về cái quạt: - Quạt là một thiết bị sử dụng điện. - Dùng làm mát cho con người. - Được sử dụng rất rộng rãi. b. Chi tiết về cái quạt - Cánh quạt: quay tạo ra hơi mát khi sử dụng. - Bộ phận điều khiển: có các mức độ mạnh yếu tùy theo người sử dụng chọn. - Thân quạt: có thể chỉnh cao thấp tùy thích. - Chân quạt: giữ quạt cân bằng. - Lồng quạt: bảo vệ cánh quạt và sự nguy hại của cánh quạt với con người. 4/Công dụng: Quạt mát, điều hòa không khí. Kết bài: Nêu cảm nghĩ của em về cái quạt

3. Tìm tòi, mở rộng (5p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
- Gọi 1 HS đọc bài “Đọc thêm” SGK/16 -Tìm biện pháp NT được sử dụng trong bài văn.	Trả lời cá nhân	

*Hướng dẫn tự học (3p)

- Sửa chữa dàn ý chi tiết 2 đề (cái quạt, cái bút), chọn 1 đề và viết thành văn.
- Soạn “Đấu tranh cho một thế giới hoà bình”
- + Đọc VB, tìm hiểu chú thích
- + Trả lời các câu hỏi phân đọc hiểu văn bản
- + Tìm hiểu thông tin về tình hình chiến tranh trên thế giới hiện nay.

TUẦN 2

TIẾT 6,7: ĐẤU TRANH CHO MỘT THẾ GIỚI HÒA BÌNH

TIẾT 8: CÁC PHƯƠNG CHÂM HỘI THOẠI

TIẾT 9: SỬ DỤNG YẾU TỐ MIÊU TẢ TRONG VĂN BẢN THUYẾT MINH

TIẾT 10: LUYỆN TẬP SỬ DỤNG YẾU TỐ MIÊU TẢ TRONG VĂN BẢN THUYẾT MINH

TIẾT 6,7	ĐẤU TRANH CHO MỘT THẾ GIỚI HÒA BÌNH.	NS: 5/9/2023

I. Mục đích cần đạt:

1. Kiến thức:

- Một số hiểu biết về tình hình thế giới những năm 1980 liên quan đến văn bản.
- Hệ thống luận điểm, luận cứ, cách lập luận trong văn bản.
- Đọc- hiểu văn bản nhật dụng bàn luận về một vấn đề liên quan đến nhiệm vụ đấu tranh vì hoà bình của nhân loại.
- Hiểu được nội dung vấn đề đặt ra trong văn bản: Nguy cơ chiến tranh hạt nhân đang đe dọa toàn bộ sự sống trên trái đất, nhiệm vụ cấp bách của toàn thể nhân loại là ngăn chặn nguy cơ đó, là đấu tranh cho một thế giới hoà bình. Từ đó đưa ra suy nghĩ và hành động bản thân.

2. Năng lực:

- **Năng lực chung:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác.
- **Năng lực chuyên biệt:** Hiểu được tác hại của chiến tranh hạt nhân và sự lãng phí của các cuộc chạy đua vũ trang.

3. Phẩm chất:

- Yêu chuộng hòa bình; phản đối chiến tranh.

***Tích hợp QPAN:** Lấy ví dụ về mức độ tàn phá của chiến tranh, của bom nguyên tử.

*** Tích hợp TTHCM:** Tư tưởng yêu nước độc lập dân tộc trong quan hệ với hoà bình thế giới

II. Chuẩn bị:

1.Giáo viên: SGK, SGV, TKBG, tranh ảnh, tư liệu về sự huỷ diệt của chiến tranh, video bài hát Trái đất này là của chúng mình, video phần trình diễn của Ghi-na, video vụ ném bom nguyên tử, video sự tàn phá của vũ khí hạt nhân.

2. Học sinh:

- Đọc soạn kỹ bài học SGK/ 17 -> 19
- Sưu tầm tranh ảnh về chiến tranh, tình hình chiến tranh thế giới hiện nay

III. Tiến trình tổ chức các hoạt động:

1.Khởi động:(5p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
-Cho hs xem video về phần trình diễn của Ghi-na -Yêu cầu hs trình bày cảm nhận của mình sau khi xem đoạn video trên ->Dẫn vào bài: Chiến tranh là đồng nghĩa với sự chết chóc, tang thương .Nó cướp đi bao ước mơ tốt đẹp của con người.Vậy mà trái đất –ngôi nhà chung của chúng ta đang bị đe dọa bởi nguy cơ của chiến tranh hạt nhân.Bài văn của Gác -Xi-a Mác-Két đã gióng lên một hồi chuông cảnh tỉnh nhân loại trước nguy cơ đang hiện hữu của cuộc chiến tranh hạt nhân thảm khốc.Chúng ta tìm hiểu một trích đoạn trong bản tham luận của Mác-Két “Đấu tranh cho một thế giới hoà bình”		

2. Hình thành kiến thức: (75p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
I/Tìm hiểu chung - Cho biết đôi nét về tác giả, tác phẩm? - Cho HS xem chân dung G. Mác-két - Hướng dẫn & đọc mẫu 1 đoạn văn bản: Hướng dẫn hs đọc rõ ràng, chính xác, làm nổi rõ từng luận điểm, luận cứ - Chỉ định HS đọc phần văn bản còn lại . - Nhận xét cách đọc của HS. - Chỉ định 1 HS đọc phần chú thích. - Thảo luận nhóm đôi (3p) 1/Văn bản thuộc kiểu loại nào?	- Cả lớp theo dõi, tìm những nét tiêu biểu về tác giả. - <i>Đây là đoạn trích từ bản tham luận của G. Mác-két đọc tại cuộc họp mặt của 6 nguyên thủ quốc gia bàn về việc chống chiến tranh hạt nhân, bảo vệ hoà bình.</i> 2-3 HS đọc tiếp cho hết phần văn bản & phần chú thích. Thảo luận nhóm đôi, cử đại diện lên trình bày	I/Tìm hiểu chung: 1.Tác giả - Tác giả: G.Mác-két (1928), nhà văn Cô-lôm-bi-a, từng được giải thưởng nô ben về văn học năm 1982. 2. Tác phẩm: trích từ bài tham luận của tác giả -Kiểu loại: Văn bản nhật dụng -Phương thức biểu đạt: Nghị luận - Hệ thống luận điểm, luận cứ : II/Phân tích:

2/Văn bản được viết theo phương thức nào là chính? Vì sao? 3/Bài viết có mấy luận điểm chính? Đó là những luận điểm nào? ->Yêu cầu các nhóm trình bày, nhận xét. ->Gv chốt ý II. Phân tích (phân tích luận cứ 1) *Thảo luận nhóm 3p, hoàn thành Phiếu HT1 1/ Để cho thấy tính hiện thực và khủng khiếp của nguy cơ chiến tranh hạt nhân, tác giả đã bắt đầu bài viết bằng việc xác định cụ thể điều gì? 2/ Để thấy rõ hơn sức tàn phá khủng khiếp của kho vũ khí hạt nhân, tác giả còn đưa ra những tính toán lí thuyết như thế nào? 3/Trong đoạn văn này, tác giả đã sử dụng phép lập luận nào? 4/ Đoạn văn có tác dụng gì? ->Gv yêu cầu các nhóm đại diện trình bày, nhận xét. ->Gv chốt ý *Tích hợp QPAN: GV cho hs quan sát đoạn video nói về vụ ném bom nguyên tử ở Nhật Bản (Quan sát luận cứ 2)	- Đọc đoạn văn đầu; thảo luận, trả lời các câu hỏi của GV - <i>Xác định cụ thể thời gian: “Hôm nay ngày 8-8-1986”; & đưa ra số liệu cụ thể đầu đạn hạt nhân với một phép tính đơn giản: “Nói nôm na ra...sự sống trên trái đất”.</i> - <i>Những tính toán lí thuyết: Kho vũ khí ấy: “Có thể tiêu diệt tất cả các hành tinh đang xoay quanh hệ mặt trời, cộng thêm 4 hành tinh nữa & phá huỷ thế thăng bằng của hệ mặt trời”.</i> - <i>Đoạn văn sử dụng phép lập luận chứng minh.</i> -Quan sát - Đọc lại đoạn văn :	1- Nguy cơ chiến tranh hạt nhân: Bằng cách vào đề trực tiếp & những luận cứ xác thực, đoạn văn đã thu hút người đọc & gây ấn tượng mạnh mẽ về tính chất hệ trọng, sức tàn phá khủng khiếp của chiến tranh hạt nhân. 2/ Cuộc chạy đua vũ trang đã làm mất đi khả năng đề

*Thảo luận nhóm 3p, hoàn thành phiếu HT 2 1/Đoạn văn đã sử dụng phương pháp nghị luận nào? 2/Để làm rõ luận cứ này, tác giả đã đưa ra những chứng cứ cụ thể nào? 3/Cuộc chạy đua vũ trang đã gây ra những thiệt hại gì cho thế giới? 4.Em có nhận xét gì về lập luận của tác giả trong đoạn văn này? ->Gv yêu cầu đại diện các nhóm trình bày, nhận xét ->Gv chốt ý Chuyển tiết 2 (phân tích luận cứ 3) -Vì sao nói: chiến tranh hạt nhân không những đi ngược lại lí trí con người mà còn đi ngược lại lí trí tự nhiên? -Em hiểu như thế nào về lí trí tự nhiên? - Để làm sáng tỏ luận cứ này, tác giả đã đưa ra những chứng cứ nào? - Em có suy nghĩ gì trước lời cảnh báo của nhà văn về nguy cơ huỷ diệt loài người & sự sống trên trái đất một khi chiến tranh hạt nhân nổ ra? - Tổng hợp ý kiến, rút ra nhận xét chung & ghi lên bảng.	<i>“Niềm an ủi duy nhất... cho toàn thế giới”.</i> <i>Phép lập luận chứng minh.</i> Thảo luận, tìm trong Sgk những dẫn chứng trên các lĩnh vực xã hội, y tế, giáo dục, tiếp tế thực phẩm... - <i>Cuộc chạy đua vũ trang, chuẩn bị cho chiến tranh hạt nhân đã và đang cướp đi của thế giới nhiều điều kiện để cải thiện cuộc sống của con người, nhất là các nước nghèo.</i> - <i>Lập luận đơn giản, đây sức thuyết phục.</i> - Đọc đoạn văn: ‘Tuy nhiên... vô ích’, trả lời các câu hỏi của GV: - Bởi vì nó không chỉ tiêu diệt nhân loại mà còn mọi sự sống trên trái đất. -Đó là qui luật logic tất yếu của tự nhiên. - Thảo luận, tìm ra dẫn chứng: “Từ khi mới nhen nhúm sự sống ... của nó » - Thảo luận nhóm, trình bày suy nghĩ...	con người được sống tốt đẹp hơn Để làm sáng tỏ luận cứ này, tác giả đã dùng phép lập luận chứng minh với những dẫn chứng & so sánh thật thuyết phục trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, xã hội... 3/ Chiến tranh hạt nhân chẳng những đi ngược lại lí trí con người mà còn phản ngược sự tiến hoá của tự nhiên. - Chiến tranh hạt nhân không những tiêu diệt con người mà còn tiêu huỷ mọi sự sống trên trái đất. - Sự sống trên trái đất là một quá trình tiến hoá lâu dài hàng triệu năm. Nếu chiến tranh hạt nhân nổ ra, nó sẽ đẩy lùi tất cả về điểm xuất phát ban đầu.

*Tích hợp QPAN: GV cho hs quan sát đoạn video nói về sự hủy diệt của vũ khí hạt nhân (phân tích luận cứ 4) - Sau khi đã chỉ ra một cách hết sức rõ ràng về hiểm họa hạt nhân đang đe dọa loài người & sự sống trên trái đất, tác giả không dẫn con người đi đến sự lo âu mang tính bi quan về vận mệnh nhân loại mà hướng tới một cách khác, đó là cách nào? - Tác giả đã dùng phép lập luận gì? - Tác giả đã có những dẫn chứng gì để chứng minh cho thái độ tích cực như đã nêu trên? - Để kết thúc lời kêu gọi của mình, tác giả có một đề nghị gì? Vì sao? *THTTHCM: Tư tưởng yêu nước độc lập dân tộc trong quan hệ với hoà bình thế giới (Trong kháng chiến chống Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam đã sáng lập ra Ủy ban Hòa bình Việt Nam nhằm góp phần vào sự nghiệp bảo vệ hòa bình của	-Quan sát Đọc phần văn bản còn lại. - Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV: - Đó là thái độ tích cực, đấu tranh ngăn chặn chiến tranh hạt nhân, cho một thế giới hoà bình. <i>-Phép lập luận chứng minh.</i> -Thảo luận, tìm ra những dẫn chứng: “Chúng ta đến đây...” - <i>Cần lập ra một nhà băng lưu trữ....</i> <i>Tác giả muốn nhấn mạnh: Nhân loại cần lưu giữ kí ức của mình, lịch sử sẽ lên án những thế lực hiếu chiến...</i>	4/ Nhiệm vụ đấu tranh ngăn chặn hạt nhân, cho một thế giới hoà bình. - Tác giả kêu gọi loài người phải có thái độ tích cực, đấu tranh ngăn chặn chiến tranh hạt nhân, cho một thế giới hoà bình. - Cần lập ra một nhà băng lưu trữ trí nhớ tồn tại được cả sau thảm họa hạt nhân.

Việt Nam và mở rộng quan hệ với phong trào hòa bình thế giới. Đây là một trong những tổ chức nhân dân đầu tiên của Việt Nam do đích thân Bác Hồ là Chủ tịch danh dự đầu tiên) III. Tổng kết *Thảo luận cặp đôi 3p, hoàn thành nội dung sau: 1/Nêu những đặc sắc nghệ thuật trong văn bản? 2/ Nêu nội dung của văn bản? Theo em, vì sao văn bản lại có tên là Đấu tranh....? 3/Vậy ý nghĩa của văn bản là gì? - GV chốt lại như ghi nhớ	Thảo luận nhóm đôi. HS trả lời.	III. Tổng kết: 1. Nghệ thuật: - Lập luận chặt chẽ, chứng cứ cụ thể, xác thực. - Sử dụng nghệ thuật so sánh số liệu giàu sức thuyết phục. 2. Nội dung: Ghi nhớ/Sgk 3. Ý nghĩa: VB thể hiện những suy nghĩ nghiêm túc đầy trách nhiệm của tác giả đối với hòa bình thế giới. Ghi nhớ sgk.

3. Luyện tập, vận dụng (5p)

Hoạt động của Gv	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
-Cho hs trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm: Câu1: Văn bản được viết theo thể loại nào? A- Tự sự B- Biểu cảm C- Thuyết minh D- nghị luận Câu 2: Mác-két đã lập luận như thế nào để người đọc hiểu rõ được nguy cơ chiến tranh hạt nhân? A- Xác định thời gian cụ thể. B- B- Đưa ra số liệu đầu đạn hạt nhân. C- Đưa ra những tính toán lí thuyết. D- Cả A, B, C đều đúng. - Tích hợp vấn đề bảo vệ môi trường và kĩ năng sống: Cho học sinh trình bày những suy nghĩ của bản thân, những tình huống cụ thể,	Trả lời cá nhân Trình bày	D D

những việc làm cụ thể vì một thế giới hòa bình.		

4Tìm tài, mở rộng (3p)

Hoạt động của Gv	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
-Giới thiệu cho hs một số hành động của thế giới nhằm bảo vệ thế giới hòa bình qua 1 số hiệp ước	Theo dõi	

*Hướng dẫn tự học (2P)

- Nắm nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản
- Em học tập được những gì về cách viết nghị luận từ bài học này?
- Suu tầm tranh ảnh, tư liệu về chiến tranh hạt nhân
- Soạn bài : Các phương châm hội thoại (TT):
- + Đọc nội dung bài học.
- + Trả lời các câu hỏi sau phần ngữ liệu
- + Suu tầm các câu thành ngữ, ca dao về 5 p/c hội thoại

VIDEO TÍCH HỢP QPAN

1/ Vụ ném bom nguyên tử ở Nhật Bản:

https://www.youtube.com/watch?v=MSn__Cmz0R4

2/ Điều gì xảy ra khi kích nổ 100 đầu đạn hạt nhân cùng lúc:

<https://vnexpress.net/tham-hoa-khi-100-dau-dan-hat-nhan-duoc-kich-no-cung-luc-3639155.htm>

TIẾT 8	CÁC PHƯƠNG CHÂM HỘI THOẠI (TT)	NS: 5/9/2023

I. Mục tiêu cần đạt:

1. Kiến thức:

- Hiểu được nội dung phương châm quan hệ, phương châm cách thức, phương châm lịch sự.
- Vận dụng phương châm quan hệ, phương châm cách thức, phương châm lịch sự trong hoạt động giao tiếp
- Nhận biết và phân tích được cách sử dụng phương châm quan hệ, phương châm cách thức, phương châm lịch sự trong một tình huống giao tiếp cụ thể.

2. Năng lực:

- **Năng lực chung:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác.
- **Năng lực chuyên biệt:** Năng lực ngôn ngữ

3. Phẩm chất:

- Yêu tiếng nói dân tộc
- Thể hiện tình cảm khi sử dụng phương châm quan hệ, phương châm cách thức phương châm lịch sự trong một tình huống giao tiếp cụ thể.

II. Chuẩn bị:

1. Giáo viên: SGK, SGV, TKBG, mẫu chuyện hội thoại vi phạm phương châm quan hệ, cách thức, lịch sự.

2. Học sinh: SGK, bài soạn, Sưu tầm các câu thành ngữ, ca dao về 5 p/c hội thoại

III. Tiến trình tổ chức các hoạt động:

1. Khởi động: (5p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Cho hs đọc phân vai: -GV trình chiếu câu chuyện vui: <i>Ai là người tìm ra Châu Mỹ</i> -GV: Theo em vì sao câu chuyện gây cười? => GV dẫn vào bài.	- HS phân vai đối thoại	

2. Hình thành kiến thức: (22 p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
I/Phương châm quan hệ - Trình chiếu câu thành ngữ & các câu hỏi, yêu cầu HS thảo luận đôi (3p)	- Đọc nội dung thông tin trên / máy chiếu, thảo luận & trả lời các câu hỏi:	I/ Phương châm quan hệ:

1/Thành ngữ: Ông nói gà, bà nói vịt. 2/ Thành ngữ này được dùng để chỉ tình huống hội thoại như thế nào? 3/ Thử tưởng tượng điều gì sẽ xảy ra nếu xuất hiện tình huống hội thoại như vậy? 4/ Qua đó có thể rút ra bài học gì trong giao tiếp? ->GV yêu cầu đại diện trình bày, nhận xét. ->Gv chốt II/Phương châm cách thức -Trình chiếu 2 câu thành ngữ: <i>dây cà ra dây muống; lúng búng như ngậm hột thị.</i>Yêu cầu thảo luận theo bàn (3p): 1/ Hai thành ngữ này dùng để chỉ cách nói như thế nào? 2/ Những cách nói đó ảnh hưởng đến giao tiếp ra sao? 3/ Qua đó có thể rút ra bài học gì trong giao tiếp? ->GV yêu cầu đại diện trình bày, nhận xét ->Gv chốt - Có thể hiểu câu sau theo mấy cách? <i>Tôi đồng ý với những nhận định về truyện ngắn của ông ấy.</i> -Hướng dẫn HS xác định cụm từ của ông ấy: bỏ nghĩa cho <i>nhận định</i>; hay cho <i>truyện ngắn</i>?	- <i>Tình huống hội thoại của 2 người không hiểu nhau, mỗi người nói một kiểu.</i> - <i>Cả người nói & người nghe đều không hiểu gì cả, vì cả 2 đều nói lạc đề, họ không giao tiếp được với nhau.</i> Đọc nội dung trên bảng phụ, thảo luận & trả lời các câu hỏi : - <i>Thành ngữ 1 dùng để chỉ cách nói dài dòng, rườm rà; thành ngữ 2 chỉ cách nói áp úng, không rành mạch.</i> - <i>Những cách nói đó làm cho người nghe khó tiếp nhận hoặc tiếp nhận không đúng nội dung truyền đạt, làm cho giao tiếp không đạt hiệu quả như mong muốn.</i> -<i>Nếu Ông ấy bỏ nghĩa cho nhận định thì được hiểu: Tôi đồng ý với nhận định của ông ấy về truyện ngắn.</i> - <i>Nếu bỏ nghĩa cho truyện ngắn: Tôi đồng ý với nhận định (của anh) về truyện ngắn của ông ấy.</i> -<i>Có thể chọn những cách nói:</i>	Khi giao tiếp, cần nói đúng vào đề tài cần giao tiếp, tránh nói lạc đề. II/ Phương châm cách thức: Khi giao tiếp, cần chú ý đến cách nói ngắn gọn rành mạch.

-Để người nghe không hiểu lầm, phải nói như thế nào? - Như vậy, trong giao tiếp, cần phải tuân thủ điều gì? III/Phương châm lịch sự -Hướng dẫn HS đọc truyện <i>Người ăn xin</i> & trả lời các câu hỏi: -Vì sao ông lão ăn xin & cậu bé đều cảm thấy mình nhận được từ người kia một cái gì đó? - Nếu em là cậu bé trong truyện, em sẽ xử sự như thế nào trong hoàn cảnh ấy? <i>Đối với một người ở vào hoàn cảnh nào đó(già cả, đôi mắt đỏ hoe, nước mắt giàn giụa, đôi môi tái nhợt, áo quần tả tơi) , cậu bé không hề tỏ ra khinh miệt, xa lánh, mà vẫn có thái độ & lời nói hết sức chân thành, thể hiện sự tôn trọng & quan tâm đến người khác.</i> - Qua câu chuyện trên, em rút ra bài học gì trong giao tiếp? - Hãy tìm 1 số câu tục ngữ, ca dao... thuộc phương châm này. <i>*Qua các tình huống đã học, các em cần phải rút ra những bài học thiết thực về cách giao tiếp đúng phương châm hội thoại.</i>	<i>Tôi đồng ý với những nhận định về truyện ngắn mà ông ấy sáng tác; Tôi đồng ý với những nhận định của bạn về truyện ngắn của ông ấy...</i> Đọc truyện, trả lời các câu hỏi : - <i>Vì tuy cả hai đều không có tiền bạc, của cải gì, nhưng họ đã cảm nhận được tình cảm của nhau. Đặc biệt là tình cảm của cậu bé đối với ông lão ăn xin.</i> - Nêu cách xử sự của bản thân. - Phát biểu, rút ra bài học cho bản thân. - Thảo luận, tìm 1 số câu tục ngữ, ca dao... thuộc phương châm này: Ví dụ: - Chim khôn kêu tiếng rảnh rang Người khôn nói tiếng dịu dàng dễ nghe. - Vàng thì thử lửa thử than Chim khôn thử tiếng người ngoan thử lời...	III/ Phương châm lịch sự: - Khi giao tiếp, cần tế nhị và tôn trọng người khác.

3. Luyện tập: (10P)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Bài tập 1/ GV hướng dẫn HS làm bài tập Bài tập 2/ -GV cho hs trả lời nhanh Bài tập 3/ Cho hs tham gia trò chơi: Ai nhanh ai giỏi: -Thời gian 3p, 3 bạn làm nhanh nhất, nộp sớm nhất, sẽ được chấm bài lấy điểm cộng Bài tập 4/ Hs làm việc cá nhân, ghi điểm miệng Bài tập 5/ Cho hs thảo luận theo bàn 3p ->Gọi đại diện trình bày, nhận xét ->Gv chốt	- HS đọc BT 1, HS làm theo cá nhân, phát biểu trước lớp - Làm việc cá nhân -Tham gia trò chơi -Làm việc cá nhân -Thảo luận, trình bày, nhận xét	Bài tập 1: -Những câu tục ngữ, ca dao đó khẳng định vai trò của ngôn ngữ đời sống & khuyên ta khi giao tiếp, nên dùng những lời lẽ lịch sự, nhã nhặn. - Một số câu tương tự: Chim khôn kêu tiếng... dễ nghe; Vàng thì thử lửa thử than, chim kêu thử tiếng người ngoan thử lời... Bài tập 2: Phép tu từ từ vựng có liên quan trực tiếp đến phương châm lịch sự là nói giảm nói tránh. Ví dụ: Bác đã đi rồi sao Bác ơi! (Tố Hữu) Bài tập 3 Điền từ vào chỗ chấm: a- Nói mát, b- Nói hót; c- Nói móc; d- Nói leo; e- Nói ra đầu ra đuôi. Bài tập 4: a/ Người nói không muốn vi phạm phương châm quan hệ. b/ Tuân thủ phương châm lịch sự. c /Báo cho người đối thoại biết là hãy chấm dứt sự vi phạm phương châm lịch sự. Bài tập 5: - 1, 2, 3, 5, 7: Phương châm lịch sự. - 4 : PC cách thức. - 6 : PC quan hệ.

4: Vận dụng (3p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
- Cùng cố lại nội dung các phương châm	Trả lời câu hỏi	D

Câu 1: Câu ca dao: Ai ơi chớ vội cười nhau Ngẫm mình cho tỏ trước sau hãy cười Phù hợp với phương châm hội thoại nào? A- Phương châm về lượng. B- Phương châm về chất. C- Phương châm quan hệ D-Phương châm lịch sự Câu 2: Các nhân vật trong truyện cười sau đã không tuân thủ phương châm hội thoại nào? MẮT TINH, TAI TINH. Có hai bạn gặp nhau, một anh nói: -Mắt tớ tinh không ai bằng! Kìa! Một con kiến đang bò ở cành cây trên đỉnh núi trước mặt, tớ trông rõ mồn một từ sợi râu cho đến bước chân của nó. Anh kia nói: -Thế cũng chưa tinh bằng tớ, tớ còn nghe thấy sợi râu của nó ngoáy trong không khí kêu vù vù và chân nó bước kêu sột soạt. (Truyện cười dân gian Việt Nam). A-Phương châm về lượng. B- Phương châm về chất. C-Phương châm quan hệ. D- Phương châm cách thức		A

****Hướng dẫn tự học (3p)***

- Tìm một số vd không tuân thủ các phương châm hội thoại đã học.
- Vẽ sơ đồ tư duy khái quát các phương châm hội thoại



- Soạn bài: Sử dụng yếu tố miêu tả trong văn thuyết minh

- + Đọc văn bản “Cây chuối Việt Nam” và trả lời câu hỏi:
- + Nhan đề của văn bản có ý nghĩa gì?
- + Xác định những câu văn thuyết minh về cây chuối
- + Xác định những câu văn miêu tả cây chuối
- + Theo yêu cầu chung của văn bản thuyết minh, có thể thêm, bớt những gì?
- + Hãy kể thêm những công dụng của cây chuối?

TIẾT 9	SỬ DỤNG YẾU TỐ MIÊU TẢ TRONG VĂN BẢN THUYẾT MINH	NS: 5/9/2023

I. Mục tiêu cần đạt: Giúp học sinh:

1. Kiến thức:

- Tác dụng của yếu tố miêu tả trong văn thuyết minh: làm đối tượng thuyết minh hiện lên cụ thể, gần gũi, dễ cảm nhận hoặc nổi bật, gây ấn tượng.
- Vai trò của miêu tả trong văn thuyết minh: phụ trợ cho việc giới thiệu nhằm gợi lên hình ảnh cụ thể của đối tượng cần thuyết minh.

2. Năng lực:

- **Năng lực chung:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực nhận thức, tư duy logic
- **Năng lực chuyên biệt:** phân tích yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh; cảm nhận được cái hay trong việc sử dụng yếu tố miêu tả trong văn bản thuyet minh.

3. Phẩm chất:

- Yêu văn học dân tộc

II. Chuẩn bị:

1. **Giáo viên:** SGK, SGV, tranh ảnh về cây chuối, về các trò chơi dân gian như múa lân

2. **Học sinh:** Đọc kỹ SGK, soạn bài

Sưu tầm tư liệu, tranh ảnh về cây chuối, múa lân

III. Tiến trình tổ chức các hoạt động:

*HD1. Khởi động: (3p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
-Gv nêu vấn đề: Có phải một văn bản chỉ được sử dụng duy nhất một phương thức biểu đạt không? ->Văn bản thuyết minh cũng không ngoại lệ. Khi trình bày các đối tượng cụ thể trong đời sống như: các loài cây, các danh lam thắng cảnh ..., bên cạnh thuyết minh rõ ràng, chính xác đặc điểm của đối tượng thuyết minh thì người viết cũng cần vận dụng yếu tố khác để đối tượng thuyết minh hiện lên gần gũi, dễ cảm hơn. Đó là yếu tố gì? Vì sao phải vận dụng nó trong văn bản t/m? Bài học hôm nay sẽ giúp các em hiểu	không phải, một văn bản thường rất ít khi chỉ sử dụng một phương thức biểu đạt mà nó có sự đan xen, kết hợp với các phương thức khác, như lớp 8 em được học văn bản tự sự có kết hợp yếu tố biểu cảm, thuyết minh, nghị luận, miêu tả.	

2. Hình thành kiến thức. (22p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt

-Yêu cầu HS thay nhau đọc cho hết bài Cây chuối trong đời sống Việt Nam. *Thảo luận nhóm 7p, hoàn thành Phiếu HT (N1,2: câu 1,2,3; N3,4: câu 4,5,6) 1/ Giải thích nhan đề bài văn. 2/ Tìm những câu trong bài thuyết minh đặc điểm cây chuối? 3/ Chỉ ra những câu văn có yếu tố miêu tả về cây chuối và cho biết tác dụng của yếu tố miêu tả đó? 4/ Theo yêu cầu chung của văn bản, bài này có thể bổ sung những gì? 5/ Em hãy cho biết thêm công dụng của thân chuối, lá chuối, nõn chuối, bắp chuối? 6/ Vậy để cho văn bản thuyết minh được sinh động, người ta thường sử dụng thêm yếu tố miêu tả, làm cho đối tượng nổi bật gây ấn tượng. - Yêu cầu HS đọc phần ghi nhớ sgk.	- Đọc văn bản sgk; thảo luận & trả lời các câu hỏi của giáo viên. - <i>Đề bài văn nói về cây chuối trong đời sống của người dân Việt Nam.</i> - <i>Những câu nói về đặc điểm tiêu biểu của cây chuối: “Đi khắp VN... núi rừng”; Cây chuối ưa nước... vô tận”; “ Có một loại chuối... trụng cuốc”.</i> - <i>Những câu có yếu tố miêu tả: “ Đi khắp ... núi rừng”; Có một loại... trụng cuốc”;</i> <i>“Chuối xanh...”</i> <i>Các yếu tố miêu tả trên càng giúp cho cây chuối càng thêm nổi bật, gây ấn tượng hơn.</i> - <i>Theo yêu cầu chung, ta có thể thuyết minh thêm công dụng của thân chuối, bắp chuối...</i> - <i>Công dụng khác: Thân chuối làm thức ăn cho lợn, lá chuối để gói các loại bánh nếp, bắp chuối dùng để chế biến các món trộn rất ngon...</i> - 2 HS đọc phần ghi nhớ sgk.	I/ Tìm hiểu yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh: - Để thuyết minh cho cụ thể, sinh động, gây ấn tượng, bài thuyết minh có thể kết hợp sử dụng yếu tố miêu tả. - Yếu tố miêu tả có tác dụng làm cho đối tượng thuyết minh được nổi bật, gây ấn tượng.

HD 3: Luyện tập. (15p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Bài tập 1: Bổ sung thêm yếu tố miêu tả, để thuyết minh các đặc điểm của cây chuối Phân nhóm, thảo luận nhóm 7p và ghi ra giấy đoạn văn t/m đặc điểm của cây chuối về các nội dung trên. Tổ 1:T/m về thân chuối. Tổ 2:T/m về lá chuối. Tổ 3:T/m nõi chuối. Tổ 4:T/m hoa chuối. ->Gv yêu cầu các nhóm trình bày, nhận xét ->Gv chốt ý	Thảo luận, trình bày, nhận xét	Bài 1: - <i>Thân chuối có hình tròn & dáng thẳng đứng như một cây cột . Thân hình nhẵn bóng của nó được bao bọc bởi nhiều lớp áo xanh,nâu ẩm áp.</i> - Lá chuối có màu sắc như thế nào? Công dụng khi lá còn non, khi lá đã già, lá chuối khô? <i>Lá chuối tươi có màu xanh & mềm mại đang ra vậy gió như những chiếc quạt khổng lồ. Khi lá còn non, người ta dùng nó để vắn thuốc lá hoặc gói cơm mang ra đồng. Lúc lá chuối già màu xanh sậm hơn, chúng lại trở thành một thứ rất công dụng cho việc gói các loại bánh nếp như bánh tét, bánh rỏ, bánh ít...</i> Tương tự, HS tiếp tục thuyết minh các bộ phận khác của cây chuối: nõi chuối, bắp chuối Bài 2: “Tách là loại... có tai”; “Khi mời... mà mời”; “Có uống cũng... rất nóng”; “ cái chén còn... dễ sạch”.
Bài tập 2: - Yêu cầu HS đọc đoạn văn sgk, tìm các yếu tố miêu tả có trong đoạn văn	Làm việc cá nhân	

4. Vận dụng (3p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Câu 1: Những biện pháp nghệ thuật nào dùng để thuyết minh về cây chuối ở đoạn 1? A- Liệt kê & so sánh. B- Liệt kê & nhân hoá. C- Nói quá & hoán dụ D- Nhân hoá & so sánh	Trả lời cá nhân	

Câu 2: Đoạn văn sau đây được viết theo phương thức miêu tả kết hợp với nhân hoá, đúng hay sai? ...Múa lân rất sôi động với các động tác khoẻ khoắn, bài bản: Lân chào ra mắt, Lân chúc phúc, leo cột...Bên cạnh đó còn có ông địa vui nhộn chạy quanh. Thông thường, múa Lân còn kèm theo biểu diễn võ thuật. A- Đúng Sai. B-		

***Hướng dẫn tự học (2p)**

- HS về học bài, làm BT3.
- Tập viết đoạn văn thuyết minh cây chuối (có miêu tả)
- Học thuộc phần ghi nhớ sgk.
- Chuẩn bị cho tiết học đến: Lập dàn ý cho đề văn thuyết minh

“Con trâu ở làng quê Việt Nam”

Mỗi nhóm chuẩn bị một nội dung sau đây:

- + Nhóm 1: Trâu- tài sản của người nông dân.
- + Nhóm 2: Hình ảnh con trâu sớm hôm gắn bó với người nông dân.
- + Nhóm 3: Con trâu trong một số lễ hội.
- + Nhóm 4: Con trâu với tuổi thơ ở nông thôn- việc chăn nuôi trâu.

TIẾT 10	LUYỆN TẬP SỬ DỤNG YẾU TỐ MIÊU TẢ TRONG VĂN BẢN THUYẾT MINH	NS: 6/9/2023

I. Mục tiêu cần đạt:

1. Kiến thức:

- Những yếu tố miêu tả trong bài văn thuyết minh.
- Vai trò của yếu tố miêu tả trong bài văn thuyết minh.

2. Năng lực:

- **Năng lực chung:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực nhận thức, tư duy logic
- **Năng lực chuyên biệt:** phân tích yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh; cảm nhận được cái hay trong việc sử dụng yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh.

3. Phẩm chất:

- Yêu văn học dân tộc

*Tích hợp: Với quá trình tạo lập văn bản.

II. Chuẩn bị:

- HS chuẩn bị phần I/28 +29
- GV hướng dẫn HS chuẩn bị

III. Tiến trình tổ chức các hoạt động:

1. Khởi động (2p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
GV Giới thiệu bài: Ở tiết trước, chúng ta đã đi vào tìm hiểu phương pháp thuyết minh kết hợp với miêu tả & đã thấy được tác dụng của phương pháp này. Bây giờ, chúng ta cùng đi vào thực hành luyện tập để phát huy tác dụng của chúng	Lắng nghe	

2. Hình thành kiến thức: (23 p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
I/Củng cố kiến thức -Nhắc lại vai trò và tác dụng của yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh? ->Gv nhận xét, chốt ý	- Miêu tả có thể làm cho sự vật, hiện tượng, con người hiện lên cụ thể, sinh động. - Có thể sử dụng các câu miêu tả, đoạn văn miêu tả trong bài văn thuyết minh để giới thiệu đặc điểm từng bộ phận hoặc những điểm riêng độc đáo của đối tượng cần thuyết minh.	I. Củng cố kiến thức:

II/Tìm hiểu đề, tìm ý, lập dàn ý: - GV chép đề bài lên bảng: “Con trâu ở làng quê Việt Nam”. - Giải thích đề bài và cho biết đề yêu cầu trình bày vấn đề gì? - Mở bài cần giới thiệu vấn đề gì? *Thảo luận nhóm 5p 1/Phần thân bài cần thuyết minh những ý gì về con trâu ở làng quê Việt Nam? 2/Kết thúc bài cần nêu ý gì? Cần miêu tả hình ảnh gì? ->GV yêu cầu các nhóm trình bày, nhận xét ->Gv nhận xét, chốt dàn ý	- Các yếu tố miêu tả trong bài văn thuyết minh phải cung cấp những thông tin chính xác, những đặc điểm, lợi ích của đối tượng. Thuyết minh một đối tượng: con trâu -Giới thiệu chung về con trâu ở làng quê Việt Nam -Thảo luận, trình bày, nhận xét	II. Tìm hiểu đề, tìm ý, lập dàn ý a) <u>Mở bài</u>: Giới thiệu chung về con trâu trên đồng ruộng VN. b) <u>Thân bài</u>: + Nguồn gốc xuất xứ, chủng loại + Đặc điểm cấu tạo, quá trình sinh trưởng + Giá trị sử dụng: - Con trâu trong nghề làm ruộng: là sức kéo để cày, bừa, kéo xe, trục lúa, ... - Con trâu trong lễ hội, đình đám. - Con trâu - nguồn cung cấp thịt, da để thuộc, sừng trâu dùng làm đồ mỹ nghệ. - Con trâu là tài sản lớn của người nông dân VN. - Con trâu và trẻ chăn trâu, việc chăn nuôi trâu. c) <u>Kết bài</u>: Con trâu trong tình cảm của người nông dân

3. Luyện tập, vận dụng (18p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Chia nhóm thảo luận, phân công nhiệm vụ mỗi nhóm viết 1 đoạn văn 10p N1,2: Viết đoạn mở bài, kết bài N3: Nguồn gốc, chủng loại N4: Đặc điểm cấu tạo N5: Con trâu trên đồng ruộng	Thực hiện	<i>* Đoạn mở bài.</i> - Ở Việt Nam đến bất kì miền quê nào đều thấy hình bóng con trâu trên đồng ruộng. - Có thể nêu câu tục ngữ “Con trâu là đầu cơ nghiệp” hoặc ca dao “Trâu ơi,...trâu này”.... - Bắt đầu bằng cảnh trẻ em chăn trâu, cho trâu tắm, trâu ăn cỏ.

N6: Con trâu trong các lễ hội N7: Con trâu trong việc cung cấp thực phẩm, hàng mỹ nghệ. N8: tình cảm, sự gắn bó của con người ->GV yêu cầu các nhóm đọc, nhận xét -> Gv nhận xét		Từ đó dẫn ra vị trí của con trâu trong đời sống nông thôn VN. <i>* Một đoạn trong thân bài.</i> Ví dụ 1: Đoạn trâu kéo cày: Trâu nuôi chủ yếu để kéo cày. Trâu có sức khỏe tốt, cày giỏi. Trên cánh đồng, trâu kéo từng đường cày thẳng tắp giúp người nông dân gieo trồng. Mỗi ngày trâu có thể cày trung bình từ ba đến năm sào ruộng. Ví dụ 2: Đoạn con trâu với tuổi thơ: Không có ai sinh ra và lớn lên ở các làng quê Việt Nam mà lại không có tuổi thơ gắn bó với con trâu. Thuở nhỏ, đưa cơm cho cha đi cày, mãi mê ngắm nhìn con trâu được thả lỏng đang say sưa gặm cỏ một cách ngon lành. Lớn lên một chút, nghịch ngợm cưỡi trên lưng trâu trong những buổi chiều đi chăn thả trở về. Cưỡi trâu ra đồng, cưỡi trâu lội xuống sông, cưỡi trâu thong dong và cưỡi trâu phi nước đại... Thú vị biết bao! Con trâu hiền lành, ngoan ngoãn đã để lại trong kí ức tuổi thơ của mỗi người bao nhiêu kỉ niệm ngọt ngào. <i>Đoạn kết bài.</i> Ví dụ: Con trâu mãi là bạn của những người nông dân Việt Nam. Chắc chắn nghề chăn nuôi trâu sẽ ngày càng phát triển. Dù đi đến đâu trên mọi miền đất nước, ta cũng sẽ bắt gặp hình ảnh những chú trâu ung dung gặm cỏ trên đồng ruộng, những chú mục đồng vắt vẻo trên lưng trâu, tiếng sáo diều cất lên cao vút...

***Hướng dẫn tự học (2 p)**

- Tìm các câu văn có yếu tố miêu tả trong bài đọc thêm Dừa sáp. (sgk/30)
- Chọn 1 đề văn thuyết minh để luyện tập tìm ý, lập dàn ý.

- Viết đoạn văn thuyết minh có sử dụng yếu tố miêu tả.
- Chuẩn bị cho tiết học sau: Chuyện người con gái Nam Xương:
 - + Đọc kĩ văn bản
 - + Trả lời các câu hỏi phân đọc hiểu
 - + Tìm thêm tư liệu về tác giả, tác phẩm

TUẦN 3
TIẾT 11, 12: TUYÊN BỐ THẾ GIỚI VỀ QUYỀN SỐNG CÒN, QUYỀN ĐƯỢC BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ EM.
TIẾT 13: CÁC PHƯƠNG CHÂM HỘI THOẠI (TT)
TIẾT 14,15: CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG

TIẾT 11,12	TUYÊN BỐ THẾ GIỚI VỀ SỰ SỐNG CÒN, QUYỀN ĐƯỢC BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ EM.	NS: 13/9/2023

I. Mục tiêu cần đạt: Giúp học sinh:

1. Kiến thức:

- Thực trạng cuộc sống của trẻ em trên thế giới hiện nay, những thách thức, cơ hội và nhiệm vụ của chúng ta.
- Những thể hiện của quan điểm về vấn đề quyền sống, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em ở Việt Nam.

2. Năng lực:

- **Năng lực chung:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực nhận thức, tư duy logic
- **Năng lực chuyên biệt:** đọc và phân tích tác phẩm.

3. Phẩm chất:

- Yêu văn học dân tộc, ý thức được quyền và nghĩa vụ của trẻ em.
- *Tích hợp: Giáo dục kĩ năng sống cho các em: Thể hiện sự cảm thông chia sẻ với những trẻ em bất hạnh, trách nhiệm của bản thân.

II. Chuẩn bị:

1. Giáo viên: Sgk, sgv, TKBG, phiếu học tập

- Sưu tầm những bài viết có liên quan đến quyền trẻ em
- Sưu tầm những tranh ảnh có liên quan đến nội dung bài học.

2. Học sinh: Soạn bài, tìm hiểu về vấn đề trẻ em hiện nay

III. Tiến trình tổ chức các hoạt động

1. Khởi động (3p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
-Em hãy đọc một câu thơ nào đó viết về trẻ em? -> Trẻ em Việt Nam cũng như trẻ em trên thế giới hiện nay đang đứng trước những nhiệm vụ to lớn về sự chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, nhưng đồng thời cũng	-Đọc	

đang gặp những thách thức, những cản trở không nhỏ ảnh hưởng xấu đến tương lai phát triển của các em. Một phần bản tuyên bố thế giới về sự sống còn, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em tại hội nghị cấp cao thế giới họp tại Liên Hợp Quốc (Mỹ) năm 1990 đã nói lên tầm quan trọng của vấn đề này. Hôm nay chúng ta sẽ cùng đi vào tìm hiểu.		

2. Hình thành kiến thức: (72 p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
I/Tìm hiểu chung - Tác phẩm thuộc kiểu văn bản nào? - Giới thiệu xuất xứ của bản tuyên bố. - Gọi một vài điểm chính của bối cảnh thế giới mấy chục năm của thế kỷ XX.	Văn bản nhật dụng. - Xuất xứ: <i>Trích tuyên bố của hội nghị cấp cao thế giới về trẻ em, họp tại trụ sở Liên Hiệp quốc ở Niu Ooc, ngày 30/9/1990.</i> - <i>Bối cảnh thế giới liên quan đến vấn đề chăm sóc và bảo vệ trẻ em:</i> + <i>Khoa học, kỹ thuật phát triển, kinh tế tăng trưởng, tính cộng đồng và hợp tác giữa các quốc gia trên thế giới được củng cố, mở rộng.</i> + <i>Song bên cạnh đó cũng có không ít khó khăn, nhiều vấn đề cấp bách đang đặt ra: Sự phân hoá rõ rệt về mức sống giữa các nước, giữa người giàu và người nghèo trong một nước; tình trạng chiến tranh và bạo lực ở nhiều nơi trên thế giới; trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt</i>	I. Tìm hiểu chung: 1. Xuất xứ: <i>Trích tuyên bố của hội nghị cấp cao thế giới về trẻ em, họp tại trụ sở Liên Hiệp quốc ở Niu Ooc, ngày 30/9/1990.</i>

- Hướng dẫn đọc. - GV đọc một đoạn. Gọi hs đọc, nhận xét. *Thảo luận cặp đôi (3p): Tìm bố cục văn bản. Ý chính của mỗi phần? -Yêu cầu đại diện trả lời, nhận xét - Gv nhận xét . II. Phân tích *Thảo luận nhóm (3p), hoàn thành phiếu HT1 1/ Trong 2 đoạn văn đầu, tác giả đã khẳng định như thế nào về các quyền của trẻ em? Ông đã kêu gọi điều gì? 2/ Vậy 2 mục này làm nhiệm vụ gì? 3/ Em có nhận xét gì về lời văn mở đầu? ->Gọi đại diện trình bày	<i>khó khăn, bị tàn tật, bị bóc lột và thất học có nguy cơ ngày càng nhiều.</i> - HS lần lượt đọc cả văn bản. Thảo luận nhóm đôi - Có thể chia thành 4 phần: <i>Phần mở đầu:</i> khẳng định quyền được sống, quyền được phát triển của mọi trẻ em trên thế giới và kêu gọi khẩn thiết toàn nhân loại hãy quan tâm đến vấn đề này. <i>Sự thách thức:</i> Nêu lên những thực tế, những con số về cuộc sống khổ cực trên nhiều mặt, về tình trạng bị rơi vào hiểm họa của nhiều trẻ em trên thế giới hiện nay. <i>Cơ hội:</i> Khẳng định những điều kiện thuận lợi cơ bản để cộng đồng quốc tế có thể đẩy mạnh việc chăm sóc, bảo vệ trẻ em. <i>Nhiệm vụ:</i> Xác định những nhiệm vụ cụ thể mà từng quốc gia và cả cộng đồng quốc tế cần làm vì sự sống còn, phát triển của trẻ em. - Đọc thầm đoạn văn đầu thảo luận & trả lời: <i>Tác giả khẳng định: “ Tuổi chúng phải được...kinh nghiệm mới”; đồng thời, ông kêu gọi: “ Hãy đảm bảo cho tất cả trẻ em một tương lai tốt đẹp hơn”</i>	2. Bố cục: 4 phần. II. Phân tích: 1. Phần mở đầu: Lời kêu gọi và khẳng định. -> Nêu vấn đề gọn, rõ, có tính chất khẳng định.

->Gv nhận xét, chốt <i>Bài tập: Việc nhấn mạnh nhiều lần từ phải trong 2 đoạn văn trên có tác dụng gì?</i> a- Nhấn mạnh những việc người lớn cần làm cho trẻ em. b- Nhấn mạnh những việc mà trẻ em cần làm. c- Nhấn mạnh những quyền mà trẻ em được hưởng. d- Nhấn mạnh những điều trẻ em cần tránh. TIẾT 2 - Cho HS đọc lại đoạn <i>thách thức</i> & chú thích các từ khó có trong đoạn rồi kết hợp giảng thêm. <i>*Tuy ngắn gọn nhưng bản Tuyên bố đã nêu lên được khá đầy đủ, cụ thể tình trạng bị rơi vào hiểm họa, cuộc sống khổ cực nhiều mặt của trẻ em trên thế giới hiện nay.</i> *Thảo luận nhóm (3p), hàn thành phiếu HT2: 1/Bản tuyên bố đã nêu lên tình trạng thực tế của trẻ em trên TG hiện nay ra sao? 2/ Nhận xét về cách lập luận trong đoạn?	-Học sinh suy nghĩ, trả lời. - Thảo luận, tìm ra những thách thức của trẻ em trên thế giới hiện nay, cử đại diện nhóm lên trình bày. <i>Bị trở thành nạn nhân của chiến tranh & bạo lực, của sự phân biệt chủng tộc, sự xâm lược, chiếm đóng & thôn tính của nước ngoài.</i> <i>Chịu những thảm họa của đói nghèo, khủng hoảng kinh tế, của tình trạng vô gia cư, dịch bệnh, mù chữ, môi trường xuống cấp.</i> <i>Mỗi ngày có tới 40000 trẻ em chết vì suy dinh dưỡng, bệnh tật.</i> -Các điều kiện thuận lợi: <i>Sự liên kết lại của các quốc gia cùng ý thức cao thuộc cộng đồng quốc tế trên lĩnh vực này.</i> <i>Đã có công ước về quyền trẻ</i>	2. Sự thách thức: - Trở thành nạn nhân. - Hứng chịu những thảm họa. - Nhiều trẻ em chết mỗi ngày. -> Lập luận ngắn gọn, chặt chẽ. 3. Cơ hội: - Có sự liên kết của các quốc gia, của cộng đồng quốc tế & đã có

-Mục 3 làm nhiệm vụ gì? -Yêu cầu HS đọc & tóm tắt các điều kiện thuận lợi cơ bản để cộng đồng quốc tế hiện nay có thể đẩy mạnh việc bảo vệ, chăm sóc trẻ em? - Cho biết suy nghĩ của em về điều kiện đất nước ta hiện nay? - Nhà nước ta đã có những quan tâm gì đối với trẻ em? -Nhận xét về cách lập luận trong đoạn? GV chuyển ý sang phần tiếp theo. *Thảo luận cặp đôi (3p): Trên cơ sở những thách thức và cơ hội đã nêu ra ở trên, bản tuyên bố đã nêu ra những nhiệm vụ gì? ->Gọi đại diện trình bày ->Gv nhận xét, chuẩn hóa kiến thức - Em có nhận xét gì về cách sắp xếp các nhiệm vụ ấy? Về cách diễn đạt?	<i>em làm cơ sở, tạo ra một cơ hội mới.</i> <i>Sự hợp tác & đoàn kết quốc tế này càng có hiệu quả cụ thể trên nhiều lĩnh vực. Phong trào giải trừ quân bị được đẩy mạnh, tạo điều kiện cho một số tài nguyên lớn có thể chuyển sang phục vụ các mục tiêu kinh tế, tăng cường phúc lợi xã hội.</i> - Suy nghĩ, trả lời... <i>Chương trình tiêm chủng cho trẻ em, cấp thẻ BHYT cho trẻ em, các chương trình chăm sóc sức khỏe và giáo dục, sinh hoạt cho các em được phát triển rộng khắp.</i> Học sinh quan sát đoạn văn, trả lời. (Bảng phụ.) Tăng cường sức khỏe, dinh dưỡng. Quan tâm đến trẻ em tàn tật, có hoàn cảnh khó khăn, tăng cường vai trò phụ nữ, quyền bình đẳng giới. Đảm bảo cho trẻ em học hết bậc THCS. Quan tâm đến gia đình, kế hoạch hóa. Khôi phục tăng trưởng kinh tế... Thảo luận, trình bày <i>Văn bản nêu lên nhận thức đúng đắn và hành động phải làm vì quyền sống, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em.</i>	công ước về quyền trẻ em. - Sự hợp tác & đoàn kết quốc tế ngày càng có hiệu quả. -> Giải thích, chứng minh. 4. Nhiệm vụ: - Chăm sóc sức khỏe. - Phát triển giáo dục. - Bình đẳng nam nữ. - Củng cố gia đình. - Xây dựng môi trường. - Tham gia sinh hoạt xã hội... *Các nhiệm vụ nêu ra cụ thể, toàn diện, cấp thiết, hợp lí dựa trên điều kiện thực tế.

- Nêu những thành công về mặt nghệ thuật của văn bản? - Văn bản nêu lên vấn đề gì? - Cho biết ý nghĩa của văn bản?	-Trình bày	Lời văn dứt khoát, mạch lạc, rõ ràng III. Tổng kết: 1. Nghệ thuật: Có 4 phần trình bày rõ ràng, hợp lí, kết cấu chặt chẽ. Nêu số liệu, phân tích khoa học. 2.Nội dung: Sgk 3. Ý nghĩa: Nhận thức đúng đắn và hành động phải làm vì quyền sống, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em.

3. Luyện tập (5p)

Hoạt động của Gv	Hoạt động của Hs	Nội dung cần đạt
*Trò chơi: Ai nhanh, ai giỏi -Thi vẽ sơ đồ tư duy khái quát nội dung bài học	Tham gia trò chơi	

4. Vận dụng (7p)

Hoạt động của Gv	Hoạt động của Hs	Nội dung cần đạt

1. <i>Phát biểu ý kiến về sự quan tâm chăm sóc của Đảng, Nhà nước của các tổ chức xã hội đối với trẻ em hiện nay?</i> - GV gợi ý: Quan tâm sâu sắc, có nhiều việc làm cụ thể, nhiều ưu tiên dành cho trẻ em. 2. <i>Nêu những liên hệ bản thân, những suy nghĩ của em khi được sự chăm sóc và giáo dục của gia đình nhà trường và xã hội?</i>	Trình bày	

***Hướng dẫn tự học (3p)**

- Tìm hiểu thực tế công việc chăm sóc, bảo vệ trẻ em ở địa phương.
- Suy tầm tranh ảnh, bài viết, sự quan tâm của Đảng, nhà nước về trẻ em
- Chuẩn bị bài: Các phương châm hội thoại (tt)
- + Chuẩn bị cho tiết học đến: trả lời các câu hỏi trong bài
- + HS khá giỏi làm thêm yêu cầu mục luyện tập
- + Tìm một số câu ca dao, tục ngữ, thơ liên quan đến phương châm hội thoại đã học

TIẾT 13	CÁC PHƯƠNG CHÂM HỘI THOẠI (TT)	NS: 14/9/2023

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức:

- Mối quan hệ giữa phương châm hội thoại với tình huống giao tiếp.
- Những trường hợp không tuân thủ hội thoại

2. Năng lực:

- **Năng lực chung** : Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực nhận thức, tư duy logic
- **Năng lực chuyên biệt**: Hiểu được quan hệ giữa các PCHT với tình huống giao tiếp; những tình huống không tuân thủ PCHT.

3. Phẩm chất: Giáo dục học sinh có thái độ lịch sự trong giao tiếp.

II. CHUẨN BỊ:

- GV: - SGK, SGV, TKBG
- Các mẫu ví dụ về một số trường hợp không tuân thủ các phương châm hội thoại
- HS: Sgk, Đọc và soạn bài. Tìm một số câu ca dao, tục ngữ, thơ liên quan đến phương châm hội thoại đã học

III. TIẾN TRÌNH

1. Khởi động (3p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt

-Có khi nào người nói không tuân thủ phương châm hội thoại nào đó lại là một sự giao tiếp thành công không? -Vậy, vì sao khi thì cần phải tuân thủ phương châm hội thoại, khi lại không nhất thiết phải tuân thủ, hoặc có khi lại ưu tiên cho phương châm hội thoại này hơn phương châm hội thoại khác...Bài học hôm nay sẽ làm rõ vấn đề này.	Suy nghĩ -trả lời có nêu VD minh hoạ	

2. Hình thành kiến thức (21p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Hướng dẫn HS đọc truyện “Chào hỏi” Nêu câu hỏi thảo luận: - Nhân vật chàng rể có tuân thủ phương châm hội thoại không? Vì sao? - Vậy việc vi phạm phương châm hội thoại trên là do nguyên nhân nào? - Vậy, anh ta nên hỏi ai & hỏi vào lúc nào? -Có thể rút ra bài học gì qua câu chuyện này? Gọi hs đọc ghi nhớ. Nêu câu hỏi thảo luận: Yêu cầu HS đọc lại tất cả các PCHT về lượng, về chất, quan hệ, cách thức, lịch sự. - Cho biết những tình huống nào, phương châm hội thoại không được tuân thủ?	Đọc truyện theo hướng dẫn của GV thảo luận & trả lời các câu hỏi: - <i>Chàng rể không được xem là tuân thủ phương châm hội thoại vì anh ta đã quấy rối người khác.</i> <i>Do anh ta vụng về, vô ý.</i> - <i>Nên hỏi người lớn tuổi hơn trong trường hợp họ làm việc dưới đất hoặc chạm mặt...</i> -Rút ra bài học kinh nghiệm. Đọc lại tất cả các ví dụ, thảo luận và trả lời trên bảng thảo luận nhóm: - <i>Ngoại trừ tình huống trong PC lịch sự, tất cả các tình huống còn lại đều không tuân thủ PCHT.</i> - Đọc đoạn đối thoại II2 Thảo luận nhóm đôi:	I/ Quan hệ giữa phương châm hội thoại với tình huống giao tiếp: - Việc vận dụng các phương châm hội thoại cần phù hợp với đặc điểm của tình huống giao tiếp. Ghi nhớ sgk. II/ Những trường hợp không tuân thủ phương châm hội thoại: 1- Người nói phải ưu tiên cho một PCHT hoặc một yêu cầu khác quan trọng hơn.

*Phân tích tình huống II2 - Câu trả lời của Ba có đáp ứng nhu cầu như An mong muốn không? - Có PCHT nào không được tuân thủ? - Vì sao người nói không tuân thủ phương châm ấy? <i>Trong trường hợp này, người nói ưu tiên cho một PCHT khác nên đã vi phạm PCHT.</i> *Tìm hiểu tình huống II.3: Nêu câu hỏi thảo luận: - Khi bác sĩ nói với một người mắc bệnh nan y về tình trạng sức khỏe của người đó thì PCHT nào không được tuân thủ? - Vì sao bác sĩ phải làm như vậy? - Hãy tìm những tình huống khác mà phương châm đó cũng không được tuân thủ? <i>* Nói chung, trong bất kì tình huống giao tiếp nào, nếu có một yêu cầu khác quan trọng hơn, cao hơn yêu cầu tuân thủ PCHT thì có thể không tuân thủ.</i> * Tìm hiểu mục II. 4 Nêu câu hỏi thảo luận: - Khi nói “<i>Tiền bạc chỉ là tiền bạc</i>” thì có phải người nói không tuân thủ PC về lượng không? - Phải hiểu ý nghĩa câu này như thế nào?	- <i>Ba không đáp ứng nhu cầu như An mong muốn.</i> - <i>Ba không tuân thủ PC về lượng.</i> - <i>Vì người nói không biết chính xác sự việc, nhưng để không vi phạm phương châm về chất, anh ta phải trả lời chung chung như vậy.</i> Đọc phần II.3. Thảo luận, trả lời - Bác sĩ không tuân thủ PC về chất - Vì đó là một việc làm nhân đạo, bệnh nhân không biết thực bệnh của mình để có thể sống lạc quan hơn quãng đời còn lại. - Tương tự, người lính khi bị rơi vào tay giặc, họ không thể tuân thủ PC về chất mà khai thật tất cả bí mật của đồng đội. Đọc mục II.4 Thảo luận nhóm đôi: - Nếu xét nghĩa tường minh thì không tuân thủ, nhưng nếu xét nghĩa hàm ý thì đảm bảo. - Tiền bạc chỉ là phương tiện để sống chứ không phải là mục đích cuối cùng của con người. - Tương tự: “<i>Chiến tranh là chiến tranh</i>”; “<i>Nó vẫn là nó</i>”...	2- Người nói vô ý, vụng về, thiếu văn hoá giao tiếp. 3. Muốn gây sự chú ý để người nghe hiểu câu nói theo nghĩa khác.

- Tìm một số cách nói tương tự? GV hệ thống hoá kiến thức, gọi hs đọc ghi nhớ. <i>BT nhanh: Nhận định nào không phải là nguyên nhân của các trường hợp không tuân thủ phươg châm hội thoại?</i> A- Do vụng về, vô ý, thiếu văn hoá giao tiếp. B- Ưu tiên cho 1 PCHT, 1 yêu cầu khác quan trọng hơn. C- Muốn gây sự chú ý để người nghe hiểu câu nói theo nghĩa khác. D- Người nói nắm được các đặc điểm của tình huống giao tiếp.	- Đọc phần ghi nhớ sgk/ 37. - Chọn câu trả lời đúng nhất : D	

3. Luyện tập (10p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
-Chia lớp thành 2 nhóm: +N1: bài 1 + N2: bài 2 ->Gọi đại diện trình bày, nhận xét ->Gv chuẩn hóa kiến thức	Thực hiện	III. Luyện tập 1/ BT1: Ông bố không tuân thủ phươg châm về cách thức vì đưa trẻ 5 tuổi không thể nhận được đâu là quyền “Tuyển tập Nam Cao”. 2/ BT2: Thái độ (Chân, Tay, Mắt, Tai) không tuân thủ phươg châm lịch sự Việc không tuân thủ là không có lí do chính đáng. Vì theo nghi thức giao tiếp, ta phải chào hỏi chủ nhà trước khi đề cập đến vấn đề khác.

4. Vận dụng (3p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt

Trong cuộc sống, các em cần đưa ra quyết định lựa chọn phương châm hội thoại nào để đạt được hiệu quả giao tiếp cao nhất. Cần phải vận dụng linh hoạt, phù hợp với hoàn cảnh chứ không phải tuân thủ một cách cứng nhắc.	Hs có thể nêu một vài tình huống	

5. Tìm tòi, mở rộng (5p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
1/Em hãy đọc một số câu ca dao, tục ngữ, thơ liên quan đến các PCHT đã học? 2/ Trong giao tiếp, nói lạc đề là vi phạm phương châm hội thoại nào? 3/ Câu ca dao: <i>Ai ơi chớ vội cười nhau</i> <i>Ngẫm mình cho tỏ trước sau hãy cười.</i> Phù hợp với phương châm hội thoại nào? 3/ Câu Nói có sách, mách có chứng phù hợp với phương châm hội thoại nào? 4/ Nói giảm nói tránh là phép tu từ liên quan đến phương châm hội thoại nào?	Suy nghĩ, trả lời	

*Hướng dẫn tự học (3p)

- Tìm trong truyện dân gian một ví dụ về việc vận dụng hoặc vi phạm PCHT trong các tình huống cụ thể và rút ra nhận xét của bản thân.
- Vẽ sơ đồ tư duy minh họa các phương châm hội thoại đã học.
- Chuẩn bị bài: Chuyện người con gái Nam Xương:
 - + Đọc kĩ văn bản, phân chú thích
 - + Kể tóm tắt văn bản
 - + Trả lời các câu hỏi phần đọc hiểu
 - + Tìm tư liệu về tác giả, tác phẩm

TIẾT 14,15,16	CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG. (Trích: Truyền kì mạn lục của Nguyễn Dữ).	NS: 14/9/2023

I. Mục tiêu cần đạt: Giúp học sinh:

1. Kiến thức: Hiểu được cốt truyện, nhân vật, sự kiện trong một tác phẩm truyện truyền kì.

- Hiện thực về số phận của người phụ nữ VN dưới chế độ cũ và vẻ đẹp truyền thống của họ.

- Sự thành công của tác giả về nghệ thuật kể chuyện.

- Mối liên hệ giữa tác phẩm và truyện “*Vợ chàng Trương*”.

2. Năng lực:

- Năng lực chung: Vận dụng kiến thức đã học để đọc- hiểu tác phẩm viết theo thể loại truyện kì.

- Năng lực chuyên biệt: Cảm nhận được những chi tiết nghệ thuật độc đáo trong tác phẩm tự sự có nguồn gốc dân gian.

3. Phẩm chất:

- Cảm nhận được vẻ đẹp truyền thống trong tâm hồn người phụ nữ VN qua nhân vật Vũ Nương.

- Thương cảm số phận oan trái của người phụ nữ dưới chế độ phong kiến.

*Tích hợp: Hình ảnh người phụ nữ trong xã hội ngày nay.

II. Chuẩn bị:

1. Giáo viên: SGK, SGV, sưu tầm TP “Truyện kì mạn lục”, tranh về tác giả, phiếu học tập, TKBG.

2. Học sinh: Đọc soạn bài theo yêu cầu, tư liệu về tác giả, tác phẩm, sgk

III. Tiến trình tổ chức các hoạt động:

1. Khởi động: (5p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
*Trò chơi: Ai nhanh ai giỏi - Chia lớp thành 2 đội - Ghi lại những câu ca dao nào nói về thân phận người phụ nữ dưới XH PK - Thời gian: 2p ->Gv dẫn vào bài	Tham gia trò chơi	

2. Hình thành kiến thức: (97 p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
I/ Tìm hiểu chung - GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm, GV đọc mẫu, HS đọc đoạn tiếp theo - Hãy tóm tắt truyện? hai hs tóm tắt	-HS đọc văn bản; đọc chú thích tác giả; đọc chú thích từ khó. - Trình bày	I/ Tìm hiểu chung: 1/ Tác giả: Nguyễn Dữ + Sáng tác của ông thể hiện cái nhìn tích cực đối với VHĐG 2/ Tác phẩm - Thể truyền kì

- Cho biết tác giả và xuất xứ tác phẩm? - Thể loại VH của truyện? -Em biết gì về thể truyện kỳ ->Gv nhận xét, cung cấp thêm hình ảnh về tác giả, tác phẩm *Thảo luận cặp đôi 2p: Tìm bố cục văn bản ->Gv yêu cầu đại diện trình bày II/ Phân tích Phân tích tính cách của Vũ Nương. - Nhân vật Vũ Nương được miêu tả trong những hoàn cảnh nào? *Thảo luận nhóm 3p, hoàn thành Phiếu HT: Nhận xét về những phẩm chất của Vũ Nương thể hiện qua từng phần của câu chuyện? 1/Trong cuộc sống vợ chồng thường ngày, VN là người như thế nào? 2/ lúc tiễn chồng đi lính, nàng dặn dò như thế nào? Qua đó bộc lộ đức tính gì ở VN?	-Trình bày -Trình bày -Trình bày -Theo dõi - Thảo luận + “<i>Từ đầu...cha mẹ đẻ mình</i>”: <i>Cuộc hôn nhân của TS & VN; sự xa cách trong chiến tranh & phẩm hạnh của VN.</i> + “<i>Tiếp...qua rồi</i>”: <i>Nỗi oan khuất & cái chết bi thảm của VN.</i> + <i>Phần còn lại: Cuộc gặp gỡ giữa VN & PL, VN được giải oan.</i> - Nhân vật Vũ Nương được miêu tả trong những hoàn cảnh: <i>Trong cuộc sống vợ chồng; khi chồng chuẩn bị đi lính; lúc xa chồng; khi chồng nghi oan</i> Phân tích các tình huống để thấy được đức hạnh của Vũ Nương. a. <i>Tình huống 1: Trong cuộc sống vợ chồng bình thường, nàng “luôn giữ gìn khuôn phép”, vì Trương Sinh hay ghen.</i> b. <i>Tình huống 2: Khi chồng đi lính, lời dặn dò đầy tình nghĩa, mong chồng bình an trở về,</i>	- Truyện thứ 16 trong Truyện kỳ mạn lục - Bố cục: 3 phần. II. Phân tích: 1. Nhân vật Vũ Nương: a.Vẻ đẹp đức hạnh :

3: khi xa chồng, VN đã làm những gì? Nhận xét? 4: Khi bị chồng nghi oan: nàng đã có những lời thoại nào? Nhận xét phẩm hạnh của nàng? ->Gv gọi đại diện trình bày, nhận xét ->Gv nhận xét, chốt ý <i>*Qua phân thảo luận và kết quả như đã phân tích, em thấy VN có những đức hạnh gì đáng quý?</i> Chuyển tiết 2	<i>cảm thông trước nỗi vất vả mà chồng sẽ phải chịu đựng, nỗi khắc khoải nhớ nhung của nàng.</i> - “<i>Bướm lượn đầy vườn</i>”, “<i>mây che kín núi</i>”-> Đó là những hình ảnh ước lệ, mượn cảnh vật thiên nhiên để diễn tả sự trôi chảy của thời gian. c. Tình huống 3: - Khi xa chồng, Vũ Nương là người vợ yêu thương chồng tha thiết, nỗi buồn kéo dài theo năm tháng. - Chăm sóc mẹ già tận tình. - Nuôi dạy con thơ. d. Khi chồng nghi oan. Có 3 lời thoại của Vũ Nương: - Lời thoại 1: Khẳng định tấm lòng thủy chung trong trắng, cầu xin chồng đừng nghi oan. - Lời thoại 2: Nỗi đau đớn, thất vọng khi hạnh phúc gia đình tan vỡ. - Lời thoại 3: Thất vọng đến tột cùng, cuộc hôn nhân không thể hàn gắn nổi - Lời than như một lời nguyện, xin thần sông chứng giám cho nỗi oan và tiết sạch, giá trong của nàng. - Ở đoạn này, tình tiết được sắp xếp đầy kịch tính. Hành động tự vẫn của nàng là hành động quyết liệt cuối cùng để bảo toàn danh dự, có nỗi tuyệt vọng đắng cay nhưng cũng có sự chỉ đạo của lí trí, không phải là hành động bột phát trong cơn nóng giận.	Là một người phụ nữ xinh đẹp, nét na, hiếu thảo với mẹ chồng, chung thủy với chồng và rất mực yêu thương con.

- Một người phụ nữ giàu đức hạnh như thế lẽ ra phải được yêu thương chịu chuộc, được hưởng một cuộc đời hạnh phúc. Thế nhưng nàng lại phải chịu nỗi oan khuất đắng lòng. Vậy nguyên nhân nỗi oan ấy là gì? *Thảo luận cặp đôi 2p: Tìm những nguyên nhân gây ra cái chết của VN? Trong đó, nguyên nhân nào chính, vì sao? -Em có tán thành với quyết định này của Vũ Nương không? Vì sao? Nếu em là VN, em sẽ có quyết định như thế nào? -Trong những nguyên nhân đó, điều gì trực tiếp đẩy Vũ Nương vào con đường bế tắc, k lối thoát? GV giải thích vì sao cách chọn lựa của VN là cách	* Nỗi oan khuất của Vũ Nương do nhiều nguyên nhân + <i>Lời con trẻ</i> + <i>Cuộc hôn nhân không bình đẳng.</i> + <i>Trương Sinh: ít học, đa nghi, ghen tuông, độc đoán, vũ phu</i> + <i>Chiến tranh</i> + <i>Chế độ nam quyền.</i> Trương Sinh ghen hỏi con-> ghen tuông-> la um cho hả giận-> không nghe những lời phân trần của vợ, hàng xóm-> không cho nàng có cơ hội minh oan-> có hành động vũ phu, mắng nhiếc-> đánh đuổi đi... <i>Nút thắt ngày một chặt, kịch tính ngày một cao.</i> Từ chỗ nghi ngờ, khẳng định là vợ hư, không suy xét, đa nghi, ghen tuông... =>Tất cả sự sắp xếp và thêm bớt này làm cho diễn biến của	b. Nỗi oan khuất và cái chết bi thảm của Vũ Nương: - Nguyên nhân: + Chủ quan: do Trương Sinh (<i>Nghe lời con nhỏ, chiếc bóng, ghen tuông mù quáng</i>) + Khách quan: chế độ PK nam quyền; cuộc chiến tranh phi nghĩa -Nỗi oan khuất: Bị dồn đến bước đường cùng, nàng mất tất cả, đành chấp nhận số phận sau mọi cố gắng không thành. <i>*Số phận của VN cũng là số phận chung của người phụ nữ xưa "Hồng nhan bạc phận"</i>

cuối cùng(Dựa vào đặc điểm xã hội đương thời) - Cái chết của Vũ Nương đã tố cáo điều gì? -Nút thắt ngày một cao. TS trở thành một kẻ vũ phu, thô bạo, dẫn đến cái chết oan nghiệt của Vũ Nương.Cái chết đó khác nào bị bức tử, mà kẻ bức tử lại hoàn toàn vô can. Qua đó, em hiểu Trương Sinh là người thế nào? TIẾT 3 III/ Tổng kết -Nhận xét về cách dẫn dắt câu chuyện, tác dụng của những lời đối thoại và tự bạch của nhân vật, những yếu tố kì ảo trong câu chuyện? - Hãy nêu những thành công về nghệ thuật của bài? -Trên cơ sở cốt truyện đã có sẵn, tác giả đã sắp xếp lại một số tình tiết, thêm bớt hoặc tô đậm một số tình tiết .Chẳng hạn chi tiết TS đem trăm lạng vàng cưới VN, lời trăng trối của bà mẹ chồng... nhằm dụng ý nghệ thuật gì? - Những đoạn đối thoại và những lời tự bạch của nhân vật có tác dụng ntn?	truyện thêm hợp lí,tăng cường tính bi kịch. Đây là hành động cuối cùng quyết liệt, không phải bộc phát như trong cổ tích mà phù hợp với hoàn cảnh xã hội xưa <i>Tại gia tòng phụ... tòng tử</i> - HS tự do bàn luận, nêu ý kiến .. HĐ độc lập=> Tố cáo xã hội phong kiến bất công. HS trả lời -Nhận xét -Trình bày	2. Nhân vật Trương Sinh - Con nhà hào phú, ít học - Đa nghi, ghen tuông mù quáng. - Xử sự hồ đồ, độc đoán,vũ phu, thô bạo. ->Hiện thân của chế độ xã hội Phong kiến Nam quyền III. Tổng kết: 1. Nghệ thuật: - Khai thác vốn văn học dân gian - Sáng tạo về nhân vật, cách kể chuyện, yếu tố truyền kì. - Kết thúc sáng tạo. 2. Nội dung (Ghi nhớ- sgk) 3. Ý nghĩa: - Phê phán thói ghen tuông mù quáng.

- Nhận xét cách đưa những yếu tố kì ảo vào trong truyện của ND? - Nêu nội dung của văn bản? - Qua câu chuyện này, em hiểu được những gì về người phụ nữ trong chế độ phong kiến? Truyện nhằm thể hiện ý nghĩa gì? - Nêu giá trị chung của văn bản? GV chốt ý, rút ra ghi nhớ.	-Nêu tác dụng -Trình bày -Nêu cảm nhận -Trình bày	- Ca ngợi vẻ đẹp truyền thống của người phụ nữ.

3. Luyện tập: (15p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Hãy kể lại chuyện người con gái Nam Xương theo cách của em	Kể chuyện	

4. Vận dụng (15p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
1/ Có ý kiến cho rằng, bi kịch của những người phụ nữ như Vũ Nương không chỉ xuất hiện trong XH PK mà còn xuất hiện trong xã hội ngày nay. Ý kiến của em? E nghĩ cần làm gì để tránh xảy ra những tình trạng như thế? 2/ Viết đoạn văn nêu cảm nhận của em về nhân vật Vũ Nương? ->Gv gọi hs đọc bài viết ->Gv nhận xét, bổ sung	Trình bày Viết đoạn văn	

*Hướng dẫn tự học (3p)

- Tìm hiểu thêm tác giả Nguyễn Dữ và truyện Truyền kì mạn lục.
- Nhớ được một số từ Hán Việt sử dụng trong văn bản.
- Tóm tắt truyện trên một trang vở
- Nắm được nội dung cốt truyện và biết kể lại câu chuyện theo cách của mình.
- HS đọc bài thơ “Lại bài viếng Vũ Thị” của Lê Thánh Tông trong phần đọc thêm.
- Chuẩn bị cho tiết học mới: Cách dẫn trực tiếp, cách dẫn gián tiếp:
- + Đọc kĩ nội dung bài học
- + Trả lời các câu hỏi trong phần ngữ liệu
- + Xem trước các bài tập.

TUẦN 4 TIẾT 14,14,16: CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG TIẾT 17: CÁCH DẪN TRỰC TIẾP, CÁCH DẪN GIÁN TIẾP TIẾT 18: SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TỪ VỰNG

TIẾT 14,15,16	CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG. (Trích: Truyền kì mạn lục của Nguyễn Dữ).	NS: 23/9/2023

I. Mục tiêu cần đạt: Giúp học sinh:

1. Kiến thức: Nắm được cốt truyện, nhân vật, sự kiện trong một tác phẩm truyện truyền kì.

- Hiện thực về số phận của người phụ nữ VN dưới chế độ cũ và vẻ đẹp truyền thống của họ.

- Sự thành công của tác giả về nghệ thuật kể chuyện.

- Mối liên hệ giữa tác phẩm và truyện “*Vợ chàng Trương*”.

2. Năng lực:

- Năng lực chung: Vận dụng kiến thức đã học để đọc- hiểu tác phẩm viết theo thể loại truyện kì.

- Năng lực chuyên biệt: Cảm nhận được những chi tiết nghệ thuật độc đáo trong tác phẩm từ sự có nguồn gốc dân gian.

3. Phẩm chất:

- Cảm nhận được vẻ đẹp truyền thống trong tâm hồn người phụ nữ VN qua nhân vật Vũ Nương.

- Thương cảm số phận oan trái của người phụ nữ dưới chế độ phong kiến.

*Tích hợp: Hình ảnh người phụ nữ trong xã hội ngày nay.

II. Chuẩn bị:

1. Giáo viên: SGK, SGV, sưu tầm TP “Truyền kì mạn lục”, tranh về tác giả, phiếu học tập, TKBG.

2. Học sinh: Đọc soạn bài theo yêu cầu, tư liệu về tác giả, tác phẩm, sgk

III. Tiến trình tổ chức các hoạt động:

1. Khởi động: (5p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
*Trò chơi: Ai nhanh ai giỏi -Chia lớp thành 2 đội	Tham gia trò chơi	

- Ghi lại những câu ca dao nào nói về thân phận người phụ nữ dưới XH PK - Thời gian: 2p ->Gv dẫn vào bài		

2. Hình thành kiến thức: (97 p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
I/ Tìm hiểu chung - GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm, GV đọc mẫu, HS đọc đoạn tiếp theo - Hãy tóm tắt truyện? hai hs tóm tắt - Cho biết tác giả và xuất xứ tác phẩm? - Thể loại VH của truyện? - Em biết gì về thể truyền kỳ ->Gv nhận xét, cung cấp thêm hình ảnh về tác giả, tác phẩm *Thảo luận cặp đôi 2p: Tìm bố cục văn bản ->Gv yêu cầu đại diện trình bày II/ Phân tích Phân tích tính cách của Vũ Nương. - Nhân vật Vũ Nương được miêu tả trong những hoàn cảnh nào?	-HS đọc văn bản; đọc chú thích tác giả; đọc chú thích từ khó. - Trình bày -Trình bày -Trình bày -Trình bày -Theo dõi - Thảo luận + “ <i>Từ đầu...cha mẹ đẻ mình</i> ”: <i>Cuộc hôn nhân của TS & VN; sự xa cách trong chiến tranh & phẩm hạnh của VN.</i> + “ <i>Tiếp...qua rồi</i> ”: <i>Nỗi oan khuất & cái chết bi thảm của VN.</i> + <i>Phần còn lại: Cuộc gặp gỡ giữa VN & PL, VN được giải oan.</i> - Nhân vật Vũ Nương được miêu tả trong những hoàn	I/ Tìm hiểu chung: 1/ Tác giả: Nguyễn Dữ + Sáng tác của ông thể hiện cái nhìn tích cực đối với VHDG 2/ Tác phẩm -Thể truyền kỳ - Truyện thứ 16 trong Truyền kỳ mạn lục - Bố cục: 3 phần. II. Phân tích: 1. Nhân vật Vũ Nương: a. Về đẹp đức hạnh :

*Thảo luận nhóm 3p, hoàn thành Phiếu HT: Nhận xét về những phẩm chất của Vũ Nương thể hiện qua từng phần của câu chuyện? 1/Trong cuộc sống vợ chồng thường ngày, VN là người như thế nào? 2/ lúc tiễn chồng đi lính, nàng dặn dò như thế nào? Qua đó bộc lộ đức tính gì ở VN? 3: khi xa chồng, VN đã làm những gì? Nhận xét? 4: Khi bị chồng nghi oan: nàng đã có những lời tạ tội nào? Nhận xét phẩm hạnh của nàng? ->Gv gọi đại diện trình bày, nhận xét ->Gv nhận xét, chốt ý	cảnh: <i>Trong cuộc sống vợ chồng; khi chồng chuẩn bị đi lính; lúc xa chồng; khi chồng nghi oan</i> Phân tích các tình huống để thấy được đức hạnh của Vũ Nương. <i>a. Tình huống 1: Trong cuộc sống vợ chồng bình thường, nàng “luôn giữ gìn khuôn phép”, vì Trương Sinh hay ghen.</i> <i>b. Tình huống 2: Khi chồng đi lính, lời dặn dò đầy tình nghĩa, mong chồng bình an trở về, cảm thông trước nỗi vất vả mà chồng sẽ phải chịu đựng, nỗi khắc khoải nhớ nhung của nàng.</i> <i>- “Bướm lượn đầy vườn”, “mây che kín núi”-> Đó là những hình ảnh ước lệ, mượn cảnh vật thiên nhiên để diễn tả sự trôi chảy của thời gian.</i> c. Tình huống 3: <i>- Khi xa chồng, Vũ Nương là người vợ yêu thương chồng tha thiết, nỗi buồn kéo dài theo năm tháng.</i> <i>- Chăm sóc mẹ già tận tình.</i> <i>- Nuôi dạy con thơ.</i> d. Khi chồng nghi oan. Có 3 lời tạ tội của Vũ Nương: <i>- Lời tạ tội 1: Khẳng định tấm lòng thủy chung trong trắng, cầu xin chồng đừng nghi oan.</i> <i>- Lời tạ tội 2: Nỗi đau đớn, thất vọng khi hạnh phúc gia đình tan vỡ.</i>	Là một người phụ nữ xinh đẹp, nết na, hiếu thảo với mẹ chồng, chung thủy với chồng và rất mực yêu thương con.

<i>*Qua phần thảo luận và kết quả như đã phân tích, em thấy VN có những đức hạnh gì đáng quý?</i> Chuyển tiết 2 - Một người phụ nữ giàu đức hạnh như thế lẽ ra phải được yêu thương chịu đựng, được hưởng một cuộc đời hạnh phúc. Thế nhưng nàng lại phải chịu nỗi oan khuất đắng lòng. Vậy nguyên nhân nỗi oan ấy là gì? *Thảo luận cặp đôi 2p: Tìm những nguyên nhân gây ra cái chết của VN? Trong đó, nguyên nhân nào chính, vì sao? -Em có tán thành với quyết định này của Vũ Nương không? Vì sao? Nếu em là VN, em sẽ có quyết định như thế nào? -Trong những nguyên nhân đó, điều gì trực tiếp đẩy Vũ	- <i>Lời thoại 3: Thất vọng đến tột cùng, cuộc hôn nhân không thể hàn gắn nổi</i> - <i>Lời than như một lời nguyện, xin thần sông chứng giám cho nỗi oan và tiết sạch, giá trong của nàng.</i> - <i>Ở đoạn này, tình tiết được sắp xếp đầy kịch tính. Hành động tự vẫn của nàng là hành động quyết liệt cuối cùng để bảo toàn danh dự, có nỗi tuyệt vọng đắng cay nhưng cũng có sự chỉ đạo của lí trí, không phải là hành động bột phát trong cơn nóng giận.</i> * Nỗi oan khuất của Vũ Nương do nhiều nguyên nhân + <i>Lời con trẻ</i> + <i>Cuộc hôn nhân không bình đẳng.</i> + <i>Trương Sinh: ít học, đa nghi, ghen tuông, độc đoán, vũ phu</i> + <i>Chiến tranh</i> + <i>Chế độ nam quyền.</i> Trương Sinh ghen hỏi con-> ghen tuông-> la um cho hả giận-> không nghe những lời phân trần của vợ, hàng xóm-> không cho nàng có cơ hội minh oan-> có hành động vũ phu, mắng nhiếc-> đánh đuổi đi...	b. Nỗi oan khuất và cái chết bi thảm của Vũ Nương: - Nguyên nhân: +Chủ quan: do Trương Sinh (<i>Nghe lời con nhỏ, chiếc bóng, ghen tuông mù quáng</i>) + Khách quan: chế độ PK nam quyền; cuộc chiến tranh phi nghĩa -Nỗi oan khuất: Bị dồn đến bước đường cùng, nàng mất tất cả, đành chấp nhận số phận sau mọi cố gắng không thành. <i>*Số phận của VN cũng là số phận chung của người phụ nữ xưa”Hồng nhan bạc phận”</i>

Nương vào con đường bế tắc, k lối thoát? GV giải thích vì sao cách chọn lựa của VN là cách cuối cùng(Dựa vào đặc điểm xã hội đương thời) - Cái chết của Vũ Nương đã tố cáo điều gì? -Nút thắt ngày một cao. TS trở thành một kẻ vũ phu, thô bạo, dẫn đến cái chết oan nghiệt của Vũ Nương.Cái chết đó khác nào bị bức tử, mà kẻ bức tử lại hoàn toàn vô can. Qua đó, em hiểu Trương Sinh là người thế nào? TIẾT 3 III/ Tổng kết -Nhận xét về cách dẫn dắt câu chuyện, tác dụng của những lời đối thoại và tự bạch của nhân vật, những yếu tố kì ảo trong câu chuyện? - Hãy nêu những thành công về nghệ thuật của bài? -Trên cơ sở cốt truyện đã có sẵn, tác giả đã sắp xếp lại	<i>Nút thắt ngày một chặt, kịch tính ngày một cao.</i> Từ chỗ nghi ngờ, khẳng định là vợ hư, không suy xét, đa nghi, ghen tuông... =>Tất cả sự sắp xếp và thêm bớt này làm cho diễn biến của truyện thêm hợp lí,tăng cường tính bi kịch. Đây là hành động cuối cùng quyết liệt, không phải bộc phát như trong cổ tích mà phù hợp với hoàn cảnh xã hội xưa <i>Tại gia tòng phụ... tòng tử</i> - HS tự do bàn luận, nêu ý kiến .. <i>HD độc lập=> Tố cáo xã hội phong kiến bất công.</i> HS trả lời -Nhận xét -Trình bày	2. Nhân vật Trương Sinh - Con nhà hào phú, ít học - Đa nghi, ghen tuông mù quáng. - Xử sự hồ đồ, độc đoán,vũ phu, thô bạo. ->Hiện thân của chế độ xã hội Phong kiến Nam quyền III. Tổng kết: 1. Nghệ thuật: - Khai thác vốn văn học dân gian - Sáng tạo về nhân vật, cách kể chuyện, yếu tố truyền kì. - Kết thúc sáng tạo.

một số tình tiết, thêm bớt hoặc tô đậm một số tình tiết .Chẳng hạn chi tiết TS đem trăm lạng vàng cưới VN, lời trắng trời của bà mẹ chồng... nhằm dụng ý nghệ thuật gì? - Những đoạn đối thoại và những lời tự bạch của nhân vật có tác dụng ntn? - Nhận xét cách đưa những yếu tố kì ảo vào trong truyện của ND? - Nêu nội dung của văn bản? -Qua câu chuyện này, em hiểu được những gì về người phụ nữ trong chế độ phong kiến?Truyện nhằm thể hiện ý nghĩa gì? -Nêu giá trị chung của văn bản? GV chốt ý, rút ra ghi nhớ.	-Nêu tác dụng -Trình bày -Nêu cảm nhận -Trình bày	2. Nội dung (Ghi nhớ- sgk) 3. Ý nghĩa: - Phê phán thói ghen tuông mù quáng. - Ca ngợi vẻ đẹp truyền thống của người phụ nữ.

3. Luyện tập: (15p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Hãy kể lại chuyện người con gái Nam Xương theo cách của em	Kể chuyện	

4. Vận dụng (15p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
1/ Có ý kiến cho rằng, bi kịch của những người phụ nữ như Vũ Nương không chỉ xuất hiện trong XH PK mà còn xuất hiện trong xã hội ngày nay. Ý kiến của em? E nghĩ cần làm gì để tránh xảy ra những tình trạng như thế? 2/ Viết đoạn văn nêu cảm nhận của em về nhân vật Vũ Nương? ->Gv gọi hs đọc bài viết ->Gv nhận xét, bổ sung	Trình bày Viết đoạn văn	

*Hướng dẫn tự học (3p)

- Tìm hiểu thêm tác giả Nguyễn Dữ và truyện Truyền kì mạn lục.
- Nhớ được một số từ Hán Việt sử dụng trong văn bản.
- Tóm tắt truyện trên một trang vở
- Nắm được nội dung cốt truyện và biết kể lại câu chuyện theo cách của mình.
- HS đọc bài thơ “Lại bài viếng Vũ Thị” của Lê Thánh Tông trong phần đọc thêm.
- Chuẩn bị cho tiết học mới: Cách dẫn trực tiếp, cách dẫn gián tiếp:
- + Đọc kĩ nội dung bài học
- + Trả lời các câu hỏi trong phần ngữ liệu
- + Xem trước các bài tập.

TIẾT 17	CÁCH DẪN TRỰC TIẾP, CÁCH DẪN GIÁN TIẾP	NS: 23/9/2023

I. Mục tiêu cần đạt:

1. Kiến thức:

- Cách dẫn trực tiếp và lời dẫn trực tiếp.
- Cách dẫn gián tiếp và lời dẫn gián tiếp

2. Năng lực:

- Năng lực chung : Tiếp nhận, trao đổi, hợp tác, trình bày...
- Năng lực chuyên biệt: Sử dụng được cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp trong quá trình tạo lập văn bản. Nhận ra được cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp.

3. Phẩm chất: - Có ý thức giao tiếp phù hợp với đối tượng, hoàn cảnh, mục đích để đạt hiệu quả giao tiếp.

*Tích hợp: Với thực tế giao tiếp của học sinh và tạo lập văn bản.

II. Chuẩn bị

1. Giáo viên: SGK, SGV, bảng phụ, các mẫu VD, TKBG

2. Học sinh: Sgk, bài soạn

III. Tiến trình tổ chức

1. Khởi động (3p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Cho tình huống: Cô chủ nhiệm nhắn cho lớp trưởng nói với lớp: “Ngày mai, các em được nghỉ học “. Nếu là lớp trưởng, em sẽ nói lại với các bạn bằng những cách như thế nào? C1: <i>Ngày mai chúng ta được nghỉ học</i> C2: <i>Cô bảo ngày mai các em được nghỉ học</i> C3: <i>Ngày mai lớp mình được nghỉ học</i> => Đó là những cách nhắc lại lời của người khác một cách trực tiếp hoặc gián tiếp. Bài học hôm nay sẽ giúp chúng ta tìm hiểu rõ hơn về điều này	Suy nghĩ, lựa chọn	

2. Hình thành kiến thức (17p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
I. Cách dẫn trực tiếp - Trong đoạn trích a, bộ phận in đậm là lời nói hay ý nghĩ của nhân vật? - Nó được ngăn cách với các bộ phận đứng trước bằng những dấu gì? - Trong đoạn trích b, bộ phận in đậm là lời nói hay ý nghĩ? - Nó được ngăn cách với các bộ phận đứng trước bằng những dấu gì? - Trong cả hai đoạn trích, có thể thay đổi vị trí giữa	Học sinh quan sát bảng phụ. <i>Phần in đậm ở ví dụ a là lời nói, vì trước đó có từ nói trong phần lời của người dẫn.</i> - <i>Nó được tách ra khỏi phần câu đứng trước bằng dấu hai chấm và dấu ngoặc kép.</i> - <i>Phần in đậm trong ví dụ b là ý nghĩ, vì trước đó có từ nghĩ.</i> - <i>Dấu hiệu tách hai phần câu cũng là dấu hai chấm và dấu ngoặc kép.</i> - <i>Có thể thay đổi vị trí của hai bộ phận.</i>	I. Cách dẫn trực tiếp: - Dẫn trực tiếp tức là nhắc lại nguyên văn lời nói hay ý nghĩ của người hoặc nhân vật. - - Lời dẫn trực tiếp được đặt trong dấu ngoặc kép.

bộ phận in đậm với bộ phận đứng trước nó được không? Nếu được thì hai bộ phận ấy ngăn cách với nhau bằng những dấu gì? - Em hiểu thế nào là cách dẫn trực tiếp? II.Cách dẫn gián tiếp - HS đọc ví dụ ở mục II. <i>Chuyển giao nhiệm vụ HT:</i> - Trong đoạn trích a, bộ phận in đậm là lời nói hay ý nghĩ? - Nó được ngăn cách với bộ phận đứng trước bằng dấu gì không? - Trong đoạn trích b, bộ phận in đậm là lời nói hay ý nghĩ? - Giữa bộ phận in đậm và bộ phận đứng trước có từ gì? Có thể thay từ đó bằng từ gì? - Em hiểu thế nào là lời dẫn gián tiếp? - GV giảng: <i>Những điều cần chú ý khi chuyển lời dẫn trực tiếp thành gián tiếp và ngược lại.</i>	<i>Trong trường hợp ấy, hai bộ phận ngăn cách với nhau bằng dấu ngoặc kép và dấu gạch ngang.</i> Hđ độc lập Đọc ý 1- Phần ghi nhớ. Xem vd 2. - <i>Phần câu in đậm là lời nói, đây là nội dung của lời khuyên như có thể thấy ở từ khuyên trong phần lời của người dẫn.</i> - Không - <i>Phần câu in đậm là ý nghĩ, vì trước đó có từ hiểu.</i> - <i>Giữa phần ý nghĩ được dẫn và phần lời của người dẫn có từ rằng.</i> - <i>Có thể thay từ là vào vị trí của từ rằng trong trường hợp này.</i> - HS đọc ghi nhớ. - Khi chuyển lời dẫn trực tiếp thành gián tiếp: + <i>Bỏ dấu hai chấm và dấu ngoặc kép.</i> + <i>Thay đổi đại từ nhân xưng, từ ngữ chỉ vị trí, thời gian cho phù hợp.</i> + <i>Lược bỏ các từ cần thiết..</i> + <i>Thêm từ rằng hoặc là trước lời dẫn.</i> + <i>Không nhất thiết phải chính xác từng từ nhưng phải dẫn đúng về ý.</i>	II. Cách dẫn gián tiếp: - Dẫn gián tiếp tức là dẫn lại lời nói hay ý nghĩ của người hoặc nhân vật, có thay đổi thích hợp. - Lời dẫn gián tiếp không cần đặt trong dấu ngoặc kép.

	- Khi chuyển lời dẫn gián tiếp thành trực tiếp: + <i>Khôi phục lại nguyên văn lời dẫn.</i> + <i>Thay đổi đại từ nhân xưng. từ ngữ chỉ vị trí, thời gian</i> + <i>Thêm bớt các từ ngữ cần thiết.</i> + <i>Sử dụng dấu hai chấm và dấu ngoặc kép.</i>	

3. Luyện tập (15p)

Hoạt động của Gv	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
1/Bài 1: Hs đọc đề và thảo luận cặp đôi (3p) ->Gọi đại diện trình bày ->Gv nhận xét chuẩn hóa kiến thức 2/Bài 2: Hs đọc đề, thực hiện cá nhân ->Gọi Hs đọc đoạn văn ->Gv nhận xét 3/Bài 3: Hs đọc đề, thảo luận theo bàn 3p ->Gọi đại diện trình bày ->Gv nhận xét chuẩn hóa kiến thức	Hs thảo luận, trình bày Hs trả lời Thảo luận, trình bày	III. Luyện tập <u>1-Bài 1:</u> -Cả hai tình huống đều là cách dẫn trực tiếp. +a: dẫn lời. +b: dẫn ý. <u>2-Bài 2:</u> Viết một đoạn văn có liên quan đến một trong 3 ý ở bài tập trên. VD: +Trực tiếp: Trong báo cáo chính trị Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng, Hồ Chủ Tịch nhấn mạnh “Chúng ta....anh hùng” + Gián tiếp: Trong báo cáo chính trị, Hồ Chủ Tịch nhấn mạnh rằng: Chúng ta.....anh hùng”. <u>3-Bài tập 3:</u> Dựa vào đoạn trích sgk, hs thuật lại cách dẫn gián tiếp. Vd: Hôm sau, Linh Phi lấy một cái túi bằng lụa tía đựng mười hạt minh châu, sai sứ giả Xích Hồn đưa Phan ra khỏi nước. Vũ Nương nhân đó cũng đưa gửi một chiếc hoa vàng và dặn Phan nói với chàng Trương rằng nếu còn tình xưa nghĩa cũ, hãy lập một đàn giải oan ở bến sông, cô sẽ trở về.

4.Vận dụng (5p)

Hoạt động của Gv	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Viết đoạn văn (chủ đề tự chọn) có sử dụng lời dẫn trực tiếp ->Gọi hs đọc đoạn văn ->Gv nhận xét	Viết đoạn văn	

5.Tìm tòi, mở rộng (3p)

Hoạt động của Gv	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Tìm 1 số lời dẫn trực tiếp có trong các văn bản ở sgk Ngữ văn 9, tập1	Thực hiện	

***Hướng dẫn tự học (2p)**

- Hoàn thành các bài tập
- Học thuộc nội dung bài học
- Chuẩn bị cho tiết học: Sự phát triển của từ vựng:
 - + Đọc yêu cầu của bài học
 - + Trả lời các câu hỏi sau mỗi ngữ liệu

TIẾT 18	SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TỪ VỰNG	NS:23/9/2023

I. Mục tiêu cần đạt: Giúp học sinh:

1. Kiến thức:

- Sự biến đổi và phát triển nghĩa của từ ngữ.
- Hai phương thức phát triển nghĩa của từ ngữ.

2. Năng lực:

- Năng lực chuyên biệt: Có ý thức vận dụng hiệu quả vốn từ tiếng Việt, trau dồi và phát triển vốn từ vựng dân tộc.
- Năng lực chung: tiếp nhận, trao đổi, giải quyết vấn đề, giao tiếp, hợp tác...

3. Phẩm chất: Yêu tiếng Việt vì sự phong phú của nghĩa từ ngữ.

II. Chuẩn bị:

1. Giáo viên: SGK, SGV, STK, bảng phụ, .TKBG
2. Học sinh: Soạn bài, SGK, tìm các ví dụ về từ nhiều nghĩa

III. Tiến trình tổ chức các hoạt động:

1. Khởi động (2p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
-Mỗi khi xuất hiện sự vật, hiện tượng...mới trong XH, con người sẽ có nhu cầu gọi tên sự	HS suy nghĩ, trả lời: từ vựng	

vật, hiện tượng đó. Bộ phận nào của ngôn ngữ sẽ đảm nhiệm vai trò này? - Trong các bộ phận của ngôn ngữ, từ vựng biến đổi khá nhanh, kịp thời phản ánh những thay đổi trong đời sống. Bài học hôm nay giúp các em hiểu biết về sự phát triển của TV về mặt từ vựng		

2. Hình thành kiến thức (17p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Trình chiếu và yêu cầu HS đọc yêu cầu mục I.1, * Thảo luận cặp đôi (3p): 1/ Bài thơ có câu Bữa tay ôm chặt bờ kinh tế. Cho biết từ “kinh tế” trong bài thơ này có nghĩa gì? 2/ Ngày nay, chúng ta có hiểu từ này theo nghĩa như PBC đã dùng hay không? 3/ Qua đó, em rút ra nhận xét gì về nghĩa của từ? Treo bảng phụ/ trình chiếu nội dung các câu thơ: a- <i>Gần xa nô nức yến anh Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân Dập dìu tài tử giai nhân Ngựa xe như nước áo quần như nêm.</i> - Ngày xuân em hãy còn dài Xót tình máu mủ thay lời nước non.	Đọc yêu cầu mục I.1, thực hiện các yêu cầu: <i>Từ kinh tế trong bài thơ là hình thức nói tắt của kinh bang tế thế, có nghĩa là trị nước cứu đời. Cả câu thơ ý nói tác giả ôm ấp hoài bão trông coi việc nước, cứu giúp người đời.</i> - Ngày nay không còn dùng từ <i>kinh tế</i> theo nghĩa như vậy nữa mà theo nghĩa: toàn bộ hoạt động của con người trong lao động sản xuất, trao đổi, phân phối và sử dụng của cải vật chất làm ra. - Nghĩa của từ không phải bất biến. Nó có thể thay đổi theo thời gian. Có những nghĩa cũ bị mất đi và có những nghĩa mới được hình thành. - Đọc kĩ nội dung các câu thơ. - Chú ý các từ in đậm. Thảo luận nhóm 4, tìm ra từ in đậm nào là nghĩa gốc, từ nào là nghĩa chuyển. - Viết vào bảng thảo luận, cử đại diện nhóm lên trình bày:	I. Sự biến đổi và phát triển nghĩa của từ ngữ: - Từ vựng không ngừng được bổ sung và phát triển. - Từ nghĩa gốc sang nghĩa chuyển. Có 2 phương thức phát triển nghĩa của từ: ẩn dụ và hoán dụ.

<i>b- Được lời như cởi tấm lòng Giở kim thoa với khăn hồng trao tay.</i> - Cũng nhà hành viện xưa nay Cũng phường bán thịt cũng tay buôn người. *Thảo luận theo bàn (2p) 1/ Cho biết từ nào là nghĩa gốc, từ nào là nghĩa chuyển? Nếu là nghĩa chuyển thì chuyển theo ph thức nào? 2/ Vậy em có nhận xét gì về sự biến đổi và phát triển nghĩa của từ? -Gọi HS đọc phần ghi nhớ. Bài tập nhanh:Đọc các câu thơ có hình ảnh mặt trời sau đây và trả lời câu hỏi: -Ngày ngày mặt trời (1) đi qua trên lăng Thấy một mặt trời (2) trong lăng rất đỏ - Mặt trời (1) của bắp thì nằm trên đồi Mặt trời (2) của mẹ con nằm trên lưng. Cho biết từ mặt trời nào mang nghĩa gốc ?	- Xuân 1: chỉ thời gian chuyển tiếp từ Đông sang Hạ, trời ấm dần lên, mùa mở đầu cho một năm. Vì vậy, nó mang nghĩa gốc. - Xuân 2: tượng trưng cho tuổi trẻ, nó là nghĩa chuyển theo phương thức ẩn dụ. - Tay1: là một bộ phận trên cơ thể con người, dùng để cầm, nắm. Nó là nghĩa gốc. - Tay2: chỉ người chuyên hoạt động hay giỏi về một môn, một nghề nào đó =>nghĩa chuyển theo phương thức hoán dụ (Lấy bộ phận thay cho toàn thể) HS nhận xét. - Đọc nội dung bài tập nhanh. - 1 HS lên bảng làm; HS dưới lớp làm vào vở bài tập nhanh, (5 HS làm nhanh nhất được chấm điểm) * Đáp án đúng: Mặt trời (1)	Ghi nhớ sgk.

3. Luyện tập (20p)

Hoạt động của Gv	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Bài tập 1: HS hoạt động độc lập	Làm việc cá nhân	II.Luyện tập 1/ Xác định nghĩa chuyển, nghĩa gốc a.chân : nghĩa gốc b.chân : nghĩa chuyển- hoán dụ c.chân: nghĩa chuyển -ẩn dụ dẫn dụ

Bài tập 2: HD nhóm đôi (3p) ->Gọi đại diện trình bày, nhận xét ->Gv nhận xét, chuẩn hóa kiến thức Bài tập 3: Hs làm việc cá nhân Bài tập 4: Chia lớp thành 2 đội, tham gia trò chơi: -Đội nào ghi được nhiều hơn, đúng sẽ thắng cuộc. - Thời gian: 3p	Thảo luận, trình bày, nhận xét Trả lời cá nhân Tham gia, cổ vũ trò chơi	2/ Từ trà trong các cách dùng trên đều là nghĩa chuyển - Trà trong cách dùng này, có nghĩa là sản phẩm từ thực vật được chế biến thành dạng khô dùng để pha nước uống. - Từ trà được chuyển nghĩa theo phương thức ẩn dụ. 3/Từ đồng hồ được dùng với nghĩa chuyển, chuyển theo phương thức ẩn dụ, chỉ một dụng cụ dùng để đo có hình thức giống đồng hồ. 4/ a/ Hội chứng (gốc): tập hợp nhiều triệu chứng cùng xuất hiện của bệnh. Ví dụ: Hội chứng viêm đường hô hấp cấp rất phức tạp. - Nghĩa chuyển: Tập hợp nhiều hiện tượng, sự kiện, biểu hiện 1 tình trạng, 1 vấn đề xã hội. Ví dụ: Lạm phát, thất nghiệp là hội chứng của tình trạng tình trạng suy thoái kinh tế. b/ Ngân hàng (gốc): Tổ chức hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh và quản lí các nhiệm vụ tiền tệ, tín dụng. Ví dụ: Ngân hàng công thương, ngân hàng phát triển nông thôn... - Nghĩa chuyển: Kho lưu trữ những thành phần, bộ phận của cơ thể để sử dụng khi cần. Ví dụ: Ngân hàng dữ liệu, ngân hàng đề thi... c/ Sốt (gốc): Tăng nhiệt độ cơ thể lên quá mức cho phép Ví dụ: Anh ấy bị sốt 40°C, - Nghĩa chuyển: Trạng thái tăng đột ngột về nhu cầu, khiến hàng khan

		hiếm, tăng giá nhanh. Ví dụ: Con sốt điện tử.

4. Tìm tòi, mở rộng (3p)

Hoạt động của Gv	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
- Tìm các ví dụ về nghĩa của từ nhiều nghĩa.	Trình bày	

*Hướng dẫn tự học (3p)

- Hoàn thành các bài tập
- Viết đoạn văn có sử dụng biện pháp nghệ thuật ẩn dụ
- Chuẩn bị bài mới: Hoàng Lê nhất thống chí:
 - + Đọc kĩ văn bản, phần chú thích
 - + Kể tóm tắt văn bản
 - + Trả lời các câu hỏi phân đọc hiểu
 - + Tìm tư liệu lịch sử về trận đại phá quân Thanh

TUẦN 5 TIẾT 19,20: HOÀNG LÊ NHẤT THỐNG CHÍ TIẾT 21: SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TỪ VỰNG (TT) TIẾT 22,23: TRUYỆN KIỀU – NGUYỄN DU		

TIẾT 19,20	HOÀNG LÊ NHẤT THỐNG CHÍ. Hồi thứ mười bốn.	NS: 1/10/2023

I. Mục tiêu cần đạt: Giúp học sinh:

1. Kiến thức:

- Những hiểu biết chung về nhóm tác giả thuộc Ngô gia văn phái, về phong trào Tây Sơn và người anh hùng dân tộc Quang Trung- Nguyễn Huệ.
- Nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong tác phẩm viết theo thể loại tiểu thuyết chương hồi.
- Một trang sử oanh liệt của dân tộc ta: Quang Trung đại phá 20 vạn quân Thanh, đánh đuổi giặc ngoại xâm lược ra khỏi bờ cõi.

2. Năng lực:

- Năng lực chung: Tiếp nhận, thảo luận, hợp tác, giải quyết vấn đề
- Năng lực chuyên biệt: Năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học

3. Phẩm chất:

- Cảm nhận về đẹp hào hùng của người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ trong chiến công đại phá quân Thanh, sự thảm bại của bọn xâm lược và số phận của lũ vua quan phản dân hại nước.

***Tích hợp QPAN: Hình ảnh bộ đội kéo pháo, dân công chở lương thực trong chiến dịch Điện Biên Phủ.**

II. Chuẩn bị:

1. Giáo viên: Sưu tầm tranh ảnh Nguyễn Huệ, bản đồ chiến lược trận Quang Trung đại chiến quân Thanh, phiếu học tập, Sgk, TKBG, hình ảnh bộ đội kéo pháo, dân công chở lương thực trong chiến dịch Điện Biên Phủ.

2. Học sinh:

- Đọc, soạn kỹ đoạn trích, tìm hiểu kỹ thể loại
- Tìm các dẫn chứng tiêu biểu (lấy chì gạch SGK)
- Sưu tầm tư liệu về trận Quang Trung đại chiến quân Thanh.

III. Tiến trình tổ chức các hoạt động:

1. Khởi động: (3p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
GV tóm tắt diễn biến ở hai hồi trước: Khi N.Huệ báo quân ra bắc để bắt Vũ Văn	Lắng nghe	

Nhậm thì Lê Chiêu Thống sợ hãi bỏ thành Thăng Long chạy lên phía Bắc, chiêu mộ quân cần vương nhưng không đủ sức đối địch với quân T.Sơn. Chiêu Thống cử Lê Duy Đăng và Trần Danh Ấn sang TQ cầu viện Tôn Sĩ Nghị. Nghị muốn nhân cơ hội này thôn tính nước ta, được triều đình Mãn Thanh đồng ý, Nghị kéo đại quân sang nước ta với danh nghĩa là phù Lê, diệt Tây Sơn. Quân T.Sơn rút lui về Tam Điệp. Quân Tôn Sĩ Nghị càng kiêu căng tự mãn. Lê Chiêu Thống cũng theo Nghị về lại TL & được phong chức An Nam Quốc Vương. Các giấy tờ đều dùng niên hiệu Càn Long, Vua thường đợi ở doanh trại để nghe Nghị truyền việc quân, việc nước. -Mở đầu hồi 14 là đoạn của quân tướng Tôn Sĩ Nghị chỉ lo chơi bời, tiệc tùng, chủ quan, khinh giặc.		

2.Hình thành kiến thức: (73 p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
I/Tìm hiểu chung -GV yêu cầu hs đọc chú thích, trình bày những hiểu biết về tác giả, tác phẩm -GV giới thiệu về hoàn cảnh xã hội, tác giả, tác phẩm <i>Hoàng Lê nhất thống chí</i> và hồi thứ 14. - Hoàn cảnh xã hội: <i>Nửa cuối thế kỉ XVIII, nửa đầu thế kỉ XIX, xã hội VN có nhiều biến động lịch</i>	HS đọc chú thích * và (1). Trình bày những hiểu biết về tác giả, tác phẩm - Tác giả: <i>Ngô gia văn phái gồm những tác giả thuộc dòng họ Ngô Thì – dòng họ nổi tiếng về văn học lúc bấy giờ – ở làng Tả Thanh Oai, huyện Thanh Oai (nay thuộc Hà Nội), trong đó hai tác giả chính là:</i> + <i>Ngô Thì Chí (1753-1788), em ruột Ngô Thì Nhậm, làm quan dưới thời Lê Chiêu Thống.</i> + <i>Ngô Thì Du (1772-1840), anh em chú bác ruột với Ngô Thì Chí, làm quan dưới triều nhà Nguyễn.</i>	I. Tìm hiểu chung: 1. Tác giả: Ngô gia văn phái (SGK)

sử: sự khủng hoảng của chế độ PK, mưu đồ của kẻ thù xâm lược. Hãy cho biết đại ý của đoạn trích? *Thảo luận cặp đôi 2p: Phân tích bố cục của đoạn trích? ->Gv yêu cầu các nhóm trình bày, nhận xét. ->Gv chốt II/Phân tích Yêu cầu HS đọc đoạn văn 1,2 *Thảo luận nhóm 3p, hoàn thành Phiếu HT: Tìm chi tiết viết về Ng.Huệ	- Tác phẩm: bằng chữ Hán, viết theo lối chương hồi, là cuốn tiểu thuyết lịch sử có quy mô lớn, tái hiện một giai đoạn lịch sử đầy biến động của xã hội phong kiến VN vào khoảng 30 năm cuối của thế kỉ XVIII và mấy năm đầu của thế kỉ XIX. Gồm 17 hồi, phần trích là hồi thứ 14, viết về sự kiện vua Quang Trung đại phá quân Thanh. - Ghi chép sự thống nhất của vương triều nhà Lê vào thời điểm Tây Sơn diệt Trịnh trả lại Bắc Hà cho vua Lê. - Đoạn trích miêu tả chiến thắng lẫy lừng của vua Quang Trung, sự thất bại thảm hại của quân tướng nhà Thanh và số phận của vua quan phản nước, hại dân. - Bố cục: Có thể chia 3 đoạn như sau: + Đoạn 1 (Từ đầu ... tháng chạp năm Mậu thân): Được tin quân Thanh đã chiếm Thăng Long, Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế và thân chinh cầm quân đánh giặc. + Đoạn 2 (Vua Quang Trung tự mình ... kéo vào thành): Cuộc hành quân thần tốc và chiến thắng lẫy lừng của vua Quang Trung. + Đoạn 3 (Lại nói Tôn Sĩ Nghị ... làm xấu hổ): Sự đại bại của quân tướng nhà Thanh và tình trạng thảm hại của vua tôi Lê Chiêu Thống. HS đọc đoạn văn viết về nhân vật NH,	2. Tác phẩm: -Viết bằng chữ Hán, theo lối chương hồi. -Gồm 17 hồi, phần trích là hồi thứ 14, viết về sự kiện vua Quang Trung đại phá quân Thanh. -Bố cục: 3 phần. II. Phân tích. 1/ Hình tượng người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ:

và nhận xét đánh giá về hình tượng anh hùng này qua các biểu hiện: - Hành động (N1) - Trí tuệ (N2) -Tâm nhìn- Cách nhìn người, dùng người (N3) - Tài dụng binh, cầm quân; Xuất hiện trong chiến trận (N4) ->Yêu cầu các nhóm trình bày, nhận xét ->Gv nhận xét, chốt -Trình chiếu lời phủ dụ quân lính -Tóm tắt diễn biến cuộc hành quân thần tốc của QT: 25 tháng chạp bắt đầu xuất quân ở Phú Xuân (Huế), 1 tuần lễ sau đã ra đến Tam Điệp(Thanh Hoá-cách Huế 500km). đêm 30 tháng chạp đã “Lập tức lên đường” tiến quân ra T/long. Tất cả đều đi bộ. Từ Thanh Hoá trở ra (Khoảng hơn 150 km) vừa hành quân vừa đánh giặc. QT dự định morgen 7 sẽ ăn tết ở TL.	- Khi nghe tin giặc chiếm thành TL, mất cả một vùng đất đai rộng lớn mà không hề nao núng, “định thân chinh cầm quân đi ngay”. Rồi chỉ trong vòng một tháng, ông đã làm bao nhiêu là việc lớn: “tê cáo trời đất” lên ngôi hoàng đế, “đốc suất đại binh” ra Bắc, gặp gỡ người cống sĩ ở huyện La Sơn”, tuyển mộ quân lính và mở cuộc duyệt binh. =>Hành động mạnh mẽ, quyết đoán - Sáng suốt trong việc phân tích tình hình thời cuộc, tương quan lực lượng giữa ta và địch: Ông khẳng định chủ quyền dân tộc của ta và lên án hành động xâm lăng phi nghĩa trái đạo trời của giặc “Đất nào sao ấy, đều đã phân biệt rõ ràng”; nêu bật dã tâm của giặc “bụng dạ ắt khác...giết hại nhân dân, vơ vét của cải”; kêu gọi quân lính “đồng tâm hiệp lực”; ra kỉ luật nghiêm - Lời phủ dụ xem như một bài hịch ngắn gọn mà ý tứ thật phong phú, sâu xa. Nó có tác động kích thích lòng yêu nước và truyền thống quật cường của dân tộc. - Cách xử trí 2 tên Sở và Lân rất sáng suốt, khiến 2 tên này “đều mang guơm trên lưng mà xin chịu tội”. Ông rất hiểu sở trường, sở đoản của các tướng sĩ, khen chê đúng người, đúng việc... =>Trí tuệ sáng suốt, nhạy bén. - Mới khởi binh đánh giặc, QT đã nói chắc như đinh đóng cột “phương lược tiến đánh đã có tính sẵn”, lại còn tính sẵn cả kế hoạch ngoại giao	- Con người hành động mạnh mẽ, quyết đoán. - Trí tuệ sáng suốt, nhạy bén. - Ý chí quyết thắng, có tầm nhìn xa rộng - Tài dụng binh như thần

Hành quân xa nhưng đội quân chinh tề -Qua đó, hình ảnh người anh hùng Nguyễn Huệ được khắc hoạ như thế nào? -Theo em, nguồn cảm hứng nào đã chi phối ngòi bút của tác giả khi viết về hình ảnh người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ? Vì sao họ lại viết hay về Nguyễn Huệ như vậy? *Tích hợp QPAN: Hình ảnh lâm liệt của vua Quang Trung cùng với binh lính trong cuộc đại phá quân Thanh nhắc chúng ta nhớ lại trận chiến Điện Biên phủ với hình ảnh toàn quân tập	sau khi chiến thắng với một nước gấp 10 lần nước mình... => Ý chí quyết thắng và tầm nhìn xa trông rộng - Cuộc hành quân thần tốc : 25 tháng chạp xuất quân ở Huế, 1 tuần sau đã đến tam Điệp (T. Hóa- cách Huế 500km), đêm 30 tết tiếp tục hành quân ra Thăng Long (cách 150km), vừa đi vừa đánh mà quân nào cũng chinh tề, mùng 5 tết đã đến nơi -> tài tổ chức của QT. => Tài dụng binh như thần - Trong cảnh “Khói toả mù trời, cách gang tấc không thấy gì”, nổi bật hình ảnh vua cỡi voi đi đốc thúc. Đoạn văn miêu tả cụ thể từng hành động, lời nói của nhân vật chính, từng trận đánh và những mưu lược tính toán, thế đối lập giữa 2 đội quân => lâm liệt trong chiến trận - Nhận xét....- Tác giả Ngô Văn Phái là một cự thần , chịu ơn sâu nghĩa nặng của nhà Lê, nhưng họ đã không thể bỏ qua sự thực là ông vua Lê hèn yếu, đã cống rắn cắn gà nhà và chiến công lừng lẫy của Quang Trung là niềm tự hào lớn của dân tộc. Vì vậy, họ vẫn có thể viết thực và hay như vậy về người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ. Quan sát các hình ảnh, nêu cảm nhận sau khi xem	- Hình ảnh lâm liệt trong chiến trận.

trung cho trận chiến mang ý nghĩa quyết định, đề rồi nhắc nhở chúng ta sống phải có trách nhiệm với quá khứ hào hùng của dân tộc. -Đọc lại đoạn văn miêu tả sự thảm bại của quân tướng nhà Thanh. - Vì sao chúng lại thất bại nặng nề? -Tìm những chi tiết tiêu biểu trong đoạn trích để minh họa cảnh quân, tướng nhà Thanh thất bại? -Lê Chiêu Thống và những bề tôi trung thành của ông đã vì lợi ích riêng mà đem vận mệnh dân tộc đặt vào tay kẻ thù xâm lược.Số phận bi đát của bọn phản nước hại dân này được miêu tả như thế nào? - Em có nhận xét gì về lối văn trần thuật của tác giả? *Thảo luận cặp đôi 2p: Hãy so sánh 2 đoạn văn miêu tả 2 cuộc tháo chạy, một của quân tướng nhà	Đọc đoạn văn - Tôn sĩ Nghị xâm chiếm An Nam nhằm mục đích riêng, lại kiêu căng, bất tài , gặp phải tướng giỏi Quang Trung nên chúng thất bại là điều tất nhiên. - Nêu ra những chi tiết tiêu biểu... Bảng phụ. Trình bày kết quả <i>Lê Chiêu Thống hốt hoảng “đưa thái hậu ra ngoài” chạy bán sống bán chết, cướp cả thuyền dân để qua sông, “luôn mấy ngày không ăn”. May gặp người thổ hào đón về cho ăn và chỉ đường chạy trốn. Đuổi kịp được Tôn Sĩ Nghị, vua tôi chỉ còn biết “nhìn nhau than thở, oán giận chảy nước mắt”</i> Thảo luận, so sánh:Tất cả đều là tả thực, với những chi tiết cụ thể nhưng âm hưởng lại rất khác nhau:	2. Sự thất bại thảm hại của bọn cướp nước, bán nước: *Bọn cướp nước: -Sầm Nghi Đống thắt cổ tự vẫn -Tôn Sĩ Nghị dẫn quân chèo trước -Quân Thanh tranh nhau tháo chạy qua sông, xô đẩy rơi xuống sông chết ->Thất bại thảm hại *Bọn bán nước: -Cướp thuyền vượt sông;mấy ngày không ăn, chạy lên cửa ải -Nhìn nhau than thở, oán giận,chảy nước mắt *Bi thảm, vong quốc, đón hèn, nhục nhã

Thanh, một cửa vua tôi Lê Chiêu Thống? - Nêu những thành công về nghệ thuật của tác phẩm? - Khái quát nội dung của văn bản? - Nêu ý nghĩa của văn bản? GV chốt ý, rút ra ghi nhớ.	+ Đoạn văn trên nhịp điệu nhanh mạnh, hồi hả “ngựa không kịp đóng yên, người không kịp mặc áo giáp”, “tan tác bỏ chạy, tranh nhau qua cầu sang sông...” + Ở đoạn dưới, nhịp điệu có chậm hơn. Tác giả dừng lại miêu tả tỉ mỉ những giọt nước mắt thương cảm của người thổ hào, nước mắt tủi hổ của Lê Chiêu Thống. * Là những cự thần nhà Lê, tác giả không khỏi cúi lòng trước sự sụp đổ của một vương triều mà mình từng phụng thờ, dù hiểu đó là kết cục không thể tránh khỏi. -Trả lời cá nhân Văn bản ghi lại hiện thực lịch sử hào hùng của dân tộc ta và hình ảnh người anh hùng Nguyễn Huệ trong chiến thắng mùa xuân năm Kỉ Dậu (1789) Hs đọc ghi nhớ.	III. Tổng kết. 1. Nghệ thuật: + Lựa chọn trình tự kể theo diễn biến các sự kiện lịch sử. + Khắc họa nhân vật lịch sử với ngôn ngữ kể, tả chân thực, sinh động. + Giọng điệu trần thuật phù hợp. 2. Nội dung: Ghi nhớ/sgk 3. Ý nghĩa: Hiện thực lịch sử hào hùng của dân tộc ta và hình ảnh người anh hùng Nguyễn Huệ. *Ghi nhớ sgk/72

3. Luyện tập (3p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
<i>Yêu cầu HS trả lời các câu hỏi trắc nghiệm:</i> 1/ Tác giả của Hoàng Lê nhất thống chí là ai?	Trả lời cá nhân	

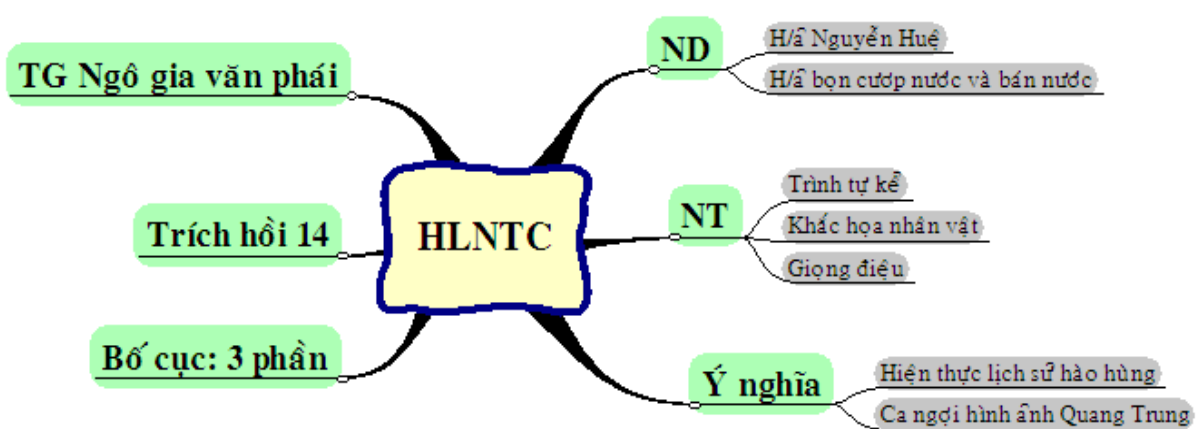
A- Ngô Thì Chí B- Ngô Thì Du C- Cả a,b đều đúng C- Cả a,b đều sai 2/ Tính cách anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ được khắc hoạ như thế nào? A- Có tính quả cảm, mạnh mẽ. B- Có trí tuệ sáng suốt, nhạy bén C- Có tài dụng binh như thần D- Tất cả đều đúng		

4. Tìm tòi, mở rộng (8p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
Cho hs xem video về trận Quang Trung đại phá quân Thanh <i>Kết hợp giáo dục hs lòng yêu nước, tự hào về truyền thống anh hùng bất khuất của dân tộc ta. Thế hệ hôm nay phải tiếp bước truyền thống cha anh đi trước.</i>	Xem video	

*Hướng dẫn tự học (3p)

- Nắm được diễn biến các sự kiện lịch sử trong đoạn trích
- Vẽ sơ đồ tư duy khái quát nội dung bài học



- Cảm nhận và phân tích được một số chi tiết nghệ thuật đặc sắc trong đoạn trích.
- Hiểu và dùng được một số từ Hán Việt thông dụng được sử dụng trong văn bản.
- Em hãy viết một đoạn văn ngắn miêu tả lại chiến công thần tốc đại phá quân Thanh của vua QT từ tối 30 tết đến ngày mùng 5 tháng giêng năm Kỷ Dậu.

-
- Tiết học tiếp theo: Sự phát triển của từ vựng (tt):
 - + Đọc kĩ nội dung bài học
 - + Trả lời các câu hỏi sau phần ngữ liệu
 - + Xem trước phần luyện tập

HÌNH ẢNH BỘ ĐỘI, DÂN CÔNG TRONG CHIẾN DỊCH ĐIỆN BIÊN PHỦ



Ngày 20/11/1953, quân Pháp nhảy dù xuống Điện Biên Phủ, mở đầu giai đoạn chiếm đóng vùng đất xứ Thái, Tây Bắc Việt Nam.

Ngày 6/12/1953, tại Tỉn Keo, xã Phú Đình, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên, Chiến khu Việt Bắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng với các đồng chí trong Bộ Chính trị thông qua chủ trương, kế hoạch tác chiến Đông – Xuân (1953 – 1954), quyết định mở Chiến dịch Điện Biên Phủ.



Dân công, thanh niên xung phong mở đường vào Điện Biên Phủ.



Sử dụng xe đạp thồ vượt qua những đường đèo hiểm trở, nơi xe cơ giới không thể đi qua, để vận chuyển vũ khí lương thực và nhu yếu phẩm tiếp tế cho các chiến sĩ ở mặt trận



Quân dân kéo pháo vượt núi tiếp cận chiến trường Điện Biên Phủ



Sau 56 ngày đêm chiến đấu, hy sinh, gian khổ, quân và dân Việt Nam đã tiêu diệt toàn bộ Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Chiều ngày 7/5/1954, lá cờ "Quyết chiến, quyết thắng" tung bay trên nóc hầm De Castres

TIẾT 21	SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TỪ VỰNG (TT)	NS: 1/10/2023

I.MỤC TIÊU: Giúp HS:

1. Kiến thức:

- Nắm được thêm hai cách quan trọng để phát triển từ vựng tiếng Việt là tạo thêm từ mới

Và mượn từ ngữ của tiếng nước ngoài.

- Nhận biết từ ngữ mới được tạo ra và những từ ngữ mượn của tiếng nước ngoài

2. Năng lực:

- Năng lực chung: Tiếp nhận, hợp tác, trình bày, giải bài tập

- Năng lực chuyên biệt: Sử dụng từ ngữ mượn tiếng nước ngoài phù hợp. Không lạm dụng từ mượn tiếng nước ngoài. Nhận biết từ ngữ mới được tạo ra và những từ mượn của nước ngoài.

3. Phẩm chất:

- Có ý thức sử dụng vốn từ ngữ tiếng Việt trong giao tiếp.

- Mượn từ để làm giàu vốn từ nhưng vẫn phải giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

II.CHUẨN BỊ:

1.Giáo viên: Sgk, Sgv, TKBG, phiếu HT

2. Học sinh : Đọc trước, tìm VD về từ ngữ mới, đóng vai theo tình huống giáo viên yêu cầu, tìm một số từ ngữ mới.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC

1. Khởi động (4p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Gọi Hs đóng vai theo tình huống đã yêu cầu: (Đóng vai: một bà một cháu) <i>Bà đang ngồi xem lại túi tiền. Cháu đi học về:</i> -Thưa bà con đi học về. -Mén về rồi hả con. Rửa bữa ni học ở trường có chi dui hông con?(Bà lấy kính ra nheo mắt nhìn cháu) -Dạ dui lắm bà nội, mà cũng buồn thiệt. (Thay đổi nét mặt) -Chứ cái chi mà dui dui buồn rửa con? Nói nội nghe coi!	-Đóng vai	

-Dạ vui là con được cô cho 10đ kiểm tra miệng môn văn á nội. Còn buồn á hả... (gãi đầu) Lóp con tuần trước được cò luân lưu, rứa mà bữa ni trong giờ toán, bạn Đồng đem đt thông minh lên chat chít, online, lướt facbook, làm thầy trừ hết điểm ở số đầu bài luôn -Ừa từ từ, chứ đt thông minh rồi online, facbook là cái giống chi rứa con? -Á ờ, con xin lỗi nội, để từ từ, chứ con mời nội xuống dưới ni ngồi theo dõi, tui con học cái tiết ni rồi nội hiểu liền hể. (dù bà nội xuống, vừa đi vừa nói): mà nội đừng có ăn trầu á nghe nội. ->Trong đoạn đối thoại trên, có những từ nào mới xuất hiện? ->Gv dẫn dắt vào bài	chat chít, online, lướt fakebook	

2. Hình thành kiến thức (16p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
I. Tạo từ ngữ mới: -Trình chiếu và yêu cầu HS đọc mục 1,2 SGK/72 *Thảo luận nhóm 5p, hoàn thành Phiếu HT 1 Hãy cho biết trong thời gian gần đây có những từ ngữ nào mới được cấu tạo trên cơ sở các từ sau: <i>điện thoại, kinh tế, di động, sở hữu, trí thức, đặc khu, trí tuệ</i>? Giải thích nghĩa của những từ đó? 2. Trong TV có những từ ngữ được cấu tạo theo mô hình: “X + tặc” Hãy tìm những từ ngữ mới xuất hiện theo mô hình đó?	Nhận phiếu học tập, thảo luận, cử đại diện trình bày - Điện thoại di động, sở hữu trí tuệ, kinh tế tri thức, đặc khu kinh tế) + Điện thoại di động: Điện thoại vô tuyến nhỏ mang theo người, sử dụng trong vùng phủ sóng của cơ sở hạ tầng thu phát. + Kinh tế tri thức: Nền KT dựa chủ yếu vào sx, lưu thông, phân phối sản phẩm có hàm lượng tri thức cao	I. Tạo từ ngữ mới:

2.Tìm hiểu cách mượn từ ngữ nước ngoài. - Trình chiếu và gọi HS đọc yêu cầu mục II.1 *Thảo luận cặp đôi 2p: Nêu những từ ngữ Hán Việt trong đoạn thơ và đoạn văn. Những từ ngữ trên, ta mượn của tiếng nước nào? ->Gv yêu cầu đại diện trình bày, nhận xét -Tìm tên một số bạn trong lớp mượn từ tiếng Hán? <i>Trình chiếu và gọi hs đọc phần II.2</i> Tiếng Việt dùng những từ nào để chỉ: a- bệnh mất khả năng miễn dịch gây tử vong. b-..... nghiên cứu một cách có hệ thống để tiêu thụ hàng hoá. - Những từ đó có gốc từ đâu? -Hãy tìm thêm 1 số từ vay mượn từ tiếng nước ngoài? -Vậy mượn tiếng nước ngoài có vai trò gì? GV chuẩn hóa kiến thức - Trong hai loại từ mượn tiếng Hán và tiếng nước khác từ tiếng nào được mượn nhiều hơn? Vì sao? TH Sử: Vì đất nước ta trải qua 1000 năm bị đô hộ của giặc phương Bắc: Giặc Minh,	<i>a.thanh minh,, lễ, tảo mộ,, đập thanh, yến anh, bộ hành, tài tử, giai nhân.</i> <i>b.bạc mệnh, duyên phận, thần, linh, chứng giám, thiếp, đoan trang, tiết, trinh bạch, ngọc.</i> -Tiếng Hán -hs tìm HD độc lập Đọc yêu cầu mục II.2 HD độc lập (vấn đáp) - AIDS, Marketing.(tiếng Anh) - Từ mượn của nước ngoài. - Từ của tiếng Hán. - Internet; wifi, salon, yên, sên HS đọc mục ghi nhớ. Tiếng Hán HS giải thích theo hiểu biết	<i>Ghi nhớ (SGK/74)</i>

Nguyên- Mông, giặc Thanh... nhưng với lòng yêu nước, ý thức dân tộc mãnh liệt, ông cha ta đã giành lại độc lập chủ quyền cho đất nước. KNS: không nên lạm dụng từ mượn quá nhiều, sẽ làm mất đi sự trong sáng của tiếng Việt. Lấy lại ý của BH chúng ta “ Đòi sống xã hội ngày càng phát triển và đổi mới. Có những chữ ta không có sẵn và khó dịch đúng thì ta cần mượn chữ nước ngoài. Ví dụ : “ độc lập, giai cấp, cộng sản...”. Còn những chữ tiếng ta có tại sao lại không dùng? Ví dụ không gọi xe lửa mà gọi là “hoả xa”... Tiếng nói là thứ tiếng vô cùng lâu đời và quý báu của dân tộc. Chúng ta phải giữ gìn nó, làm cho nó phổ biến ngày càng rộng khắp. Của mình có mà không dùng lại đi mượn của nước ngoài, đó chẳng phải là đầu óc quen ỉ lại hay sao?		

3.Luyện tập (15p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Bài 2: *Thảo luận nhóm 3p Tìm 5 từ ngữ mới phổ biến hiện nay ->Gv yêu cầu đại diện trình bày, nhận xét	Thảo luận, trình bày	III.Luyện tập Bài 2: - <i>Bàn tay vàng</i>: bàn tay giỏi khéo léo hiếm có trong việc thực hiện một thao tác lao động hoặc kỹ thuật nhất định. - <i>Đa dạng sinh học</i>: phong phú ,đa dạng về nguồn gen, về giống loài sinh vật trong tự nhiên.

Bài 3: *Trò chơi Ai nhanh ai giỏi -Trong vòng 3p, 2 bạn làm nhanh nhất, sẽ được Gv chấm và ghi điểm Bài 4: *Thảo luận cặp đôi 3p: 1/Vẽ sơ đồ tư duy khái quát những cách phát triển từ vựng 2/ Trả lời câu hỏi: từ vựng của một ngôn ngữ có thể không thay đổi được không? ->Gv gọi đại diện trình bày ->Gv chốt ý	Tham gia Thảo luận, trình bày	- <i>Cơm bụi</i> : cơm giá rẻ, thường bán trong hàng quán tạm bợ. - <i>Đường cao tốc</i>: đường xây dựng theo tiêu chuẩn đặc biệt dành riêng cho các loại xe cơ giới chạy với tốc độ cao. - <i>Thương hiệu</i>: nhãn hiệu thương mại - <i>Cầu truyền hình</i>: Hình thức truyền hình tại chỗ cuộc giao lưu, đối thoại trực tiếp với nhau qua hệ thống Ca-mê-ra giữa các địa điểm cách xa nhau Bài 3: <table><tr><th><i>Từ mượn T. Hán</i></th><th><i>Từ mượn ngôn ngữ châu Âu</i></th></tr><tr><td>mãng xà, biên phòng, tham ô, tô thuế, phê bình, phê phán, ca sĩ, nô lệ</td><td>xà phòng, ô tô, ra- đi-ô, ô xi, cà phê, ca nô</td></tr></table> Bài 4: SỰ PHÁT TRIỂN TỪ VỰNG Phát triển về nghĩa Phương thức ẩn dụ Phương thức hoán dụ Phát triển về số lượng Tạo từ mới Từ mượn Từ vựng của một ngôn ngữ không thể không thay đổi bởi thế giới tự nhiên và XH quanh ta không ngừng vận động và phát triển.Nhận thức của con người vì thế cũng không ngừng vận động, phát triển theo.Nhu cầu giao tiếp của con người cũng sẽ biến đổi .Nếu từ vựng của một ngôn ngữ không thay đổi, không phát triển thì sẽ không thể đáp ứng được nhu cầu giao tiếp và nhận thức của người bản ngữ	<i>Từ mượn T. Hán</i>	<i>Từ mượn ngôn ngữ châu Âu</i>	mãng xà, biên phòng, tham ô, tô thuế, phê bình, phê phán, ca sĩ, nô lệ	xà phòng, ô tô, ra- đi-ô, ô xi, cà phê, ca nô
<i>Từ mượn T. Hán</i>	<i>Từ mượn ngôn ngữ châu Âu</i>					
mãng xà, biên phòng, tham ô, tô thuế, phê bình, phê phán, ca sĩ, nô lệ	xà phòng, ô tô, ra- đi-ô, ô xi, cà phê, ca nô					

4.Vận dụng (6p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Viết đoạn văn ngắn có sử dụng một số từ ngữ mới ->Gv gọi hs đọc đoạn văn ->Gv nhận xét	Viết đoạn văn	

5. Tìm tòi, mở rộng (2p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Tìm một số từ ngữ mới	Trả lời	

*Hướng dẫn tự học (2p)

- Nắm nội dung bài học
- Hoàn thiện các bài tập
- Đọc phần Đọc thêm
- Chuẩn bị bài: Truyện Kiều của Nguyễn Du
- + Trả lời các câu hỏi phần đọc hiểu
- + Tìm hiểu tư liệu về tác giả, tác phẩm

TIẾT 22,23	TRUYỆN KIỀU CỦA NGUYỄN DU	NS: 1/10/2023

I. Mục tiêu cần đạt: Giúp học sinh:

1. Kiến thức:

- Cuộc đời, con người, sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Du.
- Nhân vật, sự kiện, cốt truyện của Truyện Kiều.
- Thể thơ lục bát truyền thống của dân tộc trong một tác phẩm văn học trung đại.
- Những giá trị cơ bản về nội dung và nghệ thuật của Truyện Kiều

2. Năng lực:

- **Năng lực chung:** tiếp nhận, giải quyết vấn đề, tư duy logic, phân tích, hợp tác, trình bày

- **Năng lực chuyên biệt:**

- + Đọc- hiểu một tác phẩm truyện thơ Nôm trong văn học trung đại.
- + Nhận ra những đặc điểm nổi bật về cuộc đời và sáng tác của một tác giả trung đại.

3. Phẩm chất:

- Cảm nhận tài năng lỗi lạc của Nguyễn Du
- Thấy được Truyện Kiều là kiệt tác của văn học dân tộc.
- *Tích hợp: Bồi dưỡng tình cảm yêu mến, tự hào và có ý thức học tập những thành công của tác phẩm.

II. Chuẩn bị:

1. Giáo viên : SGK, SGK, tác phẩm Truyện Kiều của Nguyễn Du, tranh, tượng đài về tác giả, tác phẩm, video về truyện Kiều

2. Học sinh : Đọc soạn kỹ nội dung bài học, tư liệu về tác giả, tác phẩm

III. Tiến trình tổ chức các hoạt động:

*** Kiểm tra 15p**

- Hình tượng người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ được khắc họa như thế nào?
- Sự thảm bại của quân tướng nhà Thanh và số phận bi đát của vua tôi Lê Chiêu Thống phản nước hại dân đã được miêu tả như thế nào? Em có nhận xét gì về thái độ của tác giả khi miêu tả cảnh trên?

1. Khởi động (3p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
- GV giới thiệu tranh chụp tượng đài Nguyễn Du, HS cho biết tượng đài này tạc chân dung của nhà thơ nào?	Quan sát -Lắng nghe	

-GV: Sống trong một giai đoạn lịch sử đầy biến động, nổi đau thời thế kết hợp với trái tim nhạy cảm tràn trề tình yêu thương, Ng.Du viết nên Truyện Kiều. Tác phẩm là tiếng kêu thương về thân phận con người, là kiệt tác VH Việt Nam và thế giới, là đỉnh cao của văn học chữ Nôm TK XIX, là niềm tự hào của VH VN, dân tộc Việt Nam.		

2. Hình thành kiến thức (60p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
I. Tác giả -HS đọc phần I -HS quan sát tranh minh họa chân dung trên màn hình *Thảo luận cặp đôi 3p: Em hãy nêu những nét chính về cuộc đời, con người Nguyễn Du có ảnh hưởng tới sự nghiệp văn học của ông? ->GV nhấn mạnh những điểm cơ bản. - Em có thể nêu những câu thơ nào trong truyện thể hiện được điều đó?	*ND sinh trưởng trong một thời đại có nhiều biến động dữ dội: - XHPKVN bước vào thời kỳ khủng hoảng trầm trọng, phong trào nông dân khởi nghĩa nổ ra liên tục mà đỉnh cao là cuộc khởi nghĩa Tây Sơn. - Những thay đổi ấy đã tác động tới tình cảm, nhận thức của ND để ông hướng ngòi bút vào hiện thực. “Trải qua một cuộc bể dâu. Những điều trông thấy mà đau đớn lòng”. * Gia đình ND là một gia đình đại quý tộc, nhiều đời làm quan và có truyền thống về văn học, cha đỗ tiến sĩ, từng làm tể tướng. Nhưng cuộc sống đó không kéo dài với ND được bao lâu. Nhà thơ mồ côi cha từ năm 9 tuổi và mồ côi mẹ năm 12 tuổi. Hoàn cảnh gia đình cũng có tác động lớn tới cuộc đời ND. * ND là người hiểu biết sâu rộng, có vốn sống phong phú. Trong biến động của lịch sử, nhà thơ đã sống nhiều năm lưu lạc, tiếp xúc với	I. Tác giả : -Chịu ảnh hưởng của truyền thống gia đình đại quý tộc -Chứng kiến những biến động dữ dội nhất trong LS phong kiến VN, Nguyễn Du hiểu sâu sắc nhiều vấn đề của đời sống XH => tác động đến nhận thức, tình cảm để ông hướng ngòi bút vào hiện thực

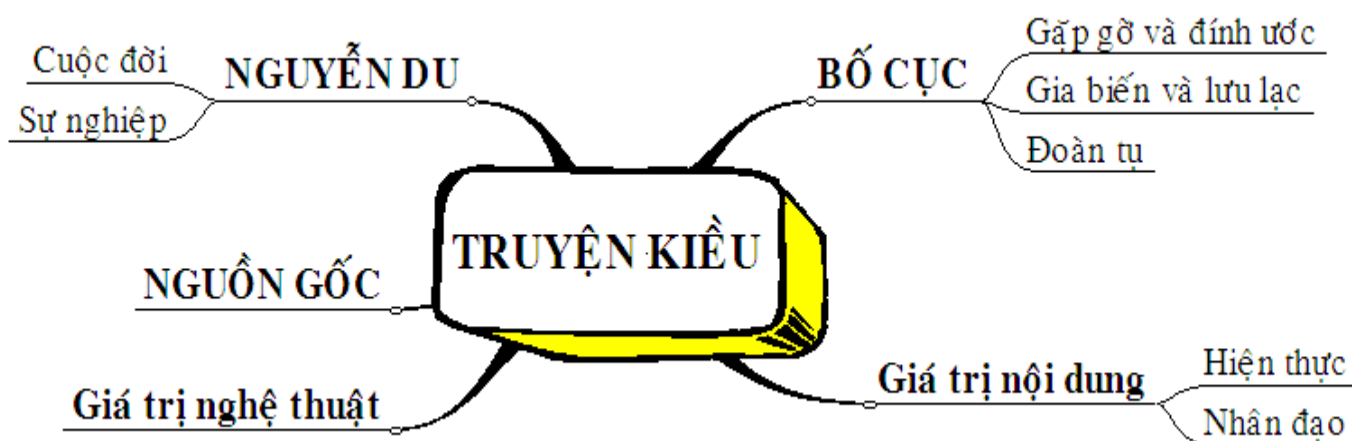
- Về sự nghiệp văn học, Nguyễn Du có gì nổi bật? II/Truyện Kiều -GV cho HS xem tác phẩm TK –NXB Văn học, xem tranh chụp các tác phẩm TK dịch ra tiếng Pháp, Anh trên màn hình	nhiều cảnh đời, những con người, những số phận khác nhau. Khi ra làm quan với nhà Nguyễn, ông đã từng đi sứ Trung Quốc, qua nhiều vùng đất Trung Hoa rộng lớn với nền văn hóa rực rỡ. Đi nhiều, tiếp xúc nhiều, từng trải trong cuộc sống...tất cả những điều đó đã có ảnh hưởng lớn đến sáng tác của nhà thơ. - ND là con người có trái tim giàu lòng yêu thương. Chính nhà thơ đã từng viết trong truyện Kiều: “Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài”. Mộng Liên Đường- chủ nhân trong lời tựa Truyện Kiều cũng đề cao tấm lòng Nguyễn Du đối với con người, với cuộc đời: “Lời văn tả ra hình như máu chảy ở đầu ngọn bút, nước mắt thấm trên tờ giấy khiến ai đọc đến cũng phải thấm thía, ngậm ngùi đau đớn đến đứt ruột. Nếu không phải có con mắt trông thấu cả sáu cõi, tấm lòng nghĩ suốt cả nghìn đời thì tài nào có cái bút lực ấy”. * Nguyễn Du là một thiên tài văn học ở cả sáng tác chữ Hán lẫn chữ Nôm. - Về chữ Hán, ông có 3 tập thơ: Thanh Hiên thi tập, Nam trung tạp ngâm, Bắc hành tạp lục (với tổng số 243 bài) - Về chữ Nôm: ngoài Truyện Kiều còn có Văn chiêu hồn, ... a. Nguồn gốc: Truyện Kiều có cốt truyện từ một tác phẩm văn học Trung Quốc (Kim Vân Kiều truyện của Thanh Tâm Tài Nhân) nhưng	-Những thăng trầm trong đời sống riêng tư là cho tâm hồn ND tràn đầy cảm thông , yêu thương con người II. Truyện Kiều 1. Nguồn gốc:

- Gv giới thiệu tóm tắt lai lịch Truyện Kiều : Được viết vào đầu TK 19(1805-1809). - Gọi 1,2 HS đọc - Yêu cầu hs tóm tắt trước nhóm của mình, sau đó cử đại diện tóm tắt trước lớp - GV hướng dẫn HS tìm hiểu giá trị của nội dung và nghệ thuật Truyện Kiều + Em hiểu như thế nào về giá trị hiện thực của Truyện Kiều? + Em hiểu như thế nào về giá trị nhân đạo của TK . -GV hướng dẫn HS tìm hiểu giá trị nghệ thuật của Truyện Kiều? - Gv giảng: Truyện Kiều đạt tới đỉnh cao của ngôn ngữ nghệ thuật về biểu đạt, biểu cảm, thẩm mĩ. - Nguyễn Du kể chuyện đã có 3 hình thức : + Trực tiếp (lời nhân vật) + Gián tiếp (lời tác giả)	phần sáng tạo của ND là hết sức lớn, mang ý nghĩa quyết định thành công của tác phẩm (sáng tạo từ nghệ thuật tự sự, kể chuyện bằng thơ đến nghệ thuật xây dựng nhân vật, miêu tả thiên nhiên) với cảm hứng nhân đạo cao cả xuất phát từ cuộc sống và con người Việt Nam. b. Tóm tắt truyện: 3 phần như SGK. Gặp gỡ và đính ước. Gia biến và lưu lạc. Đoàn tụ. c. Giá trị của Truyện Kiều: * Giá trị nội dung: có 2 giá trị lớn là hiện thực và nhân đạo. - Tác phẩm đã phản ánh sâu sắc hiện thực xã hội đương thời với bộ mặt tàn bạo của tầng lớp thống trị và số phận những con người bị áp bức đau khổ, đặc biệt là số phận bi kịch của người phụ nữ. - Giá trị nhân đạo với nội dung cơ bản nhất: Niềm thương cảm sâu sắc trước những đau khổ của con người; Sự lên án, tố cáo những thế lực tàn bạo; Sự trân trọng, đề cao con người từ vẻ đẹp hình thức tới những ước mơ, khát vọng chân chính. * Giá trị nghệ thuật: có nhiều thành tựu lớn về nhiều mặt. Hai thành tựu nổi bật nhất là ngôn ngữ và thể loại. - Với truyện Kiều, tiếng Việt đã đạt tới đỉnh cao ngôn ngữ nghệ thuật, nó không chỉ có chức năng biểu đạt (phản ánh), biểu cảm (thể hiện cảm	2. Tóm tắt TK: 3. Giá trị nội dung & nghệ thuật: a.Nội dung: - Giá trị hiện thực - Giá trị nhân đạo b.Giá trị nghệ thuật

+ Nửa trực tiếp (lời tác giả nhưng mang suy nghĩ, giọng điệu nhân vật) + Nghệ thuật miêu tả thiên nhiên + Khắc họa hình tượng nhân vật GV tổng kết lại nội dung bài học	xúc) mà còn có chức năng thẩm mỹ (vẻ đẹp của nghệ thuật ngôn từ). - Với truyện Kiều, nghệ thuật tự sự đã có bước phát triển vượt bậc. Ngôn ngữ kể chuyện đã có 3 hình thức: trực tiếp (lời nhân vật), gián tiếp (lời tác giả), nửa trực tiếp (lời tác giả nhưng mang suy nghĩ, giọng điệu nhân vật). Nhân vật xuất hiện với cả con người hành động (dáng vẻ bên ngoài) và con người cảm nghĩ (đời sống nội tâm bên trong). Nghệ thuật miêu tả thiên nhiên đa dạng, bên cạnh những bức tranh chân thực sinh động là những bức tranh tả cảnh ngụ tình. Hs đọc ghi nhớ.	III. Tổng kết: Ghi nhớ sgk.

3. Luyện tập (5p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Cho hs tham gia trò chơi: Ai nhanh hơn: - Chia lớp thành 2 đội - Vẽ sơ đồ tư duy khái quát nội dung bài - Thời gian 3p	Tham gia trò chơi	



4. Tìm tài, mở rộng (5p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Cho hs xem video sơ lược về truyện Kiều	Theo dõi	

* Hướng dẫn tự học (2p)

- Hs học thuộc ghi nhớ, tìm hiểu thêm về tác giả, nắm được nội dung cốt truyện, nắm được các giá trị nội dung và nghệ thuật của truyện
- Tóm tắt tác phẩm
- Tìm đọc bài thơ “Kính gửi cụ Nguyễn Du” của Tố Hữu, đọc trang tư liệu văn học: “tác giả tác phẩm nổi tiếng” trên internet
- Chuẩn bị cho tiết học mới: soạn văn bản “Chị em Thuý Kiều”:
 - + Đọc kĩ văn bản, phần chú thích
 - + Trả lời các câu hỏi phần đọc hiểu
- Vẽ tranh về nhân vật Thúy Vân, Thúy Kiều

TUẦN 6

TIẾT 24,25: CHỊ EM THÚY KIỀU

TIẾT 26,27: KIỀU Ở LẦU NGŨNG BÍCH

TIẾT 28: MIÊU TẢ TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ

TIẾT 24,25	Văn bản: CHỊ EM THÚY KIỀU (Trích Truyện Kiều-Nguyễn Du)	NS: 2/10/2023

I. Mục tiêu cần đạt:**1. Kiến thức:**

- Thấy được tài năng tâm lòng của thi hào Nguyễn Du qua một đoạn trích trong TK
 - Nắm được nghệ thuật miêu tả nhân vật của Nguyễn Du bằng bút pháp cổ điển.
- Thấy được cảm hứng nhân đạo trong đoạn trích: sự trân trọng và ca ngợi vẻ đẹp của con người.

2. Năng lực:

- **Năng lực chung:** Năng lực hợp tác, Năng lực giải quyết vấn đề, Năng lực tiếp nhận
- **Năng lực chuyên biệt:** Năng lực sử dụng ngôn ngữ để trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về tài năng tả người cũng như tâm lòng nhân đạo của Nguyễn Du qua đoạn trích, năng lực văn học.

3. Phẩm chất:

- Thái độ trân trọng, ca ngợi vẻ đẹp con người
- Rèn luyện, phát huy vẻ đẹp vốn có của bản thân

II. Chuẩn bị**1. Giáo viên:** TKBG, sgk, phiếu bài tập, tranh ảnh về chị em Thúy Kiều**2. Học sinh:**

- SGK, soạn bài. Giải thích các từ Hán việt, điển tích.
- Tập vẽ tranh minh họa Kiều và Vân

III. Tiến trình dạy học:**1. Khởi động (3p)**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
- Giới thiệu trình chiếu tranh 2 chị em Thúy Kiều và yêu cầu hs cho lời nhận xét về bức tranh. -> Dẫn dắt: Tác giả rất thành công khi miêu tả nhân vật trong tác phẩm Truyện Kiều. Đoạn trích Chị em Thúy Kiều giúp ta	Quan sát tranh và đưa ra lời bình	

hình dung vẻ đẹp tuyệt đỉnh của hai chị em Kiều cũng như tấm lòng của nhà thơ dành cho nhân vật trung tâm tác phẩm.		

2.Hình thành kiến thức (30P)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
I/Tìm hiểu chung - Yêu cầu hs đọc chú thích SGK. Và cho biết đoạn trích thuộc phần nào trong tác phẩm. Nội dung chính của đoạn là gì? - GV đọc mẫu một lần toàn văn bản, hướng dẫn cách đọc, yêu cầu 2-3 HS luyện đọc, cho các HS khác nhận xét. - GV theo dõi, hỗ trợ, nhận xét cách đọc * Cho HS quan sát các chú thích và trình bày - GV yêu cầu HS phân đoạn, tìm ý mỗi đoạn. -GV theo dõi, đối chiếu kết quả và chốt ý *Thảo luận cặp đôi 3p: 1/ Trình tự miêu tả chị em Kiều có gì đáng chú ý? 2/ Số lượng câu thơ dành cho mỗi người ra sao? Điều đó hé mở cho chúng ta biết điều gì? ->Gv gọi đại diện trình bày, nhận xét ->Gv nhận xét, chốt II/Đọc và hiểu văn bản Vẻ đẹp chung của hai chị em - GV cho HS đọc 4 câu thơ đầu trong SGK.	- HS đọc - HS trả lời - HS lắng nghe, đọc và nhận xét . HS lắng nghe HS quan sát và trình bày HS thảo luận nhóm và trình bày kết quả HS thảo luận và trình bày, nhận xét	I/ Tìm hiểu chung: 1.Vị trí đoạn trích. Đoạn trích thuộc phần đầu tác phẩm 2. Đại ý: - Ca ngợi vẻ đẹp của hai chị em Thúy Kiều. 3 Bố cục: - 4 câu đầu: Tả chung hai chị em. - 4 câu tiếp: Tả Thúy Vân. - 12 câu tiếp: Tả Thúy Kiều. - 4 câu cuối: Nếp sống của hai chị em.
	Đọc	II. Đọc-hiểu văn bản

- GV giới thiệu bút pháp ước lệ, một bút pháp quen thuộc của văn học trung đại: lấy vẻ đẹp của thiên nhiên làm chuẩn mực để miêu tả vẻ đẹp con người. *Thảo luận nhóm 5p, hoàn thành Phiếu HT 1/ Tác giả đã miêu tả hai chị em qua những hình ảnh ước lệ nào? 2/ Những hình ảnh ấy gợi lên vẻ đẹp của hai chị em ra sao? 3/ Vẻ đẹp của hai chị em có gì giống và khác nhau? ->Yêu cầu các nhóm trình bày, nhận xét ->Gv nhận xét, chốt ý Tìm hiểu vẻ đẹp của Vân - GV trình chiếu bốn thơ tiếp theo cho HS đọc. *Thảo luận bàn 5p, hoàn thành Phiếu HT: 1/ Đoạn thơ sử dụng những biện pháp nghệ thuật nào? 2/ Câu thơ mở đầu giới thiệu điều gì nơi Thúy Vân? 3/ Ba câu thơ sau, tác giả đã dùng biện pháp ước lệ để tả Vân như thế nào? 4/ Những từ “ thua, nhường” gợi cho em suy nghĩ gì về hậu vận nàng Vân ? Vì sao em lại dự đoán như thế ->GV yêu cầu đại diện trình bày, nhận xét ->Gv nhận xét, chốt Tìm hiểu bức chân dung của Kiều	Lắng nghe HS thảo luận và trình bày, nhận xét Quan sát HS thảo luận và trình bày, nhận xét Đọc	1.Vẻ đẹp chung hai chị em - Thủ pháp tượng trưng, ước lệ: <i>cốt cách như mai, tinh thần như tuyết.</i> -> Cả hai đều duyên dáng, thanh tao, trong trắng nhưng mỗi người một vẻ. 2. Chân dung Thúy Vân - Bút pháp ước lệ kết hợp với nghệ thuật so sánh, nhân hóa, liệt kê... => Vân mang vẻ đẹp cao sang, quý phái, phúc hậu, đoan trang. Dự báo một tương lai êm ả, bình lặng cho cuộc đời Vân.

- GV cho HS đọc 12 câu thơ tiếp trong SGK. - Cách miêu tả chân dung của Kiều so với chân dung của Vân có gì khác hơn? => GV giới thiệu cho học sinh hiểu nghệ thuật đòn bẩy - GV gọi HS đọc 6 câu đầu: Em hiểu thế nào về cách khái quát vẻ đẹp của Kiều trong dòng thơ “<i>Kiều càng sắc sảo mặn mà</i>” ? - Ba dòng thơ tiếp, tác giả đã dùng biện pháp nghệ thuật nào? - Tìm thành ngữ trong các câu thơ ? Ý nghĩa của thành ngữ đó? - Sắc đẹp của Kiều hiện lên như thế nào? - So sánh bút pháp nghệ thuật tác giả dùng để vẽ bức chân dung của Kiều và Vân GV chuyển ý Kiều không chỉ sắc sảo mặn mà về sắc mà còn sắc sảo mặn mà về tài năng, tâm hồn -GV gọi HS đọc 6 câu tiếp - Kiều có những tài năng gì? - Tài năng nào được tác giả ngợi ca nhiều nhất? <i>GV có thể đọc những câu thơ :</i> “<i>Trong như tiếng hạc bay qua...</i>” “<i>Một cung gió thảm mưa sầu</i>	Trả lời cá nhân Đọc và trả lời câu hỏi Phát hiện Trả lời Trình bày So sánh Lắng nghe Đọc Trả lời cá nhân Lắng nghe	3. Chân dung Thúy Kiều *Nghệ thuật đòn bẩy: tả Vân trước làm nền nổi bật chân dung Kiều a/ Sắc - Hình tượng nghệ thuật ước lệ, nhân hóa, so sánh, ẩn dụ: nước mùa thu, núi mùa xuân, hoa, liễu kết hợp với bút pháp gợi và đặc tả đôi mắt ... =>gợi tả một dung nhan đầm thắm, mặn mà, trẻ trung của một giai nhân tuyệt thế

<i>Bốn dây nhỏ máu năm đầu ngón tay”</i> <i>Hoặc:</i> <i>“ Bốn dây như khóc như than</i> <i>Khiến người trên tiệc cũng tan nát lòng”</i> - Năng lực ở ngòi bút ND không chỉ dừng lại ở chỗ vẽ bức chân dung nhân vật mà còn khắc họa cả tính cách, số phận em thử hình dung số phận của Kiều thế nào? Trong những dòng thơ đầu này tác giả đã dự báo điều đó qua những từ nào? Nếp sống của hai chị em - GV cho HS đọc 4 câu cuối - Bốn câu thơ cuối giới thiệu nếp sống của chị em Kiều thế nào ? III/ Tổng kết - Nêu những nét đặc sắc về nghệ thuật của đoạn trích? Thông qua nghệ thuật ấy nhằm làm nổi bật nội dung gì? - Cho HS nêu lại giá trị nội dung truyện Kiều và cho biết đoạn trích đã thể hiện rõ nội dung nào ? Cụ thể ra sao ? ->GV nhận xét, đánh giá, chốt ý chính	Trả lời Đọc Trả lời Trình bày Nêu nội dung	b/ Tài : - Dùng những từ ngữ mang giá trị tuyệt đối - Kiều thông minh, đủ tài thơ, họa, nhạc đặc biệt là tài đánh đàn * Chân dung Thúy Kiều mang tính cách số phận, báo hiệu cuộc đời đầy truân chuyên. 3. Nếp sống của hai chị em Dù đã đến tuổi trưởng thành nhưng hai chị em vẫn sống trong nề nếp, gia phong. III. Tổng kết 1. Nghệ thuật

		-Sử dụng những hình ảnh tượng trưng, ước lệ... -Sử dụng nghệ thuật đòn bẩy. -Lựa chọn và sử dụng ngôn ngữ miêu tả tài tình. 2. Nội dung -Thái độ trân trọng ngợi ca vẻ đẹp, tài năng của Thúy Vân, Thúy Kiều. -Dự cảm về cuộc đời của chị em Kiều. 3. Ý nghĩa Đoạn trích“Chị em Thúy Kiều” thể hiện tài năng nghệ thuật và cảm hứng nhân đạo: ngợi ca vẻ đẹp và tài năng con bằng tấm lòng trân trọng mến yêu.

3.Luyện tập (10p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
1/ Đọc diễn cảm đoạn trích 2/ Nêu cảm nhận của em về đoạn trích 3/ Trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm - Theo dõi, hỗ trợ HS - GV nhận xét, đánh giá, chốt ý chính	HS thực hiện nhiệm vụ học tập:	Đọc diễn cảm và trình bày cảm nhận

4.Hoạt động vận dụng (30p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt

<i>Viết bài văn nêu cảm nhận của em về một trong hai nhân vật?</i> -Theo dõi, hỗ trợ cho các đối tượng HS. -GV cho HS xung phong trình bày kết quả của mình →GV nhận xét, tuyên dương.	- HS làm việc độc lập. - HS trình bày kết quả. - Lớp nhận xét. - HS lắng nghe, học hỏi.	

5.Tìm tòi, mở rộng (15p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
1/ Đọc bài đọc thêm SGK. 2/ Qua cách miêu tả trên nếu yêu cầu vẽ thì em thấy vẽ nhân vật nào khó hơn? Vì sao? Cho học sinh trình bày bức tranh tự họa ở nhà	Đọc bài Trả lời, trình bày	

*Hướng dẫn tự học (2p)

- Học thuộc đoạn thơ và nắm được các nội dung đã tìm hiểu.
- Soạn bài: Kiều ở lầu Ngưng Bích:
 - + Đọc kĩ đoạn trích, phân chú thích
 - + Trả lời các câu hỏi phần đọc hiểu
 - + Vẽ tranh minh họa cho đoạn trích

TIẾT 26,27	KIỀU Ở LẦU NGƯNG BÍCH. (Trích Truyện Kiều.)	NS:2/10/2023

I. Mục tiêu cần đạt: Giúp học sinh.

1. Kiến thức: *Giúp HS hiểu được:*

- Nỗi bẽ bàng, cô đơn, buồn tủi của Thúy Kiều khi bị giam ở lầu Ngưng Bích và tấm lòng thủy chung, hiếu thảo của nàng.

- Ngôn ngữ độc thoại và nghệ thuật tả cảnh ngụ tình của Nguyễn Du.

2. Năng lực:

- **Năng lực chung:** năng lực tiếp nhận, năng lực hợp tác, phân tích, thuyết trình, cảm nhận

- **Năng lực chuyên biệt:**

+ Bổ sung kiến thức đọc – hiểu truyện thơ trung đại.

+ Nhận ra và thấy được ngôn ngữ độc thoại và nghệ thuật tả cảnh ngụ tình

+ Phân tích tâm trạng nhân vật qua một đoạn trích trong tác phẩm truyện Kiều.

+ Cảm nhận được sự cảm thông sâu sắc của NDu đối với nhân vật trong truyện.

3. Phẩm chất

- Thương cảm đối với số phận con người.

- Biết trân trọng tình cảm gia đình, hiếu thuận với ông bà cha mẹ.

* Tích hợp: Giúp hs có ý thức học tập nghệ thuật miêu tả của tác giả.

II. Chuẩn bị :

1. Giáo viên: TKBG, SGK, SGV, phiếu học tập, tranh minh họa

2. Học sinh: Soạn bài, bút dạ, vẽ tranh minh họa về bài thơ

III. Tiến trình tổ chức các hoạt động.

1. Khởi động (3p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
- Đoạn trích “chị em Thúy Kiều” nằm ở phần nào của tác phẩm? -> Dẫn dắt: <i>Đó là những tháng ngày êm đềm, hạnh phúc ngắn ngủi của Kiều khi được sống với gia đình. Đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” hôm nay nằm ở phần thứ hai trong cốt truyện, mở đầu cho quãng đời trầm luân, lưu lạc suốt 15 năm của nàng. Chúng ta sẽ cùng đi vào tìm hiểu.</i>	Trả lời Lắng nghe	

2. Hình thành kiến thức (45P)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
I/Tìm hiểu chung - Hướng dẫn và yêu cầu HS đọc văn bản, phần chú thích *Thảo luận cặp đôi (3p): 1/ Vị trí đoạn trích? 2/ Kết cấu đoạn thơ? ->Gv gọi đại diện trình bày, nhận xét. ->Gv nhận xét, chốt ý, chuyển ý: <i>Sau khi bị Mã Giám sinh lừa gạt, làm nhục, bị Tú Bà mắng nhiếc. Kiều đau đớn, tủi nhục, phẫn uất và định tự vẫn. Tú Bà sợ mất vốn liền khuyên giải, dụ dỗ Kiều. Mụ vờ chăm sóc thuốc thang, hứa hẹn khi nàng bình phục sẽ gả cho người tử tế. Tú Bà đưa Kiều ra sống riêng ở lầu Ngưng Bích, thực chất là giam lỏng nàng để thực hiện âm mưu mới đề tiện hơn, tàn bạo hơn.</i> II/ Phân tích -Gọi hs đọc lại 6 câu thơ đầu *Thảo luận nhóm 5p, hoàn thành Phiếu HT: 1/ Đặc điểm của không gian trước lầu Ngưng Bích được phác họa với những hình ảnh nào?	- Đọc văn bản, thảo luận nhóm đôi: + xác định vị trí đoạn trích + Xác định bố cục - <i>Sáu câu đầu: Hoàn cảnh cô đơn, tội nghiệp của Kiều</i> - <i>Tám câu tiếp: Nỗi thương nhớ Kim Trọng và thương nhớ cha mẹ của nàng</i> - <i>Tám câu cuối: Tâm trạng đau buồn, âu lo của Kiều thể hiện qua cách nhìn cảnh vật</i> - HS đọc lại 6 câu đầu Thảo luận cặp đôi, trình bày - <i>Non xa, trăng gần, bốn bề bát ngát, cát vàng, bụi hồng</i> <i>Nàng trơ trọi giữa không gian mênh mông hoang vắng.</i> <i>Câu thơ sáu chữ “Bốn bề bát ngát xa trông”, chữ nào cũng gợi lên sự rộng ngợp của không gian.</i> - <i>Trăng xa hơn núi nhưng vì ánh trăng sáng nên tạo cảm giác gần.</i> <i>Cảnh “non xa, trăng gần” như gợi</i>	I. Tìm hiểu chung. 1. Vị trí đoạn trích: nằm ở phần thứ hai của tác phẩm. 2. Kết cấu: 3 phần II. Phân tích. 1. Hoàn cảnh của Kiều: + Cảnh: Non xa, trăng gần, cát vàng, bụi hồng. =>Cảnh mênh mông, hoang vắng, xa lạ và cách biệt.

2/ Câu thơ: <i>Bốn bề bát ngát xa trông</i> gợi lên điều gì? 3/ Hình ảnh “non xa, trăng gần” gợi cho em suy nghĩ gì? 4/ Qua khung cảnh thiên nhiên, ta thấy Kiều đang ở trong hoàn cảnh, tâm trạng nào? -> Gọi đại diện trình bày, nhận xét -> GV bình giảng, chốt ý -Cho hs đọc đoạn 2. *Thảo luận theo bàn (5p) 1.Trong cảnh ngộ của Kiều, nàng nhớ đến ai? Nàng nhớ ai trước, ai sau? nhớ như thế có hợp lí không? Vì sao? 2- Kiều nhớ những gì về Kim Trọng?với tâm trạng như thế nào? 3- Câu thơ <i>Tám son gột rửa bao giờ cho phai</i> có thể hiểu như thế nào?	<i>hình ảnh lầu Ngưng Bích chơi vơi giữa mênh mông trời nước. Từ lầu Ngưng Bích nhìn ra chỉ thấy những dãy núi mờ xa, những cồn cát bụi bay mù mịt. Cái lầu chơi vơi ấy giam một thân phận trơ trọi không một bóng người.</i> - <i>Gợi sự tuần hoàn, khép kín: sớm-khuya, ngày đêm thui thủi quê người một thân, chỉ còn biết làm bạn với mây, đèn.</i> - <i>Tâm trạng chán nản, buồn tủi, cô đơn tuyệt đối. Cảnh đẹp nhưng con người chẳng có lòng dạ nào để thưởng ngoạn.</i> -Đọc đoạn 2 - Thảo luận nhóm và trả lời: Kiều nhớ Kim Trọng trước , nhớ cha mẹ sau. Điều này hoàn toàn phù hợp với tâm lí logic tâm trạng. Kiều đã bị Mã Giám Sinh làm nhục và đang bị ép tiếp khách làng chơi nên nỗi đau lớn nhất lúc này của Kiều là <i>Tám son gột rửa bao giờ cho phai. Vì vậy, người đầu tiên mà Kiều nhớ đó là Kim Trọng.</i> - Nàng nhớ đến lời thề đôi lứa <i>Tưởng người dưới nguyệt chén đồng;</i> nàng tưởng tượng Kim Trọng đêm ngày cũng đang hướng về mình <i>Tin sương luống những rày trông mai chờ</i> mà tâm trạng nàng đau đớn xót xa. - Có thể hiểu là tám lòng nhớ thương Kim Trọng không bao giờ nguôi; hoặc tám lòng son của Kiều	+ Tâm trạng: Buồn tủi, cô đơn. 2. Những nỗi nhớ thương của Kiều: - Nàng nhớ về Kim Trọng với tâm trạng đau đớn xót xa.

4. Nỗi nhớ cha mẹ được thể hiện bằng những từ ngữ, hình ảnh nào? với tâm trạng như thế nào? 5. Thành ngữ <i>quạt nồng ấp lạnh</i> và điển cố <i>sân lai, gốc tử</i> có ý nghĩa gì? * <i>Nàng tưởng tượng cảnh nơi quê nhà tất cả đều đổi thay và sự đổi thay lớn nhất là “gốc tử đã vừa người ôm” nghĩa là cha mẹ ngày một thêm già yếu.</i> 6- Cụm từ <i>cách mấy nắng mưa</i> nói lên điều gì? Em có nhận xét gì về Kiều qua nỗi nhớ thương của nàng GV bình giảng, chốt ý. GV cho HS đọc tiếp đoạn cuối Chuyển tiết 2 *Thảo luận nhóm, hoàn thành Phiếu HT 1/ Cảnh ở đây là thực hay hư? Mỗi cảnh có nét riêng đồng thời có nét chung. Em hãy làm sáng tỏ điều đó?	bị vui đập hoen ố, biết bao giờ gột rửa được. - Kiều thương cha mẹ sớm chiều tựa cửa ngóng tin con <i>nhớ người tựa cửa hôm mai</i>; nàng xót xa lúc cha mẹ tuổi già sức yếu nàng không được tận tay chăm nom và hiện thời ai người chăm sóc: <i>quạt nồng ấp lạnh</i> <i>những ai đó giờ?</i> - Thành ngữ và điển cố đó đều nói lên tâm trạng nhớ thương, tấm lòng hiếu thảo của Kiều. - Nó vừa nói được thời gian xa cách bao mùa mưa nắng vừa nói lên sức mạnh tàn phá của tự nhiên đối với con người. Trong cảnh ngộ ở lầu Ngưng Bích, Kiều là người đáng thương nhất, nhưng nàng đã quên cảnh ngộ bản thân để nghĩ về Kim Trọng và cha mẹ. HS đọc 8 câu cuối. Tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ: Thảo luận nhóm đôi, cử đại diện trình bày, nhận xét Hình ảnh thực nhưng Nguyễn Du đã tả bằng những đường nét tinh tế. Cảnh thiên nhiên làm nền cho hoạt động nội tâm của nhân vật. - Nghệ thuật điệp ngữ “Buồn trông” kết hợp tả cảnh ngụ tình và nhân hóa tạo âm hưởng trầm buồn, điệp khúc vừa đoạn thơ và cũng là điệp khúc của tâm trạng. Diễn tả tâm trạng Kiều, ND đã chọn cách	-Nàng nhớ đến cha mẹ với nỗi lòng nhớ thương da diết. => Kiều là người tình chung thủy, người con hiếu thảo, có đức hi sinh và lòng vị tha đáng trọng. 3. Tâm trạng của Kiều qua cách nhìn cảnh vật: - Nghệ thuật điệp từ kết hợp tả cảnh ngụ tình, phép nhân hóa. ->Diễn tả nỗi buồn của Kiều qua từng cảnh vật. Cảnh nào cũng buồn, cũng

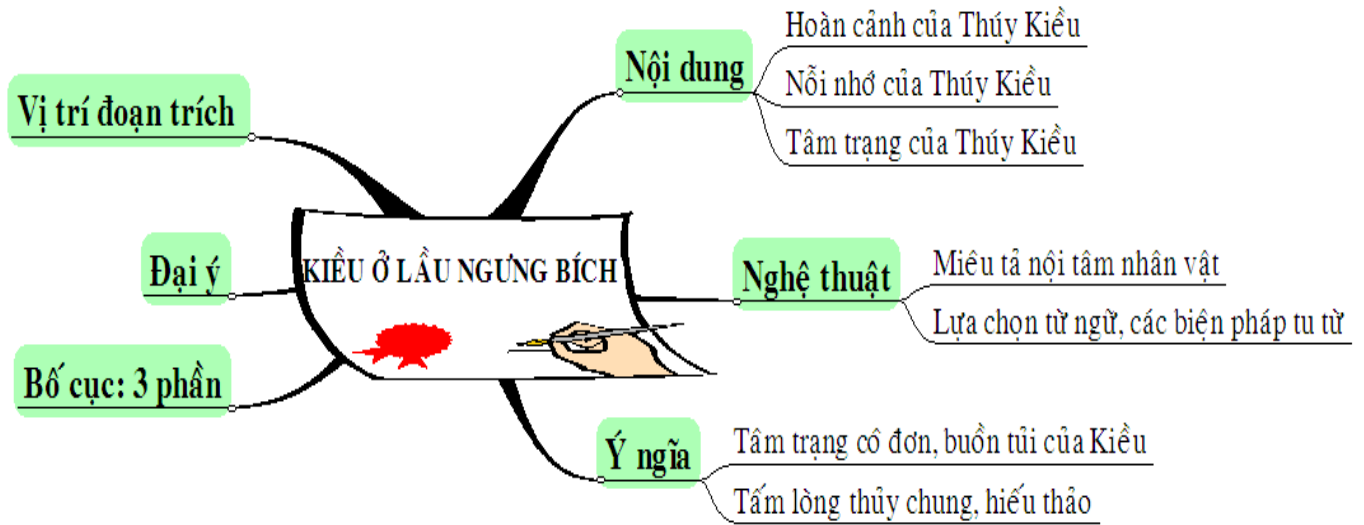
2/ Ở đoạn này tác giả đã sử dụng những biện pháp nghệ thuật nào? Biện pháp nghệ thuật đó đã bộc lộ những tâm trạng gì của Kiều? ->GV yêu cầu các nhóm trình bày, nhận xét ->Gv nhận xét, chốt (GV: <i>Cảnh từ xa đến gần; màu sắc từ nhạt đến đậm; âm thanh từ tĩnh đến động; nỗi buồn từ man mác, mông lung đến lo âu, kinh sợ. Ngọn gió cuốn mặt duềnh và tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi là cảnh tượng hãi hùng như báo trước dông bão của số phận sẽ nổi trôi, xô đẩy, vùi dập cuộc đời Kiều. Và quả thực, sau lúc này, K đã mắc lừa Sở Khanh để rồi phải lâm vào cảnh “Thanh lâu hai lượt, thanh y hai lần”</i>). III/Tổng kết -Những nét nghệ thuật đặc sắc trong đoạn trích là gì? - Nêu khái quát nội dung của VB? - Hãy nêu ý nghĩa của văn bản?	biểu hiện “tình trong cảnh ấy, cảnh trong tình này”. Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình. Mỗi cảnh đều phù hợp với từng trạng thái tâm trạng: Sự cô đơn, thân phận chìm nổi, lênh đênh vô định, nỗi buồn tha hương, lòng thương nhớ người yêu, cha mẹ và cả sự bàng hoàng lo sợ. Đúng là cảnh lầu Ngưng Bích được nhìn qua tâm trạng Kiều. -Trình bày - Đoạn trích thể hiện tâm trạng cô đơn, buồn tủi và tấm lòng thủy chung, hiếu thảo của Thúy Kiều. - HS đọc phần ghi nhớ	gợi thân phận con người trong cuộc đời vô định. III/ Tổng kết: 1. Nghệ thuật: - Miêu tả nội tâm nhân vật. - Lựa chọn từ ngữ, các biện pháp tu từ. 2. Nội dung: ghi nhớ sgk 3. Ý nghĩa: Tâm trạng cô đơn, buồn tủi và tấm lòng thủy chung, hiếu thảo của Thúy Kiều.

3. Luyện tập (15p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt

*Hướng dẫn tự học (2 p)

- Học thuộc lòng đoạn trích.
- Phân tích, cảm thụ những hình ảnh thơ hay, đặc sắc trong văn bản.
- Sưu tầm những câu thơ, đoạn thơ khác trong truyện Kiều có sử dụng NT miêu tả nội tâm nhân vật thông qua ngôn ngữ độc thoại và nghệ thuật tả cảnh ngụ tình
- Vẽ sơ đồ tư duy khái quát nội dung bài học



- Soạn bài mới: Miêu tả trong văn bản tự sự: Thực hiện các yêu cầu mục I, II/ 91/92

TIẾT 28	MIÊU TẢ TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ	NS: 2/10/2023

I. Mục tiêu cần đạt: Giúp học sinh:

1. Kiến thức:

- Sự kết hợp các phương thức biểu đạt trong một văn bản.
- Vai trò, tác dụng của miêu tả trong văn bản tự sự.

2. Năng lực:

- Năng lực chung : hợp tác, tự chủ, giải quyết vấn đề, sáng tạo
- Năng lực chuyên biệt: năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học

3. Phẩm chất:

- Biết vận dụng yếu tố miêu tả hành động sự việc, cảnh vật và con người trong VB tự sự thể hiện tình cảm của bản thân.

II. Chuẩn bị :

1. Giáo viên : SGK,TKBG, phiếu học tập
2. Học sinh : Bút dạ, bảng phụ, soạn bài, SGK

III. Tiến trình tổ chức các hoạt động.

1. Khởi động (3p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
-Hỏi thứ 14 trong “Hoàng Lê nhất thống chí” kể lại sự việc gì? - Để tái hiện lại sự việc một cách sinh động và cụ thể, người viết đã sử dụng yếu tố miêu tả. Đó cũng là nội dung mà chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài học hôm nay: Miêu tả trong văn bản tự sự.	Trả lời	

2. Hình thành kiến thức (20p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
I/ Tìm hiểu yếu tố miêu tả trong văn tự sự -Cho HS đọc đoạn trích: “Vua QT...quân Thanh đại bại”. *Thảo luận nhóm 5p, hoàn thành Phiếu HT 1/ Đoạn trích kể về trận đánh nào?	-Đọc đoạn trích và các yêu cầu mục I.2 Thảo luận nhóm 4, trình bày trong bảng phụ - Đoạn trích kể chuyện vua QT đánh đồn Ngọc Hồi. - HS dựa vào đoạn trích nêu diễn biến trận đánh.	I. Tìm hiểu yếu tố miêu tả trong văn bản tự sự:

2/ Trong trận đánh đó, nhân vật vua Quang Trung làm gì, xuất hiện như thế nào? 3/ Chỉ ra các chi tiết miêu tả trong đoạn trích? Tác dụng của các yếu tố miêu tả? ->GV yêu cầu các nhóm trình bày, nhận xét ->Gv chốt ý - Kể lại nội dung đoạn trích trên, có bạn nêu các sự việc như trong SGK. Bạn HS đã nêu đầy đủ các sự việc chính trong đoạn văn chưa? - Cho HS nối các sự việc ấy thành đoạn văn. - Nếu chỉ kể sự việc diễn ra như thế thì câu chuyện có sinh động không? Tại sao? - So sánh các sự việc chính mà bạn đó đã nêu với đoạn trích để rút ra nhận xét? - Vậy yếu tố miêu tả có vai trò như thế nào đối với văn bản tự sự? GV bình giảng, chốt ý. Gọi hs đọc ghi nhớ.	- “nhân có gió Bắc...hại mình” - “Quân Thanh chống... mà chết” -“ Quân Tây Sơn ...đại bại” - Các sự việc chính bạn đã nêu đầy đủ. - HS nối các sự việc. - Không sinh động, vì ở đây, đơn giản chỉ kể lại các sự việc, tức là chỉ mới trả lời câu hỏi việc gì, chứ chưa trả lời được câu hỏi việc đó diễn ra như thế nào. <i>Nhờ có miêu tả các chi tiết mới thấy được sự việc diễn ra như thế nào, nhờ yếu tố miêu tả mà trận đánh được tái hiện một cách sinh động.</i> Đọc ghi nhớ sgk.	-Trong văn bản tự sự yếu tố miêu tả làm cho câu chuyện trở nên hấp dẫn, gợi cảm, sinh động - Ghi nhớ sgk.

3.Luyện tập, vận dụng(20p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Bài tập 1: *Thảo luận cặp đôi 5p 1. Tìm những yếu tố tả người và tả cảnh trong hai	Thảo luận, trình bày	II.Luyện tập 1.Bài 1 Trong đoạn chị em Thuý Kiều, Nguyễn Du đã sử dụng rất

đoạn trích <i>Truyện Kiều</i> vừa học. Phân tích giá trị của những yếu tố miêu tả ấy trong việc thể hiện nội dung mỗi đoạn trích? ->GV yêu cầu hs trình bày, nhận xét ->Gv chốt Bài tập 2: . Dựa vào đoạn trích <i>Cảnh ngày xuân</i>, hãy viết một đoạn kể về việc chị em Thuý Kiều đi chơi trong buổi chiều ngày thanh minh (trong khi kể, chú ý vận dụng những yếu tố miêu tả để tả cảnh ngày xuân). ->GV cho một vài em đọc, nhận xét. Bài tập 3 Giới thiệu trước lớp về vẻ đẹp của chị em Thuý Kiều bằng lời văn của mình? Gọi hs trình bày, nhận xét.	Thực hiện cá nhân	nhiều yếu tố miêu tả, nhất là tả người, nhằm tái hiện lại chân dung “mỗi người một vẻ, mười phân vẹn mười” của Thuý Kiều và Thuý Vân. Tác giả đã sử dụng bút pháp ước lệ tượng trưng, một thủ pháp quen thuộc và nổi bật trong thơ văn cổ. * Tả người: - Vân xem ...kém xanh. * Tả cảnh: - Cỏ non...bông hoa . - Tà tà bóng ngả 2.Bài 2
	Thực hiện cá nhân	3.Bài 3

*Hướng dẫn tự học (2p)

TUẦN 7

TIẾT 29: MIÊU TẢ NỘI TÂM TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ

TIẾT 30: THUẬT NGỮ

TIẾT 31,32: LỤC VÂN TIÊN CỨU KIỀU NGUYỆT NGÀ

TIẾT 33: ÔN TẬP TRUYỆN TRUNG ĐẠI

TIẾT 29	MIÊU TẢ NỘI TÂM TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ	NS: 5/10/2023

I. Mục tiêu cần đạt: Giúp học sinh:

1. Kiến thức:

- **Nội tâm nhân vật và miêu tả nội tâm nhân vật trong tác phẩm tự sự.**
- Tác dụng của miêu tả nội tâm và mối quan hệ giữa nội tâm với ngoại hình trong khi kể chuyện.

2. Năng lực:

- Năng lực chung: tiếp nhận, giải quyết vấn đề; năng lực hợp tác, trình bày, tự chủ
- Năng lực chuyên biệt: năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học

3. Phẩm chất: Chăm chỉ, tích cực trong học tập

II. Chuẩn bị :

1. Giáo viên: SGK, SGV, TKBG, các đoạn văn mẫu minh họa bài dạy

2. Học sinh: Đọc trước bài và soạn bài.

III. Tiến trình tổ chức các hoạt động.

1. Khởi động (3p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
- Miêu tả ngoại hình của nhân vật là tả những gì? -> Đó là miêu tả bên ngoài. Tuy nhiên, đối với con người, ngoài những chi tiết có thể quan sát trực tiếp để miêu tả, còn có những suy nghĩ, diễn biến, tâm trạng không quan sát được trực tiếp, đó là đối tượng của miêu tả bên trong (miêu tả nội tâm). Bài học hôm nay sẽ giúp các em thấy được sự cần thiết kết hợp tự sự với miêu tả nội tâm.	Là tả chân dung, hình dáng, hành động, ngôn ngữ.	

2. Hình thành kiến thức (20p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt.
I/ Tìm hiểu yếu tố miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự - Yêu cầu HS đọc đoạn trích "Kiều ở lầu Ngưng Bích" *Thảo luận theo bàn (5p) 1/Tìm những câu thơ miêu tả ngoại cảnh trong đoạn trích đó? 2/Những câu thơ nào miêu tả tâm trạng của Thúy Kiều? 3/Dấu hiệu nào cho chúng ta biết được đoạn đầu là cảnh và đoạn sau là nội tâm? ->Gv yêu cầu các nhóm trình bày, nhận xét ->Gv chốt - Theo em, nội tâm nhân vật là gì?	Tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện theo dãy: hai dãy một nhiệm vụ. Sau đó đổi chéo, bổ sung, chọn nội dung tốt nhất trình bày - Miêu tả ngoại cảnh: + Trước lầu Ngưng Bích khoá xuân. Vẻ non xa, tấm trắng gần ở chung Bốn bề bát ngát xa trông, Cát vàng cồn nọ, bụi hồng dặm kia. Hoặc: + Buồn trông cửa bể chiều hôm, ... Âm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi. - Miêu tả nội tâm: + Bên trời góc bể bơ vơ Có khi gốc tử đã vừa người ôm. * Biết được điều đó nhờ các dấu hiệu: - Đoạn đầu miêu tả khung cảnh thiên nhiên trước lầu Ngưng Bích, những cảnh đó có thể quan sát được bằng mắt. - Đoạn sau tập trung miêu tả những suy nghĩ của nàng Kiều. Miêu tả nội tâm bao gồm những suy nghĩ, tình cảm, những diễn biến tâm trạng của nhân vật ... những gì không quan sát được một cách trực tiếp từ bên ngoài. (Nàng Kiều nghĩ thầm về thân phận cô đơn, bơ vơ nơi đất khách, nghĩ về cha mẹ chốn quê nhà ai chăm sóc, phụng dưỡng lúc tuổi già ...) - Nội tâm là suy nghĩ, tâm trạng, thái độ, tình cảm sâu kín của nhân vật. Miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự là tái hiện những ý nghĩ, cảm xúc và tâm trạng của nhân vật. - Giữa miêu tả hoàn cảnh, ngoại hình và miêu tả nội tâm có mối quan hệ với	I. Tìm hiểu yếu tố miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự: * Nội tâm: ý nghĩ, cảm xúc, diễn biến tâm trạng của nhân vật. (không thể quan sát trực tiếp)

- Những câu thơ tả cảnh có mối quan hệ như thế nào với việc thể hiện nội tâm nhân vật? - Miêu tả nội tâm có tác dụng như thế nào đối với việc khắc họa nhân vật trong văn bản tự sự? - HS đọc đoạn văn: "Mặt lão ... con nít". *Thảo luận cặp đôi (2p): Nhận xét cách miêu tả nội tâm của tác giả?	<i>nhau. Nhiều khi từ việc miêu tả hoàn cảnh, ngoại hình mà người viết cho ta thấy được tâm trạng bên trong của nhân vật. Và ngược lại từ việc miêu tả tâm trạng, người đọc có thể hiểu được hình thức bên ngoài.</i> - Miêu tả nội tâm nhân vật là một bước tiến của nghệ thuật. Những tác phẩm văn học dân gian nhìn chung không có miêu tả nội tâm. Nhân vật trong truyện tự bộc lộ mình qua hành động, sự việc, ngôn ngữ, ... Tính cách nhân vật cũng đơn giản. Phải đến giai đoạn sau này của văn học viết mới có miêu tả nội tâm, miêu tả tâm trạng. - <i>Nhân vật là yếu tố quan trọng nhất trong tác phẩm tự sự. Để xây dựng nhân vật nhà văn thường miêu tả ngoại hình và miêu tả nội tâm.</i> - <i>Miêu tả nội tâm nhằm khắc họa chân dung tinh thần của nhân vật, tái hiện lại những trăn trở, dằn vặt, những rung động trong tư tưởng, tình cảm của nhân vật (Vì những yếu tố này có khi không thể tái hiện được bằng miêu tả ngoại hình).</i> - <i>Vì thế miêu tả nội tâm có vai trò và tác dụng rất lớn trong việc khắc họa đặc điểm, tính cách nhân vật.</i> Thảo luận nhóm đôi thực hiện <i>* Nam Cao thông qua miêu tả nét mặt, cử chỉ của nhân vật mà thể hiện nội tâm của nhân vật: Lão Hạc đau đớn đến cùng cực khi kể lại cho ông giáo nghe việc lão trót lừa một con chó mà lão coi nó như là con.</i> <i>(cần nhớ rằng nòng cốt của văn bản tự sự là sự việc và nhân vật chính. Các yếu</i>	Có thể miêu tả nội tâm bằng cách: diễn tả trực tiếp những ý nghĩ, cảm xúc, tình cảm của nhân vật; cũng có thể

- Nêu những cách thức để miêu tả nội tâm nhân vật? GV chốt ý, rút ra ghi nhớ. Gọi hs đọc.	<i>tổ miêu tả phải dựa vào sự việc và nhân vật chính để phát triển).</i> - Người ta có thể miêu tả nội tâm bằng cách: diễn tả trực tiếp những ý nghĩ, cảm xúc, tình cảm của nhân vật; nhưng cũng có thể miêu tả nội tâm gián tiếp thông qua miêu tả ngoại hình của nhân vật (nét mặt, cử chỉ, trang phục). HS đọc ghi nhớ.	miêu tả nội tâm gián tiếp thông qua miêu tả ngoại hình của nhân vật. * Ghi nhớ sgk/ 117

3.Luyện tập (15p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt.
Bài 1. Thuật lại đoạn trích Kiều ở lầu Ngưng Bích bằng văn xuôi, chú ý miêu tả nội tâm của Kiều. ->Gọi hs đọc, nhận xét Bài 3: Ghi lại tâm trạng của em sau khi để xảy ra một chuyện có lỗi đối với bạn. -GV gợi ý dàn bài, học sinh làm bài; Cho các em đọc, nhận xét.	Thực hiện cá nhân	II.Luyện tập 1.Bài 1 Bài 3: Bài làm gợi ý: <i>Chiều hôm trước, tôi mãi chơi đá bóng, tối đến lại xem tivi. Tôi quên bèn đi mất là hôm sau phải nộp bài tập cho cô giáo. Đến lớp, tôi vội vã lấy bài của bạn Hùng chép. Hùng là một học sinh chăm ngoan, học giỏi nên cô giáo chủ nhiệm xếp ngồi cạnh tôi để kèm cặp. Thấy tôi như vậy, bạn ấy liền nhẹ nhàng nhắc nhở. Đã không hối hận tôi lại còn nổi nóng xé ngay bài làm của bạn. Đến lúc nộp bài, khi thấy bạn Hùng cầm bài của mình lên bàn cô giáo, tôi sợ hãi. Nhưng lạ chưa, tôi thấy cô giáo không nói gì lại còn gật đầu với bạn ấy. Thì ra, bạn ấy trình bày với cô giáo do sơ ý nên bài làm bị hỏng và xin sẽ nộp vào hôm sau. Sự việc đã qua đi, bạn Hùng cũng không hề tỏ ý buồn giận nhưng tôi luôn luôn cảm thấy xấu hổ. Tôi tự trách mình là một thằng hèn. Rồi tôi tự hứa rằng sẽ không bao giờ tôi còn làm những việc xấu xa như vậy nữa. Nhất định thế! Và</i>

		<i>tôi đã gặp Hùng để xin lỗi về thái độ và việc làm của mình. Chẳng gì thì tôi cũng là một học sinh khá kia mà.</i>

***Hướng dẫn tự học ở nhà (2 p)**

- Ghi lại các đoạn văn vào vở.
- Phân tích một đoạn văn tự sự đã học có sử dụng các yếu tố miêu tả tâm trạng nhân vật đã học.
- Tiết sau: Thuật ngữ
- + Đọc kĩ nội dung bài học
- + Trả lời các câu hỏi sau phần ngữ liệu
- + Xem trước các bài tập phần luyện tập.

TIẾT 30	THUẬT NGỮ	NS: 5/10/2023

I. Mục tiêu cần đạt:

1. Kiến thức: Giúp HS nắm:

- Khái niệm thuật ngữ.
- Đặc điểm cơ bản của thuật ngữ.

2. Năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề, tự học
- Năng lực chuyên biệt: năng lực ngôn ngữ

3. Phẩm chất: Tích cực trong học tập

II. Chuẩn bị

1. Giáo viên: Sgk, TKBG, phiếu HT
2. Học sinh: Sgk, bài soạn, bảng nhóm.

III. Tiến trình tổ chức

1. Khởi động (3p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
- Em hãy cho biết KN của phép tu từ hoán dụ? - KN trên thuộc lĩnh vực nào? VH	Trả lời	

GV: Bất cứ ngành khoa học nào cũng cần có một tập hợp từ ngữ được xác định một cách nghiêm ngặt, dùng để biểu thị khái niệm trong ngành đó .Lớp từ vựng này được gọi là thuật ngữ. Bài học hôm nay sẽ giúp các em hiểu được khái niệm về thuật ngữ		

2.Hình thành kiến thức (20p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
I.Thuật ngữ - HS đọc bài tập1 *Thảo luận cặp đôi (3p), hoàn thành PHT: 1/So sánh hai cách giải thích của từ “nước”, “muối”? 2/Cách giải thích nào không thể hiểu được nếu người nghe thiếu kiến thức hoá học? ->Gọi đại diện trình bày, nhận xét ->Gv nhận xét -HS đọc những định nghĩa ở 2 - Em đã học các định nghĩa này ở những bộ môn nào? - Những từ ngữ được định nghĩa này chủ yếu được dùng trong loại văn bản nào? -Thuật ngữ là gì? -Cho ví dụ một số thuật ngữ	-Thảo luận, trình bày + Cách a: chỉ dùng lại ở việc nêu các đặc điểm bên ngoài của sự vật, hình thành trên cơ sở kinh nghiệm, có tính cảm tính. + Cách b: Thể hiện được đặc tính bên trong của sự vật, hình thành qua nghiên cứu khoa học + Cách b -Đọc bài -Trả lời - Văn bản khoa học, công nghệ	I.Thuật ngữ * Thuật ngữ là từ ngữ biểu thị khái niệm khoa học, công nghệ, chủ yếu được dùng trong văn bản khoa học, công nghệ
II.Đặc điểm của thuật ngữ -Các thuật ngữ ở mục I.2 còn có nghĩa nào khác nữa không -Hãy giải thích từ “đi”? ->Như vậy từ “đi” có hai nét nghĩa -Nhận xét về nghĩa của thuật ngữ so với từ ngữ thông thường?	-Trình bày -Cho ví dụ -Không -Giải thích -Nhận xét	II/Đặc điểm của thuật ngữ: Đặc điểm quan trọng của thuật ngữ là tính chính xác với các biểu hiện:

-Từ “muối” ở câu a, b từ nào là thuật ngữ? Từ muối nào có tính biểu cảm? Giải thích vì sao? -Đặc điểm của thuật ngữ? -HS đọc ghi nhớ	- Ở b là từ ngữ thông thường, có tính biểu cảm :gọi nổi vất vả gian truân mà con người trải qua -Trình bày -Đọc	-Trong một lĩnh vực khoa học, công nghệ, mỗi thuật ngữ chỉ tương ứng với một khái niệm -Thuật ngữ không có tính biểu cảm *Ghi nhớ

3.Luyện tập (15p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Bài 1: Trò chơi tiếp sức: -Chia lớp thành 2 đội -Trong thời gian nhanh nhất, hoàn thành bài tập trên bảng Bài 2: Hs đọc đề và trả lời cá nhân Bài 3: Thảo luận cặp đôi 2p ->Gọi đại diện trình bày, nhận xét ->Gv chuẩn hóa kiến thức Bài 4: Hs thảo luận nhóm lớn 3p ->Gọi đại diện trình bày ->Gv chuẩn hóa kiến thức	Tham gia, cổ vũ trò chơi Thực hiện Thảo luận, trình bày, nhận xét Thảo luận, trình bày, nhận xét Lắng nghe	III.Luyện tập Bài 1: 1/-lực; xâm thực;hiện tượng hoá học ; trường từ vựng; di chỉ, thụ phấn; lưu lượng; trọng lực; khí áp; đơn chất; thị tộc phụ hệ; đường trung trực Bài 2: -điểm tựa: ở văn bản này không phải là thuật ngữ. Điểm tựa ở đây chỉ nơi làm chỗ dựa chính =>có tính biểu cảm Bài 3: a) thuật ngữ b) từ ngữ thông thường Bài 4 - cá: động vật có xương sống sống dưới nước, bơi bằng vây, thở bằng mang -Gọi là cá heo, cá voi: theo cách hiểu thông thường của người Việt Nam:cá không nhất thiết phải thở bằng mang

Bài 5: Hướng dẫn hs về nhà làm		

4.Vận dụng (5p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Viết đoạn văn ngắn có sử dụng thuật ngữ ->Gọi hs trình bày ->Gv nhận xét	Thực hiện	

*Hướng dẫn tự học (2p)

- Hoàn thành các bài tập
- Học thuộc nội dung bài
- Tìm 1 số thuật ngữ
- Chuẩn bị bài: Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga
- + Đọc kĩ văn bản, phần chú thích
- + Trả lời các câu hỏi phần đọc hiểu
- + Tìm hiểu tư liệu về tác giả, tác phẩm.

TIẾT 31,32	LỤC VÂN TIÊN CỨU KIỀU NGUYỆT NGA. (Trích Truyện Lục Vân Tiên).	NS: 15/10/2023

I. Mục tiêu cần đạt : Giúp học sinh:

1. Kiến thức:

- Những hiểu biết bước đầu về tác giả Nguyễn Đình Chiểu và tác phẩm Truyện *Lục Vân Tiên*.
- Thể thơ lục bát truyền thống của dân tộc qua tác phẩm Truyện *Lục Vân Tiên*.
- Những hiểu biết bước đầu về nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong tác phẩm LVT
- Khát vọng cứu người, giúp đời của tác giả và phẩm chất của hai nhân vật Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga

2. Năng lực:

- Năng lực chung: tiếp nhận, giải quyết vấn đề; năng lực hợp tác, trình bày.
- Năng lực chuyên biệt:
- + Đọc- hiểu một đoạn trích truyện thơ.
- + Nhận diện và hiểu tác dụng của các từ địa phương Nam bộ sử dụng trong đoạn trích.
- + Cảm nhận được vẻ đẹp hình tượng nhân vật lí tưởng theo quan niệm đạo đức mà NĐC đã khắc hoạ trong đoạn trích.

3. Phẩm chất:

- Thể hiện tình cảm đối với nhân vật Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga.

*Tích hợp: Giáo dục hs ý thức trau dồi phẩm chất đạo đức tốt đẹp.

II. Chuẩn bị:

1. Giáo viên: SGK, SGV, tác phẩm *Lục Vân Tiên*, tranh chân dung Nguyễn Đình Chiểu, một số bài viết về Nguyễn Đình Chiểu của các tác giả khác, phiếu HT, TKBG
2. Học sinh : Đọc soạn kỹ bài học, Sgk

III. Tiến trình tổ chức các hoạt động.

1. Khởi động (2p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
- GV trình chiếu chân dung các tác giả: Mác-két, Nguyễn Du, Nguyễn Đình Chiểu - GV giới thiệu chân dung Nguyễn Đình Chiểu: + Nhà thơ lớn của dân tộc, đồng thời cũng là thầy giáo, thầy thuốc.	- HS nhận diện - Nêu tên tác giả ứng với tác phẩm đã học	

+ Ông để lại cho đời nhiều tác phẩm nổi tiếng. <i>LVT cứu KNN</i> là một tác phẩm hay nhất của ông		

2. Hình thành kiến thức (58 p)

Hoạt động của GV	Hoạt động HS	Nội dung cần đạt
I. Tìm hiểu chung -Đọc chú thích sao về tác giả NĐC. -Trình bày những hiểu biết của em về cuộc đời và sự nghiệp văn học của ông? -Đọc tóm tắt truyện Lục Vân Tiên. -Xác định kết cấu truyện? - Chốt ý, bổ sung: <i>NĐC còn gọi là Đồ Chiểu, đỗ tú tài năm 21 tuổi. Tuy bị mù nhưng không đầu hàng số phận, ông mở trường dạy học và bốc thuốc chữa bệnh cho dân. Ông tích cực tham gia công tác kháng chiến, nêu cao tinh thần bất khuất trước kẻ thù.</i> <i>Sáng tác: Truyện LVT, Dương Từ- Hà Mậu, Chạy giặc, Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc...</i> <i>* Truyện có kết cấu 4 phần:</i> + <i>LVT đánh cướp cứu KNN.</i> + <i>LVT gặp nạn được cứu giúp.</i> + <i>KNN gặp nạn mà vẫn giữ lòng chung thủy với LVT.</i> + <i>LVT và KNN gặp lại nhau.</i> GV hướng dẫn đọc phân vai: - <i>Vai người kể: to rõ</i> - <i>Vai tên cướp: quát tháo</i> - <i>Lục VT:</i>	- Đọc chú thích tác giả - Thảo luận nhóm đôi, xác định: + Những nét chính về tác giả + Kết cấu truyện - Trình bày kết quả thảo luận - HS tóm tắt theo SGK. HS phân vai đọc theo hướng dẫn của GV	I. Tìm hiểu chung: 1. Tác giả: Nguyễn Đình Chiểu, một con người yêu nước, một nhà thơ lớn của dân tộc. - Cuộc đời. - Sáng tác. 2. Tác phẩm: Truyện thơ Nôm, viết theo thể lục bát, gồm 2082 câu. Kết cấu chương hồi, xoay quanh diễn biến cuộc đời nhân vật chính - Mục đích trực tiếp truyền dạy đạo lý làm người, thể hiện rõ lí tưởng đạo đức mà NĐC muốn gửi gắm qua tác phẩm.

+ Với bọn cướp: mạnh mẽ, quyết đoán + Với KNN: ân cần, vui vẻ. -KNN: dịu dàng, thăm thẳm Nêu vị trí đoạn trích? Vị trí: Trước đoạn này là cảnh Vân Tiên thấy nhân dân khổ, bèn hỏi thăm và biết bọn cướp Phong Lai đang hoành hành. Mọi người còn khuyên chàng không nên chuốc lấy nguy hiểm, nhưng VT nhất quyết ra tay nghĩa hiệp. Tìm hiểu bố cục đoạn trích? GV giải thích 1 số chú thích khó đưa vào SGK và từ điển. -Gọi 1 HS đọc lại 14 câu đầu. *Thảo luận nhóm 5p, hoàn thành Phiếu HT: 1/Lời nói, cử chỉ, hành động...của nhân vật Lục Vân Tiên khi gặp bọn cướp đường ? 2/Nhận xét về hành động, thái độ của nhân vật LVT? 3/ Qua đó bộc lộ phẩm chất gì của LVT? ->Gọi đại diện trình bày, nhận xét ->GV chuẩn hóa kiến thức *Thảo luận cặp đôi 3p: 1/ Cách cư xử của LVT đối với KNN được thể hiện qua hành động, cử chỉ, lời nói như thế nào? (Hỏi han, lịch sự, từ chối sự trả ơn...)	- Xác định vị trí Đoạn trích nằm ở phần đầu của truyện LVT. - Xác định bố cục: 1. 14 câu đầu (LVT đánh cướp) 2. Còn lại (Cuộc hội ngộ giữa LVT và KNN) -Thảo luận VT một mình tay không chống trả bọn cướp đường, hành động cứu người một cách tự nhiên không do dự tính toán thiệt hơn, làm việc nghĩa như một sự thôi thúc tự nhiên. + Bộc lộ tính cách anh hùng, tài năng và tấm lòng vị nghĩa: một mình, tay không trong khi bọn cướp đông người, gươm giáo đầy đủ, thanh thế lẫy lừng. Vậy mà Vân Tiên vẫn bé cây làm gãy xông vô đánh cướp. - Hình ảnh LVT trong trận đánh được miêu tả thật đẹp, theo phong cách thời xưa, nghĩa là so sánh với những mẫu hình lý tưởng như dũng tướng Triệu Tử Long. Hành động của con người vị nghĩa vong thân.	3.Đoạn trích: Nằm ở phần đầu truyện. Bố cục: 2 phần. II. Phân tích: 1. Nhân vật Lục Vân Tiên: Dũng cảm, tài năng, vị nghĩa, bênh vực kẻ yếu, đánh cướp cứu người. Chính trực, hào hiệp, trọng nghĩa khinh tài, từ tâm nhân hậu. -> LVT là hình ảnh đẹp lý

2/ Qua đó thể hiện LVT là người như thế nào? ->Gọi đại diện trình bày, nhận xét ->GV chuẩn hóa kiến thức * GV chốt phần 1 và chuyển sang phần 2 - Phân tích lời nói, cử chỉ của KNN? - Qua đó cho thấy KNN là người như thế nào? - GV nhận xét HS trả lời và chốt -Theo em, những nhân vật trong đoạn trích này được miêu tả chủ yếu qua ngoại hình, nội tâm hay hành động, cử chỉ? - Nhận xét về ngôn ngữ được dùng trong đoạn trích? - Khái quát giá trị nội dung?	<i>Bộc lộ tư cách con người chính trực, hào hiệp, trọng nghĩa khinh tài, từ tâm, nhân hậu. Làm ơn không cần bất cứ một sự đền ơn nào.</i> <i>- Là một nhân vật lý tưởng, tính cách anh hùng, tài năng và có tấm lòng vị nghĩa.</i> <i>KNN là cô gái nét na, thủy mị, có học thức. Cách trình bày vấn đề khúc chiết, rõ ràng, vừa đáp ứng được đầy đủ những lời hỏi thăm của LVT lại vừa thể hiện được tấm lòng mình</i> <i>“Lâm nguy ... một hồi Lấy chi cùng người”</i> <i>Áy náy, băn khoăn, tìm cách đền ơn dù hiểu rằng đền ơn bao nhiêu cũng không đủ.</i> <i>Nhân vật chủ yếu được miêu tả thông qua hành động, cử chỉ, lời nói. Lục Vân Tiên là một truyện kể mang nhiều tính chất dân gian.</i> <i>- Ngôn ngữ mộc mạc, bình dị, gần với lời nói thông thường và mang màu sắc địa phương Nam Bộ. Nó có phần thiếu trau chuốt nhưng lại phù hợp với ngôn ngữ người kể chuyện, rất tự nhiên, dễ dàng đi vào lòng quần chúng.</i> <i>- Ngôn ngữ thơ đa dạng, phù hợp với diễn biến tình tiết.</i>	tưởng mà NĐC gửi gắm niềm tin và ước mong 2. Nhân vật Kiều Nguyệt Nga: Là cô gái khuê các, thủy mị, nét na, có học thức Trọng ân nghĩa, một lòng tri ân người đã cứu mình. III. Tổng kết: 1. Nghệ thuật: Miêu tả nhân vật thông qua hành động, cử chỉ, lời nói. Ngôn ngữ mộc mạc, bình dị. 2. Nội dung: 3. Ý nghĩa:

- Nêu ý nghĩa của đoạn trích? Giáo viên chốt ý.	Đoạn trích ca ngợi phẩm chất cao đẹp của hai nhân vật LVT, KNN và thể hiện khát vọng hành động cứu đời của tác giả. Truyện LVT là một trong những tác phẩm xuất sắc nhất của NĐC, được lưu truyền rộng rãi trong nhân dân.	Ca ngợi phẩm chất cao đẹp của 2 nv chính, khát vọng hành động cứu đời của tác giả. Ghi nhớ sgk.

3.Luyện tập (10p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Yêu cầu HS trả lời các câu hỏi trên bảng phụ: Câu 1: Văn bản “Lục Vân Tiên cứu KNN” là của tác giả nào? A. Nguyễn Du B. Nguyễn Khuyên C. Nguyễn Đình Chiểu D. Nguyễn Dữ Câu 2: Nhân vật chính của văn bản là ai? A. Lục Vân Tiên B. Kiều N Nga C. Nguyễn Đình Chiểu D. VT và KKN Câu 3: Trong đoạn trích, Vân Tiên đã làm gì? A. Đi thi B. Gặp KKN C. Đánh cướp cứu người D. Giúp KKN Câu 4: Truyện viết theo thể loại nào? A. Văn xuôi B. Thơ tự do C. Thơ 6 chữ D. Thơ lục bát. Câu 5: Phương thức biểu đạt trong đoạn trích là: A. Tự sự B. Miêu tả B. C. Biểu cảm D. Tự sự +m tả+ b cảm Câu 6: Câu nào sau đây thể hiện bản tính trượng nghĩa, không màng danh lợi của LVT? A. Vân tiên ghé lại... xông vô B. Khoan khoan... phận trai C. Nay đà ... làm gì D. . Làm ơn... trả ơn Câu 7: Truyện trên được viết bằng ngôn ngữ nào? A- Chữ Hán; B- Chữ Nôm; C- chữ Pháp; D- Chữ quốc ngữ Câu 8: Đoạn trích thể hiện khát vọng gì của tác giả?		

A- Được cứu đời, giúp người. B- Trở nên giàu sang phú quý. C- Có công danh hiển hách. D- Có tiếng tăm vang dội. Câu 9: Nguyễn Đình Chiểu miêu tả nhân vật bằng cách nào? A. Miêu tả nội tâm nhân vật C. Miêu tả tính cách nhân vật B. Miêu tả ngoại hình D. Miêu tả hành động, chữ chỉ, lời nói Câu 10: Kết cấu tình tiết của truyện em thấy giống với loại truyện nào? A. Truyền thuyết B. Cổ tích C. truyện ngụ ngôn D. Truyện hiện đại		

4.Vận dụng (3p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
- Qua nhân vật Lục Vân Tiên, em học hỏi được điều gì?	Trình bày	

5.Tìm tòi, mở rộng (7p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Thay lời nhân vật Lục Vân Tiên, diễn xuôi đoạn trích?	Trình bày	

* Hướng dẫn học (2p)

- Học thuộc lòng đoạn trích, ghi nhớ;
- Hiểu và dùng được một số từ Hán Việt thông dụng.
- Chuẩn bị bài mới: Ôn tập truyện Trung đại.
- + Xem lại các văn bản truyện Trung đại đã học.
- + Trả lời các câu hỏi SGK/134. Lập bảng hệ thống.

TUẦN 8

TIẾT 34: ÔN TẬP TRUYỆN TRUNG ĐẠI (TT)

TIẾT 35,36: TỔNG KẾT TỪ VỰNG (BÀI 9)

TIẾT 37,38: TỔNG KẾT TỪ VỰNG (BÀI 10)

TIẾT 33- 34	ÔN TẬP TRUYỆN TRUNG ĐẠI.	NS: 16/10/2023

I. Mục tiêu cần đạt: Giúp học sinh:

1. Kiến thức: Củng cố, hệ thống hóa các kiến thức cơ bản về các tác phẩm truyện Trung đại: Tác giả, thể loại, nội dung, ý nghĩa, nghệ thuật của từng tác phẩm.

2. Năng lực:

- Năng lực chuyên biệt: phân tích, cảm thụ qua từng văn bản cụ thể. Năng lực hệ thống hóa, phân tích, so sánh, trình bày vấn đề.

- Năng lực chung: tiếp nhận, giải quyết vấn đề; năng lực hợp tác, trình bày.

3. Phẩm chất: Có ý thức ôn tập tốt. Học tập được những cái hay về nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa và ý thức tu dưỡng bản thân.

*Tích hợp: Với các văn bản đã học.

II. Chuẩn bị:

1. Giáo viên: TKBG, Sgk, Sgv.

2. Học sinh: Sgk, Bài soạn

III. Tiến trình tổ chức các hoạt động:

1 Khởi động (3p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
GV trình chiếu những hình ảnh có liên quan đến văn bản đã học ->dẫn vào bài	HS xác định đó là hình ảnh gì, liên quan đến văn bản nào, của nhà văn nào?	

2. Hình thành kiến thức (75p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Câu 1. Lập bảng hệ thống. - Mỗi HS thống kê một tác phẩm, sau đó trình bày - GV nhận xét chốt ý Câu 2: Học sinh thảo luận cặp đôi 10p ->Gv yêu cầu đại diện trình bày, nhận xét lẫn nhau -> Gv nhận xét, chuẩn hóa kiến thức Câu 3,4,5,6: Hoạt động nhóm 15p -N1: Câu 3 -N2: câu 4 -N3:câu 5 -N4: câu 6 ->Yêu cầu các nhóm trình bày trên bảng phụ -> Gv nhận xét, chuẩn hóa kiến thức Câu 7: Hs trình bày các nhân	-Thực hiện cá nhân, trình bày -Thảo luận, trình bày, nhận xét -Thảo luận, trình bày, nhận xét -Thực hiện cá nhân	

Câu 1

TT	Tên văn bản	Tác giả	Nội dung	Nghệ thuật.
1	Chuyện người con gái Nam Xương	Nguyễn Dữ. TK 16	Vẻ đẹp truyền thống của người PN VN. Niềm thương cảm số phận bi kịch của họ dưới chế độ PK.	Yếu tố hiện thực kết hợp kì ảo. Dựng truyện, miêu tả kết hợp tự sự với trữ tình.
2	Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh.	Phạm Đình Hổ. TK 18	Đời sống xa hoa vô độ của bọn vua quan thời Lê Trịnh.	Tùy bút chữ Hán, sự việc cụ thể, chân thực, sinh động.
3	Hoàng Lê nhất thống chí. Hồi 14.	Ngô Gia Văn Phái. TK18	Hình ảnh anh hùng QT- NH. Sự thảm bại của bọn xâm lược và lũ bán nước.	Tiểu thuyết lịch sử theo lối chương hồi. chọn lọc sự việc, khắc họa nhân vật.
4	Truyện Kiều.	N Du. TK 18	Cuộc đời và sự nghiệp. Vai trò, vị trí của ông trong nền VHVN.	Truyện Nôm lục bát, giá trị nội dung và nghệ thuật

5	Chị em Thúy Kiều.	N Du.	Ca ngợi vẻ đẹp của chị em Thúy Kiều, tài năng Kiều.	Bút pháp ước lệ.
6	Cảnh ngày xuân.	N Du	Bức tranh thiên nhiên, lễ hội mùa xuân tươi đẹp, trong sáng.	Từ ngữ, hình ảnh giàu chất tạo hình.
7	Kiều ở lầu Ngưng Bích.	N Du	Cảnh cô đơn, buồn tủi và tấm lòng thủy chung hiếu thảo của Kiều.	Nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật, tả cảnh ngụ tình.
8	LVT cứu KNN	N Đình Chiểu. Tk 19	Cuộc đời và sự nghiệp của NĐC. Phẩm chất đẹp đẽ của LVT và KNN.	Truyện thơ Nôm. Kể chuyện, miêu tả mộc mạc, giản dị, giàu chất Nam Bộ.

Câu 2: Phân tích vẻ đẹp và số phận đầy bi kịch của người phụ nữ. (GV định hướng, hs thảo luận).

+ *Vẻ đẹp:*

-*Nhan sắc: họ mang vẻ đẹp đoan trang thùy mị nét na. Vũ Nương: thùy mị nét na, tư dung tốt đẹp; Vân: mây thua, tuyết nhường; Kiều: hoa ghen liễu hờn còn giỏi cầm kì thi họa*

- *Vẻ đẹp tâm hồn: phẩm chất hiếu thảo, chung thủy sắt son. (Vũ Nương, Thúy Kiều), khát vọng tự do, công lí, chính nghĩa. (Thúy Kiều).*

+ *Số phận bi kịch:*

- *Nạn nhân của chế độ PK nam quyền*

- *Hồng nhan bạc mệnh, chịu đủ những đau khổ của ng PN trong XH xưa, bi kịch lớn nhất là tình yêu tan vỡ và nhân phẩm bị chà đạp. (Thúy Kiều, Vũ Nương).*

Câu 3: Bộ mặt xấu xa, thói nát của giai cấp thống trị.

- *Ăn chơi xa hoa, lãng phí, trụy lạc: Chúa trình cùng các quan đại thần trong phủ chúa*

- *Hèn nhát, bán nước cầu vinh: Lê chiêu Thống (Hoàng Lê...)*

Câu 4: Phân tích hình tượng các nhân vật:

a/ Quang Trung- Nguyễn Huệ.

- *Hành động mạnh mẽ quyết đoán*

- *Trí tuệ nhạy bén, sáng suốt(Trong việc phân tích tình hình thời cuộc cũng như trong xét đoán dùng người)*

- *Ý chí quyết thắng và tầm nhìn xa trông rộng*

- *Tài dụng binh như thần*

- *Lẫm liệt trong chiến trận.*

-> Đó là người anh hùng dân tộc vĩ đại, nhân vật lịch sử kiệt xuất được khắc họa trung thực

b/ Lục Vân Tiên.

- Con người có tính cách anh hùng, tài năng và có tấm lòng vị nghĩa.
- Chính trực, hào hiệp, trọng nghĩa khinh tài, từ tâm nhân hậu

Câu 5: Nêu những nét chính về thời đại, gia đình và cuộc đời Nguyễn Du.

- Nguyễn Du (1765-1820), tên chữ là Tố Như, hiệu là Thanh Hiên, sinh trưởng trong một gia đình đại quý tộc, có truyền thống về văn học.
- Cuộc đời ông gắn bó với những biến cố của một giai đoạn lịch sử đầy biến động.
- Là người có kiến thức sâu rộng, là thiên tài văn học, nhà nhân đạo chủ nghĩa lớn.
- Ông để lại cho đời một sự nghiệp văn học đồ sộ bằng chữ Hán và chữ Nôm

Tóm tắt Truyện Kiều

- Gặp gỡ và đính ước: Kiều gặp Kim Trọng, đính ước
- Gia biến và lưu lạc:

+ Bán thân mình chuộc cha và em

+ Bị đẩy vào lầu Xanh

+ Được Thúc Sinh cứu nhưng bị vợ là Hoạn Thư ghen, đày đọa

+ Đến nhờ cửa Phật, lại bị rơi vào lầu xanh

+ Được Từ Hải cứu.

+ Bị quan Tổng đốc ép gả cho viên thổ quan

+ Trăm mình xuống sông tự vẫn. Được cứu, nương nhờ cửa Phật

- Đoàn tụ: Kiều

Câu 6: Phân tích giá trị nhân đạo trong Truyện Kiều qua các đoạn trích đã học.

- Khẳng định, đề cao con người. (Vẻ đẹp ngoại hình, tài năng, phẩm chất tâm hồn).
- Lên án tố cáo thế lực PK tàn bạo chà đạp quyền sống và hạnh phúc của con người.
- Thương cảm với những nỗi đau khổ của con người.

Câu 7: Phân tích những thành công nghệ thuật của Truyện Kiều.

- Nghệ thuật kể chuyện kết hợp miêu tả và bộc lộ tâm trạng cảm xúc.
- Miêu tả thiên nhiên giàu chất tạo hình.
- Xây dựng chân dung nhân vật bằng bút pháp ước lệ

3. Luyện tập (5p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Trò chơi: Đội nào nhanh nhất? -Chia lớp thành 2 đội	Tham gia, cổ vũ trò chơi	

-Vẽ sơ đồ tư duy khái quát các tác phẩm truyện trung đại đã học - Thời gian: 3p ->Gv tổng kết		

4.Vận dụng (15p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Viết đoạn văn cảm nhận về nhân vật Vũ Nương ->Gv gọi hs đọc bài viết ->Gv nhận xét	Viết	

***Hướng dẫn tự học ở nhà (2 p)**

- Nắm vững nội dung ôn tập
- Chuẩn bị bài: Tổng kết từ vựng (Bài 9)
- Sưu tầm những câu tục ngữ, thành ngữ.

TIẾT 35,36	TỔNG KẾT TỪ VỰNG	NS:16/10/2023

I. Mục tiêu cần đạt : Giúp học sinh:

1. Kiến thức:

- Một số khái niệm liên quan đến từ vựng.
- Những bài tập liên quan đến các biện pháp tu từ từ vựng đã học

2. Năng lực:

- Năng lực chung: năng lực hợp tác, năng lực đối thoại. Cách sử dụng từ hiệu quả trong nói, viết, đọc- hiểu văn bản và tạo lập văn bản.
- Năng lực chuyên biệt: khám phá, phát hiện và nắm được hiệu quả sử dụng các biện pháp tu từ; củng cố toàn bộ kiến thức về từ vựng.

3. Phẩm chất:

- Biết vận dụng kiến thức đã học trong giao tiếp.

*Tích hợp: Giáo dục kỹ năng sống: Giúp học sinh có ý thức lựa chọn từ ngữ phù hợp trong từng tình huống giao tiếp cụ thể.

II. Chuẩn bị :

1.Giáo viên: Sgv, Sgk,TKBG, các mẫu ví dụ.

2.Học sinh: Soạn bài, sgk

III. Tiến trình tổ chức các hoạt động.

1.Khởi động (3 p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
GV nêu mục tiêu kiến thức của bài học ->Dẫn vào bài	Lắng nghe	

2.Hình thành kiến thức (25p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
<i>Thảo luận nhóm mục I,II,III,IV</i>	- <i>Lập nhóm</i> - <i>Thực hiện các yêu cầu</i>	

- Giao nhiệm vụ: mỗi tổ thực hiện 1 mục - Ghi kết quả thảo luận vào bảng nhóm - Sau khi hoàn thành 1 mục, chuyển kết quả sang nhóm bên cạnh nhận xét, bổ sung. Đến khi mỗi nhóm đều hoàn thành 4 mục - GV quan sát, nhắc nhở, động viên, hướng dẫn - GV chốt ý, đối chiếu với phần trình bày của HS * Từ đơn và từ phức : - Thế nào là từ đơn? Từ phức? Cho ví dụ? - Từ phức gồm mấy loại? Nêu đặc điểm của mỗi loại? - Vẽ sơ đồ cấu tạo từ ? - Phân biệt từ ghép, từ láy trong những từ này ? - Nhận xét về cấu tạo của những từ ghép trên ? - Trong những từ láy trên, từ láy nào có sự giảm nghĩa và từ láy nào có sự tăng nghĩa so với tiếng gốc ? *Thành ngữ : - Thành ngữ là gì?	- <i>Lên bảng trình bày kết quả đã thảo luận</i> - <i>Nhận xét bổ sung phần thảo luận của bạn</i> - <i>Trình bày kết quả thảo luận</i> Từ đơn : gồm một tiếng Từ phức : gồm hai tiếng trở lên. - Từ phức gồm hai loại : + Từ ghép : gồm những từ phức được tạo ra bằng cách ghép các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa. + Từ láy : gồm những từ phức có quan hệ láy âm giữa các tiếng. - Từ ghép : ngặt nghèo, giam giữ, bó buộc, tươi tốt, bợt bèo, cỏ cây, đưa đón, nhường nhịn. - Từ láy : nho nhỏ, gật gù, lạnh lùng, xa xôi, lấp lánh. - Có sự giống nhau về ngữ âm nhưng chúng được coi là từ ghép vì giữa các yếu tố có mối quan hệ ngữ nghĩa với nhau. - Giảm nghĩa : trắng trắng, đèm đẹp, nho nhỏ, lạnh lạnh, xôm xốp. - Tăng nghĩa : sạch sành sanh, sát sần sật, nhấp nhô.	I/ <u>Từ đơn và từ phức:</u> 1. Từ đơn: 2. Từ phức: + Từ ghép. + Từ láy. II/ <u>Thành ngữ:</u> 1. Khái niệm: 2. Bài tập

- Trong những tổ hợp từ trên, tổ hợp từ nào là thành ngữ ? Tổ hợp từ nào là tục ngữ ? - Giải thích nghĩa của các thành ngữ, tục ngữ đó ? - Tìm những thành ngữ có yếu tố chỉ động vật và những thành ngữ có yếu tố chỉ thực vật ? Giải thích nghĩa và đặt câu với mỗi thành ngữ tìm được ? - Tìm 2 dẫn chứng về việc sử dụng thành ngữ trong văn chương ? - Nêu tác dụng ? * Nghĩa của từ: - Nghĩa của từ là gì?	- Là loại cụm từ có cấu tạo cố định biểu thị một ý nghĩa hoàn chỉnh. - Tục ngữ : a) Gàn mực thì đen... c) Chó treo, mèo đậy. - Thành ngữ : b) Đánh trống bỏ dùi. d) Được voi đòi tiên. e) Nước mắt cá sấu. * Giải thích nghĩa : a) Hoàn cảnh, môi trường xã hội có ảnh hưởng quan trọng đến tính cách đạo đức của con người. b) Làm việc không đến nơi, đến chốn, thiếu trách nhiệm c) Muốn giữ gìn thức ăn, với chó thì phải treo lên, với mèo thì đậy lại. d) Tham lam, được cái này lại muốn cái khác hơn. e) Sự thông cảm, thương xót giả dối, nhằm đánh lừa người khác. - Thành ngữ chỉ động vật : + Đầu voi, đuôi chuột. + Thả hổ về rừng. + Miệng hùm, gan sứa. - Thành ngữ chỉ thực vật : + Dây cà ra dây muống. + Cây nhà lá vườn. + Bèo dạt mây trôi. - « Thân em...nước non » - « Xót người...đó giờ » - Làm câu văn thêm sinh động, tăng tính hình tượng và tính biểu cảm.	III/ <u>Nghĩa của từ:</u> 1. Khái niệm: 2. Bài tập:

- Chọn cách hiểu đúng trong những cách hiểu trên ? - GV cho HS đọc bài tập 3 (III). - Cách giải thích nào là đúng ? - Thảo luận: Chia lớp học thành hai nhóm A và B, mỗi nhóm thảo luận một câu hỏi. Gọi đại diện trả lời. *Từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ: - Nêu khái niệm về từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ? - Từ hoa trong thềm hoa, lệ hoa được dùng theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển? Có thể xem đây là hiện tượng chuyển nghĩa làm xuất hiện từ nhiều nghĩa không? - Khi tìm hiểu hiện tượng chuyển nghĩa của từ cần chú ý điểm nào ?	- Là nội dung (sự vật, tính chất, hành động, quan hệ...) mà từ biểu thị . - Cách a : hợp lí. - Cách b : chưa hợp lí. - Cách c : Có sự nhầm lẫn giữa nghĩa gốc (a) và nghĩa chuyển (thất bại là bài học kinh nghiệm cho thành công). - Cách d : không chọn vì nghĩa của từ <i>mẹ</i> và nghĩa của từ <i>bà</i> có phần nghĩa chung là người phụ nữ. - Cách (b) là đúng - giải thích bằng cách nêu từ đồng nghĩa, phần còn lại cụ thể hóa cho từ <i>rộng lượng</i>. - Từ có thể có một nghĩa hay nhiều nghĩa. - Từ nhiều nghĩa là từ mang những sắc thái ý nghĩa khác nhau do hiện tượng chuyển nghĩa. - Hiện tượng chuyển nghĩa là hiện tượng thay đổi nghĩa của từ tạo ra những từ nhiều nghĩa (nghĩa gốc, nghĩa chuyển). VD: + Từ một nghĩa (xe đạp, học sinh). + Từ nhiều nghĩa (chân, mũi, xuân).	IV/ <u>Từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ:</u> 1. Từ nhiều nghĩa: 2. Hiện tượng chuyển nghĩa của từ,

	- Từ <i>hoa</i> được dùng theo nghĩa chuyển. Không thể coi đây là hiện tượng chuyển nghĩa, vì nghĩa chuyển này có tính chất lâm thời chưa làm thay đổi nghĩa của từ, chưa đưa vào từ điển. - Phải hiểu hiện tượng chuyển nghĩa trong những văn cảnh nhất định.	

3. Luyện tập (7p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
1. Các từ nguồn gốc, con cháu thuộc loại từ nào? A. Từ ghép B. Từ láy 2. Điền các từ: <i>học hành, học hỏi, học hỏi, học tập</i> vào chỗ trống: A. Học tập rèn luyện để có kỹ năng B. Nghe rồi thấy người ta làm rồi làm theo C. Tìm tòi, hỏi hăng để học tập 3. Những từ in đậm sau đây, từ nào là nghĩa gốc, từ nào là nghĩa chuyển: a/ Ngày xuân con én đưa thoi – Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi... b/ Ngày xuân em hãy còn dài – xốt tình máu mủ thay lời nước non... c/ Mùa xuân là tết trồng cây – Làm cho đất nước càng ngày càng xuân...		

4. Vận dụng (5p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Viết 1 đoạn văn ngắn có từ đơn, từ ghép, từ láy, thành ngữ. -> Gv gọi hs đọc, nhận xét	Thực hiện	

5. Tìm tòi, mở rộng (3p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt

Tìm 2 thành ngữ có trong những bài thơ, câu ca dao đã học trong chương trình từ lớp 6-9 <i>Định hướng:</i> <i>Bảy nổi ba chìm (bánh trôi nước- lớp 7)</i> <i>Lên thác xuống ghềnh (cadao- Lớp 7)</i>	Thực hiện	

*** Hướng dẫn tự học ở nhà: (2 p)**

- Học bài, nắm vững nội dung ôn tập.
- Phân tích cách lựa chọn từ ghép, từ láy, thành ngữ, tục ngữ trong một văn bản cụ thể.
- Xem lại các bài: Từ đồng âm, từ đồng nghĩa, trái nghĩa, trường từ vựng

TIẾT 37-38	TỔNG KẾT TỪ VỰNG (BÀI 10)	NS: 16/10/2023

I. Mục tiêu bài học

1.Kiến thức:-Hs nắm vững hơn và biết vận dụng những kiến thức về từ vựng đã học từ lớp 6-9 (Sự phát triển của từ vựng, từ mượn, từ hán Việt, thuật ngữ biệt ngữ xã hội , các hình thức trau dồi vốn từ)

2.Năng lực:

- **Năng lực chung:** Tự học, sáng tạo,tự nhận thức,hợp tác, sử dụng ngôn ngữ giao tiếp, giải quyết vấn đề, tư duy

- **Năng lực chuyên biệt:** Rèn luyện kỹ năng tổng hợp, hệ thống kiến thức.

3.Phẩm chất: Giáo dục HS ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

II.Chuẩn bị

1.Giáo viên: Sgv, Sgk, TKBG

2. Học sinh: ôn bài cũ , xem bài mới, Chuẩn bị từ điển Hán –Việt, sgk.

III.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1.Khởi động (3p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt

II.: Hướng dẫn HS hệ thống lại kiến thức về từ mượn Giao nhiệm vụ cho hs -Hãy nhắc lại khái niệm từ mượn? -Chọn nhận định đúng trong các nhận định -Sự khác nhau của các từ mượn?	-Trả lời cá nhân	Mọi ngôn ngữ của nhân loại đều phát triển từ vựng theo tất cả các cách thức đã nêu trong sơ đồ trên. II. Từ mượn 1.Khái niệm: Những từ vay mượn của tiếng nước ngoài để biểu thị những sự vật, hiện tượng, đặc điểm...
III: Hướng dẫn HS hệ thống lại kiến thức về từ Hán Việt. Giao nhiệm vụ cho hs -Hãy nhắc lại khái niệm từ Hán Việt? -Chọn quan niệm đúng và giải thích vì sao ?	- Nhắc lại khái niệm. - Đọc yêu cầu bài tập 2. - Làm miệng.	III. Từ Hán Việt. 1. <u>Khái niệm</u>: là những từ gốc Hán được phát âm theo cách của người Việt. 2. <u>Bài tập</u>. b. Từ Hán Việt là bộ phận quan trọng của lớp từ mượn gốc Hán.
IV: Hướng dẫn HS hệ thống lại kiến thức về thuật ngữ và biệt ngữ xã hội Giao nhiệm vụ cho hs -Thuật ngữ là gì?	- Nêu khái niệm.	IV. Thuật ngữ và biệt ngữ xã hội. 1. Khái niệm : - Thuật ngữ là những từ ngữ biểu thị khái niệm khoa học, công nghệ thường được dùng trong các văn bản khoa học công nghệ. - Biệt ngữ xã hội là từ được dùng trong 1 tầng lớp xã hội nhất định. 2. Bài tập.

-Thảo luận về vai trò của Thuật ngữ trong đời sống hiện nay? -Liệt kê một số từ ngữ là biệt ngữ xã hội ?	- Thảo luận. -> Trình bày. - Làm miệng. -> Nhận xét.	<u>Bài 2.</u> -> Do nhu cầu giao tiếp và nhận thức của mọi người về những vấn đề khoa học, công nghệ ngày càng tăng nên thuật ngữ ngày càng trở nên quan trọng. Bài 3. - ngỗng, trứng, gậy...(cách gọi điếm KT của tầng lớp HS, sinh viên)..
V: Hướng dẫn HS hệ thống lại kiến thức về trau dồi vốn từ. Giao nhiệm vụ cho hs -Nêu lại các hình thức trau dồi vốn từ ? -Hãy giải thích nghĩa của các từ “bách khoa toàn thư”, “hậu duệ”, “khẩu khí”...? (Hướng dẫn hs tra từ điển) *Thảo luận cặp đôi (5p) -Sửa lỗi dùng từ trong những câu trên?	- HS trả lời. - Đọc yêu cầu bài tập 2. - HS giải thích. - Đọc yêu cầu bài tập 3. - Thảo luận. -> Sửa lỗi.	<u>V. Trau dồi vốn từ</u> - Rèn luyện để nắm vững nghĩa của từ; rèn luyện để biết thêm những từ chưa biết. * <u>Bài tập 2.</u> - Bách khoa toàn thư : từ điển bách khoa, ghi đầy đủ tri thức của các ngành. - Bảo hộ mậu dịch : bảo vệ sản xuất trong nước chống lại sự cạnh tranh của hàng hoá nước ngoài trên thị trường nước mình. - Dự thảo : thảo ra để thông qua (động từ) ; bản dự thảo để đưa thông qua (danh từ). - Đại sứ quán : cơ quan đại diện chính thức và toàn diện của nhà nước ở nước ngoài do 1 đại sứ đặc mệnh toàn quyền đứng đầu. -Hậu duệ : con cháu của người đã chết. - Khẩu khí : khí phách của con người toát ra từ lời nói. - Môi sinh : môi trường sống của sinh vật. * <u>Bài tập 3.</u> a. Sai từ “béo bỏ” -> Sửa: béo bở. b. Sai từ “đạm bạc” -> Sửa: tẻ bạc.

hoảng loạn với hoảng hốt, hoảng sợ. Có thể sử dụng từ điển để tra, so sánh nghĩa và cách sử dụng GV chiếu bài tập trên máy hoặc treo bảng phụ 2/ Sửa lỗi cho các câu sau: a/ Ông ấy nhận bù lao có hai mươi ngàn đồng. b/Một kĩ sư người Nga là cha ruột của khẩu súng AK c/Trong chiến tranh nhiều chiến sĩ đã bị tra tấn hết sức cực đoan		2/ a/ bù lao-> thù lao b/Cha ruột-> cha đẻ c/ Cực đoan-> dã man

4.Vận dụng, tìm tòi mở rộng (10p)

Viết một đoạn văn với chủ đề tự chọn, trong đó có sử dụng từ mượn. ->Gv gọi hs đọc bài ->Nhận xét	Thực hiện	Cần xác định đề tài và phương thức viết đoạn văn (có thể viết về phương pháp học tập, về người thân, về du lịch,...), trong đó chú ý sử dụng từ mượn (có thể là từ mượn tiếng Hán, tiếng Anh hoặc tiếng Pháp,...).

*Hướng dẫn tự học (2p)

- Về nhà ôn bài, hoàn thành đoạn văn
- Hoàn thiện các bài tập vào vở
- Chuẩn bị bài: Tổng kết từ vựng (– Bài 11)

TUẦN 9
TIẾT 39,40: ÔN TẬP THI GIỮA KỲ
TIẾT 41: TỔNG KẾT TỪ VỰNG (BÀI 11)
TIẾT 42-43: TỔNG KẾT TỪ VỰNG (LUYỆN TẬP TỔNG HỢP)
TIẾT 44,45: KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1

TIẾT 39-40	ÔN TẬP GIỮA KỲ	NS:25/10/2023

I.Mục tiêu :

1. Kiến thức:

-Hệ thống hóa kiến thức đã học về tiếng Việt, văn bản truyện Việt Nam, tạo lập văn bản.

2. Năng lực:

- **Năng lực chung:**Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực nhận thức, tư duy logic

- **Năng lực chuyên biệt :** năng lực sử dụng ngôn ngữ, sử dụng Tiếng Việt, đọc hiểu văn bản, cảm thụ văn học, cảm thụ thẩm mỹ.

3. Phẩm chất:

- Chăm trọng trong sử dụng ngôn ngữ.

II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:

1. Giáo viên: Thiết kế bài dạy Ngữ văn 9, bảng phụ...

2. Học sinh:,sách Ngữ văn 9, bảng nhóm...

III. Tiến trình dạy học.

1.Khởi động (1p):

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Nêu mục tiêu bài học	Lắng nghe	

2.Hình thành kiến thức (10p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
-Gv cung cấp ma trận đề kiểm tra giữa kì cho hs -Hướng dẫn cho hs cách làm bài.	Theo dõi	

3.Luyện tập, vận dụng (78p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
-Gv cho hs làm thử 1 số đề bài -Gọi hs trình bày –nhận xét	Thực hiện	

->Gv nhận xét, bổ sung		

***Hướng dẫn tự học (1p)**

- Tự ôn tập lại các kiến thức đã học
- Tìm văn mẫu về thuyết minh để đọc tham khảo.

TIẾT 41	TỔNG KẾT TỪ VỰNG (TT-BÀI 11)	NS: 25/10/2023

I. Mục tiêu cần đạt: Giúp học sinh:

1. Kiến thức:

- Các khái niệm từ tượng thanh, từ tượng hình; phép tu từ so sánh, ẩn dụ, nhân hoá, hoán dụ, nói giảm nói tránh, điệp ngữ, chơi chữ.
- Tác dụng của việc sử dụng từ tượng thanh, từ tượng hình và phép tu từ trong văn bản nghệ thuật.

2. Năng lực:

- Năng lực chung: giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề...
- Năng lực chuyên biệt: năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học.

3. Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ, tự hoàn thiện.

II. Chuẩn bị

1. Giáo viên: SGK, SGV, TKBG, Các ví dụ.

2. Học sinh: Đọc trước SGK, soạn bài, Sgk

III. Tiến trình tổ chức các hoạt động.

1. Khởi động (4p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của Hs	Nội dung cần đạt
HS trả lời các câu hỏi trên bảng phụ: Câu 1: Trong các câu thơ sau, câu nào có sử dụng từ Hán Việt? a. Thuyền ta lái gió với buồm trăng. b. Biển cho ta cá như lòng mẹ. c. Mẹ cùng cha công tác bận không về. d. Cháu thương bà biết mấy nắng mưa. Câu 2: Trong các câu sau, câu nào không mắc lỗi dùng từ? a. Mẹ tôi mua một cuốn sách bách khoa toàn thư của gia đình. b. Bộ tài chính chuẩn bị trình dự thảo về thuế đất cho quốc hội xem xét. c. Bác tôi là đại sứ quán ở Cu Ba. d. Bộ phim này không có khẩu khí chút nào.	Trả lời	• Đáp án: 1-c; 2-b; 3-a.

Câu 3: Từ <i>ngọn</i> trong câu thơ nào sau đây được dùng với nghĩa gốc? a.Lá bàng đang đỏ ngọn cây.(tố Hữu) b.Giờ cháu đã đi xa. Có ngọn khói trăm tàu. (Bằng Việt). c.Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng (Bằng Việt). d.Nghe ngọn gió phương này thổi sang phương ấy. (Chính Hữu) ->Đẫn vào bài học		

2.Hình thành kiến thức, luyện tập (26 p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
I.Từ tượng thanh và từ tượng hình: 1.Ôn lại khái niệm từ tượng thanh và từ tượng hình? 2.Tìm những tên loài vật là từ tượng thanh? 3. Hãy xác định những từ tượng hình và giá trị sử dụng của chúng trong đoạn trích.(Bảng phụ)	-Xác định đối tượng hện hò -Di chuyển đến nơi hẹn -Thực hiện các yêu cầu trong sgk - Lên bảng trình bày nội dung thảo luận theo thăm bốc trúng. I.1 - Từ tượng thanh : mô phỏng âm thanh, tiếng động của tự nhiên, của con người. - Từ tượng hình : gợi tả hình ảnh, dáng vẻ, hoạt động. 2- Tên gọi loài vật là từ tượng thanh: + Mèo → “meo” + Bò → “âm bo “ + Tắc kè → “tắc tắc...tắc kè “ +(Chim) cu → “cúc cu” - 3 + Những từ tượng hình: <i>lốm đốm, lê thê, loáng thoáng, lồ lộ</i>. Những từ này có tác dụng mô tả hình ảnh đám mây một cách cụ thể , sống động: 1. Khái niệm:	I/ Từ tượng thanh, từ tượng hình: 1. Khái niệm: 2. Loài vật có tên gọi là từ tượng thanh: 3. Xác định từ tượng hình và nêu tác dụng:

II. Một số phép tu từ từ vựng: 1. Hãy cho biết khái niệm: so sánh, ẩn dụ, nhân hoá, hoán dụ, nói quá, nói giảm nói tránh, điệp ngữ, chơi chữ... -Gọi hs nhắc lại, gv nhận xét, bổ sung.	- So sánh: đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng. - Nhân hoá: gọi, tả...những con vật, cây cối, đồ vật bằng những từ ngữ vốn được dùng để gọi hoặc tả con người. - Ẩn dụ: gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật hiện tượng khác có nét tương đồng. - Hoán dụ: gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có quan hệ gần gũi với nó. - Nói quá: là phóng đại mức độ, quy mô tính chất của sự vật, hiện tượng được miêu tả để nhấn mạnh, gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm. - Nói giảm nói tránh: Dùng cách diễn đạt tế nhị, uyển chuyển, tránh gây cảm giác quá đau buồn, ghê sợ; tránh thô tục, thiếu lịch sự. - Điệp ngữ: Biện pháp lặp đi lặp lại một từ ngữ (câu) để làm nổi bật, gây cảm xúc mạnh. - Chơi chữ: cách lợi dụng đặc sắc về âm, về nghĩa của từ ngữ để tạo sắc thái dí dỏm, hài hước...làm câu văn hấp dẫn thú vị. * Nghệ thuật độc đáo của Ng Du a) Ẩn dụ : từ <i>hoa</i>, <i>cánh</i> dùng để chỉ Thuý Kiều và cuộc đời của nàng, từ <i>cây</i>, <i>lá</i> dùng để chỉ gia đình của Thuý Kiều và cuộc sống của họ, ý nói Thuý Kiều bán mình để cứu gia đình.	II/ Một số phép tu từ từ vựng: 1. Khái niệm: - So sánh - Nhân hoá - Ẩn dụ - Hoán dụ - Nói quá - Nói giảm nói tránh - Điệp ngữ - Chơi chữ 2. Nghệ thuật độc đáo của Nguyễn Du:

*Thảo luận nhóm 10p, hoàn thành nội dung 2,3 -N1,3: Hãy vận dụng kiến thức đã học về một số phép tu từ từ vựng để phân tích nét nghệ thuật độc đáo của những câu thơ sau (trích từ <i>Truyện Kiều</i> của Nguyễn Du) ? -N2,4: 3. Vận dụng kiến thức đã học về một số phép tu từ từ vựng để phân tích nét nghệ thuật độc đáo trong những câu (đoạn) sau: (SGK) ->Gv yêu cầu các nhóm trình bày, nhận xét. ->Gv nhận xét	b) So sánh tu từ: so sánh tiếng đàn của Thúy Kiều với <i>tiếng hạc, tiếng suối, tiếng gió thoảng, tiếng trời đổ mưa</i>. c) Nói quá: Thúy Kiều có sắc đẹp đến mức Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh. Thúy Kiều không chỉ đẹp mà còn có tài: <i>Một hai nghiêng nước nghiêng thành. Sắc đành đòi một, tài đành họa hai</i> →ấn tượng một nhân vật tài sắc vẹn toàn. d) Nói quá: trong gang tấc, →gấp mười quan san: cực tả sự xa cách giữa thân phận, cảnh ngộ của Thúy Kiều và Thúc Sinh e) Biện pháp chơi chữ: tài và tai * Phân tích nét nghệ thuật độc đáo trong một số câu thơ a) Điệp từ ngữ (còn) và dùng từ ngữ đa nghĩa (say sưa). Say sưa vừa được hiểu là chàng trai vì uống nhiều rượu mà say, vừa được hiểu là chàng trai say đắm vì tình → chàng trai đã thể hiện tình cảm của mình mạnh mẽ mà kín đáo. b) Dùng biện pháp tu từ nói quá để nói về sự lớn mạnh của nghĩa quân Lam Sơn c) Biện pháp so sánh, miêu tả sắc nét và sinh động âm thanh của tiếng suối và cảnh rừng dưới đêm trăng (trăng rất sáng khiến cảnh vật hiện rõ đường nét) d) Biện pháp nhân hoá: nhân hoá ánh trăng, biến trăng thành người bạn tri âm tri kỉ (Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ) →thiên nhiên trong bài thơ trở nên	3. Phân tích nét nghệ thuật độc đáo trong một số câu thơ:

	sống động hơn, có hồn .gắn bó với cợn người hơn. e) Biện pháp ẩn dụ tu từ: từ <i>mặt trời</i> = <i>em bé trên lưng mẹ</i>, thể hiện sự gắn bó của đứa con với người mẹ, đó là nguồn sống, nguồn nuôi dưỡng niềm tin của mẹ vào ngày mai.	

3.Luyện tập (10p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của Hs	Nội dung
Viết đoạn văn ngắn có sử dụng ít nhất 2 từ tượng hình, 1 từ tượng thanh, 1 phép tu từ đã học. ->Gv gọi hs đọc bài làm -> Gv nhận xét	Viết	

4.Tìm tòi, vận dụng (3p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của Hs	Nội dung
Trò chơi: Vẽ sơ đồ về nội dung tổng kết TVTV vừa học? -Thời gian: 3p ->Gv gọi hs nhận xét ->Gv nhận xét, khen thưởng		

Hướng dẫn tự học: (2p)

- Tập viết đoạn văn có sử dụng các phép tu từ đã ôn tập.
- Soạn bài: Tổng kết về từ vựng. (Luyện tập tổng hợp)
- + Trả lời các yêu cầu ở các câu hỏi sgk/158.

TIẾT 42-43	TỔNG KẾT VỀ TỪ VỰNG (Luyện tập tổng hợp)	NS: 25/10/2023

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức:

- Hệ thống các kiến thức về nghĩa của từ, từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, trường từ vựng, từ tượng thanh, từ tượng hình, các biện pháp tu từ từ vựng.
- Tác dụng của việc sử dụng các biện pháp tu từ trong các văn bản nghệ thuật.

2. Năng lực:

- Năng lực chung: giải quyết vấn đề, hợp tác...
- Năng lực chuyên biệt.
- + Nhận diện được các từ vựng, biện pháp tu từ từ vựng trong văn bản
- + Phân tích tác dụng của việc lựa chọn, sử dụng từ ngữ và biện pháp tu từ trong văn bản

3. Phẩm chất:

- Tích cực vận dụng các từ vựng, biện pháp tu từ từ vựng trong giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên:

- Tìm hiểu bài, chuẩn kiến thức, thiết kế bài giảng
- Bảng phụ
- Hướng dẫn HS chuẩn bị bài.

2. Học sinh:

- Soạn bài theo định hướng của SGK và sự hướng dẫn của giáo viên
- Ôn lại các nội dung về từ vựng đã học

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Khởi động (5p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Gv trình chiếu trò chơi mảnh ghép Ôn lại những kiến thức về lí thuyết đã học	- HS hoạt động nhóm, thực hiện theo yêu cầu của GV. - HS lắng nghe và ghi đề bài.	

2. Luyện tập (75p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt

Bài tập 1: Hs làm việc cá nhân -Giải nghĩa 2 từ <i>gật đầu, gật gù</i> +<i>Gật đầu: cúi đầu xuống rồi ngẩng lên ngay, thường để chào hỏi hay tỏ sự đồng ý</i> +<i>Gật gù: gật nhẹ và nhiều lần, biểu thị thái độ đồng tình, tán thưởng.</i> Bài tập 2: HS thảo luận nhóm đôi (2p): Nhận xét cách hiểu nghĩa của người vợ trong truyện cười? ->Yêu cầu các nhóm trình bày, nhận xét ->Gv nhận xét, chuẩn hóa kiến thức. BT 3,4,5,6: HS thảo luận nhóm (12p) -N1,2: Bài 3,4 -N3,4: Bài 5,6 3/ Xác định những từ được dùng theo nghĩa gốc, từ dùng theo nghĩa chuyên? 4/ Xác định các từ cùng trường từ vựng, nhận xét tác dụng? 5/ Nhận xét tên gọi các sự vật hiện tượng? Tìm thêm một số trường từ vựng khác? 6/ Nhận xét cách dùng từ mượn ->Yêu cầu các nhóm trình bày, nhận xét ->Gv nhận xét, chuẩn hóa kiến thức.	- HS đọc y/c , làm việc cá nhân Thảo luận nhóm, trình bày, nhận xét Thảo luận nhóm, trình bày, nhận xét	BT1: Từ <i>gật gù</i> thích hợp hơn với ý nghĩa cần biểu đạt: Tuy món ăn đạm bạc nhưng đôi vợ chồng nghèo ăn rất ngon miệng vì họ biết chia sẻ những niềm vui đơn sơ trong cuộc sống. BT2: Người vợ không hiểu nghĩa của cách nói “<i>chỉ còn một chân sút</i>”. Cách nói này có nghĩa là cả đội bóng chỉ còn có một người giỏi ghi bàn thôi. BT3: Những từ được dùng theo nghĩa gốc: miệng, chân, tay. Những từ dùng theo nghĩa chuyên: vai (hoán dụ) ; đầu (ẩn dụ) BT4: Các từ (<i>áo</i>) <i>đỏ</i>, (<i>cây</i>) <i>xanh</i>, (<i>ánh</i>) <i>hồng</i>, <i>lửa</i>, <i>cháy</i>, <i>tro</i> tạo thành 2 trường từ vựng khác nhau: Trường từ vựng chỉ màu sắc và trường từ vựng chỉ lửa. Các từ thuộc hai trường từ vựng này lại có quan hệ với nhau. Màu áo đỏ của cô gái thắp lên trong ánh mắt chàng trai ngọn lửa. Ngọn lửa lan toả trong con người anh làm anh say đắm ngất ngây đến mức có thể cháy thành tro và lan ra cả không gian, làm không gian cũng biến sắc: cây xanh như cũng...: Thể hiện độc đáo

		một tình yêu mãnh liệt và cháy bỏng. BT5: Các sự vật hiện tượng đó được gọi tên theo cách dùng từ ngữ có sẵn với một nội dung dựa vào đặc điểm của sự vật hiện tượng được gọi tên - Tìm thêm 5 trường hợp tương tự : <i>chuột đồng, ót chỉ thiên, mực, xe cút kít, cà tím, cá kìm...</i> BT6: Phê phán thói sính dùng từ ngữ nước ngoài của một số người.

3.Vận dụng (18p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
GV: <i>Viết đoạn văn ngắn (từ 3-5 câu) có sử dụng ít nhất một phép tu từ từ vựng đã học.</i> -GV: Theo dõi, hỗ trợ cho các đối tượng HS -GV cho HS xung phong trình bày kết quả của mình -GV nhận xét, tuyên dương.	- HS làm việc độc lập. - HS trình bày kết quả. - Lớp nhận xét. -HS lắng nghe, học hỏi.	- HS vận dụng kiến thức để viết đoạn văn đúng yêu cầu.

Hướng dẫn tự học và chuẩn bị (2 phút)

- Ôn lại kiến thức về từ vựng đã học, nắm vững các nội dung đã tìm hiểu.
- Hoàn chỉnh tiếp các bài tập vào vở.
- Ôn tập lại kiến thức đã học để làm bài kiểm tra giữa kì

TIẾT 44,45	KIỂM TRA GIỮA KỲ 1	NS: 25/10/2023

I. MỤC TIÊU ĐỀ KIỂM TRA

- Thu thập thông tin, đánh giá mức độ đạt được của quá trình dạy học (từ tuần 1-9) so với yêu cầu đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình giáo dục.
- Nắm bắt khả năng học tập, mức độ phân hóa về học lực của học sinh. Trên cơ sở đó, giáo viên có kế hoạch dạy học phù hợp với đối tượng học sinh nhằm nâng cao chất lượng dạy học môn Ngữ văn.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo Viên: Đề, hướng dẫn chấm
2. Học sinh: Giấy, bút, thước.

III. Tiến trình dạy học

1. Ổn định lớp.
2. Phát đề kiểm tra
3. Làm bài
4. Thu bài
5. Hướng dẫn tiết sau học: Trả bài thi giữa kỳ

TUẦN 10 TIẾT 46, 47: TRẢ BÀI KIỂM TRA GIỮA KÌ TIẾT 48, 49: ĐỒNG CHÍ TIẾT 50: BÀI THƠ VỀ TIỂU ĐỘI XE KHÔNG KÍNH		

TIẾT 46,47	TRẢ BÀI KIỂM TRA GIỮA KÌ	NS: 4/11/2023

I. Mức độ cần đạt:

1.**Kiến thức:** Đánh giá những ưu, khuyết điểm của bài kiểm tra

2. Năng lực:

- **Năng lực chung:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tự quản.

- **Năng lực chuyên biệt :** năng lực sử dụng ngôn ngữ, sử dụng Tiếng Việt, năng lực văn học

3. **Phẩm chất:** Tích cực trong giờ học.

II.Chuẩn bị:

1.Giáo viên: Thiết kế bài giảng, chấm bài, đáp án và biểu điểm, SGK-SGV Ngữ văn 9

2. Học sinh: Đề thi, SGK Ngữ văn 9 tập 1

III.Tiến trình tổ chức các hoạt động.

1. Hoạt động khởi động (2 phút)

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
Nêu mục tiêu tiết học	Lắng nghe	

2. Hoạt động hình thành kiến thức (41 phút)

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
HD 1: Đọc lại đề, hướng dẫn tìm đáp án	Lắng nghe	Theo hướng dẫn chấm của tiết kiểm tra
HD 2: Nhận xét bài làm của học sinh	Lắng nghe	

-Nhiều hs chưa ôn bài kĩ, không nắm vững nội dung bài làm - Trình bày chưa cẩn thận, mắc nhiều lỗi chính tả - Một số bài làm tốt, điểm cao		
HD 3: Trả bài, sửa chữa. -GV phát bài cho hs tự kiểm tra lại với đáp án để sửa bài của mình. - GV tuyên dương những bài làm điểm cao. - Nhắc nhở những em làm bài sơ sài.	Lắng nghe	

3. Hoạt động luyện tập (45p)

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
Cho hs tự viết lại bài viết theo dàn ý đã cung cấp	Viết bài	

***Hướng dẫn tự học (2p)**

- Tự ôn lại những kiến thức chưa vững thông qua bài kiểm tra giữa kì
- Tiết sau học: Đồng chí:
- + Đọc kĩ văn bản
- + Trả lời các câu hỏi phần chú thích
- + Tìm hiểu thêm tư liệu về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

MA TRẬN ĐỀ

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	SỐ CÂU THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC				TỔNG
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	ĐỌC	VB truyện	4	1	1	0	6
Tỉ lệ % điểm			30	10	10	0	50
2	VIẾT	Viết bài văn TM có sử dụng BPNT và MT	1*	1*	1*	1	5
Tỉ lệ % điểm			10	20	10	10	50
Tỉ lệ % điểm các mức độ			40	30	20	10	100

BẢNG ĐẶC TẢ

TT	Kĩ năng	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	Đọc	Văn bản truyện	* Nhận biết: -Phương thức biểu đạt - Lời dẫn trực tiếp, dấu hiệu nhận biết - Từ láy, từ ghép - Từ với nghĩa tương ứng * Thông hiểu: Chi tiết trong câu chuyện * Vận dụng: Bài học thông qua câu chuyện	4	1	1		6
Tỉ lệ % điểm				30	10	10		50
2	Viết	Viết bài văn Thuyết minh có sử dụng Biện pháp nghệ	*Nhận biết: Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu bài TM có sử dụng một số BPNT và yếu tố MT... *Thông hiểu:	1*	1*	1*	1	1

		thuật và Miêu tả	Viết đúng về nội dung, về hình thức (từ ngữ, diễn đạt, bố cục văn bản) *Vận dụng: .-Viết được bài văn TM có sử dụng kết hợp một số BPNT và yếu tố MT -Ngôn ngữ trong sáng, gần gũi; *Vận dụng cao: Có sự sáng tạo về dùng từ, đặt câu, diễn đạt, lựa chọn dẫn chứng để thuyết phục...					
Tỉ lệ % điểm				10	20	10	10	50
Tỉ lệ % điểm các mức độ				40	30	20	10	100

I. Đọc- hiểu :(5.0 điểm): Đọc câu chuyện sau và trả lời các câu hỏi bên dưới.

Một em bé đáng yêu đang cầm hai quả táo trong tay. Mẹ bước vào phòng và mỉm cười hỏi cô con gái nhỏ: “Con yêu, con có thể cho mẹ một quả táo được không?”

Em bé ngược nhìn mẹ trong một vài giây, rồi sau đó lại nhìn xuống từng quả táo trên hai tay mình. Bất chợt, em cắn một miếng trên quả táo ở tay trái, rồi lại cắn thêm một miếng trên quả táo ở tay phải.

Nụ cười trên gương mặt bà mẹ bỗng trở nên gượng gạo. Bà cố gắng không để lộ nỗi thất vọng của mình.

Sau đó, cô gái nhỏ giơ lên một trong hai quả táo vừa bị cắn lúc nãy và rạng rỡ nói: “Quả này dành cho mẹ nhé, nó ngọt hơn đấy ạ!”.

(Quà tặng cuộc sống)

Câu 1 (0.5 điểm): Cho biết phương thức biểu đạt chính của văn bản.

Câu 2 (1 điểm): Xác định lời dẫn trực tiếp trong văn bản và trình bày ngắn gọn dấu hiệu để xác định lời dẫn trực tiếp đó.

Câu 3 (0.5 điểm): Tìm 1 từ láy và 1 từ ghép có trong đoạn văn trên?

Câu 4 (1.0 điểm): Xác định từ trong đoạn trích có cách giải thích nghĩa như sau:
“*Cảm giác không vui, không hài lòng khi điều mong đợi không được như ý*”.

Câu 5 (1.0 điểm): Tại sao người mẹ cảm thấy thất vọng khi em bé cắn hai quả táo? Tại sao em bé không đưa ngay một quả táo cho mẹ mà phải cắn từng trái? Em hãy hình dung tâm trạng người mẹ sẽ ra sao khi nghe lời con gái nói: “*Quả táo này dành cho mẹ nhé, nó ngọt hơn đấy ạ !*” và giải thích vì sao mẹ lại có tâm trạng đó.

Câu 6 (1.0 điểm): Qua câu chuyện trên, em rút ra được bài học gì cho bản thân?

II. Làm văn: (5.0 điểm)

Thuyết minh về một đồ dùng quen thuộc trong gia đình.

.....Hết.....

(Hướng dẫn chấm này có 02 trang)

A. Hướng dẫn chung:

- Giáo viên cần nắm vững yêu cầu của hướng dẫn chấm để đánh giá tổng quát bài làm của học sinh, tránh trường hợp đếm ý cho điểm.
- Do đặc trưng của bộ môn Ngữ văn nên giáo viên cần chủ động, linh hoạt trong việc vận dụng đáp án và thang điểm; khuyến khích những bài viết có ý tưởng riêng và giàu chất văn.
- Giáo viên cần vận dụng đầy đủ các thang điểm; tránh tâm lí ngại cho điểm tối đa. Cần quan niệm rằng một bài đạt điểm tối đa vẫn là một bài làm có thể còn những sơ suất nhỏ.
- Điểm lẻ toàn bài tính đến 0,25 điểm. Sau đó làm tròn số đúng theo quy định.

B. Đáp án và thang điểm:

PHẦN	ĐÁP ÁN	ĐIỂM
ĐỌC HIỂU	Câu 1: Phương thức biểu đạt: tự sự	0.5
	Câu 2: -Lời dẫn trực tiếp + Con yêu, con có thể cho mẹ một quả táo không? + Quả táo này dành cho mẹ nhé, nó ngọt hơn đây ạ! -Dấu hiệu: + Nhắc lại nguyên văn lời nói của nhân vật + Đặt sau dấu hai chấm, Đặt trong dấu ngoặc kép	0.25 0.25 0.25 0.25
	Câu 3: + Từ ghép: Tùy theo đáp án của Hs, Gv linh hoạt chấm điểm + Từ láy: gượng gạo hoặc rạng rỡ	0.25 0.25
	Câu 4: Thất vọng	1.0
	Câu 5: -Mẹ thất vọng vì mẹ nghĩ bé là một người tham lam, không hiếu thảo. -Em bé không đưa cho mẹ ngay vì sợ một trong hai quả sẽ có quả không ngon, nếu lỡ đưa mẹ quả không ngon em sẽ thương mẹ và buồn vì không dành cho mẹ được điều tốt nhất.	0.25 0.25
		0.5

	-Tâm trạng người mẹ: Hs có thể nêu: ngạc nhiên, hạnh diện, vui sướng, xấu hổ...và phải giải thích hợp lí.	
	Câu 6:Tùy theo cách diễn đạt của HS, có thể nêu được các bài học sau -Phận làm con phải biết thương yêu mẹ hết mực, tránh làm cho mẹ buồn, phải luôn dành những thứ tốt đẹp nhất cho mẹ. -Phải biết suy nghĩ tích cực, tránh suy nghĩ tiêu cực. -Phải nhìn nhận 1 sự việc theo nhiều khía cạnh khác nhau. -Không nên nhìn nhận , đánh giá một sự việc , sự vật qua 1 khía cạnh (Nêu được mỗi ý 0.25)	1.0
LÀM VĂN	Yêu cầu chung: Học sinh biết kết hợp kiến thức và kĩ năng để viết bài văn thuyết minh. Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng, diễn đạt mạch lạc; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu, có sử dụng các biện pháp nghệ thuật, có yếu tố miêu tả.	
	2.Yêu cầu cụ thể:	
	a. Đảm bảo cấu trúc của bài văn thuyết minh: Trình bày đầy đủ các phần: mở bài, thân bài, kết bài.	0.25
	b. Xác định đúng đối tượng thuyết minh: thuyết minh đồ dùng quen thuộc trong gia đình	0.25
	c. Viết bài: Trên cơ sở đã học về văn thuyết minh, HS thực hiện bài thuyết minh theo trình tự hợp lý. Học sinh có thể tổ chức bài làm theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đáp ứng được những ý cơ bản sau: *Mở bài: Giới thiệu khái quát về đồ dùng *Thân bài: Thuyết minh rõ: + Nguồn gốc + Đặc điểm, cấu tạo + Chức năng + Hướng dẫn sử dụng, bảo quản	3.5

	* Kết bài: - Khẳng định lại vai trò, tầm quan trọng của đồ dùng	
	d. Sáng tạo: Có lời văn sáng tạo, cách diễn đạt mới mẻ.	0.5
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	0.5

48,49	(Chính Hữu)	

I. Mục tiêu cần đạt.

1. Kiến thức:

- Một số hiểu biết về hiện thực những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của dân tộc ta.
- Lí tưởng cao đẹp và tình cảm keo sơn gắn bó làm nên sức mạnh tinh thần của những người chiến sĩ trong bài thơ.
- Đặc điểm nghệ thuật của bài thơ: ngôn ngữ thơ bình dị, biểu cảm, hình ảnh tự nhiên, chân thực.

2. Năng lực:

- **Năng lực chung:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực nhận thức, tư duy logic
- **Năng lực chuyên biệt:** năng lực sử dụng ngôn ngữ, sử dụng Tiếng Việt, đọc hiểu văn bản, cảm thụ văn học, cảm thụ thẩm mỹ.

3. Phẩm chất: Yêu quê hương, đất nước; tự hào về lịch sử dân tộc.

***Tích hợp giáo dục quốc phòng an ninh: Những khó khăn, vất vả của người bộ đội thời kháng chiến chống Pháp.**

II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:

1. Giáo viên: Thiết kế bài dạy Ngữ văn 9, phiếu học tập, bảng phụ, tranh ảnh về anh bộ đội cụ Hồ thời kì đầu cuộc kháng chiến chống Pháp, một số ca khúc: *Đoàn giải phóng quân; đồng chí*, Sgk.

2. Học sinh: Sách Ngữ văn 9, bài soạn, tư liệu về cuộc kháng chiến chống Pháp.

III. Tiến trình dạy học.

1. Hoạt động khởi động (5 phút)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
- Cho học sinh nghe ca khúc “Giải phóng quân” của nhạc sĩ Phan Huỳnh Điểu - Ca khúc trên ca ngợi hình ảnh của ai? Em cảm nhận được điều gì về vẻ đẹp của họ? - Dẫn nhập nội dung bài học.	- Nghe và cảm nhận. - Anh bộ đội khát vọng hòa bình, sống trong tình đồng đội gắn bó, lạc quan yêu đời...	

2. Hoạt động hình thành kiến thức (55 phút)

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Nội dung cần đạt

<i>Tìm hiểu chung.</i> -Nêu vài nét về cuộc đời và sự nghiệp của nhà thơ Chính Hữu. -Hướng dẫn đọc. + Giọng đọc âm, chậm. + Giáo viên đọc mẫu. + Gọi HS đọc tiếp. + Tìm hiểu từ khó *Thảo luận cặp đôi 3p -Hoàn cảnh sáng tác bài thơ? -Đại ý của bài thơ này là gì? Thể loại? -Xác định bố cục và nội dung từng phần?	-Giới thiệu sơ lược về cuộc đời và sự nghiệp của nhà thơ Chính Hữu. -Lắng nghe, đọc - Đồng chí được sáng tác vào đầu những năm 1948, sau khi tác giả cùng đồng đội tham gia chiến đấu trong chiến dịch Việt Bắc (Thu đông 1947). - Bài thơ “Đồng chí” thuộc tập thơ “Đầu súng trăng treo”. -Đại ý: Tình cảm cao đẹp của những người chiến sĩ trong thời kì đầu kháng chiến chống thực dân Pháp. -Bài thơ chia làm ba đoạn: + Đoạn 1: Câu 1-7 (cơ sở tạo nên tình đồng chí cao đẹp). Đoạn 2: Câu 8-17 (Những biểu hiện của tình đồng chí). + Đoạn 3: phần còn lại (bức tranh về tình đồng chí).	<i>I.Tìm hiểu chung.</i> <i>1.Tác giả .</i> 2.Tác phẩm -Xuất xứ: Thời kì đầu cuộc kc chống Pháp - 1747 -Thể loại: Thơ tự do - Bố cục: 3 phần
<i>Phân tích</i> *Thảo luận nhóm 3p, hoàn thành Phiếu học tập số 1: Khổ 1 1/ Cơ sở hình thành tình đồng chí được thể hiện qua những hình ảnh thơ nào? 2/ Nhận xét về nghệ thuật biểu đạt của đoạn thơ?	“Nước mặn đồng chua”, “đất cày lên sỏi đá”; “Súng bên súng, đầu bên đầu”, “Đêm rét chung chăn, thành đôi tri kỉ”, “Đồng chí”. +Phép đối, thành ngữ	<i>II.Phân tích</i> <i>1.Cơ sở tạo nên tình đồng chí cao đẹp.</i> - Họ là những người lính nông dân, tương

3/ Qua những chi tiết trên, cảm nhận về cơ sở hình thành tình đồng chí của người lính? ->Yêu cầu các nhóm trình bày, nhận xét ->Gv chuẩn hoá kiến thức - Giá trị biểu cảm của câu thơ thứ 7? 2.Những biểu hiện của tình đồng chí. *Thảo luận nhóm đôi 5p , hoàn thành phiếu HT2 1/ Biểu hiện về tình đ/c được tác giả khắc họa qua những hình ảnh thơ nào? 2/ Chỉ ra và phân tích giá trị sử dụng của những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong khổ thơ thứ 2? -Vây tình đồng chí có những biểu hiện nào? Bình: - <i>Tình đc là sự cảm thông sâu xa những nỗi lòng của nhau</i> -<i>Họ cùng nhau chia sẻ những gian lao thiếu thốn: Đốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm... Chiều chiều oai linh thác gầm thét</i>	=> hình ảnh xuất thân nghèo khó. + Cơ sở: Cùng hoàn cảnh xuất thân, cùng cảnh ngộ; cùng chung lí tưởng và nhiệm vụ -Với hai tiếng và dấu chấm than tạo thành một nốt nhấn, nó vang lên như một sự phát hiện, một lời khẳng định, đồng thời lại như một cái bản lề gắn kết đoạn đầu với đoạn thứ hai của bài thơ. -“Ruộng nương anh gửi bạn thân cày”, “Gian nhà không kệ mặc gió lung lay”, “Giếng nước... ra lính”.” thương nhau...” - Gian nhà k – hình ảnh thực về sự nghèo khó ở quê hương – căn nhà trống rỗng k có của cải gì; đây cũng là hình ảnh ẩn dụ- gian nhà trống vắng bóng anh Mặc kệ: Nhấn mạnh tính trượng phu của người lính. Vì lí tưởng bỏ lại sau lưng những gì quý giá nhất. Giếng nước... ra lính: nhân hóa, hoán dụ: giếng nước gốc đa nhớ anh hay chính những người thân trong gia đình đang ngày đêm mong nhớ. Và chính anh cũng đang nhớ về họ. =>Cảm thông sâu xa những tâm tư, nỗi lòng của nhau,	đồng về cảnh ngộ nghèo khó. - Cùng chung lí tưởng, cùng chung chiến hào. - Cùng chia sẻ mọi gian lao 2.Những biểu hiện của tình đồng chí. -Cảm thông sâu xa những tâm tư, nỗi lòng của nhau. -Cùng nhau chia sẻ những gian lao, thiếu thốn của đời lính. - Tình đồng chí đồng đội keo sơn thắm thiết.

Đêm đêm Mường Hịch cộp cựa người...Rải rác biên cương mờ viễn xứ/ Chiến trường đi chẳng tiếc trời xanh/Áo bào thay chiếu anh về đất Sông Mã gầm lên khúc độc hành <i>Đoạn thơ trên viết rất hay về người lính. Từ mặc kệ ở đây được tác giả dùng rất đặc, nó nhấn mạnh tính khảng khái, trượng phu của người lính, đồng thời làm lộ rõ tính chất phát thật thà của người lính gốc nông dân</i> -Chuẩn hóa kiến thức. *Tích hợp QPAN: Trình chiếu 1 số hình ảnh về sự khó khăn, vất vả, hi sinh của người lính ->Cảm nhận sau khi xem Chuyển tiết -Gọi HS đọc đoạn thơ cuối. +Trong ba câu thơ ấy, bao nhiêu hình ảnh được nói tới? +Trong ba dòng thơ ấy, chi tiết thơ nào là thực, chi tiết thơ nào là huyền ảo, lãng mạn? +Em hiểu gì về hình ảnh thơ “đầu súng trăng treo” -Nhận xét của em về bức tranh tình đồng chí. *Bình: <i>bài thơ kết thúc bằng hình ảnh đặc sắc: “...”. Đây là bức tranh đẹp về tình đồng chí.Ở đó hiện lên ba hình ảnh gắn kết: người lính, khẩu súng và vầng trăng. Người lính phục kích giặc trong đêm khuya không hề có đơn, bởi họ có đồng đội, đb có thêm người bạn tri kỉ nữa đó là</i>	chung một nỗi niềm nhớ quê hương. +Sự gắn bó sâu nặng giữa những người lính vừa gián tiếp thể hiện sức mạnh của tình cảm ấy. Cử chỉ “tay nắm bàn tay” những người lính như được tiếp thêm sức mạnh vượt qua mọi gian khó. + Hình ảnh thơ vừa cụ thể, vừa chân thực, giản dị. Quan sát, nêu cảm nhận -Đọc ba câu thơ cuối. -Trình bày cá nhân +Người lính, khẩu súng và vầng trăng. +Thực: rừng hoang, sương muối; chờ giặc tới. Huyền ảo, lãng mạn: đầu súng trăng treo. +Hình ảnh nhận ra từ những đêm hành quân, phục kích giặc. Hình ảnh này còn mang tính biểu tượng, chúng được tạo ra bởi những sự liên tưởng phong phú. Súng và trăng là gần và xa, thực tại và mơ mộng, chất chiến đấu và	3.Bức tranh về tình đồng chí. -Trên nền cảnh rừng hoang sương muối, ba hình ảnh gắn kết bên nhau: người lính, khẩu súng và vầng trăng -Đầu súng trăng treo là hình ảnh vừa thực vừa có ý

vàng trắng. Hiện thực và lãng mạn, chất lính và chất thơ hòa quyện vào nhau. <i>Qua bức tranh về tình đồng chí của người lính cách mạng, gợi cho em những cảm tình gì về họ?</i> Tổng kết. -Cảm nhận về giá trị nghệ thuật và nội dung bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu. -Nhận xét, bổ sung. Kết luận: Bài thơ đồng chí là bài thơ hay, phản ánh cụ thể chân dung và tích cách anh bộ đội cụ Hồ thời kháng chiến chống pháp: vừa hào hùng, lãng mạn nhưng vừa rất đối bình dị và nông dân.	trữ tình...Tạo nên nét hài hòa của cuộc đời người lính. +Đầu súng trắng treo là hình ảnh thơ chông chênh, gợi nhiều cảm xúc. =>Tạo nên sự đan xen giữa hiện thực và lãng mạn- một bức tranh đẹp về tình chí, đồng đội của người lính -Cảm tình: sự yêu mến, thán phục. Từ đó, giúp mỗi người ý thức được vai trò của mình với Tổ quốc. -Trả lời cá nhân	nghĩa biểu tượng. =>Một bức tranh đẹp, giàu ý nghĩa biểu tượng. III.Tổng kết 1.Nghệ thuật 2.Nội dung: -Ngợi ca tình đồng chí cao đẹp giữa những người chiến sĩ trong thời kì đầu kháng chiến chống thực dân pháp gian khổ. 3. Ý nghĩa: ca ngợi tình đồng chí cao đẹp.

3. Hoạt động luyện tập (8 phút)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Qua bài thơ, em hiểu gì về người lính cách mạng thời kháng chiến chống Pháp?	-Thảo luận nhóm đôi: -<i>Hình ảnh người lính cách mạng:</i> +<i>Đó là anh bộ đội xuất thân từ nông dân. Họ ra đi vì nghĩa lớn.</i> +<i>Những người lính cách mạng trải qua những gian lao, thiếu thốn tột cùng.</i>	IV. Luyện tập.

Em hiểu như thế nào về từ <i>Đồng chí</i> ? Trong bài thơ, đc được thể hiện như thế nào?	+<i>Đẹp nhất ở họ là tình đồng chí, đồng đội sâu sắc và thấm thiết.</i> +<i>Kết tinh hình ảnh người lính và tình đồng chí của họ là bức tranh đặc sắc.</i> <i>Đồng chí: cùng chí hướng, cùng lí tưởng.</i> <i>Trong bài thơ, đc là những người cùng cảnh ngộ, cùng chung nhiệm vụ chiến đấu, trải qua gian lao và tình cảm gắn bó</i>	

4. Hoạt động vận dụng (15phút)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Viết đoạn văn trình bày cảm nhận của em về đoạn cuối bài thơ ->Gv gọi hs đọc bài làm ->Gv nhận xét	Thực hiện	

5.Tìm tòi, mở rộng (5p)

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Nội dung cần đạt
Gv cho hs xem một vài hình ảnh về cuộc kháng chiến chống Pháp	Theo dõi	

*Hướng dẫn tự học (2p)

- Học thuộc lòng bài thơ (*HS Tb, yếu thì học khổ thơ đầu và cuối*)
- Viết đoạn văn (*khoảng 200 đến 300 chữ*) cảm nhận về:
 - + Hình ảnh anh bộ đội cụ Hồ trong bài thơ
 - + Khổ thơ cuối của bài thơ?
- Vẽ sơ đồ tư duy khái quát nội dung bài học.
- Chuẩn bị bài: Tiểu đội xe không kính:*
 - + Đọc văn bản, phần chú thích.
 - + Trả lời câu hỏi phần đọc hiểu
 - + Tìm tư liệu về cuộc kháng chiến chống Mĩ.

HÌNH ẢNH SỰ VẮT VẢ, HI SINH CỦA NGƯỜI LÍNH THỜI CHỐNG PHÁP



Phan Đình Giót lấy thân mình bịt lỗ châu mai



Tô Vĩnh Diện hô anh em “Thà hy sinh quyết bảo vệ pháo”, và anh buông tay lái xông lên phía trước, lấy thân mình chèn vào bánh pháo, nhờ đó các anh em đồng đội kịp ghìm giữ pháo lại



Bé Văn Đàn lấy vai làm giá súng

TIẾT 50,51	BÀI THƠ VỀ TIỂU ĐỘI XE KHÔNG KÍNH. (Phạm Tiến Duật)	NS: 4/11/2023

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Cảm nhận được vẻ đẹp hiên ngang, dũng cảm của người lính lái xe Trường Sơn thời chống Mỹ và sự độc đáo của hình ảnh, ngôn ngữ, giọng điệu trong bài thơ “Tiểu đội xe không kính”.
- Nắm được đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ: chi tiết và hình ảnh tự nhiên, bình dị mà cô đọng, giàu sức biểu cảm.

2. Năng lực:

- Năng lực chung: hợp tác, giải quyết vấn đề, giao tiếp...
- Năng lực chuyên biệt:
 - + Năng lực phân tích hình ảnh, ngôn ngữ thơ.
 - + HS xác định được ý tưởng, tâm sự của nhà thơ được gửi gắm trong bài thơ; trình bày được suy nghĩ và cảm xúc của mình đối với giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ.

3. Phẩm chất: Giáo dục HS lòng yêu quê hương, đất nước.

***Tích hợp QPAN:** Sự vất vả của người lính và sự sáng tạo của họ trong chiến tranh.

***Tích hợp BVMT:** Sự khốc liệt của chiến tranh và môi trường.

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên: TKBG, Sgk, phiếu bài tập, câu hỏi. Tranh ảnh tác giả Phạm Tiến Duật, tranh ảnh về hiện thực chiến tranh.

2. Học sinh: SGK, bài soạn, tư liệu về cuộc kháng chiến chống Mỹ..

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

***KIỂM TRA 15 PHÚT:**

1/ Chép lại đoạn cuối của bài thơ Đồng Chí (Chính Hữu)

2/ Viết đoạn văn nêu cảm nhận của em về đoạn thơ trên?

1. Khởi động (2p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
Cho hs quan sát 1 số hình ảnh về cuộc kháng chiến chống Mỹ. -> Dẫn vào bài học	- Quan sát	

2.Hình thành kiến thức (53p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt.
Tìm hiểu chung văn bản - Cho hs quan sát chân dung t/g -Hãy thuyết minh về tác giả Phạm Tiến Duật? -Nêu hoàn cảnh sáng tác và xuất xứ của bài thơ? - GV hướng dẫn cách đọc văn bản: Đọc với giọng vui tươi, sôi nổi, thể hiện tinh thần lạc quan. -Bài thơ được viết theo thể thơ nào? So sánh với bài đ/c? -> Thơ tự do Phân tích Tìm hiểu nhan đề bài thơ *Thảo luận cặp (3p): Nhan đề bài thơ có gì khác lạ? -Gọi đại diện trình bày ->Gv nhận xét, chuẩn hóa kiến thức.	HS lắng nghe để tái hiện lại kiến thức và phát biểu - Hai HS đọc văn bản Nhận xét. - Phát hiện. -Thảo luận, trình bày, nhận xét. - Giải thích: Bài thơ có nhan đề khá dài, tưởng có chỗ thừa -> nhưng thu hút người đọc : Nó làm nổi bật hình ảnh của toàn bài :	I.Tìm hiểu chung 1.Tác giả: - Phạm Tiến Duật. (1941-2007) - Là một trong những gương mặt tiêu biểu của thế hệ các nhà thơ trẻ thời chống Mỹ - Thơ Phạm Tiến Duật tập trung thể hiện hình ảnh người lính trẻ trong cuộc kháng chiến chống Mĩ - Giọng điệu thơ sôi nổi, trẻ trung, hồn nhiên tinh nghịch mà sâu sắc. 2.Tác phẩm: Bài thơ được viết năm 1969, in trong tập <i>Vàng trắng quảng lửa</i> -Thể loại: Thơ tự do. II.Phân tích. 1. Nhan đề bài thơ: <i>Bài thơ về tiểu đội xe không kính</i> Xe không kính : Hiện thực đời sống chiến tranh Bài thơ: Chất thơ toát lên từ hiện thực khốc liệt ấy. -> Thể hiện chất thơ vút lên từ trong hiện thực cuộc sống chiến đấu đầy gian khổ, hi sinh

2.Hình ảnh những chiếc xe không kính -Trình chiếu tranh ảnh xe không kính -Tác giả đưa vào bài thơ những hình ảnh độc đáo nào? -Hình ảnh những chiếc xe không kính được miêu tả cụ thể trong bài thơ như thế nào? -Nguyên nhân nào khiến xe không có kính? ->Qua đó em hiểu gì về mức độ hiện thực chiến tranh? -Nhận xét gì về những từ ngữ được tác giả sử dụng trong những câu thơ trên? -> Khởi dậy không khí dữ dội của chiến tranh -Trải qua chiến tranh những chiếc xe ấy còn bị biến dạng như thế nào? *Thảo luận cặp (2p): Nhận xét gì về những từ ngữ được tác giả sử dụng trong những câu thơ trên? Tác dụng cách dùng đó? -Những chiếc xe này là bình thường hay bất bình thường?	Những chiếc xe không kính. Qua từ “bài thơ” -> chất thơ của hiện thực ấy, chất thơ của tuổi trẻ. -Xem tranh -HS trao đổi, trình bày ý kiến của mình trong quá trình tìm hiểu nội dung văn bản Phát hiện Trả lời cá nhân Thảo luận, trình bày, nhận xét	2. Hình ảnh những chiếc xe không kính: - Hình ảnh những chiếc xe không kính Nguyên nhân : - Bom giạt, bom rung + Kính vỡ + Không có đèn + Không có mui xe + Thùng xe xước Nghệ thuật: -Dùng động từ mạnh -Bút pháp tả thực -Lặp từ ->Những chiếc xe không kính hiện lên rất thực đến mức trần trụi, khơi gợi sự khốc liệt của

*Tích hợp BVMT: Sự khốc liệt của chiến tranh và môi trường. Chuyên tiết Hình ảnh người chiến sĩ lái xe. -GV cho xem tranh ảnh về các chiến sĩ lái xe trên máy chiếu. -Tại sao có những chiếc xe không bình thường như vậy mà vẫn hoạt động bình thường trên tuyến đường ác liệt? Cách giới thiệu có gì đặc biệt? GV cho Hs đọc thơ. -Nhận xét về nhịp điệu, biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong hai câu thơ? "Ung dung ... tim" -Qua đó em hình dung như thế nào về tư thế người chiến sĩ? Từ trong những chiếc xe không kính ấy người chiến sĩ đã cảm nhận (nhìn,thấy) được điều gì ? -Nhận xét về từ ngữ, nhịp điệu thơ? Tác dụng? -Phân tích h/a ẩn dụ “con đường”? *Thảo luận nhóm 3p: 1/ Tìm những câu thơ thể hiện sức chịu đựng phi thường của người lính lái xe? 2/ Nhận xét cách dùng từ?	-Quan sát -Trình bày - HS quan sát, theo dõi, đọc, phát hiện -Nhận xét -Nhận xét Trình bày Thảo luận, trình bày, nhận xét	chiến tranh trong những năm chống Mỹ. 3. Hình ảnh người chiến sĩ lái xe. -Tinh thần lạc quan, dũng cảm - Tư thế: ung dung, bình tĩnh cao độ của người chiến sĩ lái xe. -Nét hồn nhiên, vẻ ngang tàng, đậm chất lính -> ý chí và sức mạnh của tuổi trẻ. -Trái tim yêu nước, lòng dũng cảm, ý chí quyết tâm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

->Các nhóm trình bày, nhận xét ->Gv chuẩn hóa kiến thức ? Qua những hình ảnh thơ trên, em nêu cảm nhận của mình về người lính? Bộc lộ p/c nào của họ? Cảm xúc của em như thế nào khi đọc các câu thơ trên? *Tích hợp QPAN: Trình chiếu thêm 1 số hình ảnh về người lính lái xe Trường Sơn để giúp hs hiểu sự gian khổ, vất vả. -GV cho đọc lại 2 khổ 5,6 *Tích hợp QPAN: Sự sáng tạo của bộ đội ta khi sử dụng kiểu bếp Hoàng Cầm. -Em cảm nhận được điều gì qua hai khổ thơ đó? -Quan hệ của họ ntn? Từ đó h/a người lính có thêm nét đẹp nào? Gv giao việc cho hs bằng phiếu học tập? -Câu kết bài thơ có gì đặc sắc? Hình ảnh được sắp xếp như thế nào? (không, có) - Phân tích hình ảnh “trái tim”? Nhận xét Tổng kết bài học -Nhận xét về ngôn ngữ, giọng điệu của bài thơ? Những yếu tố đó góp phần như thế nào trong việc khắc hoạ hình ảnh	Cảm nhận Quan sát Đọc, quan sát Cảm nhận Lắng nghe Làm việc cặp đôi 2p Nhận xét Trình bày	III/Tổng kết 1/NT: -Chi tiết độc đáo, hình ảnh đậm chất hiện thực -Ngôn ngữ đời sống, nhịp điệu linh hoạt ->giọng điệu ngang tàng, trẻ trung tinh nghịch. 2/ND: -Hiện thực khốc liệt thời kì chiến tranh.

người lính lái xe Trường Sơn? -Trình bày nội dung, ý nghĩa bài thơ? ->Gv chốt		-Sức mạnh tinh thần của những người chiến sĩ. 3/Ý nghĩa: Ca ngợi người chiến sĩ lái xe Trường Sơn dũng cảm, hiên ngang, tràn đầy niềm tin chiến thắng trong thời kì chống giặc Mĩ xâm lược.

3.Luyện tập (5p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
<u>Câu hỏi 1:</u> Hình ảnh những chiếc xe không kính nói lên điều gì? A/ Tinh thần bất chấp khó khăn của người chiến sĩ lái xe B/ Sự khó khăn, thiếu thốn của bộ đội ta thời chống Mỹ C/ Sự khốc liệt của chiến trường thời chống Mỹ <u>Câu hỏi 2:</u> Những chiến sĩ lái xe Trường Sơn có phẩm chất gì? A/ Lạc quan, dũng cảm, tinh thần đồng đội sâu sắc B/ Lạc quan, coi thường hiểm nguy, liêu lĩnh C/ Vui nhộn, tinh nghịch, dũng cảm <u>Câu hỏi 3:</u> Hai tác phẩm <i>Đồng chí</i> và <i>Bài thơ tiểu đội xe không kính</i> giống nhau ở điểm nào? A/ Cùng viết về đề tài người lính. B/ Cùng viết theo thể thơ tự do. C/ Cùng hoàn cảnh xuất thân	Trả lời cá nhân	

4.Vận dụng (10p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
Viết đoạn văn nêu cảm nhận của em về người lính trong thời kì kháng chiến chống Mĩ. ->Gọi hs đọc bài làm ->Gv nhận xét	Viết đoạn văn	

5.Tìm tòi, mở rộng (3p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
1/Kể tên những tác phẩm em đã học viết về đề tài người lính. 2/ So sánh vẻ đẹp độc đáo của hình tượng người chiến sĩ trong hai bài thơ Đồng chí và bài thơ về tiểu đội xe không kính	Thực hiện	

*Hướng dẫn tự học ở nhà (2p)

- Học thuộc nội dung bài học.
- Tìm văn mẫu đọc bài phân tích về bài thơ.
- Chuẩn bị: Ngoại khóa: Xem phim đề tài chiến tranh

HÌNH ẢNH NGƯỜI LÍNH LÁI XE



BẾP HOÀNG CẦM

Bếp Hoàng Cầm ra đời từ chiến dịch Hòa Bình (1951 – 1952) và rất phổ biến trong chiến dịch Điện Biên Phủ. Đây là một loại bếp dã chiến, có công dụng làm tan loãng khói bếp tỏa ra khi nấu ăn nhằm tránh bị máy bay phát hiện từ trên cao, cũng như ở gần. Bếp mang tên người chế tạo ra nó, anh nuôi Hoàng Cầm (1916 –

1996). Ông nguyên là tiểu đội trưởng nuôi quân của Đội trưởng Đội điều trị 8, Sư đoàn 308 Quân đội Nhân dân Việt Nam.

Với những ưu thế nên bếp Hoàng Cầm đã trở nên phổ biến trong các đơn vị trong Chiến dịch Điện Biên Phủ và những năm Chiến tranh Việt Nam sau này. Địa đạo Củ Chi hiện nay vẫn còn công trình hầm bếp Hoàng Cầm.



TUẦN 11 TIẾT 51: BÀI THƠ VỀ TIỂU ĐỘI XE KHÔNG KÍNH (T2) TIẾT 52,53: ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ TIẾT 54,55: NGHỊ LUẬN TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ		

TIẾT 50,51	BÀI THƠ VỀ TIỂU ĐỘI XE KHÔNG KÍNH. (Phạm Tiến Duật)	NS: 4/11/2023

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Cảm nhận được vẻ đẹp hiên ngang, dũng cảm của người lính lái xe Trường Sơn thời chống Mỹ và sự độc đáo của hình ảnh, ngôn ngữ, giọng điệu trong bài thơ “Tiểu đội xe không kính”.
- Nắm được đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ: chi tiết và hình ảnh tự nhiên, bình dị mà cô đọng, giàu sức biểu cảm.

2. Năng lực:

- Năng lực chung: hợp tác, giải quyết vấn đề, giao tiếp...
- Năng lực chuyên biệt:
 - + Năng lực phân tích hình ảnh, ngôn ngữ thơ.
 - + HS xác định được ý tưởng, tâm sự của nhà thơ được gửi gắm trong bài thơ; trình bày được suy nghĩ và cảm xúc của mình đối với giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ.

3. **Phẩm chất:** Giáo dục HS lòng yêu quê hương, đất nước.

***Tích hợp QPAN:** Sự vất vả của người lính và sự sáng tạo của họ trong chiến tranh.

II. CHUẨN BỊ:

1. **Giáo viên:** TKBG, Sgk, phiếu bài tập, câu hỏi. Tranh ảnh tác giả Phạm Tiến Duật, tranh ảnh về hiện thực chiến tranh.

2. **Học sinh:** SGK, bài soạn, tư liệu về cuộc kháng chiến chống Mỹ..

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

*KIỂM TRA 15 PHÚT:

1/ Chép lại đoạn cuối của bài thơ Đồng Chí (Chính Hữu)

2/ Viết đoạn văn nêu cảm nhận của em về đoạn thơ trên?

1. Khởi động (2p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
Cho hs quan sát 1 số hình ảnh về cuộc kháng chiến chống Mỹ. -> Dẫn vào bài học	- Quan sát	

2.Hình thành kiến thức (53p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt.
Tìm hiểu chung văn bản - Cho hs quan sát chân dung t/g -Hãy thuyết minh về tác giả Phạm Tiến Duật? -Nêu hoàn cảnh sáng tác và xuất xứ của bài thơ? - GV hướng dẫn cách đọc văn bản: Đọc với giọng vui tươi, sôi nổi, thể hiện tinh thần lạc quan. -Bài thơ được viết theo thể thơ nào? So sánh với bài đ/c? -> Thơ tự do Phân tích Tìm hiểu nhan đề bài thơ *Thảo luận cặp (3p): Nhan đề bài thơ có gì khác lạ? -Gọi đại diện trình bày ->Gv nhận xét, chuẩn hóa kiến thức.	HS lắng nghe để tái hiện lại kiến thức và phát biểu - Hai HS đọc văn bản - Nhận xét. - Phát hiện. -Thảo luận, trình bày, nhận xét. - Giải thích: Bài thơ có nhan đề khá dài, tưởng có chỗ thừa -> nhưng thu hút người đọc : Nó làm nổi bật hình ảnh của toàn bài :	I.Tìm hiểu chung 1.Tác giả: - Phạm Tiến Duật. (1941-2007) - Là một trong những gương mặt tiêu biểu của thế hệ các nhà thơ trẻ thời chống Mỹ - Thơ Phạm Tiến Duật tập trung thể hiện hình ảnh người lính trẻ trong cuộc kháng chiến chống Mĩ - Giọng điệu thơ sôi nổi, trẻ trung, hồn nhiên tinh nghịch mà sâu sắc. 2.Tác phẩm: Bài thơ được viết năm 1969, in trong tập <i>Vàng trắng quảng lửa</i> -Thể loại: Thơ tự do. II.Phân tích. 1. Nhan đề bài thơ: <i>Bài thơ về tiểu đội xe không kính</i> Xe không kính : Hiện thực đời sống chiến tranh Bài thơ: Chất thơ toát lên từ hiện thực khốc liệt ấy. -> Thể hiện chất thơ vút lên từ trong hiện thực cuộc sống chiến đấu đầy gian khổ, hi sinh

2.Hình ảnh những chiếc xe không kính -Trình chiếu tranh ảnh xe không kính -Tác giả đưa vào bài thơ những hình ảnh độc đáo nào? -Hình ảnh những chiếc xe không kính được miêu tả cụ thể trong bài thơ như thế nào? -Nguyên nhân nào khiến xe không có kính? ->Qua đó em hiểu gì về mức độ hiện thực chiến tranh? -Nhận xét gì về những từ ngữ được tác giả sử dụng trong những câu thơ trên? -> Khởi dậy không khí dữ dội của chiến tranh -Trải qua chiến tranh những chiếc xe ấy còn bị biến dạng như thế nào? *Thảo luận cặp (2p): Nhận xét gì về những từ ngữ được tác giả sử dụng trong những câu thơ trên? Tác dụng cách dùng đó? -Những chiếc xe này là bình thường hay bất bình thường?	Những chiếc xe không kính. Qua từ “bài thơ” -> chất thơ của hiện thực ấy, chất thơ của tuổi trẻ. -Xem tranh -HS trao đổi, trình bày ý kiến của mình trong quá trình tìm hiểu nội dung văn bản Phát hiện Trả lời cá nhân Thảo luận, trình bày, nhận xét	2. Hình ảnh những chiếc xe không kính: - Hình ảnh những chiếc xe không kính Nguyên nhân : - Bom giạt, bom rung + Kính vỡ + Không có đèn + Không có mui xe + Thùng xe xước Nghệ thuật: -Dùng động từ mạnh -Bút pháp tả thực -Lặp từ ->Những chiếc xe không kính hiện lên rất thực đến mức trần trụi, khơi gợi sự khốc liệt của

Chuyên tiết Hình ảnh người chiến sĩ lái xe. -GV cho xem tranh ảnh về các chiến sĩ lái xe trên máy chiếu. -Tại sao có những chiếc xe không bình thường như vậy mà vẫn hoạt động bình thường trên tuyến đường ác liệt? Cách giới thiệu có gì đặc biệt? GV cho Hs đọc thơ. -Nhận xét về nhịp điệu, biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong hai câu thơ? "Ung dung ... tim" -Qua đó em hình dung như thế nào về tư thế người chiến sĩ? Từ trong những chiếc xe không kính ấy người chiến sĩ đã cảm nhận (nhìn,thấy) được điều gì ? -Nhận xét về từ ngữ, nhịp điệu thơ? Tác dụng? -Phân tích h/a ẩn dụ “con đường”? *Thảo luận nhóm 3p: 1/ Tìm những câu thơ thể hiện sức chịu đựng phi thường của người lính lái xe? 2/ Nhận xét cách dùng từ? ->Các nhóm trình bày, nhận xét ->Gv chuẩn hóa kiến thức	-Quan sát -Trình bày - HS quan sát, theo dõi, đọc, phát hiện -Nhận xét -Nhận xét Trình bày Thảo luận, trình bày, nhận xét	chiến tranh trong những năm chống Mĩ. 3. Hình ảnh người chiến sĩ lái xe. -Tinh thần lạc quan, dũng cảm - Tư thế: ung dung, bình tĩnh cao độ của người chiến sĩ lái xe. -Nét hồn nhiên, vẻ ngang tàng, đậm chất lính -> ý chí và sức mạnh của tuổi trẻ. -Trái tim yêu nước, lòng dũng cảm, ý chí quyết tâm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

? Qua những hình ảnh thơ trên, em nêu cảm nhận của mình về người lính? Bộc lộ p/c nào của họ? Cảm xúc của em như thế nào khi đọc các câu thơ trên? *Tích hợp QPAN: Trình chiếu thêm 1 số hình ảnh về người lính lái xe Trường Sơn để giúp hs hiểu sự gian khổ, vất vả. -GV cho đọc lại 2 khổ 5,6 *Tích hợp QPAN: Sự sáng tạo của bộ đội ta khi sử dụng kiểu bếp Hoàng Cầm. -Em cảm nhận được điều gì qua hai khổ thơ đó? -Quan hệ của họ ntn? Từ đó h/a người lính có thêm nét đẹp nào? Gv giao việc cho hs bằng phiếu học tập? -Câu kết bài thơ có gì đặc sắc? Hình ảnh được sắp xếp như thế nào? (không, có) - Phân tích hình ảnh “trái tim”? Nhận xét Tổng kết bài học -Nhận xét về ngôn ngữ, giọng điệu của bài thơ? Những yếu tố đó góp phần như thế nào trong việc khắc hoạ hình ảnh người lính lái xe Trường Sơn?	Cảm nhận Quan sát Đọc, quan sát Cảm nhận Lắng nghe Làm việc cặp đôi 2p Nhận xét Trình bày	III/Tổng kết 1/NT: -Chi tiết độc đáo, hình ảnh đậm chất hiện thực -Ngôn ngữ đời sống, nhịp điệu linh hoạt ->giọng điệu ngang tàng, trẻ trung tinh nghịch. 2/ND: -Hiện thực khốc liệt thời kì chiến tranh.

-Trình bày nội dung, ý nghĩa bài thơ? ->Gv chốt		-Sức mạnh tinh thần của những người chiến sĩ. 3/Ý nghĩa: Ca ngợi người chiến sĩ lái xe Trường Sơn dũng cảm, hiên ngang, tràn đầy niềm tin chiến thắng trong thời kì chống giặc Mĩ xâm lược.

3.Luyện tập (5p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
<u>Câu hỏi 1:</u> Hình ảnh những chiếc xe không kính nói lên điều gì? A/ Tinh thần bất chấp khó khăn của người chiến sĩ lái xe B/ Sự khó khăn, thiếu thốn của bộ đội ta thời chống Mỹ C/ Sự khốc liệt của chiến trường thời chống Mỹ <u>Câu hỏi 2:</u> Những chiến sĩ lái xe Trường Sơn có phẩm chất gì? A/ Lạc quan, dũng cảm, tinh thần đồng đội sâu sắc B/ Lạc quan, coi thường hiểm nguy, liều lĩnh C/ Vui nhộn, tinh nghịch, dũng cảm <u>Câu hỏi 3:</u> Hai tác phẩm <i>Đồng chí</i> và <i>Bài thơ tiểu đội xe không kính</i> giống nhau ở điểm nào? A/ Cùng viết về đề tài người lính. B/ Cùng viết theo thể thơ tự do. C/ Cùng hoàn cảnh xuất thân	Trả lời cá nhân	

4.Vận dụng (10p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
Viết đoạn văn nêu cảm nhận của em về người lính trong thời kì kháng chiến chống Mĩ. ->Gọi hs đọc bài làm ->Gv nhận xét	Viết đoạn văn	

5.Tìm tòi, mở rộng (3p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
1/Kể tên những tác phẩm em đã học viết về đề tài người lính. 2/ So sánh vẻ đẹp độc đáo của hình tượng người chiến sĩ trong hai bài thơ Đồng chí và bài thơ về tiểu đội xe không kính	Thực hiện	

*Hướng dẫn tự học ở nhà (2p)

- Học thuộc nội dung bài học.
- Tìm văn mẫu đọc bài phân tích về bài thơ.
- Chuẩn bị: Ngoại khóa: Xem phim đề tài chiến tranh

HÌNH ẢNH NGƯỜI LÍNH LÁI XE



BẾP HOÀNG CÀM

Bếp Hoàng Càm ra đời từ chiến dịch Hòa Bình (1951 – 1952) và rất phổ biến trong chiến dịch Điện Biên Phủ. Đây là một loại bếp dã chiến, có công dụng làm tan loãng khói bếp tỏa ra khi nấu ăn nhằm tránh bị máy bay phát hiện từ trên cao, cũng như ở gần. Bếp mang tên người chế tạo ra nó, anh nuôi Hoàng Càm (1916 –

1996). Ông nguyên là tiểu đội trưởng nuôi quân của Đội trưởng Đội điều trị 8, Sư đoàn 308 Quân đội Nhân dân Việt Nam.

Với những ưu thế nên bếp Hoàng Cầm đã trở nên phổ biến trong các đơn vị trong Chiến dịch Điện Biên Phủ và những năm Chiến tranh Việt Nam sau này. Địa đạo Củ Chi hiện nay vẫn còn công trình hầm bếp Hoàng Cầm.



TIẾT 52,53	ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ	NS:6/11/2023

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Những hiểu biết bước đầu về tác giả Huy Cận và hoàn cảnh ra đời của bài thơ

- Những cảm xúc của nhà thơ trước biển cả rộng lớn và cuộc sống của ngư dân trên biển.

- Nghệ thuật ẩn dụ, phóng đại, cách tạo hình ảnh tráng lệ, lãng mạn.

2. Năng lực:

Năng lực chung: tiếp nhận, trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về vẻ đẹp của hình ảnh thơ, giải quyết vấn đề, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác.

Năng lực chuyên biệt: năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học.

3. Phẩm chất:

- Tăng thêm lòng tự hào về sự giàu có của biển, về con người lao động VN và yêu thêm cuộc sống.

II. CHUẨN BỊ

1. GV: Nghiên cứu tài liệu chuẩn KT-KN, TKBG, phiếu học tập, tranh ảnh.

2. HS: Đọc kĩ văn bản, trả lời các câu hỏi vào vở soạn

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Khởi động (5p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
-Dựa vào kiến thức địa lí, cho biết đất nước ta có hình dạng và đặc điểm gì? Giới thiệu một số cảnh biển đẹp - GV chiếu tranh ảnh về vùng biển đảo Quảng Ninh .Tranh vẽ cảnh đánh bắt cá ở biển ? Em hãy mô tả về nội dung của hai bức tranh? Giới thiệu về Huy Cận.tập thơ "Ngày mỗi ngày lại sáng" là kết quả trực tiếp của chuyến đi thâm nhập thực tế dài ngày ở vùng mỏ, vùng biển QN đã làm đổi mới và chín lại hồn thơ của tác giả" Lửa thiêng". Kết quả ấy được thể hiện trong bài thơ Đoàn thuyền đánh cá mà hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu.	Trả lời	

2.Hình thành kiến thức (70p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
*Tìm hiểu chung - HS đọc chú thích, tìm hiểu về tác giả, tác phẩm + Những nét về cuộc đời Huy Cận? + Những tác phẩm nổi tiếng?	-Đọc chú thích, trả lời cá nhân	I/ Tìm hiểu chung 1/Tác giả: Huy Cận, trước CM nổi tiếng trong phong trào thơ mới (tập Lửa thiêng)

-> Theo dõi, hướng dẫn, trợ giúp -> Bổ sung và chốt ý 4/ Gv hướng dẫn hs phân tích khổ 7 “Câu hát căng buồm <u>với</u> gió khơi” => có sự lặp lại câu cuối của khổ 1 thay từ “cùng” bằng từ “với” đó là hình ảnh khác biệt với khổ 1. - Cảnh đoàn thuyền đánh cá trở về được miêu tả ntn? ? Phân tích cái hay của 2 câu thơ cuối bài? - GV bình giảng: <i>Hai câu khép lại bài thơ nhưng lại mở ra một cảnh tượng kì vĩ, chói lọi. Cách dùng từ độc đáo “đội, nhô” màu mới. Đó là cuộc sống mới của những người làm chủ thiên nhiên, làm chủ đất trời. Cuộc sống mới huy hoàng.</i> 5/ Hướng dẫn tổng kết Nêu những thành công về nghệ thuật của bài? (bút pháp, biện pháp nghệ thuật, hình ảnh, ngôn ngữ, nhạc điệu) - Cách gieo vần có gì đặc biệt? - Khái quát nội dung của bài?	Theo dõi , nhận xét góp ý bổ sung Trình bày Trả lời cá nhân Trình bày Bài thơ thể hiện sự hài hòa giữa thiên	tu từ: so sánh, ẩn dụ, nhân hóa, liệt kê => Con thuyền vốn nhỏ bé bỗng trở nên kì vĩ, khổng lồ, hòa nhập với thiên nhiên; người lao động say sưa hào hứng chinh phục thiên nhiên - Liệt kê các loài cá => Sự giàu có phong phú của biển cả 3. Bình minh trên biển, đoàn thuyền đánh cá trở về: - Bức tranh tươi sáng. - Sự khẩn trương tận dụng thời gian để lao động, để cống hiến

1. Bài thơ ra đời trong hoàn cảnh nào?trước hay sau 1945 <i>Sau</i> 2. Bài thơ thuộc thể thơ gì? <i>7 chữ</i> 3. Tên thật của tác giả là gì? <i>Cù Huy Cận</i> 4. <i>Mặt trời xuống biển</i> được so sánh với <i>Hòn than</i> , đúng hay sai => sai 5. Các từ <i>hòn lửa, then, cửa</i> thuộc trường từ vựng ngôi nhà hay biển cả? <i>Ngôi nhà</i> Tia chớp 2 1. Huy Cận quê ở tỉnh Thanh Hóa đúng hay sai? <i>Đúng</i> 2. Hai khổ thơ đầu viết về cảnh gì? <i>Cảnh hoàng hôn trên biển và cảnh đoàn thuyền ra khơi</i> 3. Câu hát trong khổ thơ biểu hiện niềm vui, sự phấn chấn của người lao động. Đúng hay sai? <i>đúng</i> 4. Kể tên 3 loài cá có trong đoạn thơ? <i>nhụ, chim, đế</i> 5. Vùng biển trong bài thơ ở Quảng Nam? <i>Sai</i>	câu hỏi trong thời gian 30 giây	

4. Vận dụng (10p)

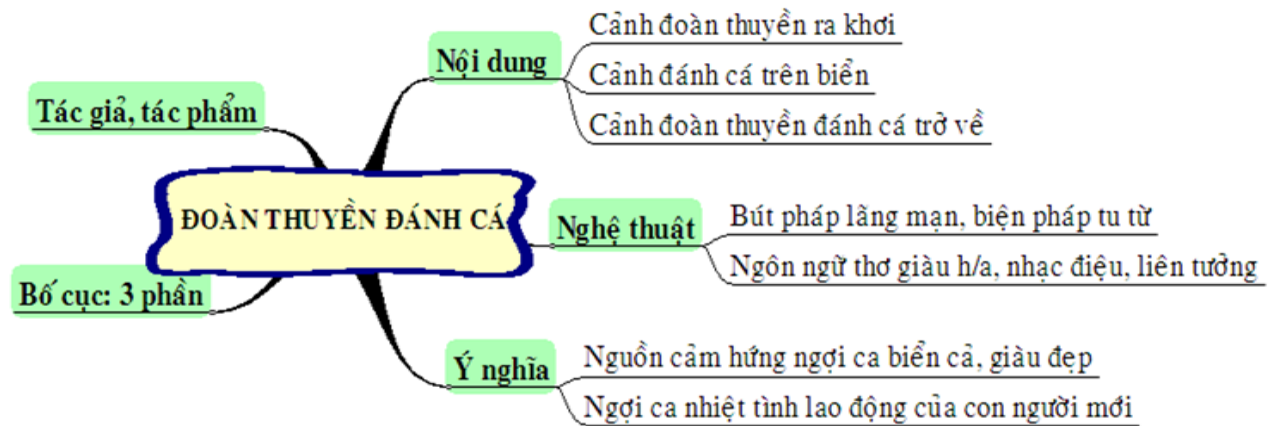
Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Viết đoạn văn trình bày cảm nhận của em về khổ thơ đầu của bài thơ ĐĐC của Huy Cận.	Viết cá nhân	

5. Tìm tòi, mở rộng (3p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
<i>Trò chơi tiếp sức</i> Chia lớp thành 2 đội Trong thời gian 2 phút, cùng tiếp sức, ghi tên tất cả biển, đảo có ở VN. <i>*Tích hợp BVMT: Để biển đảo luôn tươi đẹp, chúng ta cần làm gì?</i>	Chia đội Tiếp sức Suy nghĩ, trả lời.	

*Hướng dẫn tự học (2p)

- Học thuộc bài thơ, nội dung bài học.
- Vẽ sơ đồ tư duy khái quát nội dung bài



- Hoàn thành bài tập viết đoạn văn
- Tham khảo văn mẫu phân tích bài thơ
- Tiết sau: Nghị luận trong văn bản tự sự:
 - + Đọc kĩ nội dung bài
 - + Trả lời các câu hỏi phần ngữ liệu

TIẾT 54,55	NGHỊ LUẬN TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ	NS: 6/11/2023

I.MỤC TIÊU BÀI HỌC

1/Kiến thức:

- + Yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự,
- +Mục đích của việc sử dụng yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự,
- +Tác dụng của yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự

2/Năng lực:

-Năng lực chung:Tự học, sáng tạo, nhận thức, giải quyết vấn đề,tư duy, hợp tác.

-Năng lực chuyên biệt:

- + Viết văn tự sự có yếu tố nghị luận
- + Phân tích được các yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự cụ thể

3/ Phẩm chất:Tự tin, yêu mến thể văn NL

II. CHUẨN BỊ :

1.GV: Sgk, sgv, TKBG

2. HS: Sgk, bài soạn

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1.Khởi động (3p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Có thể nói trong văn tự sự có hầu hết các PTBD vì TS là bức tranh gần gũi nhất với cs,mà cs thì hết sức đa dạng phong phú với đầy đủ các tình huống,cảnh ngộ,nv,các mẫu người thường gặp hàng ngày.Để tập trung khắc hoạ những kiểu nv hay triết lí,suy nghĩ trần trở về cs về yêu ghét không thể không dùng yếu tố nghị luận để tô đậm tính cách họ...ở các lớp trước, các em đã được biết thế nào là tự sự, nghị luận ... Yếu tố tự sự, miêu tả có vai trò gì trong bài văn nghị luận . Trong bài học này ta sẽ tìm hiểu xem : Nghị luận có vai trò và ý nghĩa như thế nào trong văn bản tự sự	Lắng nghe	

2.Hình thành kiến thức (41p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt

*HD 1:HD tìm hiểu các yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự Gv giao nhiệm vụ cho hs *Thảo luận nhóm 7p - Hướng dẫn tìm hiểu phần 1 qua hai đoạn trích (chia lớp 2 nhóm) Đoạn trích thuộc văn bản " Lão hạc " của Nam Cao và " Truyện Kiều - Nguyễn Du -Trong đoạn trích (a) lời văn bộc lộ suy nghĩ. cách nhìn của ai với ai ? (Lời của ông giáo về người vợ của mình) <i>Gv: Đây là suy nghĩ nội tâm của nhân vật ông giáo trong truyện . Nó như một cuộc đối thoại ngầm, ông giáo đối thoại với chính mình : “Vợ mình ...</i> - Ở đoạn văn (b) là cuộc đối thoại giữa ai với ai ? nhận xét (Giữa Thuý Kiều với Hoạn Thư, cuộc đối thoại diễn ra rất đặc biệt, đó là dưới những câu thơ mang tính nghị luận rõ nét) - Cuộc đối thoại như ở một phiên toà. ở đó , Thuý kiều là quan toà buộc tội với những lời nhận định, khẳng định, còn Hoạn Thư là bị cáo với những lập luận, lí lẽ bao biện cho mình - GV đưa nội dung yêu cầu HS thảo luận -Để thể hiện được ý trong những cuộc đối thoại đó thì có những luận điểm nào , luận cứ nào ? -Nhận xét cách lập luận - GV nhận xét -> Đưa ra kết luận	- Đọc ví dụ Các nhóm trình bày kết quả (Chia lớp làm 2 nhóm, mỗi nhóm tìm hiểu một đoạn văn HS phát hiện a,Những câu mang tính NL : nếu...thì,vì thế ...cho nên,khi..thì =>câu kể ngắn gọn khúc chiết	I - Tìm hiểu các yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự

-Xét về hình thức đoạn văn có mang tính NL không? -Từ những ví dụ tìm hiểu trên em có nhận xét gì về lời đối thoại nội tâm và lời đối thoại? -> Đó chính là chất nghị luận ... - Em hiểu nghị luận trong văn tự sự thực chất là như thế nào ? -Đề đưa yếu tố nghị luận vào văn bản tự sự ngoài việc nêu luận điểm ta cần sử dụng những câu những từ như thế nào ? Vì sao ? <i>- Tuy vậy nghị luận ở đây chỉ đóng vai trò hỗ trợ chứ không làm mất đi bản chất của tự sự</i>	b,Hình thức nghị luận phù hợp phiên toà - Lời đối thoại và độc thoại cụ thể và rất thuyết phục bởi những nhận xét, những ý kiến , lí lẽ, dẫn chứng và cách lập luận chặt chẽ làm cho nhận định trở nên thành một triết lí sâu sắc - Những câu miêu tả khẳng định -Những từ có tính chất nghị luận Vì đó là những hình thức góp phần là sáng tỏ những nhận xét phán đoán ... của nghị luận	-NL trong VBTS là các cuộc đối thoại với các nhận xét phán đoán,lí lẽ nhằm thuyết phục người nghe - Tác dụng: Hỗ trợ cho việc kể, làm cho câu chuyện thêm sâu sắc. - Ghi nhớ sgk.

3.Luyện tập (10p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Bài tập1 Thảo luận nhóm 5p -Trả lời các yêu cầu đề bài. ->Hs trình bày, nhận xét ->Gv chốt	Hs đọc y/c đề bài (Hoạt động nhóm) + Lời trong đoạn văn là ai ? + Đã thuyết phục ai ? + Thuyết phục điều gì ? -hs nêu 4 luận điểm - HS quan sát.	II.Luyện tập Bài tập1 -Là lời của ông giáo (suy nghĩ nội tâm) -Thuyết phục người đọc,người nghe

4. Vận dụng (32p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
1/ Đọc đoạn trích sau và thảo luận nhóm 7p, thực hiện yêu cầu bên dưới:	-Thảo luận, trình bày, nhận xét	

MỘT HỌC SINH XẤU TÍNH - Nhân vật “tôi” đã đưa ra nhận xét về Phran-ti trong những câu văn nào? - Nhân vật “tôi” đã làm gì để chứng minh cho những nhận xét của mình về Phran-ti?(lí lẽ và dẫn chứng) -Hãy tóm tắt dàn ý của đoạn văn trên để tìm hiểu việc kết hợp nghị luận với tự sự. ->Hs trình bày, nhận xét. ->Gv chốt 2/ Tập viết đoạn văn tự sự có yếu tố nghị luận ->Hs đọc đoạn văn. ->Gv nhận xét	Viết đoạn văn	

***Hướng dẫn tự học (3p)**

- Nắm vững những kiến thức đã học.
- Tham khảo văn mẫu cách viết bài văn tự sự có yếu tố tự sự.
- Tiết sau học: Bếp lửa:
 - + Đọc bài thơ
 - + Trả lời các câu hỏi phần đọc hiểu
 - + Tìm hiểu một số thông tin về nhà thơ Bằng Việt

TUẦN 12

TIẾT 56,57: BẾP LỬA

TIẾT 58,59: ÁNH TRĂNG

TIẾT 60: LUYỆN TẬP VIẾT ĐOẠN VĂN TỰ SỰ CÓ YẾU TỐ NGHỊ LUẬN

TIẾT 56,57	BẾP LỬA	NS: 6/11/2023

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức :

- Những hiểu biết bước đầu về tác giả Bằng Việt và hoàn cảnh ra đời của bài thơ.
- Những cảm xúc chân thành tác giả và hình ảnh người bà giàu tình thương, giàu đức hi sinh.
- Việc sử dụng kết hợp miêu tả, tự sự, bình luận trong tác phẩm trữ tình

2. Năng lực:

- **Năng lực chung:** Năng lực hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề

- **Năng lực chuyên biệt:**

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ để trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về hình ảnh người bà và bếp lửa.
- Nhận diện, phân tích được các yếu tố miêu tả, tự sự, bình luận và biểu cảm trong bài thơ.

3. Phẩm chất:

- Giáo dục HS tình cảm gia đình, gắn bó với người thân, mở rộng ra là tình yêu quê hương đất nước.

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên:

- TKBG, sgk, phiếu bài tập, câu hỏi thảo luận.
- Chân dung tác giả Bằng Việt.
- Bảng phân công nhiệm vụ cho HS ở nhà, ở lớp

2. Học sinh: Đọc bài, soạn bài.

- HS: Đọc kĩ bài thơ, trả lời các câu hỏi ở phần đọc hiểu văn bản.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Khởi động (5p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
- GV giao nhiệm vụ học tập:	- Học sinh thực hiện	

-Khi đi xa, Tế Hanh luôn nhớ về con sông Trà Bồng-Trà Khúc quê mình. Còn em, khi xa quê hương xứ Quảng, em sẽ nhớ cái gì nhất? -GV theo dõi, hỗ trợ. -GV nhận xét và dẫn vào bài mới: Trong bài thơ “ <i>Tiếng gà trưa</i> ” của Xuân Quỳnh, người lính trẻ trên đường hành quân, nghe tiếng gà gáy trưa lại chợt nhớ tới bà mình khum khum soi trứng và mắng yêu cháu đừng nhìn gà đẻ mà lang mắt. Còn một sinh viên đang du học ở Liên Xô (cũ) khi hằng ngày sử dụng bếp ga, bếp điện, nhớ về bà mình lại thương về cái bếp lửa ấp iu tình bà cháu tuổi thơ xưa, sinh viên đó là Bằng Việt, và anh đã gửi nỗi nhớ bà qua bài thơ chúng ta sắp tìm hiểu: <i>Bếp lửa</i> -GV ghi tên bài học.	nhiệm vụ học tập. -HS trao đổi, hợp tác để tìm hiểu và trả lời.	

2.Hình thành kiến thức (67p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1: Đọc-tìm hiểu chung văn bản. ? Nêu những điểm chính về tác giả Bằng Việt và hoàn cảnh ra đời của bài thơ? -Gv hướng dẫn cách đọc: cần đọc giọng tình cảm, chậm lắng đọng cảm xúc, bồi hồi. - Gv đọc - gọi hs đọc lại. - Gv nhận xét cách đọc. ?Mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình (Người cháu) được dẫn dắt ntn? (Đi từ hồi tưởng đến hiện tại, từ kỉ niệm đến suy ngẫm.) ? Từ mạch cảm xúc này, em cho biết bố cục của bài thơ?	-Hs dựa vào chú thích* trả lời. -Hs đọc -Hs suy nghĩ trả lời: -Hs nêu bố cục: 4 phần	I.Tìm hiểu chung: 1. <u>Tác giả</u> : Bằng Việt là nhà thơ trưởng thành trong thời kì kháng chiến chống Mỹ cứu nước. 2/ <u>Tác phẩm</u> : Bài thơ được sáng tác năm 1963, khi tác giả đang học ngành luật ở nước ngoài. 3/ <u>Bố cục</u> : 4phần P1: Bốn câu đầu: Hình ảnh bếp lửa khơi nguồn cho dòng cảm xúc về bà.

ý nghĩa thể hiện nỗi khát khao hơi ấm của gia đình, nỗi nhớ nhà, nhớ bà. ?Điều gì trong lòng người cháu cùng xuất hiện với h/ảnh bếp lửa? -GV định hướng: Đó là hình ảnh của bà và nỗi nhớ bà. ? Từ <i>nắng mưa</i> trong câu “Cháu thương bà biết mấy nắng mưa” sử dụng bp tu từ gì? Ý nghĩa ntn? -GV định hướng: Hình ảnh <i>nắng mưa</i>→ tu từ ẩn dụ→gợi tả cuộc đời bà vất vả, lo toan khó nhọc triền miên. ? Hồi tưởng về quá khứ, những kỉ niệm nào về bà và tình bà cháu được gọi lại? -Gv chốt: Đó là những thiếu thốn khó khăn của năm lên 4 tuổi cùng với nạn đói năm 1945 đe dọa. Đó là cảnh 2 bà cháu nương tựa vào nhau trong suốt thời kì kháng chiến chống Pháp. *GV cho hs thảo luận nhóm 5p theo phiếu học tập. GV theo dõi lớp trả lời, cho lớp nhận xét, bổ sung, chốt ý. -Nhóm 1: Ở khổ 2 tác giả dùng từ <i>khói, cay</i>, hình ảnh đó thể hiện điều gì? -GV định hướng: Từ <i>khói, cay</i> thể hiện nỗi vất vả, gian nan, đắm chìm trong khổ nghèo→kỉ niệm đau xót đó bây giờ nghĩ lại sống mũi vẫn còn cay → Cảm xúc hiện tại và kỉ niệm năm xưa hoà lấy nhau. -Nhóm 2: Nhớ về bà tác giả liên tưởng đến âm thanh nào? Tiếng	-Hs suy nghĩ trả lời. -Hs trả lời. -Hs thảo luận nhóm trả lời, báo cáo kết quả. Lớp nhận xét. -Thảo luận, trình bày, nhận xét	- Kỉ niệm cùng bà nương tựa vào nhau trong những ngày dân tộc kháng chiến <u>b. Hình ảnh người bà:</u> - Kỉ niệm về bà luôn gắn liền với hình ảnh bếp lửa. - Bếp lửa hiện diện như tình bà ấm áp, như chỗ dựa tinh thần, như sự cưu mang đùm bọc đầy chi chút của bà.

chim tu hú trên cánh đồng xa gọi tả điều gì? -Gv chốt: tiếng chim tu hú- Tiếng chim kêu khắc khoải, da diết, khiến lòng người trôi dạt những nhớ mong, tiếng chim còn gọi ra cảnh vắng vẻ của hai bà cháu. -Nhóm 3: Bên bếp lửa bà và cháu còn có những kỉ niệm nào? -GV định hướng: Bà kể chuyện...; bà <i>bảo</i> cháu nghe, <i>dạy</i> cháu làm, <i>chăm</i> cháu học, bà <i>dặn</i> cháu định ninh... -Nhóm 4: Những phẩm chất nào toả sáng trong các việc làm lời nói của bà? -GV định hướng: Bà làm thay công việc của bố mẹ, bà chăm chút yêu thương, đùm bọc cháu, bà âm thầm chịu đựng gian khổ → bà giàu đức hi sinh. ? Nêu vấn đề: Vì sao trong kí ức của người cháu, những kỉ niệm về bà, những năm tháng tuổi thơ luôn gắn với hình ảnh bếp lửa? -GV định hướng: Bếp lửa là hình ảnh của cuộc sống thực đầy vất vả nhọc nhằn của hai bà cháu và hình ảnh mang ý nghĩa tượng trưng, bếp lửa là hiện thân của tình bà cháu ấm áp, là sự cưu mang đùm bọc của bà dành cho cháu. ? Em cảm nhận tấm lòng của cháu đối với bà ntn? Nội dung 2: Những suy ngẫm về bà và hình ảnh bếp lửa. - Gv cho hs đọc thầm khổ 6. ? Từ hồi tưởng về bà, cháu nghĩ gì về cuộc đời bà?	-Hs trả lời. -Hs trả lời. -Hs suy nghĩ trả lời.	<u>2. Những suy ngẫm về bà và hình ảnh bếp lửa:</u>

-GV định hướng: Đồi bà vất vả (lận đận..) Bà vẫn nhóm bếp lửa (nhóm bếp lửa ấp iu ...) ? Điệp từ nhóm trong từng câu thơ có ý nghĩa gì ? Gọi suy nghĩ gì nơi người đọc về bà? -GV định hướng: Nhóm bếp lửa ấp iu... để sưởi ấm cho bà cháu qua cái lạnh của sương sớm - Nhóm nôi khoai sắn...đem đến cho cháu cái ngọt bùi, đỡ đói lòng→tình thương của bà. - Nhóm nôi xôi gạo...→tình cảm làng giềng chia sẻ ngọt bùi. - Nhóm dậy cả tâm tình tuổi nhỏ→ nhóm cho cháu tình yêu, niềm tin cuộc sống. ⇒Như vậy bếp lửa bà nhóm là nhóm lên niềm yêu thương con người, niềm vui sưởi ấm, san sẻ, bà là người nhóm lửa, là người giữ cho ngọn lửa luôn toả sáng trong mỗi gia đình. *GV cho hs thảo luận đôi bạn (chú ý đối tượng hs khá- giỏi): Vì sao tác giả viết: “Ôi kì lạ và thiêng liêng- bếp lửa!”? -GV định hướng: H/ ảnh bếp lửa thân thuộc bình dị mà kì diệu thiêng liêng bởi bếp lửa bà nhóm là nhóm lên niềm vui, sự sống, niềm yêu thương dành cho con cháu và mọi người, khơi gợi cho cháu một tình cảm, tâm hồn cao đẹp, nâng bước cho cháu trên đường đời. - Cho hs đọc các câu thơ: “ Rời sớm Một ngọn lửa... dai dẳng”	-Hs trả lời theo cảm nhận cá nhân. -Hs đọc thầm, trả lời. -Hs suy nghĩ trả lời -HS trả lời. -Hs thảo luận đôi bạn trả lời.	- Bà là người nhóm lửa, lại cũng là người giữ cho ngọn lửa luôn ấm nóng và toả sáng trong mỗi gia đình. - Ôi kì lạ và thiêng liêng -bếp lửa!→ bếp lửa bà nhóm là nhóm niềm vui, sự sống, niềm yêu thương, nâng bước cho cháu trên đường đời - Một ngọn lửa... -Một ngọn lửa... → Bà không chỉ là người nhóm lửa, giữ lửa mà còn là người truyền lửa- ngọn lửa của sự sống, niềm tin cho thế hệ nối tiếp. - Bếp lửa là hình ảnh của quê hương cội nguồn, là tình thương,

? Vì sao tác giả dùng <i>ngọn lửa</i> mà không nhắc lại <i>bếp lửa</i>? Ngọn lửa ở đây có ý nghĩa gì? Em hiểu những câu thơ trên ntn? -GV định hướng: Tác giả nhận ra một điều sâu xa: Bếp lửa được bà nhen lên không phải chỉ bằng nhiên liệu bên ngoài mà chính là được nhen nhóm từ ngọn lửa trong lòng bà- ngọn lửa của sức sống, lòng yêu thương, niềm tin→ ngọn lửa mang ý nghĩa trừu tượng, khái quát →hình ảnh bà không chỉ là người nhóm lửa, giữ lửa mà còn là người truyền lửa- ngọn lửa của sự sống, niềm tin cho thế hệ nối tiếp. ? Hình ảnh bếp lửa được nhắc lại bao nhiêu lần trong bài thơ? Nhắc đến bếp lửa là nhớ đến bà và ngược lại. Vậy hình ảnh bếp lửa có ý nghĩa gì? *GV định hướng: Hiện diện cùng bếp lửa là hình ảnh của người bà, người phụ nữ Việt Nam muôn thưở với vẻ đẹp tận tảo, nhẫn nại đầy yêu thương. Bếp lửa là tình bà nồng ấm, là tấm lòng của bà, là hình ảnh của quê hương cội nguồn là nỗi nhớ và lòng biết ơn. - Cho hs đọc đoạn thơ cuối. ? Em hiểu gì về 4 câu thơ này? ? Câu hỏi tu từ ở cuối bài có ý nghĩa gì? -Gv định hướng: khẳng định sức mạnh cội nguồn, dù ở đâu, làm gì người cháu vẫn không quên bà, quên quê hương xứ sở→ đó là đạo lí thủy chung của con người VN, là tình yêu thương sâu nặng	\ -Từ “bếp lửa” được nhắc lại 10 lần. -HS đọc đoạn thơ cuối và thảo luận trả lời câu hỏi.	tấm lòng của bà và còn là nỗi nhớ và lòng biết ơn của nhà thơ.

của cháu đối với bà. Người cháu yêu bà, nhờ hiểu bà mà thêm hiểu dân tộc, đất nước, nhân dân mình. Nội dung 3: Tổng kết bài học. Gv hướng dẫn hs tổng kết bài: ? Trình bày cảm nhận của em về tình bà cháu trong bài thơ?(Bài thơ là lời của nhân vật nào? Nói về ai? về điều gì?) ?Những nét nổi bật về nghệ thuật? (Phương thức biểu đạt của bài thơ?) + Xây dựng hình ảnh thơ vừa thực vừa mang tính biểu tượng + Viết theo thể thơ 8 chữ phù hợp với giọng điệu cảm xúc hồi tưởng và suy ngẫm. + Kết hợp nhuần nhuyễn giữa miêu tả, tự sự, nghị luận và biểu cảm ? Ý nghĩa của bài thơ? Gv: Từ những kỉ niệm tuổi thơ ấm áp tình bà cháu, nhà thơ cho ta hiểu thêm về những người bà, những người mẹ, về nhân dân nghĩa tình. -Gv cho hs đọc phần ghi nhớ.	-HS trả lời các câu hỏi để tổng kết bài học.	III/Tổng kết: 1.Nghệ thuật: + Xây dựng hình ảnh thơ vừa thực vừa mang tính biểu tượng + Viết theo thể thơ 8 chữ phù hợp với giọng điệu cảm xúc hồi tưởng và suy ngẫm. + Kết hợp nhuần nhuyễn giữa miêu tả, tự sự, nghị luận và biểu cảm 2.Ý nghĩa văn bản: Từ những kỉ niệm tuổi thơ ấm áp tình bà cháu, nhà thơ cho ta hiểu thêm về những người bà, những

		người mẹ, về nhân dân nghĩa tình. * Ghi nhớ: sgk/146

3.Luyện tập (5p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
GV Chuyển giao nhiệm vụ học tập. 1. Nhân vật trữ tình trong bài thơ <i>Bếp lửa</i> là ai ? A. Người bà. B. Người cháu. C. Người bố. D. Người mẹ. 2. Nhận định nào không phù hợp với vẻ đẹp nghệ thuật của bài thơ ? A. Sáng tạo hình ảnh vừa thực vừa mang ý nghĩa biểu tượng. B. Kết hợp nhiều phương thức biểu đạt khác nhau. C. âm hưởng thơ khoẻ khoắn, lạc quan. D. Hình thức và giọng điệu phù hợp với cảm xúc hồi tưởng, suy ngẫm. 3. Từ “<i>áp iu</i>” trong câu “<i>Một bếp lửa áp iu nồng đượm</i>” có ý nghĩa gì ? A. Gọi hình ảnh người bà chăm chỉ cần mẫn. B. Gọi nhớ tình cảm yêu thương của bà. C. Gọi tấm lòng chi chút của người nhóm lửa. D. Gọi bàn tay kiên nhẫn, khéo léo và tấm lòng chi chút của người nhóm lửa.	HS chọn đúng các câu hỏi:	Câu 1: B Câu 2: C Câu 3: D

4.Vận dụng (7p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Viết đoạn văn ngắn khoảng 6-7 câu nêu cảm nghĩ của em về hình ảnh bếp lửa trong bài thơ. . - GV theo dõi, hỗ trợ cho các đối tượng.	-Hs trình bày kết quả. -Lớp nhận xét. -HS lắng nghe, học hỏi.	

-GV cho hs xung phong trình bày kết quả của mình. -GV nhận xét, tuyên dương.		

5.Tìm tòi, mở rộng (3p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Kê 1 số bài hát, bài thơ về tình bà cháu	Thực hiện	

***Hướng dẫn tự học (2p)**

- Học thuộc lòng bài thơ, nắm nội dung bài học.
- Tìm văn mẫu tham khảo phân tích bài thơ
- Chuẩn bị: Ánh trăng

TIẾT 58,59	ÁNH TRĂNG Nguyễn Duy	NS: 6/11/2023

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức:

- Kỷ niệm về một thời gian lao nhong nặng nghĩa tình của người lính
- Sự kết hợp các yếu tố nghị luận, tự sự trong một tác phẩm thơ Việt Nam hiện đại.
- Ngôn ngữ, hình ảnh giàu suy nghĩ, mang ý nghĩa biểu tượng.

2. Năng lực:

- Năng lực chung: hợp tác, giải quyết vấn đề, tiếp nhận

- Năng lực chuyên biệt:

- + Đọc - hiểu văn bản thơ được sáng tác sau năm 1975
- + Vận dụng kiến thức về thể loại và sự kết hợp các phương thức biểu đạt trong tác phẩm thơ để cảm nhận một văn bản trữ tình hiện đại.

3. Phẩm chất:

- Yêu quý người lính với những kỉ niệm của quá khứ, của một thời gian khó, chiến đấu bảo vệ Tổ quốc và sống có ý nghĩa cho quê hương, đất nước hôm nay.

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên:

- Tìm hiểu kĩ văn bản, chuẩn kiến thức, thiết kế bài giảng
- Chân dung nhà thơ Nguyễn Duy, tập thơ *Ánh trăng*
- Phiếu bài tập, câu hỏi thảo luận
- Hướng dẫn HS chuẩn bị bài.
- Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà: sưu tầm các bài hát, bài thơ viết về trăng.

2. Học sinh:

- Soạn bài theo định hướng của SGK và sự hướng dẫn của giáo viên
- Trả lời các câu hỏi trong phần Đọc - Hiểu văn bản.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Khởi động (5 phút)

Hoạt động của Gv	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Gv yêu cầu HS ghi ra một số câu thơ, ca dao có từ trăng (trong vòng 2p), đội nào có nhiều đáp án nhất sẽ chiến thắng. - GV nhận xét, dẫn vào bài mới Từ xưa đến nay, trăng luôn là hình ảnh quen thuộc trong thơ ca. Trăng với người luôn là bạn. Nhiều thi sĩ đã	- HS chia thành 2 đội chơi, thực hiện theo yêu cầu của GV.	

mượn hình ảnh trăng để gửi gắm tâm sự của mình. Trăng trong bài thơ của Nguyễn Duy như một cố nhân xưa mà đã có lúc bị người vô tình quên lãng, để rồi khi bất chợt gặp lại khiến người ta không khỏi giật mình. - GV ghi đề bài.	- HS theo dõi, ghi đề bài học.	

2.Hình thành kiến thức (65p)

Hoạt động của Gv	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1: Đọc-Tìm hiểu chung văn bản: - GV mời HS đọc chú thích về tác giả, tác phẩm (SGK/156) - Hãy trình bày những hiểu biết của em về tác giả, tác phẩm? -GV nhấn mạnh những ý chính về t/g và t/p, đặc biệt nói rõ thêm về hoàn cảnh sáng tác bài thơ. - GV hướng dẫn cách đọc. Gọi HS đọc bài thơ. - Hướng dẫn HS tìm hiểu các từ khó trong phần chú thích. - Bài thơ được viết theo thể thơ nào? - Xác định bố cục của bài thơ? <i>Hai khổ thơ đầu : Trăng trong quá khứ</i> <i>Hai khổ thơ tiếp: Trăng trong hiện tại</i> <i>Hai khổ thơ cuối : Suy tư của tác giả</i> -Bài thơ có sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình. Điều đó thể hiện như thế nào? - <i>Bài thơ mang dáng dấp một câu chuyện nhỏ được kể theo trình tự thời gian. Dòng cảm nghĩ trữ tình bộc lộ theo dòng tự sự.</i> -Trong dòng diễn biến của thời gian, sự việc, đâu là bước ngoặt để t/g từ đó bộc	- 1 HS đọc, lớp theo dõi SGK. - HS trình bày cá nhân. - HS lắng nghe. - HS đọc theo hướng dẫn của GV, nhận xét cách đọc của bạn, thể hiện cách đọc của mình - HS theo dõi - HS trả lời cá nhân. - HS suy nghĩ, trao đổi, phát biểu cá nhân→ Lớp bổ sung, góp ý. - HS trả lời cá nhân, các HS khác bổ sung.	I. Đọc và tìm hiểu chung: 1.Tác giả, tác phẩm: - Tác giả: Nguyễn Duy - nhà thơ trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. - Bài thơ <i>Ánh trăng</i> : được sáng tác năm 1978. 2. Đọc 3. Bố cục: 3 phần 4. Kết cấu: Mang dáng dấp một câu chuyện nhỏ, kết hợp

lộ cảm xúc, thể hiện chủ đề của tác phẩm? <i>- Sự việc bất thường ở khổ thơ thứ tư là bước ngoặt để tị bộc lộ cảm xúc. Vầng trăng tròn ngoài kia đối lập với “phòng buyn-đinh tối om”. Chính sự xuất hiện đột ngột trong bối cảnh ấy, vầng trăng bất ngờ mà tự nhiên gọi lại bao kỷ niệm.</i> - GV nhận xét, đánh giá, chốt ý. Hoạt động 2: Tìm hiểu nội dung văn bản: Nội dung 1: Hình ảnh vầng trăng trong quá khứ: Nêu yêu cầu thảo luận: <i>- Gọi HS đọc lại khổ 1 và 2</i> Phiếu học tập 1 <i>- Đoạn thơ này kể về quá khứ, đó là quá khứ ở những thời điểm nào?</i> <i>- Trong quá khứ đó, vầng trăng và người lính có mối quan hệ ntn?</i> <i>- Vì sao khi đó, vầng trăng lại trở thành tri kỷ của con người?</i> - GV: Con người sống giản dị, thanh cao, chân thật trong sự hoà hợp với thiên trong lành: Trần trụi với thiên nhiên, hồn nhiên như cây cỏ. Trăng khi đó là trò chơi của tuổi thơ cùng với những ước muốn trong sáng, là ánh sáng trong đêm tối chiến tranh, là niềm vui bầu bạn của người lính... - Theo em, quá khứ này ntn khiến cho con người ngỡ không bao giờ quên? - Đây là quá khứ đẹp đẽ, đầy ân tình, gắn với hạnh phúc và gian lao của mỗi con người, của đất nước. - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt ý và ghi bảng.	- HS đọc 2 khổ thơ đầu. - HS trao đổi nhóm đôi, trình bày ý kiến của mình, lớp nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe. - HS trả lời cá nhân. - HS theo dõi và ghi bài.	hài hòa giữa tự sự và trữ tình. II. Đọc hiểu nội dung văn bản: <u>1. Vầng trăng trong quá khứ:</u> - Quá khứ được tái hiện với những kỉ niệm ngọt ngào. - Suốt một thời tuổi thơ cho đến những năm tháng chiến tranh, Nghĩa tình với

Nội dung 2: Hình ảnh vàng trắng trong hiện tại: - Gọi HS đọc 2 khổ thơ 3 và 4. - Tại sao khi về thành phố, trăng bỗng thành người dung? <i>Cuộc sống hiện đại đã bủa vây, con người không có điều kiện mở rộng hồn mình, gần gũi với thiên nhiên. Và cũng chẳng mấy lúc cần, cũng ít khi chú ý đến ánh trăng.</i> - Con người đã gặp lại trăng trong hoàn cảnh nào? <i>Đèn điện tắt, phòng buyn-đinh tối om, con người vội bật tung cửa sổ. Đột ngột nhìn thấy vàng trắng.</i> - Hành động vội bật tung cửa sổ và cảm giác đột ngột nhận ra <i>vàng trắng</i> tròn cho thấy quan hệ giữa người và trăng bây giờ như thế nào? Vì sao? <i>Không còn tri kỉ tình nghĩa như xưa. Vì do thời gian cách biệt, không gian khác biệt, điều kiện sống ở đô thị hiện đại, khép kín. Cuộc sống hiện đại khiến người ta dễ dàng quên đi những giá trị trong quá khứ.</i> - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt ý và ghi bảng. Nội dung 3: Cảm xúc của nhà thơ: - GV yêu cầu HS đọc 2 khổ thơ cuối - Nhìn lại vàng trắng tròn, tác giả hồi tưởng điều gì? + GV bình: <i>Trăng không chỉ là thiên nhiên, trăng còn là biểu trưng cho một quá khứ gian khổ, hào hùng và oanh</i>	- HS đọc 2 khổ thơ. - HS suy nghĩ, trao đổi, phát biểu cá nhân→ Lớp bổ sung, góp ý. - HS trả lời cá nhân. - HS suy nghĩ, trao đổi, phát biểu cá nhân→ Lớp bổ sung, góp ý. - HS theo dõi và ghi bài. - HS đọc 2 khổ cuối. - HS trả lời cá nhân	vàng trắng sâu nặng đến mức “<i>ngỡ chẳng bao giờ quên</i>” <u>2.Vàng trắng trong hiện tại:</u> -Cuộc sống ở thành phố có ánh điện, cửa gương => Trăng trở thành <i>người dung qua đường</i>. - Cuộc gặp gỡ bất ngờ, cảm động giữa nhân vật trữ tình với vàng trắng kỉ niệm => Con người nhận ra sự vô tình của mình. <u>3.Cảm xúc của nhà thơ:</u>

liệt, một quá khứ nghĩa tình không dễ gì quên. - GV phát phiếu học tập để HS thảo luận nhóm: Phiếu học tập 2 + N1: Tại sao tác giả lại viết “ngửa mặt lên nhìn mặt” mà không phải nhìn trăng? + N2,3: Hình ảnh trăng tròn vành vạnh và im phăng phắc có ý nghĩa gì ? + N4: Tại sao tác giả phải giật mình khi nhìn trăng? - GV nhận xét, bổ sung, chốt ý, ghi bảng. Nội dung 4: Tổng kết bài học: - Thơ thuộc thể loại trữ tình, nhưng trong bài thơ này đã kết hợp trữ tình với phương thức biểu đạt nào? Yếu tố này làm cho bài thơ trữ tình trở nên như thế nào? - Cả nhan đề và nội dung bài thơ, tác giả đều tập trung vào hình ảnh ánh trăng. Vậy từ việc tìm hiểu bài thơ, em hãy nhắc lại, <i>trăng</i> ở đây mang những ý nghĩa nào? - Nhận xét về kết cấu, về giọng điệu của bài thơ. Những yếu tố ấy có tác dụng gì đối với việc thể hiện chủ đề và tạo nên sức truyền cảm của tác phẩm? - Ánh trăng khắc họa một khía cạnh trong vẻ đẹp của người lính, đó là nét đẹp gì? - GV nhận xét, bổ sung, chốt ý, ghi bảng.	- HS lắng nghe - Các nhóm thảo luận theo câu hỏi của phiếu học tập. - Các nhóm báo cáo kết quả, nhóm khác bổ sung - HS theo dõi, ghi bài vào vở. - HS suy nghĩ, tổng hợp, khái quát lại nghệ thuật đặc sắc và nội dung chính của bài. - HS trình bày kết quả →Lớp bổ sung. - HSG trả lời theo suy nghĩ cá nhân.	- Đốt ngón gập lại vành trăng => cảm xúc rung rung, kỷ niệm ulla về trong tâm trí. III. Tổng kết: 1. Nghệ thuật : - Kết hợp giữa tự sự và trữ tình, tự sự làm cho trữ tình trở nên tự nhiên mà cũng rất sâu nặng. - Sáng tạo hình ảnh thơ có nhiều tầng ý nghĩa: Trăng là vẻ đẹp của thiên nhiên, tự nhiên, là người bạn gắn bó với con người, là biểu tượng cho quá khứ nghĩa tình, cho vẻ đẹp của đời sống tự nhiên, vĩnh hằng. 2. Ý nghĩa : - <i>Ánh trăng</i> khắc họa một khía cạnh trong vẻ đẹp của người lính: sâu nặng nghĩa tình, thủy chung sau trước

3.Luyện tập (3p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
*Cho hs chơi trò chơi: NHANH NHƯ CHỚP Câu 1: Bài thơ <i>Ánh trăng</i> của tác giả nào? A. Nguyễn Du B. Nguyễn Duy C. Nguyễn Khoa Điềm D. Bằng Việt Câu 2: Từ <i>mặt</i> thứ hai trong câu thơ <i>“Ngửa mặt lên nhìn mặt”</i> dùng để chỉ ai? A.Nhà thơ B. Trăng Câu 3: Ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh vầng trăng? A. Biểu tượng của thiên nhiên hồn nhiên, tươi mát. B. Biểu tượng cho cuộc sống hiện tại no đủ, sung sướng. C.Biểu tượng cho quá khứ nghĩa tình. D. Biểu tượng cho vẻ đẹp bình dị, vĩnh hằng của đời sống.	Trả lời nhanh	

4. Vận dụng (7p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
<i>Tưởng tượng mình là nhân vật trữ tình trong bài thơ “Ánh trăng”, em hãy diễn tả dòng cảm nghĩ trong bài thơ thành một bài tâm sự ngắn.</i> - GV theo dõi, hỗ trợ cho các đối tượng HS . - GV cho HS xung phong trình bày kết quả của mình →GV nhận xét, tuyên dương.	- HS làm việc độc lập. - HS trình bày kết quả. - Lớp nhận xét. - HS lắng nghe, học hỏi.	

5.Tìm tòi, mở rộng (3p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
- Xác định thời điểm ra đời của bài thơ, liên hệ với cuộc đời Nguyễn Duy để phát biểu chủ đề của bài thơ. Theo cảm nhận của em, chủ đề	Trả lời cá nhân	

ấy có liên quan gì đến đạo lí, lẽ sống của dân tộc VN? - GV: Nhận xét, tuyên dương, liên hệ giáo dục.		

***Hướng dẫn tự học (2p)**

- Học thuộc lòng bài thơ, nội dung bài
- Tìm văn mẫu đọc tham khảo cách phân tích bài thơ.
- Viết đoạn văn cảm nhận về 1 khổ trong bài.
- Chuẩn bị: Luyện tập viết đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố nghị luận

TIẾT 60	LUYỆN TẬP VIẾT ĐOẠN VĂN TỰ SỰ CÓ SỬ DỤNG YẾU TỐ NGHỊ LUẬN	NS: 6/11/2023

I. Mục tiêu cần đạt:

1. Kiến thức:

- Đoạn văn tự sự.
- Các yếu tố nghị luận trong VB tự sự.

2. Năng lực:

- **Năng lực chung:** Hợp tác, tiếp nhận, trình bày, giao tiếp (thảo luận nhóm), giải quyết vấn đề

- Năng lực chuyên biệt:

- + Viết đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố nghị luận với độ dài trên 90 chữ.
- + Phân tích được tác dụng của yếu tố lập luận trong đoạn văn tự sự.

3. Phẩm chất: tự tin khi trình bày vấn đề; có ý thức tu dưỡng, tránh lỗi lầm và coi trọng lòng biết ơn.

II. Chuẩn bị:

1. GV: Nghiên cứu sgk, sgv, TKBG

2. HS: Sgk, bài soạn

III. Tiến trình tổ chức các hoạt động dạy học

1. Khởi động (3p)

HD của GV	HD của HS	Nội dung cần đạt
GV giao nhiệm vụ học tập : y/c HS trả lời vài câu hỏi để nhắc lại kiến thức đã học - Nghị luận là gì? (Nêu lí lẽ, dẫn chứng để bảo vệ một quan điểm tư tưởng nào đó) - Trong văn bản tự sự, nghị luận được thể hiện ở đâu & bằng hình thức gì? Nêu vai trò & ý nghĩa của yếu tố nghị luận trong VB tự sự. + GV nhận xét và dẫn vào bài mới - GV ghi tên bài học	- HS theo dõi thông tin - Tư duy -Suy nghĩ - Trả lời các câu hỏi GV nêu ra HS nghe và ghi tên bài học	

2. Luyện tập (10p)

GV chuyển giao nhiệm vụ học tập: Đọc đoạn văn “ Lỗi lầm và sự biết ơn” *Thảo luận nhóm 5p ? Trong đoạn văn trên, yếu tố nghị luận thể hiện ở câu văn nào? ? Các yếu tố ấy có vai trò gì trong việc làm nổi bật nội dung của đoạn văn? ? Yếu tố nghị luận có tác dụng gì trong câu chuyện trên? ? Bài học rút ra từ câu chuyện là gì? -> GV theo dõi ,hỗ trợ các nhóm, các đối tượng HS -> GV nhận xét, bổ sung, chốt ý và tuyên dương phần trình bày của các nhóm	HS thực hiện nhiệm vụ học tập: - HS đọc đoạn văn -HS thảo luận nhóm -HS trình bày kết quả - Lớp theo dõi – nhận xét + HS lắng nghe và ghi chép	+Xác định được yếu tố nghị luận và vai trò của nó trong đoạn văn tự sự cho sẵn. + Đoạn văn “ Lỗi lầm và sự biết ơn”: - Yếu tố nghị luận có vai trò làm cho câu chuyện sâu sắc, giàu tính triết lí và ý nghĩa giáo dục cao.

3.Vận dụng (24p)

HD của GV	HD của HS	Nội dung cần đạt
GV chuyển giao nhiệm vụ học tập: <u>Bài 1.</u> - Yêu cầu hs viết đoạn văn. + Cho hs đọc đề, xác định ycầu. + Viết cá nhân, đọc trước lớp, lớp nhận xét. + GV theo dõi, gợi ý.	HS thực hiện nhiệm vụ học tập: HS thực hành viết đoạn văn - trình bày + HS trình bày kết quả	<i>HS viết được đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố nghị luận</i>

a. Buổi sinh hoạt diễn ra ntn? (thời gian, địa điểm, người điều khiển, không khí sinh hoạt,...?) b. Nội dung của buổi sinh hoạt là gì? Tại sao lại phát biểu về việc đó? c. Em đã thuyết phục cả lớp rằng Nam là người bạn tốt ntn? (lí lẽ, ví dụ, lời phân tích,...) + GV nhận xét, bổ sung, chốt ý và tuyên dương phần trình bày của các nhóm	- Lớp theo dõi – nhận xét + HS lắng nghe và ghi chép, sửa bài tập	

4. Tìm tòi, mở rộng (6p)

HD của GV	HD của HS	Nội dung cần đạt
+ GV chuyển giao nhiệm vụ học tập: <u>Bài 2</u> Tìm hiểu yếu tố nghị luận thể hiện trong đoạn văn: - Đọc bài tham khảo “ Bà nội” ? Từ văn bản trên, em tìm những việc làm, lời dạy bảo của bà? ? Những suy nghĩ của “tôi” về người bà? ? Đây là yếu tố nghị luận? ?Đoạn văn làm nổi bật hình tượng người bà ntn? + Từ việc tìm hiểu văn bản “Bà nội”, GV cho hs viết đoạn văn kể những việc làm hoặc lời dạy của người bà. + GV gợi ý	+ HS thực hiện nhiệm vụ học tập: HS thực hành viết đoạn văn	<i>HS thực hành viết đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố nghị luận một cách hợp lí</i>

+ GV cho vài hs đọc bài viết của mình. + GV nhận xét, bổ sung, chốt ý và tuyên dương phần trình bày của các nhóm	+ HS trình bày kết quả - Cá nhân trình bày - Lớp theo dõi – nhận xét + HS lắng nghe và ghi chép – sửa bài	

***Hướng dẫn tự học (2p)**

- Nắm vững các kiến thức đã học.
- Hoàn chỉnh bài tập 2 vào vở: Viết bài văn kể về bà, chú ý yếu tố nghị luận (lời dạy dỗ của bà).
- Chuẩn bị: Ôn tập về thơ hiện đại

KẾ HOẠCH BÀI GIẢNG THÁNG 11
TUẦN 13-16

TIẾT 61-62	ÔN TẬP THƠ HIỆN ĐẠI	NS: 25/11/2023

I. Mục tiêu cần đạt :

1. Kiến thức:

- Hệ thống những kiến thức về tác phẩm thơ

2. Năng lực:

. *Năng lực chung.

- Năng lực hợp tác: Thảo luận nhóm để hiểu nội dung văn bản.

- Năng lực giải quyết vấn đề

- Năng lực tiếp nhận: đọc hiểu văn bản.

- Năng lực sử dụng CNTT

*Năng lực riêng.

- Tổng hợp, hệ thống hóa kiến thức về tác phẩm thơ đã học.

3. Phẩm chất: Yêu thích thơ ca

II. Chuẩn bị :

Gv : TKBG SGK, SGK, STK, bảng phụ

HS Soạn bài theo câu hỏi ôn tập trong SGK

III. Tiến trình lên lớp:

*** HD1. Khởi động: (1p)**

- Nêu yêu cầu của tiết ôn tập.

Đề tập hợp, hệ thống hóa những kiến thức về từng bài thơ đã học ở học kì I ,hôm nay chúng ta sẽ tiến hành ôn tập.

HD2; Hình thành kiến thức (66p)

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò và định hướng	Ghi bảng
Cho HS lập bảng thống kê. - GV yêu cầu 1-2 HS nhắc lại tên các bài thơ đã học theo trình tự các bài học của SGK. - Gọi HS đọc nội dung đã chuẩn bị ở nhà trong bảng thống kê, theo từng tác phẩm. Sắp xếp các bài thơ đã học theo từng giai đoạn lịch sử?	HS trả lời câu hỏi tương ứng của GV Bảng phụ. HS sắp xếp theo nhóm trên bảng phụ.	I- Bảng thống kê các tác phẩm thơ hiện đại: II. Sắp xếp theo từng giai đoạn : + Từ 1945- 1954.: Đồng chí +1954-1964:Đoàn thuyền đánh cá, Con cò, Bếp lửa +1964-1975: Bài thơ về ... +Sau 1975: Ánh trăng, Viếng lăng

Hết tiết 1 Hướng dẫn tìm hiểu chủ đề (Cho HS so sánh những bài thơ có đề tài gần nhau để thấy điểm chung và những nét riêng của mỗi tác phẩm). - Nhận xét về những điểm chung và riêng trong nội dung, cách biểu hiện tình mẹ con trong các bài thơ: “Khúc hát ru...”, “Con cò”, “Mây và sóng”? - Nhận xét về hình ảnh người lính và tình đồng đội của họ trong các bài thơ: Đồng chí, Bài thơ về tiểu đội xe không kính, Ánh trăng? Những nét tiêu biểu, đặc sắc về nghệ thuật trong tác phẩm thơ và tác dụng của nó trong việc thể hiện chủ đề, cảm xúc của nhân vật	Hs làm việc theo nhóm.	Bác, Mùa xuân nho nhỏ, Nói với con, Sang thu. III. Tìm hiểu một số chủ đề: * Tình mẹ con: - Điểm chung : Ca ngợi tình mẹ con đầm ấm, thiêng liêng. - Âm hưởng: Nhẹ nhàng đầm ấm, thiết tha. - Khác nhau: Mỗi bài có một cách thể hiện khác nhau: - Khúc hát ru...: Thể hiện sự thống nhất giữa tình yêu con với lòng yêu nước, gắn bó với cách mạng, ý chí chiến đấu của người mẹ dân tộc Tà – ôi trong hoàn cảnh hết sức gian khổ ở chiến khu miền tây Thừa Thiên thời kỳ chống Mỹ. - Bài Con cò: Từ hình tượng con cò trong ca dao, trong lời hát ru để ca ngợi tình mẹ và ý nghĩa của lời ru. - Bài Mây và sóng: hóa thân vào lời trò chuyện hồn nhiên, ngây thơ của em bé để thể hiện tình yêu mẹ thấm thiết. * Người lính và tình đồng đội - Đồng chí: Những người lính xuất thân từ nông dân ở những làng quê nghèo; Tình đồng chí của họ dựa trên cơ sở cùng chung cảnh ngộ, cùng chia sẻ những gian lao thiếu thốn và ý tưởng chiến đấu. - Bài thơ về...: Những người lính lái xe với tinh thần dũng cảm, bất chấp khó khăn nguy hiểm, tư thế hiên ngang, niềm lạc quan và ý chí chiến đấu giải phóng miền Nam - Ánh trăng: tình đồng đội trong những năm tháng chiến đấu gian lao của chiến tranh. IV. Nghệ thuật: - Đa dạng về thể thơ. - Ngôn ngữ thơ giàu hình ảnh, gợi

trữ tình, khơi gợi tình cảm của người đọc...		cảm, mang ý nghĩa triết lí sâu xa, vận dụng sáng tạo ca dao, dân ca...

***HD 4: Vận dụng: 20p)**

Phân tích 1 khổ thơ mà em thích

*** Hướng dẫn tự học (2p)**

- Ôn tập lại kiến thức của các văn bản thơ đã học
- Viết đoạn văn cảm nhận về một đoạn thơ em thích
- Chuẩn bị bài: Làng:
 - + Đọc kĩ văn bản, phân chú thích
 - + Tóm tắt văn bản
 - + Trả lời các câu hỏi phân đọc hiểu

Bảng thống kê các tác phẩm thơ hiện đại Việt Nam

S T T	Tên bài thơ	Tác giả	Năm sáng tác	Thể thơ	Tóm tắt nội dung	Đặc sắc nghệ thuật
1	Đồng chí	Chính Hữu	1948	Tự do	Tình đồng chí của những người lính dựa trên cơ sở cùng chung cảnh ngộ và lí tưởng chiến đấu, được thể hiện thật tự nhiên, bình dị mà sâu sắc.	Chi tiết, hình ảnh, ngôn ngữ giản dị, chân thực, cô đọng, giàu sức biểu cảm.
2	Bài thơ về tiểu đội xe không kính	Phạm Tiến Duật	1969	Tự do	Qua hình ảnh độc đáo - những chiếc xe không kính- khắc hoạ nổi bật hình ảnh những người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn trong thời kì kháng chiến chống Mĩ với tư thế hiên ngang, tinh thần dũng cảm và ý chí chiến đấu giải phóng miền Nam.	Chất liệu hiện thực sinh động, hình ảnh độc đáo; giọng điệu tự nhiên, khoẻ khoắn, giàu tính khẩu ngữ.
3	Đoàn thuyền đánh cá	Huy Cận	1958	Bảy chữ	Những bức tranh đẹp, rộng lớn, tráng lệ về thiên nhiên, vũ trụ và người lao động trên biển	Nhiều hình ảnh đẹp rộng lớn, được sáng tạo bằng liên tưởng

					theo hành trình chuyển ra khơi đánh cá của đoàn thuyền. Qua đó thể hiện cảm xúc về thiên nhiên và lao động, niềm vui trong cuộc sống mới.	và tưởng tượng; âm hưởng khoẻ khoắn, lạc quan.
4	Bếp lửa	Bằng Việt	1963	Kết hợp bảy chữ và tám chữ	Những kỉ niệm đầy xúc động về bà và tình bà cháu, thể hiện lòng kính yêu, trân trọng và biết ơn của cháu đối với bà và cũng là đối với gia đình, quê hương, đất nước.	Kết hợp giữa biểu cảm với miêu tả và bình luận; sáng tạo hình ảnh bếp lửa gắn liền với hình ảnh người bà.
5	Ánh trăng	Ng Duy	1978	Năm chữ	Từ hình ảnh ánh trăng trong thành phố, gợi lại những năm tháng đã qua của cuộc đời người lính gắn bó với thiên nhiên, đất nước bình dị, nhắc nhở thái độ sống tình nghĩa, thủy chung.	Hình ảnh bình dị mà giàu ý nghĩa biểu tượng, giọng điệu chân thành. nhỏ nhẹ mà thâm sâu.

TIẾT 63,64,65	LÀNG	NS: 25/11/2023

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1/ Kiến thức :

- Nhân vật ,sự việc, cốt truyện trong một tác phẩm truyện hiện đại
- Đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm ; sự kết hợp với các yếu tố miêu tả, biểu cảm trong văn bản tự sự hiện đại .
- Tình yêu làng, yêu nước và tinh thần kháng chiến của người nông dân Việt Nam trong thời kháng chiến chống Pháp.

2/ Năng lực

- Năng lực chung: hợp tác, tiếp nhận, giải quyết vấn đề, sử dụng CNTT, sử dụng ngôn ngữ, năng lực tự học,..
- Năng lực chuyên biệt: Đọc – hiểu văn bản truyện Việt Nam hiện đại được sáng tác trong thời kháng chiến chống Pháp; vận dụng kiến thức về thể loại và sự kết hợp các phương thức biểu đạt trong tác phẩm truyện để cảm nhận một tác phẩm tự sự hiện đại.

3/ Phẩm chất

- Lòng yêu quê hương đất nước, tự hào về quê hương đất nước.
- Có ý thức bảo vệ quê hương đất nước

II. CHUẨN BỊ

GV: Chân dung nhà văn, đoạn clip giới thiệu về nhà văn Kim Lân (lấy tư liệu từ nguồn VTV 2), TKBG, phiếu học tập, Sgk.

HS: SGK, vở soạn, sưu tầm tranh ảnh cảnh làng quê Việt Nam.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC

Hoạt động 1: Khởi động. (5phút)

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Nội dung cần đạt
- GV giao nhiệm vụ học tập : +GV trình chiếu cho HS xem 1 số hình ảnh về cảnh làng quê Việt Nam, cảnh người dân đi tản cư, cảnh giặc đốt làng và hình ảnh nhân dân ta quyết tâm chống Pháp. - GV: Em có nhận ra các hình ảnh trên là gì không? Đọc tên cụ thể? Các hình ảnh này có ý	- HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS theo dõi thông tin - HS trao đổi, hợp tác để tìm hiểu và trả lời.	- Hình thức khởi động hợp lí, sáng tạo, gây hứng thú cho HS. - Định hướng được nội dung, chủ đề bài học.

nghĩa gì không? - GV: Theo dõi, hỗ trợ. - GV nhận xét, dẫn vào bài mới và ghi lên bảng tên bài học.	- HS lắng nghe và ghi tên bài học.	
Hoạt động 2: Hoạt động hình thành kiến thức (97')		
Hoạt động của thầy Hoạt động 1: Tìm hiểu chung - Chuyển giao nhiệm vụ học tập + GV trình chiếu đoạn clip giới thiệu về nhà văn Kim Lân (lấy tư liệu từ nguồn VTV 2). - Nêu đôi nét về tác giả ? - Em hãy nêu những hiểu biết của em về hoàn cảnh ra đời của tác phẩm ? - GV chốt ý và cho HS ghi +Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Yêu cầu HS tóm tắt lại truyện. - Yêu cầu học sinh tái hiện hoạt cảnh tác phẩm theo sự phân công ở tiết học trước Hết tiết 1 Hoạt động 2 : Tìm hiểu văn bản * ND 1 : Tình huống truyện - Cho HS nêu tình huống của truyện -Truyện làng đã xây dựng được một tình huống làm bộc lộ sâu sắc tình yêu làng quê và lòng yêu nước ở nhân vật ông Hai. Đó là tình huống nào? Tác dụng ?	Hoạt động của trò - HS thực hiện nhiệm vụ học tập. - HS theo dõi. - HS trình bày - HS nêu hoàn cảnh sáng tác tp. - HS tóm tắt truyện -Thực hiện - HS trả lời - HS đọc đoạn trích -HS thảo luận nhóm và trả lời vào bảng phụ	Nội dung cần đạt I/ Tìm hiểu chung: 1. Tác giả, tác phẩm : <i>a.Tác giả:</i> (1920-2007) -Kim Lân là nhà văn có sở trường về truyện ngắn am hiểu, gắn bó với nông thôn và người nông dân. <i>b. Tác phẩm:</i> Viết năm 1948, là tác phẩm thành công của VHVN viết về h/ảnh người nông dân hồi thời kì đầu CKCTD Pháp. 2. Tóm tắt tác phẩm : (GV trình chiếu nội dung tóm tắt tác phẩm) II/ Tìm hiểu văn bản 1/Tình huống truyện - Ông Hai nghe tin làng chợ Dầu theo giặc → Tạo ra nút thắt của câu chuyện, thể hiện tâm trạng và tính cách của nhân vật 2. Diễn biến tâm trạng của

* ND 2 : - Yêu cầu HS đọc đoạn trích Cho hs thảo luận nhóm 7p, hoàn thành phiếu học tập 1/ Tìm chi tiết nêu diễn biến tâm trạng và hành động của ông Hai trước khi nghe tin làng theo giặc ? 2/ Khi nghe tin làng chợ Dầu theo giặc? 3/ Khi nghe tin làng theo giặc được cải chính? -Các nhóm trình bày, nhận xét - Gv chốt. <i>Tác giả đã khéo léo đặt ông Hai vào một tình huống gay gắt để bộc lộ sâu sắc hơn tình yêu làng yêu nước....</i> -Giải thích tại sao ông Hai lại có tâm trạng như vậy? <i>-Tác giả đặt nhân vật vào tình huống thử thách bên trong để bộc lộ chiều sâu tâm trạng</i> - Ông Hai đã bị đẩy vào tình thế bế tắc, tuyệt vọng khi mục chủ nhà muốn đuổi gia đình ông đi. <i>“Về làng thì quay lại làm nô lệ cho thằng Tây, không về thì không ai chứa chấp”.</i> <i>-Trong tâm trạng bị dồn nén và bế tắc ấy, ông chỉ còn biết trút nỗi lòng của mình vào những lời thủ thỉ tâm sự với đứa con nhỏ còn rất ngây thơ</i> - Cho HS đọc lại đoạn ông Hai trò chuyện với đứa con	- HS trả lời -Ông tâm sự để giải bày tâm sự , để <i>mình tự mình oan cho mình</i> (NT miêu tả tâm lý NV) -Tình yêu làng yêu nước hòa quyện vào nhau song vẫn đặt tình yêu nước lên trên tình yêu làng. <i>Đó cũng chính là sự chuyển biến mới</i> trong người nông dân thời chống Pháp -Trả lời cá nhân	ông Hai: a. Trước khi nghe tin làng theo giặc : + <i>Khoe làng Chợ Dầu</i> + <i>Muốn được về làng, muốn được cùng anh em đào hào đắp ụ.</i> →Yêu, tự hào và nhớ làng da diết. + <i>Mong nắng làm cho thằng Tây chết mệt.</i> + <i>Vui mừng, phấn khởi trước những thắng lợi của ta</i> + <i>Ruột gan ông cứ múa cả lên, vui quá!</i> →Quan tâm đến kháng chiến. → Người nông dân chất phác, yêu làng, tự hào trước thành quả CM. b. <u>Khi nghe tin làng theo giặc</u> * Lúc ở quán nước: Bàng hoàng, sững sờ: <i>Cổ họng ông lão nghẹn ắng, da mặt tê rân rân.</i> * Về đến nhà : -Tủi nhục, dằn vặt. -Nỗi sợ biến thành nỗi ám ảnh. Nghệ thuật kể và tả sinh động, diễn tả nỗi đau đớn xót xa, tủi hổ khi nghe tin làng theo giặc. c/Khi nghe tin làng theo giặc được cải chính: ông vui vẻ trở lại, đi khoe khắp nơi, khoe cả cái tin nhà mình bị cháy =>Tình yêu làng yêu nước

- Tâm lí nhân vật được thể hiện qua những phương châm nào?

- HS ghi bài

- Đoạn trích thể hiện tình cảm yêu làng, tình thân yêu nước của người nông dân trong thời kì chống thực dân

-Diễn biến tâm lí của nhân vật có hợp lí không? - GV nhận xét, chốt ý và ghi bảng		Pháp .
Hoạt động 3: Luyện tập (10phút)		
Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Nội dung cần đạt
+ Chuyển giao nhiệm vụ học tập: Trong thời gian 1 phút, HS trả lời nhanh các câu: Câu 1: Tác phẩm “Làng” được viết theo thể loại nào ? <i>Truyện ngắn</i> Câu 2: Văn bản “Làng” được kể theo ngôi thứ ba, đúng hay sai ? <i>Đúng.</i> Câu 3: Những phương thức biểu đạt được sử dụng trong văn bản “Làng” là gì? <i>Kết hợp giữa tự sự, biểu cảm và bình luận.</i> Câu 4: Nhân vật chính trong truyện là ai? <i>Ông Hai</i> Câu 5: Tình cảm thể hiện trong văn bản là tình cảm gì? <i>Tình yêu làng yêu nước.</i> Câu 6: Văn bản viết về hình ảnh người nông dân thời kì nào? <i>KC chống Pháp.</i> Câu 7: Tác giả của văn bản <i>Làng</i> là ai? <i>Kim Lân</i> Câu 8: Làng được nhắc đến trong văn bản có tên là gì? <i>Chợ Dầu</i> Câu 9: Ông Hai là hình ảnh tiêu biểu của ai? <i>Người nông dân thời chống Pháp</i> - GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương.	HS thực hiện nhiệm vụ học tập: - Suy nghĩ, đưa ra các phương án đúng dựa trên kiến thức đã lĩnh hội. - HS nghe, lĩnh hội	
Hoạt động 4: Hoạt động vận dụng (15phút)		
Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Nội dung cần đạt
+ Chuyển giao nhiệm vụ học tập <i>Viết đoạn văn ngắn 7-10 câu nêu suy nghĩ của em về nhân vật ông Hai trong truyện ngắn “Làng” của Kim Lân?</i> - Theo dõi, hỗ trợ cho HS. Sau đó cho HS xung phong trình	HS thực hiện nhiệm vụ học tập: - HS đọc câu hỏi luyện tập. - Mỗi cá nhân HS tự suy nghĩ viết đoạn văn.	- HS vận dụng kiến thức để viết đoạn văn đúng yêu cầu.

bày kết quả của mình - GV nhận xét, đánh giá		
Hoạt động 5: Hoạt động tìm tòi - mở rộng (5')		
Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Nội dung cần đạt
+ Chuyển giao nhiệm vụ học tập : Em có nhớ truyện ngắn hay bài thơ nào viết về tình cảm quê hương, đất nước? Hãy nêu nét riêng của truyện ngắn “Làng” so với những tác phẩm ấy? - Theo dõi, hỗ trợ cho HS. - Yêu cầu HS trả lời - GV nhận xét, đánh giá	HS thực hiện nhiệm vụ học tập: - HS trình bày theo ý riêng của cá nhân - HS nhận xét, bổ sung	- HS biết tìm tòi, mở rộng sự hiểu biết của mình

*** Hướng dẫn tự học (3')**

- Học bài. Luyện viết đoạn văn phân tích nhân vật ông Hai trong truyện “Làng” của Kim Lân.
- Nhớ một số chi tiết nghệ thuật đặc sắc miêu tả tâm trạng nhân vật ông Hai trong truyện
- Tiết sau học: Lặng lẽ Sa Pa:
- + Tìm hiểu một số thông tin về Sa Pa
- + Đọc kĩ văn bản, tóm tắt văn bản
- + Trả lời các câu hỏi phân đọc hiểu

TUẦN 14

TIẾT 66,67 Lặng lẽ Sa Pa

TIẾT 68: Đối thoại, độc thoại, độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự

TIẾT 66,67	LẶNG LẼ SA PA	NS: 1/12/2023

I.MỤC TIÊU

1.Kiến thức:

- Có hiểu biết thêm về tác giả và tác phẩm truyện Việt Nam hiện đại viết về những người lao động mới trong thời kì kháng chiến chống Mỹ cứu nước
- Vẻ đẹp của hình tượng con người thâm lặng cống hiến quên mình vì Tổ quốc trong tp.
- Nghệ thuật kể chuyện, miêu tả sinh động, hấp dẫn trong truyện

2.Kĩ năng:

- Nắm bắt diễn biến truyện và tóm tắt được truyện
- Phân tích được nhân vật trong tác phẩm tự sự
- Cảm nhận được một số chi tiết nghệ thuật độc đáo trong tác phẩm

3. Năng lực:

- Tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, tiếp nhận, hợp tác, sử dụng CNTT, sử dụng ngôn ngữ.

4. Phẩm chất: Tự tin, tự chủ.

II.CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên:

- Chân dung tác giả Nguyễn Thành Long
- Tập truyện “*Giữa trong xanh*”.
- Tranh ảnh về Sa Pa
- Tìm hiểu kĩ văn bản, chuẩn kiến thức, soạn bài
- Hướng dẫn HS chuẩn bị bài
- TKBG, phiếu học tập

2. Học sinh:

- Soạn bài theo định hướng của SGK và sự hướng dẫn của GV
- Đọc truyện, tìm hiểu về Sa Pa

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC

1.Khởi động (5p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Cho hs quan sát 1 số hình ảnh về Sa Pa ->Hs nêu cảm nhận ->Dẫn vào bài		

2. Hình thành kiến thức (65p)

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (65 phút)		
Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung GV: Giao nhiệm vụ học tập cho HS: - GV gọi HS đọc (*). <i>Đọc và soạn bài ở nhà, hãy nêu những nét chính về tác giả?</i> - GV gọi HS đọc văn bản HD đọc, kể: Giọng đọc chậm, cảm xúc, lắng sâu, kết hợp kể tóm tắt với đọc. - GV gọi HS tóm tắt truyện. <i>Em hãy xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản? Phân chia bố cục, nội dung chính của mỗi đoạn?</i> GV: Nhận xét, bổ sung, định hướng, chốt ý.	HS thực hiện nhiệm vụ: - HS đọc -HS đọc VB. - HS kể truyện. -HS trao đổi, thống nhất và trả lời. - Lớp nhận xét, bổ sung.	I. Đọc và tìm hiểu chung: 1.Tác giả: - Quê ở Quảng Nam. - Ông là cây bút chuyên về truyện ngắn và kí. - Trưởng thành viết văn từ kháng chiến chống Pháp. 2.Tác phẩm: - 1970. Một chuyến đi chơi Lào Cai của tác giả. - Rút từ tập “<i>Giữa trong xanh</i>”(1972). - Đọc và kể tóm tắt - Phương thức biểu đạt: Tự sự - Bố cục: Chia 3 đoạn a. Bác lái xe giới thiệu với họa sĩ già và cô kĩ sư - một trong những người cô độc nhất thế gian. - b.Cuộc gặp gỡ và trò chuyện giữa anh thanh niên và bác họa sĩ, cô kĩ sư. - c.Anh thanh niên chia tay cùng nhà họa sĩ và cô kĩ sư trẻ
Hoạt động 2: Đọc hiểu văn bản Nội dung 1: Tình huống truyện GV: Giao nhiệm vụ học tập cho	HS thực hiện	II. Đọc hiểu văn bản: 1. Tình huống truyện: - Cốt truyện rất đơn giản.

HS: <i>Truyện được kể ở ngôi thứ mấy?</i> <i>Nhận xét về cốt truyện và tình huống cơ bản của truyện ngắn “LLSP”.</i> - GV: Định hướng và chốt ý. -GV: Yêu cầu HS theo dõi phân đầu và phần cuối đoạn trích: <i>Tìm, phát hiện các chi tiết miêu tả cảnh thiên nhiên của Sa pa ?Em nhận xét gì về cảnh thiên nhiên ở đây?Đưa các chi tiết này vào đầu truyện và cuối truyện là tác giả đã có dụng ý gì ?</i> GV: Bổ sung và chốt ý. Nội dung 2: Hiểu về các nhân vật ở Sa Pa. GV <i>Theo lời tác giả, truyện ngắn này là “một bức chân dung” – chân dung nhân vật anh thanh niên , nhân vật được hiện lên ở một số nét đẹp, nhưng chưa được xây dựng thành một tính cách hoàn chỉnh và hầu như chưa có cá tính.</i> Giao nhiệm vụ: *Thảo luận nhóm 5p, hoàn thành phiếu học tập Tìm những chi tiết trong truyện giới thiệu anh thanh niên: Tuổi tác? Nơi sống và làm việc? anh làm công việc gì? Trong hoàn cảnh như thế nào? Nêu nhận xét về điều đó? Sức mạnh nào đã giúp anh vượt qua được hoàn cảnh ấy?	nhiệm vụ: -HS trao đổi, phát hiện và trả lời - HS suy nghĩ, thảo luận và trả lời. - PT nhân vật anh thanh niên Thảo luận, tìm những chi tiết giới thiệu về anh thanh niên -Trình bày -Theo dõi, nhận xét, bổ sung	- Tình huống: cuộc gặp gỡ tình cờ của mấy người khách trên chuyến xe với người thanh niên làm công tác khí tượng trên đỉnh cao Yên Sơn ở Sa Pa. 2. Bức tranh thiên nhiên ở Sa pa - Đây chất hội họa - Có hồn → Đẹp, thơ mộng, trữ tình. 3. Các nhân vật trong đoạn trích: a. Nhân vật anh thanh niên: - Anh là nhân vật chính. - Hoàn cảnh: Đặc biệt. - Công việc : Công tác khí tượng kiêm vật lí địa cầu phục vụ cho sản xuất, chiến đấu. Công việc cần sự tỉ mỉ, chính xác→ vất vả và khó khăn.

- Trong cuộc gặp gỡ của anh thanh niên với ông họa sĩ và cô kĩ sư, ta còn thấy anh thanh niên có những nét đẹp phẩm chất nào? <i>Gợi ý</i> +Ngôi nhà anh ở +<i>Qua cách nói chuyện, cách tiếp khách, hái hoa, tặng làn trứng?</i> +<i>Từ chối, không muốn bác họa sĩ vẽ mình</i> Tóm lại có thể khái quát về nhân vật anh thanh niên như thế nào? <i>(Đó là một trong những con người lao động trẻ tuổi, làm công việc bình thường, lặng lẽ mà vô cùng cần thiết, có ích cho nhân dân, đất nước, cho cuộc chiến đấu vì độc lập của dân tộc, dưới bầu trời Sa Pa lặng lẽ, trên đỉnh núi Sa Pa mây phủ, đẹp tuyệt vời)</i> Nhân vật ông họa sĩ đóng vai trò gì trong truyện? Tình cảm và thái độ của ông khi tiếp xúc và trò chuyện với anh thanh niên? <i>(Người kể chuyện đã nhập vai cái nhìn và suy nghĩ của nhân vật ông họa sĩ. Ngay từ phút đầu gặp anh thanh niên ông đã xúc động và bối rối. “Vì họa sĩ đã bắt gặp ...ý sáng tác”. Muốn ghi lại hình ảnh anh thanh niên bằng nét bút kí họa và “người con trai ấy...anh suy nghĩ”).</i> Em có nhận xét gì về nhân vật cô kĩ sư trẻ?. Cuộc gặp gỡ ấy đã để lại cho cô những ấn tượng, tình cảm gì? Đưa nhân vật cô kĩ sư vào truyện có tác	- HS trao đổi, thảo luận theo nhóm nhỏ, phát hiện ý, trả lời Lớp bổ sung, nhận xét. - Thảo luận nhóm 2 bạn - Trả lời -Theo dõi, nhận xét, bổ	- Vẻ đẹp của anh thanh niên : + Yêu nghề, say mê với công việc, ý thức trách nhiệm cao + Cởi mở, chân tình, hiếu khách, biết quan tâm đến mọi người. + Ngăn nắp, lạc quan yêu đời + Khiêm tốn. → Là người có phong cách, lối sống, suy nghĩ đẹp. Đó là vẻ đẹp của sự giản dị, chân thành và giàu lí tưởng, tiêu biểu cho lớp trẻ VN thời kì mới. b.Nhân vật ông họa sĩ: Sâu sắc, tinh tế, giàu vốn sống và thiết tha với những vẻ đẹp cuộc đời và khao khát sáng tạo. c. Nhân vật cô kĩ sư: Sâu sắc, kín đáo, nhạy cảm, khao khát cống hiến. d. Nhân vật bác lái xe: Vui tính, cởi mở, nhân hậu. e. Ông kĩ sư ở vườn rau Sa

dụng gì? Thiếu nhân vật bác lái xe, câu chuyện sẽ ra sao? Em có nhận xét gì về những nhân vật ông kĩ sư vườn rau, anh cán bộ nghiên cứu sét? Từ những nhân vật qua cách miêu tả của tác giả giúp em hiểu được điều gì về họ ? GV: Nhận xét, định hướng và chốt ý.	sung	Pa, anh cán bộ nghiên cứu sét. - Sống và làm việc lặng lẽ, cô độc mà say mê quên mình vì công việc, vì mọi người. * Họ là những người lao động bình thường nhưng đáng quý. Họ đã âm thầm, lặng lẽ cống hiến hết mình cho Tổ quốc.
Hoạt động 3: Tổng kết bài học GV: Giao nhiệm vụ học tập cho HS <i>Nghệ thuật của văn bản ?</i> <i>Ý nghĩa văn bản ?</i> -GV : Khái quát lại nội dung bài vừa tìm hiểu - GV gọi HS đọc ghi nhớ	HS thực hiện nhiệm vụ: HS khái quát lại nghệ thuật HS nêu ý nghĩa văn bản	III. Tổng kết: 1. Nghệ thuật: - Tạo tình huống truyện tự nhiên, tình cờ, hấp dẫn - Xây dựng đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm - Nghệ thuật tả cảnh thiên nhiên đặc sắc: Miêu tả nhân vật với nhiều điểm nhìn - Kết hợp giữa kể với tả và nghị luận - Tạo tính chất trữ tình trong tác phẩm truyện 2. Ý nghĩa văn bản :Thể hiện niềm yêu mến đối với những con người có lẽ sống cao đẹp đang lặng lẽ quên mình cống hiến cho Tổ quốc * Ghi nhớ: (SGK -189)

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (7 phút)		
GV: Chuyển giao nhiệm vụ học tập Câu 1: Văn bản Lặng lẽ Sa Pa của tác giả nào? A. Kim Lân B. Bằng Việt C. Nguyễn Duy D. Nguyễn Thành Long Câu 2: Phương thức biểu đạt chính của văn bản là? A. Tự sự B. Miêu tả. C. Thuyết minh. D. Nghị luận Câu 3: Ai là nhân vật chính của truyện " Lặng lẽ Sa Pa"? A. Bác lái xe. B. Ông họa sĩ . C. Cô kĩ sư. D. Anh thanh niên. Câu 4: Những sự việc nào không được kể từ nơi ở của anh thanh niên khi anh tiếp khách? A. Anh t.niên hái hoa trong vườn tặng cô gái. B. Anh thanh niên giới thiệu với ông họa sĩ về công việc và bày tỏ suy nghĩ của mình C. Anh thanh niên mời mọi người nghỉ lại đêm để cùng anh tâm sự. D. Anh thniên giới thiệu những gương người lao động trên Sa Pa mà anh ngưỡng mộ. 5. Anh thanh niên được giới thiệu là người:	HS thực hiện nhiệm vụ học tập: - HS suy nghĩ, tích hợp , lựa chọn các phương án đúng dựa trên kiến thức đã lĩnh hội. - HS trả lời cá nhân, lớp bổ sung.	IV. Luyện tập: - HS chọn đúng các câu hỏi: Câu 1: D Câu 2: A Câu 3: D. Câu 4: C

A. Yêu nghề, coi mở, say mê công việc B. Hiếu khách, khiêm tốn C. Cả A,B đều đúng. →GV: Nhận xét, đánh giá, tuyên dương		
HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, TÌM TÒI MỞ RỘNG (10 phút)		
Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
GV: Giao nhiệm vụ học tập cho HS GV: Yêu cầu các tổ làm việc: Viết đoạn văn khoảng từ 60- 80 chữ trình bày cảm nhận về nhân vật anh thanh niên trong tác phẩm? GV: Nhận xét, đánh giá, tuyên dương	HS thực hiện nhiệm vụ: - Các tổ tiến hành theo yêu cầu của GV. - Đại diện trình bày. - Lớp nhận xét, đánh giá qua lại với nhau	

4. Hướng dẫn tự học (3 phút)

- Hiểu được chân dung con người mới mà nhà văn muốn ngợi ca.
- Đọc diễn cảm tác phẩm
- Tóm tắt truyện
- Viết một đoạn văn ghi lại cảm nhận về một vài chi tiết nghệ thuật mà bản thân thích nhất
- Tiết sau học: Đối thoại, độc thoại, độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự

TIẾT 68	ĐỐI THOẠI, ĐỘC THOẠI, ĐỘC THOẠI NỘI TÂM TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ	NS: 1/12/2023

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

1/Kiến thức :

- Đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự.
- Tác dụng của việc sử dụng đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự.

2/ Năng lực :

+ **Năng lực chung:** hợp tác, tiếp nhận, sử dụng CNTT, sử dụng ngôn ngữ, năng lực tự học,..

+Năng lực chuyên biệt

- Phân biệt được đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm
- Phân tích được vai trò của đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự.

3/ Phẩm chất :

- Có thái độ tôn trọng, lịch sự trong giao tiếp.

II. CHUẨN BỊ:

- GV : Bảng phụ, TKBG, SGK
- HS : Bảng nhóm, chuẩn bị 1 số tình huống giao tiếp giữa 2 hoặc nhiều người với nhau.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động 1: Khởi động (3phút)

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Nội dung cần đạt
GV giao nhiệm vụ học tập : +GV gọi 1 HS đứng dậy và tạo ra tình huống : (VD như sau) GV: Sáng nay, em đến lớp lúc mấy giờ ? HS : Dạ thưa cô, em đến lớp lúc 6h45' ạ. GV : Vậy em đã ăn điểm tâm buổi sáng chưa ? HS : Dạ rồi ạ. + GV tiếp tục tạo ra tình huống	- HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS theo dõi thông tin	- Hình thức khởi động hợp lí, sáng tạo, gây hứng thú cho HS. - Định hướng được nội dung, chủ đề bài học.

thứ 2 như sau : GV bước ra trước cửa lớp nhìn ra sân trường và cất tiếng nói : Chao ôi, hôm nay trời mưa to quá ! Sau đó GV quay vào lớp và đặt câu hỏi: - Ở tình huống thứ 1 có mấy người tham gia giao tiếp ? Ở tình huống thứ 2, có mấy người đang giao tiếp ? Từ đó gợi dẫn cho HS đi vào bài học. GV ghi lên bảng tên bài học.	- HS trao đổi, hợp tác để tìm hiểu và trả lời. - HS lắng nghe và ghi tên bài học.	
Hoạt động 2: Hoạt động hình thành kiến thức (22')		
Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Nội dung cần đạt
*Hoạt động 1: Tìm hiểu chung + Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Gọi HS đọc đoạn văn, thảo luận nhóm rồi trả lời : +Trong 3 câu đầu đoạn trích, ai nói với ai? Dấu hiệu nào cho ta thấy đó là một cuộc trò chuyện trao đổi qua lại? - Câu “Ha, nắng gấm, về nào...”, ông Hai nói với ai? - Đây có phải là một câu đối thoại không ? Vì sao? -Trong đoạn còn có câu nào kiểu này không? Hãy chỉ ra các	- HS thực hiện nhiệm vụ học tập : - HS đọc đoạn văn - HS thảo luận nhóm - HS trả lời HS suy nghĩ trả lời : - Đó chỉ là một lời độc thoại.	I. Tìm hiểu chung : * Đối thoại, độc thoại, độc thoại nội tâm là ngôn ngữ của nhân vật, là những hình thức quan trọng để thể hiện nhân vật trong tp tự sự. - Đối thoại là hình thức đối đáp, trò chuyện giữa 2 hay nhiều người . Trong VBTS đối thoại được thể hiện bằng các gạch đầu dòng ở đầu lời trao và lời đáp (mỗi lượt lời

câu đó? - Những câu như: “Chúng nó cũng là... tuổi đầu” là những câu ai hỏi ai? -Tại sao trước những câu này không có gạch đầu dòng như những câu đã nêu ở điểm a và b? - Các hình thức diễn đạt trên có tác dụng như thế nào trong việc thể hiện diễn biến của câu chuyện và thái độ của những người tán cư trong buổi trưa ông Hai gặp họ? Đặc biệt nó giúp nhà văn thể hiện thành công những diễn biến tâm lí của nhân vật ông Hai như thế nào? - GV nhận xét - GV chốt ý và ghi bảng * Hoạt động 2 : Cho ví dụ + Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Gọi 2 HS tạo ra tình huống giao tiếp. - HS thảo luận nhóm nhận xét tình huống giao tiếp của bạn có sử dụng đối thoại, độc thoại hay độc thoại nội tâm không ? Hãy chỉ ra cụ thể ? - GV nhận xét, tuyên dương	Ngoài ra còn có một số câu: <i>“Chúng bay ăn miếng cơm...này!”.</i> - ông Hai nói với chính mình. âm thầm diễn ra trong suy nghĩ và tình cảm của ông Hai. - Chúng là những câu độc thoại nội tâm. - HS thảo luận nhóm và nêu - là làm cho câu chuyện sinh động hơn. - HS tổng hợp thành mục ghi nhớ. - HS thực hiện nhiệm vụ học tập : - HS thảo luận và trình bày kết quả.	là 1 lần gạch đầu dòng) - Độc thoại là lời của 1 người nào đó nói với chính mình hoặc nói với 1 ai đó trong tưởng tượng.Trong VBTS khi người độc thoại nói thành lời thì phía trước câu nói có gạch đầu dòng còn khi không thành lời thì không có gạch đầu dòng .Trường hợp sau gọi là độc thoại nội tâm VD : A : Bạn làm bài tập Toán chưa ? B : Hôm qua, tớ đi về quê với mẹ. → A và B đã sử dụng đối thoại

	- HS nghe và ghi ví dụ vào vở	
Hoạt động 3: Luyện tập và vận dụng (10phút)		
Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Nội dung cần đạt
+Chuyển giao nhiệm vụ học tập : - Gọi HS đọc bài tập 1. - Phân tích tác dụng của hình thức đối thoại trong đoạn trích? - GV nhận xét, tuyên dương Bài 2: Cho HS viết một đoạn văn kể chuyện theo đề tài tự chọn trong đó sử dụng cả hình thức đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm. - Gọi HS khác nhận xét. - GV nhận xét, tuyên dương	HS thực hiện nhiệm vụ học tập : - HS đọc bt - HS thực hiện và trình bày (HS giỏi,khá) - HS thực hiện viết đoạn văn và trình bày trước lớp. - HS nhận xét, bổ sung - HS nghe rút kinh nghiệm	II. <u>Luyện tập</u> : 1. <u>Bài 1</u> : Đây là cuộc đối thoại diễn ra không bình thường giữa hai vợ chồng ông Hai. Có 3 lượt lời trao (lời bà Hai) nhưng chỉ có 2 lời đáp. Lời thoại đầu của bà, ông Hai không đáp lại nằm rũ ra ở trên giường không nói gì”, câu hỏi thứ 2 của bà Hai được ông “khẽ nhúc nhích” đáp lại chỉ 1 từ “gì”. Lần thứ 3 ông chỉ đáp lại 1 câu cụt lủn, giọng gắt lên: “Biết rồi!”. Tái hiện lại cuộc đối thoại này, tác giả đã làm nổi bật được tâm trạng chán chường, buồn bã, đau khổ và thất vọng của ông Hai. 2. <u>Bài 2</u> : - HS viết đoạn văn tự sự có sử dụng cả hình thức đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm.
Hoạt động 4: Tìm tòi – mở rộng (5’)		
Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Nội dung cần đạt
+Chuyển giao nhiệm vụ học tập :	HS thực hiện nhiệm vụ	- HS biết tìm

Câu 1 : Hãy tìm 1 số đoạn văn có sử dụng đối thoại, hoặc độc thoại, hoặc độc thoại nội tâm ? Hãy xác định lời đối thoại, hoặc độc thoại, hoặc độc thoại nội tâm đó ? Câu 2 : Tự tạo ra tình huống giao tiếp có sử dụng đối thoại và độc thoại ? - GV nhận xét, đánh giá	học tập : - HS trình bày theo ý riêng của cá nhân - HS nhận xét, bổ sung - HS nghe, học tập	tò, mở rộng sự hiểu biết của mình

Hướng dẫn tự học và dặn dò (2')

- Học bài. Về nhà viết hoàn chỉnh lại bài tập số 2 vào vở bài tập.
- Liên hệ thực tế việc sử dụng đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm và rút ra bài học sử dụng .
- Chuẩn bị Ôn tập tiếng Việt:
 - + Thống kê lại các bài tiếng Việt đã học.
 - + Hệ thống lại các kiến thức

TIẾT 69-70: ÔN TẬP TIẾNG VIỆT
TIẾT 71-72-73: CHIẾC LƯỢC NGÀ
TIẾT 74-75 (BÙ CHẠM): LUYỆN NÓI: TỰ SỰ KẾT HỢP VỚI NGHỊ LUẬN VÀ MIÊU TẢ NỘI TÂM

TIẾT 69,70	ÔN TẬP TIẾNG VIỆT (TT)	NS: 9/12/2022 ND: 13/12/2022

I. Mục tiêu bài học

1. Kiến thức: Giúp HS nắm vững một số nội dung phần Tiếng Việt đã học ở HKI: Các phương châm hội thoại, lời dẫn trực tiếp, lời dẫn gián tiếp.

2. Năng lực:

+ Năng lực chung: tiếp nhận, thảo luận, phân tích, trình bày

+ Năng lực chuyên biệt: Khái quát một số kiến thức tiếng Việt đã học về phương châm hội thoại, xưng hô trong hội thoại, lời dẫn trực tiếp, lời dẫn gián tiếp.

3. Phẩm chất: nâng cao ý thức sử dụng thành thạo các nội dung trên trong nói và viết.

*Tích hợp: Với các nội dung TV đã học.

II. Chuẩn bị:

GV: nội dung kiến thức về các pch hội thoại, cách dẫn trực tiếp, cách dẫn gián tiếp. KHBG

HS: soạn bài.

III. Tiến trình tổ chức các hoạt động:

1. Khởi động: (5 p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
- Cho học sinh xem chuyện cổ tích: “con quạ khoác lác” - GV: em hãy cho biết con quạ và cả con trâu đã vi phạm phương châm hội thoại nào? - GV giới thiệu vào nội dung ôn tập - GV: Ghi đề bài: Ôn tập phần tiếng Việt.	- Hs xem - HS trả lời	

2. Hình thành kiến thức (30 p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
*Hoạt động 1: - GV hướng dẫn HS ôn lại nội dung các phương châm hội thoại đã học. <i>Giao nhiệm vụ</i> - Chúng ta đã học những phương châm hội thoại nào? - Nêu nội dung của các phương châm hội thoại đã học? - Kể 3 truyện cười (sgv) và hỏi HS về phương châm hội thoại nào đã bị vi phạm. - Hãy kể một tình huống giao tiếp trong đó có một hoặc một số phương châm hội thoại nào đó không được tuân thủ? <i>Lắng nghe, nhận xét, chuẩn kiến thức</i> Chuyển ý <i>Giao nhiệm vụ:</i> -Nhắc lại cách dẫn TT, dẫn GT?	<i>Thực hiện nhiệm vụ học tập</i> - HS quan sát sơ đồ ở SGK, tr. 190. - Phương châm về lượng - Phương châm về chất - Phương châm quan hệ - Phương châm cách thức - Phương châm lịch sự. + Trình bày từng nội dung + Kể tên các truyện cười: “<i>Lợn cưới áo mới; có nuôi được không...</i>” +Kể tình huống, nhận xét. <i>Thực hiện nhiệm vụ học tập</i> -Nhắc lại các khái niệm (<i>Hđ cá nhân</i>) <i>Hoạt động nhóm:</i>	I. Các phương châm hội thoại: - Phương châm về lượng - Phương châm về chất - Phương châm quan hệ - Phương châm cách thức - Phương châm lịch sự. II. Cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp:

-Chỉ ra điểm giống và khác nhau giữa dẫn trực tiếp và dẫn gián tiếp? - Hướng dẫn HS đọc đoạn trích tr. 191 và chuyển những lời đối thoại trong đoạn trích thành lời dẫn gián tiếp.	-Phân biệt dẫn TT, GT (<i>Bảng phụ</i>). - Chuyển lời đối thoại thành lời dẫn gián tiếp: Thay: + tôi => nhà vua + chúa công => vua Quang Trung. + đây => (tỉnh lược) + bây giờ => bấy giờ	

***HD 3 LUYỆN TẬP (35p)**

Trình chiếu nội dung bài tập 1.Cho biết những tình huống sau liên quan đến PCHT nào a.Mẹ em là giáo viên dạy học b.Trâu là loài gia súc nuôi trong nhà c.Ông nói gà bà nói vịtd.Dây cà ra dây muống e. Lời chào cao hơn mâm cỗ f.Ăn không nói có, ăn ốc nói mò. 2. Giải thích những thành ngữ sau và cho biết thành ngữ đó vi phạm hay tuân thủ PCHT nào? a. Hứa hươu hứa vượnb. Cãi chày cãi cối. c. Trông đánh xuôi kèn thổi ngược d. Điều nặng tiếng nhẹ. <i>Giao nhiệm vụ: trả lời các câu hỏi vào bảng nhóm</i>	<i>Thực hiện nhiệm vụ học tập</i> Thảo luận nhóm 4 Ghi kết quả vào bảng nhóm Cử đại diện trình bày Lắng nghe, góp ý bổ sung HS tham gia trò chơi theo hình thức tiếp sức: -Hội ý: 03 p để tìm ra những trường hợp có lời dẫn TT	III. Luyện tập 1.Bài tập 1 a,b. PC về lượng c. PC quan hệ d. PC cách thức e. PC lịch sự f. PC về chất 2.Bài tập 2 a. Hứa cho có mà không thực hiện: vi phạm PC về chất b. Cãi chày cãi cối cho bằng được mà không có lí lẽ vi phạm PC về chất

<i>Theo dõi giúp đỡ</i> <i>Lắng nghe HS trình bày, nhận xét, chiếu đáp án.</i> 3.Bài tập 3: <i>Hướng dẫn HS chơi trò thách đố nhau:</i> Chia lớp thành 02 đội. Trong thời gian 10p, các đội lần lượt đưa ra những tình huống có sử dụng lời dẫn trực tiếp, yêu cầu đội bạn chuyển sang cách dẫn gián tiếp, đồng thời chuyển những lời dẫn TT của đối phương sang GT. Đội nào có nhiều đáp án hơn sẽ thắng	-Các thành viên lần lượt vừa đưa ra thách đố, vừa giải câu đố của đội bạn.	c. Mỗi người làm một việc không liên quan gì đến nhau, không đem lại kết quả gì. vi phạm PC quan hệ e. Nói nặng nề, chì chiết, trách móc: vi phạm PC lịch sự. 3.Bài tập 3 <i>Trò chơi</i>

*** HĐ 4. VẬN DỤNG: (17 p)**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
- Yêu cầu HS viết đoạn văn có sử dụng lời dẫn TT và trình bày trước lớp. - GV nhận xét đánh giá, ghi điểm	-Viết đoạn văn	

*** Hướng dẫn tự học: (3 p)**

- Hệ thống lại kiến thức
- Tiết sau học: Chiếu lược ngà:
 - + Đọc kĩ văn bản, phần chú thích
 - + Tóm tắt văn bản
 - + Trả lời các câu hỏi phần đọc hiểu

TIẾT 71-72-73	CHIẾC LƯỢC NGÀ	NS:8/12/2023

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức:

- Nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong một đoạn truyện *Chiếc lược ngà*.
- Tình cảm cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh.
- Sự sáng tạo trong nghệ thuật xây dựng tình huống truyện, miêu tả tâm lí nhân vật.

2. Năng lực

+ Năng lực chung:

- Năng lực hợp tác: Thảo luận nhóm để hiểu nội dung văn bản
- Năng lực giải quyết vấn đề
- Năng lực tiếp nhận: đọc hiểu văn bản tự sự...
- Năng lực sử dụng CNTT
- Năng lực sử dụng ngôn ngữ để trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về tình cảm cha con sâu nặng giữa ông Sáu và bé Thu trong hoàn cảnh chiến tranh éo le, khốc liệt.
- Năng lực tự học.

+ Năng lực chuyên biệt:

- Đọc – hiểu văn bản truyện hiện đại sáng tác trong thời kì kháng chiến chống Mỹ cứu nước.
- Vận dụng kiến thức về thể loại và sự kết hợp các phương thức biểu đạt trong tác phẩm tự sự để cảm nhận một văn bản truyện hiện đại.

3. Phẩm chất:

- Yêu gia đình, quê hương, đất nước.
- Có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng, đất nước, nhân loại.
- Tự tin, tự trọng.
- Có ý thức về trách nhiệm, nghĩa vụ của công dân đối với tổ quốc.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên:

- TKBG, sgk, phiếu bài tập, câu hỏi thảo luận.
- Tranh, ảnh về những cuộc chiến tranh khốc liệt.

2. Học sinh:

- Đọc bài, soạn bài, tóm tắt được tác phẩm.
- Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà như sưu tầm một số tranh ảnh, bài hát, thơ, bộ phim, câu chuyện về tình cảm cha con, đóng vai tác phẩm

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1/ Khởi động (5 phút)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
- GV giao nhiệm vụ học tập Cho HS xem đoạn MV âm nhạc “ Cha và con gái” – Thùy Chi về tình phụ tử. Yêu cầu Hs nêu cảm nhận của mình về tình cảm ấy. GV nhận xét, chốt ý và liên hệ bài học	- HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS xem video, trao đổi, hợp tác để tìm hiểu và trả lời. - HS nêu cảm nhận - HS lắng nghe và ghi tên bài học.	- Hình thức khởi động hợp lí, sáng tạo, gây hứng thú cho HS. - Định hướng được nội dung, chủ đề bài học.

2/ Hình thành kiến thức (100 phút)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1: Đọc-Tìm hiểu chung văn bản - GV chuyển giao nhiệm vụ học tập -Cho học sinh đọc phần chú thích *, hướng dẫn đọc và đọc mẫu văn bản. -Trình bày những hiểu biết của em về nhà văn Nguyễn Quang Sáng? -Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm “Chiếc Lược Ngà”? -Tóm tắt đoạn trích với những ý chính ngắn gọn -Cho biết tình huống nào đã bộc lộ sâu sắc và cảm động tình cha con của ông Sáu và bé Thu? <i>Vì chiến tranh 2 cha con anh Sáu xa cách nhau 8 năm, nhưng thật trở trêu là lúc</i>	HS thực hiện nhiệm vụ học tập: -Di chuyển đến điểm hẹn. -Thảo luận đôi bạn, thực hiện các nhiệm vụ học tập GV vừa giao	I. Đọc và tìm hiểu chung: 1.Tác giả, tác phẩm: a)Tác giả: -Quê ở An Giang, là nhà văn quân đội -Thường viết về cuộc sống và con người Nam Bộ. b) Tác phẩm: - Viết 1966, khi tác giả hoạt động ở chiến trường Nam

<i>gặp lại, bé Thu không nhận ra cha. Đến lúc em nhận ra và biểu lộ tình cảm thì ông Sáu lại phải ra đi.</i> -Cho hs tái hiện lại tác phẩm qua phần đóng vai đã phân công chuẩn bị Hết tiết 1 Hoạt động 2: Tìm hiểu nội dung văn bản. Nội dung 1 : Tìm hiểu và phân tích diễn biến tâm lí, hành động của bé Thu trong lần gặp cha cuối cùng, khi ông Sáu được về phép. GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu Hs thực hiện theo trạm : + Trạm 1, 3 : Tìm những hành động thể hiện diễn biến tâm lí của bé Thu trước khi nhận ra cha. + Trạm 2,4 : Tìm những hành động thể hiện diễn biến tâm lí của bé Thu sau khi nhận ra cha. Gợi ý: Hành động, diễn biến tâm lí của bé Thu trước khi nhận ra cha. (* <u>Lúc gặp ông Sáu ở bến xuồng:</u>) -“ <i>Nghe gọi, con bé giật mình, tròn mắt nhìn ngơ ngác, lạ lùng...</i>” - « Mặt nó bỗng tái đi, rồi vụt chạy và kêu thét lên : má ! má ! -> Thái độ : ngạc nhiên, sợ hãi.	-Nhận xét, bổ sung HS lắng nghe và ghi bài. HS xác định yêu cầu của từng trạm -Tiến hành thảo luận theo nội dung đã được phân công (3p). - Chuyển trạm 1->2 ; 3->4, nhận xét, bổ sung vào bảng nhóm của trạm bạn (2p) -Trở về trạm, trình bày kết	Bộ. 2. Tóm tắt văn bản: 3. Tình huống truyện II. Đọc hiểu nội dung văn bản: 1. Diễn biến tâm lí, tình cảm của bé Thu: a/ Trước khi Thu nhận ra cha: - Thái độ: ngạc nhiên, sợ hãi. -Cương quyết không nhận cha: Cá tính mạnh mẽ. =>Hoàn toàn không đáng trách.

<u>* Những ngày ông Sáu nghỉ phép ở nhà :</u> - Càng vỗ về con bé càng đẩy ra. - Nói trống, nhất định không gọi ông Sáu là ba. - Khi nồi cơm to đang sôi, bị rơi vào tình thế bí, vẫn bình tĩnh lấy vớ múc nước ra chứ nhất quyết không gọi tiếng ba. - Trong bữa ăn, hất tung cái trứng cá ông Sáu gắp cho. - Bị đánh, không khóc, bỏ sang nhà bà ngoại. -> Thái độ : ngờ vực, lảng tránh, ương ngạnh, bướng bỉnh.) - GV: Theo dõi, hỗ trợ HS <i>Nhận xét, đánh giá, bổ sung, định hướng và chốt ý.</i> - Theo em, bé Thu hành động như vậy có đáng trách không, vì sao? + Không vì trong hoàn cảnh xa cách và trắc trở của chiến tranh, nó còn quá nhỏ để hiểu được những tình thế khắc nghiệt, éo le của đời sống và người lớn cũng không ai kịp chuẩn bị cho nó đón nhận những khả năng bất thường nên nó không tin ông Sáu là cha vì trên mặt ông có thêm vết sẹo khác với hình ba mà nó được biết. GV chốt ý : Bé Thu không nhận ông Sáu là ba vì em dành tình yêu thương trọn vẹn, sâu sắc cho ba, một niềm kiêu hãnh mãnh liệt cho người cha trong tâm trí trẻ thơ. Thu bản lĩnh và có phần ngang	quả HS độc lập suy nghĩ trả lời và lí giải phù hợp.	

bướng nhưng em cũng rất dũng cảm khi chọn cho mình một chuyến tuyến chống lại tất cả(kể cả không nghe lời má) để bảo vệ cho người cha trong tâm tưởng của mình- đó là người cha chụp chung trong tấm hình với má - Người cha không có vết sẹo dài trên mặt. - Khi cha từ biệt đi, thái độ và hành động của bé Thu như thế nào? <u>Gợi ý:</u> Nút thắt của câu chuyện được tháo gỡ qua lời giảng giải của bà. Sau khi nhận ra ông Sáu là ba của mình: <u>* Đêm ở nhà bà ngoại:</u> -“ <i>Nghe bà kể nó nằm im, lẩn lộn và thỉnh thoảng lại thở dài như người lớn</i>” <u>* Sáng hôm sau:</u> -“<i>...lúc đứng ở góc nhà, lúc đứng tựa cửa</i>”. - “ <i>Không buồn bĩnh hay nhăn mày cau có, vẻ mặt nó sầm lại buồn rầu</i>” -“ <i>Cái nhìn của nó không ngờ ngạc, không lạ lùng, nó nhìn với vẻ nghĩ ngợi sâu xa</i>”. - Khi ông Sáu chào tạm biệt, nó bỗng kêu thét lên tiếng “ ba”. Tiếng kêu của nó như tiếng xé... - Nhảy lên ôm chặt cổ ba, nói trong tiếng khóc, hôn cùng khắp, hôn cả vết sẹo ,... - Dùng tay, chân xiết chặt không cho ba	HS chú ý lắng nghe, tự ghi những ý cần thiết vào vở. HS nhóm 3, 4 đại diện trả lời. Hs nhóm 1,2 nhận xét, góp ý.	b/Thái độ và hành động của bé Thu khi nhận ra cha: - sâu sắc, mạnh

đi -> Tình yêu thương, nỗi mong nhớ bấy lâu đã bùng lên mãnh liệt, tha thiết có phần hồi hải, cuống quýt và nuối tiếc. - Qua biểu hiện tâm lý và thái độ của bé Thu em có nhận xét gì về tính cách của bé? + Có cá tính là sự cứng cỏi đến mức tưởng như ương ngạnh, nhưng Thu vẫn là 1 đứa trẻ với tất cả nét hồn nhiên, ngây thơ của trẻ. * Nhận xét của em về cách miêu tả của tác giả? + Tác giả am hiểu tâm lí trẻ em, diễn tả sinh động với tấm lòng yêu mến, trân trọng tình cảm trẻ thơ. <i>GV nhận xét, chốt ý về nhân vật bé Thu, tình phụ tử thiêng liêng Thu dành cho ông Sáu.</i> Nội dung 2: Tình cảm sâu nặng và cao đẹp của ông Sáu dành cho con GV chuyển giao nhiệm vụ học tập: - Cho HS thực hiện kĩ thuật hèn hờ cặp đôi Yêu cầu : Tìm các chi tiết(trong phần sau của truyện) thể hiện tình cảm của ông Sáu đối với con và nêu cảm nghĩ về tình cảm ấy. Gợi ý:	HS suy nghĩ, trả lời Hs thực hiện nhiệm vụ học tập	mẽ, cảm động * Bé Thu là một cô bé có cá tính: Gan lì, cứng cỏi, ương ngạnh, yêu ghét rạch ròi. Tuy nhiên, vẫn có nét hồn nhiên của trẻ con.

* <u>Khi còn ở chiến khu:</u> - Nhớ thương, khao khát được gặp con, sống trong tình yêu con. * <u>Khi gặp con ở bên xuống:</u> -“ Không thể chờ xuống cập bến, anh nhún chân nhảy thót lên, xô chiếc thuyền tạt ra,...Anh bước vội với những bước dài”, gọi to tên con, khom người dang tay đón... - Khi gặp con : vết thẹo dài trên má đỏ ửng,giàn giật, giọng lắp bắp, run run “ <i>Ba đây con</i>”-> nỗi nhớ thương làm cho hành động trở nên vội vàng, cuống quýt. - Khi con không nhận ra, bỏ chạy “ Anh đứng sững lại đó,...mặt anh sầm lại...hai tay buông thõng như bị gãy..” -> Anh Sáu đau khổ, hụt hẫng, thất vọng. Hết tiết 2 * <u>Trong ba ngày nghỉ phép:</u> - Không dám đi đâu xa, tìm cách gần gũi con. - Giả vờ không nghe, dồn con vào thế bí... - Trong bữa ăn, nôn nóng, thiếu bình tĩnh đã đánh con. - Lúc chia tay, sợ con bỏ chạy chỉ dám đứng nhìn với ánh mắt triu mến xen lẫn buồn rầu. -Khi con nhận ra ba, gọi tiếng ba, “rút khăn lau nước mắt” -> giọt nước mắt	-Chọn điểm hẹn. -Di chuyển đến điểm hẹn -Hội ý,thực hiện nhiệm vụ học tập. Hs báo cáo kết quả thảo luận, các bạn bổ sung, đóng góp ý kiến.	2)Tình cảm sâu nặng và cao đẹp của ông Sáu : -Khao khát gặp lại con. -Luôn vỗ về, gần gũi con. -Yêu thương, chăm sóc con. -Đó là tình cảm vô cùng thấm thiết sâu nặng.

hạnh phúc. <u>* Khi trở về khu căn cứ:</u> - Day dứt, ân hận vì nóng giận đánh con. - Lời dặn ngây thơ của con thôi thúc ông cố công làm ra chiếc lược ngà. - Kiếm được khúc ngà, ông vui như đứa trẻ, dồn hết tâm trí làm chiếc lược cho con “ <i>anh của từng chiếc răng lược, thận trọng, tỉ mỉ như người thợ bạc</i>” , khắc lên dòng chữ “ <i>yêu nhớ tặng Thu- con của ba</i>”. - “<i>Nhớ con ông mang cây lược ra mài lên tóc</i>”. - Ông hi sinh khi chưa kịp trao vào tay đứa con gái chiếc lược ngà. Nhận xét của em về tình cảm của ông Sáu? -> Lòng yêu con đã biến người chiến sĩ thành một người nghệ nhân, sáng tạo ra một tác phẩm duy nhất trong cuộc đời. Đó chính là kết tinh của tình phụ tử từ mộc mạc đến diệu kì. GV nhận xét, chốt ý. - Câu chuyện về chiếc lược ngà không chỉ nói lên tình cảm cha con thấm thiết, sâu nặng của cha con ông Sáu, mà còn gọi cho người đọc nghĩ đến và thấm thía những đau thương, mất mát, éo le chiến tranh gây ra cho bao người, bao gia đình. - GV liên hệ thực tế... Hoạt động 3: Hệ thống kiến thức đã	HS suy nghĩ, trả lời.	III/Tổng kết: 1.Nội dung: Tình cha con thiêng liêng, thấm thiết. 2. Nghệ thuật: -Xây dựng cốt truyện chặt chẽ, có những yếu tố bất ngờ nhưng hợp lý. -Lựa chọn nhân vật kể thích hợp. -Miêu tả tính cách, tâm lý nhân vật sinh động phù hợp.

tìm hiểu qua bài học. GV chuyển giao nhiệm vụ học tập: - Cảm nhận của em về nội dung truyện? - Theo em điểm lớn nhất tạo nên sự hấp dẫn của truyện là gì? + Xây dựng cốt truyện chặt chẽ, có những yếu tố bất ngờ nhưng hợp lí. -Yếu tố nghệ thuật nào nữa cũng góp phần tạo nên sự thành công? <u>GV chốt:</u> -Lựa chọn nhân vật kể: Bác Ba là người chứng kiến khách quan kể lại mà còn chủ động bày tỏ sự đồng cảm, chia sẻ với các nhân vật . - Đồng thời qua nhân vật kể này: các sự việc trong truyện bộc lộ rõ nét làm truyện thêm sức thuyết phục, đáng tin cậy. - Ngòi bút miêu tả tâm lý nhân vật nhất là nhân vật trẻ thơ rất phù hợp, sinh động.		

3/ Luyện tập (5 phút)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
GV: Chuyển giao nhiệm vụ học tập -Cho học sinh đọc bài tập1. -GV gợi ý: Chú ý lý giải thái độ và hành động có vẻ trái ngược của Thu nhưng thực ra là sự xuất phát từ sự	HS thực hiện nhiệm vụ học tập	- Thái độ và hành động của bé Thu đối với ba rất trái ngược trong những ngày đầu khi ông Sáu về thăm nhà và lúc ông sắp ra đi, nhưng vẫn nhất quán trong tính cách của nhân vật. (HS lí giải hợp lí + Do hoàn cảnh chiến tranh + Thu còn ngây thơ chưa hiểu hết sự

nhất quán trong suy nghĩ và tính cách của em.		khốc liệt của chiến tranh + Tình phụ tử thiêng liêng Thu dành cho người cha trong tấm hình với má + ...

4/ Vận dụng (15 phút)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
GV chuyển giao nhiệm vụ học tập : Em hãy viết lại đoạn truyện kể về cuộc gặp gỡ cuối cùng của hai cha con ông Sáu theo lời hồi tưởng của một nhân vật khác. <i>(Có thể cho Hs về nhà viết nếu hết thời gian.)</i>	HS thực hiện nhiệm vụ học tập HS viết đoạn văn.	-Học sinh viết đoạn truyện kể về cuộc gặp gỡ cuối cùng của cha con ông Sáu bằng lời của nhân vật khác. (Ông Sáu hoặc bé Thu)

5/ Tìm tòi mở rộng (8 phút)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	ND cần đạt
GV chuyển giao nhiệm vụ học tập Em hãy nêu một số tác phẩm văn học, bộ phim mà em biết nói về tình phụ tử. Nêu cảm nhận của em về cách thể hiện tình cảm đó. (Các nhóm chuẩn bị từ trước ở nhà). GV nhận xét, chốt ý. GV có thể giới thiệu thêm cho HS một số tác phẩm để các em tìm hiểu thêm. <u>* Tác phẩm văn học :</u> + Lão Hạc – Nam Cao + Ba muốn nuôi con bằng sữa mẹ - Trình	Hs thực hiện nhiệm vụ học tập - HS trình bày 1 phút - HS trình bày sản phẩm của cá nhân, của nhóm. - Lớp nhận xét, cổ vũ	HS biết tìm tòi, mở rộng sự hiểu biết của mình về tình phụ tử thiêng liêng qua các tác phẩm văn học, nghệ thuật.

Tuấn +Một ngày của bố - Thụ Nho + Cha và con – Tony Parsons <u>* Bộ phim :</u> + Lion King (phim hoạt hình) +Điều kì diệu ở căn phòng số 7 + Niềm hi vọng + Chuyến tàu sinh tử (<i>rất hay</i>) + Cha cõng con – đạo diễn Lương Đình Dũng (<i>nên xem</i>). GV đọc cho Hs nghe một số lời bình về những sự việc, chi tiết hay trong đoạn trích. <i>« Chính thái độ quyết liệt ngang ngạnh đó lại là biểu hiện tuyệt vời của tình cảm người con dành choc ha. Nó không đơn thuần là sự bướng bỉnh của một con bé đồng đánh, nhiều sách, mà đó là sự kiên định, quyết liệt của một người có lập trường. Đây chính là cái mầm sâu kín, sau này làm nên tính cách cứng cỏi ngoan cường của chị giao liên giải phóng »</i> (Chu Văn Sơn, <i>Giảng văn học Việt Nam hiện đại</i>, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2000) <i>« Kiếm được ngà voi, « Mặt anh hớn hờ như một đứa trẻ được quà ». Vậy đấy, khi người ta hóa thành trẻ con, lại chính là lúc người ta hiện lên tư cách người cha cao quý của mình. Rồi, « anh chưa từng chiếc răng lược, thận trọng, tỉ mỉ và cố công như</i>	HS lắng nghe, ghi chú.	HS biết tìm tòi, cảm thụ những tác phẩm văn học trong nhà trường.

<i>người thợ bạc(...), anh gò lưng tẩn mẩn khắc từng nét : « Yêu nhớ tặng Thu con của ba ». Anh thường xuyên « lấy cây lược ra ngắm nghía rồi mài lên tóc cho cây lược thêm bóng, thêm mượt ». Lòng yêu con đã đã biến người chiến sĩ thành một nghệ nhân- một nghệ nhân chỉ sáng tạo ra một tác phẩm duy nhất trong đời. Cho nên cây lược ngà đã kết tinh trong nó tình phụ tử mộc mạc mà đậm thắm sâu xa, đơn sơ mà kì diệu làm sao ! ».</i> (Chu Văn Sơn, <i>Giảng văn học Việt Nam hiện đại</i>, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2000)		

*** Hướng dẫn tự học (2p)**

- Đọc, nhớ những chi tiết NT đặc sắc trong đoạn trích.
- Nắm được những kiến thức bài học, tìm các chi tiết minh chứng cho ND này.
- Tiết sau học : Luyện nói : Tự sự kết hợp nghị luận và miêu tả nội tâm

TIẾT 74,75	LUYỆN NÓI TỰ SỰ KẾT HỢP NGHỊ LUẬN VÀ MIÊU TẢ NỘI TÂM	NS:9/12/2023

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

1/ Kiến thức :

- Tự sự, nghị luận và miêu tả nội tâm trong kể chuyện .
- Tác dụng của việc sử dụng các yếu tố tự sự, nghị luận và miêu tả nội tâm trong kể chuyện

2/ Năng lực :

- Năng lực chung: hợp tác, tiếp nhận, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, năng lực tự học,..
- Năng lực chuyên biệt: nhận biết được các yếu tố tự sự, nghị luận và miêu tả nội tâm trong văn bản .
- Sử dụng các yếu tố tự sự, nghị luận và miêu tả nội tâm trong văn kể chuyện.

3 Phẩm chất : - Tự học, tự rèn luyện,

II. CHUẨN BỊ:

- GV :TKBG, bảng phụ, Sgk
- HS : Bảng nhóm, bài tập nói, dàn ý

III .TIẾN TRÌNH BÀY HỌC:

Hoạt động 1: Khởi động (3phút)		
Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Nội dung cần đạt
*GV giao nhiệm vụ học tập : - GV trình chiếu lại nội dung bài tập số 3 trong phần luyện tập trang 117 của HS đã thực hiện ở tiết học “Miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự”, yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ sau : + Trong đoạn văn có sử dụng yếu tố tự sự, nghị luận và miêu tả nội tâm không ? Hãy chỉ ra yếu tố đó?	- HS thực hiện nhiệm vụ học tập : - HS theo dõi thông tin - HS trao đổi, hợp tác để tìm hiểu và trả lời.	- Hình thức khởi động hợp lí, sáng tạo, gây hứng thú cho HS. - Định hướng được nội dung, chủ đề bài học.

- GV nhận xét và dẫn dắt HS đi vào bài học, GV ghi tên bài học lên bảng.	- HS ghi tên bài học	
Hoạt động 2: Hình thành kiến thức(5 phút)		
Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Nội dung cần đạt
*GV giao nhiệm vụ học tập : - Khi kể chuyện ta chú ý đến các yếu tố nào ? - Các yếu tố nghị luận trong văn tự sự có tác dụng gì ? - Các yếu tố miêu tả trong văn tự sự có tác dụng gì ? - GV nhận xét, chốt ý và ghi nội dung lên bảng	- HS thực hiện nhiệm vụ học tập : - Sự việc được kể, người kể, ngôi kể, trình tự kể,.. - Làm cho việc tự sự sâu sắc hơn với việc bày tỏ quan điểm, lập trường, cách nhìn nhận, đánh giá,.. - Làm hiện lên hình ảnh nhân vật với các đặc điểm diện mạo, hành động và nội tâm nhân vật. - HS nghe và ghi bài	I. <u>Củng cố kiến thức:</u> - Trong tác phẩm tự sự : Sự việc được kể, người kể, ngôi kể, trình tự kể,.. - Các yếu tố nghị luận được sử dụng để làm cho tự sự sâu sắc hơn với việc bày tỏ quan điểm, lập trường, cách nhìn nhận, đánh giá,.. - Các yếu tố miêu tả : Làm hiện lên hình ảnh nhân vật với các đặc điểm diện mạo, hành động và nội tâm nhân vật. -Trong đoạn văn tự sự, các yếu tố nghị luận không được lẫn át tự sự.
Hoạt động 3: Luyện nói – Luyện tập(23 phút)		

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Nội dung cần đạt
*GV giao nhiệm vụ học tập : Hoạt động 1 : - GV chia lớp thành 4 nhóm và tổ chức cho HS chuẩn bị nội dung nói. - GV cho HS thảo luận nhóm chuẩn bị đề cương cho nhóm mình sau khi mỗi em đã chuẩn bị ở nhà. Hoạt động 2 : *Tổ chức cho HS nói trước lớp. -Yêu cầu mỗi nhóm cử đại diện của nhóm mình lên bảng, quay xuống phía các bạn và trình bày bài nói của nhóm mình. -Yêu cầu cả lớp theo dõi để nhận xét. - Cho HS nhận xét về ưu nhược điểm trong việc trình bày bài nói của mỗi nhóm. - Lưu ý cho HS nhận xét về nội dung và hình thức. + <u>Về nội dung</u>: có đúng với yêu cầu mỗi đề không. Bài nói có sử dụng yếu tố nghị luận, miêu tả nội tâm, các hình thức đối thoại, độc thoại. + <u>Về hình thức</u>: giọng điệu, ngôn ngữ, diễn đạt, phát âm có phù hợp không/	- HS thực hiện nhiệm vụ học tập : - HS chuẩn bị nội dung luyện nói theo nhóm. - HS tập nói trong nhóm. - HS đại diện nhóm lên trình bày bài luyện nói. - HS nghe. - HS nhận xét phần trình bày của bạn. - HS nghe để rút kinh nghiệm.	II. <u>Luyện nói</u> : 1.HS xác định yếu tố nghị luận, miêu tả và lập dàn ý : (HS đã chuẩn bị ở nhà) - HS chuẩn bị nội dung luyện nói theo nhóm. - HS tập nói trong nhóm. 2. <u>HS nói luyện nói trước lớp</u>: Yêu cầu bài luyện nói : + <u>Về nội dung</u>: đúng với yêu cầu mỗi đề. Bài nói phải có sử dụng yếu tố nghị luận, miêu tả nội tâm, các hình thức đối thoại, độc thoại. + <u>Về hình thức</u>: giọng điệu, ngôn

- GV tổng kết và nhắc nhở những lỗi cần tránh trong việc nói trước tập thể.		ngữ, diễn đạt, phát âm phù hợp với nội tâm từng nhân vật và diễn biến truyện.

Hoạt động 4: Vận dụng (5')

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Nội dung cần đạt
*GV giao nhiệm vụ học tập : - HS tự chọn một vấn đề mà giới trẻ hiện nay đặc biệt quan tâm và trình bày suy nghĩ của mình về vấn đề đó để cho cả lớp cùng nghe. - GV nhận xét, đánh giá và tuyên dương	HS thực hiện nhiệm vụ học tập : - HS chọn vấn đề và nói trước lớp. - HS khác nhận xét, góp ý. - HS nghe, rút kinh nghiệm	HS vận dụng kiến thức để viết đoạn văn đúng yêu cầu hoặc nói – phát biểu miệng.

Hoạt động 5: Tìm tòi – mở rộng (5')

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Nội dung cần đạt
*GV giao nhiệm vụ học tập : - Tìm 1 số đoạn văn, bài văn tự sự có kết hợp với nghị luận và miêu tả nội tâm. - Yêu cầu HS nhận xét. - GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương.	HS thực hiện nhiệm vụ học tập : - HS trình bày theo ý riêng của cá nhân - HS nhận xét, bổ sung - HS nghe, học tập	- HS biết tìm tòi, mở rộng sự hiểu biết của mình

***Hướng dẫn tự học: (2')**

- HS nắm lại kiến thức của bài văn tự sự kết hợp với nghị luận và miêu tả nội tâm
- Chuẩn bị : Ôn tập truyện hiện đại

TUẦN 16 TIẾT 76-77: ÔN TẬP TRUYỆN HIỆN ĐẠI TIẾT 78: ÔN TẬP TẬP LÀM VĂN TIẾT 79-80: ÔN TẬP TỔNG HỢP

TIẾT 76-77	ÔN TẬP TRUYỆN HIỆN ĐẠI	NS: 15/12/2023

I. Mục tiêu cần đạt:

1. Kiến thức:

- Hệ thống hóa kiến thức đã học về truyện hiện đại

2. Năng lực:

- **Năng lực chung:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực nhận thức, tư duy logic
- **Năng lực chuyên biệt :** năng lực sử dụng ngôn ngữ, sử dụng Tiếng Việt, đọc hiểu văn bản, cảm thụ văn học, cảm thụ thẩm mỹ.

3. Phẩm chất: Cần thận, tỉ mỉ.

II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:

1. Giáo viên: Thiết kế bài dạy Ngữ văn 9, bảng phụ, máy chiếu...

2. Học sinh: Sách Ngữ văn 9, bảng nhóm...

III. Tiến trình dạy học.

1. Hoạt động khởi động (3 phút).

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Nội dung cần đạt
- Để nắm được các văn bản truyện đã học, các em cần những gì? -Dẫn nhập nội dung bài học.	- <i>Sự chuẩn bị chu đáo: kiến thức, kĩ năng, kinh nghiệm...</i>	

2. Hình thành kiến thức (22p)

Hoạt động của thầy					Hoạt động của trò	Nội dung cần đạt
-Giáo viên yêu cầu học sinh nhắc lại tên các văn bản truyện hiện đại đã học? - Yêu cầu học sinh thảo luận nhóm 15p, lập bảng thống kê theo mẫu sau					Thảo luận, trình bày, nhận xét	
TT	Tác phẩm	Tác giả	Nội dung	Nghệ thuật		

+ Học sinh trình bày, nhận xét, bổ sung						
+ Giáo viên chuẩn hóa kiến thức						

3. Luyện tập (15p)

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Nội dung cần đạt
*Tổ chức trò chơi: Đấu trường văn học Câu 1: Truyện Làng, tác giả đặt nhân vật chính vào tình huống như thế nào? A. Ông Hai không biết chữ, phải đi nghe nhờ người khác đọc B. Tin làng ông theo giấc mà tình cờ ông nghe được từ những người tản cư C. Bà chủ nhà hay dòm ngó, nói bóng gió vợ chồng ông Hai D. Ông Hai lúc nào cũng nhớ tha thiết cái làng chợ Dầu của mình Câu 2: Trong các câu nói của ông Hai “Nắng này là bỏ mẹ chúng nó!” “chúng nó” là ai? A. Cua, cá B. Giặc Tây C. Lũ trẻ D. Trâu, bò Câu 3: Từ “lấp bắp” trong câu “ông Hai quay phắt lại lấp bắp hỏi” có nghĩa là gì? A. Mấp máy phát ra những tiếng rời rạc và lấp lại, không nên lời, nên câu B. Nói không rõ tiếng như đang ngậm cái gì trong miệng C. Không phát âm được một số âm do có tật hoặc nói chưa sôi D. Cảm động vì những người gặp lại cùng làng lên tản cư Câu 4: Câu nào nói đúng nhất tâm trạng ông Hai khi nghe tin làng chợ Dầu theo giặc? A. Bị ám ảnh và lo sợ trước bọn giặc Tây và Việt gian bán nước B. Luôn sợ hãi mỗi khi nghe ai đó tụ tập và nói	Tham gia trò chơi	

về việc làng mình theo giặc C. Đau xót, tủi hổ trước cái tin làng mình theo giặc D. Cả B và C đều đúng Câu 5: Vì sao ông Hai yêu làng nhưng không quay về làng khi bị chủ nhà đuổi khéo, không còn chỗ để đi, hơn nữa ông lại còn thù cái làng của mình? A. Vì ông yêu làng theo Tây thì ông phải thù, tình yêu nước rộng lớn hơn B. Vì giặc Tây đã đốt cháy nhà của ông nên gia đình ông không có chỗ để quay về C. Vì ông không ưa những tên kì mục và hào lí áp bức dân làng ông D. Vì ông muốn tìm cuộc sống ổn định, no đủ hơn cho làng quê nghèo của ông Câu 6: Mục đích của ông Hai trò chuyện với đứa con út là gì? A. Để bày tỏ lòng yêu thương một cách đặc biệt đứa con út của mình B. Để cho bớt cô đơn và buồn chán vì không có ai để nói chuyện C. Để thổ lộ nỗi lòng và làm vơi bớt nỗi buồn khổ D. Để mong thằng Húc hiểu được tấm lòng ông Câu 7: Dòng nào nêu nhận xét không phù hợp với những nét đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm? A. Xây dựng tình huống tâm lí đặc sắc B. Miêu tả sinh động diễn biến tâm trạng, nhân vật C. Sử dụng chính xác ngôn ngữ quần chúng D. Giọng văn giàu màu sắc trữ tình, biểu cảm Câu 8: Từ truyện ngắn Làng có thể thấy nhà văn Kim Lân là người thế nào? A. Am hiểu đời sống và thế giới tinh thần của con người, đặc biệt là người nông dân B. Yêu tha thiết làng quê, đất nước, thủy chung với kháng chiến và cách mạng C. Căm thù giặc Pháp và những kẻ làm Việt gian		

D. Cả 3 đáp án trên Câu 9: Trong tác phẩm Lặng lẽ Sa Pa, nhà văn không đặt tên cụ thể cho nhân vật là vì : A. Cuộc gặp của các nhân vật trong truyện quá bất ngờ, vội vã, không cần xưng tên B. Nhà văn muốn nói họ chẳng là ai nhưng lại là tất cả. C. Chi phối cách viết truyện : họ là những con người vô danh, sống đẹp có mặt ở khắp nơi. D. Cần tìm một hướng lí giải khác. Câu 10: Thử thách lớn nhất đối với anh thanh niên là gì? A. Thời tiết khắc nghiệt B. Công việc vất vả, nặng nhọc C. Cuộc sống thiếu thốn D. Sự cô đơn, vắng vẻ Câu 11: Cốt truyện của Lặng lẽ Sa Pa là gì? A. Cuộc gặp gỡ đầy bất ngờ giữa ông họa sĩ, cô kĩ sư với anh thanh niên làm công tác khí tượng trên đỉnh Yên Sơn thuộc Sa Pa B. Cuộc nói chuyện thú vị giữa người lái xe lên Sa Pa với cô kĩ sư và ông họa sĩ già C. Anh thanh niên làm công tác trên đỉnh Yên Sơn thuộc Sa Pa tự kể về cuộc đời mình D. Cuộc gặp gỡ giữa những người đang sống và làm việc trên đỉnh Yên Sơn thuộc Sa Pa nhưng trước đó chưa biết về nhau Câu 12: Dòng nào nói đúng nhất điều mà Nguyễn Thành Long ca ngợi trong “Lặng lẽ Sa Pa” ? A. Vẻ đẹp của anh thanh niên làm công tác khí tượng trên đỉnh Yên Sơn B. Vẻ đẹp của anh cán bộ nghiên cứu bản đồ sét C. Vẻ đẹp của bác kĩ sư nghiên cứu giống su hào D. Vẻ đẹp của con người lao động và ý nghĩa của những công việc thầm lặng Câu 13: Trong tác phẩm, anh thanh niên chủ yếu được tác giả miêu tả bằng cách nào? A. Tự giới thiệu về mình B. Được tác giả miêu tả trực tiếp		

C. Hiện ra qua sự nhìn nhận, đánh giá của các nhân vật khác D. Được giới thiệu qua lời kể của ông họa sĩ già Câu 14: Câu văn “trong những ngày hòa bình vừa lập lại... chỉ thấy con qua tấm ảnh nhỏ thôi” chủ yếu nhiệm vụ gì? A. Kể về tình bạn giữa người kể chuyện với ông Sáu B. Giới thiệu hoàn cảnh gia đình ông Sáu C. Giới thiệu tính cách của ông Sáu D. Giới thiệu nhân vật bé Thu Câu 15: Câu văn “Xuồng vào bến, thấy một đứa bé độ tám tuổi cắt tóc ngang vai, mặc quần đen, áo bông đỏ đang chơi nhà chòi dưới bóng cây xoài trước sân nhà, đoán biết là con, không thể chờ xuồng cập lại bến, anh nhún chân nhảy thót lên, xô chiếc xuồng tạt ra, khiến tôi bị chới với” nói lên tâm trạng gì của ông Sáu? A. Vội vàng, cuồng quýt muốn được gặp con B. Yêu thương, mong nhớ con đến da diết C. Ân hận vì đã xa nhà quá lâu, không chăm sóc cho vợ con D. Cả A, B, C đều đúng Câu 16: Câu văn: “Con bé thấy lạ quá, nó chớp mắt như muốn hỏi đó là ai, mặt nó bỗng tái đi, rồi vụt chạy kêu thét lên: “Má! Má” nói lên thái độ gì ở bé Thu trước sự vô vậ của người cha? A. Ngờ vực, sợ hãi B. Vui mừng, phấn khởi C. Lạnh lùng, thờ ơ D. Ân hận, hối tiếc Câu 17: Phép so sánh ở phần in đậm trong câu văn sau có tác dụng gì? “Còn anh, anh đứng sững lại đó, nhìn theo con, nỗi đau đớn khiến mặt anh sầm lại trông thật đáng thương và hai tay buông xuống như bị gãy” A. Nhấn mạnh sự tủi hổ của ông Sáu		

B. Nhấn mạnh nỗi cô đơn của ông Sáu C. Nhấn mạnh nỗi đau đớn của ông Sáu D. Nhấn mạnh nổi tức giận của ông Sáu Câu 18: Các chi tiết trong truyện thể hiện nhân vật bé Thu là người thế nào? - Chỉ gọi trống không với ông Sáu mà không chịu gọi cha - Nhất định không chịu nhờ ông chắt giúp nồi cơm đang sôi - Hắt trứng cá mà ông Sáu gấp cho, làm tung tóe ra mâm cơm - Bỏ về nhà ngoại, cố ý dây cột xuống kêu rón rảng thật to Câu 19: Lý do mà bé Thu không chịu nhận ông Sáu là ba? A. Vì ông Sáu già hơn trước B. Vì ông Sáu không hiền như trước C. Vì mặt ông Sáu có thêm vết sẹo D. Vì ông Sáu đi lâu, bé Thu quên mất hình ba Câu 20: Đánh giá như thế nào về phản ứng tâm lí của bé Thu khi không chịu nhận ông Sáu là cha? A. Đó là những phản ứng hoàn toàn tự nhiên của các em bé, trong đó có Thu B. Chứng tỏ bé Thu có cá tính mạnh mẽ và có tình cảm chân thành C. Chứng tỏ Thu có một niềm kiêu hãnh, một tình yêu sâu sắc đối với người cha (trong tâm hình) của em D. Cả A, B, C đều đúng		

4. Vận dụng (43p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Viết đoạn văn nêu cảm nhận của em về 1 nhân vật em ấn tượng nhất trong 3 truyện em đã học ->Gv gọi hs đọc bài làm, nhận xét, bổ sung	Viết đoạn văn	

***Hướng dẫn tự học (2p)**

- Đọc kĩ truyện Cổ hương
- Tóm tắt tác phẩm
- Trả lời các câu hỏi phần đọc hiểu
- Tiết sau học: Ôn tập Làm văn:
- + Hệ thống lại kiến thức làm văn đã học ở kì 1.
- + Tham khảo văn mẫu cho các dạng bài đó

TIẾT 78	ÔN TẬP TẬP LÀM VĂN	NS: 16/12/2023

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.

1.Kiến thức:

- + Nắm được khái niệm văn thuyết minh, văn tự sự kết hợp yếu nghị luận.
- + Biết kết hợp các phương thức biểu đạt trong văn bản thuyết minh, tự sự.
- + Nắm hệ thống văn bản thuộc kiểu văn bản thuyết minh và văn bản tự sự đã học.

2. Năng lực:

- + Giao tiếp: trình bày, trao đổi về cách tìm ý, lập ý
- + Ra quyết định: lựa chọn và sử dụng các yếu tố miêu tả, biểu cảm trong văn thuyết minh và yếu tố nghị luận trong văn tự sự.

3. Phẩm chất:

- + Giáo dục học sinh có thái độ ôn tập tích cực.
- + Yêu văn học.

II. CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Hệ thống hoá nội dung ôn tập, máy chiếu, máy tính

2. Chuẩn bị của học sinh: Khái niệm văn bản thuyết minh và văn bản tự sự. Sự kết hợp của PTBD trong văn bản thuyết minh và văn bản tự sự. Hệ thống văn bản thuộc kiểu văn bản thuyết minh và văn bản tự sự đã học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

Khởi động (3p)

HD CỦA GV	HD CỦA HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
GV nêu mục tiêu bài học	Lắng nghe	

2. Hình thành kiến thức (15p)

HD CỦA GV	HD CỦA HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
<u>Hoạt động 1: Ôn tập văn thuyết minh</u> chuyển giao nhiệm vụ: + Nhắc lại khái niệm văn thuyết minh? + Những dạng văn thuyết minh thường gặp? + lập dàn ý đại cương cho dạng đề thuyết minh về cây cối (Dãy A); thuyết minh về	Thực hiện nhiệm vụ HS hđ nhóm 4 ghi vào bảng nhóm- cử đại diện trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả	I. Ôn tập văn thuyết minh MB: Giới thiệu đối tượng thuyết minh TB: 1.Nguồn gốc xuất xứ, chủng loại 2.Đặc điểm sinh trưởng, phát triển 3.Đặc điểm hình dáng,

con vật nuôi (Dãy B) Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS. Trình chiếu kết quả. <i>Chuyển ý:</i>	lời, HS khác nhận xét, bổ sung.	cấu tạo 4. Công dụng 5. Cách chăm bón/chăm sóc KB: Khẳng định vai trò vị trí của đối tượng.
<u>Hoạt động 2: Ôn tập văn tự sự</u> <i>Chuyển giao nhiệm vụ:</i> Nhóm 1,2 : Nhắc lại khái văn tự sự, người kể chuyện và ngôi kể trong văn tự sự. Nhóm 3,4 : chỉ ra điểm giống và khác nhau về văn tự sự ở lớp 9 với các lớp 6,7,8 ? Nhóm 5,6 : Tìm trong các văn bản đã học 1 đoạn văn tự sự có sử dụng yếu miêu tả nội tâm ? Nhóm 7,8 : Tìm trong các văn bản đã học 1 đoạn văn tự có sử dụng yếu tố nghị luận ? <i>GV đánh giá kết quả của HS.</i> <u>Trình chiếu</u>	<i>-HS tiếp nhận nhiệm vụ</i> <i>Thực hiện nhiệm vụ:</i> Thảo luận nhóm- ghi vào bảng nhóm <i>Báo cáo kết quả:</i> -Trình bày theo nhóm. cử đại diện trình bày. -Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. -HS khác nhận xét, bổ sung.	II. Ôn tập văn tự sự 1. Khái niệm 1. Người kể và ngôi kể trong văn bản tự sự: 3. Các yếu tố miêu tả nội tâm, yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự
2. Hoạt động luyện tập, vận dụng (25p)		
Giao nhiệm vụ: Lập dàn ý đại cương cho đề: kể lại một câu chuyện cảm động về lòng nhân ái mà em từng chứng kiến hoặc nghe kể lại hoặc trực tiếp tham gia <i>Theo dõi giúp đỡ</i> <i>Nhận xét đánh giá</i> Trình chiếu gợi ý:	<i>Nhận nhiệm vụ</i> <i>Hoạt động theo nhóm</i> Thảo luận Viết vào bảng nhóm <i>Báo cáo kết quả:</i> Cử đại diện trình bày Lắng nghe, nhận xét, bổ sung	III. Luyện tập
Mở bài: - Giới thiệu câu chuyện hay một nhân vật có tấm lòng nhân ái mà em định kể. - Em được đọc, được nghe, được tham gia hay được chứng kiến câu chuyện đó. Thân bài: -Trình bày diễn biến câu chuyện.		

-Kết hợp được các yếu tố miêu tả, biểu cảm, nghị luận... phù hợp để thể hiện sâu sắc nội dung ý nghĩa câu chuyện.

Kết bài: Nêu kết thúc câu chuyện và cảm nghĩ của em về câu chuyện được kể

*** Hướng dẫn về nhà (2p)**

+ Tìm 1 số ví dụ minh họa kiến thức về văn thuyết minh, văn tự sự vừa ôn tập trong 2 tiết: Các biện pháp tu từ, yếu tố miêu tả, nghị luận.v.v.

+ Hoàn thiện dàn ý mục C.

+ Tham khảo văn mẫu

+ Chuẩn bị : Ôn tập tổng hợp

TIẾT 79,80	ÔN TẬP TẬP TỔNG HỢP	NS: 17/12/2023

I. Mục tiêu.

1. Kiến thức.

- Giúp học sinh củng cố, khắc sâu một số kiến thức trọng tâm của các văn bản về nội dung cơ bản, nghệ thuật chính.
- Giúp học sinh cảm nhận được giá trị của một số câu thơ, hình ảnh thơ tiêu biểu trong các đoạn trích được trích học trong SGK ngữ văn 9.
- Giúp học sinh thấy được cái hay, đặc sắc trong dùng từ ngữ, xây dựng hình ảnh nghệ thuật.....

2. Năng lực:

- **Năng lực chung:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực nhận thức, tư duy logic.
- **Năng lực chuyên biệt :** năng lực sử dụng ngôn ngữ, sử dụng Tiếng Việt, đọc hiểu văn bản, cảm thụ văn học, cảm thụ thẩm mỹ, tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:

- + Giáo dục học sinh có thái độ ôn tập tích cực.
- + Yêu văn học.

II. CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Hệ thống hoá nội dung ôn tập, máy chiếu, máy tính

2. Chuẩn bị của học sinh: các

III. Tiến trình tổ chức các hoạt động:

1. Khởi động (2p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Gv nêu mục tiêu tiết học	Lắng nghe	

2/ Hình thành kiến thức (20p)

1. Cho hs thống kê tên các văn bản đã học

Tên vb	Phương thức biểu đạt	Tác giả	Thể loại

2/ Các phương thức chuyển nghĩa của từ.

3/ Hs nhắc lại thể nào là độc thoại, độc thoại nội tâm.

4/ Nêu ý kiến của một số vấn đề trong các đoạn trích.

3/ Luyện tập, vận dụng (65p)

CẤU TRÚC ĐỀ THI HKI LỚP 9

I. PHẦN ĐỌC HIỂU: *Đọc đoạn trích và trả lời các câu hỏi(5đ)*

1. Phương thức biểu đạt

2. Các kiến thức liên quan đến TV: phương châm hội thoại, cách dẫn trực tiếp cách dẫn gián tiếp, từ vựng

3. Xác định nội dung chính .

4. Trình bày quan điểm của bản thân về một vấn đề đặt ra trong đoạn trích?

II, PHẦN TẠO LẬP VĂN BẢN (5đ)

Viết một bài văn tự sự (kết hợp miêu tả, nghị luận, đối thoại, độc thoại, độc thoại nội tâm.)

Viết bài văn thuyết minh (có sử dụng biện pháp nghệ thuật)

***Cho hs hoạt động theo nhóm.**

Đề 1-tổ 1,2

Đề 2- tổ 3,4

PHẦN ĐỌC HIỂU ĐỀ 1

Đọc đoạn trích và trả lời câu hỏi

Về đến nhà, ông Hai nằm vật ra giường, mấy đứa trẻ thấy bố hôm nay có vẻ khác, len lén đưa nhau ra đầu nhà chơi sậm chơi sụi với nhau.(1)

Nhìn lũ con, tủi thân, nước mắt ông lão cứ tràn ra...(2) Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư? (3) Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng hắt hủi đấy ư?(4) Khốn nạn, bằng ấy tuổi đầu...(5) Ông lão nắm chặt hai tay lại và rít lên:(6)

-Chúng bay ăn miếng cơm hay miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này. (7)

(Ngữ văn 9-tập 1)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính? Ngôi kể trong đoạn trích?

Câu 2: Từ “đầu” trong câu “*Về đến nhà, ông Hai nằm vật ra giường, mấy đứa trẻ thấy bố hôm nay có vẻ khác, len lén đưa nhau ra đầu nhà chơi sậm chơi sụi với nhau*” là nghĩa gốc hay nghĩa chuyển? Nếu nghĩa chuyển thì chuyển theo phương thức nào?

Câu 3: Trong đoạn trích trên, những câu văn nào là lời độc thoại nội tâm của nhân vật

Câu 4. Nêu nội dung của đoạn trích?

Câu 5. Từ đoạn trích trên em có suy nghĩ gì về tình cảm của mỗi người đối với quê hương.

PHẦN ĐỌC HIỂU ĐỀ 2- CHUYỆN NGƯỜI ĂN XIN

Lúc ấy, tôi đang đi trên phố. Một người ăn xin già lom khom đứng ngay trước mặt tôi.

Đôi mắt ông lão đỏ đẫm và giàn giụa nước mắt. Đôi môi tái nhợt, áo quần tả tơi thảm hại... Chao ôi! Cảnh nghèo đói đã gặm nát con người đau khổ kia thành xấu xí biết nhường nào!

Ông già chìa trước mặt tôi bàn tay sưng húp, bẩn thỉu. Ông rên rĩ cầu xin cứu giúp.

Tôi lục tìm hết túi nọ túi kia, không có tiền, không có đồng hồ, không có cả một chiếc khăn tay. Trên người tôi chẳng có tài sản gì.

Người ăn xin vẫn đợi tôi. Tay vẫn chìa ra, run lẩy bẩy.

Tôi chẳng biết làm cách nào. Tôi nắm chặt lấy bàn tay run rẩy kia:

- Ông đừng giận cháu, cháu không có gì để cho ông cả.

Người ăn xin nhìn tôi chăm chăm bằng đôi mắt ươn ướt đầm. Đôi môi tái nhợt nở nụ cười và tay ông cũng xiết lấy tay tôi:

- Cháu ơi, cảm ơn cháu ! Như vậy là cháu đã cho lão rồi. - Ông lão nói bằng giọng khản đặc.

Khi ấy, tôi chợt hiểu rằng: cả tôi nữa, tôi cũng vừa nhận được chút gì của ông lão.

(*Theo Tuốc-ghe-nhép*)

Câu 1: Nêu phương thức biểu đạt chính? Xác định ngôi kể

Câu 2: Từ “nở” trong câu “Đôi môi tái nhợt **nở** nụ cười và tay ông cũng xiết lấy tay tôi” là nghĩa gốc hay nghĩa chuyển? Nếu nghĩa chuyển thì chuyển theo phương thức nào?

Câu 3: Trong đoạn trích trên, những câu văn nào là lời độc thoại nội tâm của nhân vật

Câu 4: Nêu nội dung của đoạn trích?

Câu 5: Từ đoạn trích trên em có suy nghĩ gì về tình yêu thương của con người trong xã hội hiện nay?.

*** GỢI Ý TRẢ LỜI. ĐỀ 1**

1/ - Phương thức biểu đạt chính: tự sự,

- Ngôi kể: kể theo ngôi thứ 3.

2) - Từ đầu được dùng theo nghĩa chuyển-

- Chuyển theo phương thức ẩn dụ.

3) - Những câu văn là lời độc thoại của nội tâm của nhân vật: (3), (4), (5).

4. Nội dung: Thể hiện tâm trạng đau đớn, xót xa, tức giận khi nghe tin làng theo giặc của ông Hai. Ông thương thân, thương con khi nghĩ đến những đứa con của mình bị hắt hủi, xa lánh vì chúng là trẻ con của làng Chợ Dầu.

5. Quê hương có một vị trí quan trọng trong lòng mỗi người. Mỗi người dân Việt Nam đều có tình cảm thiêng liêng gắn bó với quê hương xứ sở của mình. Đối với những con người lao động, nhất là người nông dân, họ đã gắn bó mật thiết với quê hương. Từ lúc cất tiếng khóc chào đời, rồi tuổi thơ đẹp đẽ, những công việc lao động, rồi cuộc sống gia đình, cho tới lúc chết họ đã sống gắn liền với làng quê. Tình cảm yêu quê hương đất nước là một truyền thống tốt đẹp và đáng quý của dân tộc Việt Nam. Cho dù có ở nơi xa nhưng mỗi người vẫn luôn nhớ về quê nhà của mình. Quê hương như một người mẹ hiền ôm ta vào lòng và dành cho ta những gì tốt đẹp nhất. Quê mẹ là nơi ấp ủ tình yêu thương, nơi nuôi ta lớn, dạy dỗ, an ủi che chở cho ta. Quê hương - hai tiếng thân thương mỗi lần nghe thấy chúng ta không khỏi xúc động bồi hồi. Tình yêu quê hương đã ăn sâu vào máu thịt, đi sâu vào lòng mỗi con người. Vì vậy nếu ai chưa nhận thức chưa có tình cảm gắn bó với xứ sở của mình thì hẳn họ chưa được coi là trưởng thành. Quê hương đi vào lòng con

người một cách rất tự nhiên. Người ta có thể nhớ tới quê hương đất nước của mình chỉ qua một món ăn bình dị hay một địa danh đã gắn liền với những kỷ niệm đẹp...

GỢI Ý- ĐỀ 2

1-Phương thức: Tự sự.

-Ngôi kể: thứ nhất.

2-Từ “nở” -là nghĩa chuyển- chuyển theo phương thức ẩn dụ.

3-Lời độc thoại nội tâm: Khi ấy, tôi chợt hiểu rằng: cả tôi nữa, tôi cũng vừa nhận được chút gì của ông lão.

4-Nội dung: Ca ngợi cậu bé có tấm lòng nhân ái , biết đồng cảm ,thương xót trước mảnh đời bất hạnh của ông lão ăn xin nghèo khổ. Biết cho đi tình cảm đó là một niềm an ủi lớn hơn đồng tiền

.5 -Yêu thương và cảm thông là truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta. Phát huy truyền thống đó ngày nay có nhiều phong trào, nhiều cuộc vận động” trái tim cho em”, “vì người nghèo”... thể hiện tình yêu thương chia sẻ.

Bên cạnh đó còn có những người thờ ơ trước nỗi đau người khác...

***Hướng dẫn tự học (2p)**

- Hệ thống lại tất cả các kiến thức đã học để chuẩn bị thi cuối kì 1

- Tiết sau học: Cổ hương:

+ Đọc kĩ văn bản

+ Tóm tắt tác phẩm

+ Trả lời câu hỏi phần đọc hiểu.

TUẦN 17
TIẾT 81,82,83: CỐ HƯƠNG

TIẾT 81,82,83	CỐ HƯƠNG	NS: 20/12/2023

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức:

- Những đóng góp của Lỗ Tấn vào nền văn học Trung Quốc và văn học nhân loại
- Thấy được tinh thần phê phán sâu sắc xã hội cũ và niềm tin trong sáng vào sự xuất hiện tất yếu của cuộc sống mới, xã hội mới.
- Thấy được màu sắc trữ tình đậm đà của tác phẩm.
- Những sáng tạo về nghệ thuật của nhà văn Lỗ Tấn trong truyện *Cố hương*.

2. Năng lực:

- Năng lực chung:

- Năng lực tự học, giao tiếp
- Năng lực hợp tác
- Năng lực giải quyết vấn đề
- Năng lực so sánh đối chiếu, phê phán, đánh giá.

+ Năng lực chuyên biệt:

- Năng lực cảm thụ văn học.
- Đọc - hiểu văn bản truyện hiện đại nước ngoài.
- Vận dụng kiến thức về thể loại và sự kết hợp các phương thức biểu đạt trong tác phẩm tự sự để cảm nhận một văn bản truyện hiện đại.
- Kể và tóm tắt được truyện.

3. Phẩm chất:

- Yêu quê hương, gia đình
- Tự chủ, có trách nhiệm với bản thân, gia đình, quê hương, đất nước, nhân loại.

II. CHUẨN BỊ CỦA THẦY VÀ TRÒ:

1. Giáo viên:

- Slide ảnh và thơ Lý Bạch, Đỗ Phủ, Hạ Tri Chương
- Slide ảnh chân dung Lỗ Tấn và hai tập truyện ngắn *Bàng hoàng* và *Gào thét*
- Ca sĩ Thu Hiền với bài hát *Quê hương* của Đỗ Trung Quân và một số bài thơ viết về quê hương.
- Tìm hiểu kĩ văn bản, chuẩn kiến thức, thiết kế bài học, các slide ngữ liệu.

- Hướng dẫn HS chuẩn bị bài.

2. Học sinh:

- Soạn bài theo định hướng của SGK và sự hướng dẫn của giáo viên

- Trả lời các câu hỏi trong phần Đọc - Hiểu văn bản.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5P)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
- Trong chương trình Ngữ văn lớp 7, các em đã được tìm hiểu nhiều tác giả Trung Quốc, đó là những ai, với những tác phẩm nào? - Nội dung của những bài thơ đó? - Cho HS xem slide ảnh và thơ Lý Bạch, Đỗ Phủ, Hạ Tri Chương - Cho HS xem slide ảnh chân dung Lỗ Tấn và hai tập truyện ngắn <i>Bàng hoàng</i> và <i>Gào thét</i> - Giới thiệu <i>Cố hương</i>	- Lắng nghe, trao đổi, trả lời. (Lý Bạch - <i>Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh</i> (<i>Tĩnh dạ tứ</i>); <i>Xa ngắm thác núi Lư</i> (Vọng Lư sơn bộc bố) Đỗ Phủ - <i>Bài ca nhà tranh bị gió thu phá</i> (Mao ốc vị thu phong sở phá ca) Hạ Tri Chương - <i>Ngẫu nhiên viết nhân buổi mới về quê</i> (Hồi hương ngẫu thư) - Xem	... nói về văn học Trung Quốc, chúng ta không thể không nói đến nhà văn Lỗ Tấn với những truyện ngắn vô cùng hấp dẫn có ý nghĩa thâm trầm sâu sắc về cuộc đời như <i>Cố hương</i>... ... là bức tranh thu nhỏ về xã hội Trung Quốc những năm đầu thế kỷ XX. Sau nhiều năm xa quê, khi nhân vật “tôi” trở về quê nhà, tuy không đến nỗi bẽ bàng như nhà thơ Hạ Tri Chương khi không ai nhận ra mình nhưng cũng buồn ngùi một nỗi buồn tê tái trước cảnh quê, người quê. Và tâm trạng người về không chỉ có thể... ...

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (108p)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1: Đọc-Tìm hiểu chung văn bản		I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả: - Lỗ Tấn (1881-1936)

- GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - Cho học sinh đọc phần chú thích *, hướng dẫn đọc và đọc mẫu văn bản : chú ý giọng điệu trầm, hơi buồn, có chút bùi ngùi khi kể tả; giọng của các nhân vật có khi tự ti, khi chao chất;... giọng suy ngẫm triết lý ở một số câu, đoạn. *Thảo luận cặp (7p) - Trình bày những hiểu biết của em về nhà văn Lỗ Tấn? - Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm Cố Hương ? - Xác định bố cục văn bản ? - Tóm tắt cốt truyện ? Theo dõi, đôn đốc giúp đỡ Hs hoàn thành nhiệm vụ Xóc bắt thăm số thứ tự cặp lên trả lời GV nhận xét, chốt ý. Hết tiết 1	- Nghe hướng dẫn cách đọc - Đọc chú thích và văn bản - Chọn địa điểm hẹn - Di chuyển đến điểm hẹn - Thực hiện nhiệm vụ được giao - Trình bày theo thứ tự số bắt thăm. - lắng nghe, góp ý bổ sung	- Là nhà văn nổi tiếng của Trung Quốc - Lỗ Tấn có những công trình nghiên cứu và tác phẩm văn chương đồ sộ và đa dạng. 2. Tác phẩm: - <i>Cố hương</i> viết năm 1921 - Là một trong những truyện ngắn tiêu biểu nhất của tập <i>Gào thét</i> (1923) 3. Bố cục: Ba đoạn - Từ đầu – <i>tôi đang làm ăn, sinh sống</i>: Nhân vật “tôi” trên đường trở về quê cũ. - Tiếp theo – <i>sạch trơn như quét</i>: Nhân vật “tôi” trong những ngày ở quê. - Phần còn lại: Nhân vật tôi trên đường rời quê. 4. Tóm tắt: Truyện kể về chuyến thăm quê lần cuối sau 20 năm xa cách của nhân vật “tôi”. So với ngày trước, cảnh vật và con người nơi quê thật tàn tạ, nghèo hèn. Mang nỗi buồn thương, nhân vật “tôi” rời cố hương ra đi với ước vọng cuộc sống nơi quê mình sẽ được đổi thay. II. Đọc- Tìm hiểu: 1. Nhân vật “tôi” trên đường trở về thăm quê cũ: - Đang độ giữa đông; xa gần thấy thấp thoáng mấy thôn xóm tiêu điều, hoang vắng, nằm im lìm dưới vòm trời màu vàng úa. - Cảnh quê: tàn tạ, nghèo khổ - Tôi ngạc nhiên, chua xót, ... Yêu quê đến độ xót xa cho sự nghèo khổ của làng quê mình.

- Cảnh đó dự báo một cuộc sống như thế nào đang diễn ra nơi cố hương? - Trước cảnh ấy, tiếng nói nào vang lên trong nội tâm người trở về? (Cho HS đọc : <i>A, đây thật có phải là làng cũ... ?</i>) - Em đọc được cảm giác nào của nhân vật từ tiếng vọng nội tâm này? - Nhận xét nghệ thuật kể chuyện trong phần truyện này? (Chỉ trong một đoạn văn ngắn, với sự gia tăng yếu tố miêu tả và biểu cảm, cách dùng lời kể, bình, so sánh đối chiếu,... vừa tái hiện hình ảnh làng quê tiêu điều, xơ xác vừa bộc lộ xúc động của lòng người: hụt hẫng, ngạc nhiên, chua xót, thất vọng,...đáng thương).	HS trình bày	- Gia tăng yếu tố miêu tả và biểu cảm.

Tìm hiểu phần 2 văn bản - Hướng dẫn đọc phần 2 (phần chữ lớn) - Khi trở về quê, “tôi” đã gặp quang cảnh như thế nào ? - Cảnh đó gợi cảm giác như thế nào trong nhân vật “tôi” ? - Những ngày ở quê, nhân vật “tôi” đã gặp nhiều người quen cũ, trong đó, cuộc gặp với nhân vật nào được kể nhiều nhất? - Trong câu chuyện với mẹ bàn về việc bán nhà, người mẹ nhắc tới Nhuận Thổ - người bạn thời niên thiếu . Ngay lập tức trong tâm trí của Tấn là hình ảnh Nhuận Thổ. Vì sao vậy?	- Lắng nghe và trả lời cá nhân - Lắng nghe và trả lời cá nhân	2. Những ngày “tôi” ở cố hương: a. Quang cảnh - <i>Trên mái ngói, mấy cọng rơm khô phát phơ</i> - <i>Những gia đình khác đã dọn đi rồi</i> -> hiu quạnh, buồn b. Con người quê hương - Nhân vật Nhuận Thổ + Trong quá khứ + Trong hiện tại

- Điều gì làm Tấn bất ngờ nhất khi gặp Nhuận Thổ ? (Xem lại bảng so sánh để rõ hơn mối quan hệ 2 người) - Nếu sự thay đổi về diện mạo chỉ làm cho Tấn thấy xúc động, ngậm ngùi, tình cảm thì sự thay đổi về tinh thần nơi Nhuận Thổ làm anh "đáng" người - một sự bất ngờ đến đau buồn, bi đát mà nguyên nhân thì ta đã rõ... - GV có thể nói thêm ngắn gọn về nhân vật chị Hai Dương và những người khác để minh chứng cho sự thay đổi con người, đạo đức và lối sống. Hết tiết 2 *Tìm hiểu phần 3 văn bản - Hướng dẫn đọc phần 3 - Chi tiết nv "Tôi" về quê trong khung cảnh u ám và rời quê lúc hoàng hôn có ý nghĩa gì? - Việc lựa chọn thời điểm là dụng ý nghệ thuật, tạo bố cục "đầu cuối tương ứng" nhằm nhấn mạnh, tô đậm chủ đề: p/a 1 thời kì tăm tối của nhân dân Trung Quốc. - Tâm trạng của Tấn khi rời xa cố hương ? - Đoạn nói về nhân vật Hoàng và Thuý Sinh có ý gì? - Đọc đoạn "Tôi nghĩ bụng...được sống.". Chỉ ra phương thức biểu đạt? -Theo em, một cuộc đời mới là như thế nào ? - Mong ước :	- Lời chào: "Bẩm ông !" - Lắng nghe, ghi bài - Lắng nghe - Theo dõi, thực hiện	3. Khi rời cố hương - Rời làng quê mà lòng không cảm thấy một chút lưu luyến nào, thấy lẻ loi, ngột ngạt - Cố hương bây giờ chỉ còn xơ xác nghèo hèn và xa lạ, từ cảnh vật đến con người - Niềm hi vọng đặt vào thế hệ trẻ. - Dùng phương thức lập luận, mong ước 1 cuộc sống ấm no, con người

+ <i>Chúng sẽ không giống chúng tôi , không bao giờ phải cách bức nhau cả</i> + <i>Không bao giờ phải vất vả chạy vạy như tôi</i> + <i>Không phải khốn khổ mà đàn độn như Nhuận Thổ</i> + <i>Không phải khốn khổ mà tàn nhẫn như bao người khác</i> + <i>Chúng có một cuộc đời mới mà chúng tôi chưa từng được sống .</i> - Trong truyện có những hình ảnh " con đường" nào ? Tìm hiểu ý nghĩa? *Con đường mà t/g đã đi (con đường theo nghĩa đen): con đường thủy, đường sông đưa nhân vật tôi về quê và đưa gia đình rời quê. Hình ảnh con đường sông nước này cũng phần nào có ý nghĩa khái quát biểu trưng cho sự thay đổi luân chuyển của cuộc sống, con người như nước, như dòng chảy không ngừng của sông . - H/a con đường tiếp theo được nói đến là h/a nào? ý nghĩa của nó? “biết là tôi đang đi theo con đường của tôi”. Đó là hình ảnh con đường trong suy nghĩ, liên tưởng của nhân vật “ tôi”, có ý nghĩa khái quát triết lý về cuộc sống con người hiện tại đến tương lai. - Ở cuối truyện có thêm hình ảnh “con đường ”, em hiểu như thế nào về hình ảnh này ?	HS tìm hiểu	lương thiện, giàu tình cảm, thân thiện không cách bức ... <u>* Hình ảnh con đường:</u> - Con đường sông nước - Con đường “tôi” đang đi

- Cho HS đọc phần ghi nhớ		- Chua xót trước một làng quê đã từng tươi đẹp, nay tàn tạ và yếu hèn. - Phê phán thực trạng trì trệ, đen tối của xã hội phong kiến. - Mong mỏi cho cuộc đổi đời của quê hương. - Đặt ra vấn đề con đường của người nông dân, của toàn xã hội

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (10p)

Cho HS làm bài tập 2 SGK, trang 219. Làm theo nhóm GV chốt ý	HS thực hiện và trình bày	

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (7p)

- Từ sự thay đổi của nv Nhuận Thổ và các nhân vật khác, em có nhận xét gì về mối quan hệ giữa môi trường xã hội và sự thay đổi của con người?(MT) - Em sẽ học được gì trong cách kể chuyện về làng quê của nhà văn Lỗ Tấn? - Em sẽ có mong ước gì cho làng quê của mình?	HS thực hiện HS tự bộc lộ	- Môi trường sống có tác động đến sự thay đổi tâm tính con người. - Phải am hiểu cuộc sống của làng quê. - Tấm lòng chân thành, tha thiết với quê hương. - Kết hợp nhiều phương thức trong kể chuyện.

5. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG (3p)

Đọc cho HS nghe đoạn trích của Giang Trạch Dân trong SGK, t1, trang 235.

“ Thời đại người Trung Quốc làm nô lệ hoặc muốn làm nô lệ mà không được mà Lỗ Tấn từng nguyên rủa đã qua lâu rồi, con cháu của Nhuận Thổ, Tường Lâm (tên một nv phụ nữ bất hạnh trong tác phẩm *Cầu phúc* của Lỗ tấn) đã trở thành người chủ quốc gia, người xây dựng cuộc sống mới...

... Lỗ Tấn từng nói: trên mặt đất vốn không có đường, đường là do con người giẫm nát chỗ không có đường có đường mà tạo ra, là khai phá chỗ gai góc mà có... Bất kể gặp

bao nhiêu gian nan trắc trở, chúng ta cần bước tiếp, kiên định không nao núng. Trong sự nghiệp vĩ đại xây dựng chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc, hãy đứng vững trên đất, gạt bỏ hết chông gai, tinh thần phấn chấn, đoàn kết phấn đấu, không ngừng tìm tòi và sáng tạo. Đó là cách kỷ niệm Lỗ Tấn hay nhất.”.

(*Thêm một bước học tập và phát huy tinh thần Lỗ Tấn*, Bài nói chuyện trong lễ kỉ niệm 110 năm ngày sinh Lỗ Tấn, Lương Duy Thứ dịch)

***Hướng dẫn tự học (2p)**

- Đọc kĩ văn bản, kể tóm tắt
- Nắm nội dung bài học.
- Chuẩn bị bài: Thi cuối kì 1

TUẦN 18A
TIẾT 84,85: KIỂM TRA CUỐI KÌ 1
TIẾT 86,87,88: TRẢ BÀI THI CUỐI KÌ 1

TIẾT 84,85	KIỂM TRA CUỐI KÌ (Đề của PGD)	NS: 21/12/2023

I. MỤC TIÊU ĐỀ KIỂM TRA

- Thu thập thông tin, đánh giá mức độ đạt được của quá trình dạy học trong HK I so với yêu cầu đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình giáo dục.
- Nắm bắt khả năng học tập, mức độ phân hóa về học lực của học sinh. Trên cơ sở đó, giáo viên có kế hoạch dạy học phù hợp với từng đối tượng học sinh nhằm nâng cao chất lượng dạy học môn Ngữ văn.

MA TRẬN KIỂM TRA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023 - 2024 MÔN: NGỮ VĂN 9

I. MỤC TIÊU ĐỀ KIỂM TRA

- Thu thập thông tin, đánh giá mức độ đạt được của quá trình dạy học trong HK I so với yêu cầu đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình giáo dục.
- Nắm bắt khả năng học tập, mức độ phân hóa về học lực của học sinh. Trên cơ sở đó, giáo viên có kế hoạch dạy học phù hợp với từng đối tượng học sinh nhằm nâng cao chất lượng dạy học môn Ngữ văn.

II. HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA

- Hình thức: Tự luận
- Cách thức: Kiểm tra trên lớp theo đề của Phòng GD&ĐT

III. THIẾT LẬP MA TRẬN

TT	Kĩ năng	Nội dung/ đơn vị kĩ năng	Mức độ nhận thức				Tổng
			Nhận biết (số câu)	Thông hiểu (số câu)	Vận dụng (số câu)	Vận dụng cao (số câu)	
1	Đọc- hiểu	Thơ hiện đại	4	1	1	0	6
Tỷ lệ % điểm			30	10	10	0	50
2	Viết	Viết bài văn tự sự có sử dụng yếu tố miêu tả, biểu	1*	1*	1*	1*	4

		cảm					
Tỷ lệ % điểm			10	20	10	10	50
Tỷ lệ điểm các mức độ			40	30	20	10	100

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2023 - 2024
MÔN: NGỮ VĂN 9**

TT	Kĩ năng	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá
1	ĐỌC HIỂU	Thơ hiện đại	Nhận biết: Nhận biết được phương thức biểu đạt; nghĩa gốc, nghĩa chuyển; nhận biết biện pháp tu từ; từ láy. Thông hiểu: Hiểu được nội dung đoạn ngữ liệu. Vận dụng: Trình bày quan điểm, suy nghĩ của bản thân về một vấn đề đặt ra từ đoạn ngữ liệu.
2.	LÀM VĂN	Viết bài văn tự sự có kết hợp các yếu tố miêu tả, miêu tả nội tâm, biểu cảm và nghị luận.	Nhận biết: Kiểu bài văn tự sự kết hợp các yếu tố miêu tả, miêu tả nội tâm, biểu cảm và nghị luận. Thông hiểu: Cách làm bài văn tự sự có kết hợp các yếu tố khác theo bố cục 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài. Vận dụng: Vận dụng tốt cách làm bài văn tự sự kết hợp các yếu tố miêu tả và biểu cảm, miêu tả nội tâm và nghị luận Vận dụng cao: Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt.

UBND HUYỆN NÚI THÀNH
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề này gồm 01 trang)

**KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023 – 2024
MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 9**

Thời gian làm bài: 90 phút (Không kể thời gian giao đề)

I. ĐỌC HIỂU (5.0 điểm)

Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

“Quê hương tôi có con sông xanh biếc
Nước gương trong soi tóc những hàng tre

Tâm hồn tôi là một buổi trưa hè
Toả nắng xuống lòng sông lấp loáng

Chẳng biết nước có giữ ngày, giữ tháng
Giữ bao nhiêu kỷ niệm giữa dòng trôi?
Hỡi con sông đã tắm cả đời tôi!
Tôi giữ mãi mỗi tình mới mẻ...”

(Nhớ con sông quê hương – Tuyển tập thơ Tế Hanh)

Câu 1 (0.5 điểm): Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên.

Câu 2 (1.0 điểm): Xác định từ được dùng theo nghĩa chuyển trong câu thơ: “*Toả nắng xuống lòng sông lấp loáng*”.

Câu 3 (1.0 điểm): Chỉ ra và gọi tên biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ: “*Tâm hồn tôi là một buổi trưa hè/ Toả nắng xuống dòng sông lấp loáng*”.

Câu 4 (0.5 điểm) Tìm những từ láy có trong đoạn thơ trên.

Câu 5 (1.0 điểm) Nêu nội dung của đoạn thơ.

Câu 6 (1.0 điểm) Từ đoạn thơ trên, em thấy mình cần có trách nhiệm gì đối với quê hương, đất nước?

II. LÀM VĂN (5.0 điểm)

Kể lại kỉ niệm sâu sắc với một người mà em yêu quý.

..... Hết

Họ và tên học sinh.....; số báo danh.....

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I

Môn: Ngữ văn – Lớp 9

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

- Giám khảo cần nắm bắt kỹ phần trình bày của thí sinh để đánh giá tổng quát, khách quan bài làm. Linh hoạt trong việc ghi điểm để tránh thiệt thòi cho thí sinh.

- Lưu ý những bài viết có tính sáng tạo, mới lạ trong cách dùng từ, diễn đạt và trong nội dung.

- Điểm lẻ tính đến 0.25 sau đó làm tròn theo quy định

II. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

PHẦN	CÂU	ĐỊNH HƯỚNG TRẢ LỜI	ĐIỂM
PHẦN I		ĐỌC HIỂU (5.0 điểm)	
	1	Phương thức biểu đạt chính: biểu cảm	0.5

	2	Từ được dùng theo nghĩa chuyển trong câu thơ “ <i>Tỏa nắng xuống lòng sông lấp loáng</i> ” là từ “ <i>lòng</i> ”.	1.0
	3	- Biện pháp tu từ: <i>Tâm hồn tôi là một buổi trưa hè</i> - Gọi tên: Biện pháp tu từ so sánh	0.5 0.5
	4	Từ láy: <i>Lấp loáng, mới mẻ</i> - Học sinh xác định đúng 2 từ láy - Học sinh xác định đúng 1 từ láy - Học sinh không xác định được	0.5 0.25 0.0
	5	Nội dung đoạn trích: - <i>Miêu tả vẻ đẹp của con sông quê</i> - <i>Bày tỏ nỗi nhớ và sự gắn bó với con sông, với quê hương của tác giả</i>	
		- Học sinh nêu đầy đủ nội dung như trên	1.0
		- Trả lời đúng 1 trong 2 ý - Học sinh trả lời không đúng ý hoặc không trả lời. <i>* Tùy phần trả lời của học sinh mà giáo viên linh hoạt ghi điểm.</i>	0.5 0.0
	6	Học sinh có thể trả lời nhiều ý khác nhau, các ý phải nêu được trách nhiệm của công dân với quê hương, đảm bảo không vi phạm đạo đức, không vi phạm pháp luật. * Gọi ý: - <i>Giữ gìn vẻ đẹp của quê hương: có ý thức bảo vệ quê hương, đất nước, giữ gìn nét đẹp văn hóa quê hương, bảo vệ môi trường, ...</i> - <i>Góp phần xây dựng quê hương giàu đẹp: học tập, tu dưỡng, rèn luyện tốt; tham gia các hoạt động thiện nguyện...</i>	
		+ Học sinh trình bày hợp lí, rõ ràng, đảm bảo từ 2 ý trở lên	1.0
		+ Học sinh có trình bày hợp lí, rõ ràng nhưng chỉ đảm bảo 1 ý	0.5
		+ Học sinh có trình bày nhưng chưa đảm bảo ý, hoặc không trình bày <i>* Tùy theo phần trả lời của học sinh mà giáo viên linh hoạt ghi điểm.</i>	0.0

PHẦN II. LÀM VĂN (5.0 ĐIỂM)	
Tiêu chí đánh giá	
1. Yêu cầu chung: - Học sinh biết kết hợp kiến thức và kĩ năng để viết bài văn tự sự - Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng, diễn đạt mạch lạc; hạn chế mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. - Kết hợp với các yếu tố khác: miêu tả, biểu cảm, miêu tả nội tâm và nghị luận trong một bài văn tự sự	

2. Yêu cầu cụ thể:	
a) Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự: Trình bày đầy đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Đảm bảo yêu cầu từng phần.	0.5
b) Xác định đúng yêu cầu bài tự sự: kỉ niệm sâu sắc với một người mà em yêu quý	0.5
c) Viết bài: Sau đây là những yêu cầu có tính định hướng:	
+ Mở bài: Giới thiệu kỉ niệm với người em yêu quý	0.5
+ Thân bài: - Hoàn cảnh diễn ra kỉ niệm: + Địa điểm, thời gian diễn ra kỉ niệm... + Tâm trạng của bản thân... - Diễn biến câu chuyện: + Lần lượt kể diễn biến câu chuyện + Kết hợp miêu tả, miêu tả nội tâm, biểu cảm và nghị luận trong từng sự việc - Kết thúc câu chuyện: nêu cảm nghĩ và bài học rút ra qua câu chuyện	2.0
+ Kết bài: Nhấn mạnh ý nghĩa câu chuyện, gửi thông điệp cho mọi người.	0.5
d) Sáng tạo: Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện sự sáng tạo trong cách hành văn, sáng tạo trong xây dựng tình huống câu chuyện.	0.5
e) Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	0.5
* Tùy từng trường hợp làm bài cụ thể mà giáo viên cần linh hoạt ghi điểm trong quá trình chấm.	

.....**Hết**.....

TIẾT 86,87,88	TRẢ BÀI KIỂM TRA CUỐI KÌ	NS: 03/1/2024

I. Mục tiêu cần đạt.

1.Kiến thức:

- Đánh giá bài làm, đánh giá khả năng tiếp thu kiến thức ngữ văn
- Sửa chữa kịp thời những lỗi sai cơ bản.

2. Năng lực:

- **Năng lực chung:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực nhận thức, tư duy logic
- **Năng lực chuyên biệt :** năng lực sử dụng ngôn ngữ, sử dụng Tiếng Việt, đọc hiểu văn bản, cảm thụ văn học, cảm thụ thẩm mỹ.

3. Phẩm chất:

- Cần trọng trong sử dụng ngôn ngữ và tạo lập văn bản.

II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:

1. Giáo viên: Thiết kế bài dạy, đề, hướng dẫn chấm...

2. Học sinh: Sách Ngữ văn ,...

III. Tiến trình dạy học.

1. Hoạt động khởi động (4 phút).

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Nội dung cần đạt
-Để đánh giá được được sự tiếp thu môn học, người học cần làm gì? -Dẫn nhập nội dung bài học Cách tốt nhất để kiểm tra năng lực tiếp thu tri thức của bản thân, người học cần tham gia vào các cuộc khảo nghiệm và cố gắng hết mình (Bài khảo nghiệm có thể là bài test nhanh, những bài kiểm tra định kì...). Đồng thời qua những bài kiểm tra này, người học sẽ được rèn luyện thêm khả năng thực hành. Hôm nay, các em sẽ được	-Trình bày quan niệm của bản thân.	

Hoạt động 4: Hướng dẫn sửa lỗi. -Lỗi về kĩ thuật làm bài. -Lỗi về nội dung. -Lỗi về diễn đạt. -Nhắc nhở học sinh rút kinh nghiệm cho bài viết sau được tốt hơn. Hoạt động 5: Tuyên dương. 1.Khen ngợi những bài viết tốt. 2.Đọc mẫu bài văn hay		<i>b. Phần tạo lập văn bản:</i> -Nội dung chưa tốt. -Mắc nhiều lỗi diễn đạt. IV. Hướng dẫn sửa lỗi. V.Tuyên dương.

3. Hoạt động luyện tập, vận dụng (50 phút)

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Nội dung cần đạt
-Qua tiết trả bài viết, em rút ra bài học gì cho bản thân khi làm bài? - Tự hoàn thiện bài làm của bản thân	-Thể hiện quan điểm.	

***Hướng dẫn tự học (2p)**

- Tự sửa lỗi của bài làm
- Chuẩn bị tiết sau: Chương trình địa phương: Trong rừng long boong; Về thời em

TUẦN 18B

**TIẾT 89: CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG: TRONG RỪNG LOONG
BOONG**

TIẾT 90: CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG: VỀ THÔI EM

TIẾT 89	CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG: TRONG RỪNG LÒNG BOONG	NS: 3/1/2024

I. Mục tiêu cần đạt: Giúp học sinh.

1. Kiến thức

- Vẻ đẹp thiên nhiên, sản vật, con người xứ Quảng: những cánh rừng lòng boong sai quả; những chiến sĩ dũng cảm nhân hậu.
- Nhận ra chất Quảng Nam trong những trang viết đậm chất trữ tình.

2. Năng lực

- + **Năng lực chung:** Năng lực hợp tác, tiếp nhận, giải quyết vấn đề, sử dụng CNTT, sử dụng ngôn ngữ, năng lực tự học,...
- + **Năng lực chuyên biệt:** năng lực đọc hiểu, cảm thụ văn học

3/ Phẩm chất

- Bồi đắp tình yêu quê hương, tình yêu thiên nhiên xứ Quảng, lòng tự hào về sản vật và con người đất Quảng.
- *Tích hợp: Giáo dục các em tình yêu quê hương đất nước.

II. Chuẩn bị

Gv : - Tác phẩm “Trong rừng lòng boong”, TKBG

HS : - Đọc- hiểu văn bản

- Tìm hiểu giá trị nội dung và nghệ thuật theo sự dẫn dò.

III. Tiến trình tổ chức các hoạt động.

1. Khởi động (3 p)

Hoạt động của thầy.	Hoạt động của HS	Ghi bảng.
Em hãy đọc một câu ca xứ Quảng? Đất Quảng Nam chưa mưa đã thấm. Rượu hồng đào chưa nhấm đã say... Ở quê hương Quảng Nam thân yêu, em có biết những loại trái cây nào là nổi tiếng? ->GV dẫn vào bài: Quê hương Quảng Nam thân yêu không chỉ nổi tiếng với thiên nhiên đẹp, với con người anh hùng nhân hậu mà còn có những sản vật nổi tiếng. Hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu một tác	Hs trả lời.	

phẩm viết về Quảng Nam của nhà văn Thu Bồn.		

2. Hình thành kiến thức (30 p)

Hoạt động của thầy.	Hoạt động của HS	Ghi bảng.
Nêu hiểu biết của em về tác giả? - Hoàn cảnh ra đời của bài thơ? B1- Đọc tìm hiểu về đẹp của cánh rừng lòng boong - Cánh rừng lòng boong được miêu tả qua những chi tiết nào? - Qua đó em cảm nhận gì về tình cảm, thái độ của tác giả? Chốt ý chuyển ý 2 B2- Tìm hiểu về đẹp nhân vật Thận thể hiện qua đoạn trích Qua cách kể của tác giả, em cảm nhận nhân vật thận là con người có những đặc điểm gì?	Hs quan sát tài liệu, trả lời. + Thu Bồn tên Hà Đức Trọng (1935- 2003), quê Điện Thắng, Điện Bàn, Quảng Nam. + Đạt nhiều giải thưởng: Văn học NDChiều (1965), thơ báo Hà Nội Mới (1969), Hội nhà văn Á- Phi (1973) + Sáng tác: thơ, trường ca, truyện, tiểu thuyết... + Truyện ngắn “Trong rừng lòng boong” được viết mùa hè 1973, in trong Văn QN-ĐN 1965-1975 Bức tranh rừng lòng boong vào mùa quả chín đầy sắc màu, hình ảnh, âm thanh, sự sống vui tươi. Miêu tả bằng ngòi bút tinh tế, qua cái nhìn tràn ngập tình yêu mến -> tự hào về vẻ đẹp quê hương và niềm yêu đời thiết tha cuộc sống. Ở trong một khu rừng vắng vẻ, có nhiệm vụ trông coi, bảo vệ kho hàng đạn dược; tự lo lương thực cho chính mình, ăn củ mài tự đào là chính, cứu một con nhồng bị thương, chăm sóc nó và coi nó như em gái.	I. Tìm hiểu chung: 1. Tác giả: 2. Tác phẩm: II. Phân tích: 1. Vẻ đẹp của cánh rừng lòng boong: - Đầy sắc màu, hình ảnh âm thanh sự sống vui tươi - Tự hào về vẻ đẹp quê hương và niềm yêu đời thiết tha cuộc sống. 2. Vẻ đẹp nhân vật Thận: - Là người lính đầy tinh thần trách nhiệm

* Hướng dẫn tổng kết -Nêu những đặc sắc nghệ thuật trong đoạn trích? Em hãy tìm những từ ngữ, hình ảnh mang đậm chất QN trong đoạn trích? - Nêu khái quát nội dung VB? - Nêu ý nghĩa của đoạn trích? GV chốt ý, rút ra ghi nhớ. Gọi hs đọc ghi nhớ.	+ Miêu tả bằng ngòi bút tinh tế đặc sắc, đầy cảm xúc trữ tình + Cách kể chuyện hấp dẫn Ca ngợi người lính, người dân đất Quảng anh dũng, yêu quê hương, đất nước, nhân hậu, yêu thiên nhiên, loài vật. Đất Quảng có những cánh rừng loong boong đẹp, tràn đầy sức sống; có những con người anh dũng nhân hậu, giàu lòng yêu quê hương, đất nước, yêu loài vật. - HS đọc ghi nhớ.	- Có ý thức rèn luyện, siêng năng cần cù. - Có tấm lòng thương yêu loài vật III. Tổng kết: 1. Nghệ thuật: Cách kể chuyện hấp dẫn (tự sự xen miêu tả, trữ tình) 2. Nội dung: 3. Ý nghĩa: Tình yêu quê hương, thiên nhiên núi rừng; lòng tự hào về sản vật và con người xứ Quảng. Ghi nhớ sgk.

3.Luyện tập (10p)

Hoạt động của thầy.	Hoạt động của HS	Ghi bảng.
Viết đoạn văn tả lại một cảnh tượng thiên nhiên ở quê em ->Hs đọc đoạn văn -> Giáo viên nhận xét, chỉnh sửa	Viết đoạn văn	

*Hướng dẫn tự học (2 p)

- Đọc văn bản, cảm nhận vẻ đẹp quê hương, những cánh rừng loong boong sai quả và người lính dũng cảm, nhân hậu.
- Hoàn thiện đoạn văn ngắn tả lại một cảnh tượng thiên nhiên nào đó ở quê hương mình
- Chuẩn bị bài: Về thời em

TIẾT 90	CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG: VỀ THỜI EM	NS: 4/1/2024

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức:

- Cảm nhận được tình quê da diết thể hiện qua nỗi nhớ thương quay quắt của những người con Quảng Nam xa xứ.
- Sự tinh tế của tác giả trong việc đã chọn lọc để đưa vào bài thơ những hình ảnh , địa danh và cả những ý tưởng ca dao đậm đà chất Quảng Nam.

2. Năng lực:

+ **Năng lực chung:** Năng lực hợp tác, tiếp nhận, giải quyết vấn đề, sử dụng CNTT, sử dụng ngôn ngữ, năng lực tự học,..

+ **Năng lực chuyên biệt:**

- Nắm bắt nội dung văn bản thơ rất tự nhiên khi đưa vào những câu ca dao đất Quảng.
- Cách giải bày một thứ tình quê da diết qua việc vận dụng thành công hình ảnh lẫn ý tình của những câu ca dao thân thuộc.

3/ Phẩm chất :

- Lòng yêu quê hương đất nước, tự hào về quê hương đất nước.
- Có ý thức bảo vệ quê hương đất nước

II. CHUẨN BỊ:

- GV: *Tài liệu học tập và giảng dạy Chương trình Ngữ Văn địa phương Tỉnh Quảng Nam*, bảng phụ, sưu tầm các phương ngữ ở Tỉnh Quảng Nam và 1 số địa phương khác; 1 số hình ảnh về Sài Gòn, quê hương Quảng Nam, Hòn Kẽm Đá Dừng,...
- HS: Soạn bài theo yêu cầu *Tài liệu học tập và giảng dạy Chương trình Ngữ Văn địa phương Tỉnh Quảng Nam*, bảng phụ

III. CÁC BƯỚC LÊN LỚP:

Hoạt động 1: Khởi động. (2phút)		
Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Nội dung cần đạt
GV giao nhiệm vụ học tập : +GV trình chiếu cho HS xem 1 số hình ảnh về Sài Gòn, quê hương Quảng Nam, Hòn Kẽm Đá Dừng,... - GV: Các hình ảnh trên gợi nhắc đến nơi - địa danh nào	- HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS theo dõi thông tin - HS trao đổi, hợp tác để tìm hiểu và trả lời.	- Hình thức khởi động hợp lí, sáng tạo, gây hứng thú cho HS. - Định hướng được nội dung, chủ đề bài học.

? Đọc tên cụ thể? Các hình ảnh này có ý nghĩa gì ? - GV: Theo dõi, hỗ trợ. - GV nhận xét, dẫn vào bài mới và ghi lên bảng tên bài học.	- HS lắng nghe và ghi tên bài học.	
Hoạt động 2: Hoạt động hình thành kiến thức (28')		
Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Nội dung cần đạt
*Hoạt động 1: Đọc -Tìm hiểu chung văn bản + Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV: Hướng dẫn HS đọc văn bản - Gọi HS đọc bài thơ - GV theo dõi, hỗ trợ, nhận xét cách đọc. -GV giới thiệu vài ý cơ bản về tác giả và bài thơ ? - Bài sáng tác năm nào ? In trong tập thơ nào? - GV chốt ý và cho HS ghi * Hoạt động 2 : Cho hs tìm hiểu bài thơ + Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - Em hãy cho biết bài thơ thể hiện tình cảm gì ? -Tình cảm đó được thể hiện trong hoàn cảnh nào ? <i>Câu hỏi thảo luận:</i> <i>Trạm 1,3</i> -Ở nơi xa xôi (miền Nam) tác giả nhớ thương những hình ảnh, cảnh vật gì nơi quê hương ?	HS thực hiện nhiệm vụ học tập: - HS nghe - HS đọc bài thơ. - Tác giả quê ở Xã Bình Lâm –Thăng Bình –QN (nay thuộc Hiệp Đức-QN) - Bài thơ được phổ nhạc - viết cuối năm 1997 được in trong tuyển tập thơ “<i>Chưa mưa đã thấm</i>” HS thực hiện nhiệm vụ học tập: - HS nghe – tiếp nhận -Hoạt động độc lập	I. <u>Đọc-Tìm hiểu chung :</u> 1. <u>Đọc :</u> 2. <u>Tìm hiểu chung :</u> a. <u>Tác giả :</u> - <i>Dương Quang Anh</i> sinh năm 1946 quê ở Bình Lâm –Thăng Bình –QN (nay thuộc Hiệp Đức-QN) .Ông có thơ đăng trên báo và tạp chí b. <u>Tác phẩm :</u> “<i>Về thôi em</i>” viết cuối năm 1997 được in trong tuyển tập thơ “<i>Chưa mưa đã thấm</i>” II/ <u>Tìm hiểu bài thơ:</u> 1/ <u>Nỗi lòng xa quê của con người xứ Quảng:</u> - Nỗi nhớ thương da diết về quê hương của người xa xứ : + Thèm được nhấp môi chén rượu hồng đào. + Thèm được nhìn ngọn rau khoai trườn trên nông cát. + Nhớ con cá chuồn tươi dưới biển, trái mít non trên nguồn.

-Từ cảm xúc đó, người xa quê cảm thấy điều gì ? <i>Trạm 2,4:</i> -Xa quê, tác giả nhớ những gì về hình ảnh người dân quê xứ Quảng? - Qua đó tác giả bày tỏ điều gì, suy nghĩ gì về con người quê hương ? - GV đánh giá, chốt ý và ghi bảng - Gọi HS đọc 2 khổ thơ cuối (6 câu cuối) - Giao nhiệm vụ HS thảo luận nhóm các câu hỏi sau : + Nêu nội dung 6 câu thơ em vừa đọc ? + Câu thơ nào thể hiện rõ nhất nỗi lòng đó ? +Điều gì đã thôi thúc sự quyết tâm trở về quê hương của người đi xa ? - Yêu cầu HS trình bày kết quả thảo luận. - GV nhận xét - GV chốt ý và ghi bảng * Hoạt động 3 : Tổng kết + Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Gọi HS đọc lại bài thơ	<i>Thảo luận nhóm 4 thực hiện (theo kĩ thuật trạm)</i> -Các trạm thực hiện bước 1 trong thời gian 5 phút -Chuyển kết quả thảo luận sang trạm bạn, hội ý bổ sung 3 phút -Cử đại diện trình bày kết quả -Lớp theo dõi, nhận xét, bổ sung -Mời GV đánh giá - HS tiếp nhận kiến thức - HS đọc 2 khổ thơ cuối - HS thảo luận nhóm đôi và trình bày kết quả : - Sự thôi thúc trở về quê hương của người xa quê -HS suy nghĩ trả lời - Quê hương và gia đình (Liên hệ những câu thơ , ca dao gợi nhớ quê hương) - HS thực hiện nhiệm vụ học tập: - HS đọc lại bài thơ	+ Tiếng đàn Miếu Bông làm say lòng người. →Người xa quê như được sống lại với cảnh, với vật, với những địa danh thân thiết của quê hương - Nhớ thương người dân quê xứ Quảng : + Cha mẹ ngày xưa vất vả , gieo neo. + Con người quê hương phải vật lộn với cái đói ,cái nghèo. + Tự hào người dân quê sống giàu tình cảm, yêu quê hương, cần cù, chịu thương chịu khó. → Sử dụng hình ảnh lẫn ý tình, từ ngữ địa phương, phép đối, từ láy : Diễn tả tình cảm khôn nguôi nhớ về đất quê, tình quê, nguyện giữ mãi tấm lòng son sắt với quê hương. <u>2/Sự thôi thúc trở về quê hương:</u> -<i>Về thôi em bận lòng chi xứ lạ</i>→ thôi thúc mãnh liệt bước chân người xa xứ trong những ngày xuân về tết đến. -<i>Cha mẹ trông ta</i>→ tình cảm thiêng liêng ,nỗi nhớ mong cháy bỏng của người thân ở quê hương. → Sử dụng từ ngữ đậm chất xứ Quảng : Nỗi lòng chung của những con người Quảng Nam xa xứ. <u>III/ Tổng kết:</u> <u>1. Nghệ thuật :</u>

-Theo em, yếu tố nghệ thuật nào làm nên sự thành công của bài thơ ? (Hình ảnh ? từ ngữ ? giọng thơ ?...) - Ý nghĩa của bài thơ ? - GV nhận xét - GV chốt ý và ghi bảng	- ca dao đất Quảng ,từ địa phương (chi mô, trườn, nông , quảy gánh, đồn, chừ..), Thể thơ tự do 8 chữ - hs trình bày - HS nghe - HS ghi bài	-Sử dụng thành công những câu ca dao đất Quảng , từ địa phương vào bài thơ đầy ý tình làm cho bài thơ đậm chất QNam, bình dị ,sâu lắng -Thể thơ tự do 8 chữ thể hiện được cảm xúc khi thì tâm tình tha thiết, khi thì sôi nổi, giục giã, khi thì sâu lắng, nhẹ nhàng. 2. Ý nghĩa : - Bài thơ làm xúc động người đọc bởi cách giải bày bình dị, chân thành mà sâu lắng về nỗi nhớ quê quay quắt của người xa xứ và tấm lòng son sắt thủy chung,nặng nghĩa tình với quê hương

Hoạt động 3: Luyện tập (2phút)

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Nội dung cần đạt
+ Chuyển giao nhiệm vụ học tập Câu 1: Nhà thơ Dương Quang Anh quê ở đâu ? A. Quảng Ngãi B. Quảng Ninh C. Quảng Nam D. Sài Gòn Câu 2: Văn bản “Về thôi em” được tác giả sáng tác năm nào ? A. 1976 B. 1977 C. 1978 D. 1979 Câu 3: Giọng điệu thơ được thể hiện trong 2 câu thơ đầu của bài thơ là gì? A. Giọng tâm tình, nhẹ nhàng. B. Giọng tâm tình, sôi nổi.. C. Giọng tha thiết, lắng sâu. D. Giọng tâm tình, giục giã. - GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương.	HS thực hiện nhiệm vụ học tập: - HS suy nghĩ, tích hợp, lựa chọn các phương án đúng dựa trên kiến thức đã lĩnh hội.	- HS chọn đúng các câu hỏi: Câu 1: C Câu 2: B Câu 3 : D

Hoạt động 4: Vận dụng (10')

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Nội dung cần đạt

+ Chuyển giao nhiệm vụ học tập <i>Viết đoạn văn ngắn 7-10 câu, bộc lộ tình cảm của em đối với quê hương của của mình?</i> - Theo dõi, hỗ trợ cho HS . Sau đó cho HS xung phong trình bày kết quả của mình - GV nhận xét, đánh giá	HS thực hiện nhiệm vụ học tập: - HS đọc câu hỏi luyện tập. - Mỗi cá nhân HS tự suy nghĩ viết đoạn văn.	- HS vận dụng kiến thức để viết đoạn văn đúng yêu cầu.

Hoạt động 5: Tìm tòi – Mở rộng (3')

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Nội dung cần đạt
+ Chuyển giao nhiệm vụ học tập : Câu 1 : Từ bài thơ, em hiểu gì về con người xứ Quảng ? Câu 2 : Các nhóm sưu tầm 1 số câu thơ, câu ca dao, dân ca ca ngợi về quê hương Quảng Nam. - Yêu cầu HS thảo luận và trình bày kết quả trên bảng nhóm. - Theo dõi, hỗ trợ cho HS . - GV nhận xét, đánh giá	HS thực hiện nhiệm vụ học tập: - HS trình bày theo ý riêng của cá nhân - HS nhận xét, bổ sung	- HS biết tìm tòi, mở rộng sự hiểu biết của mình

***. Hướng dẫn tự học (3')**

- Về nhà đọc thuộc lòng bài thơ và đọc bài thơ đúng với sắc thái tình cảm của bài thơ
- Sưu tầm thêm các phương ngữ ở quê em.
- Chuẩn bị: Bàn về đọc sách-SGK Ngữ văn 9-Tập 2

TUẦN 19

TIẾT 91,92: BÀN VỀ ĐỌC SÁCH

TIẾT 93: NGHỊ LUẬN VỀ MỘT SỰ VIỆC, HIỆN TƯỢNG TRONG ĐỜI SỐNG

TIẾT 94,95: CÁCH LÀM BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT SỰ VIỆC, HIỆN TƯỢNG TRONG ĐỜI SỐNG

TIẾT 91,92

BÀN VỀ ĐỌC SÁCH

NS: 11/1/2024

I. Mục tiêu bài học

1. Kiến thức

- Hướng dẫn học sinh đọc, tìm hiểu tác giả, từ khó, bố cục văn bản.
- Hiểu được ý nghĩa và tầm quan của việc đọc sách qua bài nghị luận sâu sắc, giàu tính thuyết phục.
- Phương pháp đọc sách cho có hiệu quả

2. Năng lực

- **Năng lực chung:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực nhận thức, tư duy logic
- **Năng lực chuyên biệt :** năng lực sử dụng ngôn ngữ, sử dụng Tiếng Việt, đọc hiểu văn bản, cảm thụ văn học, cảm thụ thẩm mỹ.

3. Phẩm chất: Yêu thích việc đọc sách

II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:

1. **Giáo viên:** Thiết kế bài dạy Ngữ văn 9, bảng phụ, máy chiếu...
2. **Học sinh:** Sách Ngữ văn 9, bảng nhóm...

III. Tiến trình dạy học.

1. Khởi động (3p)

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Nội dung cần đạt
Bước chân vào trường học các em đã được tiếp xúc và làm quen với sách, những cuốn sách đã trở thành người bạn thân thiết của mỗi người học trò. Nhưng liệu các em đã hiểu hết giá trị của sách, cách đọc sách hiệu quả, những hiệu quả tác dụng mà khi đọc sách con người ta có được khi đọc sách. Để hiểu sâu hơn về cách đọc sách, vai trò tác dụng của việc đọc sách, chúng ta cùng nhau tìm hiểu sự cần thiết của việc đọc sách và pp đọc sách của nhà văn Chu Quang Tiềm trong văn bản : Bàn về đọc sách.	Lắng nghe	

2.Hình thành kiến thức (70p)

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Nội dung cần đạt
HDHS đọc và tìm hiểu chú thích - Nêu những hiểu biết của em về tác giả? - Giáo viên đọc mẫu, hướng dẫn đọc, nêu yêu cầu đọc, hướng dẫn học sinh đọc, gọi học sinh đọc bài. - Đọc rõ ràng rành mạch, nhưng vẫn với giọng tâm tình, nhẹ nhàng như lời trò chuyện. - Nêu vài nét về văn bản : Bàn về đọc sách? - Giải nghĩa các từ khó SGK - Vấn đề nghị luận của bài viết này là gì? - Văn bản có bố cục mấy phần? Nêu ý mỗi phần. HD HS phân tích - TL cặp (2p): Bàn về sự cần thiết của việc đọc sách, tác giả đưa ra luận điểm căn bản nào? - Qua lời bàn của Chu Quang Tiềm em thấy sách có tầm quan trọng ntn?	-Đọc, trình bày -Theo dõi, đọc -Trình bày -Trả lời -Trả lời -Thảo luận, trình bày, nhận xét -Trình bày	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả: - Chu Quang Tiềm (1897 - 1986) là nhà mỹ học và lí luận văn nổi tiếng của TQuốc. 2. Tác phẩm: Trích trong cuốn danh nhân TQuốc bàn về niềm vui nỗi buồn của việc đọc sách. - Kiểu văn bản: Văn bản nghị luận (lập luận giải thích một vấn đề xã hội) - Bố cục: 2 phần + P1: Đầu → phát hiện thế giới mới: Sau khi vào bài tgiả khẳng định tầm quan trọng và ý nghĩa của việc đọc sách. + P2: tiếp → tiêu hao lực lượng. Nêu các khó khăn, nguy hại dễ gặp của việc đọc sách trong tình trạng hiện nay + P3: Còn lại. Bàn về phương pháp đọc sách (Bao gồm cách lựa chọn sách cần đọc và cách đọc ntn cho hiệu quả) II. Phân tích 1. Tầm quan trọng và ý nghĩa của việc đọc sách *Luận điểm: "Đọc sách là 1 con đường quan trọng của học vấn" - Tầm quan trọng của sách: + Sách ghi chép , cô đúc và lưu truyền mọi tri thức + Sách có giá trị được xem là những cột mốc trên con đường tiến hoá học thuật của nhân loại

- TLN (3p): 1/Đọc sách có ý nghĩa ntn trong cuộc sống? 2/ Em có nhận xét gì về cách lập luận của đoạn văn?	-Thảo luận, trình bày, nhận xét	+ Sách trở thành kho tàng quý báu của di sản tinh thần mà loài người thu được qua mấy nghìn năm - Ý nghĩa của việc đọc sách: + Đọc sách là con đường tích lũy,nâng cao vốn tri thức + Đọc sách là trả nợ quá khứ, ôn lại kinh nghiệm loài người + Đọc sách đối với mỗi người còn là sự chuẩn bị để tiến hành cuộc trường chinh vạn dặm trên con đường học vấn đi phát hiện tgiới mới ⇒ Lập luận chặt chẽ, hợp lí, lô gíc giúp người đọc thấy rõ tầm quan trọng của việc đọc sách
- Em được bồi dưỡng những gì từ việc đọc sách Ngữ văn để chuẩn bị cho học vấn của mình?	-Trả lời cá nhân	
-Trong phần văn bản tiếp theo, tác giả đã bộc lộ suy nghĩ của mình về việc đọc sách như thế nào? Quan niệm nào -Đọc sách có dễ không? Tại sao cần phải lựa chọn sách khi đọc? Tác giả so sánh cách đọc sách nhiều mà không kịp chọn lựa với những h/ả nào?(giống như ăn uống , giống như đánh trận) -TL cặp (2p): Tác giả khuyên chúng ta cần phải lựa chọn sách ntn? - Em hiểu thế nào về sách phổ thông và sách chuyên sâu? Cách đọc sách đúng đắn nên ntn? -Cái hại của việc đọc hời hợt được tg chế giễu ra sao?(như cưỡi ngựa qua chợ, trọc phú khoe của, lừa mình, dối người thể hiện phẩm chất tầm thường thấp kém)	-Trả lời -Trả lời -Thảo luận, trình bày, nhận xét -Phân biệt -Trình bày	2. Lời bàn của tgiả về cách lựa chọn sách khi đọc - Trong tình hình hiện nay sách ngày càng nhiều thì việc đọc sách cũng không dễ + Sách nhiều khiến người ta không chuyên sâu dễ sa vào lối" ăn tươi nuốt sống sách, không kịp tiêu hoá,không biết nghiền ngẫm" + Sách nhiều khiến người đọc khó chọn lựa, lãng phí tgian, sức lực với những cuốn sách không thật có ích - Đọc sách không cốt lấy nhiều, quan trọng nhất là phải chọn cho tinh, đọc cho kĩ. - Đọc sách nên hướng vào 2 loại: loại phổ thông và loại chuyên sâu nhưng không bỏ qua đọc thưởng thức. - Đọc tài liệu chuyên sâu,cũng không thể xem thường đọc loại

-TLN (3P): Lời bàn của tgiả Chu Quang Tiềm về phương pháp đọc sách? - Tác giả đã có cách nhìn và trình bày như thế nào về vấn đề này? -Từ đó em liên hệ gì đến việc đọc sách của mình? -Là người đọc sách em nhận được từ ý kiến trên lời khuyên bổ ích nào? Từ đó em liên hệ gì đến việc đọc sách của bản thân? -Em có nhận xét gì về cách trình bày lí lẽ của tác giả? Từ đó em nhận được gì từ lời khuyên này? HDHS tổng kết -Nêu giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản?	-Thảo luận, trình bày, nhận xét -Liên hệ -Liên hệ -Nhận xét -Trình bày	sách thường thức, ở lĩnh vực gần gũi kế cận với chuyên môn của mình.Tgiả khẳng định: "trên đời không có học vấn nào là cô lập,tách rời các học vấn khác..."-> Kinh nghiệm ,sự từng trải của một học giả lớn. 3. Bàn về phương pháp đọc sách - Không nên đọc lướt qua, đọc chỉ để trang trí bộ mặt mà phải vừa đọc vừa suy nghĩ "trầm ngâm tích lũy, tưởng tượng tự do"nhất là những quyển sách có giá trị - Không nên đọc một cách tràn lan theo kiểu hứng thú cá nhân mà cần đọc có kế hoạch và hệ thống đọc sách còn là rèn luyện tính cách làm người, 1 cuộc chuẩn bị âm thầm và gian khổ. ⇒ Tgiả dùng cách đối lập trong lập luận(10 quyển sách với 1quyển sách) dùng danh ngôn"sách cũ xem trăm lần chẳng chán- thuộc lòng ngâm kĩ 1 mình hay" → Cách lập luận ngắn gọn, mạch lạc, rõ ràng - Phân tích qua so sánh đối chiếu và dẫn chứng cụ thể. III.Tổng kết

3.Luyện tập, vận dụng (5p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
- Tầm quan trọng và ý nghĩa của việc đọc sách. - Nêu cách lựa chọn sách và phương	Trả lời cá nhân	

pháp đọc sách? - Bài học em rút ra từ cách đọc sách?		

4. Tìm tòi, mở rộng (10p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Hãy giới thiệu về 1 cuốn sách mà em tâm đắc nhất	Giới thiệu	

*Hướng dẫn tự học (2p)

- Hệ thống lại nội dung bài học
- Tìm đọc và viết đoạn văn giới thiệu 1 cuốn sách em tâm đắc nhất.
- Chuẩn bị bài: NL về một sự việc, hiện tượng trong đời sống

TIẾT 93	NGHỊ LUẬN VỀ MỘT SỰ VIỆC, HIỆN TƯỢNG TRONG ĐỜI SỐNG	NS: 11/1/2024

I. Mục tiêu

1. Kiến thức

- Hiểu được đặc điểm, yêu cầu, đối tượng của kiểu bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.
- Những yêu cầu cụ thể khi làm bài nghị luận về một sự việc hiện tượng đời sống.
- Nhận biết được bố cục của kiểu bài nghị luận về một sự việc hiện tượng đời sống

2. Năng lực

- Năng lực chung: giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề...
- Năng lực chuyên biệt:
 - + Biết quan sát đến những sự việc hiện tượng trong đời sống.
 - + Biết làm một bài văn nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.
 - + Có khả năng phân tích

3. Phẩm chất

- Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm.
- Giáo dục cho HS biết đồng tình với những sự việc tích cực và lên án những sự việc tiêu cực trong cuộc sống.

II. Chuẩn bị

1. Giáo viên: Sgk, sgv, TKBG
2. Học sinh: Sgk, bài soạn

III. Tiến trình tổ chức

1. Khởi động (3p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
- Trong đời sống hằng ngày, chúng ta đã gặp những hiện tượng gì rắc rối cần được bàn bàn, giải quyết? GV vào bài: Những hiện tượng như thế thường xảy ra ở xung quanh chúng ta, nhưng ít có dịp phân tích chúng về các mặt đúng sai, lợi – hại... Bài nghị luận về	- <i>Hút thuốc lá, cờ bạc, rượu chè, trộm cắp, tai nạn giao thông...</i>	

một hiện tượng đời sống sẽ giúp chúng ta thực hiện được điều này.		

2. Hình thành kiến thức (22p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Cho HS đọc văn bản “Bệnh lề mề”, giao nhiệm vụ: * Thảo luận cặp 3p: Hãy cho biết bài văn có mấy đoạn, ý chính mỗi đoạn? * Thảo luận nhóm 5p: Nhóm 1, 2: Văn bản bàn luận về hiện tượng gì? Nêu rõ những biểu hiện của hiện tượng đó? - Cách trình bày hiện tượng trong văn bản có nêu được vấn đề của hiện tượng bệnh lề mề không? Nhóm 3, 4: Theo văn bản, nguyên nhân hiện tượng đó là do đâu? Nhóm 5, 6: Những tác hại của bệnh lề mề? Nhóm 7, 8: Nhận xét về bố cục bài viết <i>Theo dõi, giúp đỡ HS thực hiện</i> <i>Lắng nghe kết quả HS trình bày, nhận xét, chốt ý</i> - Bàn về “Bệnh lề mề” là một bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng	HS đọc văn bản “Bệnh lề mề” <i>Hoạt động theo nhóm đôi</i> <i>Thảo luận nhóm lớn, trả lời:</i> - Văn bản bàn về hiện tượng “bệnh lề mề” trong đời sống xã hội, biểu hiện cụ thể: sai hẹn, đi chậm, không coi trọng... - Cách trình bày hiện tượng này của văn bản đã nêu được bản chất của vấn đề “bệnh lề mề”. Nguyên nhân của bệnh lề mề: do coi thường việc chung, thiếu tự trọng, thiếu tôn trọng người khác. Tác hại: làm phiền mọi người, làm mất thì giờ, làm nảy sinh cách đối phó. Bố cục bài viết mạch lạc: trước hết nêu hiện tượng, tiếp theo phân tích các nguyên nhân và tác hại của căn bệnh, cuối cùng nêu giải pháp để khắc phục.	I. Tìm hiểu bài nghị luận về một sự việc hiện tượng trong đời sống Bàn về một sự việc, hiện tượng có ý nghĩa đối với xã hội, đáng khen, đáng chê hay có vấn đề đáng suy nghĩ. Về nội dung: cần phải nêu rõ được sự việc, hiện tượng có vấn đề, phân tích các mặt đúng, sai, lợi, hại, nguyên nhân, thái độ và ý kiến của người viết.

đời sống. Vậy, nghị luận về MSV, HT ĐS là thế nào? Nội dung bàn luận ra sao? Về hình thức bài nghị luận, theo em phải như thế nào? - Cho HS rút ra ghi nhớ.	-Bàn về một sự việc, hiện tượng có ý nghĩa đối với xã hội, đáng khen, đáng chê hay có vấn đề đáng suy nghĩ. -Về nội dung: cần phải nêu rõ được sự việc, hiện tượng có vấn đề, phân tích các mặt đúng, sai, lợi, hại, nguyên nhân, thái độ và ý kiến của người viết. Về hình thức: có luận điểm rõ ràng, luận cứ xác thực, bố cục mạch lạc.	Ghi nhớ: sgk/21.

2. Luyện tập (15p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Bài tập 1: Thảo luận nhóm 5p: Trong đời sống của chúng ta còn có những hiện tượng nào đáng đem ra bàn bạc? -HS phát biểu, GV ghi các sự việc, hiện tượng lên bảng. Sau đó thảo luận sự việc, hiện tượng nào có vấn đề xã hội quan trọng đáng để viết bài bày tỏ thái độ đồng tình hay phản đối. Bài tập 2: Cho Hs đọc nội dung bài tập 2 và trả lời. GV hướng dẫn HS viết 1 bài nghị luận về hiện tượng đã nêu. (Về nhà)	-HS có thể nêu: sai hẹn, không giữ lời hứa, nói tục, viết bậy, đua đòi, lười biếng, học tủ, quay cóp, đi học muộn giờ, thói ỷ lại,... các sự việc hiện tượng tốt đẹp như những tấm gương học tốt, HS nghèo vượt khó, tinh thần tương trợ lẫn nhau, không tham lam, lòng tự trọng... Đây là một hiện tượng đáng đưa ra bàn luận vì: hiện tượng hút thuốc lá trong thanh thiếu niên là một hiện tượng xấu đáng báo động cho toàn xã hội.	

3. Vận dụng (3p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt

Hãy nêu những yêu cầu về nội dung và hình thức của bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống?	Trả lời cá nhân	

***Hướng dẫn tự học (2p)**

- Học thuộc lí thuyết
- Hoàn thành các bài tập
- Viết 1 bài nghị luận về hiện tượng đã nêu
- Chuẩn bị nội dung bài mới: trả lời các câu hỏi bài “Cách làm bài văn nghị luận về hiện tượng đời sống”

TIẾT 94-95	CÁCH LÀM BÀI NGHỊ LUẬN VỀ MỘT SỰ VIỆC, HIỆN TƯỢNG TRONG ĐỜI SỐNG	NS: 12/1/2024

I. Mục tiêu cần đạt

1. Kiến thức

- Đối tượng của kiểu bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.
- Yêu cầu cụ thể khi làm bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống

2. Năng lực:

- Năng lực chung: Tiếp nhận, hợp tác, trình bày.
- Năng lực chuyên biệt:
 - + Nắm được bố cục của kiểu bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.
 - + Quan sát các hiện tượng của đời sống.
 - + Làm bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống

3. Phẩm chất: Yêu thích, có hứng thú khám phá, nêu ý kiến, bàn luận về một vấn đề thuộc hiện tượng đời sống; HS biết cách làm bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.

*Tích hợp: Giáo dục hs biết cách thể hiện quan điểm trước những sự kiện, hiện tượng tích cực hay tiêu cực, những việc cần làm, cần tránh trong cuộc sống.

II. Chuẩn bị:

1. GV: SGK, SGV, tkgb, Chuẩn bị các dạng đề và cách làm bài nghị luận
2. HS: Đọc kỹ SGK nhiều lần để nắm được cách làm bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống, soạn bài.

III. Tiến trình tổ chức các hoạt động 1. Khởi động (2p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Ở tiết trước, các em đã tìm hiểu về kiểu bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng trong đời sống xã hội. Ở tiết này, các em sẽ tìm hiểu cách làm bài nghị luận đó. Bài học sẽ đi vào hai nội dung cơ bản: một là tìm hiểu các dạng đề và hai là tìm hiểu cách làm.	Lắng nghe	

2. Hình thành kiến thức (43p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
- GV giới thiệu các đề bài	-Đọc các đề bài SGK	I. Đề bài nghị luận về một sự

*Thảo luận nhóm 3p: a) Các đề bài trên có điểm gì giống nhau? Chỉ ra những điểm giống nhau đó? b) Mỗi em tự nghĩ một đề bài tương tự, trên cơ sở các sự việc, hiện tượng đời sống đã được nêu ra trong bài trước. <i>*GV định hướng: Đề bài nói về việc bảo vệ môi trường hoặc những việc cần làm, cần tránh trong cuộc sống.</i> Bước 1: Tìm hiểu đề và tìm ý Gv giới thiệu đề bài/23 ? Muốn làm bài văn nghị luận phải trải qua những bước nào? - Gv định hướng * Thảo luận nhóm 3p: 1/ Đề yêu cầu làm gì? 2/ Phạm Văn Nghĩa là ai? Làm việc gì? Ý nghĩa của các việc đó là ở đâu? 3/ Việc Thành đoàn phát động phong trào học tập Phạm Văn Nghĩa có ý nghĩa	<i>a) Thảo luận nhóm 4, ghi kết quả vào bảng nhóm</i> <i>Cử đại diện trình bày, theo dõi, nhận xét góp ý kết quả nhóm bạn</i> - Điểm giống nhau: mỗi đề bài đều gồm có 2 phần: - Nêu một sự việc, hiện tượng. - Mệnh lệnh làm bài. (Nêu suy nghĩ, nêu ý kiến, nhận xét) * Mỗi đề HS tự nghĩ ra cũng đều phải có đủ 2 yếu tố nêu trên. <i>-Hoạt động độc lập (4 bước)</i> + Tìm hiểu đề : Thảo luận, trình bày, nhận xét -Đề thuộc loại : nghị luận -Đề nêu hiện tượng, sự việc: người tốt, việc tốt Nêu suy nghĩ về hiện tượng ấy. + Tìm ý: - Nghĩa là người biết thương mẹ, giúp đỡ mẹ trong việc đồng áng; Nghĩa là người biết kết hợp học và hành; Nghĩa còn là người biết sáng tạo, làm cái tời cho mẹ kéo nước đỡ mệt.	việc, hiện tượng đời sống: II. Cách làm bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống: Tìm hiểu đề và tìm ý:

như thế nào?

Lập dàn bài:

Lập dàn bài. (Dùng bảng phụ) - GV giới thiệu khung dàn ý trong SGK và yêu cầu HS cụ thể hoá các mục nhỏ thành dàn ý chi tiết theo các ý đã tìm ở trên. GV hướng dẫn HS viết 1 số phần (đoạn) – Có thể chia các tổ GV gọi một số em đọc đoạn văn của mình, rồi cho HS nhận xét, GV nhận xét sau cùng. ->GV tổng kết lại nội dung bài học và chốt lại bằng ghi nhớ/24.	Học tập Nghĩa là học yêu cha mẹ, học lao động, học cách kết hợp học với hành, học sáng tạo, làm những việc nhỏ mà có ý nghĩa lớn. Lập dàn bài. - Sắp xếp ý theo bố cục bài nghị luận. a. Mở bài: Giới thiệu hiện tượng Phạm Văn Nghĩa. Nêu sơ lược ý nghĩa của tấm gương Phạm Văn Nghĩa. b. Thân bài: Phân tích ý nghĩa việc làm của Phạm Văn Nghĩa. Đánh giá việc làm của Phạm Văn Nghĩa. Đánh giá ý nghĩa việc phát động phong trào học tập Phạm Văn Nghĩa. c. Kết bài: Khái quát ý nghĩa của tấm gương Phạm Văn Nghĩa. Rút ra bài học cho bản thân. * Viết bài. - Tổ 1: Viết mở bài - Tổ 2, 3: Viết một số đoạn ở phần thân bài. - Tổ 4: Viết kết bài. Hs đọc bài, nhận xét, sửa chữa. Hs đọc ghi nhớ.	a. Mở bài Giới thiệu sự việc, hiện tượng b. Thân bài - Phân tích, đánh giá, nhận định c. Kết bài - Kết luận sự việc 3. Viết bài. 4. Đọc lại và sửa chữa Ghi nhớ sgk.

3. Luyện tập, vận dụng (43p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
* Thảo luận nhóm 7p: Lập dàn bài cho đề: <i>Một hiện tượng khá phổ biến hiện nay là vứt rác bừa bãi, tùy tiện ra đường, ra nơi công cộng. Ý kiến, thái độ của em như</i>	Thảo luận, trình bày, nhận xét	

thế nào trước hiện tượng này và em hãy đặt nhan đề cho bài viết của mình. Định hướng a) Mở bài: -Giới thiệu vai trò của môi trường trong đời sống. - Giới thiệu vào yêu cầu đề. b) Thân bài: - Thực trạng vấn đề rác thải làm ô nhiễm môi trường -Phân tích nguyên nhân dẫn đến những vấn đề đó -Hậu quả của việc vứt rác bừa bãi -Nêu ý kiến, thái độ, lời khuyên, giải pháp cụ thể c) Kết bài: Khẳng định tầm quan trọng của môi trường, lời kêu gọi. ->HS trình bày, nhận xét. -> Gv chốt *Thảo luận nhóm 15p, viết đoạn văn cho các ý đã nêu ở dàn ý -N1: Viết mở bài, kết bài - N2: Thực trạng - N3: Nguyên nhân, hậu quả - N4: Ý kiến, thái độ, lời khuyên, giải pháp cụ thể ->HS trình bày, nhận xét. -> Gv chốt		

***Hướng dẫn tự học (2p)**

- Nắm các bước viết bài văn nghị luận về một sự việc, hiện tượng trong đời sống
- Tham khảo văn mẫu các bài văn nghị luận về một sự việc, hiện tượng trong đời sống.
- Hoàn thiện bài văn nghị luận đã hướng dẫn trong tiết học: *Một hiện tượng khá phổ biến hiện nay là vứt rác bừa bãi, tùy tiện ra đường, ra nơi công cộng. Ý kiến, thái độ của em như thế nào trước hiện tượng này và em hãy đặt nhan đề cho bài viết của mình.*
- Chuẩn bị bài: Nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lý
- + Đọc kĩ bài học.
- + Xem phần ghi nhớ
- + Trả lời các câu hỏi sau phần ngữ liệu.

TUẦN 20

TIẾT 96: NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TƯ TƯỞNG, ĐẠO LÝ

TIẾT 97,98: CÁCH LÀM BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TƯ TƯỞNG, ĐẠO LÝ

TIẾT 99: PHÉP PHÂN TÍCH VÀ TỔNG HỢP

TIẾT 100: KHỞI NGŨ

TIẾT 96	NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TƯ TƯỞNG, ĐẠO LÝ	NS: 12/1/2024

I. Mục tiêu cần đạt

1. Kiến thức:

- Đặc điểm, yêu cầu của bài văn nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lý

2. Năng lực

- Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực nhận thức, tư duy logic

- Năng lực chuyên biệt:

+ Đọc- hiểu một văn bản trữ tình.

+ Cảm thụ những hình tượng thơ được sáng tạo bằng liên tưởng, tưởng tượng.

3. Phẩm chất

- HS biết làm bài văn nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lý đúng đắn.

*Tích hợp: Với thực tế cuộc sống của hs.

II. Chuẩn bị

1. GV: SGK, SGV, TKBG, Một số bài mẫu về nghị luận một vấn đề tư tưởng, đạo lý; bảng phụ; phiếu HT.

2. HS: Đọc kỹ SGK nhiều lần để nắm chắc hình thức NL về một vấn đề tư tưởng, đạo lý.

III. Tiến trình lên lớp

1. Khởi động (3p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
- Trình chiếu bảng phụ có các tình huống sau, yêu cầu hs xác định tình huống nào thuộc nghị luận về một hiện tượng đời sống? 1. <i>Hiện tượng hút thuốc lá trong thanh thiếu niên.</i> 2. <i>Đạo lý “uống nước nhớ nguồn”.</i> 3. <i>Những tấm gương vượt khó học tốt trong nhà trường.</i>	Thực hiện yêu cầu	

4. “ <i>Học, học nữa, học mãi</i> ” (Lê – Nin) Hai tình huống còn lại thuộc về lĩnh vực nào? Vậy bài NL về một tư tưởng đạo lí là kiểu bài như thế nào? Hôm nay chúng ta cùng đi vào tìm hiểu.		

2. Hình thành kiến thức (30p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
GV hướng dẫn HS tìm hiểu bài văn Tri thức là sức mạnh -Đọc hết VB *Thảo luận nhóm 5p: ? VB trên bàn về vấn đề gì? ? VB có thể chia làm mấy phần? Chỉ ra nội dung của mỗi phần và mối quan hệ của chúng với nhau? Em chỉ ra các câu mang luận điểm chính ở trong bài? ? Các luận điểm này đã diễn đạt được rõ ràng, dứt khoát ý kiến của người viết chưa? ->HS đại diện trình bày, nhận xét. -> Giáo viên chốt	<i>Thảo luận, thực hiện yêu cầu bài học:</i> + VB bàn về giá trị của tri thức khoa học và người tri thức. +Vb gồm 3 phần Mở bài (đoạn1) nêu vấn đề Thân bài (đoạn 2,3) nêu 2 ví dụ chứng minh tri thức là sức mạnh Kết bài (đoạn 4): phê phán một số người không biết quý trọng tri thức, sử dụng không đúng chỗ. + 4 câu của đoạn 1 (MB) + câu mở đoạn + câu kết đoạn 2 + câu mở đoạn 3 + Câu mở đoạn + câu kết đoạn 4 - Rõ ràng, dứt khoát	I. Tìm hiểu bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí

? VB đã sử dụng phép lập luận nào là chính? ? Cách lập luận như vậy có thuyết phục không? GV chốt ý *Thảo luận cặp 3p: Qua VB trên, em thấy bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lý này có khác gì bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống? - GV treo bảng phụ có kẻ bảng so sánh 2 kiểu bài nghị luận : <table><tr><td>* NL về sự việc, hiện tượng</td><td>* NL về tư tưởng, đạo lý</td></tr><tr><td>- Từ sự việc, hiện tượng đời sống mà nêu ra những vấn đề tư tưởng</td><td>-Dùng giải thích, chứng minh...để làm sáng tỏ các tư tưởng đạo lý quan trọng đối với đời sống con người</td></tr></table> - GV chốt lại nội dung bài học như ghi nhớ/36	* NL về sự việc, hiện tượng	* NL về tư tưởng, đạo lý	- Từ sự việc, hiện tượng đời sống mà nêu ra những vấn đề tư tưởng	-Dùng giải thích, chứng minh...để làm sáng tỏ các tư tưởng đạo lý quan trọng đối với đời sống con người	HS độc lập suy nghĩ và trả lời -Chứng minh, dùng sự thật, thực tế để nêu một vấn đề tư tưởng, phê phán tư tưởng không biết trọng tri thức, dùng sai mục đích. - có sức thuyết phục - Hoạt động nhóm, các nhóm ghi ra phiếu học tập và lần lượt trình bày trước lớp - Theo dõi bảng phụ và ghi vở - HS theo dõi ghi nhớ SGK	- Dùng giải thích, chứng minh ... để làm sáng tỏ các tư tưởng, đạo lý quan trọng đối với con người * Ghi nhớ/36
* NL về sự việc, hiện tượng	* NL về tư tưởng, đạo lý					
- Từ sự việc, hiện tượng đời sống mà nêu ra những vấn đề tư tưởng	-Dùng giải thích, chứng minh...để làm sáng tỏ các tư tưởng đạo lý quan trọng đối với đời sống con người					

3. Luyện tập (10p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt

GV hướng dẫn HS luyện tập qua bài tập SGK - HS lần lượt thảo luận và trả lời các câu hỏi (a, b, c)/37 - GV nhận xét bài làm của các nhóm và sửa (bảng phụ)	HS thảo luận, trình bày, nhận xét	+ VB trên thuộc nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lý + VB nghị luận bàn về giá trị của thời gian (đánh dấu các luận điểm) - <i>Các luận điểm chính:</i> + <i>Thời gian là sự sống.</i> + <i>Thời gian là thắng lợi</i> + <i>Thời gian là tiền</i> + <i>Thời gian là tri thức.</i> + Phép lập luận chủ yếu là chứng minh - <i>Phép lập luận chủ yếu trong bài là phân tích, chứng minh. Các luận điểm được triển khai theo lối phân tích những biểu hiện chứng tỏ thời gian là vàng. Sau mỗi luận điểm là dẫn chứng cho nó.</i>

***Hướng dẫn tự học (2p)**

- Nắm vững lí thuyết
- Hoàn thiện bài tập
- Viết đoạn văn nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí (*Có thể triển khai câu chủ đề sau: Truyền thống tôn sư trọng đạo luôn được phát huy trong học sinh*)
- Chuẩn bị bài: Cách làm bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí:
 - + Đọc kĩ nội dung bài học.
 - + Trả lời các câu hỏi trong phần ngữ liệu
 - + Xem trước các bài tập

TIẾT 97-98	CÁCH LÀM BÀI NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TƯ TƯỞNG , ĐẠO LÍ	NS: 13/1/2024

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức:

- Biết được đối tượng của kiểu bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí.
- Biết các bước làm một bài văn NL về một tư tưởng, đạo lí.

2. Năng lực:

- **Năng lực chung:** Năng lực hợp tác, làm việc nhóm; năng lực tư duy; năng lực phân tích, đánh giá; năng lực tổng hợp, so sánh, đối chiếu.
- **Năng lực chuyên biệt:** Năng lực phân tích đề văn nghị luận; năng lực tìm ý, lập dàn ý cho bài nghị luận; năng lực tư duy, lựa chọn dẫn chứng để phục vụ bài viết.

3. Phẩm chất: Cần trọng trong quá trình tạo lập văn bản.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên:

- Đề bài, văn bản, dàn bài chung (theo SGK); Sgk, TKBG
- Tư liệu: bài văn và đề văn nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí.

2. Học sinh. - Đọc, soạn bài, tài liệu học tập, đồ dùng học tập

III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP

1. Hoạt động khởi động: 2ph

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Mỗi dạng văn nghị luận có đặc điểm riêng. Để làm được một bài văn NL hay đòi hỏi phải nắm được đặc điểm của kiểu bài văn đó. Hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu cách làm văn NL về một vấn đề tư tưởng, đạo lí để làm tốt kiểu bài văn NL này.	Lắng nghe	

2. Hoạt động hình thành kiến thức: 63ph

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
* Hoạt động 1 GV hướng dẫn HS tìm hiểu 10 đề bài SGK/52 (bảng phụ) - Chỉ định 1 HS đọc hết 10 đề. ? Các đề bài trên có điểm gì giống và khác nhau? - GV nhận xét HS trả lời và giảng.	- Lốp theo dõi 10 đề bài SGK/52 - HS đọc lập suy nghĩ và trình bày	I. Đề bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí. 1. Dạng đề có mệnh lệnh (1 ;3 ;10) - Có các lệnh (suy nghĩ, bình luận, giải thích, chứng minh,...) ;

+ Giống : Đề yêu cầu nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí + Khác : đề 1, 3, 10 : có mệnh lệnh - Các đề còn lại : Không có mệnh lệnh ? Em tự ra một số đề tương tự - Gv chỉ định 4 HS trả lời và yêu cầu chỉ rõ đề nào là đề có/không có mệnh lệnh - Gv giảng: đề có mệnh lệnh cần thiết khi đối tượng nghị luận là 1 tư tưởng thể hiện trong một truyện ngụ ngôn. Còn Đề không có mệnh lệnh là khi đề chỉ nêu lần 1 tư tưởng, đạo lí là đã ngầm ý hỏi người viết bài lấy tư tưởng đạo lí ấy làm nhan đề để viết bài. - Gv chốt lại mục I, chuyển mục * Hoạt động 2 - Gv hướng dẫn HS các bước làm một bài nghị luận về tư tưởng, đạo lí qua các bước: * b1:GV gọi 1 HS đọc to rõ đề “suy nghĩ về đạo lí uống nước nhớ nguồn” ? Thể loại đề này là gì ? - Gv chỉ định 2, 3 HS trả lời - Gv chốt : Nghị luận về 1 vấn đề tư tưởng đạo lý ? Yêu cầu về nội dung ? - Gv sửa bài HS và giảng : Nêu suy nghĩ thực chất là phân tích tính cách cảm, hiểu và bài học về đạo lí rút ra từ câu tục ngữ 1 cách có sức thuyết phục * Tìm ý cho bài làm ? Em hiểu như thế nào về nghĩa đen và nghĩa bóng của câu tục ngữ ? Nghĩa nào là nghĩa chính ?	ý kiến cá nhân bổ sung nhau. - HS tự ra một số đề tương tự trên phiếu học tập - HS nghe giảng và tự ghi - HS theo dõi SGK (mục II) - 1 HS đọc đề - Lớp theo dõi - HS đọc lập	- Cần thiết khi đối tượng bàn luận là một vấn đề tư tưởng thể hiện trong một truyện ngụ ngôn. 2. Dạng đề mở, không có mệnh lệnh (còn lại) - Chỉ nêu ra một tư tưởng, đạo lí (nhan đề để viết bài nghị luận) ; - Không có yêu cầu riêng về "chứng minh", "giải thích", "bình luận" II. Cách làm bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí 1. Tìm hiểu đề và tìm ý <i>a) Yêu cầu :</i> - Tính chất của đề : nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí. - Nội dung ("suy nghĩ") : thể hiện sự hiểu biết, đánh giá ý nghĩa của đạo lí "Uống nước nhớ nguồn". - Tri thức cần có : + Ý nghĩa của câu tục ngữ ; + Kiến thức đời sống ; + Ý kiến (suy nghĩ, bình luận,...). <i>b) Tìm ý :</i>

- GV hướng dẫn HS tìm hiểu nghĩa đen (Khi uống nước phải đến nơi bắt đầu của mọi dòng chảy) + Nghĩa bóng : “Nước” là mọi thành quả mà con người được hưởng thụ từ các giá trị vật chất và tinh thần. “Nguồn” là những người làm ra thành quả, là lịch sử, truyền thống, là tổ tiên, xuôi, gia đình ? Bài học đạo lý ? - Gv sửa bài HS và chốt trên bảng phụ: Những người hôm nay được hưởng thành quả phải nhớ ơn những người đã tạo ra thành quả ấy. * GV chốt: đây là một trong những nhân tố tạo nên sức mạnh tinh thần của dân tộc. Là nguyên tắc làm người của người Việt Nam <u>Hết tiết 1 chuyển tiết 2</u> * b2 : GV hướng dẫn HS lập dàn bài trên cơ sở đã tìm ý - GV gọi 2 nhóm treo bảng phụ và so sánh đối chiếu : - Gv sửa bài và giảng sau đó chốt lại bằng bảng phụ. * b3 -GV giới thiệu phần viết bài, dựa vào SGK/53 để HS hình dung khâu viết bài có nhiều cách diễn đạt dẫn dắt khác nhau. * b4 - GV hướng dẫn HS sau khi viết bài phải đọc lại bài viết và sửa chữa. đây là khâu cần thiết giúp HS sửa được những lỗi như thiết liên kết hoặc liên kết chưa hợp lý, không chặt chẽ ... * Kết luận:	- HS thảo luận nhóm và đại diện 1 số nhóm trình bày - Nghe giảng - Theo dõi bảng phụ và tự ghi vở - Hoạt động nhóm - các nhóm tự viết ra bảng phụ và dán lên bảng chín - HS đọc SGK 53+54	- Nghĩa của câu tục ngữ (nghĩa đen ; nghĩa bóng)... - Nội dung của câu tục ngữ... - Ý nghĩa của đạo lý... 2. Lập dàn bài <i>a) Mở bài</i> Giới thiệu câu tục ngữ và nội dung đạo lý: đạo lý làm người, đạo lý xã hội. <i>b) Thân bài</i> - Giải thích nghĩa đen của câu tục ngữ. - Giải thích nghĩa bóng của câu tục ngữ : + "Nước" : thành quả mà con người được hưởng thụ (giá trị vật chất, tinh thần) ; + "Uống nước" : hưởng thụ các thành quả ; + "Nguồn": những người làm ra thành quả ; lịch sử, truyền thống sáng tạo, bảo

- Gv tổng kết chung toàn bài và kết luận như ghi nhớ/54 - Chỉ định 2 HS đọc ghi nhớ và kiểm tra mức độ hiểu của HS * Hoạt động 3 : - GV hướng dẫn HS luyện tập củng cố lại bài.	- HS nghe giảng và thực hiện theo nội dung - 2 HS đọc - Lớp theo dõi SGK - Hoạt động (nhóm đôi) - HS lập dàn ý và 1 số HS trình bày dàn ý - HS khác bổ sung	vệ thành quả (tổ tiên, gia đình, dân tộc, xã hội,...) ; + "Nhớ nguồn": đạo lí của người được hưởng thụ thành quả đối với "nguồn" làm nên thành quả ấy (lương tâm, trách nhiệm ; biết ơn, giữ gìn và tiếp nối, sáng tạo ; không vong ân bội nghĩa ...). - Nhận định, đánh giá : + Đạo lí làm người ; + Truyền thống tốt đẹp của dân tộc ; + Nền tảng tự duy trì và phát triển của xã hội ; + Lời nhắc nhở đối với những ai vô ơn ; + Khích lệ mọi người cống hiến cho xã hội, cho dân tộc. c) <i>Kết bài</i> Câu tục ngữ thể hiện một nét đẹp của truyền thống và con người Việt Nam. 3. Viết bài. 4. Đọc lại bài viết và sửa chữa * Ghi nhớ: (SGK) III. Luyện tập Làm đề 7/52

3. Hoạt động luyện tập - vận dụng: 20ph

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
- GV hướng dẫn HS lập dàn bài cho đề 7/52. Gọi mở cho HS biết giải thích, phân tích để tìm ý cho bài làm. - Gv chỉ định 1 số HS trình bày dàn ý của mình. GV nhận xét và sửa bài HS	- Thảo luận bàn đôi, phân tích đề và tìm ý cho bài làm. - Trình bày dàn ý trước lớp. - Nhận xét và bổ sung.	Bài tập: Tinh thần tự học. Định hướng viết bài: - Thế nào là tinh thần tự học? - Biểu hiện của sự tự học? - Những lợi ích của việc tự học mang lại?

		- Tác hại của việc lười học? - Thông điệp đến mọi người.

4. Hoạt động tìm tòi - mở rộng: 2ph

- Các dạng đề nghị luận về Tư tưởng, đạo lí. Các bước làm một bài NL

***Hướng dẫn tự học: 3p**

- Về nhà luyện viết đoạn văn NL về truyền thống Tôn sư trọng đạo của dân tộc.

Bài văn có độ dài khoảng 200 chữ.

- Soạn bài: Phép phân tích và tổng hợp

+ Đọc kĩ nội dung bài

+ Trả lời các câu hỏi sau mỗi ngữ liệu

+ Xem trước các bài tập

TIẾT 99	PHÉP PHÂN TÍCH VÀ TỔNG HỢP	NS: 14/1/2024

I. Mục tiêu cần đạt:

1. Kiến thức:

- Đặc điểm của phép lập luận phân tích và tổng hợp.
- Sự khác nhau giữa phép lập luận phân tích và tổng hợp.
- Tác dụng của phép lập luận phân tích và tổng hợp trong các văn bản nghị luận.

2. Năng lực:

- **Năng lực chung:** Năng lực hợp tác, Năng lực giải quyết vấn đề, Năng lực tiếp nhận ...
- **Năng lực chuyên biệt:**
 - + Nhận biết được phép lập luận phân tích và tổng hợp.
 - + Vận dụng phép lập luận phân tích và tổng hợp trong tạo lập và đọc hiểu văn bản nghị luận.

3. Phẩm chất

- Có ý thức vận dụng các phép lập luận phân tích, tổng hợp trong tập làm văn nghị luận.

II. Chuẩn bị :

- GV : SGK, SGV, STK, các khái niệm về phân tích và tổng hợp, TKBG
- HS : Đọc kỹ SGK nhiều lần để nắm được nội dung

III. Tiến trình tổ chức các hoạt động:

1. Khởi động (3p)

Hoạt động của Giáo viên	Hoạt động của Học sinh	Nội dung cần đạt
- Trình chiếu các thông tin sau, yêu cầu HS sắp xếp chúng để làm rõ các tác hại của việc đọc sách: + Các trở ngại của việc đọc sách: + Sách nhiều nên khiến người đọc không chuyên sâu. + Sách nhiều nên dễ lạc hướng, chọn nhầm. + Ham đọc nhiều mà không đọc kỹ + Không nghiền ngẫm từng câu, từng chữ + Chọn phải những cuốn sách nhạt nhẽo, tầm phào. + Chọn phải những cuốn sách vô bổ, thậm chí những cuốn sách độc hại.	Thực hiện yêu cầu	

Để làm rõ được các trở ngại của việc đọc sách, chúng ta đã đi phân chia, tìm ra hai cái trở ngại, rồi bản chất của những trở ngại đó. Vậy, chúng ta đã vận dụng phép phân tích, và tổng hợp các ý 2,3,4,5,6,7, ta lại kết luận được đó chính là trở ngại của việc đọc sách. Vậy ta lại vận dụng được phép tổng hợp. Bài học hôm nay giúp chúng ta đi vào tìm hiểu kĩ hơn hai phép này.		

2. Hình thành kiến thức (22p)

Hoạt động của Giáo viên	Hoạt động của Học sinh	Nội dung cần đạt
1. Tìm hiểu phép phân tích - GV yêu cầu 1-2 HS đọc ngữ liệu: “Trang phục” (tr. 9) - Nội dung chính của văn bản này bàn về việc gì? - Để người đọc, người nghe hiểu thấu đáo vấn đề bàn bạc, người viết đã lập luận như thế nào? - Bàn về trang phục, người viết đã nêu lên hai luận điểm chính. Đó là gì? GV đúc kết. <i>Giao nhiệm vụ thảo luận:</i> - Ở luận điểm 1, tác giả đã nêu ra những dẫn chứng nào để làm rõ những quy tắc ăn mặc? - Việc không làm đó cho thấy những quy tắc nào trong ăn mặc của con người?	- HS thực hiện. Nội dung: Bàn về trang phục - Lập luận bằng cách chia nhỏ ra từng khía cạnh, từng phương diện để xem xét. HS thảo luận theo nhóm đôi, bày ngắn gọn : Luận điểm 1: Quy tắc ăn mặc. Luận điểm 2: Cái đẹp trong cách ăn mặc. <i>Thảo luận nhóm 4</i> - Ở luận điểm 1, tác giả đã nêu ra 2 dẫn chứng nhằm làm rõ luận điểm phụ trong quy tắc ăn mặc: + Không ai mặc quần áo chỉnh tề mà lại đi chân đất. + Không ai đi giày có bít tất đầy đủ nhưng phanh	I. Tìm hiểu phép lập luận phân tích và tổng hợp: 1. Phép phân tích:

- Việc nêu hai người: cô gái và anh thanh niên trong những hoàn cảnh khác nhau có tác dụng gì? - Cách trình bày lập luận của tác giả có gì đáng chú ý? - GV kết luận: <i>cách lập luận như trong đoạn văn vừa tìm hiểu là phép lập luận phân tích</i>. Vậy phân tích là phép lập luận như thế nào? Ngoài việc chia đối tượng thành từng bộ phận, phương diện để xem xét, ta còn dùng những biện pháp nào để phân tích? 2. Tìm hiểu phép tổng hợp. - "Ăn mặc ra sao cũng phải phù hợp với hoàn cảnh riêng của mình và hoàn cảnh chung nơi công cộng hay toàn xã hội" có phải là câu tổng hợp các ý đã phân tích ở trên không? Nó có thu tóm được các ý trong từng dẫn chứng cụ thể nêu trên không? - Vậy phép tổng hợp là gì?	hết cúc áo, lộ cả da thịt ra trước mặt mọi người. => Quy tắc ngầm: ăn mặc phải chỉnh tề, đồng bộ. + "Cô gái một mình trong hang sâu ... móng tay". + "Anh thanh niên đi tát nước hay câu cá thăng tắp". => Quy tắc: Ăn mặc phải phù hợp với công việc và hoàn cảnh giao tiếp, "Ăn cho mình, mặc cho người". + Ở luận điểm phụ 1: Nêu lên những giả thiết làm dẫn chứng để rút thực tế: ăn mặc phải chỉnh tề, đồng bộ. + Ở luận điểm phụ 2: nêu lên một quy luật nhằm đối chiếu hai trường hợp (cô gái, anh thanh niên) để rút ra một quy tắc: ăn mặc phải phù hợp với công việc và hoàn cảnh giao tiếp. - Có thể dùng các biện pháp nêu giả thiết, đối chiếu, so sánh, chứng minh để phân tích. Là câu tổng hợp các ý đã phân tích (ở luận điểm 1) vì nó đã thu tóm ý trong từng dẫn chứng: (Sự đồng bộ, chỉnh tề, hoàn cảnh giao tiếp): ăn mặc phải phù hợp với mọi người	- Là phép lập luận trình bày từng bộ phận, từng phương diện của một vấn đề nhằm chỉ ra nội dung của một sự vật hiện tượng. 2. Phép tổng hợp: - Là phép lập luận rút ra cái

<i>Giao nhiệm vụ thảo luận:</i> - Từ tổng hợp quy tắc ăn mặc nói trên, bài viết đã mở rộng sang vấn đề ăn mặc đẹp như thế nào? Nêu các điều kiện quy định cái đẹp của trang phục? - Theo em đoạn văn cuối có vai trò như thế nào đối với những đoạn văn trước? Đoạn cuối này có vai trò tổng hợp không? Có hai câu mang ý tổng hợp. Theo em, vai trò khác nhau của hai câu này như thế nào trong văn bản? <i>Gv chốt ý, rút ra bài học</i> 3. Tìm hiểu vai trò của phép lập luận phân tích và tổng hợp. - Phép phân tích giúp hiểu vấn đề như thế nào? - Phép tổng hợp giúp ta điều gì? - Cho HS đọc ghi nhớ.	trong những trường hợp khác nhau. - Phép tổng hợp là phép lập luận rút ra cái chung từ những điều đã phân tích. <i>Hoạt động nhóm đôi:</i> - Từ tổng hợp quy tắc ăn mặc nói trên, bài viết đã mở rộng sang vấn đề ăn mặc đẹp (luận điểm 2): <i>Giản dị và phù hợp</i>. Có phù hợp thì mới đẹp, phù hợp với môi trường, phù hợp với hiểu biết, phù hợp với đạo đức. - Đoạn cuối có vai trò: chốt lại, kết luận điều đã phân tích. Nó thực hiện phép tổng hợp. - Câu “ăn mặc...xã hội”: tổng hợp các cá thể của tính chất “đúng” trong ăn mặc. - Câu cuối bài: tổng hợp để rút ra quan điểm về ăn mặc của người viết: Luận điểm của toàn bài. Phép phân tích giúp hiểu vấn đề cụ thể. - Phép tổng hợp giúp khái quát vấn đề, nắm được quy luật, bản chất của vấn đề. - HS đọc phần ghi nhớ	chung từ những cái đã phân tích được 3. Tác dụng: - Làm rõ bản chất, ý nghĩa của sự vật, hiện tượng, vấn đề. *Ghi nhớ/(SGK)

3.Luyện tập (18p)

Hoạt động của Giáo viên	Hoạt động của Học sinh	Nội dung cần đạt
Bài 1 : Gv dựa vào gợi ý trong SGK và phân tích ý “Độc sách tốt cuộc là một con đường của học vấn”. - Hãy nêu thứ tự của các ý phân tích? - Học vấn là việc của nhân loại. Học vấn của nhân loại do sách lưu truyền lại. - Sách là kho tàng quý báu. Quan hệ ý nghĩa giữa các ý như thế nào? - Nếu chúng ta muốn tiến lên từ văn hoá học thuật, nếu không muốn lạc hậu phải đọc sách. (Để lấy thành quả trong quá khứ làm điểm xuất phát). Vậy tác giả đã phân tích như thế nào để làm sáng tỏ luận điểm “đọc sách vẫn là một con đường quan trọng của học vấn”? Đi từ nhận xét khái quát rồi truy tìm nguyên nhân, phân tích từng nguyên nhân.	Làm việc cá nhân	
Bài tập 2 : * Những lí do chọn sách để đọc : - Do sách nhiều, chất lượng khác nhau nên phải chọn sách tốt để đọc. - Chọn sách đọc để khỏi lãng phí sức lực, thời gian - Đọc sách chuyên môn, sách thường thức, sách có liên quan gần gũi với chuyên môn.	Làm việc nhóm đôi	Bài tập 2 : * Những lí do chọn sách để đọc : - Do sách nhiều, chất lượng khác nhau nên phải chọn sách tốt để đọc. - Chọn sách đọc để khỏi lãng phí sức lực, thời gian - Đọc sách chuyên môn, sách thường thức, sách có liên quan gần gũi với chuyên môn.
Bài tập 3 : * Tầm quan trọng của đọc sách - Không đọc thì không có điểm xuất phát cao - Đọc sách là con đường ngắn nhất để tiếp cận tri thức. - Đọc ít mà kĩ quan trọng hơn đọc nhiều mà qua loa.	Làm việc nhóm đôi	Bài tập 3 : * Tầm quan trọng của đọc sách

		- Không đọc thì không có điểm xuất phát cao - Đọc sách là con đường ngắn nhất để tiếp cận tri thức. - Đọc ít mà kĩ quan trọng hơn đọc nhiều mà qua loa.

***Hướng dẫn tự học (2p)**

- Thế nào là phân tích? Thế nào là tổng hợp?
- Nhóm 1,3 sưu tầm trong những tác phẩm đã học 1 đoạn văn phân tích
- Nhóm 2,4 sưu tầm 1 đoạn văn tổng hợp
- Soạn bài mới: Khởi ngữ

TIẾT 100	KHỞI NGŨ	NS: 15/1/2024

I. Mục tiêu cần đạt

1. Kiến thức

- Đặc điểm và công dụng của khởi ngữ

2. Năng lực

-Năng lực chung

+ Năng lực hợp tác: Thảo luận nhóm để tìm khởi ngữ trong câu, làm các bài tập có liên quan đến khởi ngữ.

+ Năng lực tự học.

+ Năng lực giải quyết vấn đề

-Năng lực chuyên biệt

+ Năng lực tiếp nhận: hiểu các khái niệm và vận dụng để làm bài tập, sử dụng trong thực tiễn đời sống...

+ Năng lực sử dụng ngôn ngữ để trình bày các vấn đề có liên quan đến nội dung bài học.

3. Phẩm chất

- Có trách nhiệm

- Tự tin, tự trọng

II. Chuẩn bị

- GV:TKBG, bảng phụ, SGK, SGV, bài tập,...Thầy : - SGK, SGV, STK, bảng phụ

-Trò: - Đọc SGK nhiều lần

- Chuẩn bị một số mẫu câu tương tự SGK

III.Tiến trình dạy học

1. Khởi động (2 P)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
- GV: Hãy nêu hai thành phần chính của câu? - GV: Ngoài hai thành phần chính là chủ ngữ và vị ngữ, trong câu còn có một số thành phần phụ khác. Khởi ngữ là một trong những thành phần phụ của câu mà chúng ta sẽ tìm hiểu qua bài học hôm nay.	- HS: Chủ ngữ và vị ngữ.	

2. Hình thành kiến thức (18 phút)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt

1.GV hình thành kiến thức về khởi ngữ theo các bước sau : - Gv hướng dẫn HS theo dõi và tìm hiểu mục I₁/7 (bảng phụ) ? Phân biệt các từ ngữ in đậm với CN trong những câu sau về vị trí trong câu và quan hệ với vị ngữ. - Gv nhận xét HS trả lời và giảng ? Em cho một số ví dụ khác tương tự? - Gv hướng dẫn các nhóm làm bài trên bảng phụ. Cử đại diện mỗi nhóm trình bày. - Gv sửa, nhận xét bài làm HS ? Trước các từ ngữ in đậm trên, người ta có (có thể) thêm những quan hệ từ nào ? - Gv chốt: Các từ in đậm, đứng trước CN như vậy gọi là khởi ngữ.	Hs theo dõi bảng phụ, trả lời. a) ...Còn <u>anh</u>, anh // không ghìem CN VN nổi xúc động b) <u>Giàu</u>, tôi // cũng giàu rồi CN VN c) Về <u>các thể văn trong lĩnh vực văn nghệ</u>, chúng ta// có thể tin ở CN VN tiếng ta không sợ nó thiếu giàu và đẹp... + Các từ in đậm đều đứng trước CN + Các từ in đậm đều không có quan hệ chủ-vị với vị ngữ. (Không có quan hệ ngữ pháp trực tiếp với vị ngữ như chủ ngữ. CN là đối tượng của hoạt động, trạng thái ở vị ngữ. Còn VN là hoạt động, trạng thái của đối tượng ở CN. Vậy CN và VN có quan hệ ngữ pháp trực tiếp. Các từ ngữ vừa tìm hiểu thì không có quan hệ trực tiếp với VN.) Các nhóm hoạt động và lên bảng treo (dán) bài tập của nhóm - Có thể thêm các quan hệ từ về, đối với. Hs trả lời. Đọc ghi nhớ.	I. Đặc điểm và công dụng của khởi ngữ ở trong câu: - Đứng trước chủ ngữ để nêu lên đề tài được nói đến trong câu. - Trước khởi ngữ thường có thể thêm quan hệ từ “về”, “đối với”. * Ghi nhớ (SGK)

Vậy thế nào là khởi ngữ? - Chỉ định 1 HS đọc ghi nhớ		

3. Luyện tập (12p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Bài 1: Nhận diện khởi ngữ GV treo bảng phụ cho HS nhận diện các khởi ngữ: a) Điều này b) Đối với chúng mình c) Một mình d) Làm khí tượng e) Đối với cháu Bài 2: Chuyển phần in đậm trong câu thành khởi ngữ.(HS thảo luận) a. Anh ấy làm bài cẩn thận lắm. -> Làm bài, anh ấy cẩn thận lắm. b. Tôi hiểu rồi nhưng tôi chưa giải được. -> Hiểu thì tôi hiểu rồi nhưng giải tôi chưa giải được	Hs trình bày, nhận xét.	

4. Vận dụng(7p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
- Thế nào là khởi ngữ? - Để nhận diện khởi ngữ, người ta có thể thêm vào trước cụm từ có khả năng là khởi ngữ những quan hệ từ nào? -Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ), nêu lên tầm quan trọng và ý nghĩa của việc đọc sách, trong đó có sử dụng khởi ngữ? ->-GV nhận xét, chỉnh sửa, ghi điểm	- HS làm vào vở bt, trình bày trước lớp -Các bạn nhận xét, góp ý hoàn thiện	

* Hướng dẫn tự học (3p)

- Tìm câu có khởi ngữ trong một văn bản đã học
- Về nhà học thuộc ghi nhớ.

- Chuẩn bị bài: Luyện tập phép phân tích và tổng hợp
- + Đọc kĩ các ngữ liệu
- + Trả lời các câu hỏi sau mỗi ngữ liệu
- + Đọc trước ghi nhớ
- + Xem trước các bài tập.

TUẦN 21

TIẾT 101: LUYỆN TẬP PHÉP PHÂN TÍCH VÀ TỔNG HỢP

TIẾT 102,103: TIẾNG NÓI CỦA VĂN NGHỆ

TIẾT 104: LIÊN KẾT CÂU, LIÊN KẾT ĐOẠN

TIẾT 105: LUYỆN TẬP LIÊN KẾT CÂU, LIÊN KẾT ĐOẠN

TIẾT 101	LUYỆN TẬP PHÉP PHÂN TÍCH VÀ TỔNG HỢP	NS: 13/1/2024

I. Mục tiêu cần đạt:

1. Kiến thức:

- Mục đích, đặc điểm, tác dụng của việc sử dụng phép phân tích và tổng hợp.

2. Năng lực

+ Năng lực chung:

-Hợp tác, phân tích, tiếp nhận

- Nhận diện rõ hơn văn bản có sử dụng phép phân tích và tổng hợp.

+**Năng lực chuyên biệt:** Sử dụng phân tích và tổng hợp thuần thục hơn khi đọc – hiểu và tạo lập văn bản nghị luận.

3. Phẩm chất: Có ý thức phân tích và tổng hợp trong lập luận đúng đắn.

II. Chuẩn bị:

GV : SGK, SGV, các ví dụ mẫu trên bảng phụ, TKBG

HS : Đọc kỹ SGK nhiều lần kết hợp đọc kỹ bài cũ Tiết 94

III. Tiến trình tổ chức các hoạt động

1.HOẠT ĐỘNG KHƠI ĐỘNG (3p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
- Để làm nổi bật tầm quan trọng của việc đọc sách, tác giả đã dùng phương pháp nào? - Phép lập luận tổng hợp thường đứng ở vị trí nào trong đoạn văn? Hôm nay, trong tiết luyện tập này, các em sẽ được rèn luyện kỹ năng nhận dạng văn bản phân tích và tổng hợp, kỹ năng viết văn bản phân tích và tổng hợp.	-> <i>Phép phân tích.</i> -> <i>Đứng ở cuối đoạn</i>	

2.HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (32p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt

Cho HS đọc đoạn văn (a) và thảo luận chỉ ra trình tự phân tích của đoạn văn. Cho HS đọc đoạn văn (b) và chỉ ra trình tự phân tích. GV nêu vấn đề cho HS thảo luận, giải thích hiện tượng rồi cho phân tích. Mỗi em ghi vào giấy các ý phân tích. Một số HS trình bày trước lớp, HS khác bổ sung. (Gợi ý: Học đối phó là gì? Học đối phó thể hiện như thế nào? Học đối phó có hại gì?) -GV nêu vấn đề cho HS thảo luận và làm bài. Đây là bài tập tích hợp. HS phải làm dàn ý phân tích vào giấy,	Thảo luận, trình bày, nhận xét Thảo luận, trình bày, nhận xét Trình bày, nhận xét	Bài tập 1: a) Phép phân tích: - Từ cái "hay cả hồn lẫn xác" đến "hay cả bài": tác giả chỉ ra từng cái hay hợp thành cái hay cả bài: + Cái hay ở các điệu xanh + Ở những cử động + Ở các vần thơ + Ở các chữ không non ép. b) Trình tự phân tích: - Đoạn nhỏ mở đầu nêu các quan niệm mấu chốt của sự thành đạt. - Đoạn nhỏ tiếp theo phân tích từng quan niệm đúng sai thế nào và kết lại ở việc phân tích bản thân chủ quan của mỗi người. Bài tập 2: Hiện nay có một số học sinh học qua loa, đối phó, không học thật sự. Em hãy phân tích bản chất của lối học đối phó để nêu lên những tác hại của nó. - Học đối phó là học mà không lấy việc học làm mục đích, xem học là việc phụ. - Học đối phó là học bị động, không chủ động, cốt đối phó với sự đòi hỏi của thầy cô của thi cử. - Do học bị động nên không thấy hứng thú, mà đã không hứng thú thì chán học, hiệu quả thấp. - Học đối phó là học hình thức, không đi sâu vào thực chất kiến thức của bài học. - Học đối phó thì dù có bằng cấp nhưng đầu óc vẫn rỗng tuếch. - Lối học đối phó chẳng những làm cho người học mệt mỏi, mà còn không tạo ra được những nhân tài đích thực cho đất nước.

GV gọi một số HS đọc và sủrachữa chung trước lớp, - HS khác bổ sung. -Gv hướng dẫn HS viết đoạn văn, gọi 1 số HS trình bày và nhận xét, sửa	Bài tập 3: Phân tích các lí do bắt buộc mọi người phải đọc sách: - Sách vở đúc kết tri thức của nhân loại đã tích lũy từ xưa đến nay.- Muốn tiến bộ, phát triển thì phải đọc sách để tiếp thu tri thức, kinh nghiệm. - Đọc sách không cần nhiều mà cần đọc kĩ, hiểu sâu, đọc quyển nào nắm chắc được quyển đó, như thế mới có ích. - Bên cạnh đọc sách chuyên sâu phục vụ ngành nghề, còn cần phải đọc rộng. - Kiến thức rộng giúp hiểu các vấn đề chuyên môn tốt hơn. + Tóm lại, muốn đọc sách có hiệu quả phải chọn những sách quan trọng nhất mà đọc cho kĩ, đồng thời cũng chú trọng đọc rộng thích đáng để hỗ trợ cho việc nghiên cứu chuyên sâu. Bài tập 4: Viết đoạn văn tổng hợp những điều đã phân tích trong bài bàn về đọc sách? - Đv mẫu : Tóm lại, muốn đọc sách có hiệu quả phải chọn những sách quan trọng nhất mà đọc cho kỹ, đồng thời cũng chú trọng đọc rộng thích đáng để hỗ trợ cho việc nghiên cứu chuyên sâu.

3.HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (13p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
- củng cố lại 2 phép lập luận phân tích và tổng hợp qua các bài tập - Thực hành viết đoạn phân tích (bài tập 1)- Dãy 1 - Thực hành viết đoạn tổng hợp (bài tập 1)- Dãy 2		

*Hướng dẫn tự học (2p)

- Hoàn thiện đoạn văn

- Chuẩn bị: Tiếng nói của văn nghệ
- + Tìm hiểu tác giả, tác phẩm
- + Xác định bố cục
- + Sức mạnh và khả năng kì diệu của văn nghệ đối với cuộc sống như thế nào?
- + Tìm hiểu phép lập luận trong bài viết.

TIẾT 102-103	TIẾNG NÓI CỦA VĂN NGHỆ	NS: 15/1/2024

I. Mục tiêu cần đạt:

1. Kiến thức:

- Nội dung của văn nghệ và sức mạnh kì diệu của nó đối với đời sống con người.
- Nghệ thuật lập luận của Nguyễn Đình Thi trong văn bản

2. Năng lực:

- Năng lực chung: Hợp tác, giải quyết vấn đề, giao tiếp..
- Năng lực chuyên biệt:
 - + Năng lực đọc hiểu văn bản nghị luận.
 - + Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về tầm quan trọng và ý nghĩa của việc đọc sách; cách chọn sách và đọc sách.

3. Phẩm chất:

- Hiểu thêm cách viết bài nghị luận qua tác phẩm nghị luận ngắn gọn, chặt chẽ và giàu hình ảnh của Nguyễn Đình Thi.
 - Yêu mến và tự hào về tiếng nói văn nghệ của quê hương VN.
- *Tích hợp: Với TLV nghị luận.

II. Chuẩn bị

GV : SGK, SGV, STK, Ảnh chân dung Nguyễn Đình Thi, TKBG

HS : Đọc soạn kỹ nội dung câu hỏi SGK

III. Tiến trình tổ chức các hoạt động:

1.Khởi động (3p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
- Văn nghệ - nó có nội dung riêng và độc đáo như thế nào? Nó đến với chúng ta bằng con đường nào? Nhà văn Nguyễn Đình Thi đã góp phần trả lời những câu hỏi trên qua bài nghị luận giàu thuyết phục “ <i>Tiếng nói của văn nghệ</i>” - Cho HS xem ảnh chân dung nhà văn Nguyễn Đình Thi và toàn văn bản trong các tác phẩm đã giới thiệu ở mục trên.	Lắng nghe	

2.Hình thành kiến thức (65p)

Hoạt động của Gv	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Gv dựa vào chú thích * để giới thiệu về tác giả - tác phẩm. - Chỉ định 1 HS đọc	Học sinh đọc chú thích sao.	I.Tìm hiểu chung 1.Tác giả- tác phẩm

- GV giới thiệu thêm phần lưu ý trong SGK/16. - GV hướng dẫn đọc. - GV đọc mẫu và chỉ định 3 HS đọc tiếp nhau - Gv nhận xét HS đọc. <i>Chuyển giao nhiệm vụ :</i> -Cho biết phương thức biểu đạt chính của văn bản? - VB chia làm mấy phần? - Hãy tóm tắt hệ thống luận điểm của văn bản? - Hãy chỉ ra tính liên kết chặt chẽ, mạch lạc giữa các phần trong đó. GV theo dõi, hướng dẫn thực hiện -Nhận xét, chốt ý, rút ra nội dung bài học * GV hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung VB. <u>Bước 1:</u> Gv chỉ định 1 HS đọc đoạn đầu <i>Chuyển giao nhiệm vụ :</i> ? Nội dung phản ánh, thể hiện của văn nghệ là gì?	NDT (1924-2003), bước vào con đường sáng tác, hoạt động văn nghệ từ trước CM/8/45. Không chỉ gặt hái thành công ở thể loại thơ, kịch âm nhạc, ông còn là một cây bút lí luận phê bình có tiếng. - TNCVN được viết năm 1948, thời kì đầu của cuộc k/c chống Pháp. Hs đọc bài. <i>Thảo luận đôi bạn, thực hiện yêu cầu</i> -Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận. -Bố cục: a) <i>Từ đầu ... chung quanh:</i> Nội dung tiếng nói của văn nghệ. b) <i>Tiếp...trang giấy:</i> Tiếng nói của văn nghệ rất cần thiết đối với cuộc sống con người. c) Còn lại: Nghệ thuật xây dựng đời sống tâm hồn cho xã hội. - Nội dung của văn nghệ. - Tiếng nói của văn nghệ rất cần thiết đối với cuộc sống con người. - Văn nghệ có khả năng cảm hoá. * Các luận điểm vừa giải thích cho nhau vừa được nối tiếp tự nhiên	2. Đọc– tìm hiểu chú thích 3. Bố cục - 3 phần II.Tìm hiểu chi tiết văn bản: 1. Nội dung phản ánh của văn nghệ - Lấy thực tại đời sống làm chất liệu nhưng có sự sáng tạo

- GV nhận xét ý kiến trình bày của các nhóm và chốt. Tác phẩm nghệ thuật khác với những bài học luận lý, triết lý như thế nào? (Hết tiết 1) <u>Bước 2:</u> GV yêu cầu HS đọc kỹ phần giữa của VB và giúp HS thấy rằng qua dẫn chứng của các tác phẩm, qua các câu chuyện cụ thể, sinh động. <i>Chuyển giao nhiệm vụ :</i> ? Em giải thích tại sao con người cần biết đến tiếng nói của văn nghệ? Gv sửa bài HS và chốt bảng phụ. <u>Bước 3:</u> GV hướng dẫn HS đọc đoạn cuối và phân tích con đường văn nghệ đến với người đọc và khả năng kì diệu của nó. Văn nghệ tác động đến người đọc bằng con đường nào?	<i>Thảo luận, trình bày bảng nhóm</i> - Tác phẩm nghệ thuật lấy thực tại đời sống làm chất liệu nhưng có sự sáng tạo mà người nghệ sĩ gửi gắm tư tưởng, tâm lòng của mình vào tác phẩm. - Nội dung của văn nghệ còn là sự rung cảm và nhận thức của từng người tiếp nhận và từ đó được mở rộng, phát huy vô tận qua từng thế hệ người đọc, người xem ... - Văn nghệ khác với các bộ môn khoa học khác. Nó thể hiện tập trung khám phá chiều sâu tính cách, số phận con người. Tác phẩm VN được diễn đạt bằng những tình cảm, cảm xúc của tác giả, giúp người đọc đồng cảm, khám phá những điều mới mẻ từ những điều quen thuộc. <i>Thảo luận, trình bày bảng nhóm</i> - Văn nghệ giúp cho ta thấy sống đầy đủ, phong phú hơn. - Trong những trường hợp con người bị ngăn cách với cuộc sống, tiếng nói của văn nghệ càng là sợi dây cột chặt họ với cuộc sống bên ngoài. - Văn nghệ góp phần làm tươi mát cuộc sống của con người. <i>HS thảo luận nhóm</i>	mà người nghệ sĩ gửi gắm tư tưởng, tâm lòng của mình vào tác phẩm. - Là sự rung cảm và nhận thức của từng người tiếp nhận và từ đó được mở rộng, phát huy vô tận 2. Tiếng nói của văn nghệ đối với đời sống con người - Văn nghệ giúp cho ta thấy sống đầy đủ, phong phú hơn. 3. Con đường của văn nghệ đến với người đọc và khả năng kì diệu của nó - Nghệ thuật đốt lửa trong lòng mỗi người khiến cho con người tự hành động.

- Gv sửa bài các nhóm và chốt ? Trình bày cảm nhận về cách viết văn nghị luận của Nguyễn Đình Thi qua bài tiểu luận này? - Gv gợi ý cho HS theo câu hỏi 5*/17 Gv nhận xét HS trả lời Khái quát giá trị nội dung của văn bản? Hãy cho biết ý nghĩa của văn bản? GV chốt ý, rút ra ghi nhớ. Gọi hs đọc.	- Sức mạnh riêng của văn nghệ bắt nguồn từ nội dung của nó và con đường mà nó đến với người đọc, người nghe - Tác phẩm văn nghệ chứa đựng tình yêu ghét, niềm vui nỗi buồn của con người và từ đó thấm sâu vào nhận thức, tâm hồn người đọc, nghe ... Văn nghệ tác động trực tiếp vào trái tim người đọc: "Nghệ thuật không đứng ngoài trở về cho ta đường đi, nghệ thuật vào đốt lửa trong lòng chúng ta, khiến chúng ta tự phải bước lên đường ấy". - Sức mạnh kì diệu của văn nghệ: lay động cảm xúc, tâm hồn và làm thay đổi nhận thức của con người, giúp mọi người tự nhận thức mình, tự xây dựng mình. - Bố cục chặt chẽ, dẫn dắt tự nhiên, hợp lý - Cách viết giàu hình ảnh, có nhiều dẫn chứng về thơ văn về đời sống thực tế. - Giọng văn toát lên lòng chân thành, niềm say sưa (nhất là đoạn cuối) Văn nghệ nối sợi dây đồng cảm kì diệu giữa nghệ sĩ với bạn đọc, giúp con người được sống phong phú hơn và tự hoàn thiện nhân cách tâm hồn mình. Thảo luận - HS đọc ghi nhớ.	- Tác phẩm văn nghệ lay động cảm xúc, đi vào nhận thức tâm hồn chúng ta qua con đường tình cảm. III. Tổng kết: 1. Nghệ thuật: - Bố cục chặt chẽ, hợp lý, cách dẫn dắt tự nhiên. - Lập luận chặt chẽ, giàu hình ảnh, dẫn chứng phong phú, thuyết phục. - Giọng văn chân thành, say mê làm tăng tính thuyết phục và tính hấp dẫn của văn bản. 2. Nội dung. 3. Ý nghĩa: Nội dung phản ánh của văn nghệ, công dụng và sức mạnh kì diệu của văn nghệ đối với cuộc sống của con người. * Ghi nhớ SGK.

3. Luyện tập (5p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
- Hãy trình bày tóm tắt nội dung của văn bản? - Cách diễn đạt văn bản này có gì đáng chú ý? - Hãy nêu một tác phẩm văn nghệ mà em yêu thích và phân tích ý nghĩa, tác động của tác phẩm ấy đối với mình.	Thực hiện	

4. Vận dụng (5p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
- Trình bày cảm nhận của mình qua 1 tác phẩm văn nghệ. - Lập lại hệ thống luận điểm trong văn bản - Các nhóm vẽ sơ đồ tư duy thể hiện khái quát nội dung tiết học?	Thực hiện	<pre> graph LR A[Tiếng nói của văn nghệ] --- B[Tác giả, tác phẩm] A --- C[Nội dung] A --- D[Nghệ thuật] A --- E[Ý nghĩa] A --- F[Bố cục: 3 phần] C --- C1[Nội dung của tiếng nói văn nghệ] C --- C2[Vai trò của tiếng nói văn nghệ] C --- C3[Sức mạnh của tiếng nói văn nghệ] D --- D1[Bố cục chặt chẽ, hợp lí] D --- D2[Lập luận chặt chẽ, giàu hình ảnh] D --- D3[Giọng văn chân thành] E --- E1[Nội dung phản ánh của tiếng nói văn nghệ] E --- E2[Công dụng và sức mạnh kì diệu của tiếng nói VN] </pre>

*Hướng dẫn tự học (2p)

- Trình bày cảm nhận của mình qua 1 tác phẩm văn nghệ.
- Lập lại hệ thống luận điểm trong văn bản
- Chuẩn bị: Liên kết câu và liên kết đoạn văn

TIẾT 104	LIÊN KẾT CÂU VÀ LIÊN KẾT ĐOẠN VĂN	NS: 16/1/2024

I. Mục tiêu cần đạt:

1. Kiến thức:

- Liên kết nội dung và liên kết hình thức giữa các câu và các đoạn văn

2. Năng lực:

- Năng lực chung: hợp tác, lắng nghe, trình bày, đối thoại...

- Năng lực chuyên biệt:

+ Nhận biết một số biện pháp liên kết thường dùng trong việc tạo lập VB

+ Sử dụng một số biện pháp liên kết câu, liên kết đoạn trong việc tạo lập VB

+ Hiểu được các phép liên kết, nhận biết các phép liên kết trong đoạn văn cụ thể.

3. Phẩm chất:

- Nâng cao hiểu biết và kỹ năng sử dụng phép liên kết đã học từ bậc tiểu học.

- Có ý thức vận dụng phép liên kết khi viết văn.

II. Chuẩn bị:

GV :- SGK, SGV, STK, bảng phụ, các mẫu ví dụ minh họa về liên kết câu, đoạn; TKBG

HS :- Đọc kỹ SGK nhiều lần, suy nghĩ kỹ về một số câu hỏi.

III. Tiến trình tổ chức các hoạt động:

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG: (3p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Trình chiếu/ treo bảng phụ có đoạn văn sau : <i>Này, bác bảo bác ấy có trốn đi đâu thì trốn. Lão không hiểu tôi, tôi nghĩ vậy và tôi càng buồn lắm. Lúc đi, đưa con gái đầu lòng của anh- và cũng là đứa con duy nhất của anh , chưa đầy một tuổi.</i> -GV chốt ý, dẫn dắt: Sở dĩ đoạn văn không có nghĩa vì mỗi câu thể hiện một chủ đề khác nhau, chúng không có tính liên kết. Vậy, liên kết câu, đoạn văn là gì? Hôm nay chúng ta cùng đi vào tìm hiểu	-HS đọc, nêu nhận xét	

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (15p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt

GV hướng dẫn HS luyện tập các bài tập SGK/44 - GV chiếu / treo bảng phụ có ghi bài tập - HS thảo luận nhóm đôi trả lời - Gv sửa bài tập	Thực hiện	1. Trình tự sắp xếp hợp lý của các ý trong các câu - Mặt mạnh của trí tuệ VN - Những điểm hạn chế - Khắc phục hạn chế để đáp ứng 2. Các phép liên kết: + Phép thể : bản chất trời phú ấy - sự thông minh, nhạy bén; Phép nối : Nhưng, ấy là; Phép lặp : lỗ hổng, thông minh

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (10p)

Gv yêu cầu HS viết đoạn văn khoảng 200 chữ, theo chủ đề tình bạn, chỉ ra phép liên kết đã sử dụng trong đoạn văn

- GV củng cố lại nội dung bài học qua ghi nhớ, ví dụ và bảng phụ

*** Hướng dẫn tự học (2p)**

- Nhớ được các biểu hiện liên kết câu, liên kết đoạn văn.

- Tìm các ví dụ

- Chuẩn bị cho tiết học mới: đọc và trả lời các câu hỏi gợi ý bài *Luyện tập về liên kết câu và liên kết đoạn văn*

TIẾT 105	LIÊN KẾT CÂU VÀ LIÊN KẾT ĐOẠN VĂN (LUYỆN TẬP)	NS: 17/1/2024

I. Mục tiêu cần đạt:

1. Kiến thức:

- Một số phép liên kết thường dùng trong việc tạo lập văn bản.
- Một số lỗi liên kết có thể gặp trong văn bản.

2. Năng lực:

- Năng lực chung: hợp tác, lắng nghe, trình bày, đối thoại...
- Năng lực chuyên biệt:
- + Nhận biết một số phép liên kết câu, liên kết đoạn trong văn bản.
- + Nhận ra và sửa được một số lỗi về liên kết

3. Phẩm chất:

- Viết được các đoạn văn có sử dụng liên kết câu và liên kết đoạn văn
- *Tích hợp: Biết vận dụng trong quá trình tạo lập văn bản

II. Chuẩn bị :

GV : SGK, STK, các ví dụ mẫu trên bảng phụ, TKBG

HS : Đọc kỹ các ví dụ SGK, bảng phụ

III. Tiến trình tổ chức các hoạt động:

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (43p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
1. Ôn tập lí thuyết: (3p) Gv ôn tập lại kiến thức về liên kết câu và liên kết đoạn văn. ? Tại sao phải liên kết câu và liên kết đoạn văn? - Gv giảng: vì các câu trong đoạn văn phải liên kết với nhau thì mới có 1 đoạn văn hoàn chỉnh. Nếu không có sự liên kết thì sẽ có một chuỗi câu rời rạc, không ăn ý nhau.	- HS hoạt động độc lập	I. Ôn tập về liên kết câu, đoạn văn
2. Luyện tập: (32p) <i>Thực hiện kĩ thuật trạm kết hợp chuyên gia</i> <i>Chuyển giao nhiệm vụ học tập</i> + <i>Trạm 1:</i> Thực hiện yêu cầu bài tập 1 + <i>Trạm 2:</i> thực hiện yêu cầu bài tập 2	-Lập nhóm thảo luận - Nhận phiếu chuyên gia -Thực hiện theo yêu cầu đã phân công -Chuyển trạm theo phiếu đã nhận	II. Thực hành luyện tập.

+ <i>Trạm 3</i>: Thực hiện yêu cầu bài tập 3 + <i>Trạm 4</i>: Thực hiện yêu cầu bài tập 4 <i>Phát phiếu chuyên gia</i> - GV chốt lại kết quả các bài tập trên bảng phụ : <u>Bài tập 1</u> : a. Phép lặp : Trường học - Trường học Phép thế : như thế - (cuối câu trước) b. Phép lặp: văn nghệ - văn nghệ - văn nghệ Sự sống - sự sống c. Phép lặp : Thời gian - Thời gian - Thời gian Con người – con người – con người d. Dùng từ trái nghĩa : yếu đuối - mạnh Hiền lành – ác <u>Bài tập 2</u>: + Các cặp từ trái nghĩa + Thời gian vật lý - thời gian tâm lý + Vô hình - hữu hình + Giá lạnh – nóng bỏng + Thẳng tắp – hình tròn + Đều đặn – lúc nhanh lúc chậm <u>Bài tập 3</u>: Lỗi về liên kết nội dung : các câu không phục vụ chủ đề chung của đoạn văn. - Chữa : thêm 1 số từ ngữ hoặc câu để tạo sự liên kết chủ đề giữa các câu. Câu 1 : Không thêm từ Câu 2: Trận địa đại đội 2 của anh..	-Thực hiện nhiệm vụ của chuyên gia - Bắt thăm trả lời	

Câu 3 : Anh chợt nhớ hồi đầu mùa lạc hai ... Câu 4 : Bây giờ, mùa thu hoạch lạc ... <u>Bài tập 4</u> (Các bước thực hiện như BT1,2,3) a) Dùng từ ở câu 2 và câu 3 không thống nhất (lỗi liên kết hình thức). + Sửa : Thay đại từ nó bằng chúng b) Thay từ hội trường bằng văn phòng vì: từ “văn phòng” và “hội trường” không cùng nghĩa với nhau trong trường hợp này.		

***Hướng dẫn tự học (2p)**

- Tập viết đoạn văn có sử dụng các phương tiện liên kết đã học.

* Chuẩn bị cho tiết học mới: Các thành phần biệt lập:

+ Đọc kĩ các ngữ liệu

+ Trả lời các câu hỏi

+ Đọc phần ghi nhớ

+ Xem trước các bài tập

[Type the document title]

TUẦN 22

TIẾT 108: CTĐP: TỪ NGỮ ĐỊA PHƯƠNG

TIẾT 109,110: CTĐP: TRÌNH BÀY BÀI VĂN NGẮN VỀ TÌNH NGƯỜI ĐẸP ĐẼ Ở QUÊ EM

TIẾT 111,112: MÙA XUÂN NHO NHỎ

TIẾT 108	CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG: TỪ NGỮ ĐỊA PHƯƠNG	NS: 22/1/2024

I. Mục tiêu cần đạt:

1. Kiến thức:

- Nhận biết một số từ ngữ địa phương.
- Hiểu được sự phong phú của các phương ngữ trên các vùng, miền đất nước.

2. Năng lực:

+Năng lực chung:

- Nhận xét về cách sử dụng từ ngữ địa phương.
- Tìm hiểu cách sử dụng từ ngữ địa phương trong giao tiếp.

+Năng lực chuyên biệt

- Năng lực hợp tác: Thảo luận nhóm để tìm từ ngữ địa phương và từ toàn dân tương ứng
- Năng lực giải quyết vấn đề
- Năng lực tự học.

3. Tình cảm: Có thái độ đúng đắn đối với việc sử dụng từ ngữ địa phương.

II. Chuẩn bị:

GV: - SGK, SGV, STK

- Bảng phụ với các thực từ (từ ngữ địa phương của một số vùng chỉ sự vật, hiện tượng, hoạt động, trạng thái, đặc điểm....)

HS: Sưu tầm các phương ngữ của Bắc-Trung - Nam (đồng nghĩa) để so sánh

III. Tiến trình tổ chức các hoạt động:

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (3p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS và định hướng	Ghi bảng
*Trò chơi tiếp sức Tìm từ đồng nghĩa với các từ sau: ăn: ... ; Mẹ:... ; Bố: ...; Quả dứa:...,con lợn=(<i>xoi; má; tía, ba; trái thơm, con heo</i>) Các từ các em vừa tìm được không phải	Tham gia trò chơi	

[Type the document title]

được sử dụng rộng rãi trên toàn dân. Chúng là những phương ngữ. Bài học hôm nay giúp chúng ta hiểu hơn về phương ngữ.		

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (30)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS và định hướng	Ghi bảng						
GV hướng dẫn HS làm bài tập1(sgk). <i>Giao nhiệm vụ:</i> - Tìm trong phương ngữ mà các em đang sử dụng hoặc trong các phương ngữ khác mà em biết những từ ngữ địa phương? Nhóm 1,2,3: a.Chỉ các sự vật, hiện tượng, không có tên gọi trong các phương ngữ khác và trong ngôn ngữ toàn dân? - HS tìm thêm những từ ở địa phương mình. Nhóm 4,5,6: b) Tìm các phương ngữ giống nhau về nghĩa	<i>HS thảo luận nhóm ghi kết quả vào bảng nhóm:</i> -Nhút (phương ngữ Trung): món ăn làm bằng xơ mít muối trộn với một vài thứ khác, được dùng phổ biến ở một số vùng Nghệ Tĩnh. -Bồn bồn (phương ngữ Nam): một loại cây thân mềm, sống ở nước, có thể làm dưa hoặc xào nấu, phổ biến ở một số vùng Tây Nam Bộ. VD: Khoai chà, lòng boong, rau bát bát... - Lòng boong: còn gọi là lòn bon , bồn bon, một loại cây ăn quả, lá kép lẻ, quả tròn thành chùm, có 5 múi, 5 vách ngăn, cùi ngọt. Cây lòng boong đặc biệt thích nghi với những vùng như Đại Lộc, Tiên Phước. - Khoai chà : khoai nấu chín chà lên rổ thưa cho vụn, phơi khô, dành làm thực phẩm, đặc sản Quảng Nam. - Rau bát bát: một cây leo có hình chân vịt hoặc lục giác, thường được hái làm rau ăn , mọc phổ biến ở vùng QN, Đà Nẵng. <table border="1"> <tr> <th>Phương ngữ Bắc</th><th>Phương ngữ Trung</th><th>Phương ngữ Nam</th></tr> <tr> <td><i>Cá quả</i></td><td><i>Cá tràu</i></td><td><i>Cá lóc</i></td></tr> </table>	Phương ngữ Bắc	Phương ngữ Trung	Phương ngữ Nam	<i>Cá quả</i>	<i>Cá tràu</i>	<i>Cá lóc</i>	I. Tìm hiểu các phương ngữ: Bài 1: a.Tìm các phương ngữ chỉ các sự vật hiện tượng không có tên gọi trong các phương ngữ khác và từ toàn dân. b.Giống về nghĩa nhưng khác về âm:
Phương ngữ Bắc	Phương ngữ Trung	Phương ngữ Nam						
<i>Cá quả</i>	<i>Cá tràu</i>	<i>Cá lóc</i>						

[Type the document title]

nhưng khác nhau về âm - GV gọi các nhóm trình bày trên bảng phụ (kẻ bảng) Nhóm 7,8 c) Tìm các phương ngữ giống nhau về âm nhưng khác nhau về nghĩa. - GV kẻ bảng, các nhóm lên điền vào bảng Bài tập 2: Tại sao những từ ngữ địa phương như trong bài tập 1.a không có từ ngữ tương đương trong phương ngữ khác và trong ngôn ngữ toàn dân? Tại sao một số từ ngữ địa phương như trong bài tập 1.a có thể chuyển thành từ ngữ toàn dân? -Theo dõi, hỗ trợ -lắng nghe HS trình bày kết quả, nhận xét, định hướng. - GV: Qua việc tìm hiểu 2 bài tập trên, em có nhận xét gì về từ ngữ địa phương?	<table border="1"> <tr> <td><i>lợn</i></td><td><i>heo</i></td><td><i>heo</i></td></tr> <tr> <td><i>ngã</i></td><td><i>bồ</i></td><td><i>té</i></td></tr> <tr> <td>thấy</td><td>chộ</td><td>thấy</td></tr> <tr> <td>(ăn) vụng</td><td>(ăn) chùng</td><td>(ăn) vụng, lên</td></tr> <tr> <td>Thỏa</td><td>Bura, đã nư.</td><td>thỏa</td></tr> <tr> <td>Xấu hổ</td><td>Mắc tịt, đi, đi ồm</td><td>mắc cỡ</td></tr> <tr> <td>xa</td><td>ngái</td><td>xa</td></tr> </table> <table border="1"> <tr> <th>Phương ngữ Bắc</th><th>Phương ngữ Trung</th><th>Phương ngữ Nam</th></tr> <tr> <td><i>ốm:</i> bị bệnh</td><td><i>ốm:</i> gây</td><td><i>ốm:</i> gây</td></tr> <tr> <td><i>Hòm:</i> đồ đựng</td><td><i>Hòm:</i> áo quan</td><td><i>Hòm:</i> áo quan</td></tr> <tr> <td><i>Nón:</i> nón lá</td><td><i>Nón:</i> nón lá</td><td><i>Nón:</i> nón, mũ</td></tr> </table> Bởi vì sự ra đời của các từ ngữ đó gắn liền với điều kiện tự nhiên cụ thể (và đời sống xã hội cụ thể) mang tính riêng biệt ở từng vùng miền của đất nước ta. Tuy nhiên hiện tượng nói trên chiếm tỉ lệ không đáng kể. -Một số phương ngữ đã biến thành từ ngữ toàn dân như: Sầu riêng, chôm chôm, điền điền, nhút, lòng boong.Vì cả nước chỉ có một cách hiểu duy nhất về các từ ngữ ấy và nghĩa của các từ ngữ ấy đã phổ biến rộng trong cả nước. -Theo dõi kết quả các nhóm - Nhận xét, bổ sung <i>HĐ độc lập</i>	<i>lợn</i>	<i>heo</i>	<i>heo</i>	<i>ngã</i>	<i>bồ</i>	<i>té</i>	thấy	chộ	thấy	(ăn) vụng	(ăn) chùng	(ăn) vụng, lên	Thỏa	Bura, đã nư.	thỏa	Xấu hổ	Mắc tịt, đi, đi ồm	mắc cỡ	xa	ngái	xa	Phương ngữ Bắc	Phương ngữ Trung	Phương ngữ Nam	<i>ốm:</i> bị bệnh	<i>ốm:</i> gây	<i>ốm:</i> gây	<i>Hòm:</i> đồ đựng	<i>Hòm:</i> áo quan	<i>Hòm:</i> áo quan	<i>Nón:</i> nón lá	<i>Nón:</i> nón lá	<i>Nón:</i> nón, mũ	c. Giống về âm nhưng khác về nghĩa: Bài 2: Có những từ ngữ mang tính địa phương là do sự khác biệt giữa các vùng, miền về điều kiện tự nhiên, đặc điểm tâm lý, phong tục tập quán ... - Một số phương ngữ đã biến thành từ ngữ toàn dân. * Ghi nhớ: (Trang 34/ tài liệu địa phương)
<i>lợn</i>	<i>heo</i>	<i>heo</i>																																	
<i>ngã</i>	<i>bồ</i>	<i>té</i>																																	
thấy	chộ	thấy																																	
(ăn) vụng	(ăn) chùng	(ăn) vụng, lên																																	
Thỏa	Bura, đã nư.	thỏa																																	
Xấu hổ	Mắc tịt, đi, đi ồm	mắc cỡ																																	
xa	ngái	xa																																	
Phương ngữ Bắc	Phương ngữ Trung	Phương ngữ Nam																																	
<i>ốm:</i> bị bệnh	<i>ốm:</i> gây	<i>ốm:</i> gây																																	
<i>Hòm:</i> đồ đựng	<i>Hòm:</i> áo quan	<i>Hòm:</i> áo quan																																	
<i>Nón:</i> nón lá	<i>Nón:</i> nón lá	<i>Nón:</i> nón, mũ																																	

– GV chốt ý Gọi HS đọc ghi nhớ		

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (8p)

- Gọi HS đọc yêu cầu luyện tập
- GV đưa bài tập lên bảng phụ, Gọi HS lên bảng làm, mỗi em một câu
- Gọi HS nhận xét, bổ sung

Từ ngữ địa phương trong các câu trên là:

a. *to tổ chẳng* : to qua mức

răng: sao

rình: bùng

b. *chi*: gì

na: sao(từ nghi vấn), nào (từ cảm)

c. *Khoai xiêm* : sắn

đũm : khúc

tộ : bát, tô

d. *Loòng boong*

Từ loòng boong không thể thay thế bằng các từ khác trong ngôn ngữ toàn dân vì không có từ ngữ tương đương (trong trường hợp này , từ loòng boong có thể chuyển thành từ ngữ toàn dân)

***Hướng dẫn tự học (2p)**

- Viết một đoạn văn khoảng 200 chữ, chủ đề tự chọn, trong đó có sử dụng ít nhất 2 từ ngữ địa phương Quảng Nam.
- Chuẩn bị bài: CTĐP: Trình bày bài văn ngắn nêu suy nghĩ của em về tình người đẹp đẽ ở quê em.

TIẾT 109-110	CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG: TRÌNH BÀY BÀI VĂN NGẮN NÊU SUY NGHĨ CỦA EM VỀ TÌNH NGƯỜI ĐẸP ĐẼ Ở QUÊ EM	NS: 23/1/2024

I. Mục tiêu cần đạt :Giúp HS :

1. Kiến thức:

- Có thêm những hiểu biết về truyền thống quê hương.

2. Năng lực:

-Năng lực chung:

+ Năng lực hợp tác: Thảo luận nhóm để tìm ý và lập ý cho bài viết.

+ Năng lực tự học.

+ Năng lực giải quyết vấn đề

-Năng lực chuyên biệt :

- Biết cách tổ chức và trình bày quan điểm của mình thông qua bài văn ngắn có nội dung viết về một vấn đề ở địa phương.

3. Phẩm chất:

- Có ý thức sẻ chia và có tình yêu thương, có trách nhiệm đúng đắn về vấn đề tình người đẹp đẽ ở quê hương Quảng Nam.

Tích hợp: Giáo dục hs có ý thức xây dựng môi trường cảnh quan quê hương đẹp đẽ.

II. Chuẩn bị :

1. Giáo viên: Thiết kế bài giảng, chương trình địa phương

2. Học sinh: Chương trình địa phương

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG: (5p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
HS nghe nhạc quê hương Quảng Nam “Quảng Nam đất nặng nghĩa tình” – Tình người đẹp đẽ ở Quảng Nam là một vấn đề mang tính đạo đức truyền thống của người dân xứ Quảng. Tình cảm đó được biểu hiện như thế nào? Hôm nay, các em sẽ nêu suy nghĩ của mình về vấn đề này.	Lắng nghe	

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (15p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Trình chiếu đề bài - <i>Giao nhiệm vụ:</i> Yêu cầu HS lập dàn ý theo gợi ý sau: ? Đề thuộc loại nghị luận nào? ? Nội dung nghị luận? ? Phần mở bài giới thiệu những vấn đề gì? ? Phần thân bài: + cần giải thích chứng minh điều gì? + Nhận định đánh giá những nội dung nào liên quan đến tình người? + Em cần mở rộng vấn đề gì? Gv chốt ý Trình chiếu dàn ý trên bảng.	HS chép đề Hoạt động đọc lập, xác định yêu cầu của đề Thảo luận nhóm lập dàn ý trên bảng phụ Cử đại diện trình bày Lớp nhận xét góp ý bổ sung	Đề bài: Nêu suy nghĩ về tình người đẹp đẽ ở Quảng nam quê hương em I. Tìm hiểu đề và tìm ý - Nghị luận về một vấn đề xã hội - Nội dung: tình người ở Quảng Nam II. Dàn ý: a.MB: Giới thiệu về miền Trung; về Quảng Nam => tình người đẹp đẽ . b.TB: - Giải thích, chứng minh tình người đẹp đẽ ở quê em. + Tình người là gì? Biểu hiện? + Cơ sở hình thành tình người đẹp đẽ - Nhận định đánh giá về tình người đẹp đẽ quê em: + Tình người đẹp đẽ có ích gì trong cuộc sống? + Làm thế nào để duy trì và phát huy? - Mở rộng vấn đề: + Bên cạnh tình người đẹp đẽ ở quê hương, cần phê phán những biểu hiện nào thiếu tình người? + Liên hệ bản thân c.KB: - Khẳng định tình người đẹp đẽ ở quê em. - Tự hào về truyền thống quê hương
HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (53p)		
GV hướng dẫn HS viết từng đoạn: N1: Viết mở bài+ KB N2: viết luận điểm 1TB N3: Viết luận điểm 2 N4: Viết luận điểm 3 Nhận xét, góp ý bổ sung Trình chiếu các đoạn mẫu	HS viết độc lập, dựa trên yêu cầu chung của nhóm -HS trình bày theo yêu cầu của GV	IV Viết bài

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (5p)

Bản thân em có suy nghĩ gì để tiếp nối những truyền thống tốt đẹp của quê hương?

Cần làm gì để xây dựng cảnh quan môi trường quê hương luôn đẹp đẽ?

***Hướng dẫn tự học (2p)**

- Hoàn thiện đoạn văn
- Chuẩn bị Mùa xuân nho nhỏ
- + Đọc kĩ bài thơ
- + Trả lời các câu hỏi phần đọc hiểu
- + Tập hát bài hát Mùa xuân nho nhỏ.

TIẾT 111,112	MÙA XUÂN NHO NHỎ Thanh Hải	NS: 24/1/2024

I. Mục tiêu cần đạt:

1. Kiến thức:

- Vẻ đẹp của mùa xuân thiên nhiên, mùa xuân đất nước.
- Lễ sống cao đẹp của một con người chân chính.

2. Năng lực:

+ Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực nhận thức, tư duy logic

+ Năng lực chuyên biệt:

- Đọc- hiểu một văn bản trữ tình.
- Cảm thụ những hình tượng thơ được sáng tạo bằng liên tưởng, tưởng tượng.

3. Phẩm chất: ý thức những suy nghĩ về ý nghĩa, giá trị của cuộc sống, của mỗi cá nhân là cuộc sống có ích, có cống hiến cho cuộc đời chung.

*Tích hợp: Giáo dục kĩ năng sống cho hs: Trình bày nhận thức và hành động của bản thân để đóng góp vào cuộc sống.

II. Chuẩn bị :

GV : - SGK, SGV, Thiết kế bài giảng

- Chân dung Thanh hải (nếu có), 1 số tranh ảnh về mùa xuân đất nước

HS : - Đọc, soạn kỹ bài

- Sưu tầm tranh ảnh về mùa xuân xứ Huế hoặc mùa xuân đất nước nói chung

III. Tiến trình dạy học

*KIỂM TRA 15P

-Chép lại khổ cuối của bài thơ Viếng lăng Bác (Viễn Phương)?

-Trình bày nội dung của bài thơ?

1.Khởi động (5p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
- HS chơi trò tiếp sức, chủ đề: Mùa xuân: <i>Trong vòng 2 p, đội nào viết được nhiều câu thơ, câu hát có từ mùa xuân, đội đó sẽ giành chiến thắng.</i> - GV: <i>Mùa xuân là mùa đẹp nhất ở mọi nơi. hơn 30 năm qua, mỗi khi tết đến xuân về, chúng ta lại thường được nghe bài “Mùa xuân nho nhỏ” do nhạc sĩ Trần Hoàn phổ thơ Thanh Hải. Nhà thơ muốn nói cùng chúng ta điều gì khi một mùa xuân mới</i>	Tham gia trò chơi	

[Type the document title]

<i>đang về? Khi chính bản thân ông lại sắp từ biệt tất cả mọi mùa xuân? Bài học hôm nay sẽ giúp chúng ta hiểu rõ về điều đó</i>		

2.Hình thành kiến thức (50p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
<i>Giao nhiệm vụ</i> - Nêu vài nét về tác giả? - Bài thơ được viết trong hoàn cảnh nào? - GV giới thiệu thêm về nhà thơ Thanh Hải (Giới thiệu 1 số tranh ảnh) GV đọc, hướng dẫn HS đọc 2 lần, chú ý thể thơ 5 chữ (Không ngắt nhịp trong từng câu và các khổ thơ cũng không đều, nhịp điệu, giọng điệu biến đổi theo mạch cảm xúc ...) <i>Giao nhiệm vụ 2</i> - Cho biết thể thơ? - Nhận xét nhịp điệu và giọng điệu của bài? -Tìm bố cục bài thơ - GV sửa và chốt ý - Cho HS đọc lại 6 câu đầu <i>Giao nhiệm vụ</i> - Nhắc lại đại ý khổ thơ	<i>HD độc lập</i> Thanh Hải (1930-1980). Hoạt động văn nghệ trong thời kì chống Pháp, chống Mĩ.- Viết tháng 11/1980, không bao lâu trước khi nhà thơ qua đời. Đọc, thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập: <i>HD nhóm đôi</i> - Thể thơ 5 chữ. - Nhịp điệu và giọng điệu của bài có biến đổi theo mạch cảm xúc: say sưa, trù mên ở phần đầu khi diễn tả cảm xúc về mùa xuân đất trời; nhịp nhanh, hối hả, phấn chấn khi nói về mùa xuân đất nước; giọng tha thiết, trầm lắng khi bày tỏ suy nghĩ và ước nguyện của mình. Bố cục: Khổ 1 : Mùa xuân của thiên nhiên Khổ 2,3 : Mùa xuân của đất nước Khổ 4,5,6: Lời tâm niệm dâng hiến và lời ca ngợi quê hương <i>Thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</i> -Khổ thơ đầu là mùa xuân của thiên	I. Tìm hiểu chung: 1. Tác giả 2.Tác phẩm: sgk. -Thể thơ: 5 chữ. - Bố cục: 3 phần. II. Phân tích:

đầu? - Hình ảnh mùa xuân của thiên nhiên được phác họa qua những chi tiết nào? - Hai câu thơ đầu sử dụng biện pháp nghệ thuật nào? Tác dụng? - Chỉ bằng vài nét phác họa, cảnh mùa xuân hiện lên như thế nào? GV chốt Em hiểu như thế nào về hai câu thơ cuối đoạn? <i>Chi tiết rất tạo hình:</i> <i>“Từng giọt long lanh rơi/ Tôi đưa tay tôi hứng”</i> <i>Có hai cách hiểu: Từng giọt ở đây là giọt mưa xuân long lanh trong ánh nắng của trời xuân; cũng còn có thể hiểu : nhà thơ đưa tay hứng từng giọt âm thanh tiếng chim.</i> Cảm xúc của tác giả trước cảnh đất trời vào xuân? - Cho HS đọc phần 2. <i>Chuyển giao nhiệm vụ:</i> - Từ mùa xuân của thiên nhiên, đất trời, nhà thơ chuyển sang cảm nhận về mùa xuân đất nước với hình ảnh nào? Hình ảnh ấy có ý nghĩa gì? - Hình ảnh “lộc” của mùa xuân có ý nghĩa gì đặc biệt?	nhiên, đất trời - Mùa xuân được phác họa qua các chi tiết: + Dòng sông xanh + Bông hoa tím biếc + Tiếng chim chiến chiến hót vang trời. - Đảo ngữ=> bức tranh sinh động - Không gian cao rộng (với dòng sông, mặt đất, bầu trời bao la), màu sắc tươi thắm (sông xanh, hoa tím biếc- màu tím đặc trưng của xứ Huế), cả âm thanh vang vọng, tươi vui của chim chiến chiến (hót vang trời). <i>HD đọc lập</i> - Cả hai đều biểu hiện niềm say sưa, ngây ngất của nhà thơ trước vẻ đẹp của thiên nhiên, trời đất lúc vào xuân. <i>Hoạt động nhóm</i> Cảm nhận về mùa xuân của đất nước với hình ảnh “<i>người cầm súng, người ra đồng</i>” biểu trưng cho hai nhiệm vụ chiến đấu và lao động để bảo vệ và xây dựng đất nước. - Tác giả tạo nên sức gợi cảm cho câu thơ bằng hình ảnh lộc non của mùa xuân gắn với người cầm súng, người ra đồng: “Lộc giắt đầy trên lưng, lộc trải dài nương mạ”. Mùa xuân của đất trời đọng lại trong hình ảnh lộc non, đã theo người cầm súng và người ra đồng hay chính họ đã đem mùa xuân đến mọi nơi trên đất nước?! Trong nhịp điệu hồi hả, âm thanh rộn rã. Và đất nước còn được hình dung bằng những hình ảnh so sánh rất đẹp: “Đất nước như vì sao, cứ đi lên phía trước”. - Thể hiện niềm tin của tác giả vào	1. Mùa xuân của thiên nhiên, đất trời: - Nghệ thuật đảo ngữ - Bức tranh mùa xuân với không gian cao rộng, màu sắc tươi thắm màu âm thanh vang vọng, tươi vui -> Sức sống của mùa xuân thiên nhiên. => Nhà thơ ngây ngất, say sưa trước cảnh đất trời vào xuân. 2. Hình ảnh mùa xuân đất nước: <i>“Người cầm súng- người ra đồng”</i>- -> Sự gắn bó hữu cơ giữa 2 nhiệm vụ <i>“Lộc giắt đầy trên lưng, lộc trải dài nương mạ”.</i> => Mùa xuân sinh thành nảy nở

- Sức sống của mùa xuân đất nước còn được cảm nhận qua hình ảnh nào? Ý nghĩa? - Cho HS đọc phần 3. GV treo bảng phụ. - Từ cảm xúc về mùa xuân của thiên nhiên, đất nước, mạch thơ chuyển sang bày tỏ những suy ngẫm và tâm niệm gì của nhà thơ? - Tâm niệm ấy được thể hiện qua những hình ảnh nào và nét đặc sắc của những hình ảnh ấy là gì? -Nhận xét về ước mơ của tác giả? Vì sao khổ đầu xưng “Tôi” sang khổ 4 lại xưng “Ta” ? GV chốt ý Bản thân em có những suy nghĩ gì để đóng góp cho cuộc sống chung? ? Em có nhận xét gì về cách kết thúc bài thơ ? - Để thể hiện thành công nội dung tư tưởng, cảm xúc của bài thơ, tác giả đã sử dụng và sáng tạo những phương tiện thủ	tương lai của đất nước. - Đó là khát vọng được hòa nhập vào cuộc sống của đất nước, cống hiến phần tốt đẹp - dù nhỏ bé của mình cho cuộc đời chung. -Điều tâm niệm ấy được thể hiện một cách chân thành trong những hình ảnh tự nhiên, giản dị và đẹp “<i>con chim, nhành hoa, bài ca, nốt trầm</i>”. Đẹp và tự nhiên vì nhà thơ đã dùng những hình ảnh đẹp của thiên nhiên để nói lên ước nguyện của mình: “Ta làm con chim hót - Ta làm một cành hoa”. Lưu ý rằng ở phần đầu của bài thơ, tác giả đã phác họa hình ảnh mùa xuân bằng các chi tiết bông hoa và tiếng chim hót. -“Tôi” cá nhân hơn còn “Ta”: vừa riêng, vừa chung=>tô đậm tâm nguyện tự nguyện dâng hiến, đóng góp cho cuộc đời chung, cho đất nước. <i>HS hđ độc lập</i> Cách câu tứ lập lại như vậy tạo sự đối ứng chặt chẽ. Những hình ảnh chọn lọc ấy được trở lại đã mang một ý nghĩa mới: Niềm mong muốn được sống có ích, cống hiến cho đời là một lẽ tự nhiên như con chim mang đến tiếng hót, bông hoa tỏa hương sắc cho đời. Khuyến khích hs trả lời. (5p) <i>Thảo luận</i> nhóm lớn, trình bày bảng phụ: + Thể thơ 5 chữ gần với dân ca âm hưởng nhẹ nhàng, thiết tha + Gieo vần liền giữa các khổ + Câu tứ chặt chẽ	“<i>Đất nước như vì sao, cứ đi lên phía trước</i>”. => Nhịp điệu mùa xuân khẩn trương, náo nức, nó là nhịp của thời đại, của lịch sử 3. Tâm niệm của nhà thơ: - Ao ước được góp phần nhỏ bé của mình vào công cuộc xây dựng đất nước -> Ước mơ nhỏ bé, khiêm tốn được sống có ích, được cống hiến cho đời, bất chấp thời gian, tuổi tác, bệnh tật. Chuyển đổi cách xưng hô “Tôi”-> “Ta” III. Tổng kết: - NT: Thể thơ 5 chữ giàu nhạc điệu Gieo vần chân liền mạch Giọng điệu biến

[Type the document title]

pháp nghệ thuật nào? - Nêu nội dung của bài? - Nêu ý nghĩa của bài thơ? . GV tổng kết và chốt lại như ghi nhớ. Gọi hs đọc ghi nhớ.	+ Giọng điệu thể hiện tâm trạng nhà thơ, biến đổi phù hợp Hs đọc ghi nhớ sgk.	đôi phù hợp - ND: ghi nhớ SGK - Ý nghĩa: Những rung cảm tinh tế của nhà thơ trước vẻ đẹp mùa xuân thiên nhiên, đất nước và khát vọng cống hiến cho đất nước, cho cuộc đời

3.Luyện tập (8p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
-Hãy nêu cách hiểu của em về nhan đề bài thơ? Từ đó phát biểu chủ đề của tác phẩm? Đọc diễn cảm bài thơ. -Thi vẽ sơ đồ tư duy khái quát nội dung bài	-Trình bày -Đọc bài thơ -Tham gia 	

4.Vận dụng (10p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Viết đoạn văn bình khổ thơ mà em thích.(khoảng 200 chữ)	Thực hiện	

Hướng dẫn tự học (2P)

- Học thuộc bài thơ, nội dung bài học
- Viết đoạn văn nêu cảm nhận của em về một khổ thơ trong bài mà em thích nhất.
- Chuẩn bị bài: Viếng lăng Bác:
 - + Đọc bài thơ, phần chú thích
 - + Trả lời các câu hỏi phần đọc hiểu văn bản.

TUẦN 23

TIẾT 113,114: VIẾNG LĂNG BÁC

TIẾT 115: NGHỊ LUẬN VỀ MỘT BÀI THƠ (ĐOẠN THƠ)

TIẾT 116,117: CÁCH LÀM BÀI NGHỊ LUẬN VỀ MỘT BÀI THƠ (ĐOẠN THƠ)

TIẾT 113,114	VIẾNG LĂNG BÁC	NS: 25/1/2024

I. Mục tiêu cần đạt

1. Kiến thức:

- Những tình cảm thiêng liêng của tác giả, của một người con từ miền Nam ra viếng Bác.
- Những đặc sắc về tứ thơ, hình ảnh thơ, giọng điệu của bài thơ

2. Năng lực:

- +Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực nhận thức, tư duy logic
- +Năng lực chuyên biệt:
 - Đọc- hiểu một văn bản trữ tình.
 - Cảm thụ những cảm xúc chân thành, những câu thơ giàu hình ảnh tượng trưng+.

3. Phẩm chất: Cảm nhận được niềm xúc động thiêng liêng tằm lòng thành kính, vừa tự hào, vừa đau xót của tác giả từ miền Nam mới được giải phóng ra viếng lăng Bác; biết ơn và yêu kính Bác

***Tích hợp ANQP: Tình cảm bè bạn 5 châu dành cho chủ tịch HCM.**

***Tích hợp tư tưởng, đạo đức HCM:**

II. Chuẩn bị

GV : Phiếu HT, tranh ảnh lăng Bác, tình cảm của nhân dân và bạn bè năm châu dành cho Bác, TKBG

HS :Đọc, soạn kỹ bài thơ

III. Tiến trình lên lớp:

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5P)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
HS chơi trò nhanh như chớp 1. Bác Hồ quê ở đâu? 2. Ngày tháng năm sinh của Bác? 3. Bác ra đi tìm đường cứu nước vào ngày tháng năm nào? 4. Kể 3 tên gọi khác nhau của Bác? 5. Đọc một câu nói của Bác mà em	Tham gia cổ vũ trò chơi	

thấy ấn tượng nhất?		

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (60p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
. GV hướng dẫn HS đọc và tìm hiểu tác giả, tác phẩm:(10p) - GV chỉ định 1 HS đọc chú thích * - Gv giới thiệu thêm về Viễn Phương và bài thơ “Viếng lăng Bác” như SGK - GV hướng dẫn HS đọc bài thơ - GV đọc mẫu, gọi 2 HS đọc - GV hướng dẫn HS đọc tìm hiểu nhanh 3 chú thích /60. <i>Giao nhiệm vụ:</i> Cho biết cảm hứng bao trùm bài thơ và mạch vận động của tâm trạng nhà thơ? Tìm hiểu bố cục bài thơ theo trình tự các khổ thơ? *Tích hợp tư tưởng HCM: Vẻ đẹp tỏa sáng của HCM: Cho hs giới thiệu những điều em biết về HCM.	<i>HD độc lập</i> 1. Tác giả: Viễn Phương 1928, quê An Giang. Trong kháng chiến chống Pháp, Mĩ, ông hoạt động ở Nam Bộ. 2. Tác phẩm: Sáng tác năm 1976, in trong tập “Như mây mùa xuân” (1978). (Giọng thành kính, xúc động, chậm rãi, càng ngày càng dâng cao, có đoạn lắng sâu, đoạn cuối tha thiết) Hs đọc. <i>HD nhóm đôi</i> -Niềm xúc động thiêng liêng, thành kính, lòng biết ơn và tự hào pha lẫn nỗi xót đau. Mạch vận động của cảm xúc: đi theo trình tự cuộc vào lăng viếng Bác. -Bố cục: +Khổ 1,2: Cảm xúc trước không gian, cảnh vật và dòng người bên ngoài lăng. +Khổ 3: Cảm xúc khi đã vào trong lăng. +Khổ 4: Cảm xúc trước khi ra về. Từ đây khép cánh cho ước mơ nhà thơ. Câu đầu: gọn như một lời thông báo, nhưng lại gợi tâm trạng xúc động của một người từ chiến trường miền Nam sau bao năm	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả - tác phẩm SGK. 2. Bố cục: 3 phần: II. Phân tích: 1. Cảm xúc trước không gian, cảnh

Cho HS đọc lại khổ 1. <i>Giao nhiệm vụ Phiếu HT số 1 5p</i> -Mở đầu bài thơ tác giả giới thiệu với chúng ta điều gì? -Cách dùng từ <i>thăm</i> có gì đặc biệt? -Lần đầu tiên đến thăm lăng Bác, hình ảnh nào gây ấn tượng nhất đối với tác giả? Hình ảnh ấy được tả như thế nào và có ý nghĩa gì? -Tác giả sử dụng từ láy và thành ngữ nào? Tác dụng? - GV sửa bài HS và chốt : <i>Tích hợp Tre VN của Nguyễn Duy</i> * GV hướng dẫn HS đọc và tìm hiểu khổ thơ thứ 2 <i>Giao nhiệm vụ, Phiếu HT số 2, 5p</i> ? Thảo luận nhận xét gì về sự khác nhau giữa 2 hình ảnh “mặt trời”? Biện pháp nào đã được sử dụng trong câu thơ? Tác dụng? - Gv nhận xét HS trả lời và chốt trên bảng phụ.	mong mỗi bây giờ mới được ra viếng Bác. <i>Thảo luận</i> -Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác -Thể hiện tình yêu thương, sự gần gũi (Bác vẫn còn sống) -Hình ảnh hàng tre trong sương sớm bên lăng Bác => hình ảnh thực - Nhà thơ liên tưởng bằng hình ảnh ẩn dụ biểu tượng cho đất nước và con người Việt Nam Thành ngữ “Bão táp mưa sa” : sức sống kiên cường, bền bỉ của con người và dân tộc Việt Nam <i>Thảo luận:</i> -Khổ 2 sử dụng nhiều biện pháp nghệ thuật và đem lại hiệu quả rõ rệt. Hình ảnh ẩn dụ “Mặt trời trong lăng” => vĩnh viễn hoá, bất tử hoá hình tượng, hình ảnh Bác Hồ và ca ngợi công lao, sự vĩ đại của Bác. - Hình ảnh thực “Dòng người ...” - Hình ảnh ẩn dụ “Kết tràng hoa ... là hình ảnh đẹp và rất sáng tạo của nhà thơ thể hiện tấm lòng thành kính của nhân dân ta đối với Bác”. Quan sát, cảm nhận	vật và dòng người bên ngoài lăng: Xung hô ngọt ngào thân thương, gần gũi và rất Nam Bộ “Con - Bác” -Tâm trạng xúc động của người con miền Nam ra thăm lăng Bác - Hàng tre: Biểu tượng của sức sống bền bỉ, kiên cường của dân tộc Việt Nam *Cảm xúc trước cảnh đoàn người xếp hàng vào lăng: Ẩn dụ: “Mặt trời trong lăng”, “kết tràng hoa”... -Điệp từ “ngày ngày” * Thể hiện tình cảm nhớ thương, tôn kính Bác

*Tích hợp QPAN: Gv dẫn dắt, trình chiếu 1 số hình ảnh nói đến tình cảm của nhân dân ta và bạn bè khắp năm châu dành cho Bác * GV hướng dẫn HS đọc và phân tích khổ 3 <i>Giao nhiệm vụ:</i> N1,2: Cảm nhận chung về khung cảnh trong lăng qua 2 câu đầu khổ 3 ? N3,4,5: Cảm xúc về Bác của tác giả được thể hiện qua hình ảnh thơ nào ? Hãy phân tích ý nghĩa của những hình ảnh thơ ấy? N6,7,8: Trong lăng Bác, tác giả đã thể hiện cảm xúc như thế nào ? Qua từ ngữ nào? - GV sửa bài và chốt : Đau xót vì sự ra đi của Bác, diễn đạt cụ thể, trực tiếp qua động từ “nhói” - Gv giảng, bình.... Hết tiết 1 * GV hướng dẫn HS đọc và phân tích khổ 4 <i>Giao nhiệm vụ, phiếu HT số 4, 5p</i> ? Em có cảm nhận gì về tâm trạng tác giả qua khổ	<i>Hoạt động nhóm lớn:</i> -Khung cảnh, không khí thanh tĩnh như ngưng kết không gian, thời gian -Bác nằm dưới ánh đèn sáng dịu nhẹ, thanh tĩnh như ánh trăng => cảm giác Bác đang nằm nghỉ ngơi sau giờ làm việc. Hình ảnh trời xanh tượng trưng cho sự vĩnh hằng, vô tận của tên tuổi và sự nghiệp của Bác Hồ. - Tác giả ca ngợi sự vĩ đại, thiêng liêng, bất tử của Bác (vĩ đại như mặt trời, hiền hoà như ánh trăng, bất tử như trời xanh) <i>Hoạt động nhóm:</i> -Tác giả tiếc thương, bịn rịn, lưu luyến không muốn rời xa - Hình ảnh đẹp, tự nhiên (con chim, bông hoa, cây tre) => khát vọng luôn ở bên Bác. -Ở đầu bài, cây tre tượng trưng cho hình ảnh quê hương, đất nước. Ở cuối bài tượng trưng cho tấm lòng son sắt của người	2. Cảm xúc khi đã vào trong lăng: Hình ảnh ẩn dụ : vàng trắng, trời xanh, - tượng trưng cho sự vĩnh hằng, trường tồn => Tác giả ca ngợi sự vĩ đại, thiêng liêng, bất tử của Bác -Đoạn thơ thể hiện tâm trạng xúc động, đau xót của tác giả khi vào trong lăng viếng Bác. 3. Cảm xúc trước khi ra về Điệp ngữ “Muôn làm” tạo giai điệu thôi thúc - Tâm trạng lưu luyến nhớ thương Bác khôn nguôi

[Type the document title]

cuối? Nghệ thuật đặc sắc trong khổ thơ cuối và ý nghĩa? ? Hình ảnh cây tre câu cuối bài thơ trở lại hình ảnh cây tre đầu bài tạo nên kết cấu bài thơ như thế nào? Nó bổ sung thêm cho phương diện ý nghĩa gì của hình ảnh cây tre? - GV nhận xét các nhóm và chốt (bảng phụ) : Nhận xét về nhịp điệu và hình ảnh trong khổ thơ này? - Tìm những nét nổi bật trong nghệ thuật bài thơ về giọng điệu, hình ảnh, thể thơ? (Cho HS thảo luận). - Nội dung bài thơ? Cho biết ý nghĩa của bài thơ? GV chốt	Việt Nam. - Nhịp điệu dồn dập, hình ảnh gợi cảm. Giọng điệu vừa trang nghiêm, sâu lắng, vừa tha thiết, đau xót, tự hào, phù hợp với nội dung, cảm xúc của bài. - Viết theo thể thơ tám chữ có đôi chỗ biến thể, cách gieo vần và nhịp điệu thơ linh hoạt. - Sáng tạo trong việc xây dựng hình ảnh thơ, kết hợp cả hình ảnh thực, hình ảnh ẩn dụ, biểu tượng có ý nghĩa khái quát và giá trị biểu cảm cao. - Lựa chọn ngôn ngữ biểu cảm, sử dụng các ẩn dụ, điệp từ có hiệu quả nghệ thuật. Cho HS đọc phần ghi nhớ.	III. Tổng kết; * Nghệ thuật: - Giọng thơ phù hợp với nội dung, cảm xúc của bài. - Thể thơ tám chữ có đôi chỗ biến thể, cách gieo vần và nhịp điệu thơ linh hoạt. -Ngôn ngữ, hình ảnh giàu sức biểu cảm. Kết cấu chặt chẽ, hoàn chỉnh: đầu cuối tương ứng. * Nội dung: * Ý nghĩa: Bài thơ thể hiện tâm trạng xúc động, tấm lòng thành kính, biết ơn sâu sắc của tác giả khi vào lăng viếng Bác.

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (15 p)

Viết một đoạn văn ngắn khoảng 200 chữ, nêu cảm nhận của em về một khổ thơ mà em thích nhất?

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (7P)

- + Cho HS nghe bài hát *Viếng lăng Bác*
- + Nêu cảm xúc khi học xong bài thơ.

[Type the document title]

- GV nhận xét bài HS

***Hướng dẫn tự học: (3p)**

- Về học thuộc lòng bài thơ, bài học; Phân tích cảm thụ những hình ảnh đẹp trong bài thơ.

- Chuẩn bị cho tiết học mới: Đọc và trả lời các câu hỏi trong bài: “Nghị luận về đoạn thơ (hoặc bài thơ); Hiểu rõ thế nào là nghị luận về đoạn thơ (hoặc bài thơ)

+ Nhận diện chính xác một bài văn nghị luận về đoạn thơ (hoặc bài thơ)

HÌNH ẢNH VỀ TÌNH CẢM CỦA NHÂN DÂN TA VÀ BẠN BÈ NĂM CHÂU DÀNH CHO BÁC



Thủ tướng Nga Dmitry Medvedev trong nghi lễ đặt vòng hoa tại Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 6/4/2015



Tổng thống Obama thăm nhà sàn Bác Hồ

TIẾT 115	NGHỊ LUẬN VỀ MỘT ĐOẠN THƠ, BÀI THƠ	NS: 26/1/2024

I. Mục tiêu cần đạt

1. Kiến thức:

- Đặc điểm, yêu cầu đối với bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.

2. Năng lực:

+ Năng lực chung: Năng lực tiếp nhận, hợp tác, giải quyết vấn đề

+ Năng lực chuyên biệt:

- Nhận diện được bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.

- Tạo lập văn bản nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.

+ Năng lực chuyên biệt: lĩnh hội, hợp tác, phản biện

3. Phẩm chất:

- Nắm vững các yêu cầu đối với một bài nghị luận về đoạn thơ, bài thơ để có cơ sở tiếp thu, rèn luyện tốt về kiểu bài này ở các tiết tiếp theo.

II. Chuẩn bị

- GV : SGK, SGK, bảng phụ, TKBG

- HS : Chuẩn bị nội dung bài học trong SGK

III. Tiến trình lên lớp:

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (3P)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Ghi bảng
- Khi chúng ta muốn trình bày nhận xét, đánh giá của mình về một tác phẩm truyện hoặc đoạn trích thì ta phải làm gì? - Vậy khi trình bày nhận định, đánh giá của mình về một đoạn thơ hay một bài thơ tức là nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ? Hôm nay các em sẽ tìm hiểu về nội dung này.		

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (25p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Ghi bảng
- GV cho HS đọc bài “Khát vọng hòa nhập,	HS đọc đoạn	I- Tìm hiểu bài nghị luận về một

[Type the document title]

dâng hiến cho đời” giao nhiệm vụ học tập: a/ Vấn đề nghị luận của văn bản là gì? b/ Văn bản nêu lên những luận điểm gì về hình ảnh mùa xuân trong bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ”? Người viết đã sử dụng những luận cứ nào để làm sáng tỏ các luận điểm đó? c/ Chỉ ra các phần Mở bài, Thân bài, Kết bài và nhận xét bố cục của văn bản? d/ Cách diễn đạt trong văn bản có làm nổi bật được luận điểm không? Em có nhận xét gì về cách diễn đạt trong bài văn? <i>Theo dõi, giúp đỡ</i>	-Vận dụng kĩ thuật hện hò đôi bạn, thảo luận trả lời Hình ảnh mùa xuân và tình cảm thiết tha của Thanh Hải trong bài thơ <i>Mùa xuân nho nhỏ</i>. +Hình ảnh mùa xuân trong bài thơ của Thanh Hải mang nhiều tầng ý nghĩa. Trong đó, hình ảnh nào cũng thật gợi cảm, thật đáng yêu. + Hình ảnh mùa xuân rạo rực của thiên nhiên, đất nước trong cảm xúc thiết tha, triu mến của nhà thơ. + Hình ảnh mùa xuân nho nhỏ thể hiện khát vọng hoà nhập, dâng hiến được nối kết tự nhiên với hình ảnh mùa xuân thiên nhiên, đất nước ở trước. Để chứng minh cho các luận điểm, người viết đã chọn giảng, bình các câu thơ hình ảnh đặc sắc, đã phân tích giọng điệu trữ tình, kết cấu của bài thơ. + Mở bài: từ đầu đến "đáng trân trọng". + Thân bài: Từ “Hình ảnh mùa xuân...ây của mùa xuân”. Đây là phần trình bày sự cảm nhận, đánh giá cụ thể những đặc sắc nổi bật về nội dung, nghệ thuật của bài thơ, là sự triển khai các luận điểm. + Kết bài: phần còn lại. Giữa các phần của văn bản có sự liên kết tự nhiên về ý và về diễn đạt, làm nổi bật được luận điểm. Người viết đã trình bày những cảm nghĩ, đánh giá của mình bằng thái độ tin yêu, bằng tính cảm thiết tha, triu mến. Lời văn toát lên những rung động trước sự đặc sắc của	đoạn thơ, bài thơ: *Ghi nhớ (SGK)

[Type the document title]

<i>Nhận xét, chốt ý.</i> Qua tìm hiểu, em hiểu thế nào là nghị luận về đoạn thơ, bài thơ? - GV chốt lại ý ghi nhớ.	hình ảnh, giọng điệu thơ, sự đồng cảm với nhà thơ Thanh Hải. - Hoạt động độc lập - HS đọc ghi nhớ.	

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG (15p)

HS làm theo nhóm 4

1. Có thể bổ sung các luận điểm cho bài thơ:

- Mùa xuân của một đất nước vất vả, gian lao và cũng tràn đầy niềm tin hy vọng.
- Mùa xuân của giai điệu ngọt ngào tình tứ, sâu lắng trong dân ca xứ Huế...

2. Tìm các luận cứ để làm sáng tỏ các luận điểm trên.

Hướng dẫn hs tìm trong các khổ:

Đất nước bốn ngàn năm

...

Nhịp phách tiền đất Huế.

*** Hướng dẫn tự học: (2p)**

- Lập dàn ý cho một bài nghị luận về đoạn thơ, bài thơ.
- Chuẩn bị bài: Cách làm bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ
- + Tìm hiểu các đề bài
- + Các bước làm bài
- + Cách tổ chức triển khai các luận điểm

TIẾT 116,117,118	CÁCH LÀM BÀI NGHỊ LUẬN VỀ MỘT ĐOẠN THƠ, BÀI THƠ	NS: 27/1/2024

I. Mục tiêu cần đạt

1. Kiến thức:

- Đặc điểm, yêu cầu đối với bài nghị luận về đoạn thơ, bài thơ.
- Các bước làm bài nghị luận về đoạn thơ, bài thơ.

2. Năng lực:

- + Năng lực chung:
 - Tiến hành các bước làm bài nghị luận về đoạn thơ, bài thơ.
 - Tổ chức triển khai các luận điểm.
- + Năng lực chuyên biệt: Năng lực tiếp nhận, hợp tác trao đổi

3. Phẩm chất: Chăm chỉ

II. Chuẩn bị :

Gv : SGK, SGK, STK, bảng phụ, TKBG

HS : Chuẩn bị trước đề bài trong SGK.

III. Tiến trình lên lớp:

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Ghi bảng
- Thế nào là nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ? - GV nhận xét và chuyển ý bài mới - HS nhận diện các đề nghị luận: Hiện tượng khai thác rừng bừa bãi Suy nghĩ về câu : Đoàn kết là sức mạnh Suy nghĩ về tình trạng học tử học vẹt hiện nay. Cảm nhận về hình ảnh người phụ nữ trong xã hội cũ qua nhân vật Vũ Nương trong <i>Chuyện người con gái Nam Xương</i> của Nguyễn Dữ. Cảm nhận khổ thơ cuối trong bài <i>Đoàn thuyền đánh cá</i> của Huy Cận. Hình ảnh người lính trong bài thơ <i>Đồng chí</i> của Chính Hữu. ->Các em đã nắm được thế nào là nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ. Trong tiết học này, các em sẽ tìm hiểu cách		

[Type the document title]

làm bài và nắm được các dạng bài nghị luận về đoạn thơ, bài thơ.		

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KHIẾN THỨC (85p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Ghi bảng
1. Tìm hiểu đề bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ (10p) - GV đưa 8 đề văn SGK lên bảng phụ, gọi HS đọc - Yêu cầu của đề thể hiện ở từ ngữ nào? - Đối tượng nghị luận là gì? - Nếu chia nhóm dạng đề em sẽ căn cứ vào đối tượng hay từ ngữ yêu cầu của đề? (Đối tượng) - GV lưu ý cho HS các từ trong đề bài như : phân tích, cảm nhận, suy nghĩ biểu thị những yêu cầu gì đối với bài làm 2. Cách làm bài nghị luận *Đề nêu lên yêu cầu gì? Để thực hiện đúng yêu cầu ấy, chúng ta cần phải làm những gì? *Lập dàn bài.	HS đọc đề - HS hoạt động nhóm - HS xác định và gạch chân các từ - HS nhận xét Cảm nhận: nêu ấn tượng, cảm thụ. Suy nghĩ: nêu ý kiến, nhận xét. Hoạt động đôi bạn a. Đề bài yêu cầu phân tích tình yêu quê hương trong bài thơ. Đọc kĩ bài thơ để xác nhận tình yêu quê hương cùng những biểu hiện của nó. Trong cách xa, nhà thơ nhớ về quê hương ntn? Hình ảnh quê hương hiện lên có những đặc điểm và vẻ đẹp gì? Những hình ảnh, câu thơ nào gây ấn tượng sâu sắc với em? MB: Giới thiệu bài thơ, nêu ý kiến khái quát của mình về tình	I- Đề bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ: II. Cách làm bài nghị luận: 1. Các bước làm bài: Đề bài: Phân tích tình yêu quê hương trong bài thơ Quê hương của Tế Hanh a. Tìm hiểu đề và tìm ý. b. Lập dàn ý.

Bảng phụ. Hết tiết 1 *Viết bài (30P) Dựa vào dàn ý, viết từng phần của bài. - Sau khi viết bài, người viết cần làm gì? - Cho HS đọc bài văn viết về quê hương(trang 81), <i>Thảo luận nhóm, hoàn thành nhiệm vụ 7p</i> - Chỉ ra bố cục 3 phần của bài văn? - Mở bài tác giả viết về những ý gì? - Câu nào là câu nêu luận điểm ở phần thân bài? - Để triển khai luận điểm đó tác giả đã phân tích mấy dẫn chứng? Mỗi dẫn chứng được phân tích, triển khai như thế nào? - Nhận xét trong mỗi câu nêu luận cứ khái quát có từ ngữ nào thể hiện sự đánh giá của	yêu quê hương trong bài thơ. TB: Phân tích tình yêu quê hương trong bài thơ: Một tình yêu tha thiết trong sáng, đậm chất lí tưởng lãng mạn. Cảnh ra khơi. Cảnh trở về. Nỗi nhớ. KB: Bài thơ là khúc ca quê hương tươi sáng, ngọt ngào, là sản phẩm của tâm hồn thơ trẻ trung, đầy mơ mộng. Hs viết từng phần. Đọc và nhận xét. Chú ý liên kết giữa các phần mở bài, thân bài, kết bài; chú ý cách dẫn dắt, chuyển tiếp giữa các luận điểm. - HS đọc VB - Xác định bố cục Hoạt động độc lập - Hoạt động nhóm, đại diện nhóm trả lời cả lớp nhận xét	c. Viết bài. d. Đọc và kiểm tra lại. 2. Cách tổ chức, triển khai luận điểm. a/ Mở bài: - Cảm xúc về đề tài quê hương trong Tế Hanh - Giới thiệu tác phẩm : “Quê hương” b/ Thân bài: - Câu 1 Nêu luận điểm - Luận cứ 1: Hình ảnh đoàn thuyền ra khơi trong ký ức thật sinh động + Hình ảnh con thuyền + Nhận xét lời thơ, từ ngữ + Cảm nhận về cánh buồm * Tình cảm của tác

[Type the document title]

người viết? - Dàn ý bài nghị luận gồm có mấy phần, nội dung từng phần? - GV khái quát lại dàn ý lên bảng phụ. - Luận cứ được triển khai từ cơ sở nào? (những câu văn, câu thơ trong tác phẩm) - Yêu cầu bài bình luận phải có luận điểm, đặc điểm của luận điểm. - GV khái quát các ý trong ghi nhớ (SGK) Hết tiết 2	- HS trình bày lại dàn ý khái quát trên bảng phụ HS phát hiện dàn ý trên cơ sở gợi ý của GV MB: Giới thiệu đoạn thơ, bài thơ. Bước đầu nêu nhận xét đánh giá của mình. TB: Lần lượt trình bày những suy nghĩ, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ, bài thơ. KB: Khái quát giá trị ý nghĩa của đoạn thơ, bài thơ. - HS đọc lại ghi nhớ	giả rất thiêng liêng và trù mên - Luận cứ 2: Cảnh tập nập nhộn nhịp, ồn ào đáng yêu khi chào đón thành quả lao động + Nhận xét âm điệu thơ so sánh với trước. - Luận cứ 3: Hình ảnh con người với những câu thơ tinh tế hay nhất + Nhận xét con người: Bức tượng đài người dân chài được khắc họa + Bức tượng mang hương vị quê hương. + Nhận xét câu thơ cuối c/ Kết bài: - Đánh giá khái quát, khẳng định ý kiến về tác phẩm: Tiếng ca trong trẻo - Tác dụng: Thêm yêu quê hương * Ghi nhớ (SGK)

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG (40P)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt

[Type the document title]

- GV nêu yêu cầu bài tập: Thảo luận nhóm 30p, Lập dàn ý phân tích khổ thơ đầu bài Mùa xuân nho nhỏ của Thanh Hải., Viết đoạn văn -> Các nhóm trình bày, nhận xét -> Gv nhận xét	Thảo luận, trình bày, nhận xét	a/ MB:Giới thiệu bài thơ, khổ thơ. b/ TB: Lần lượt phân tích từng hình ảnh thơ: c/ KB: Khổ thơ bé nhỏ xinh xắn nhưng chứa đựng nhiều điều thú vị. Bởi mỗi chữ mỗi dòng là một phát hiện mới mẻ. Chứng tỏ một tâm hồn nhạy cảm, tinh tế, một tài thơ đặc sắc.

*** Hướng dẫn tự học: (5p)**

- Nắm nội dung bài học ; Bố cục, cách trình bày các luận điểm,
- Xác định các phép lập luận giải thích, chứng minh, phân tích, tổng hợp được sử dụng trong đoạn văn, văn bản cụ thể
- Hoàn thành bài nghị luận theo dàn bài trên.
- Soạn bài : Sang thu

TUẦN 24

TIẾT 118: CÁCH LÀM BÀI NGHỊ LUẬN VỀ MỘT ĐOẠN THƠ, BÀI THƠ

TIẾT 119, 120: SANG THU

TIẾT 121: NGHĨA TƯỜNG MINH, HÀM Ý

TIẾT 122: LUYỆN NÓI: NGHỊ LUẬN VỀ MỘT ĐOẠN THƠ (BÀI THƠ)

TIẾT 116,117,118	CÁCH LÀM BÀI NGHỊ LUẬN VỀ MỘT ĐOẠN THƠ, BÀI THƠ	NS: 27/01/2024

I. Mục tiêu cần đạt**1. Kiến thức:**

- Đặc điểm, yêu cầu đối với bài nghị luận về đoạn thơ, bài thơ.
- Các bước làm bài nghị luận về đoạn thơ, bài thơ.

2. Năng lực:

+ Năng lực chung:

- Tiến hành các bước làm bài nghị luận về đoạn thơ, bài thơ.
- Tổ chức triển khai các luận điểm.

+ Năng lực chuyên biệt: Năng lực tiếp nhận, hợp tác trao đổi

3. Phẩm chất:- Biết cách viết bài nghị luận về đoạn thơ, bài thơ cho đúng với các yêu cầu đã học ở tiết trước.**II. Chuẩn bị :**

GV : SGK, SGK, STK, bảng phụ, TKBG

HS : Chuẩn bị trước đề bài trong SGK.

III. Tiến trình lên lớp:**HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5p)**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Ghi bảng
- Thế nào là nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ? - GV nhận xét và chuyển ý bài mới - HS nhận diện các đề nghị luận: Hiện tượng khai thác rừng bừa bãi Suy nghĩ về câu : Đoàn kết là sức mạnh Suy nghĩ về tình trạng học tử học vẹt hiện nay.	Trả lời	

Cảm nhận về hình ảnh người phụ nữ trong xã hội cũ qua nhân vật Vũ Nương trong <i>Chuyện người con gái Nam Xương</i> của Nguyễn Dữ. Cảm nhận khổ thơ cuối trong bài <i>Đoàn thuyền đánh cá</i> của Huy Cận. Hình ảnh người lính trong bài thơ <i>Đồng chí</i> của Chính Hữu. -> Các em đã nắm được thế nào là nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ. Trong tiết học này, các em sẽ tìm hiểu cách làm bài và nắm được các dạng bài nghị luận về đoạn thơ, bài thơ.	

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KHIẾN THỨC (85p)

[illegible]

luận *Đề nêu lên yêu cầu gì? Để thực hiện đúng yêu cầu ấy, chúng ta cần phải làm những gì? *Lập dàn bài. Bảng phụ. Hết tiết 1 *Viết bài (30P) Dựa vào dàn ý, viết từng phần của bài. - Sau khi viết bài, người viết cần làm gì? - Cho HS đọc bài văn viết về quê hương(trang 81), <i>Thảo luận nhóm, hoàn thành nhiệm vụ 7p</i>	Hoạt động đôi bạn a. Đề bài yêu cầu phân tích tình yêu quê hương trong bài thơ. Đọc kĩ bài thơ để xác nhận tình yêu quê hương cùng những biểu hiện của nó. Trong cách xa, nhà thơ nhớ về quê hương ntn? Hình ảnh quê hương hiện lên có những đặc điểm và vẻ đẹp gì? Những hình ảnh, câu thơ nào gây ấn tượng sâu sắc với em? MB: Giới thiệu bài thơ, nêu ý kiến khái quát của mình về tình yêu quê hương trong bài thơ. TB: Phân tích tình yêu quê hương trong bài thơ: Một tình yêu tha thiết trong sáng, đậm chất lí tưởng lãng mạn. Cảnh ra khơi. Cảnh trở về. Nỗi nhớ. KB: Bài thơ là khúc ca quê hương tươi sáng, ngọt ngào, là sản phẩm của tâm hồn thơ trẻ trung, đầy mơ mộng. Hs viết từng phần. Đọc và nhận xét. Chú ý liên kết giữa các phần mở bài, thân bài, kết bài; chú ý cách dẫn dắt, chuyển tiếp giữa các luận điểm. - HS đọc VB - Xác định bố cục	Đề bài: Phân tích tình yêu quê hương trong bài thơ Quê hương của Tế Hanh a. Tìm hiểu đề và tìm ý. b. Lập dàn ý. c. Viết bài. d. Đọc và kiểm tra lại. 2. Cách tổ chức, triển khai luận điểm. a/ Mở bài: - Cảm xúc về đề tài quê hương trong Tế

[illegible]

dung từng phần? - GV khái quát lại dàn ý lên bảng phụ. - Luận cứ được triển khai từ cơ sở nào? (những câu văn, câu thơ trong tác phẩm) - Yêu cầu bài bình luận phải có luận điểm, đặc điểm của luận điểm. - GV khái quát các ý trong ghi nhớ (SGK) Hết tiết 2	đánh giá của mình. TB: Làn lượt trình bày những suy nghĩ, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ, bài thơ. KB: Khái quát giá trị ý nghĩa của đoạn thơ, bài thơ. - HS đọc lại ghi nhớ	cuối c/ Kết bài: - Đánh giá khái quát, khẳng định ý kiến về tác phẩm: Tiếng ca trong trẻo - Tác dụng: Thêm yêu quê hương * Ghi nhớ (SGK)

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG (40P)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
- GV nêu yêu cầu bài tập: Thảo luận nhóm 30p, Lập dàn ý phân tích khổ thơ đầu bài Mùa xuân nho nhỏ của Thanh Hải., Viết đoạn văn -> Các nhóm trình bày, nhận xét -> Gv nhận xét	Thảo luận, trình bày, nhận xét	a/ MB:Giới thiệu bài thơ, khổ thơ. b/ TB: Làn lượt phân tích từng hình ảnh thơ: c/ KB: Khổ thơ bé nhỏ xinh xắn nhưng chứa đựng nhiều điều thú vị. Bởi mỗi chữ mỗi dòng là một phát hiện mới mẻ. Chứng tỏ một tâm hồn nhạy cảm, tinh tế, một tài thơ đặc sắc.

*** Hướng dẫn tự học: (5p)**

- Nắm nội dung bài học ; Bố cục, cách trình bày các luận điểm,
- Xác định các phép lập luận giải thích, chứng minh, phân tích, tổng hợp được sử dụng trong đoạn văn, văn bản cụ thể
- Hoàn thành bài nghị luận theo dàn bài trên.
- Soạn bài : Sang thu

TIẾT 119,120	SANG THU Hữu Thỉnh	NS: 21/02/2024

I. Mục tiêu cần đạt**1. Kiến thức:**

- Vẻ đẹp của thiên nhiên trong khoảnh khắc giao mùa và những suy nghĩ mang tính triết lí của tác giả.

2. Năng lực:

+Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực nhận thức, tư duy logic

+Năng lực chuyên biệt:

- Đọc- hiểu một văn bản trữ tình.

- Cảm thụ những hình tượng thơ được sáng tạo bằng liên tưởng, tưởng tượng.

3. Phẩm chất:

- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên khoảnh khắc giao mùa

- Tình cảm đối với thiên nhiên và cuộc sống.

II. Chuẩn bị :

Gv : SGK, Thiết kế bài giảng

HS : Làm theo phần “Chuẩn bị ở nhà”

- Sưu tầm những câu hát, câu thơ, ca dao có từ *thu* hoặc *mùa thu*

III. Tiến trình lên lớp:**1. Khởi động (5p)**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Trò chơi: Ai nhanh, ai đúng -Gv chia lớp thành 2 đội + Ghi lại câu hát hoặc ca dao, thơ về mùa thu + Đội nào ghi đúng và nhiều nhất, sẽ thắng cuộc	Tham gia, cổ vũ trò chơi	

2. Hình thành kiến thức (73p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
1.GV hướng dẫn HS tìm hiểu chung. GV cho HS đọc phần chú thích SGK sau đó nhấn mạnh một số ý về	- Đọc chú thích (*) (SGK) - HS đọc bài thơ và chú thích SGK - HS xác định bố cục 3 phần	I- Tìm hiểu chung: 1/ Tác giả (SGK) 2/ Đọc và tìm hiểu chú thích

tác giả, chủ đề thiên nhiên và lưu ý cách đọc thơ cho HS - Xác định bố cục bài thơ? 2.Hướng dẫn phân tích bài thơ. - GV cho HS đọc bài thơ . <i>Giao nhiệm vụ học tập:</i> Phiếu học tập 1. Tác giả cảm nhận sự giao mùa từ các tín hiệu nào? 2. Tác giả đã sử dụng những biện pháp nghệ thuật nào trong đoạn thơ? 3. Từ “bỗng”, “hình như” diễn tả tâm trạng gì của nhà thơ? -Em có cảm nhận gì bức tranh thời điểm giao mùa? ->HS trình bày, nhận xét -> Gv chốt (Hết tiết 1) <i>Giao nhiệm vụ:</i> <i>Phiếu học tập 2</i>	<i>Khổ 1: Tín hiệu mùa thu về</i> <i>Khổ 2: Quang cảnh đất trời sang thu</i> <i>Khổ 3: Những chuyển biến âm thầm của tạo vật</i> - HS đọc thầm bài thơ trong 5phút - Vừa làm việc độc lập vừa trao đổi theo nhóm, trình bày trước lớp Nhà thơ chợt nhận ra tín hiệu của sự chuyển mùa từ ngọn gió se (nhẹ, khô và hơi lạnh) mang theo hương ổi (ổi đang độ chín), sương thu giăng mắc nhẹ nhàng, chuyển động chậm chậm nơi đường thôn, ngõ xóm. -Không gian chuyển mùa với các hình ảnh: + Hương ổi lan trong không gian, phả vào trong gió se. + Sương đầu thu giăng mắc nhẹ nhàng, chuyển động chậm chậm nơi đường thôn, ngõ xóm. -Nghệ thuật nhân hóa, từ láy -Các từ ngữ diễn tả cảm xúc: <i>bỗng, hình như</i>=>-Ngõ ngàng, băng khuâng HS đọc khổ thơ thứ 2, hoạt động nhóm	3. Bố cục: 3 phần II. Phân tích: 1. Tín hiệu thu về - Hương ổi phả, gió se, sương chùng chình -> hình ảnh nhân hóa, từ láy giàu sức gợi cảm -> Thiên nhiên chuyển biến nhẹ nhàng - Từ <i>bỗng, hình như</i> -> diễn tả tâm trạng bất ngờ, cảm giác băng khuâng => Bức tranh thiên nhiên lúc giao mùa thật đẹp, thể hiện qua sự rung động, cảm nhận tinh tế 2.Quang cảnh đất trời sang thu -Sông dềnh dàng;

- Cảnh vật:.... + Sông:..... + Chim:..... + Đám mây:..... - BPNT:..... Nhận xét..... HS trình bày, nhận xét -> Gv chốt - GV có thể cho HS tìm những câu thơ, ca dao nói về sự chuyển mùa + Đã nghe rét buốt luông trong gió (Xuân Diệu) +Ngày mỗi ngày từng chiếc lá tre xanh (Tố Hữu) Phiếu học tập 3 1.Có những khác biệt nào của thời tiết khi đất trời chuyển từ hạ sang thu? 2.“Hai câu thơ cuối của khổ thơ thứ ba vừa có tính tả thực, vừa chứa đựng nhiều hàm ý sâu xa.” Em có đồng ý không? Vì sao? ->HS trình bày, nhận xét -> Gv chốt GV theo dõi, hướng	<i>Sông được lúc dềnh dàng Chim bắt đầu vội vã</i> -Đám mây mùa hạ ... vắt nửa mình... <i>Hình ảnh thật ấn tượng. Mùa hạ, thu là hai đầu bến, đám mây là nhịp cầu ô thước bắt qua. Nhịp cầu duyên dáng nối 2 bờ thời gian bằng vẻ đẹp mềm mại trữ tình.->câu thơ trở nên sống động, cảm xúc thị giác nhiều hơn...</i> 3. Khổ thơ sử dụng từ láy giàu tính gợi hình, phép nhân hóa, đối lập đặc sắc. HD đọc lập 1-vẫn còn... nắng; đã vội dân cơn mưa; sớm cũng bớt 2. Cần hiểu với hai tầng nghĩa: Lúc sang thu bớt đi những tiếng sấm bất ngờ. Cũng có thể hiểu: hàng cây không còn bị bất ngờ, bị giật mình vì tiếng sấm nữa. Nghĩa ẩn dụ: khi con người đã từng trải thì cũng vững vàng hơn trước tác động bất thường của ngoại cảnh, của cuộc đời.	chim vội vã; đám mây..vắt nửa mình => Từ láy, nhân hóa, đối lập => Thiên nhiên chuyển biến nhẹ nhàng mà rõ rệt 3.Những chuyển biến âm thầm của tạo vật - Nắng vẫn còn, mưa vội, sớm cũng bớt => Thu đến nhưng vẫn còn dư âm mùa hạ - “Sấm cũng bớt bất ngờ Trên ... đứng tuổi” =>Hình ảnh nhân hóa, ẩn dụ. Những suy ngẫm mang tính triết lí về cuộc đời và con

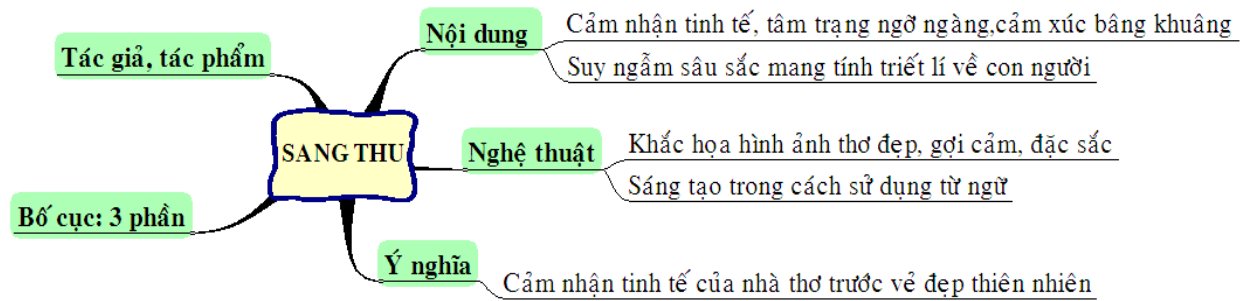
dẫn Lắng nghe, chốt ý 3.Hướng dẫn Tổng kết: - Nêu những thành công nghệ thuật của bài? Khái quát nội dung của bài thơ? - Nêu ý nghĩa của VB? Gv chốt ý, rút ra ghi nhớ.	NT: Khắc họa được hình ảnh thơ đẹp, gợi cảm; Sáng tạo trong việc sử dụng từ ngữ, phép nhân hóa, ẩn dụ. ND: Từ cuối hạ sang đầu thu, đất trời có những biến chuyển nhẹ nhàng mà rõ rệt. Sự biến chuyển này được nhà thơ gợi lên bằng cảm nhận tinh tế, qua những hình ảnh giàu sức biểu cảm. Thảo luận. - Đọc ghi nhớ	người. III- Tổng kết: - Nghệ thuật. + Thơ 5 chữ, nhịp thơ chậm, âm điệu nhẹ nhàng. Từ ngữ có tính biểu cảm và gợi tả sâu sắc. + Sáng tạo trong việc sử dụng từ ngữ, phép nhân hóa, phép ẩn dụ - Nội dung: Ghi nhớ sgk - Ý nghĩa: Thể hiện những cảm nhận tinh tế của nhà thơ trước vẻ đẹp thiên nhiên trong khoảnh khắc giao mùa. Ghi nhớ SGK.

4. Luyện tập-vận dụng (10p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
1.Đọc những bài thơ em biết về mùa thu. 2. Khổ 1: a. Xác định thành phần tình thái trong khổ thơ trên, nêu tác dụng? b. Em hãy chỉ ra và phân tích hiệu quả của biện pháp tu từ có trong khổ thơ đầu của bài Sang thu? 3.Khái quát nội dung, nghệ thuật của bài thơ?	Viết đoạn văn	

***Hướng dẫn tự học (2p)**

- Học thuộc lòng bài thơ
- Phân tích, cảm thụ những hình ảnh thơ hay, đặc sắc trong bài.
- Vẽ sơ đồ tư duy khái quát nội dung bài học



- Suu tầm thêm một vài đoạn thơ, bài thơ viết về mùa thu, cảm nhận để thấy được nét đặc sắc của mỗi bài.
- Chuẩn bị: Nghĩa tường minh, hàm ý

TIẾT 121	NGHĨA TƯỜNG MINH, HÀM Ý	NS: 24/3/2024

I. Mục tiêu cần đạt :

1. Kiến thức:

- Khái niệm nghĩa tường minh và hàm ý.
- Tác dụng của việc tạo hàm ý trong giao tiếp hằng ngày

2. Năng lực:

+ Năng lực chuyên biệt:

- Nhận biết được nghĩa tường minh và hàm ý ở trong câu.
- Giải đoán được hàm ý trong văn cảnh cụ thể.
- Sử dụng hàm ý sao cho phù hợp với tình huống giao tiếp

+ Năng lực chung: lĩnh hội, hợp tác, phản biện

3. Phẩm chất: Tê nhị, khéo léo sử dụng hàm ý trong giao tiếp hàng ngày và trong viết văn.

II. Chuẩn bị :

Gv : SGK, SGK, STK, bảng phụ, TKBG

HS :Sgk, Bài soạn.

III. Tiến trình lên lớp:**HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (3p)**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
GV: Em hiểu thế nào là tường minh và hàm ý? GV: Giải thích thế nào là tường minh và hàm ý rồi dẫn vào bài học. (Tường minh: ý nghĩa rõ ràng, sáng tỏ; hàm ý: ý ẩn trong những lời nói) Hôm nay chúng ta sẽ học về nghĩa tường minh và hàm ý.	Trả lời	

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (10P)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
1.Tìm hiểu nghĩa tường minh và hàm ý. Treo bảng phụ GV cho HS đọc đoạn trích trong SGK, thảo luận và trả lời các câu hỏi: - Qua câu: “Trời ơi, chỉ còn có 5 phút”, em hiểu anh	HS đọc đoạn trích, hoạt động đôi bạn và trả lời các câu hỏi - Với câu nói của mình, anh thanh niên muốn nói thêm rằng:	I- Phân biệt nghĩa tường minh và hàm ý: - Nghĩa tường minh là

thanh niên muốn nói điều gì? Vì sao anh không nói thẳng điều đó với họa sĩ và cô gái? - Câu nói thứ 2 của anh thanh niên có ẩn ý gì không? - Em hiểu thế nào là nghĩa tường minh và hàm ý? - GV nhận xét và cho HS đọc ghi nhớ (SGK)	“Anh rất tiếc”. - Anh không muốn nói thẳng điều đó có thể vì ngại ngùng, vì muốn che giấu tình cảm của mình. Câu nói thứ hai không chứa ẩn ý. - HS đọc ghi nhớ.	phần thông báo được diễn đạt trực tiếp bằng từ ngữ trong câu. - Hàm ý là phần thông báo tuy không được diễn đạt trực tiếp bằng từ ngữ trong câu nhưng có thể suy ra từ những từ ngữ đó. Ghi nhớ sgk.

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (25p)

Hoạt động theo trạm, kết hợp nhóm chuyên gia. Mỗi trạm 1 bài tập tương ứng với số câu-4 trạm.

- Các trạm hoạt động trong thời gian 5 phút
- Chuyển trạm mới, vận dụng kĩ thuật chuyên gia trong 10p
- GV cho bắt thăm trình bày và chốt ý: 5p

Bài tập 1:

a/ Câu nào cho thấy họa sĩ chưa muốn chia tay anh thanh niên?

Câu cho thấy họa sĩ chưa muốn chia tay anh thanh niên là “Nhà họa sĩ tặc lưỡi đứng dậy”

b/ Trong câu cuối đoạn văn, những từ ngữ miêu tả thái độ của cô gái liên quan tới chiếc khăn mùi soa là:

- Mặt đỏ ửng
- Nhận lại chiếc khăn
- Vội quay đi

Bài tập 2: Hàm ý của câu in đậm “Tuổi già cần nước chè: ở Lào Cai đi sớm quá” là gì?

- Ngầm bảo: Ông họa cần uống nước chè

Bài tập 3: Tìm câu chứa hàm ý và cho biết nội dung của hàm ý?

- Câu : “Cơm chín rồi” chứa hàm ý: Ông vô ăn cơm đi

Bài tập 4: Đọc đoạn trích SGK và cho biết những câu in đậm có phải là câu chứa hàm ý không? Vì sao?

Những câu in đậm ở đây không chứa hàm ý vì:

- Đây là câu ông Hai nói lảng sang chuyện khác vì không muốn nói tới đề tài đang bàn.
- Đây là câu nói dở dang của bà Hai.

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (5p)

Viết một đoạn hội thoại , trong đó có sử dụng 1 câu mang hàm ý, cho biết hàm ý đó

Hướng dẫn tự học (2p)

- Liên hệ thực tế sử dụng hàm ý một cách hợp lí, hiệu quả khi nói và viết.
- Soạn bài mới: Luyện nói: Nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ (đọc kĩ bài Mùa xuân nho nhỏ)

TIẾT 122,123	LUYỆN NÓI: NGHỊ LUẬN VỀ ĐOẠN THƠ, BÀI THƠ	NS: 25/02/2024

I. Mục tiêu cần đạt**1. Kiến thức:**

- Những yêu cầu đối với luyện nói khi bàn luận về một đoạn thơ, bài thơ trước tập thể.

2. Năng lực:

- **Năng lực chung:** năng lực tiếp nhận, năng lực hợp tác, phát hiện, thảo luận, trình bày.

- Năng lực chuyên biệt:

+ Luyện tập cách lập ý, lập dàn bài và cách dẫn dắt vấn đề khi nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.

+ Có kỹ năng trình bày miệng một cách mạch lạc, hấp dẫn những cảm nhận, đánh giá của mình về một đoạn thơ, bài thơ

3. Phẩm chất: Bộc lộ tình cảm của mình khi nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.**II. Chuẩn bị:**

- GV: TKBG, SGK.

- HS : Chuẩn bị nội dung dàn ý ở nhà

III. Tiến trình lên lớp:**HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (2p)**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
- Nêu yêu cầu của tiết luyện nói: Tập nói, tập trình bày trước tập thể lớp một nội dung do chính mình chuẩn bị, rèn luyện khả năng diễn đạt, tự tin vào bản thân mình.	Lắng nghe	

HOẠT ĐỘNG LUYỆN NÓI (43p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
- GV Chép đề bài lên bảng: * Cảm nhận về khổ 4,5 trong bài Mùa xuân nho nhỏ (Thanh Hải) 1 Tìm hiểu đề:	HS đọc đề bài - Hoạt động độc lập	Đề bài: Cảm nhận về khổ 4,5 trong bài Mùa xuân nho nhỏ (Thanh Hải) I- Tìm hiểu đề: - Thể loại: Nghị luận về một đoạn thơ - Nội dung :

- Thể loại? - Nội dung? 2/ Lập dàn ý: - Gồm có mấy phần? - Ý của mỗi phần? - Gọi 2 HS trình bày dàn ý Bảng phụ. Cho các nhóm viết bài Hết tiết 1	- Nhận xét bạn trả lời. Hoạt động nhóm lớn - HS trình bày dàn ý - HS nhận xét, bổ sung cho dàn ý của bạn -Hội ý, thảo luận xây dựng dàn ý chuẩn trên bảng nhóm	- Luận điểm 1: Khát vọng hòa nhập, tự nguyện mang niềm vui đến cho cuộc đời - Luận điểm 2: Ước nguyện cống hiến chân thành không kể tuổi tác II- Dàn ý: 1. Mở bài phân tích <i>Mùa xuân nho nhỏ</i> khổ 4,5 - Giới thiệu tác giả Thanh Hải và bài thơ <i>Mùa xuân nho nhỏ</i>: + Thanh Hải là nhà thơ hiện đại Việt Nam trưởng thành trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. + "<i>Mùa xuân nho nhỏ</i>" là một trong những bài thơ hay viết về mùa xuân, về khát vọng cống hiến cho đời của nhà thơ. - Khái quát nội dung khổ thơ 4 và 5: + Hai khổ thơ 4 và 5 thể hiện rõ nhất ước vọng được hòa nhập hiến dâng cho cuộc đời, cho mùa xuân chung của dân tộc của tác giả. 2. Thân bài phân tích <i>Mùa xuân nho nhỏ</i> khổ 4,5 * Khái quát về bài thơ <i>Mùa xuân nho nhỏ</i> - Hoàn cảnh sáng tác: Bài thơ được tác giả sáng tác trong khi nằm trên giường bệnh, trước khi mất ít lâu, trong hoàn cảnh đất nước đã thống nhất, đang xây dựng cuộc sống mới nhưng còn vô vàn khó khăn gian khổ, thử thách. - Nội dung chính: Bài thơ là tiếng lòng, những tâm sự, suy ngẫm, mong ước được dâng hiến

		một mùa xuân nho nhỏ của tác giả cho mùa xuân vĩ đại của đất nước. * Phân tích khổ thơ thứ 4: Khát vọng hoà nhập, tự nguyện mang niềm vui đến cho cuộc đời <i>Ta làm con chim hót,</i> <i>Ta làm một cành hoa.</i> <i>Ta nhập vào hoà ca,</i> <i>Một nốt trầm xao xuyến</i> - Điệp từ “<i>ta làm</i>” cùng với nhịp thơ dồn dập diễn tả rõ nét khát vọng cống hiến của nhà thơ: + muốn làm <i>con chim hót</i> : góp tiếng hót cho cuộc đời + muốn làm <i>một cành hoa</i> : góp chút sắc hương cho cuộc sống -> Ước mong giản dị, đơn sơ để tô điểm cho vườn hoa mùa xuân muôn hương muôn sắc của đất nước. + một nốt trầm -> không ồn ào, không cao điệu mà chỉ âm thầm, lặng lẽ “<i>nhập</i>” vào khúc ca, tiếng hát của nhân dân vui mừng đón xuân về. - Đại từ “<i>ta</i>” dùng để khẳng định đó không chỉ là tâm niệm riêng của cá nhân nhà thơ mà còn là khát vọng chung của nhiều người. -> Khát vọng sống hoà nhập vào cuộc sống của đất nước, cống hiến phần tốt đẹp, dù nhỏ bé, của mình cho cuộc đời chung, cho đất nước, nguyện hi sinh cho sự phồn vinh của đất nước. => Đây là tâm niệm thiết tha của một nhà cách

		mạng, một nhà thơ đã gắn bó trọn đời với đất nước, quê hương với một khát vọng chân thành và tha thiết. * Phân tích khổ thơ thứ 5: Ước nguyện cống hiến chân thành không kể tuổi tác "Một mùa xuân nho nhỏ" Lặng lẽ dâng cho đời" - Hình ảnh "mùa xuân nho nhỏ": ẩn dụ cho cuộc đời mỗi con người, mỗi sự cống hiến - > Tác giả muốn góp chút công sức nhỏ bé của mình vào mùa xuân lớn của đất nước. - Từ láy "lặng lẽ", "nho nhỏ" là cách nói khiêm tốn, chân thành của nhân cách sống cao đẹp khi hướng tới việc góp vào lợi ích chung của dân tộc. -> Lẽ sống cống hiến lặng lẽ, khiêm tốn của nhà thơ, âm thầm lặng lẽ hiến dâng, chẳng phô trương, không cần ai biết đến. "Dù là tuổi hai mươi" Dù là khi tóc bạc." - Điệp ngữ "dù là": thái độ tự tin trước những khó khăn trở ngại của đời người - "tuổi hai mươi", "khi tóc bạc": âm thầm cống hiến bất kể khi tuổi trẻ hay lúc về già. -> Lời hứa, lời tự nhủ với lương tâm sẽ phải kiên trì, thử thách với thời gian tuổi già, bệnh tật để mãi mãi làm một mùa xuân nho nhỏ trong mùa xuân rộng lớn của quê hương đất nước. => Với niềm yêu đời tha thiết, tác giả vượt lên trên hoàn cảnh về bệnh tật mong muốn da diết được sống có ích bằng tất cả sức trẻ của

3. Luyện nói trước lớp. Gọi hs trình bày từng phần. Cả lớp nhận xét. - GV nhận xét, bổ sung sửa chữa	- Nhóm 1 nói phần mở bài - Nhóm 2: khổ 4 - Nhóm 3: khổ 5 - Nhóm 4: Kết bài	mình. Ý thức về trách nhiệm với quê hương, đất nước, khát vọng được sống, được cống hiến trở thành một ý thức bất diệt trong tâm hồn tác giả. * Đặc sắc nghệ thuật trong 2 khổ thơ: - Sử dụng các từ láy, điệp từ hiệu quả - Hình ảnh đẹp, giản dị - Ngôn từ chính xác, tinh tế, gợi cảm - So sánh và ẩn dụ sáng tạo <u>3. Kết bài phân tích Mùa xuân nho nhỏ khổ 4,5</u> - Khái quát giá trị nội dung của 2 khổ thơ. - Cảm nhận của em về 2 khổ thơ. III- Luyện nói :

***Hướng dẫn tự học (2p)**

- Hoàn chỉnh bài viết cho đề bài trên.
- Về nhà tập nói một bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ trước mặt bạn bè, người thân.
- Chuẩn bị: Nghĩa tường minh, hàm ý (tt)

TUẦN 25

TIẾT 123: LUYỆN NÓI: NGHỊ LUẬN VỀ MỘT ĐOẠN THƠ (BÀI THƠ) –TT

TIẾT 124: NGHĨA TƯỜNG MINH, HÀM Ý –TT

TIẾT 125, 126: NÓI VỚI CON

TIẾT 127: MÂY VÀ SÓNG

TIẾT 122,123	LUYỆN NÓI: NGHỊ LUẬN VỀ ĐOẠN THƠ, BÀI THƠ	NS: 25/02/2024

I. Mục tiêu cần đạt

1. Kiến thức:

- Những yêu cầu đối với luyện nói khi bàn luận về một đoạn thơ, bài thơ trước tập thể.

2. Năng lực:

- **Năng lực chung:** năng lực tiếp nhận, năng lực hợp tác, phát hiện, thảo luận, trình bày.

- **Năng lực chuyên biệt:**

+ Luyện tập cách lập ý, lập dàn bài và cách dẫn dắt vấn đề khi nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.

+ Có kỹ năng trình bày miệng một cách mạch lạc, hấp dẫn những cảm nhận, đánh giá của mình về một đoạn thơ, bài thơ

3. Phẩm chất: Bộc lộ tình cảm của mình khi nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.

II. Chuẩn bị:

- GV: TKBG, SGk.

- HS : Chuẩn bị nội dung dàn ý ở nhà

III. Tiến trình lên lớp:

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (2p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
- Nêu yêu cầu của tiết luyện nói: Tập nói, tập trình bày trước tập thể lớp một nội dung do chính mình chuẩn bị, rèn luyện khả năng diễn đạt, tự tin vào bản thân mình.	Lắng nghe	

HOẠT ĐỘNG LUYỆN NÓI (43p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt

- GV Chép đề bài lên bảng: * Cảm nhận về khổ 4,5 trong bài Mùa xuân nho nhỏ (Thanh Hải) 1 Tìm hiểu đề: - Thể loại? - Nội dung?	HS đọc đề bài - Hoạt động độc lập - Nhận xét bạn trả lời.	Đề bài: Cảm nhận về khổ 4,5 trong bài Mùa xuân nho nhỏ (Thanh Hải) I- Tìm hiểu đề: - Thể loại: Nghị luận về một đoạn thơ - Nội dung : - Luận điểm 1: Khát vọng hòa nhập, tự nguyện mang niềm vui đến cho cuộc đời - Luận điểm 2: Ước nguyện cống hiến chân thành không kể tuổi tác
2/ Lập dàn ý: - Gồm có mấy phần? - Ý của mỗi phần? - Gọi 2 HS trình bày dàn ý Bảng phụ. Cho các nhóm viết bài Hết tiết 1	Hoạt động nhóm lớn - HS trình bày dàn ý - HS nhận xét, bổ sung cho dàn ý của bạn -Hội ý, thảo luận xây dựng dàn ý chuẩn trên bảng nhóm	II- Dàn ý: 1. Mở bài phân tích Mùa xuân nho nhỏ khổ 4,5 - Giới thiệu tác giả Thanh Hải và bài thơ <i>Mùa xuân nho nhỏ</i>: + Thanh Hải là nhà thơ hiện đại Việt Nam trưởng thành trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. + "<i>Mùa xuân nho nhỏ</i>" là một trong những bài thơ hay viết về mùa xuân, về khát vọng cống hiến cho đời của nhà thơ. - Khái quát nội dung khổ thơ 4 và 5: + Hai khổ thơ 4 và 5 thể hiện rõ nhất ước vọng được hòa nhập hiến dâng cho cuộc đời, cho mùa xuân chung của dân tộc của tác giả. 2. Thân bài phân tích Mùa xuân nho nhỏ khổ 4,5 * Khái quát về bài thơ <i>Mùa xuân nho nhỏ</i>

		- Hoàn cảnh sáng tác: Bài thơ được tác giả sáng tác trong khi nằm trên giường bệnh, trước khi mất ít lâu, trong hoàn cảnh đất nước đã thống nhất, đang xây dựng cuộc sống mới nhưng còn vô vàn khó khăn gian khổ, thử thách. - Nội dung chính: Bài thơ là tiếng lòng, những tâm sự, suy ngẫm, mong ước được dâng hiến một mùa xuân nho nhỏ của tác giả cho mùa xuân vĩ đại của đất nước. * Phân tích khổ thơ thứ 4: Khát vọng hòa nhập, tự nguyện mang niềm vui đến cho cuộc đời <i>Ta làm con chim hót,</i> <i>Ta làm một cành hoa.</i> <i>Ta nhập vào hoà ca,</i> <i>Một nốt trầm xao xuyến</i> - Điệp từ “<i>ta làm</i>” cùng với nhịp thơ dồn dập diễn tả rõ nét khát vọng cống hiến của nhà thơ: + muốn làm <i>con chim hót</i> : góp tiếng hót cho cuộc đời + muốn làm <i>một cành hoa</i> : góp chút sắc hương cho cuộc sống -> Ước mong giản dị, đơn sơ để tô điểm cho vườn hoa mùa xuân muôn hương muôn sắc của đất nước. + một nốt trầm -> không ồn ào, không cao điệu mà chỉ âm thầm, lặng lẽ “<i>nhập</i>” vào khúc ca, tiếng hát của nhân dân vui mừng đón xuân về. - Đại từ “<i>ta</i>” dùng để khẳng định đó không chỉ là tâm niệm riêng của cá nhân nhà thơ mà

	còn là khát vọng chung của nhiều người. -> Khát vọng sống hoà nhập vào cuộc sống của đất nước, cống hiến phần tốt đẹp, dù nhỏ bé, của mình cho cuộc đời chung, cho đất nước, nguyện hi vọng cho sự phồn vinh của đất nước. => Đây là tâm niệm thiết tha của một nhà cách mạng, một nhà thơ đã gắn bó trọn đời với đất nước, quê hương với một khát vọng chân thành và tha thiết. * Phân tích khổ thơ thứ 5: Ước nguyện cống hiến chân thành không kể tuổi tác <i>"Một mùa xuân nho nhỏ"</i> <i>Lặng lẽ dâng cho đời"</i> - Hình ảnh <i>"mùa xuân nho nhỏ"</i>: ẩn dụ cho cuộc đời mỗi con người, mỗi sự cống hiến - > Tác giả muốn góp chút công sức nhỏ bé của mình vào mùa xuân lớn của đất nước. - Từ láy <i>"lặng lẽ"</i>, <i>"nho nhỏ"</i> là cách nói khiêm tốn, chân thành của nhà cách sống cao đẹp khi hướng tới việc góp vào lợi ích chung của dân tộc. -> Lẽ sống cống hiến lặng lẽ, khiêm tốn của nhà thơ, âm thầm lặng lẽ hiến dâng, chẳng phô trương, không cần ai biết đến. <i>"Dù là tuổi hai mươi"</i> <i>Dù là khi tóc bạc."</i> - Điệp ngữ <i>"dù là"</i> : thái độ tự tin trước những khó khăn trở ngại của đời người - <i>"tuổi hai mươi"</i>, <i>"khi tóc bạc"</i> : âm thầm cống hiến bất kể khi tuổi trẻ hay lúc về già.

		-> Lời hứa, lời tự nhủ với lương tâm sẽ phải kiên trì, thử thách với thời gian tuổi già, bệnh tật để mãi mãi làm một mùa xuân nho nhỏ trong mùa xuân rộng lớn của quê hương đất nước. => Với niềm yêu đời tha thiết, tác giả vượt lên trên hoàn cảnh về bệnh tật mong muốn da diết được sống có ích bằng tất cả sức trẻ của mình. Ý thức về trách nhiệm với quê hương, đất nước, khát vọng được sống, được cống hiến trở thành một ý thức bất diệt trong tâm hồn tác giả. * Đặc sắc nghệ thuật trong 2 khổ thơ: - Sử dụng các từ láy, điệp từ hiệu quả - Hình ảnh đẹp, giản dị - Ngôn từ chính xác, tinh tế, gợi cảm - So sánh và ẩn dụ sáng tạo <u>3. Kết bài phân tích Mùa xuân nho nhỏ khổ 4,5</u> - Khái quát giá trị nội dung của 2 khổ thơ. - Cảm nhận của em về 2 khổ thơ. III- Luyện nói :

3. Luyện nói trước lớp. Gọi hs trình bày từng phần. Cả lớp nhận xét. - GV nhận xét, bổ sung sửa chữa	- Nhóm 1 nói phần mở bài - Nhóm 2: khổ 4 - Nhóm 3: khổ 5 - Nhóm 4: Kết bài	

***Hướng dẫn tự học (2p)**

- Hoàn chỉnh bài viết cho đề bài trên.
- Về nhà tập nói một bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ trước mặt bạn bè, người thân.
- Chuẩn bị: Nghĩa tường minh, hàm ý (tt)

TIẾT 124	NGHĨA TƯỜNG MINH, HÀM Ý (TT)	NS: 27/02/2024

I. Mục tiêu cần đạt

1. Kiến thức:

- Hai điều kiện sử dụng hàm ý liên quan đến người nói và người nghe

2. Năng lực

- Năng lực chung: Hợp tác, tự học, sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ giao tiếp, tự nhận thức, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Năng lực chuyên biệt:

+ Giải đoán và sử dụng hàm ý.

+ Giải các bài tập liên quan đến hàm ý

3. Phẩm chất

- Rèn luyện năng lực sử dụng các hàm ý trong văn bản và trong hoạt động giao tiếp đúng lúc, đúng chỗ.

- Tự tin: Biết sử dụng linh hoạt hàm ý trong giao tiếp.

II. Chuẩn bị :

Gv : TKBG, SGV, SGK, STK, bảng phụ

HS : Chuẩn bị bảng phụ, tìm hiểu bài trước theo BT SGK.

III. Tiến trình lên lớp

1. Khởi động (5p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
GV trình chiếu tình huống, HS theo dõi và xác định nghĩa tường minh và hàm ý <i>Tại phòng khám. Người nhà đưa bệnh nhân đến gặp bác sĩ.</i> <i>Người nhà: Xin lỗi bác sĩ, chúng tôi đến chậm 10 phút. (Câu mang nghĩa tường minh)</i> <i>Bác sĩ: Được rồi, để tôi khám xem sao.</i> <i>Bác sĩ cầm mạch, sẽ căn môi, nhìn bệnh nhân với ánh mắt lo ngại:</i> - Chậm quá. Đến bây giờ mới tới. (câu mang hàm ý: bệnh k chữa khỏi) ->Dẫn vào bài	Quan sát, thực hiện yêu cầu	

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (15p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
- Cho HS đọc đoạn trích (SGK) * Đoạn trích “Tắt đèn”, nêu yêu cầu học tập: - Nêu hàm ý của câu nói thứ nhất? - Vì sao chị Dậu không dám nói thẳng với con mà phải sử dụng hàm ý? - Câu nói thứ hai của chị Dậu có hàm ý gì? - Hàm ý trong câu nói nào của chị Dậu rõ hơn? Vì sao chị Dậu phải nói rõ hơn như vậy? - Chi tiết nào trong đoạn trích cho thấy cái Tí đã hiểu hàm ý trong câu nói của mẹ? - Để sử dụng hàm ý, cần có những điều kiện nào? Gv chốt ý, rút ra ghi nhớ.	Tìm hiểu điều kiện sử dụng hàm ý: - HS đọc đoạn trích (SGK) <i>thảo luận nhóm đôi</i>: - Câu: “Con chỉ được ăn ở nhà bữa này nữa thôi” có hàm ý là: “Sau bữa ăn này con không còn được ở nhà với thầy mẹ và các em nữa. Mẹ đã bán con”. - Vì đây là điều đau lòng nên chị Dậu tránh nói thẳng ra. - Câu: “Con sẽ ăn ở nhà cụ Nghị thôn Đoài” có hàm ý là: “Mẹ đã bán con cho nhà cụ Nghị thôn Đoài”. - Hàm ý trong câu nói thứ hai của chị Dậu rõ hơn vì cái Tí không hiểu được hàm ý của câu nói thứ nhất. - Sự “giãy nảy” và câu nói trong tiếng khóc của cái Tí “U bán con thật đấy ư?” cho thấy Tí đã hiểu ý mẹ. - HS đọc ghi nhớ sgk.	I. Điều kiện sử dụng hàm ý: Người nói, người viết có ý thức đưa hàm ý vào câu nói. Người nghe, người đọc có năng lực giải đoán hàm ý. Ghi nhớ: <i>sgk/91</i>

3.HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (20p)

Vận dụng kĩ thuật trạm kết hợp nhóm chuyên gia (bt 1-4)

Bài tập 1: Xác định người nói, người nghe, hàm ý của các câu nói và tìm hiểu xem người nghe có hiểu hàm ý hay không, xác định chi tiết chứng tỏ hàm ý đã được giải mã:

a) Người nói là anh thanh niên, người nghe là ông họa sĩ và cô gái. Hàm ý của câu in đậm là: “Mời bác và cô vào uống nước”. Hai người nghe đều hiểu hàm ý đó, chi tiết “*Ông theo liền anh thanh niên vào trong nhà và ngồi xuống ghế*” cho biết điều đó.

b) Người nói là anh Tấn, người nghe là chị hàng đậu (ngày trước). Hàm ý của câu in đậm là: “*Chúng tôi không thể cho được*”. Người nghe hiểu được hàm ý đó, thể hiện ở câu nói cuối cùng : “*Thật là càng giàu có càng không dám rời một đồng xu ! Càng không dám rời đồng xu lại càng giàu có !*”.

c) Người nói là Thuý Kiều, người nghe là Hoạn Thư. Hàm ý câu in đậm thứ nhất là: “*mát mẻ*”, “*giễu cợt*”: “*Quyền quý như tiểu thư cũng có lúc phải đến trước “Hoa Nô” này ư?*”

Hàm ý câu in đậm thứ hai là: “*Hãy chuẩn bị nhận sự báo oán thích đáng*”. Hoạn Thư hiểu hàm ý đó, cho nên “*hồn lạc phách xiêu - khâu đầu dưới trướng liêu điều kêu ca*”.

Bài tập 2: Hàm ý của câu in đậm là: “*chất giùm nước để com khỏi nhão*”. Em bé dùng hàm ý vì đã có lần (trước đó) nói thẳng rồi mà không có hiệu quả, và vì vậy bực mình. Và lại lần nói thứ hai này có thêm yếu tố thời gian bức bách (tránh để lâu nhão com). Việc sử dụng hàm ý không thành công vì “*Anh Sáu vẫn ngồi im*”, (tức là anh tỏ ra không cộng tác (vờ như không nghe, không hiểu)).

Bài tập 3: Có thể nêu việc phải làm vào. ngày mai (nên không thể đi được). Ví dụ : “*Bạn ôn thi*”, “*Phải đi thăm người ốm*”.

Chú ý là phải dùng câu chứa hàm ý “từ chối” theo yêu cầu của bài tập, không dùng những câu không rõ chủ định như: “*Để xem đã*”, “*Mai đã hay*”.

Bài tập 4: Qua sự so sánh của Lỗ Tấn có thể nhận ra hàm ý : Tuy hi vọng chưa thể nói là thực hay hư, nhưng nếu cố gắng thực hiện thì có thể đạt được.

Bài tập 5:

Câu có hàm ý mời mọc là hai câu mở đầu bằng “*Bạn tớ chơi...*”

Câu có hàm ý từ chối là hai câu: “*Mẹ mình đang đợi ở nhà*, và “*Làm sao có thể rời mẹ mà đi được?*”.

Có thể viết thêm câu có hàm ý mời mọc: “*Không biết có ai muốn chơi với bạn tớ không?*” hoặc: “*Chơi với bạn tớ thích lắm đấy!*”.

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (3p)

Tìm những cách nói trong đời sống, cách diễn đạt trong văn chương có sử dụng hàm ý

*** Hướng dẫn tự học (2p)**

- Về nhà học bài, hoàn chỉnh các bài tập.
- Xác định điều kiện và chỉ ra hàm ý được sử dụng trong một đoạn văn tự chọn.
- Chuẩn bị : Nói với con:
 - + Đọc văn bản, phân chú thích
 - + Trả lời các câu hỏi phần đọc hiểu

TIẾT 125,126	NÓI VỚI CON (Y PHƯƠNG)	NS: 28/02/2024

I. Mục tiêu cần đạt

1. Kiến thức: Giúp HS cảm nhận tình cảm thấm thiết của cha mẹ đối với con. Tình yêu sâu nặng cùng niềm tự hào về sức sống của d/tộc, cảm nhận được cách diễn tả độc đáo, giàu hình ảnh của thơ ca miền núi.

2. Năng lực:

+Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực nhận thức, tư duy logic

+ Năng lực chuyên biệt: Đọc- hiểu một văn bản thơ trữ tình. Phân tích cách diễn tả độc đáo, giàu hình ảnh, gợi cảm của thơ ca miền núi.

3. Phẩm chất: Cảm nhận được tình cảm thấm thiết của cha mẹ đối với con cái, tình yêu quê hương sâu nặng, cùng niềm tự hào với sức sống mạnh mẽ, bền bỉ của dân tộc mình qua lời thơ của Y-Phương.

*Tích hợp: Giáo dục kĩ năng sống cho hs: Biết làm chủ bản thân, đặt mục tiêu về cách sống của bản thân qua lời tâm tình của người cha.

II. Chuẩn bị :

Gv : TKBG, SGV, SGK, STK, bảng phụ

HS : SGK, vở soạn

III. Tiến trình lên lớp:

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG(5P)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Trò chơi nhanh như chớp: -1. Con gì sáng đi 4 chân, trưa đi 2 chân, tối đi 3 chân? <i>Con người</i> 2. Con gì mà ai cũng không thích? <i>Con hư</i> 3. Con gì mà những người đã lập gia đình ngán ngẩm nhất? <i>Con bất hiếu</i> 4. Điền từ con thiếu trong câu ca dao sau: <i>Ngồi buồn nhớ ta xưa- Miệng nhai cơm búng lưỡi lừa cá xương</i> 5. Em thử đọc một câu thơ nói về tình cảm của cha mẹ đối với con cái? ->Tình yêu thương con cái, ước mơ thế hệ sau nói tiếp xứng đáng, phát huy truyền thống tổ tiên, quê	Tham gia, cổ vũ trò chơi	

hương vốn là tình cảm cao đẹp của con người Việt Nam mà nhà thơ Y Phương đã thể hiện qua bài “Nói với con”.		

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (50 p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
1. Hướng dẫn HS tìm hiểu chung. GV cho HS đọc phần chú thích SGK sau đó nhấn mạnh một số ý về tác giả. - GV đọc mẫu, hướng dẫn HS đọc giọng tha thiết nhưng mạnh mẽ và trong sáng - Cho biết bố cục bài thơ? Bảng phụ. Nhận xét về mạch thơ? 2. Hướng dẫn phân tích bài thơ. - GV cho HS đọc “Chân phải...tiếng cười”. - Hãy tìm và phân tích những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong khổ thơ đầu?	- Đọc chú thích (*) (SGK) Đặc điểm của hồn thơ Y Phương: cách diễn tả tình cảm của người dân miền núi, ví von qua hình ảnh cụ thể, diễn tả mộc mạc mà gợi cảm, mạnh mẽ. - HS đọc bài thơ và chú thích SGK - HS tìm bố cục bài thơ + <i>Con lớn lên trong tình yêu thương, sự nâng đỡ của cha mẹ, trong cuộc sống lao động nên thơ của quê hương.</i> + <i>Lòng tự hào về sức sống mạnh mẽ, bền bỉ, về truyền thống cao đẹp của quê hương và niềm mong ước con hãy kế tục xứng đáng truyền thống ấy.</i> * Bài thơ đi từ tình cảm gia đình mà mở rộng ra tình cảm quê hương; từ những kỉ niệm gần gũi, thiết tha mà nâng lên lẽ sống. - HS đọc đoạn “Chân phải....tiếng cười” - HS thảo luận nhóm đôi + NT: điệp ngữ: <i>Chân phải bước tới</i> + Hình ảnh thơ giản dị mộc mạc + Phép nhân hóa, ẩn dụ <i>Vách</i>	I- Tìm hiểu chung 1/ Tác giả (SGK) 2/ Bố cục : 2 đoạn II. Phân tích. 1. Tình yêu thương của cha mẹ, niềm tự hào của quê hương: - Con lớn lên trong tình thương, sự nâng niu, dịu dàng của cha mẹ.

<i>Chuyển giao nhiệm vụ:</i> -N1,3: đọc đoạn: “Người đồng mình ... không lo cực nhọc” - Xác định nghệ thuật. Qua đoạn thơ, người cha nhận thấy người đồng mình như thế nào? Và từ đó cha mong ước con phải ra sao? - N2,4: đọc:”Người đồng mình thô sơ nghe con” ? Xác định nghệ thuật. Người cha nói với con về đức tính gì của người đồng mình? Và từ đó cha mong ước con phải làm sao? => GV nhận xét, chốt ý -Em cảm nhận như thế nào về tình cảm người cha đối với con trong bài thơ? Điều lớn lao nhất mà người cha muốn truyền cho con qua những lời này là gì? (Thảo luận). (Hết tiết) 3.Tổng kết: - Em có nhận xét gì về giọng điệu, cách dùng từ ngữ, hình ảnh, bố cục của bài thơ? Nhận xét về đặc sắc nghệ thuật của bài thơ?	<i>nhà... hát; con đường cho những tấm lòng</i> - HS đọc và làm việc theo nhóm trên bảng phụ - Đại diện nhóm lên trình bày <i>HD độc lập</i> Thương yêu, triu mến, thiết tha và tin tưởng của người cha qua lời nói với con. <i>Hoạt động nhóm đôi</i> - Điều lớn lao nhất mà người cha muốn truyền cho con chính là lòng tự hào về sức sống mạnh mẽ, bền bỉ, về truyền thống cao đẹp của quê hương và sự mạnh mẽ, niềm tin khi con bước vào đời. Giọng điệu thiết tha, triu mến: lời gọi mang ngữ điệu cảm thán: “Người đồng mình yêu lắm con ơi”, “Người đồng mình thương lắm con ơi”, ở các lời tâm tình, dặn dò của người cha đối với con: “Dẫu làm sao thì cha vẫn muốn...	- Con trưởng thành trong cuộc sống lao động vui tươi, trong nghĩa tình của quê hương. 2/ Truyền thống của quê hương và lời nhắn nhủ của người cha: - Người đồng mình sống vất vả mà mạnh mẽ, bền bỉ, gắn bó với quê hương - Cha mong con có nghĩa tình, chung thủy với quê hương. - Người đồng mình mộc mạc nhưng giàu chí khí và niềm tin. - Cha mong con biết tự hào về truyền thống quê hương, tự tin, vững vàng III- Tổng kết: Nghệ thuật: Giọng thiết tha triu mến như lời tâm tình, dặn dò, từ ngữ mộc mạc, giản dị, giàu tính khái quát; Bố cục chặt chẽ, dẫn dắt tự nhiên...

Khái quát giá trị nội dung của bài thơ?	<i>Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con”, "Con ơi... Nghe con”.</i> Bài thơ giúp ta hiểu thêm về sức sống và vẻ đẹp tâm hồn của một dân tộc miền núi, gợi nhắc tình cảm gắn bó với truyền thống, với quê hương, ý chí vươn lên trong cuộc sống.	Nội dung. Ghi nhớ sgk
Nêu ý nghĩa của bài thơ?		Ý nghĩa: Bài thơ thể hiện tình yêu thương thắm thiết của cha mẹ dành cho con cái; tình yêu, niềm tự hào về quê hương, đất nước.
GV chốt lại ý Ghi nhớ	- HS đọc ghi nhớ	Ghi nhớ sgk.

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (28p)

1/ Đặt mình là người con trong bài thơ, hãy viết một đoạn văn ngắn nói lên cảm xúc và suy nghĩ của em khi nghe lời nói của cha với con.

Gợi ý: Biết làm chủ bản thân, đặt mục tiêu về cách sống của bản thân qua lời tâm tình của người cha.

2/ HS củng cố bài học bằng SĐTD:



HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG (5p)

GV yêu cầu HS sưu tầm những câu thơ, ca dao, tục ngữ về tình cảm gia đình, tình yêu quê hương đất nước (ít nhất 10 câu)

*** Hướng dẫn tự học (2p)**

- Hoàn thành bài tập luyện tập.
- Học thuộc lòng bài thơ, ghi nhớ SGK
- Cảm nhận, phân tích những hình ảnh thơ độc đáo, giàu ý nghĩa trong bài.
- Chuẩn bị bài : Mây và sóng

TIẾT 127,128	MÂY VÀ SÓNG	NS: 2/03/2024

I. Mục tiêu cần đạt

1. Kiến thức:

- Tình mẫu tử thiêng liêng qua lời thủ thi chân tình của em bé với mẹ về những cuộc đời thoai tưởng tượng giữa em bé với những người sống trên mây và sóng.
- Những sáng tạo độc đáo về hình ảnh thơ qua trí tưởng tượng bay bổng của tác giả

2. Năng lực:

- + Năng lực chung
- Đọc- hiểu một văn bản dịch thuộc thể loại thơ văn xuôi.
- Phân tích để thấy được ý nghĩa sâu sắc của bài thơ.
- + Năng lực chuyên biệt: năng lực đọc hiểu, năng lực phân tích, hợp tác ...

3. Phẩm chất:

- Cảm nhận được ý nghĩa thiêng liêng của tình mẫu tử.

II. Chuẩn bị :

Gv : TKBG, SGK, SGK, STK, bảng phụ

HS : Soạn bài theo câu hỏi chuẩn bị trong SGK

III. Tiến trình lên lớp:

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG: (5p)

- Hãy kể tên những bài thơ nói về tình cảm gia đình mà chúng ta đã được học?
- Hãy xác định trong mỗi bài thơ đó, tình cảm của ai đối với ai?

Hôm nay, chúng ta sẽ được tìm hiểu một bài thơ cũng nói về tình cảm gia đình mà là tình cảm của con đối với mẹ.

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (50p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Gọi HS đọc chú thích* trong SGK - Nêu những hiểu biết về cuộc đời và thành tựu của thơ Ta- go? GV đọc mẫu, hướng dẫn HS cách đọc, tìm hiểu chú thích, bố cục của bài thơ ? (lời thủ thi, tâm tình...)	Hs đọc chú thích sao. 1/ Tác giả : -Nhà hoạt động chính trị, nhà thơ với nhiều tác phẩm đồ sộ, nhiều thể loại - Thơ kết hợp giữa hiện đại và truyền thống, quốc tế và dân tộc, tư tưởng nhân văn cao. 2. Tác phẩm Nghe hướng dẫn và đọc. <i>Hoạt động nhóm đôi</i>	I- Tìm hiểu chung: 1/ Tác giả 2/Tác phẩm: a/ Xuất xứ b/Đọc văn bản c/ Thể loại, phương

Yêu cầu HS thảo luận, xác định thể loại, bố cục, phương thức biểu đạt	-Xuất xứ: Viết bằng tiếng Bengan , trong tập Si- su, XB năm 1909. Thể thơ: tự do. Đây là một bài thơ văn xuôi (không theo luật thơ nào, không có vần) nhưng vẫn có âm điệu nhịp nhàng thể hiện qua bố cục, sự cấu tạo các dòng thơ. - Lần lượt 2 HS đọc bài thơ, chú thích 3/ Bố cục: 2 phần - Thuật lại lời em nói với mây - Thuật lại lời em nói với sóng <i>Hoạt động nhóm đôi</i> -Mẹ là đối tượng đối thoại, đối tượng biểu cảm, mặc dù mẹ không xuất hiện, không phát ngôn. - Bài thơ không phải là sự thổ lộ thông thường, mà là sự thổ lộ trong tình huống có thử thách. Phải có phần 2, phải qua thử thách thì tình thương yêu mẹ của em bé mới được thể hiện trọn vẹn. - Trình tự: + Thuật lại lời rủ rê. + Thuật lại lời từ chối và lí do từ chối. + Nêu lên trò chơi mới.	thức biểu đạt: -Thể thơ: tự do. - Phương thức biểu đạt: biểu cảm. d/ Bố cục: 2 phần.
<i>Yêu cầu học tập 1</i> Xác định vai trò của mẹ trong bài thơ? Giả thiết bài thơ không có phần thứ hai thì ý thơ có trọn vẹn không? - Nêu lên trình tự tường thuật hai cuộc chơi trong bài thơ? <i>Yêu cầu học tập 2</i> Phân tích bài thơ theo gợi ý sau: ? Em bé đã tưởng tượng ra những thử thách nào quyến rũ em xa mẹ? - Cuộc vui chơi của mây và sóng được em tưởng tượng	<i>Hoạt động nhóm 4</i> Thuật lại lời mây và sóng.	II. Phân tích: 1/ Sự hấp dẫn của mây và sóng: - Chơi từ khi thức dậy cho đến lúc chiều tà. - Chơi với vàng trắng bạc + Ca hát từ bình minh đến tối + Ngao du nơi này đến nơi nọ * Vui chơi hấp dẫn, đầy quyến rũ. 2- Hình ảnh em bé: - Từ chối lời rủ rê vì không muốn xa mẹ.

như -thế nào? - Cảm nhận của em về cuộc vui chơi này? (Hết tiết 1) <i>Yêu cầu học tập3</i> Trước sự hấp dẫn của mây và sóng, em bé đã làm gì? - Câu hỏi của em bé thể hiện điều gì? - Sau đó em bé xử sự thế nào? Vì sao? -GV diễn giải: <i>Sự khắc phục ham muốn vì một điều khác cao cả., thiêng liêng. Đó là tính nhân văn sâu sắc của bài thơ.</i> - Em bé đã sáng tạo ra trò chơi gì? Em có nhận xét gì về trò chơi mà em bé sáng tạo ra? So sánh với trò chơi của mây và sóng? - GV bình và liên hệ	-Những trò chơi thú vị -Không từ chối ngay, hỏi mình đến đó bằng cách nào? -Muốn đi, đặc điểm tâm lý của trẻ thơ -Từ chối vì không muốn xa mẹ, sợ mẹ buồn. <i>HD nhóm đôi</i> Trò chơi mới: “Con là mây và mẹ sẽ là trăng. Hai bàn tay con ôm lấy mẹ và mái nhà ta sẽ là bầu trời xanh thẳm”. - Được gần mẹ => yêu thương mẹ, có sự sáng tạo trong trò chơi. Trò chơi mới: “Con là sóng và mẹ sẽ là bến bờ kì lạ. Con lăn, lăn, lăn mãi rồi sẽ cười vang vỡ tan vào lòng mẹ”. - Được gần gũi mẹ => yêu mẹ. Trong trò chơi còn có hình ảnh thiên nhiên đẹp. Trò chơi hay, thú vị, có sự kết hợp giữa thiên nhiên và tình mẹ. Trò chơi thú vị, sáng tạo tuyệt vời, không chỉ vui chơi cùng Mây và Sóng mà em còn hóa thân làm mây, làm sóng, còn mẹ em là trăng, là bến bờ kì lạ. - Trong trò chơi, em gần gũi mẹ hơn, được ôm lấy mẹ, được lăn	-Sáng tạo trò chơi bên mẹ. Yêu mẹ thiết tha, nồng thắm. III-Tổng kết: Nghệ thuật. Nội dung. Ghi nhớ sgk. Ý nghĩa: Ca ngợi ý nghĩa thiêng liêng của tình mẫu tử.

- Qua đó em có nhận xét gì về tình cảm của em bé đối với mẹ? - Em hãy phân tích ý nghĩa của câu thơ cuối bài “Không ai biết mẹ con ta đang ở chốn nào?” Theo em, thành công về nghệ thuật của bài thơ là gì? Hãy nêu những nét chính trong nội dung của bài thơ? - Nêu ý nghĩa của văn bản? Gv chốt ý rút ra ghi nhớ.	cùng tiếng cười vỡ tan vào lòng mẹ. Một trò chơi có hai mẹ con và rất vui, rất ấm cúng, đầy tình thương yêu. - HD độc lập. <i>HD độc lập.</i> Tình mẫu tử thiêng liêng, bất diệt không thể tách rời, chia cách. Bố cục 2 phần giống nhau nhưng không trùng lặp. - Sáng tạo nên những h/ả thiên nhiên bay bổng, lung linh kì ảo, song vẫn sinh động, chân thực và gợi nhiều liên tưởng. Cho 1 HS đọc ghi nhớ SGK	

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (28p)

- Ngoài tình mẹ con, bài thơ còn gợi cho ta suy ngẫm điều gì nữa? (Thảo luận)
- Viết một đoạn văn khoảng 200 chữ về tình mẫu tử

HOẠT ĐỘNG TÌM TÀI MỞ RỘNG (5P)

Sưu tầm những câu thơ hay về tình mẫu tử (ít nhất 5 câu)

***Hướng dẫn tự học (2p)**

- Học thuộc lòng bài thơ.
- Viết đoạn văn nêu cảm nhận của em về bài thơ
- Liên hệ những bài thơ viết về tình mẹ,
- Chuẩn bị: Ôn tập kiểm tra giữa kì 2

TUẦN 26

TIẾT 126: NÓI VỚI CON – T2

TIẾT 127,128: MÂY VÀ SÓNG

TIẾT 129,130: ÔN TẬP GIỮA KỲ 2

TIẾT 125,126

**NÓI VỚI CON
(Y PHƯƠNG)**

NS: 28/02/2024

I. Mục tiêu cần đạt

1. Kiến thức: Giúp HS cảm nhận tình cảm thấm thiết của cha mẹ đối với con. Tình yêu sâu nặng cùng niềm tự hào về sức sống của d/tộc, cảm nhận được cách diễn tả độc đáo, giàu hình ảnh của thơ ca miền núi.

2. Năng lực:

+Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực nhận thức, tư duy logic

+ Năng lực chuyên biệt: Đọc- hiểu một văn bản thơ trữ tình. Phân tích cách diễn tả độc đáo, giàu hình ảnh, gợi cảm của thơ ca miền núi.

3. Phẩm chất: Cảm nhận được tình cảm thấm thiết của cha mẹ đối với con cái, tình yêu quê hương sâu nặng, cùng niềm tự hào với sức sống mạnh mẽ, bền bỉ của dân tộc mình qua lời thơ của Y-Phương.

*Tích hợp: Giáo dục kĩ năng sống cho hs: Biết làm chủ bản thân, đặt mục tiêu về cách sống của bản thân qua lời tâm tình của người cha.

II. Chuẩn bị :

Gv : TKBG, SGV, SGK, STK, bảng phụ

HS : SGK, vở soạn

III. Tiến trình lên lớp:

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG(5P)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
<i>Trò chơi nhanh như chớp:</i> -1. Con gì sáng đi 4 chân, trưa đi 2 chân, tối đi 3 chân? <i>Con người</i> 2. Con gì mà ai cũng không thích? <i>Con hư</i> 3. Con gì mà những người đã lập gia đình ngán ngẩm nhất? <i>Con bất hiếu</i> 4. Điền từ con thiếu trong câu ca dao sau:	Tham gia, cổ vũ trò chơi	

<i>Ngồi buồn nhớ ta xưa- Miệng nhai cơm búng lưỡi lừa cá xương</i> 5. Em thử đọc một câu thơ nói về tình cảm của cha mẹ đối với con cái? ->Tình yêu thương con cái, ước mơ thế hệ sau nói tiếp xứng đáng, phát huy truyền thống tổ tiên, quê hương vốn là tình cảm cao đẹp của con người Việt Nam mà nhà thơ Y Phương đã thể hiện qua bài “Nói với con”.		

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (50 p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
1. Hướng dẫn HS tìm hiểu chung. GV cho HS đọc phần chú thích SGK sau đó nhấn mạnh một số ý về tác giả. - GV đọc mẫu, hướng dẫn HS đọc giọng tha thiết nhưng mạnh mẽ và trong sáng - Cho biết bố cục bài thơ? Bảng phụ. Nhận xét về mạch thơ? 2. Hướng dẫn phân tích bài thơ.	- Đọc chú thích (*) (SGK) Đặc điểm của hồn thơ Y Phương: cách diễn tả tình cảm của người dân miền núi, ví von qua hình ảnh cụ thể, diễn tả mộc mạc mà gợi cảm, mạnh mẽ. - HS đọc bài thơ và chú thích SGK - HS tìm bố cục bài thơ + <i>Con lớn lên trong tình yêu thương, sự nâng đỡ của cha mẹ, trong cuộc sống lao động nên thơ của quê hương.</i> + <i>Lòng tự hào về sức sống mạnh mẽ, bền bỉ, về truyền thống cao đẹp của quê hương và niềm mong ước con hãy kế tục xứng đáng truyền thống ấy.</i> * Bài thơ đi từ tình cảm gia đình mà mở rộng ra tình cảm quê hương; từ những kỉ niệm gần gũi, thiết tha mà nâng lên lẽ sống. - HS đọc đoạn “Chân phải....tiếng cười”	I- Tìm hiểu chung 1/ Tác giả (SGK) 2/ Bố cục : 2 đoạn II. Phân tích. 1. Tình yêu thương

- GV cho HS đọc “Chân phải...tiếng cười”. - Hãy tìm và phân tích những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong khổ thơ đầu? <i>Chuyển giao nhiệm vụ:</i> -N1,3: đọc đoạn: “Người đồng mình ... không lo cực nhọc” - Xác định nghệ thuật. Qua đoạn thơ, người cha nhận thấy người đồng mình như thế nào? Và từ đó cha mong ước con phải ra sao? - N2,4: đọc:”Người đồng mình thô sơ nghe con” ? Xác định nghệ thuật. Người cha nói với con về đức tính gì của người đồng mình? Và từ đó cha mong ước con phải làm sao? => GV nhận xét, chốt ý -Em cảm nhận như thế nào về tình cảm người cha đối với con trong bài thơ? Điều lớn lao nhất mà người cha muốn truyền cho con qua những lời này là gì? (Thảo luận). (Hết tiết) 3.Tổng kết: - Em có nhận xét gì về giọng điệu, cách dùng từ ngữ, hình ảnh, bố cục của bài thơ? Nhận xét về đặc sắc nghệ	- HS thảo luận nhóm đôi + NT: điệp ngữ: <i>Chân phải bước tới</i> + Hình ảnh thơ giản dị mộc mạc + Phép nhân hóa, ẩn dụ <i>Vách nhà... hát; con đường cho những tấm lòng</i> - HS đọc và <i>làm việc theo nhóm</i> trên bảng phụ - Đại diện nhóm lên trình bày <i>HD độc lập</i> Thương yêu, triu mến, thiết tha và tin tưởng của người cha qua lời nói với con. <i>Hoạt động nhóm đôi</i> - Điều lớn lao nhất mà người cha muốn truyền cho con chính là lòng tự hào về sức sống mạnh mẽ, bền bỉ, về truyền thống cao đẹp của quê hương và sự mạnh mẽ, niềm tin khi con bước vào đời. Giọng điệu thiết tha, triu mến: lời	của cha mẹ, đùm bọc của quê hương: - Con lớn lên trong tình thương, sự nâng niu, dịu dặt của cha mẹ. - Con trưởng thành trong cuộc sống lao động vui tươi, trong nghĩa tình của quê hương. 2/ Truyền thống của quê hương và lời nhắn nhủ của người cha: - Người đồng mình sống vất vả mà mạnh mẽ, bền bỉ, gắn bó với quê hương - Cha mong con có nghĩa tình, chung thủy với quê hương. - Người đồng mình mộc mạc nhưng giàu chí khí và niềm tin. - Cha mong con biết tự hào về truyền thống quê hương, tự tin, vững vàng III- Tổng kết: Nghệ thuật: Giọng thiết tha triu mến như lời tâm tình, dặn dò, từ ngữ mộc mạc,

thuật của bài thơ?	gọi mang ngữ điệu cảm thán: <i>"Người đồng mình yêu lắm con oi", "Người đồng mình thương lắm con oi", ở các lời tâm tình, dặn dò của người cha đối với con: "Dẫu làm sao thì cha vẫn muốn... Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con", "Con ơi... Nghe con".</i>	giản dị, giàu tính khái quát; Bố cục chặt chẽ, dẫn dắt tự nhiên...
Khái quát giá trị nội dung của bài thơ?	Bài thơ giúp ta hiểu thêm về sức sống và vẻ đẹp tâm hồn của một dân tộc miền núi, gợi nhắc tình cảm gắn bó với truyền thống, với quê hương, ý chí vươn lên trong cuộc sống.	Nội dung. Ghi nhớ sgk
Nêu ý nghĩa của bài thơ?		Ý nghĩa: Bài thơ thể hiện tình yêu thương thắm thiết của cha mẹ dành cho con cái; tình yêu, niềm tự hào về quê hương, đất nước.
GV chốt lại ý Ghi nhớ	- HS đọc ghi nhớ	Ghi nhớ sgk.

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (28p)

1/ Đặt mình là người con trong bài thơ, hãy viết một đoạn văn ngắn nói lên cảm xúc và suy nghĩ của em khi nghe lời nói của cha với con.

Gợi ý: Biết làm chủ bản thân, đặt mục tiêu về cách sống của bản thân qua lời tâm tình của người cha.

2/ HS củng cố bài học bằng SĐTD:



HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG (5p)

GV yêu cầu HS sưu tầm những câu thơ, ca dao, tục ngữ về tình cảm gia đình, tình yêu quê hương đất nước (ít nhất 10 câu)

* Hướng dẫn tự học (2p)

- Hoàn thành bài tập luyện tập.
- Học thuộc lòng bài thơ, ghi nhớ SGK
- Cảm nhận, phân tích những hình ảnh thơ độc đáo, giàu ý nghĩa trong bài.
- Chuẩn bị bài : Mây và sóng

TIẾT 127,128	MÂY VÀ SÓNG	NS: 2/03/2024

I. Mục tiêu cần đạt

1. Kiến thức:

- Tình mẫu tử thiêng liêng qua lời thủ thi chân tình của em bé với mẹ về những cuộc đời thoai tưởng tượng giữa em bé với những người sống trên mây và sóng.
- Những sáng tạo độc đáo về hình ảnh thơ qua trí tưởng tượng bay bổng của tác giả

2. Năng lực:

- + Năng lực chung
- Đọc- hiểu một văn bản dịch thuộc thể loại thơ văn xuôi.
- Phân tích để thấy được ý nghĩa sâu sắc của bài thơ.
- + Năng lực chuyên biệt: năng lực đọc hiểu, năng lực phân tích, hợp tác ...

3. Phẩm chất:

- Cảm nhận được ý nghĩa thiêng liêng của tình mẫu tử.

II. Chuẩn bị :

Gv : TKBG, SGV, SGK, STK, bảng phụ

HS : Soạn bài theo câu hỏi chuẩn bị trong SGK

III. Tiến trình lên lớp:

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG: (5p)

- Hãy kể tên những bài thơ nói về tình cảm gia đình mà chúng ta đã được học?
- Hãy xác định trong mỗi bài thơ đó, tình cảm của ai đối với ai?

Hôm nay, chúng ta sẽ được tìm hiểu một bài thơ cũng nói về tình cảm gia đình mà là tình cảm của con đối với mẹ.

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (50p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Gọi HS đọc chú thích* trong SGK - Nêu những hiểu biết về cuộc đời và thành tựu của thơ Ta- go? GV đọc mẫu, hướng dẫn HS cách đọc, tìm hiểu chú thích, bố cục của bài thơ ? (lời thủ thi, tâm tình...)	Hs đọc chú thích sao. 1/ Tác giả : -Nhà hoạt động chính trị, nhà thơ với nhiều tác phẩm đồ sộ, nhiều thể loại - Thơ kết hợp giữa hiện đại và truyền thống, quốc tế và dân tộc, tư tưởng nhân văn cao. 2. Tác phẩm Nghe hướng dẫn và đọc. <i>Hoạt động nhóm đôi</i>	I- Tìm hiểu chung: 1/ Tác giả 2/Tác phẩm: a/ Xuất xứ b/Đọc văn bản c/ Thể loại, phương

Yêu cầu HS thảo luận, xác định thể loại, bố cục, phương thức biểu đạt	-Xuất xứ: Viết bằng tiếng Bengan , trong tập Si- su, XB năm 1909. Thể thơ: tự do. Đây là một bài thơ văn xuôi (không theo luật thơ nào, không có vần) nhưng vẫn có âm điệu nhịp nhàng thể hiện qua bố cục, sự cấu tạo các dòng thơ. - Lần lượt 2 HS đọc bài thơ, chú thích 3/ Bố cục: 2 phần - Thuật lại lời em nói với mây - Thuật lại lời em nói với sóng <i>Hoạt động nhóm đôi</i> -Mẹ là đối tượng đối thoại, đối tượng biểu cảm, mặc dù mẹ không xuất hiện, không phát ngôn. - Bài thơ không phải là sự thổ lộ thông thường, mà là sự thổ lộ trong tình huống có thử thách. Phải có phần 2, phải qua thử thách thì tình thương yêu mẹ của em bé mới được thể hiện trọn vẹn. - Trình tự: + Thuật lại lời rủ rê. + Thuật lại lời từ chối và lí do từ chối. + Nêu lên trò chơi mới.	thức biểu đạt: -Thể thơ: tự do. - Phương thức biểu đạt: biểu cảm. d/ Bố cục: 2 phần.
<i>Yêu cầu học tập 1</i> Xác định vai trò của mẹ trong bài thơ? Giả thiết bài thơ không có phần thứ hai thì ý thơ có trọn vẹn không? - Nêu lên trình tự tường thuật hai cuộc chơi trong bài thơ? <i>Yêu cầu học tập 2</i> Phân tích bài thơ theo gợi ý sau: ? Em bé đã tưởng tượng ra những thử thách nào quyến rũ em xa mẹ? - Cuộc vui chơi của mây và sóng được em tưởng tượng	<i>Hoạt động nhóm 4</i> Thuật lại lời mây và sóng.	II. Phân tích: 1/ Sự hấp dẫn của mây và sóng: - Chơi từ khi thức dậy cho đến lúc chiều tà. - Chơi với vàng trắng bạc + Ca hát từ bình minh đến tối + Ngao du nơi này đến nơi nọ * Vui chơi hấp dẫn, đầy quyến rũ. 2- Hình ảnh em bé: - Từ chối lời rủ rê vì không muốn xa mẹ.

như -thế nào? - Cảm nhận của em về cuộc vui chơi này? (Hết tiết 1) <i>Yêu cầu học tập3</i> Trước sự hấp dẫn của mây và sóng, em bé đã làm gì? - Câu hỏi của em bé thể hiện điều gì? - Sau đó em bé xử sự thế nào? Vì sao? -GV diễn giải: <i>Sự khắc phục ham muốn vì một điều khác cao cả., thiêng liêng. Đó là tính nhân văn sâu sắc của bài thơ.</i> - Em bé đã sáng tạo ra trò chơi gì? Em có nhận xét gì về trò chơi mà em bé sáng tạo ra? So sánh với trò chơi của mây và sóng? - GV bình và liên hệ	-Những trò chơi thú vị -Không từ chối ngay, hỏi mình đến đó bằng cách nào? -Muốn đi, đặc điểm tâm lý của trẻ thơ -Từ chối vì không muốn xa mẹ, sợ mẹ buồn. <i>HD nhóm đôi</i> Trò chơi mới: “Con là mây và mẹ sẽ là trăng. Hai bàn tay con ôm lấy mẹ và mái nhà ta sẽ là bầu trời xanh thẳm”. - Được gần mẹ => yêu thương mẹ, có sự sáng tạo trong trò chơi. Trò chơi mới: “Con là sóng và mẹ sẽ là bến bờ kì lạ. Con lăn, lăn, lăn mãi rồi sẽ cười vang vỡ tan vào lòng mẹ”. - Được gần gũi mẹ => yêu mẹ. Trong trò chơi còn có hình ảnh thiên nhiên đẹp. Trò chơi hay, thú vị, có sự kết hợp giữa thiên nhiên và tình mẹ. Trò chơi thú vị, sáng tạo tuyệt vời, không chỉ vui chơi cùng Mây và Sóng mà em còn hóa thân làm mây, làm sóng, còn mẹ em là trăng, là bến bờ kì lạ. - Trong trò chơi, em gần gũi mẹ hơn, được ôm lấy mẹ, được lăn	-Sáng tạo trò chơi bên mẹ. Yêu mẹ thiết tha, nồng thắm. III-Tổng kết: Nghệ thuật. Nội dung. Ghi nhớ sgk. Ý nghĩa: Ca ngợi ý nghĩa thiêng liêng của tình mẫu tử.

- Qua đó em có nhận xét gì về tình cảm của em bé đối với mẹ? - Em hãy phân tích ý nghĩa của câu thơ cuối bài “Không ai biết mẹ con ta đang ở chốn nào?” Theo em, thành công về nghệ thuật của bài thơ là gì? Hãy nêu những nét chính trong nội dung của bài thơ? - Nêu ý nghĩa của văn bản? Gv chốt ý rút ra ghi nhớ.	cùng tiếng cười vỡ tan vào lòng mẹ. Một trò chơi có hai mẹ con và rất vui, rất ấm cúng, đầy tình thương yêu. - HD độc lập. <i>HD độc lập.</i> Tình mẫu tử thiêng liêng, bất diệt không thể tách rời, chia cách. Bố cục 2 phần giống nhau nhưng không trùng lặp. - Sáng tạo nên những h/ả thiên nhiên bay bổng, lung linh kì ảo, song vẫn sinh động, chân thực và gợi nhiều liên tưởng. Cho 1 HS đọc ghi nhớ SGK	

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (28p)

- Ngoài tình mẹ con, bài thơ còn gợi cho ta suy ngẫm điều gì nữa? (Thảo luận)
- Viết một đoạn văn khoảng 200 chữ về tình mẫu tử

HOẠT ĐỘNG TÌM TÀI MỞ RỘNG (5P)

Sưu tầm những câu thơ hay về tình mẫu tử (ít nhất 5 câu)

***Hướng dẫn tự học (2p)**

- Học thuộc lòng bài thơ.
- Viết đoạn văn nêu cảm nhận của em về bài thơ
- Liên hệ những bài thơ viết về tình mẹ,
- Chuẩn bị: Ôn tập kiểm tra giữa kì 2

TIẾT 129,130	ÔN TẬP THI GIỮA KÌ 2	NS: 8/3/2024

I.Mục tiêu :

1. Kiến thức:

-Hệ thống hóa kiến thức đã học về tiếng Việt, văn bản, tạo lập văn bản.

2. Năng lực:

- **Năng lực chung:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực nhận thức, tư duy logic

- **Năng lực chuyên biệt :** năng lực sử dụng ngôn ngữ, sử dụng Tiếng Việt, đọc hiểu văn bản, cảm thụ văn học, cảm thụ thẩm mỹ.

3. Phẩm chất: Chăm chỉ trong học tập

II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:

1. Giáo viên: Thiết kế bài dạy Ngữ văn 9, bảng phụ...

2. Học sinh:,sách Ngữ văn 9..

III. Tiến trình dạy học.

1.Khởi động (2p):

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Nêu mục tiêu bài học	Lắng nghe	

2.Hình thành kiến thức (43p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
-Gv yêu cầu Hs hệ thống hóa lại các bài đã học. - Yêu cầu các nhóm hệ thống hóa lại các nội dung kiến thức của các bài đã học (30p) + Nhóm 1: kiến thức về tiếng việt + Nhóm 2: kiến thức về văn bản. + Nhóm ,4: kiến thức về làm văn ->Các nhóm trình bày, nhận xét	Theo dõi Thảo luận, trình bày, nhận xét	

3.Luyện tập, vận dụng (43p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
-Gv cho hs làm thử 1 số đề bài -Gọi hs trình bày –nhận xét ->Gv nhận xét, bổ sung	Thực hiện	

***Hướng dẫn tự học (2p)**

- Tiếp tục tự ôn luyện ở nhà.
- Tham khảo văn mẫu về các bài văn nghị luận về hiện tượng đời sống.
- Tiết sau: Ôn tập thơ

TUẦN 27

TIẾT 131,132: ÔN TẬP THƠ
TIẾT 133,134: KIỂM TRA GIỮA KÌ 2
TIẾT 135: ÔN TẬP THƠ (TT)
TIẾT 136: NHỮNG NGÔI SAO XA XÔI (T1)

TIẾT 131,132	ÔN TẬP VỀ THƠ	NS: 10/3/2023

I. Mục tiêu cần đạt:

1. Kiến thức:

- Hệ thống những kiến thức về tác phẩm thơ

2. Năng lực

+Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực nhận thức, tư duy logic

+Năng lực chuyên biệt:

-Học thuộc, cảm nhận những đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của các tác phẩm thơ

- Tổng hợp, hệ thống hóa kiến thức về tác phẩm thơ đã học.

3. Phẩm chất

- Bước đầu hình thành hiểu biết sơ lược về đặc điểm và thành tựu thơ Việt Nam từ sau Cách mạng tháng 8 năm 1945

-Yêu thơ, hình thành cảm hứng sáng tác

II. Chuẩn bị :

Gv : TKBG, SGV, SGK, STK, bảng phụ

HS: Soạn bài theo câu hỏi ôn tập trong SGK

III. Tiến trình lên lớp:

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5p)

-GV trình chiếu chân dung nhà thơ của các văn bản thơ đã học

-HS nêu đúng tên từng tác giả

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC: (85p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
- Hướng dẫn các em hội ý thống nhất những nội dung đã thực hiện trong bảng thống kê. - Xóc thăm, chỉ định HS có số thứ tự tương ứng trả lời	-Thống nhất bảng thống kê -Trả lời theo số thứ tự	I- Bảng thống kê các tác phẩm thơ hiện đại: (bên dưới)

Sắp xếp các bài thơ đã học theo từng giai đoạn lịch sử? Hướng dẫn tìm hiểu chủ đề *Thảo luận nhóm (Cho HS so sánh những bài thơ có đề tài gần nhau để thấy điểm chung và những nét riêng của mỗi tác phẩm). - Nhận xét về những điểm chung và riêng trong nội dung, cách biểu hiện tình mẹ con trong các bài thơ: “Khúc hát ru...”, “Con cò”, “Mây và sóng”? - Nhận xét về hình ảnh người lính và tình đồng đội của họ trong các bài thơ: Đồng chí, Bài thơ về tiểu đội xe không kính, Ánh trăng? ->Hs thảo luận, trình bày, nhận xét ->Gv chốt	HS sắp xếp theo nhóm trên bảng phụ. Hs làm việc theo nhóm, trình bày, nhận xét	II. Sắp xếp theo từng giai đoạn : + Từ 1945- 1954.: Đồng chí +1954-1964:Đoàn thuyền đánh cá, Con cò, Bếp lửa +1964-1975: Bài thơ về ... +Sau 1975: Ánh trăng, Viếng lăng Bác, Mùa xuân nho nhỏ, Nói với con, Sang thu. III. Tìm hiểu một số chủ đề: * Tình mẹ con: - Điểm chung: Ca ngợi tình mẹ con đầm ấm, thiêng liêng. -Âm hưởng: Nhẹ nhàng đầm ấm, thiết tha. - Khác nhau:Mỗi bài có một cách thể hiện khác nhau: - Bài Con cò: Từ hình tượng con cò trong ca dao, trong lời hát ru để ca ngợi tình mẹ và ý nghĩa của lời ru. - Bài Mây và sóng: hóa thân vào lời trò chuyện hồn nhiên, ngây thơ của em bé để thể hiện tình yêu mẹ thiết tha. * Người lính và tình đồng đội - Đồng chí: Những người lính xuất thân từ nông dân ở những làng quê nghèo; Tình đồng chí của họ dựa trên cơ sở cùng chung cảnh ngộ, cùng chia sẻ những gian lao thiếu thốn và ý tưởng chiến đấu. - Bài thơ về...: Những người lính lái xe với tinh thần dũng cảm, bất chấp khó khăn nguy hiểm, tư thế hiên ngang, niềm

*Thảo luận nhóm Những nét tiêu biểu, đặc sắc về nghệ thuật trong tác phẩm thơ và tác dụng của nó trong việc thể hiện chủ đề, cảm xúc của nhân vật trữ tình, khơi gợi tình cảm của người đọc...	lạc quan và ý chí chiến đấu giải phóng miền Nam - Ánh trăng: tình đồng đội trong những năm tháng chiến đấu gian lao của chiến tranh. IV. Nghệ thuật: - Đa dạng về thể thơ. - Ngôn ngữ thơ giàu hình ảnh, gợi cảm, mang ý nghĩa triết lí sâu xa, vận dụng sáng tạo ca dao, dân ca...

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG (43p) – tiết 135

Phân tích 1 khổ thơ mà em thích (*HS làm độc lập*)

*Hướng dẫn tự học

- Lập bảng theo hướng dẫn
- Chuẩn bị: Những ngôi sao xa xôi.

Bảng thống kê các tác phẩm thơ hiện đại Việt Nam

S T T	Tên bài thơ	Tác giả	Năm sáng tác	Thể thơ	Tóm tắt nội dung	Đặc sắc nghệ thuật
1	Đồng chí	Chính Hữu	1948	Tự do	Tình đồng chí của những người lính dựa trên cơ sở cùng chung cảnh ngộ và lí tưởng chiến đấu, được thể hiện thật tự nhiên, bình dị mà sâu sắc.	Chi tiết, hình ảnh, ngôn ngữ giản dị, chân thực, cô đọng, giàu sức biểu cảm.
2	Bài thơ về tiểu	Phạm Tiến	1969	Tự do	Qua hình ảnh độc đáo - những chiếc	Chất liệu hiện thực sinh động, hình ảnh

	đội xe không kính	Duật			xe không kính-khắc hoạ nổi bật hình ảnh những người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn trong thời kì kháng chiến chống Mỹ với tư thế hiên ngang, tinh thần dũng cảm và ý chí chiến đấu giải phóng miền Nam.	độc đáo; giọng điệu tự nhiên, khoẻ khoắn, giàu tính khẩu ngữ.
3	Đoàn thuyền đánh cá	Huy Cận	1958	Bảy chữ	Những bức tranh đẹp, rộng lớn, tráng lệ về thiên nhiên, vũ trụ và người lao động trên biển theo hành trình chuyển ra khơi đánh cá của đoàn thuyền. Qua đó thể hiện cảm xúc về thiên nhiên và lao động, niềm vui trong cuộc sống mới.	Nhiều hình ảnh đẹp rộng lớn, được sáng tạo bằng liên tưởng và tưởng tượng; âm hưởng khoẻ khoắn, lạc quan.
4	Bếp lửa	Bằng Việt	1963	Kết hợp bảy chữ và tám chữ	Những kỉ niệm đầy xúc động về bà và tình bà cháu, thể hiện lòng kính yêu, trân trọng và biết ơn của cháu đối với bà và cũng là đối với gia đình, quê hương, đất nước.	Kết hợp giữa biểu cảm với miêu tả và bình luận; sáng tạo hình ảnh bếp lửa gắn liền với hình ảnh người bà.

5	Ánh trắng	Ng Duy	1978	Năm chữ	Từ hình ảnh ánh trắng trong thành phố, gọi lại những năm tháng đã qua của cuộc đời người lính gắn bó với thiên nhiên, đất nước bình dị, nhắc nhở thái độ sống tình nghĩa, thủy chung.	Hình ảnh bình dị mà giàu ý nghĩa biểu tượng, giọng điệu chân thành. nhỏ nhẹ mà thâm sâu.
6	Con cò	Chế Lan Viên	1962	Tự do	Từ hình tượng con cò trong những lời hát ru, ngợi ca tình mẹ và ý nghĩa của lời ru đối với đời sống của mỗi con người.	Vận dụng sáng tạo hình ảnh và giọng điệu lời ru của ca dao.
7	Mùa xuân nho nhỏ	Thanh Hải	1980	Năm chữ	Cảm xúc trước mùa xuân của thiên nhiên và đất nước, thể hiện ước nguyện chân thành góp mùa xuân nhỏ của đời mình vào cuộc đời chung.	Thể thơ năm chữ có nhạc điệu trong sáng, tha thiết, gần với dân ca, hình ảnh đẹp giản dị, những so sánh, ẩn dụ sáng tạo.
8	Viếng lăng Bác	Viễn Phương	1976	Tám chữ	Lòng thành kính và niềm xúc động sâu sắc của nhà thơ đối với Bác Hồ trong một lần từ miền Nam ra viếng lăng Bác.	Giọng điệu trang trọng và tha thiết; nhiều hình ảnh ẩn dụ đẹp và gợi cảm; ngôn ngữ bình dị, cô đúc.
9	Sang thu	Hữu Thỉnh	1977	Năm chữ	Biến chuyển của thiên nhiên lúc giao mùa từ hạ	Hình ảnh thiên nhiên được gọi tả bằng nhiều cảm giác

					sang thu qua sự cảm nhận tinh tế của nhà thơ.	tinh nhạy, ngôn ngữ chính xác gợi cảm.
10	Nói với con	Y phương	1980	Tự do	Bằng lời trò chuyện với con, bài thơ thể hiện sự gắn bó, niềm tự hào về quê hương và đạo lí sống của dân tộc.	Cách nói giàu hình ảnh, vừa cụ thể, vừa gợi ý nghĩa sâu xa.

TIẾT 133-134	KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 2	NS: 16/3/2024

I. MỤC TIÊU ĐỀ KIỂM TRA

- Thu thập thông tin, đánh giá mức độ đạt được của quá trình dạy học (từ tuần 19-25) so với yêu cầu đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình giáo dục.
- Nắm bắt khả năng học tập, mức độ phân hóa về học lực của học sinh. Trên cơ sở đó, giáo viên có kế hoạch dạy học phù hợp với đối tượng học sinh nhằm nâng cao chất lượng dạy học môn Ngữ văn.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo Viên: Đề, hướng dẫn chấm
2. Học sinh: Giấy, bút, thước.

III. Tiến trình dạy học

1. Ổn định lớp.
2. Phát đề kiểm tra
3. Làm bài
4. Thu bài
5. Hướng dẫn tiết sau học: Ôn tập thơ (T3)

TIẾT 135	ÔN TẬP VỀ THƠ (TIẾT 3)	NS: 10/3/2023

I. Mục tiêu cần đạt:

1. Kiến thức:

- Hệ thống những kiến thức về tác phẩm thơ

2. Năng lực

+Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực nhận thức, tư duy logic

+Năng lực chuyên biệt:

-Học thuộc, cảm nhận những đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của các tác phẩm thơ

- Tổng hợp, hệ thống hóa kiến thức về tác phẩm thơ đã học.

3. Phẩm chất

- Bước đầu hình thành hiểu biết sơ lược về đặc điểm và thành tựu thơ Việt Nam từ sau Cách mạng tháng 8 năm 1945

-Yêu thơ, hình thành cảm hứng sáng tác

II. Chuẩn bị :

Gv : TKBG, SGV, SGK, STK, bảng phụ

HS: Soạn bài theo câu hỏi ôn tập trong SGK

III. Tiến trình lên lớp:

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5p)

-GV trình chiếu chân dung nhà thơ của các văn bản thơ đã học

-HS nêu đúng tên từng tác giả

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC: (85p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
- Hướng dẫn các em hội ý thống nhất những nội dung đã thực hiện trong bảng thống kê. - Xóc thăm, chỉ định HS có số thứ tự tương ứng trả lời	-Thống nhất bảng thống kê -Trả lời theo số thứ tự	I- Bảng thống kê các tác phẩm thơ hiện đại: (bên dưới)
Sắp xếp các bài thơ đã học theo từng giai đoạn lịch sử?	HS sắp xếp theo nhóm trên bảng phụ.	II. Sắp xếp theo từng giai đoạn : + Từ 1945- 1954.: Đồng chí +1954-1964:Đoàn thuyền đánh cá, Con cò, Bếp lửa +1964-1975: Bài thơ về ...

Hướng dẫn tìm hiểu chủ đề *Thảo luận nhóm (Cho HS so sánh những bài thơ có đề tài gần nhau để thấy điểm chung và những nét riêng của mỗi tác phẩm). - Nhận xét về những điểm chung và riêng trong nội dung, cách biểu hiện tình mẹ con trong các bài thơ: “Khúc hát ru...”, “Con cò”, “Mây và sóng”? - Nhận xét về hình ảnh người lính và tình đồng đội của họ trong các bài thơ: Đồng chí, Bài thơ về tiểu đội xe không kính, Ánh trăng? ->Hs thảo luận, trình bày, nhận xét ->Gv chốt *Thảo luận nhóm Những nét tiêu biểu, đặc	Hs làm việc theo nhóm, trình bày, nhận xét	+Sau 1975: Ánh trăng, Viếng lăng Bác, Mùa xuân nho nhỏ, Nói với con, Sang thu. III. Tìm hiểu một số chủ đề: * Tình mẹ con: - Điểm chung: Ca ngợi tình mẹ con đầm thắm, thiêng liêng. -Âm hưởng: Nhẹ nhàng đầm thắm, thiết tha. - Khác nhau:Mỗi bài có một cách thể hiện khác nhau: - Bài Con cò: Từ hình tượng con cò trong ca dao, trong lời hát ru để ca ngợi tình mẹ và ý nghĩa của lời ru. - Bài Mây và sóng: hóa thân vào lời trò chuyện hồn nhiên, ngây thơ của em bé để thể hiện tình yêu mẹ thắm thiết. * Người lính và tình đồng đội - Đồng chí: Những người lính xuất thân từ nông dân ở những làng quê nghèo; Tình đồng chí của họ dựa trên cơ sở cùng chung cảnh ngộ, cùng chia sẻ những gian lao thiếu thốn và ý tưởng chiến đấu. - Bài thơ về...: Những người lính lái xe với tinh thần dũng cảm, bất chấp khó khăn nguy hiểm, tư thế hiên ngang, niềm lạc quan và ý chí chiến đấu giải phóng miền Nam - Ánh trăng: tình đồng đội trong những năm tháng chiến đấu gian lao của chiến tranh.

sắc về nghệ thuật trong tác phẩm thơ và tác dụng của nó trong việc thể hiện chủ đề, cảm xúc của nhân vật trữ tình, khơi gợi tình cảm của người đọc...		IV. Nghệ thuật: - Đa dạng về thể thơ. - Ngôn ngữ thơ giàu hình ảnh, gợi cảm, mang ý nghĩa triết lí sâu xa, vận dụng sáng tạo ca dao, dân ca...

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG (43p) – tiết 135

Phân tích 1 khổ thơ mà em thích (*HS làm độc lập*)

***Hướng dẫn tự học**

- Lập bảng theo hướng dẫn
- Chuẩn bị: Những ngôi sao xa xôi.

Bảng thống kê các tác phẩm thơ hiện đại Việt Nam

S T T	Tên bài thơ	Tác giả	Năm sáng tác	Thể thơ	Tóm tắt nội dung	Đặc sắc nghệ thuật
1	Đồng chí	Chính Hữu	1948	Tự do	Tình đồng chí của những người lính dựa trên cơ sở cùng chung cảnh ngộ và lí tưởng chiến đấu, được thể hiện thật tự nhiên, bình dị mà sâu sắc.	Chi tiết, hình ảnh, ngôn ngữ giản dị, chân thực, cô đọng, giàu sức biểu cảm.
2	Bài thơ về tiểu đội xe không kính	Phạm Tiến Duật	1969	Tự do	Qua hình ảnh độc đáo - những chiếc xe không kính- khắc hoạ nổi bật hình ảnh những người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn trong	Chất liệu hiện thực sinh động, hình ảnh độc đáo; giọng điệu tự nhiên, khoẻ khoắn, giàu tính khẩu ngữ.

					thời kì kháng chiến chống Mĩ với tư thế hiên ngang, tinh thần dũng cảm và ý chí chiến đấu giải phóng miền Nam.	
3	Đoàn thuyền đánh cá	Huy Cận	1958	Bảy chữ	Những bức tranh đẹp, rộng lớn, tráng lệ về thiên nhiên, vũ trụ và người lao động trên biển theo hành trình chuyển ra khơi đánh cá của đoàn thuyền. Qua đó thể hiện cảm xúc về thiên nhiên và lao động, niềm vui trong cuộc sống mới.	Nhiều hình ảnh đẹp rộng lớn, được sáng tạo bằng liên tưởng và tưởng tượng; âm hưởng khoẻ khoắn, lạc quan.
4	Bếp lửa	Bằng Việt	1963	Kết hợp bảy chữ và tám chữ	Những kỉ niệm đầy xúc động về bà và tình bà cháu, thể hiện lòng kính yêu, trân trọng và biết ơn của cháu đối với bà và cũng là đối với gia đình, quê hương, đất nước.	Kết hợp giữa biểu cảm với miêu tả và bình luận; sáng tạo hình ảnh bếp lửa gắn liền với hình ảnh người bà.
5	Ánh trăng	Ng Duy	1978	Năm chữ	Từ hình ảnh ánh trăng trong thành phố, gợi lại những năm tháng đã qua của cuộc đời	Hình ảnh bình dị mà giàu ý nghĩa biểu tượng, giọng điệu chân thành. nhỏ nhẹ mà thâm sâu.

					người lính gắn bó với thiên nhiên, đất nước bình dị, nhắc nhở thái độ sống tình nghĩa, thủy chung.	
6	Con cò	Chế Lan Viên	1962	Tự do	Từ hình tượng con cò trong những lời hát ru, ngợi ca tình mẹ và ý nghĩa của lời ru đối với đời sống của mỗi con người.	Vận dụng sáng tạo hình ảnh và giọng điệu lời ru của ca dao.
7	Mùa xuân nho nhỏ	Thanh Hải	1980	Năm chữ	Cảm xúc trước mùa xuân của thiên nhiên và đất nước, thể hiện ước nguyện chân thành góp mùa xuân nhỏ của đời mình vào cuộc đời chung.	Thể thơ năm chữ có nhạc điệu trong sáng, tha thiết, gần với dân ca, hình ảnh đẹp giản dị, những so sánh, ẩn dụ sáng tạo.
8	Viếng lăng Bác	Viễn Phương	1976	Tám chữ	Lòng thành kính và niềm xúc động sâu sắc của nhà thơ đối với Bác Hồ trong một lần từ miền Nam ra viếng lăng Bác.	Giọng điệu trang trọng và tha thiết; nhiều hình ảnh ẩn dụ đẹp và gợi cảm; ngôn ngữ bình dị, cô đúc.
9	Sang thu	Hữu Thỉnh	1977	Năm chữ	Biến chuyển của thiên nhiên lúc giao mùa từ hạ sang thu qua sự cảm nhận tinh tế của nhà thơ.	Hình ảnh thiên nhiên được gợi tả bằng nhiều cảm giác tinh nhạy, ngôn ngữ chính xác gợi cảm.
10	Nói với con	Y Phương	1980	Tự do	Bằng lời trò chuyện với con, bài thơ thể hiện sự	Cách nói giàu hình ảnh, vừa cụ thể, vừa gợi ý nghĩa sâu xa.

					gắn bó, niềm tự hào về quê hương và đạo lí sống của dân tộc.	

TIẾT 136,137,138	NHỮNG NGÔI SAO XA XÔI	NS: 16/3/2023

I. Mục tiêu cần đạt : Giúp HS:

1. Kiến thức:

- Cảm nhận được tâm hồn trong sáng, tính cách dũng cảm, hồn nhiên và cuộc sống chiến đấu nhiều gian khổ, hy sinh nhưng vẫn lạc quan của các nhân vật nữ thanh niên xung phong trong truyện.
- Thấy được nét đặc sắc trong miêu tả nhân vật, đặc biệt là miêu tả tâm lý, ngôn ngữ và nghệ thuật kể chuyện của tác giả.

2. Năng lực:

+ Năng lực chung:

- Năng lực hợp tác: Thảo luận nhóm để hiểu nội dung văn bản .
- Năng lực giải quyết vấn đề
- Năng lực tự học.
- Năng lực đọc hiểu văn bản nghị luận.

+ Năng lực chuyên biệt:

- Đọc- hiểu một tác phẩm tự sự sáng tác trong thời kì kháng chiến chống Mỹ.
- Phân tích tác dụng của việc sử dụng ngôi kể thứ nhất xưng “tôi”.
- Cảm nhận vẻ đẹp hình tượng nhân vật trong tác phẩm.

3. Phẩm chất:

- Cảm thụ những phẩm chất cao đẹp: lạc quan, yêu đời, giàu nghị lực trong cuộc sống.

***Tích hợp QPAN:** Những tấm gương gan dạ, dũng cảm, mưu trí, sáng tạo của thanh niên xung phong trong kháng chiến

***Tích hợp BVMT:** Môi trường bị hủy hoại nghiêm trọng trong chiến tranh.

II. Chuẩn bị :

- GV: Tranh tác giả, SGK, SGV, bảng phụ, TKBG, video ngã 3 Đồng Lộc.
- HS : Đọc kỹ, tóm tắt cốt truyện, soạn theo câu hỏi SGK

III. Tiến trình lên lớp:

1. Khởi động (7p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
GV cho HS thưởng thức ca khúc <i>Cô gái mở đường</i> ? Em hiểu gì về nội dung ca khúc ấy? -> GV dẫn dắt: Truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” của Lê	HS trình bày tự do	

Minh Khuê mà chúng ta học hôm nay sẽ giúp chúng ta hiểu hơn về các cô gái ấy.		

2. Hình thành kiến thức (115p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
1. Hướng dẫn HS tìm hiểu chung. - Cho HS đọc chú thích * SGK. ? Trình bày hiểu biết về tác giả? Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm? - GV giới thiệu thêm: Lê Minh Khuê là nhà văn nữ trưởng thành trong kháng chiến chống Mỹ. Lê Minh Khuê đã từng là thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn năm xưa. - Hướng dẫn HS đọc và kể tóm tắt. Chú ý ngôn ngữ nhân vật - GV đọc mẫu đoạn đầu - Yêu cầu HS tóm tắt truyện	- HS đọc chú thích * SGK Hoạt động độc lập - HS nêu những ý cơ bản về tác giả, tác phẩm. - NNSXX: là tác phẩm đầu tay của tác giả, viết năm 1971 - khi cuộc kháng chiến chống Mỹ đang diễn ra vô cùng gay go, ác liệt. - HS đọc một số đoạn tại lớp: đoạn miêu tả tâm trạng, hành động của các nhân vật trong cuộc phá bom, đoạn Nho bị thương, mọi người chăm sóc cho cô - HĐ nhóm lớn, mỗi bạn tóm tắt một ý: <i>Ba nữ TNXP làm thành một tổ trinh sát mặt đường tại một trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn. Họ gồm có: hai cô gái trẻ là Định và Nho, tổ trưởng của họ là chị Thao hơi lớn tuổi. Thường ngày, họ quan sát địch ném bom, đo khối lượng đất đá phải san lấp, đánh dấu vị trí bom chưa nổ và phá bom từ ba đến năm lần trong ngày. Họ ở trong một cái hang, dưới chân cao điểm, tách xa đơn vị. Cuộc</i>	I-Tìm hiểu chung: 1/ Tác giả, tác phẩm: - Lê Minh Khuê (1949) - Quê : Thanh Hóa - Là cây bút chuyên về truyện ngắn. - Truyện được sáng tác năm 1971. 2/ Tóm tắt truyện:

<i>Giao nhiệm vụ thảo luận:</i> Hãy xác định bố cục của truyện? - Phương thức biểu đạt chính của văn bản là gì Truyện kể về những ai? Nhân vật nào là nhân vật chính? - Xác định ngôi kể? - Truyện được trần thuật từ nhân vật nào? - Cách chọn vai kể như vậy	<i>sống của ba cô gái ở một nơi trọng điểm giữa chiến trường, dù khắc nghiệt và nguy hiểm nhưng vẫn có niềm vui hồn nhiên của tuổi trẻ, có những giây phút thanh thản, mơ mộng và đặc biệt là họ rất gắn bó, yêu thương nhau trong tình đồng đội, dù mỗi người một cá tính. Ở phần cuối, truyện tập trung miêu tả hành động, tâm trạng của các nhân vật mà chủ yếu là Phương Định trong một lần phá bom, Nho bị thương và sự lo lắng, săn sóc của hai người đồng đội.</i> <i>Hđ nhóm đôi:</i> - Bố cục: 3 phần. +...Những ngôi sao trên mũ: Phương Định kể về cuộc sống, công việc của mình và đồng đội + ... chị Thao bảo: Một lần phá bom, Nho bị thương, hai chị em chăm sóc, lo lắng. + Còn lại: Sau phút nguy hiểm, họ lại hát, lại vui với trận mưa đá. Tự sự, miêu tả. -Truyện kể về 3 cô gái TNXP là Nho, Phương Định và chị Thao. -Ngôi thứ nhất, bằng lời của nhân vật chính Phương Định. -Người kể là Phương Định.	3. Bố cục: 3 phần.

có tác dụng gì? (Hết tiết 1) Hướng dẫn tìm hiểu văn bản: - Không gian mặt đường và không gian sinh hoạt trong hang được miêu tả qua các chi tiết nào? - Qua các chi tiết ấy giúp em cảm nhận được điều gì? *Tích hợp BVMT: Môi trường bị hủy hoại nghiêm trọng trong chiến tranh. Nêu câu hỏi thảo luận: Nhóm 1,2 Nhận xét: ở họ có những điểm gì chung khiến họ gắn bó với nhau? *Tích hợp QPAN: Cho học sinh xem video về sự hi sinh của những cô gái ở Ngã Ba Đồng Lộc https://www.youtube.com/watch?v=-iOINs2JrQc Nhóm 3,4 -Tìm các chi tiết miêu tả chị Thao. Nhóm 5,6 -Khi Nho bị thương, lời nói	Lựa chọn ngôi kể phù hợp với nội dung tác phẩm và tạo thuận lợi để tác giả miêu tả, biểu hiện thế giới tâm hồn, những cảm xúc và suy nghĩ của nhân vật. - Hoạt động độc lập, phát hiện chi tiết. Sống cùng nhau trong một cái hang dưới chân cao điểm, cùng một tổ trình sát mặt đường, yêu thương lo lắng cho nhau dù mỗi người có những điểm riêng... HS xác định hai hình ảnh đối lập: không gian mặt đường rộng lớn khắc nghiệt><không gian mát mẻ, bé nhỏ trong hang Trình bày Xem, cảm nhận - HĐ nhóm, đại diện nhóm trả lời. + Dựa vào sgk, xác định những nét chung của ba cô gái + Những nét riêng: Chị Thao: từng trải, bình tĩnh, táo bạo nhưng lại sợ máu,	II. Phân tích: 1/ Hoàn cảnh sống và chiến đấu của 3 nữ thanh niên xung phong -Cùng hoàn cảnh sống, chiến đấu, cùng công việc nguy hiểm, ác liệt 2/ Vẻ đẹp của 3 nữ thanh niên xung phong a/ Nét chung Đều có những phẩm chất tốt đẹp: dũng cảm, trách nhiệm, gắn bó với đồng đội; dễ xúc cảm và nhiều mơ ước ... b/ Nét riêng: - Chị Thao: từng trải hơn, sợ máu, chăm chép bài hát... - Nho: hồn nhiên, đáng yêu.

và thái độ cử chỉ của chị Thao như thế nào? - Qua đó, em nhận xét gì về nhân vật chị Thao? Nhóm 7,8 - Tìm các chi tiết miêu tả về Nho? - Nhận xét về nhân vật này? <i>Gv nhận xét, chốt ý, ghi nội dung bài học.</i> Hướng dẫn PT tiếp phần 2: Nhân vật Phương Định. * Thảo luận nhóm <i>Giao nhiệm vụ:</i> - Hãy phân tích tâm lý nhân vật Phương Định tập trung vào những đoạn: + Nhân vật tự quan sát và đánh giá về mình như thế nào? + Tâm trạng trong 1 lần phá bom ra sao? + Cảm xúc trước trận mưa đá như thế nào? - Qua đó em có nhận xét gì	chăm chép bài hát, áo nào cũng thêu Nho: vẻ ngoài đáng yêu, mát mẻ như một que kem. Phương Định: Tôi mê hát, thường bịa lời bài hát, tôi thích ngắm mát tôi trong gương, thích mơ mộng... - Cho HS đọc lại đoạn tự thuật- hồi tưởng của nhân vật Phương Định Thảo luận nhóm lớn. + Hồn nhiên, hay mơ mộng, thích ngắm mình trong gương, thích hát, hay sống với những kỉ niệm của tuổi thiếu nữ vô tư giữa gia đình và thành phố của mình. + Tâm lí nhân vật được miêu tả rất cụ thể, tinh tế đến từng cảm giác, ý nghĩ dù chỉ thoáng qua trong giây lát: “Tôi đến gần quả bom...đàng hoàng mà bước tới”, “Thỉnh thoảng, lưỡi xẻng chạm vào quả bom...dấu hiệu chẳng lành”. - Bình tĩnh, dũng cảm, ý thức trách nhiệm cao, tự trọng. + Chạy vào, chạy ra... mưa đá, cha mẹ ơi!...vui thích, cuống	- Phương Định: thích ngắm mình, mơ mộng, thích hát + Là cô gái khá đẹp được nhiều người để ý + Nhạy cảm, kín đáo, không hay biểu lộ tình cảm. + Yêu mến đồng đội + Dũng cảm, tự trọng, tinh thần trách nhiệm cao trong công việc. * Đẹp, đầy nữ tính, nội tâm phong phú, đáng yêu. => Là con người mới, tiêu biểu cho lớp trẻ thời kỳ

về nhân vật? Theo dõi, giúp đỡ Lắng nghe và nhận xét kết quả thực hiện của HS Định hướng bài học (Hết tiết 2) - Em có nhận xét gì về nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật và ngôn ngữ của truyện?(miêu tả tâm lý tinh tế, ngôn ngữ tự nhiên, trẻ trung, có nữ tính... Nêu khái quát nội dung truyện? Truyện nhằm ca ngợi ai, ca ngợi điều gì? - Nêu ý nghĩa của văn bản? Gv chốt ý, rút ra ghi nhớ. Qua truyện, em hình dung và cảm nghĩ như thế nào về tuổi trẻ VN trong cuộc kháng chiến chống Mỹ? (GV liên hệ nhật kí Đặng Thùy Trâm).	cuồng, hồn nhiên, rồi chợt hờ về những kỉ niệm thời thiếu nữ... * Phương Định - cô gái đẹp, đầy nữ tính, nội tâm phong phú, đáng yêu. => Con người mới, tiêu biểu cho lớp trẻ thời kì kháng chiến chống Mỹ. - Hoạt động nhóm nhỏ - Cử đại diện trả lời. Lớp nhận xét - Truyện ca ngợi vẻ đẹp tâm hồn của ba cô gái thanh niên xung phong trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt. Hs đọc ghi nhớ. Khuyến khích hs trả lời, nhận xét, bổ sung.	chống Mỹ. III- Tổng kết: 1. Nghệ thuật: - Sử dụng ngôi kể thứ nhất là nhân vật trong truyện. - Miêu tả tâm lý và ngôn ngữ nhân vật. - Có lời trần thuật, lời đối thoại tự nhiên 2. Nội dung: Sgk 3. Ý nghĩa: Ca ngợi vẻ đẹp tâm hồn của 3 cô gái thanh niên xung phong trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt.

3. Luyện tập (20p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
Viết đoạn văn cảm nhận về nhân vật Phương Định (HS viết cá nhân) ->Gv nhận xét, ghi điểm	Viết đoạn văn	

4. Vận dụng (8 p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
1/Tìm những chi tiết miêu tả cây cối, thiên nhiên trong bài? 2/Chiến tranh đã làm cho môi trường thiên nhiên ntn? Bị hủy hoại nghiêm trọng. 3/ Ngày nay đất nước được hòa bình, chúng ta phải làm gì để khắc phục hậu quả chiến tranh, bảo vệ môi trường thiên nhiên?	Tìm chi tiết Trả lời cá nhân	

*Hướng dẫn tự học (2p)

- Đọc lại văn bản, tập tóm tắt nội dung chính
- Học thuộc nội dung bài
- Chuẩn bị bài: Trả bài kiểm tra giữa kì 2

VIDEO VỀ NGÃ 3 ĐỒNG LỘC: <https://www.youtube.com/watch?v=-iOlNs2JrQc>

TUẦN 28 TIẾT 136, 137, 138: NHỮNG NGÔI SAO XA XÔI TIẾT 139: TRÁI BÀI KIỂM TRA GIỮA KÌ 2

TIẾT 136,137,138	NHỮNG NGÔI SAO XA XÔI	NS: 16/3/2023

I. Mục tiêu cần đạt : Giúp HS:

1. Kiến thức:

- Cảm nhận được tâm hồn trong sáng, tính cách dũng cảm, hồn nhiên và cuộc sống chiến đấu nhiều gian khổ, hy sinh nhưng vẫn lạc quan của các nhân vật nữ thanh niên xung phong trong truyện.
- Thấy được nét đặc sắc trong miêu tả nhân vật, đặc biệt là miêu tả tâm lý, ngôn ngữ và nghệ thuật kể chuyện của tác giả.

2. Năng lực:

+ Năng lực chung:

- Năng lực hợp tác: Thảo luận nhóm để hiểu nội dung văn bản .
- Năng lực giải quyết vấn đề
- Năng lực tự học.
- Năng lực đọc hiểu văn bản nghị luận.

+ Năng lực chuyên biệt:

- Đọc- hiểu một tác phẩm tự sự sáng tác trong thời kì kháng chiến chống Mỹ.
- Phân tích tác dụng của việc sử dụng ngôi kể thứ nhất xưng “tôi”.
- Cảm nhận về đẹp hình tượng nhân vật trong tác phẩm.

3. Phẩm chất:

- Cảm thụ những phẩm chất cao đẹp: lạc quan, yêu đời, giàu nghị lực trong cuộc sống.

***Tích hợp QPAN:** Những tấm gương gan dạ, dũng cảm, mưu trí, sáng tạo của thanh niên xung phong trong kháng chiến

***Tích hợp BVMT:** Môi trường bị hủy hoại nghiêm trọng trong chiến tranh.

II. Chuẩn bị :

- GV: Tranh tác giả, SGK, SGV, bảng phụ, TKBG, video ngã 3 Đồng Lộc.
- HS : Đọc kỹ, tóm tắt cốt truyện, soạn theo câu hỏi SGK

III. Tiến trình lên lớp:

1. Khởi động (7p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung

GV cho HS thưởng thức ca khúc <i>Cô gái mở đường</i> ? Em hiểu gì về nội dung ca khúc ấy? -> GV dẫn dắt: Truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê mà chúng ta học hôm nay sẽ giúp chúng ta hiểu hơn về các cô gái ấy.	HS trình bày tự do	

2. Hình thành kiến thức (115p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
1. Hướng dẫn HS tìm hiểu chung. - Cho HS đọc chú thích * SGK. ? Trình bày hiểu biết về tác giả? Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm? - GV giới thiệu thêm: Lê Minh Khuê là nhà văn nữ trưởng thành trong kháng chiến chống Mỹ. Lê Minh Khuê đã từng là thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn năm xưa. - Hướng dẫn HS đọc và kể tóm tắt. Chú ý ngôn ngữ nhân vật - GV đọc mẫu đoạn đầu - Yêu cầu HS tóm tắt truyện	- HS đọc chú thích * SGK Hoạt động độc lập - HS nêu những ý cơ bản về tác giả, tác phẩm. - NNSXX: là tác phẩm đầu tay của tác giả, viết năm 1971 - khi cuộc kháng chiến chống Mỹ đang diễn ra vô cùng gay go, ác liệt. - HS đọc một số đoạn tại lớp: đoạn miêu tả tâm trạng, hành động của các nhân vật trong cuộc phá bom, đoạn Nho bị thương, mọi người chăm sóc cho cô - HĐ nhóm lớn, mỗi bạn tóm tắt một ý: <i>Ba nữ TNXP làm thành một tổ trinh sát mặt đường tại một trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn. Họ gồm có: hai cô gái trẻ là Định và Nho, tổ trưởng của họ là chị Thao hơi lớn tuổi. Thường ngày, họ quan sát địch ném</i>	I-Tìm hiểu chung: 1/ Tác giả, tác phẩm: - Lê Minh Khuê (1949) - Quê : Thanh Hóa - Là cây bút chuyên về truyện ngắn. - Truyện được sáng tác năm 1971. 2/ Tóm tắt truyện:

<i>Giao nhiệm vụ thảo luận:</i> Hãy xác định bố cục của truyện? - Phương thức biểu đạt chính của văn bản là gì Truyện kể về những ai? Nhân vật nào là nhân vật chính?	<i>bom, đo khối lượng đất đá phải san lấp, đánh dấu vị trí bom chưa nổ và phá bom từ ba đến năm lần trong ngày. Họ ở trong một cái hang, dưới chân cao điểm, tách xa đơn vị. Cuộc sống của ba cô gái ở một nơi trọng điểm giữa chiến trường, dù khắc nghiệt và nguy hiểm nhưng vẫn có niềm vui hồn nhiên của tuổi trẻ, có những giây phút thanh thản, mơ mộng và đặc biệt là họ rất gắn bó, yêu thương nhau trong tình đồng đội, dù mỗi người một cá tính. Ở phần cuối, truyện tập trung miêu tả hành động, tâm trạng của các nhân vật mà chủ yếu là Phương Định trong một lần phá bom, Nho bị thương và sự lo lắng, săn sóc của hai người đồng đội.</i> <i>Hãy nhóm đôi:</i> - Bố cục: 3 phần. +...Những ngôi sao trên mũ: Phương Định kể về cuộc sống, công việc của mình và đồng đội + ... chị Thao bảo: Một lần phá bom, Nho bị thương, hai chị em chăm sóc, lo lắng. + Còn lại: Sau phút nguy hiểm, họ lại hát, lại vui với trận mưa đá. Tự sự, miêu tả. -Truyện kể về 3 cô gái TNXP là Nho, Phương Định và chị	3. Bố cục: 3 phần.

- Xác định ngôi kể? - Truyện được trần thuật từ nhân vật nào? - Cách chọn vai kể như vậy có tác dụng gì? (Hết tiết 1) Hướng dẫn tìm hiểu văn bản: - Không gian mặt đường và không gian sinh hoạt trong hang được miêu tả qua các chi tiết nào? - Qua các chi tiết ấy giúp em cảm nhận được điều gì? *Tích hợp BVMT: Môi trường bị hủy hoại nghiêm trọng trong chiến tranh. Nêu câu hỏi thảo luận: Nhóm 1,2 Nhận xét: ở họ có những điểm gì chung khiến họ gắn bó với nhau? *Tích hợp QPAN: Cho học sinh xem video về sự hi sinh của những cô gái ở Ngã Ba Đồng Lộc https://www.youtube.com/watch?v=-iOINs2JrQc	Thao. -Ngôi thứ nhất, bằng lời của nhân vật chính Phương Định. -Người kể là Phương Định. Lựa chọn ngôi kể phù hợp với nội dung tác phẩm và tạo thuận lợi để tác giả miêu tả, biểu hiện thế giới tâm hồn, những cảm xúc và suy nghĩ của nhân vật. - Hoạt động độc lập, phát hiện chi tiết. Sống cùng nhau trong một cái hang dưới chân cao hiểm, cùng một tổ trình sát mặt đường, yêu thương lo lắng cho nhau dù mỗi người có những điểm riêng... HS xác định hai hình ảnh đối lập: không gian mặt đường rộng lớn khắc nghiệt><không gian mát mẻ, bé nhỏ trong hang Trình bày Xem, cảm nhận - HĐ nhóm, đại diện nhóm trả	II. Phân tích: 1/ Hoàn cảnh sống và chiến đấu của 3 nữ thanh niên xung phong -Cùng hoàn cảnh sống, chiến đấu, cùng công việc nguy hiểm, ác liệt 2/ Vẻ đẹp của 3 nữ thanh niên xung phong a/ Nét chung Đều có những phẩm chất tốt đẹp: dũng cảm, trách nhiệm, gắn bó với đồng đội; dễ xúc cảm và nhiều mơ ước ... b/ Nét riêng: - Chị Thao: từng trải hơn, sợ máu, chăm chép bài

Nhóm 3,4 -Tìm các chi tiết miêu tả chị Thao. Nhóm 5,6 -Khi Nho bị thương, lời nói và thái độ cử chỉ của chị Thao như thế nào? -Qua đó, em nhận xét gì về nhân vật chị Thao? Nhóm 7,8 -Tìm các chi tiết miêu tả về Nho? - Nhận xét về nhân vật này? <i>Gv nhận xét, chốt ý, ghi nội dung bài học.</i> Hướng dẫn PT tiếp phần 2: Nhân vật Phương Định. *Thảo luận nhóm <i>Giao nhiệm vụ:</i> - Hãy phân tích tâm lý nhân vật Phương Định tập trung vào những đoạn: + Nhân vật tự quan sát và đánh giá về mình như thế nào? +Tâm trạng trong 1 lần phá bom ra sao? + Cảm xúc trước trận mưa	lời. + Dựa vào sgk, xác định những nét chung của ba cô gái + Những nét riêng: Chị Thao: từng trải, bình tĩnh, táo bạo nhưng lại sợ máu, chăm chép bài hát, áo nào cũng thuê Nho: vẻ ngoài đáng yêu, mát mẻ như một que kem. Phương Định: Tôi mê hát, thường bịa lời bài hát, tôi thích ngắm mát tôi trong gương, thích mơ mộng... - Cho HS đọc lại đoạn tự thuật- hồi tưởng của nhân vật Phương Định Thảo luận nhóm lớn. + Hồn nhiên, hay mơ mộng, thích ngắm mình trong gương, thích hát, hay sống với những kỉ niệm của tuổi thiếu nữ vô tư giữa gia đình và thành phố của mình. + Tâm lí nhân vật được miêu tả rất cụ thể, tinh tế đến từng cảm giác, ý nghĩ dù chỉ thoáng qua trong giây lát: “Tôi đến gần quả bom...đang hoảng mà bước tới”, “Thỉnh thoảng, lười	hát... - Nho: hồn nhiên, đáng yêu. - Phương Định: thích ngắm mình, mơ mộng, thích hát + Là cô gái khá đẹp được nhiều người để ý + Nhạy cảm, kín đáo, không hay biểu lộ tình cảm. +Yêu mến đồng đội + Dũng cảm, tự trọng, tinh thần trách nhiệm cao trong công việc. * Đẹp, đầy nữ

đá như thế nào? - Qua đó em có nhận xét gì về nhân vật? Theo dõi, giúp đỡ Lắng nghe và nhận xét kết quả thực hiện của HS Định hướng bài học (Hết tiết 2) - Em có nhận xét gì về nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật và ngôn ngữ của truyện?(miêu tả tâm lý tinh tế, ngôn ngữ tự nhiên, trẻ trung, có nữ tính... Nêu khái quát nội dung truyện? Truyện nhằm ca ngợi ai, ca ngợi điều gì? - Nêu ý nghĩa của văn bản? Gv chốt ý, rút ra ghi nhớ. Qua truyện, em hình dung và cảm nghĩ như thế nào về tuổi trẻ VN trong cuộc kháng chiến chống Mỹ? (GV liên hệ nhật kí Đặng Thùy Trâm).	xéng chạm vào quả bom...dấu hiệu chẳng lành”. - Bình tĩnh, dũng cảm, ý thức trách nhiệm cao, tự trọng. + Chạy vào, chạy ra... mưa đá, cha mẹ ơi!...vui thích, cuống cuống, hồn nhiên, rồi chợt hờ về những kỉ niệm thời thiếu nữ... * Phương Định - cô gái đẹp, đầy nữ tính, nội tâm phong phú, đáng yêu. => Con người mới, tiêu biểu cho lớp trẻ thời kì kháng chiến chống Mỹ. - Hoạt động nhóm nhỏ - Cử đại diện trả lời. Lớp nhận xét - Truyện ca ngợi vẻ đẹp tâm hồn của ba cô gái thanh niên xung phong trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt. Hs đọc ghi nhớ. Khuyến khích hs trả lời, nhận xét, bổ sung.	tính, nội tâm phong phú, đáng yêu. => Là con người mới, tiêu biểu cho lớp trẻ thời kỳ chống Mỹ. III- Tổng kết: 1. Nghệ thuật: - Sử dụng ngôi kể thứ nhất là nhân vật trong truyện. - Miêu tả tâm lí và ngôn ngữ nhân vật. - Có lời trần thuật, lời đối thoại tự nhiên 2. Nội dung: Sgk 3. Ý nghĩa: Ca ngợi vẻ đẹp tâm hồn của 3 cô gái thanh niên xung phong trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt.

3. Luyện tập (20p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
Viết đoạn văn cảm nhận về nhân vật Phương Định (HS viết cá nhân) ->Gv nhận xét, ghi điểm	Viết đoạn văn	

4. Vận dụng (8 p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
1/Tìm những chi tiết miêu tả cây cối, thiên nhiên trong bài? 2/Chiến tranh đã làm cho môi trường thiên nhiên ntn? Bị hủy hoại nghiêm trọng. 3/ Ngày nay đất nước được hòa bình, chúng ta phải làm gì để khắc phục hậu quả chiến tranh, bảo vệ môi trường thiên nhiên?	Tìm chi tiết Trả lời cá nhân	

***Hướng dẫn tự học (2p)**

- Đọc lại văn bản, tập tóm tắt nội dung chính
- Học thuộc nội dung bài
- Chuẩn bị bài: Trả bài kiểm tra giữa kì 2

VIDEO VỀ NGÃ 3 ĐỒNG LỘC: <https://www.youtube.com/watch?v=-iOINs2JrQc>

TIẾT 139,140	TRẢ BÀI KIỂM TRA GIỮA KÌ	NS: 31/3/2024

I. Mức độ cần đạt:

1.**Kiến thức:** Đánh giá những ưu, khuyết điểm của bài kiểm tra

2. Năng lực:

- **Năng lực chung:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tự quản.

- **Năng lực chuyên biệt :** năng lực sử dụng ngôn ngữ, sử dụng Tiếng Việt, năng lực văn học

3. **Phẩm chất:** Tích cực trong giờ học.

II.Chuẩn bị:

1.Giáo viên: Thiết kế bài giảng, chấm bài, đáp án và biểu điểm,SGK-SGV Ngữ văn 9

2. Học sinh: Đề thi, SGK Ngữ văn 9 tập 2

III.Tiến trình tổ chức các hoạt động.

1. Hoạt động khởi động (2 phút)

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
Nêu mục tiêu tiết học	Lắng nghe	

2. Hoạt động hình thành kiến thức (41 phút)

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
HĐ 1: Đọc lại đề, hướng dẫn tìm đáp án	Lắng nghe	Theo hướng dẫn chấm của tiết kiểm tra
HĐ 2: Nhận xét bài làm của học sinh -Nhiều hs chưa ôn bài kĩ, không nắm vững nội dung bài làm - Trình bày chưa cẩn thận, mắc nhiều lỗi chính tả	Lắng nghe	

- Một số bài làm tốt, điểm cao		
HĐ 3: Trả bài, sửa chữa. -GV phát bài cho hs tự kiểm tra lại với đáp án để sửa bài của mình. - GV tuyên dương những bài làm điểm cao. - Nhắc nhở những em làm bài sơ sài.	Lắng nghe	

3. Hoạt động luyện tập (45p)

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
Cho hs tự viết lại bài viết theo dàn ý đã cung cấp	Viết bài	

***Hướng dẫn tự học (2p)**

- Tự ôn lại những kiến thức chưa vững thông qua bài kiểm tra giữa kì
- Tiết sau học: Nghị luận về một tác phẩm truyện (đoạn trích)

UBND HUYỆN NÚI THÀNH TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN	KIỂM TRA GIỮA KỲ II NĂM HỌC 2023-2024 Môn: Ngữ văn – Lớp 9 Thời gian: 90 phút (Không kể thời gian giao đề)

I. MỤC TIÊU ĐỀ KIỂM TRA

- Thu thập thông tin, đánh giá mức độ đạt được của quá trình dạy học (từ tuần 19 đến tuần 25) so với yêu cầu đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình giáo dục.

- Nắm bắt khả năng học tập, mức độ phân hóa về học lực của học sinh. Trên cơ sở đó, giáo viên có kế hoạch dạy học phù hợp với đối tượng học sinh nhằm nâng cao chất lượng dạy học môn Ngữ văn.

II. HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA

- Hình thức: Tự luận :

+ Đọc - hiểu 06 câu = 5.0 điểm

+ Làm văn 01 câu = 5.0 điểm.

- Cách thức: Kiểm tra trên lớp theo đề của trường

III. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ II NĂM HỌC 2023-2024

Môn: Ngữ văn - Lớp 9

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kĩ năng	Mức độ nhận thức				Tổng
			Nhận biết (Số câu)	Thông hiểu (Số câu)	Vận dụng thấp (Số câu)	Vận dụng cao (Số câu)	
1	Đọc hiểu	*Nhận biết - Phương thức biểu đạt -Thành phần biệt lập -Liên kết câu, liên kết đoạn - Biện pháp tu từ *Thông hiểu -Nội dung chính của đoạn trích. *Vận dụng - Bài học của bản thân từ đoạn trích	4	1	1	0	6

Tỉ lệ % điểm			30	10	10		50
2	Làm văn	Văn nghị luận về hiện tượng đời sống	1*	1*	1*	1*	1
Tỉ lệ % điểm			10	20	10	10	50
Tỉ lệ % điểm các mức độ			40	30	20	10	100

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 9

Thời gian: 90 phút (không tính thời gian giao đề)

TT	Kĩ năng	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Văn bản thơ	* Nhận biết: - Phương thức biểu đạt -Thành phần biệt lập -Liên kết câu, liên kết đoạn - Biện pháp tu từ * Thông hiểu: Nội dung chính của đoạn trích * Vận dụng: Bài học từ đoạn trích	4	1	1	
2	Làm văn	Văn nghị luận	*Nhận biết: Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu văn nghị luận , bố cục bài viết *Thông hiểu: Viết đúng về đối tượng nghị luận *Vận dụng: Viết được bài văn theo đúng phương pháp nghị luận *Vận dụng cao: Viết bài văn hoàn chỉnh, kết cấu hợp lý, diễn đạt trôi chảy, sáng tạo, mới mẻ.	1*	1*	1*	1*

Tổng câu		4 1*	1 1*	1 1*	1*
Tổng điểm		4	3	2	1
Tỉ lệ %		40	30	20	10

UBND HUYỆN NÚI THÀNH TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN ĐỀ CHÍNH THỨC	KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2023-2024 Môn: Ngữ văn – Lớp 9 Thời gian: 90 phút <i>(Không kể thời gian giao đề)</i>

I. ĐỌC - HIỂU (5.0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

Con biết không, được sống trên đời này quả là món quà vô giá của chúng ta. Con được tự do vẽ những bức tranh. Con có cơ hội được đi đến nhiều nơi, khám phá nhiều danh lam thắng cảnh, thưởng thức những món ăn ngon. Sau này khi đến tuổi trưởng thành, con có cơ hội được làm những công việc mà con yêu thích. Có thể con sẽ làm một bác sĩ khám chữa bệnh cho mọi người hay một cô giáo yêu trẻ, hoặc một kiến trúc sư thiết kế nên những ngôi nhà mà con từng ấp ủ từ thuở ấu thơ? Hay con sẽ làm một nhà thiên văn học để giải mã những bí ẩn của vũ trụ? Thật nhiều những chân trời đang mở ra. Vậy thì có lẽ đâu, vì gặp bão tố, trắc trở mà ta từ bỏ ước mơ, từ bỏ cuộc đời này? Dù khó khăn đến mấy, chúng mình hãy kiên cường đi tiếp con nhé.

(Trích *Về cái chết, Chúng mình làm bạn con nhé*, Phong Điệp, NXB Phụ nữ 2015)

Câu 1: Nêu phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên? (0.5 đ)

Câu 2: Gọi tên và chỉ ra phép liên kết đoạn văn được tác giả sử dụng? (1.0 đ)

Câu 3: Xác định thành phần biệt lập trong câu: “*Có thể con sẽ làm một bác sĩ khám chữa bệnh cho mọi người hay một cô giáo yêu trẻ, hoặc một kiến trúc sư thiết kế nên những ngôi nhà mà con từng ấp ủ từ thuở ấu thơ?*” (0.5 đ)

Câu 4: Xác định, nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong đoạn trích? (1.0 đ)

Câu 5: Trình bày nội dung chính của đoạn trích trên? (1.0 đ)

Câu 6: Từ nội dung ở phần Đọc - hiểu, em rút ra được bài học gì cho bản thân? (1.0 đ)

II. LÀM VĂN (5.0 điểm)

Trình bày suy nghĩ của em về vấn đề rác thải trong trường học.

-----HẾT-----

(Thí sinh không được sử dụng tài liệu, giám thị coi thi không giải thích gì thêm.)

HƯỚNG DẪN CHẤM

I. Hướng dẫn chung

- Giáo viên cần nắm vững yêu cầu của hướng dẫn chấm để đánh giá tổng quát bài làm của học sinh, tránh trường hợp đếm ý cho điểm.
- Do đặc trưng của bộ môn Ngữ văn nên giáo viên cần chủ động, linh hoạt trong việc vận dụng đáp án và thang điểm; khuyến khích những bài viết có ý tưởng riêng và giàu chất văn.
- Giáo viên cần vận dụng đầy đủ các thang điểm; tránh tâm lí ngại cho điểm tối đa. Cần quan niệm rằng một bài đạt điểm tối đa vẫn là một bài làm có thể còn những sơ suất nhỏ.
- Điểm lẻ toàn bài tính đến 0,25 điểm. Sau đó, làm tròn số đúng theo quy định.

II/ Đáp án và thang điểm

PHẦN ĐỌC – HIỂU (5.0 điểm)

CÂU	NỘI DUNG CẦN ĐẠT	Điểm
Câu 1.	Phương thức biểu đạt: nghị luận	0.5
Câu 2.	Phép liên kết đoạn văn được tác giả sử dụng: - Phép lặp - Từ: con	0.5 0.5
Câu 3.	-Thành phần tình thái - có lẽ	0.25 0.25
Câu 4.	Trong đoạn trích trên tác giả đã sử dụng những biện pháp tu từ - Điệp ngữ: con ... - Tác dụng: Nhấn mạnh, sau này trên bước đường đời con sẽ có rất nhiều lựa chọn nghề nghiệp cho sở thích, cho tương lai của mình. Bởi vậy, dù gặp khó khăn cũng phải kiên cường, không được bỏ cuộc.	0.25 0.75
Câu 5.	Nội dung đoạn trích: -Trong cuộc đời mỗi người sẽ có những công việc khác nhau phù hợp với năng lực, sở thích của bản thân. - Đừng vì chút khó khăn mà bỏ cuộc, phải kiên trì để thực hiện ước mơ của mình.	0.5 0.5
Câu 6.	Học sinh có thể nêu được bài học sau: - Lựa chọn công việc phù hợp với sở thích,năng lực bản thân. - Đừng vì chút khó khăn mà bỏ cuộc, phải kiên trì để thực	0.5 0.5

hiện ước mơ của mình.	

PHẦN LÀM VĂN (5.0 điểm)

1. Yêu cầu chung Học sinh biết kết hợp kiến thức và kĩ năng để viết bài văn nghị luận. Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng, diễn đạt mạch lạc; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.	
2. Yêu cầu cụ thể a) Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận: Trình bày đầy đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài: -Nêu vấn đề: tình trạng xả rác bừa bãi của học sinh ở trường lớp ngày nay. Thân bài: a. Biểu hiện Trong trường học, học sinh cũng thường vứt rác vào ngăn bàn, chân cầu thang, dưới sân trường... Nhiều bạn học sinh có thói quen ăn quà vặt, sáng muộn giờ nên mang đồ ăn lên lớp, ăn xong tiện tay xả rác ở mọi nơi. → Những hành vi đó không phải là cá biệt. Người ta xả rác như các quyền được thế, thành một cố tật xấu khó sửa chữa. b. Nguyên nhân: Chủ quan: Do thói quen đã có từ trước; do thiếu hiểu biết, thiếu ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường, ích kỉ, lười nhác, thiếu lòng tự tôn dân tộc, thiếu một tấm lòng... Khách quan: Do cơ sở vật chất của nhiều trường học chưa đảm bảo (các phương tiện thu gom rác còn hạn chế, thiếu thốn, có nơi còn không có phương tiện cũng như người thu gom rác...). Không có chế tài xử phạt nghiêm khắc đối với những trường hợp vi phạm. Tuyên truyền rộng rãi nhưng không sâu sắc về tác hại của việc xả rác. c. Tác hại Tạo ra một thói quen xấu trong đời sống văn minh hiện đại. Gây ô nhiễm môi trường. Bệnh tật phát sinh (có khi thành dịch), giảm sút sức khỏe, tốn kém tiền bạc... Ảnh hưởng đến cảnh quan, thẩm mỹ, mất đi vẻ xanh - sạch - đẹp vốn có của trường học (có nơi còn bị biến dạng, bị phá hủy do rác). d. Khắc phục - Mỗi học sinh người cần phải rèn cho mình tinh thần trách	3.0 0.5 0.25 0.25 0.25 1.25

	nhiệm, cũng như ý thức bảo vệ môi trường. - Học sinh tuyên truyền cho mọi người hiểu được tác hại của hiện tượng này. Đồng thời, nhà trường cũng cần có những biện pháp phải xử phạt nghiêm khắc với các hành vi vi phạm. Kết bài: Bài học nhận thức và hành động. Liên hệ bản thân	0.5
	b) Xác định đúng đối tượng nghị luận: Rác thải trong trường học	0.5
	c) Triển khai các ý đảm bảo nội dung: Vận dụng tốt kĩ năng, phương pháp làm văn nghị luận	0.5
	d) Sáng tạo: Có cách diễn đạt mới mẻ, thuyết phục	0.5
	e) Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	0.5

TUẦN 29

TIẾT 140: TRẢ BÀI KIỂM TRA GIỮA KỲ 2

TIẾT 141: NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TÁC PHẨM TRUYỆN (ĐOẠN TRÍCH)

TIẾT 142,143: CÁCH LÀM BÀI NGHỊ LUẬN VỀ TÁC PHẨM TRUYỆN (ĐOẠN TRÍCH)

TIẾT 144: LUYỆN TẬP NGHỊ LUẬN VỀ TÁC PHẨM TRUYỆN (ĐOẠN TRÍCH)

TIẾT 139,140	TRẢ BÀI KIỂM TRA GIỮA KÌ	NS: 31/3/2024

I. Mức độ cần đạt:

1. **Kiến thức:** Đánh giá những ưu, khuyết điểm của bài kiểm tra

2. **Năng lực:**

- **Năng lực chung:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tự quản.

- **Năng lực chuyên biệt :** năng lực sử dụng ngôn ngữ, sử dụng Tiếng Việt, năng lực văn học

3. **Phẩm chất:** Tích cực trong giờ học.

II. Chuẩn bị:

1. Giáo viên: Thiết kế bài giảng, chấm bài, đáp án và biểu điểm, SGK-SGV Ngữ văn 9

2. Học sinh: Đề thi, SGK Ngữ văn 9 tập 2

III. Tiến trình tổ chức các hoạt động.

1. **Hoạt động khởi động (2 phút)**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
Nêu mục tiêu tiết học	Lắng nghe	

2. **Hoạt động hình thành kiến thức (41 phút)**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
HD 1: Đọc lại đề, hướng dẫn tìm đáp án	Lắng nghe	Theo hướng dẫn chấm của tiết kiểm tra

HD 2: Nhận xét bài làm của học sinh -Nhiều hs chưa ôn bài kĩ, không nắm vững nội dung bài làm - Trình bày chưa cẩn thận, mắc nhiều lỗi chính tả - Một số bài làm tốt, điểm cao	Lắng nghe	
HD 3: Trả bài, sửa chữa. -GV phát bài cho hs tự kiểm tra lại với đáp án để sửa bài của mình. - GV tuyên dương những bài làm điểm cao. - Nhắc nhở những em làm bài sơ sài.	Lắng nghe	

3. Hoạt động luyện tập (45p)

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
Cho hs tự viết lại bài viết theo dàn ý đã cung cấp	Viết bài	

***Hướng dẫn tự học (2p)**

- Tự ôn lại những kiến thức chưa vững thông qua bài kiểm tra giữa kì
- Tiết sau học: Nghị luận về một tác phẩm truyện (đoạn trích)

TIẾT 141	NGHỊ LUẬN VỀ TÁC PHẨM TRUYỆN (HOẶC ĐOẠN TRÍCH)	NS: 31/3/2023

I. Mục tiêu cần đạt:

1. Kiến thức:

- Những yêu cầu đối với bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích).
- Cách tạo lập văn bản nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích).

2. Năng lực :

- + Năng lực chung: tiếp nhận, hợp tác, trình bày
- + Năng lực chuyên biệt:
 - Nhận diện được bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích).
 - Đưa ra những nhận xét, đánh giá về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) đang học ở chương trình.

3. Phẩm chất

- Thể hiện được tình cảm của mình khi tiếp xúc bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích).

II. Chuẩn bị:

GV : TKBG, Bảng phụ, một số bài mẫu nghị luận về tác phẩm truyện (đoạn trích)

HS : Đọc sách để nắm vững nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích)

III. Tiến trình lên lớp:

1. Khởi động (3p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
1/Các em đã học những kiểu bài nghị luận nào? 2/Cho HS xác định đúng kiểu đề văn NL đã học => Giới thiệu vào bài	Nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống; nghị luận về một tư tưởng, đạo lí.	

2. Hình thành kiến thức (25 p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
GV hướng dẫn HS đọc VB và trả lời các câu hỏi. - Chỉ định 2 HS đọc khá đọc lại VB - Gv yêu cầu HS trả lời các câu hỏi SGK/63 ? Vấn đề nghị luận của VB này là gì? Hãy đặt một nhan đề thích hợp cho VB? - GV hướng dẫn HS trao đổi,	Hs đọc văn bản. Vấn đề nghị luận của VB này là những phẩm chất, đức tính đẹp	I. Tìm hiểu bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích):

thảo luận và trả lời các câu hỏi. - GV chốt : - GV gọi các nhóm giờ cao các phiếu học tập ghi trên VB do mình tự đặt - GV nhận xét và nêu 1 số nhan đề có ý nghĩa nhất : ? Vấn đề nghị luận được người viết triển khai qua những luận điểm nào? Tìm những câu nêu lên hoặc cô đúc luận điểm của VB? - GV cho HS phát hiện, sửa và chốt : ? Đề khẳng định các luận điểm, người viết đã lập luận (dẫn dắt, phân tích, chứng minh) như thế nào? Nhận xét gì về những luận cứ được người viết đưa ra để làm sáng tỏ cho từng luận điểm? - GV sửa bài HS và chốt : - Nhận xét bố cục của bài văn? * GV chốt lại nội dung bài học như ghi nhớ/63 - Chỉ định 2 HS đọc ghi nhớ	đề đáng yêu của nhân vật anh thanh niên làm công tác khí tượng, kiêm vật lý địa cầu trong truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long + Sa Pa không lặng lẽ + Xao xuyến Sa Pa + Vẻ đẹp nơi Sa Pa lặng lẽ + 2 câu cuối đoạn 1 (nếu vấn đề nghị luận)... Câu 1 (đoạn 2), câu 2 (đoạn 3), câu 1 (đoạn 4) là những câu <u>chủ đề nêu luận điểm</u> + 2 câu cuối VB : cô đúc vấn đề nghị luận Mỗi luận điểm đều được tác giả phân tích, chứng minh một cách thuyết phục có sức hấp dẫn người đọc. - Các luận cứ được sử dụng đều xác đáng, sinh động bởi đó là những chi tiết, hình ảnh đặc sắc của tác phẩm. Bài văn được dẫn dắt tự nhiên, có bố cục chặt chẽ. Từ nêu vấn đề, người viết đi vào phân tích, diễn giải rồi sau đó khẳng định, nâng cao vấn đề nghị luận. - HS đọc phần ghi nhớ.	* Ghi nhớ sgk.

3.Luyện tập (7P)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
- HS đọc văn bản và trả lời câu hỏi tr.63/SGK. ? Vấn đề nghị luận của đoạn văn là gì? -> GV chốt : Tình thế lựa chọn nghiệp ngã của Lão Hạc và vẻ đẹp tâm hồn lão Hạc ? Câu văn nào mang luận điểm chính?	Thảo luận, trả lời	

-> Gv chốt : câu 1 ? Các ý kiến ấy giúp ta hiểu thêm gì về nhân vật Lão Hạc? - Gv giảng: Bằng việc phân tích những diễn biến nội tâm của nhân vật, bài viết đã làm sáng tỏ một nhân cách đáng kính trọng, 1 tấm lòng hy sinh cao quý.		

5.Vận dụng (8p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
Lập dàn ý đại cương cho đề bài: Suy nghĩ về truyện lão Hạc của nhà văn Nam Cao	Thảo luận, trả lời	

***Hướng dẫn tự học: (2p)**

- Viết một bài nghị luận tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) dựa vào dàn ý trên
- Đọc trước, kỹ bài “Cách làm bài nghị luận về tác phẩm truyện ...”
- + Tìm hiểu các đề SGK, thực hiện các yêu cầu Ia,b/ 65
- + Tìm hiểu các bước làm bài cho đề bài ở mục II/65
- + Chuẩn bị nội dung luyện tập – *Dàn ý chi tiết*

TIẾT 142,143	CÁCH LÀM BÀI NGHỊ LUẬN VỀ TÁC PHẨM TRUYỆN (HOẶC ĐOẠN TRÍCH)	NS: 31/3/2024

I. Mục tiêu cần đạt:

1. Kiến thức:

- Đề bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích).
- Các bước làm bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích).

2. Năng lực :

- + Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực nhận thức, tư duy logic
- + Năng lực chuyên biệt: Nắm được các bước làm bài; vận dụng kiến thức đã học để làm bài nghị luận về một tác phẩm truyện hoặc đoạn trích

3. Phẩm chất: Thể hiện tình cảm cụ thể khi làm bài nghị luận về một tác phẩm truyện hoặc đoạn trích

Biết cách viết bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) cho đúng với các yêu cầu đã học ở tiết trước

II. Chuẩn bị:

GV : Bảng phụ ghi dàn ý mẫu

HS : Đọc trước SGK nhiều lần, đọc lại truyện ngắn “Làng” của nhà văn Kim Lân

II. Tiến trình lên lớp:

1. Khởi động (3p)

Hoạt động của Gv	Hoạt động của HS	Nội dung
Cho HS nhận diện một số kiểu đề nghị luận -> Vừa qua, các em đã tìm hiểu thế nào là nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích). Hôm nay, các em sẽ biết được cách làm bài và nhận dạng được các dạng đề.	Theo dõi Lắng nghe	

2. Hình thành kiến thức (50p)

Hoạt động của Gv	Hoạt động của HS	Nội dung
GV yêu cầu HS tìm hiểu 4 đề bài trong SGK và trả lời các câu hỏi ? Các đề bài yêu cầu nghị luận vấn đề gì ? Các từ “ <i>Suy nghĩ</i> ”, “ <i>phân tích</i> ” đòi hỏi trong bài làm phải khác nhau như thế nào?	<i>Hoạt động nhóm đôi</i> <u>Đề 1</u> : Nghị luận về thân phận người phụ nữ trong xã hội cũ <u>Đề 2</u> : Nghị luận về diễn biến cốt truyện <u>Đề 3</u> : Nghị luận về thân phận Thuý Kiều <u>Đề 4</u> : Nghị luận về đời sống tình cảm gia đình trong chiến tranh - “ <i>Suy nghĩ</i> ” là xuất phát từ sự cảm, hiểu của mình để nhận xét, đánh giá	I. Tìm hiểu đề bài bài nghị luận về tác phẩm truyện (đoạn trích)

- GV nhận xét HS trả lời và chốt (bảng phụ) - GV hướng dẫn HS xác lập các bước làm bài nghị luận về tác phẩm truyện.: <u>Bước 1:</u> Tìm hiểu đề, tìm ý? <i>Chuyển giao nhiệm vụ:</i> Yêu cầu của đề? ? Điều gì nổi bật nhất ở Ông Hai? Các tình huống bộc lộ tình yêu làng, yêu nước? Tác giả xây dựng nhân vật ông Hai bằng những nt nào? - GV gợi ý Bước 2: Lập dàn ý - GV treo bảng phụ ghi dàn ý <u>Bước 3:</u> GV hướng dẫn HS viết bài dựa vào SGK/66+67 để HS nắm được các bước, cách viết của một bài tập làm văn nghị luận về tác phẩm truyện. (Hết tiết 1) <u>Bước 4:</u> GV hướng dẫn HS đọc lại bài viết xem có phù hợp với vấn đề nghị luận, với dàn bài không? Giữa các phần có sự liên kết hợp lý chưa? Sau đó sửa chữa bài viết cho hoàn chỉnh. * GV tổng kết lại nội dung bài học và chốt lại	tác phẩm. - “<i>Phân tích</i>” là xuất phát từ tác phẩm (cốt truyện, nhân vật, sự việc, tình tiết ...) để lập luận và sau đó nhận xét, đánh giá tác phẩm. Cho đề bài “Suy nghĩ về nhân vật ông Hai trong truyện ngắn Làng của Kim Lân” Nghị luận về nhân vật trong tác phẩm <i>Hoạt động nhóm 4</i> Yêu làng gắn bó hoà quyện với lòng yêu nước. Khi nghe tin làng theo giặc và khi nghe tin làng được cải chính -Hành động cử chỉ, lời nói a) Mở bài: Giới thiệu truyện ngắn “Làng” và nhân vật ông Hai, khẳng định lòng yêu quê hương - yêu nước của ông. b) Thân bài: Triển khai ý chính: -Tình yêu làng, yêu nước: + Đi tản cư nhớ làng. + Theo dõi tin tức kháng chiến. + Tâm trạng khi nghe tin đồn làng chợ Dầu theo Tây. + Niềm vui khi tin đồn được cải chính. - Nghệ thuật xây dựng nhân vật: + Tình huống truyện thử thách. + Các chi tiết miêu tả nhân vật. + Các hình thức trần thuật. c) Kết bài: Sức hấp dẫn của nhân vật và thành công của nhà văn khi xây dựng nhân vật.	II. Các bước làm bài nghị luận về tác phẩm truyện (đoạn trích): 1. Tìm hiểu đề, tìm ý: a. Tìm hiểu đề b. Tìm ý. 2. Lập dàn bài: a. Mở bài : Giới thiệu tác phẩm, đánh giá sơ bộ của mình về tác phẩm b. Thân bài: Nêu các luận điểm chính về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm c. Kết bài : Nêu nhận định, đánh giá tác phẩm 3. Viết bài 4. Đọc lại bài

như ghi nhớ /68 - Chỉ định 1 Hs đọc ghi nhớ.	<i>Từ dàn ý đã hướng dẫn, HS lập dàn ý chi tiết</i> HS theo dõi góp ý hoàn thiện Đọc ghi nhớ sgk.	viết và sửa chữa. * Ghi nhớ sgk.

3. Luyện tập (30p)

Hoạt động của Gv	Hoạt động của HS	Nội dung
GV hướng dẫn HS luyện tập: - Xác định yêu cầu của đề bài nghị luận về một tác phẩm truyện (hoặc một đoạn trích) cụ thể Tổ 1, 3 : Viết phần mở bài Tổ 2, 4 : viết 1 đoạn thân bài GV chỉ định HS nhóm 1, 4 trình bày 2 đoạn viết, GV sửa bài HS	Thực hiện	

4. Vận dụng (5p)

Hoạt động của Gv	Hoạt động của HS	Nội dung
<i>Trò chơi tiếp sức, chủ đề:</i> Thi viết đề văn nghị luận về một tác phẩm truyện hoặc đoạn trích	Thực hiện	

***Hướng dẫn tự học (2p)**

- Tìm 1 số đề dạng nghị luận về 1 tác phẩm (đoạn trích)
- Lập dàn ý cho 1 trong các đề
- Tập viết mở bài, kết bài cho đề đó
- **Chuẩn bị:** Luyện tập làm bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích):
- + Đọc kỹ yêu cầu ở Sgk
- + Chuẩn bị như hướng dẫn

TIẾT 144,145	LUYỆN TẬP LÀM BÀI NGHỊ LUẬN VỀ TÁC PHẨM TRUYỆN (HOẶC ĐOẠN TRÍCH)	NS: 31/3/2024

I. Mục tiêu cần đạt

1. Kiến thức:

- Đặc điểm, yêu cầu và cách làm bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích)

2. Năng lực:

- **Năng lực chung:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực nhận thức, tư duy logic

- **Năng lực chuyên biệt :** Năng lực sử dụng ngôn ngữ, sử dụng Tiếng Việt, cảm thụ văn học, cảm thụ thẩm mỹ....

3. Phẩm chất:

- Qua hoạt động, luyện tập cụ thể mà nắm vững, thành thạo thêm kỹ năng tìm ý, lập ý, kỹ năng viết 1 bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) theo cảm xúc của bản thân.

*Tích hợp: Có ý thức vận dụng vào bài viết.

II. Chuẩn bị :

Gv : SGK, TKBG, Nội dung luyện tập - Bảng phụ

HS : SGK, Chuẩn bị ở nhà theo yêu cầu

III. Tiến trình lên lớp:

1. Hoạt động khởi động (2 phút)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Chúng ta đã tìm hiểu kiểu bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích), đặc biệt, chúng ta đã nắm được các bước làm và bố cục của kiểu bài này -Dẫn nhập nội dung bài học.	Lắng nghe	

2.Hoạt động hình thành kiến thức (8 phút)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS và định hướng.	Nội dung
1.Ôn lí thuyết: Nhắc lại khái niệm? - Các bước làm bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích)?	<i>HD độc lập</i> Là trình bày những nhận xét, đánh giá của mình về nhân vật, sự kiện, chủ đề hay nghệ thuật của một tác phẩm cụ thể. Hs nhắc lại ghi nhớ. Thực hiện 4 bước: Tìm hiểu đề và	I. Ôn lí thuyết:

	tìm ý, lập dàn bài, viết bài, đọc lại và sửa chữa.	

3. Luyện tập (68 phút)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
- Gv hướng dẫn HS tìm hiểu đề và tìm ý cho đề bài “Cảm nhận của em về đoạn trích truyện “Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng <i>Giao nhiệm vụ:</i> ? Đề yêu cầu nêu lên vấn đề gì? Cần chú ý đến từ nào trong đề để định hướng đúng phương hướng làm bài ? ? Nghị luận về vấn đề gì? - Gv hướng dẫn HS tìm ý <i>Giao nhiệm vụ:</i> Tìm và phân tích các chi tiết đặc sắc về cử chỉ, hành động, lời nói, diễn biến tâm trạng ... của nhân vật. ? Thái độ và tình cảm, hành động của bé Thu trong những ngày ba em về thăm nhà? ? Tâm trạng, thái độ và hành động của ông Sáu đối với bé Thu? ?Đánh giá về nội dung, nghệ thuật? - Theo dõi, lắng nghe, nhận xét, đánh giá	- HS đọc đề bài SGK/68 - <i>HS thảo luận nhóm đôi:</i> +Đề yêu cầu nghị luận về 1 đoạn trích, tác phẩm truyện. - Cần chú ý đến từ “cảm nhận” - Nhận xét, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích. <i>HD nhóm lớn, ghi kq thảo luận vào bảng nhóm</i> * Bé Thu + Thái độ : không nhận ba, không nhận sự chăm sóc của ba, thái độ và hành động khi chia tay ba * Ông Sáu + Trong đợt nghỉ phép :... + Sau khi nghỉ phép:Làm cây lược ngà tặng con,..., mong được gặp con - Nội dung : tình phụ tử sâu sắc, cảm động ... - Nghệ thuật : cốt truyện chặt chẽ, tình huống bất ngờ ...	II. Nội dung luyện tập: 1. Tìm hiểu đề 2. Tìm ý 3. Lập dàn ý

- GV hướng dẫn HS luyện tập làm dàn ý từ khái quát đến chi tiết GV chỉ định HS trình bày dàn ý. GV nhận xét, sửa lỗi (sắp xếp luận cứ ...)	<i>Lắng nghe, nhận xét, bổ sung HĐ nhóm 4, lập dàn ý cho đề bài</i> HS lập dàn ý theo mẫu và bằng cảm thụ sâu sắc về tác phẩm mà tìm ra các luận cứ, sắp xếp thành hệ thống mạch lạc, sinh động để làm sáng tỏ ý kiến, nhận xét của mình. Hoàn cảnh lịch sử cụ thể của miền Nam nước ta trước đây khiến cho nhiều người như ông Sáu phải xa gia đình và chịu nhiều hi sinh, mất mát. Tình cha con diễn biến đầy xúc động khi ông Sáu trở về.(cử chỉ, hành động, lời nói, diễn biến tâm trạng của hai nhân vật) Nghệ thuật tạo tình huống, cách trần thuật, cách lựa chọn chi tiết... - HS tự sửa lỗi theo hướng dẫn	a.Mở bài: Giới thiệu đoạn trích “Chiếc lược ngà” của N.Q.Sáng và tình cha con của ông Sáu - bé Thu. b.Thân bài: - Giới thiệu ngắn gọn cốt truyện. - các nhân vật chính: + Nhân vật bé Thu... + Nhân vật ông Sáu... - Những thành công về nghệ thuật của tác phẩm. c.Kết bài: Ấn tượng chung về tác phẩm. 4. Sửa lỗi

4. Vận dụng (10p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
Viết đoạn văn mở bài, giới thiệu một đoạn trích, 1 tác phẩm truyện đã học mà em thích	Thực hành	

* Hướng dẫn tự học: (2p)

- Hoàn thành bài văn nghị luận theo đề trên.
- Hoàn thiện bài viết cho đề bài sau: *Nhân vật ông Hai trong truyện “Làng” của*
- Tiết sau: Ôn tập truyện

TUẦN 30

TIẾT 145: LUYỆN TẬP LÀM BÀI NGHỊ LUẬN VỀ TÁC PHẨM TRUYỆN
(HOẶC ĐOẠN TRÍCH)

TIẾT 146: ÔN TẬP VỀ TRUYỆN

TIẾT 147,148: BỐ CỬA XI –MÔNG

TIẾT 149: TỔNG KẾT VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

TIẾT 144,145	LUYỆN TẬP LÀM BÀI NGHỊ LUẬN VỀ TÁC PHẨM TRUYỆN (HOẶC ĐOẠN TRÍCH)	NS: 31/3/2024

I. Mục tiêu cần đạt

1. Kiến thức:

- Đặc điểm, yêu cầu và cách làm bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích)

2. Năng lực:

- **Năng lực chung:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực nhận thức, tư duy logic

- **Năng lực chuyên biệt :** Năng lực sử dụng ngôn ngữ, sử dụng Tiếng Việt, cảm thụ văn học, cảm thụ thẩm mỹ....

3. Phẩm chất:

- Qua hoạt động, luyện tập cụ thể mà nắm vững, thành thạo thêm kỹ năng tìm ý, lập ý, kỹ năng viết 1 bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) theo cảm xúc của bản thân.

*Tích hợp: Có ý thức vận dụng vào bài viết.

II. Chuẩn bị :

Gv : SGK, TKBG, Nội dung luyện tập - Bảng phụ

HS : SGK, Chuẩn bị ở nhà theo yêu cầu

III. Tiến trình lên lớp:

1. Hoạt động khởi động (2 phút)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Chúng ta đã tìm hiểu kiểu bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích), đặc biệt, chúng ta đã nắm được các bước làm và bố cục của kiểu bài này -Dẫn nhập nội dung bài học.	Lắng nghe	

2.Hoạt động hình thành kiến thức (8 phút)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS và định	Nội dung

	hướng.	
1. Ôn lý thuyết: Nhắc lại khái niệm? - Các bước làm bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích)?	<i>HD độc lập</i> Là trình bày những nhận xét, đánh giá của mình về nhân vật, sự kiện, chủ đề hay nghệ thuật của một tác phẩm cụ thể. Hs nhắc lại ghi nhớ. Thực hiện 4 bước: Tìm hiểu đề và tìm ý, lập dàn bài, viết bài, đọc lại và sửa chữa.	I. Ôn lý thuyết:

3. Luyện tập (68 phút)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
- Gv hướng dẫn HS tìm hiểu đề và tìm ý cho đề bài “Cảm nhận của em về đoạn trích truyện “Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng <i>Giao nhiệm vụ:</i> ? Đề yêu cầu nêu lên vấn đề gì? Cần chú ý đến các từ nào trong đề để định hướng đúng phương hướng làm bài ? ? Nghị luận về vấn đề gì? - Gv hướng dẫn HS tìm ý <i>Giao nhiệm vụ:</i> Tìm và phân tích các chi tiết đặc sắc về cử chỉ, hành động, lời nói, diễn biến tâm trạng ... của nhân vật. ? Thái độ và tình cảm, hành động của bé Thu trong những ngày ba em về thăm nhà? ? Tâm trạng, thái độ và hành động của ông Sáu	- HS đọc đề bài SGK/68 - <i>HS thảo luận nhóm đôi:</i> + Đề yêu cầu nghị luận về 1 đoạn trích, tác phẩm truyện. - Cần chú ý đến từ “cảm nhận” - Nhận xét, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích. <i>HD nhóm lớn, ghi kq thảo luận vào bảng nhóm</i> * Bé Thu + Thái độ : không nhận ba, không nhận sự chăm sóc của ba, thái độ và hành động khi chia tay ba * Ông Sáu	II. Nội dung luyện tập: 1. Tìm hiểu đề 2. Tìm ý

đối với bé Thu? ?Đánh giá về nội dung, nghệ thuật? - Theo dõi, lắng nghe, nhận xét, đánh giá - GV hướng dẫn HS luyện tập làm dàn ý từ khái quát đến chi tiết GV chỉ định HS trình bày dàn ý. GV nhận xét, sửa lỗi (sắp xếp luận cứ ...)	+ Trong đợt nghỉ phép :... + Sau khi nghỉ phép:Làm cây lược ngà tặng con,..., mong được gặp con - Nội dung : tình phụ tử sâu sắc, cảm động ... - Nghệ thuật : cốt truyện chặt chẽ, tình huống bất ngờ ... <i>Lắng nghe, nhận xét, bổ sung HĐ nhóm 4, lập dàn ý cho đề bài</i> HS lập dàn ý theo mẫu và bằng cảm thụ sâu sắc về tác phẩm mà tìm ra các luận cứ, sắp xếp thành hệ thống mạch lạc, sinh động để làm sáng tỏ ý kiến, nhận xét của mình. Hoàn cảnh lịch sử cụ thể của miền Nam nước ta trước đây khiến cho nhiều người như ông Sáu phải xa gia đình và chịu nhiều hi sinh, mất mát. Tình cha con diễn biến đầy xúc động khi ông Sáu trở về.(cử chỉ, hành động, lời nói, diễn biến tâm trạng của hai nhân vật) Nghệ thuật tạo tình huống, cách trần thuật, cách lựa chọn chi tiết... - HS tự sửa lỗi theo hướng dẫn	3. Lập dàn ý a.Mở bài: Giới thiệu đoạn trích “Chiếc lược ngà” của N.Q.Sáng và tình cha con của ông Sáu - bé Thu. b.Thân bài: - Giới thiệu ngắn gọn cốt truyện. - các nhân vật chính: + Nhân vật bé Thu... + Nhân vật ông Sáu... - Những thành công về nghệ thuật của tác phẩm. c.Kết bài: Ấn tượng chung về tác phẩm. 4. Sửa lỗi

4. Vận dụng (10p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
Viết đoạn văn mở bài, giới thiệu một đoạn trích, 1 tác phẩm truyện đã học mà em thích	Thực hành	

* Hướng dẫn tự học: (2p)

- Hoàn thành bài văn nghị luận theo đề trên.
- Hoàn thiện bài viết cho đề bài sau: *Nhân vật ông Hai trong truyện “Làng” của*
- Tiết sau: Ôn tập truyện

TIẾT 146	ÔN TẬP VỀ TRUYỆN	NS: 1/4/2024

I/ Mục tiêu cần đạt: *Giúp HS:*

1. Kiến thức:

- Đặc trưng của thể loại qua các yếu tố nhân vật, sự việc, cốt truyện.
- Những nội dung cơ bản của tác phẩm truyện hiện đại Việt Nam đã học.
- Những đặc điểm nổi bật của các tác phẩm truyện đã học

2. Năng lực:

+ **Năng lực chung:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực nhận thức, tư duy logic

+ **Năng lực chuyên biệt:** Rèn kĩ năng tổng hợp, hệ thống hoá kiến thức

3. Phẩm chất: Củng cố hiểu biết về thể loại truyện.

II. Chuẩn bị:

-Học sinh: hiện các yêu cầu trong tiết ôn tập truyện:

- + Lập bảng thống kê tất cả các tác phẩm truyện đã học theo mẫu sgk.
- + Trả lời các câu hỏi 2,3,4,5,6 sgk
- + Nắm được cốt truyện các tác phẩm đã học.

-Giáo viên: bảng hệ thống hoá kiến thức, đọc và tóm tắt lại các truyện đã học theo chương trình NV 9.

III. Tiến trình dạy học.

1.Khởi động (3p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
1.Trò chơi nhìn hình đoán chữ - Gv trình chiếu chân dung nhà văn của các tác phẩm đã học - HS đọc đúng tên tác phẩm, thể loại -> Dẫn vào bài	Tham gia, cổ vũ trò chơi	

2.Hình thành kiến thức (22p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
1/Bảng hệ thống hoá các tác phẩm truyện đã học: (7p) -Lớp chia làm 5 nhóm thảo luận -Mỗi nhóm trình bày vào bảng nhóm những thông tin về một tác phẩm truyện đã học theo mẫu sgk -Gv nhận xét, chốt ý, trình chiếu bảng hệ thống chung: 2/Đất nước và con người VN trong	Thảo luận, trình bày	

năm truyện ngắn đã học: (5p) HS hoạt động nhóm đôi Gv theo dõi, đôn đốc, giúp đỡ Mỗi cặp đôi trình bày một tác phẩm 3/Hình ảnh đất nước và con người VN được miêu tả qua những nhân vật cụ thể: (3p) <i>HS hoạt động độc lập-</i> ->Gv chốt		

3.Luyện tập (13p)

-Nêu cảm nghĩ về một nhân vật mình có ấn tượng nhất:

HS chia làm 5 nhóm, vào bảng nhóm. Mỗi nhóm chọn phát biểu cảm nghĩ về 1 nhân vật

GV gợi dẫn, hs phát biểu thành lời nhân vật mình yêu thích.

Cả lớp theo dõi, nhận xét và góp ý hoàn thiện.

Gv tổng hợp các ý kiến và nhận xét chung.

HS về viết bt này vào vở.

- Các ngôi kể sử dụng trong các tác phẩm: chủ yếu là ngôi 1 (xưng tôi, chúng tôi) và ngôi ba (người kể giấu mình)

* Những truyện có nhân vật kể xuất hiện trực tiếp:

- Chiếc lược ngà

- Những ngôi sao xa xôi.

Ưu điểm của cách kể này: người kể thể hiện sâu sắc những suy nghĩ và cảm xúc của mình, bày tỏ những tâm tư tình cảm của bản thân.

- Những truyện sáng tạo tình huống truyện đặc sắc:

- Làng, Chiếc lược ngà.

4. Vận dụng (5p): Tóm tắt một văn bản đã học? – tóm tắt bằng lời

***Hướng dẫn tự học (2p)**

- Học và nắm được nội dung, nghệ thuật của tất cả các tác phẩm truyện đã học.

- Viết các đoạn văn phts biểu cảm nghĩ về các nhân vật:

+ Ông Hai trong “*Làng*” của Kim Lân

+ Anh thanh niên trong “*lặng lẽ SaPa*” của Nguyễn Thành Long

+ Nhân vật Phương Định trong “*Những ngôi sao xa xôi*” Lê Minh Khuê

BẢNG THỐNG KÊ CÁC TÁC PHẨM TRUYỆN

Tên phẩm	T giả,	Năm tác	Nghệ thuật	Nội dung
Làng (truyện)	Kim Lân	1948	- Xây dựng tình huống truyện độc	-Qua tâm trạng đau xót, tủi hổ của ông Hai ở nơi tản cư khi nghe

ngắn)			đáo. - Miêu tả tâm lí nhân vật và ngôn ngữ nhân vật đặc sắc.	tin làng mình theo giặc Tây, truyện thể hiện tình yêu làng thống nhất với tình yêu nước và tinh thần kháng chiến của nhân dân.
Lặng lẽ SaPa (trích - truyện ngắn)	Nguyễn Thành Long	1970	- Xây dựng tình huống truyện hợp lí. - Cách kể chuyện tự nhiên, có sự kết hợp giữa tự sự, trữ tình và bình luận.	Cuộc gặp gỡ tình cờ của ông họa sĩ, cô gái mới ra trường với anh thanh làm việc tại một trạm khí tượng trên đỉnh Sapa. Qua đó ca ngợi con người lao động thầm lặng, có cách sống đẹp, cống hiến hết sức mình cho đất nước.
Chiếc lược ngà (trích - truyện ngắn)	Nguyễn Quang Sáng	1966	- Miêu tả tâm lí nhân vật và xây dựng tính cách nhân vật, đặc biệt là nhân vật bé Thu.	Câu chuyện éo le và cảm động về 2 cha con ông Sáu và bé Thu trong lần ông về thăm nhà và khu căn cứ. Qua đó ca ngợi tình cha con.
Những ngôi sao xa xôi (trích – T.ngắn)	Lê Minh Khuê	1971	- Cách kể chuyện tự nhiên, ngôn ngữ sinh động, trẻ trung và đặc biệt thành công về nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật.	- Qua cuộc sống, chiến đấu gian khổ của ba cô gái TNXP trên cao điểm nơi tuyến đường TS trong những năm chống Mỹ cứu nước, truyện làm nổi bật tâm hồn trong sáng, giàu mộng mơ, tinh thần lạc quan dũng cảm, tình đồng đội keo sơn của họ.

TIẾT 147,148	BỐ CỦA XI-MÔNG	NS: 2/4/2024

I/ Mục tiêu cần đạt: *Giúp HS:*

1. Kiến thức:

- Nỗi khổ của một đứa trẻ không có bố và những ước mơ, những khao khát của em

2. Năng lực:

+ Năng lực chung:

- Năng lực hợp tác: Thảo luận nhóm để hiểu nội dung văn bản .
- Năng lực giải quyết vấn đề
- Năng lực tự học.
- Năng lực đọc hiểu văn bản nghị luận.

+ Năng lực chuyên biệt:

- Đọc- hiểu một văn bản dịch thuộc thể loại tự sự.
- Phân tích diễn biến tâm lí nhân vật.
- Nhận diện được những chi tiết miêu tả tâm trạng nhân vật trong một văn bản tự sự

3. Phẩm chất:

- Giáo dục cho HS lòng yêu thương bạn bè và mở rộng ra là lòng yêu thương con người.

II/ Chuẩn bị:

-Học sinh: đọc văn bản và thực hiện các yêu cầu trong mục HDHB.

-Giáo viên: Toàn văn truyện Bố của Xi-mông trong tập: *Tuyển tập truyện ngắn Pháp* thế kỉ XIX, NXB đại học và THCN Hà Nội 1986; Chân dung Mô-Pa-xăng phóng to.

III/ Tiến trình lên lớp:

1.Khởi động (3p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
- GV: Trình chiếu một số hình ảnh về nước Pháp? - Yêu cầu Hs kể tên một số tác phẩm văn học Pháp đã học ở các lớp dưới? - HS: Lớp 6: Buổi học cuối cùng của Đô-đê. Lớp 7: Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục của Mô-li-e. Lớp 8: Đi bộ ngao du của Ru-xô. - GV: Mô-pa-xăng là nhà văn Pháp cùng thời với Đô-đê, học Mô-pa-xăng cũng là học truyện ngắn như khi học	Quan sát, kể tên	

Nhóm 2- đoạn 2 Nhóm 3- đoạn 3 Nhóm 4- đoạn 4		
Phiếu học tập 1- nhóm 1 - Đoạn văn kể, tả chuyện gì? cảnh gì? - Xi-mông ra bờ sông để làm gì? Vì sao? - Vì sao em bỏ ý định nhảy xuống sông tự tử? - Nỗi đau đớn của Xi-mông được nhà văn khắc họa như thế nào qua ý nghĩ, tâm trạng và cách nói năng của em? -Liệt kê các lần Xi-mông khóc Em hiểu gì về tâm trạng Xi-mông lúc này? Phiếu học tập 2 – nhóm 2 Yêu cầu hs đọc diễn cảm đoạn 2 và trả lời các câu hỏi sau: - Xi-mông tỏ thái độ như thế nào khi bất ngờ gặp bác Phi-lip ở bờ sông? - Câu trả lời nghẹn ngào trong tiếng khóc chứng tỏ tâm trạng gì của em lúc này? Nhóm 3: đọc đoạn văn 3: - Khi gặp mẹ, tại sao bé lại khóc? - Những câu nói, câu hỏi của bé với chú Phi-líp nói lên điều gì? Nhóm 4: đọc đoạn văn 4: -Tác giả đặt Xi-mông	Nhóm 1: đọc đoạn văn 1 - Đoạn văn kể và tả chuyện đau buồn của Xi-mông. - Em ra bờ sông để tự tử. - Vì lũ bạn trêu chọc em là không có bố. - Em đã gặp Bác Phi-lip và những lời khuyên của Bác nên đã không tự tử. - Tác giả sử dụng các biện pháp: miêu tả cảnh, tả diễn biến tâm lí nhân vật qua hành động, cử chỉ. - Nhận xét chung về tâm trạng nhân vật Xi-mông. Nhóm 2 : Đọc đoạn 2 và trả lời các câu hỏi của GV: - Xi-mông được dịp trút hết sự đau khổ phiền muộn trong lòng mình. - Câu “Cháu không có bố” được lặp lại hai lần chứng tỏ lời khẳng định tuyệt vọng của bé. Nhóm 3: đọc đoạn văn 3 và trả lời - Bé khóc vì mẹ, vì tủi hổ, đau đớn do không có bố. - Những câu hỏi và nói với chú Phi-líp chứng tỏ em có một khát khao mãnh liệt muốn có	-Khao khát muốn có một ông bố thực sự. - Kiêu hãnh,tự tin khi được bác Phi-lip nhận làm bố => Đứa trẻ nhút nhát nhậy cảm song rất có nghị lực

vào tình huống nào? -Em ấy đã xử sự như thế nào? Tâm trạng của Xi-mông đã thay đổi ntn ở đoạn cuối? - Nhận xét về nhân vật Xi-mông và giải thích vì sao? Chuyển tiết 2 <i>Chuyển giao nhiệm vụ học tập:</i> <i>-Nhóm 1,3: tìm hiểu về nhân vật B lăng sốt</i> <i>Phiếu học tập 1:</i> Nhân vật B lăng-sốt được giới thiệu qua những chi tiết nào? (ngôi nhà, thái độ của chị đối với khách, nỗi lòng của chị khi nghe con nói). Bảg phụ. - Theo em, chị B lăng-sốt có phải là người xấu không? Vì sao? - Việc tác giả miêu tả hình dáng của chị qua cái nhìn của bác Phi – líp có ý nghĩa gì? - Thái độ và tình cảm của chị được diễn tả như thế nào khi ôm con vào lòng? - Ta có thể hiểu gì về người mẹ trẻ này? - <i>Những trường hợp như chị, trong cuộc sống của chúng ta có không? (GV liên hệ nhẹ nhàng).</i>	một người bố. <i>Nhóm 4: đọc đoạn văn 4:</i> - Đọc đoạn văn cuối, tìm hiểu thái độ của Xi- mông và sự trêu chọc của lũ bạn Đã thay đổi khác trước (kiêu hãnh, tự tin). - Hết cả buồn. - Đưa con mắt thách thức lũ bạn. - Nhận xét về Xi-mông Nhận nhiệm vụ, hoạt động theo nhóm <i>Nhóm 1,3:thực hiện theo yêu cầu phiếu học tập 1</i> Ngôi nhà quét vôi trắng, hết sức sạch sẽ. - Đứng nghiêm nghị trước cửa nhà mình như muốn cấm đàn ông bước qua ngưỡng cửa. - Chứng tỏ chị không phải là loại con gái lờ làng, sống buông thả. - Chị hồ thẹn, lặng ngắt, quàng quai, chị phải dựa và tường mà thổn thức, khóc không thành tiếng.	2. Nhân vật Bảg-sốt: Qua diễn biến tâm trạng của chị, ta thấy chị là một người phụ nữ xinh đẹp, đức hạnh, thương con. 3. Bác Phi-líp:

<i>Nhóm 2,4: tìm hiểu nhân vật Phi lip</i> <i>Phiếu học tập 2</i> Phi- lip được tả qua chi tiết nào? - Nêu lên diễn biến tâm trạng của Phi-lip qua các giai đoạn: khi gặp Xi-mông, trên đường đưa Xi-mông về nhà, khi gặp chị Blăng-sốt, lúc đối đáp với Xi-mông? - Em thấy Phi-lip là người như thế nào? (GV: Tâm trạng của Xi-mông diễn biến từ buồn → vui, tâm trạng Blăng-sốt từ ngượng ngùng → đau khổ → quẫn quai, hổ thẹn. Diễn biến tâm trạng của bác thợ rèn Phi-lip thì vừa phức tạp, vừa bất ngờ). Gv theo dõi, đôn đốc, giúp đỡ Lắng nghe HS trình bày Nhận xét chốt ý Nêu những thành công về nghệ thuật? - Khái quát giá trị nội dung của truyện? - Qua thái độ và cử chỉ của lũ bạn đối với hoàn cảnh đáng thương của Xi-	<i>Nhóm 2,4: thực hiện theo yêu cầu phiếu học tập 2</i> Một người thợ rèn cao lớn, râu tóc đen, quăn, vẻ mặt nhân hậu Diễn biến tâm trạng: + <i>Khi gặp Xi-mông</i>: tìm cách an ủi... + <i>Trên đường đưa Xi-mông về nhà</i>: nghĩ bụng có thể đùa cợt với chị Blăng-sốt. + <i>Khi gặp chị</i>: ý nghĩ kia không còn nữa. + <i>Lúc đối đáp với Xi-mông</i>: vui lòng nhận làm bố Xi-mông. - Có tấm lòng nhân hậu, yêu thương con người. - Miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật thông qua ngôn ngữ, hành động. - Tình tiết truyện bất ngờ, hợp lí. Thảo luận.	- Một con người lao động lương thiện, yêu nghề, một người đàn ông nhân hậu, giàu tình thương III. Tổng kết: Nghệ thuật: Miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật. Tình tiết truyện bất ngờ, hợp lí. Nội dung. Ý nghĩa: Ca ngợi tình yêu thương, lòng nhân hậu của

mông, tác giả muốn nhắn nhủ chúng ta điều gì ? GV chốt ý, rút ra ghi nhớ.	Hs đọc ghi nhớ.	con người. Ghi nhớ sgk.

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP: (5p)

Viết đoạn văn ngắn nêu cảm nhận về nhân vật Phi líp?

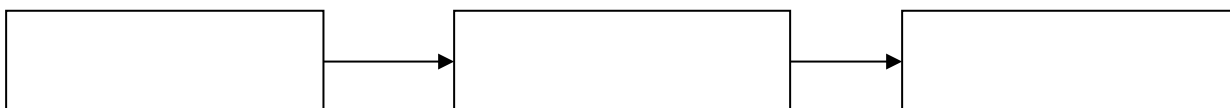
HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (5p)

Yêu cầu HS điền các thông tin vào sơ đồ cho thích hợp

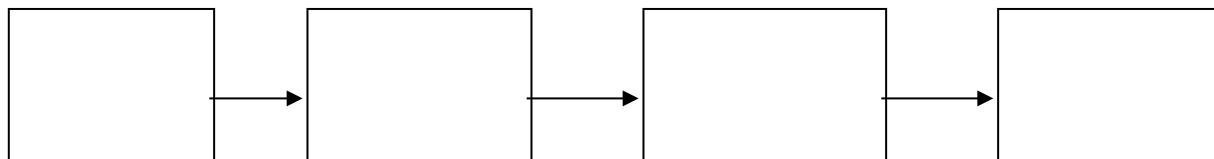
1. Xi-mông: Buồn tủi, tuyệt vọng / ngạc nhiên tự tin / mãn nguyện, hạnh phúc.



2. Chị Băng-sốt: Ngập ngừng / Đau khổ / Xấu hổ quần quai.



3. Bác Phi-líp: Ngạc nhiên / Cảm thông / Cười cợt / Nghiêm túc.



***Hướng dẫn tự học 2p**

- Kể tóm tắt câu chuyện
- Phân tích diễn biến tâm trạng và phát biểu cảm nghĩ về một nhân vật văn học.
- Soạn bài mới: Tổng kết văn học nước ngoài

TIẾT 149	TỔNG KẾT VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI	NS: 3/4/2024

I/ Mục tiêu cần đạt: Giúp HS:

1. Kiến thức:

- Hệ thống kiến thức về các tác phẩm văn học nước ngoài đã học

2. Năng lực:

-Năng lực chung:

+ Năng lực hợp tác: Thảo luận nhóm để tìm hiểu văn bản.

+ Năng lực tự học.

+ Năng lực giải quyết vấn đề

-Năng lực chuyên biệt :

- Tổng hợp hệ thống kiến thức về các tác phẩm văn học nước ngoài đã học

- Rèn kĩ năng hệ thống hoá, so sánh, đối chiếu, rút ra điểm chung, riêng và kết luận.

- Liên hệ với những tác phẩm văn học VN có cùng đề tài.

3. Phẩm chất:

- Có ý thức ôn tập tốt, yêu thích học các tác phẩm văn học nước ngoài

II/ Chuẩn bị:

- Học sinh: lập bảng hệ thống hoá; trả lời một số câu hỏi ôn tập trong sgk.
- Giáo viên: bảng phụ, nam châm, bút dạ.

III/Tiến trình lên lớp:

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5p)

Trò chơi nhận biết

-Lớp chia làm 2 đội

-Mỗi đội lần lượt được trả lời 1 câu theo thứ tự A-B. Nếu trả lời đúng sẽ ghi 1 điểm, nếu trả lời sai đội khác sẽ trả lời và chuyển điểm đó cho bạn

*Câu hỏi gợi ý:

1. “Buổi học cuối cùng” là của nhà văn nào? –*An-phông –xơ Đô –đê*

2. Một bút kí của nhà văn Liên xô- E-ren-bua? *Lòng yêu nước*

3. Là nhà thơ của Trung Quốc, được mệnh danh là tiên thơ. Ông là ai? *Lí Bạch*

4. *Trẻ đi già trở lại nhà-Giọng quê không đổi tóc đà khác bao*

Là những câu thơ trích từ bài thơ nào đã học ở lớp 7? – *Ngẫu nhiên viết... về quê*

5. Bơ-men là nhân vật chính trong tác phẩm nào? *Chiếc lá cuối cùng*

6. Mây và sóng của Ta-go thuộc thể loại nào? – *Thơ văn xuôi*

7. Đến từ Đan mạch, được mệnh danh là nhà văn của trẻ em. Ông là ai? *An-đéc-xen*

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (33P)

I. Lập bảng tổng kết các văn bản nước ngoài đã học.

Hs lập bảng, bổ sung cho hoàn chỉnh.

HS hoạt động theo nhóm:

-Nhóm 1: thống kê các tác phẩm văn học nước ngoài ở chương trình lớp 6

-Nhóm 2: thống kê các tác phẩm văn học nước ngoài ở chương trình lớp 7

-Nhóm 3: thống kê các tác phẩm văn học nước ngoài ở chương trình lớp 8

-Nhóm 4: thống kê các tác phẩm văn học nước ngoài ở chương trình lớp 9

GV theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ các nhóm hoàn thành nhiệm vụ

Mỗi nhóm cử đại diện trình bày

HS theo dõi nhận xét, góp ý bổ sung

GV đánh giá chung, chốt ý bằng bảng phụ

TT	Tác phẩm	Tác giả	Nước	Thế kỉ	Thể loại
1	Buổi học cuối cùng	Đô-đê	Pháp	XIX	Tr.ngắn
2	Lòng yêu nước	I. E-ren-bua	Liên xô	XIX	Bút kí CL
3	Xa ngắm thác núi Lư	Lí Bạch	Trung Quốc	VII-VIII	Thơ Đường
4	Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh	Lí Bạch	Trung Quốc	VII-VIII	Thơ Đường
5	Ngẫu nhiên viết...mới về quê	Hạ Tri Chương	Trung Quốc	VII-VIII	Thơ Đường
6	Bài ca nhà tranh bị gió thu phá	Đỗ Phủ	Trung Quốc	VII-VIII	Thơ
7	Cô bé bán diêm	An-đéc-xen	Đan Mạch	XIX	Tr.ngắn
8	Đánh nhau với cối xay gió	Xec-van-tét	Tây Ban Nha	XVI	Tiểu thuyết
9	Chiếc lá cuối cùng	O. Hen-ri	Mĩ	XIX	Tr.ngắn
10	Hai cây phong	Ai-ma-tốp	Liên Xô	XX	Tr.ngắn
11	Đi bộ ngao du	Ru-xô	Pháp	XVIII	Tiểu thuyết
12	Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục	Mô-li-e	Pháp	XVII	Hài kịch
13	Cố hương	Lỗ Tấn	Trung Quốc	XX	Tr.ngắn
14	Mây và Sóng	Ta-go	Ấn Độ	XX	Thơ

15	Bố của Xi-mông	G. Mô-pa-xăng	Pháp	XIX	Tr.ngắn

Chuyển tiết 2

II. Ôn tập giá trị nội dung tư tưởng tình cảm:

GV nêu yêu cầu cần thực hiện, hướng dẫn và giao nhiệm vụ cho các nhóm:

- Những sắc thái về phong tục tập quán của nhiều dân tộc thế giới.
- Thiên nhiên và tình yêu thiên nhiên.
- Thương cảm với những số phận người nghèo khổ, khát vọng giải phóng họ.
- Hướng tới cái thiện chống cái ác, cái xấu
- Tình yêu quê hương đất nước.

III. Ôn tập giá trị nghệ thuật:

1. Những truyện dân gian: nghệ thuật kể chuyện, trí tưởng tượng, các yếu tố hoang đường.

Gv gọi từ 5-8 HS dựa vào nội dung mục ghi nhớ, nhắc lại giá trị nghệ thuật chủ yếu ở các bài đã học, chẳng hạn: *Mây và sóng, Những đứa trẻ, Bàn về đọc sách; Đánh nhau với cối xay gió...*

2. Thể loại:

* Thơ Đường: Với các tác giả: Hạ Tri Chương, Lí Bạch, Đỗ Phủ.

* Thơ văn xuôi: Ta – Go.

* Bút kí Chính luận: Ê - ren – bua

* Hải Kịch: Mô - li – e.

* Phương thức tự sự mang đậm chất trữ tình: Ai - ma - tốp; Đô - đê, Go - rơ - ki, Lỗ Tấn....

* Các kiểu văn nghị luận: Ru - xô ;Ten; Ê - ren - bua.

3. Phong cách sáng tác:

Phong cách sáng tác:

-Các tác phẩm VH nước ngoài đều mang đậm tính nhân văn và thể hiện rõ phong cách sáng tác của tác giả.

-Các ví dụ điển hình:

+O. Hen - ri qua truyện ngắn “Chiếc lá cuối cùng”. Với nghệ thuật hai lần đảo ngược tình huống đã đem lại những bất ngờ và bộc lộ rõ tính cách của nhân vật.

+Lỗ Tấn qua truyện ngắn Cố hương những dòng tự sự mang đậm cảm xúc trữ tình, những dòng hồi tưởng của nhân vật tôi trong tác phẩm là phong cách sáng tác độc đáo của tác giả.

+Mô - li - e qua đoạn trích “Ông Giuốc đanh mặc lễ phục” là cây đại thụ của hài kịch thế giới; qua cách thể hiện ngôn ngữ nhân vật đặc sắc đã tạo nên một bộ mặt thật của giới tư sản.

+Mô - pa - xăng qua đoạn trích đã học “Bố của Xi Mông”. Với nghệ thuật miêu tả diễn biến tâm trạng rất tinh tế đặc sắc của các nhân vật đã tạo nên sức hấp dẫn của truyện.

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (5p)

Phát biểu cảm nghĩ của em về một nhân vật hoặc một văn bản văn học nước ngoài mà em thích nhất bằng 1 đoạn văn khoảng 150 chữ

***Hướng dẫn tự học (2p)**

- Viết đoạn văn nghị luận về một tác phẩm truyện hoặc đoạn trích thuộc các tác phẩm văn học nước ngoài đã học (học sinh tự chọn tác phẩm).

TUẦN 31 TIẾT 150, 151: ÔN TẬP TIẾNG VIỆT LỚP 9 TIẾT 152,153, 154: ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KÌ 2		

TIẾT 150-151	ÔN TẬP TIẾNG VIỆT	NS: 6/4/2024

I. Mục tiêu cần đạt :

1. Kiến thức:

- Hệ thống kiến thức về khởi ngữ, các thành phần biệt lập, liên kết câu và liên kết đoạn, nghĩa tường minh và hàm ý.

2. Năng lực:

***Năng lực chung.**

- Năng lực hợp tác: Thảo luận nhóm để hiểu nội dung văn bản.
- Năng lực giải quyết vấn đề
- Năng lực tiếp nhận: đọc hiểu văn bản.
- Năng lực sử dụng CNTT

***Năng lực riêng.**

- Rèn kĩ năng tổng hợp và hệ thống một số kiến thức về phần tiếng Việt.
- Vận dụng những kiến thức đã học trong giao tiếp đọc- hiểu và tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:

- Không chỉ củng cố phần lý thuyết mà còn biết thông qua các tài liệu ngôn ngữ thực tế để hệ thống hóa lại các hiện tượng ngôn ngữ đã học.

II. Chuẩn bị :

- GV: Các BT trong SGK, bảng phụ.
- HS : Chuẩn bị nội dung các bài tập, bảng phụ.

III. Tiến trình lên lớp:

1. Khởi động: (5p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Em hãy nêu điều kiện sử dụng hàm ý? Xác định hàm ý trong câu sau: - Trời ơi, chỉ còn có năm phút. Chính là anh thanh niên giật mình nói to, giọng cười nhưng đầy tiếc rẻ. (Lặng lẽ Sa Pa- Nguyễn Thành Long) Kiểm tra sự chuẩn bị của HS ở nhà. Nhận xét. - GV: Phần tiếng Việt ở học kì 2 của lớp 9, các em đã học những nội dung gì?		

- HS: Khởi ngữ, các thành phần biệt lập, liên kết câu và liên kết đoạn văn, nghĩa tường minh và hàm ý. - GV: Hôm nay, chúng ta sẽ ôn lại để nắm một lần nữa các kiến thức trên.		

2. Hình thành kiến thức:(80 p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Bước 1: Ôn luyện kiến thức. Thế nào là thành phần khởi ngữ? Thế nào là thành phần biệt lập? Kể tên các thành phần biệt lập đã học? Nhắc lại khái niệm từng thành phần biệt lập? Bước 2: Thực hành luyện tập. BT 1: GV cho HS đọc BT 1 - Cho biết các từ in đậm trong các đoạn trích thuộc thành phần gì? - GV treo bảng phụ có ghi các từ in đậm lên bảng. - GV sửa và ghi bài giải lên bảng. BT2: Hướng dẫn HS viết đoạn văn giới thiệu truyện ngắn Bến quê , trong đó có sử dụng khởi ngữ và tình thái. - GV nhận xét bài viết của các nhóm.	Khởi ngữ là thành phần câu đứng trước chủ ngữ để nêu lên đề tài được nói đến trong câu. Không tham gia vào việc diễn đạt nghĩa sự việc của câu. Tình thái, cảm thán, gọi – đáp, phụ chú. Hs trả lời. HS đọc BT 1 SGK - Hoạt động độc lập - Nhận xét bạn trả lời. Ghi kết quả phân tích vào bảng tổng kết theo mẫu. HS đọc BT2, thảo luận nhóm nhỏ - viết vào giấy nháp - Đại diện nhóm trình bày - Cả lớp nhận xét. Đoạn văn gợi ý: Bến quê là truyện ngắn nổi tiếng của Nguyễn Minh Châu, xuất bản năm 1985. Có lẽ tác giả đã gói gắm rất nhiều những suy ngẫm của mình vào tác phẩm. Cảm	I. Khởi ngữ và các thành phần biệt lập: BT1: - Xây cái lãng ấy: (Khởi ngữ) - Dường như: (Tình thái) - Những người con gái sắp xa ta...(Phụ chú) - Thưa ông (Gọi đáp) - Vất vả quá (Cảm thán) BT2: Viết đoạn văn.

	động, đó là điều mà mọi người cùng nhận xét khi đọc câu chuyện này. Nhân vật chính trong những ngày cuối cùng của cuộc đời sao mà đáng thương thế. Anh đã từng khắp mọi nơi trên trái đất thế mà cái bến sông kia ngay cửa sổ nhìn ra lại chưa hề đặt chân tới, để rồi khắc khoải, tiếc nuối trước lúc ra đi.	
2.Hướng dẫn HS ôn tập phần liên kết câu và LK đoạn văn Bước 1: Ôn luyện kiến thức. Khái niệm về liên kết? Các kiểu liên kết? Bước 2: Luyện tập. BT1: Cho HS đọc BT - GV treo bảng phụ có ghi các từ in đậm trong các đoạn văn SGK theo thứ tự a,b,c - GV nhận xét và ghi bảng BT2: GV treo bảng phụ kẻ cột theo mẫu SGK BT3: Nêu rõ liên kết nội dung và hình thức của đoạn văn giới thiệu truyện ngắn Bến quê 3.Hướng dẫn ôn tập nghĩa tường minh và hàm ý: Bước 1: Ôn luyện kiến	Liên kết nội dung: - liên kết chủ đề. - Liên kết logic. Liên kết hình thức: - Phép lặp, phép thế, phép nối, phép đồng nghĩa, trái nghĩa và liên tưởng. Hoạt động độc lập - HS trả lời các từ đó thể hiện phép LK nào - HS cử đại diện nhóm lên điền các kết quả ở BT1 vào các cột - HS đối chéo vở cho nhau và nhận xét đoạn văn của bạn Nghĩa tường minh là phần thông báo được diễn đạt trực	II. Liên kết câu và liên kết đoạn văn : BT1: a/ Nhưng, nhưng rồi, và : (phép nối) b/ Cô bé : (phép lặp) Nó : (thế) c/ Thế : (phép thế) BT2: BT3: III- Nghĩa tường minh và hàm ý:

thức. Thế nào là nghĩa tường minh và hàm ý? Điều kiện sử dụng hàm ý? Bước 2: Luyện tập. BT1: Cho HS đọc truyện cười SGK và nêu câu hỏi: - Người ăn mày muốn nói điều gì qua câu nói in đậm cuối truyện? - Treo bảng phụ có câu in đậm BT 2: - Cho HS đọc BT2	tiếp bằng từ ngữ trong câu. Hàm ý là phần thông báo không được diễn đạt trực tiếp nhưng có thể suy ra từ những từ ngữ ấy. - HS đọc truyện cười - HĐ độc lập trả lời câu hỏi. HS đọc BT2 - Hoạt động nhóm nhỏ - Cử đại diện trả lời - Lớp nhận xét	BT1: - Hàm ý câu nói : Ở dưới đó là chỗ để cho các ông (nhà giàu BT2: a/ Hàm ý: đội bóng chơi không hay. (cố ý vi phạm phươg châm quan hệ) b/ Hàm ý: Chưa báo cho Nam và Tuấn (Vi phạm phươg châm về lượng)

4.Vận dụng. (3 p)

Cho Hs nhắc lại kiến thức đã học về khởi ngữ, các thành phần biệt lập, liên kết câu và liên kết đoạn văn, nghĩa tường minh và hàm ý.

***Hướng dẫn tự học(2 p)**

- Viết 1 đoạn văn ngắn , chủ đề tự chọn, có sử dụng các thành phần TV mà chúng ta vừa ôn tập.
- Liên hệ thực tế sử dụng câu có hàm ý.
- Chuẩn bị : ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KÌ 2

TIẾT 152-153-154	ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KÌ	NS: 21/4/2024

I. Mục tiêu.

1. Kiến thức.

- Giúp học sinh củng cố, khắc sâu một số kiến thức trọng tâm của các văn bản về nội dung cơ bản, nghệ thuật chính.
- Giúp học sinh cảm nhận được giá trị của một số câu thơ, hình ảnh thơ tiêu biểu trong các đoạn trích được trích học trong SGK ngữ văn 9.
- Giúp học sinh thấy được cái hay, đặc sắc trong dùng từ ngữ, xây dựng hình ảnh nghệ thuật.....

2. Năng lực:

- **Năng lực chung:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực nhận thức, tư duy logic.
- **Năng lực chuyên biệt :** năng lực sử dụng ngôn ngữ, sử dụng Tiếng Việt, đọc hiểu văn bản, cảm thụ văn học, cảm thụ thẩm mỹ, tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:

- + Giáo dục học sinh có thái độ ôn tập tích cực.
- + Yêu văn học.

II. CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Hệ thống hoá nội dung ôn tập, máy chiếu, máy tính

2. Chuẩn bị của học sinh: Xem lại các kiến thức đã học

III. Tiến trình tổ chức các hoạt động:

1. Khởi động (2p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Gv nêu mục tiêu tiết học	Lắng nghe	

2/ Hình thành kiến thức (42p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
1/Gv cung cấp những nội dung thi học kì theo hướng dẫn của sở : I. ĐỌC HIỂU (5đ) I. PHẦN ĐỌC HIỂU: Đọc đoạn trích và trả lời các câu hỏi liên quan đến các nội dung sau: - Phương thức biểu đạt (Tự sự, nghị luận, miêu tả, thuyết minh, biểu cảm)	Lắng nghe	

- Các thành phần biệt lập (Thành phần tình thái, cảm thán, phụ chú, gọi đáp) - Hàm ý - Biện pháp tu từ (so sánh, nhân hóa, ẩn dụ, điệp ...) - Nội dung đoạn trích - Bài học cho bản thân từ đoạn trích II. PHẦN LÀM VĂN: Nghị luận về bài thơ (đoạn thơ) - Bài thơ: Mùa xuân nho nhỏ - Bài thơ: Viếng lăng Bác - Bài thơ: Sang thu 2/ Yêu cầu hs nhắc lại các kiến thức liên quan	Nhắc lại	

3/ Luyện tập, vận dụng (90p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Thực hiện lập dàn ý cho các bài thơ trên	Thực hiện	

BÀI: MÙA XUÂN NHO NHỎ

Mùa xuân nho nhỏ (1980) là một trong những bài thơ tiêu biểu nhất của Thanh Hải được viết khi ông đang nằm trên giường bệnh. Bài thơ được Thanh Hải viết vào tháng 11 mùa đông năm 1980, khi còn nằm trên giường bệnh, một tháng trước lúc qua đời vì bệnh hiểm nghèo. Bài thơ là nỗi lòng của tác giả về yêu mến tha thiết với cuộc đời, đất nước mong muốn cống hiến góp mùa xuân nho nhỏ của mình vào mùa xuân của đất nước, dân tộc.

Cảm xúc trước mùa xuân thiên nhiên đất trời của tác giả (khổ thơ 1)

Bức tranh thiên nhiên mùa xuân rất đổi tươi đẹp:

Cảnh thiên nhiên nhẹ nhàng, nên thơ và màu sắc hài hòa gợi cảm : hoa tím, sông xanh, bầu trời cao rộng,...

Âm thanh : tiếng chim chiền chiện báo xuân về như kết tinh thành “từng giọt long lanh”

-> Ở đây tác giả đã sử dụng nghệ thuật đảo từ “mọc” và từ “một” tạo sự đột ngột để nói lên được vẻ đẹp và sức sống của hoa.

Cảm xúc và tấm lòng trân trọng của tác giả trước thiên nhiên, cuộc đời:

*Từng giọt long lanh rơi
Tôi đưa tay tôi hứng*

“Giọt long lanh” – hình ảnh thơ đa nghĩa, ở đây được hiểu theo nghĩa ẩn dụ chuyển đổi cảm giác, từ chỗ âm thanh được cảm nhận bằng thính giác chuyển sang cảm nhận bằng thị giác và xúc giác “đưa tay hứng”.

-> Câu thơ diễn tả cảm xúc say mê, ngây ngất, sự nâng niu trân trọng vẻ đẹp đất trời.

Cảm xúc trước mùa xuân của đất nước (khổ thơ 2, 3)

Sáng tạo của tác giả được thể hiện qua việc dùng từ “lộc” và hình ảnh “người cầm súng”, “người ra đồng”, “lộc giắt quanh lưng”, “lộc trải dài nương mạ” -> Sức sống mạnh mẽ, khí thế đi lên của dân tộc.

Hình ảnh lộc xuân trên “nương mạ” là hình ảnh đẹp về cuộc sống lao động kiến thiết đất nước của lực lượng sản xuất nhân dân

Hình ảnh người cầm súng trên đường ra trận mang trên vai cành lá ngụy trang, và niềm tin vào ngày mai hòa bình cho đất nước

Các từ láy “hối hả”, “xôn xao”, điệp từ “tất cả” với nhịp thơ nhanh, gấp, để chỉ nhịp sống lao động khẩn trương, tung bừng, niềm vui rạo rực lòng người.

Câu thơ so sánh “Đất nước như vì sao”: nâng đất nước lên tầm cao mới đẹp đẽ, kì vĩ khẳng định sự trường tồn bền vững

-> Qua đó, ta có thể thấy được nhà thơ tin tưởng và tự hào vào tương lai tươi sáng của đất nước cho dù trước mắt trải qua nhiều khó khăn, gian khổ.

Đất nước như vì sao

Cứ đi lên phía trước

Tác giả không quên nhắc nhở mọi người nhớ về những tháng ngày gian khổ trong chiến đấu, cách mạng

Phụ từ “cứ” kết hợp với động từ “đi lên” thể hiện quyết tâm cao độ, hiên ngang tiến lên phía trước dù khó khăn gian khổ.

-> Niềm tự hào đối với quê hương, đất nước mình, lạc quan tin tưởng vào sức sống, sự vươn lên mạnh mẽ của đất nước, dân tộc.

Ước nguyện chân thành, giản dị được cống hiến của tác giả (khổ 4 và 5)

Ta làm con chim hót

Ta làm một cành hoa

Ta nhập vào hòa ca

Một nốt trầm xao xuyến

“Ta làm” : khẳng định sự tự nguyện mang niềm vui đến cho cuộc đời.

“Ta làm con chim hót”, “làm cành hoa”, “một nốt trầm”: tác giả khao khát hóa thân thành những thứ bình dị để làm đẹp cho cuộc đời.

Đại từ “Ta”: vừa chỉ số ít, vừa chỉ số nhiều: vừa diễn tả niềm riêng và cái chung.

-> Đó vừa là tâm niệm chân thành của nhà thơ và cũng là khát vọng cống hiến cho đời chung của nhiều người, muốn góp sức mình làm nên mùa xuân đẹp tươi của thiên nhiên, của tạo vật của đất nước.

Các từ láy “lặng lẽ”, “nhỏ nhỏ” là cách nói khiêm tốn, chân thành của nhân cách sống cao đẹp khi hướng tới việc góp vào lợi ích chung của dân tộc một cách âm thầm và lặng lẽ.

Mùa xuân nhỏ nhỏ là một ẩn dụ đầy sáng tạo của nhà thơ khi thể hiện thiết tha, cảm động khát vọng được cống hiến và sống ý nghĩa.

Điệp từ “dù là” khiến âm điệu câu thơ trở nên thiết tha, lắng đọng:

*“Dù là tuổi hai mươi
Dù là khi tóc bạc”*

-> Sự cống hiến không kể tuổi tác.

=> Dù đang nằm trên giường bệnh nhưng tác giả vẫn tha thiết với cuộc đời, tâm niệm tràn đầy nhiệt huyết, mong muốn sống đẹp và hữu ích, tận hiến cho cuộc đời chung.

Ngợi ca quê hương đất nước qua điệu hát dân ca Huế (khổ cuối)

Cách gieo vần “bình, minh, tình” : thể hiện chất nhạc dân ca xứ Huế.

Cách gieo vần phối âm khá độc đáo : câu đầu và câu cuối kết thúc bằng hai thanh trắc hát, Huế.

-> Cả bài thơ giống như làn điệu dân ca Huế mượt mà, trữ tình và sâu lắng

Bài thơ khép lại với điệu Nam ai, Nam bình của xứ Huế để ca ngợi vẻ đẹp và nỗi niềm của người con xứ Huế. Khúc ca còn ngân vang mãi từ tâm hồn của người lạc quan, yêu đời, khát khao sống có ích.

Đánh giá về đặc sắc nghệ thuật: Thể thơ năm chữ, gần với các làn điệu dân ca. Bài thơ giàu nhạc điệu, âm hưởng nhẹ nhàng, thiết tha. Hình ảnh tự nhiên, giản dị kết hợp với hình ảnh giàu ý nghĩa biểu tượng khái quát. Câu từ chặt chẽ, sự phát triển tự nhiên của hình ảnh mùa xuân với các phép tu từ đặc sắc.

BÀI: VIẾNG LẶNG BÁC

1. Giới thiệu chung

- Tác giả: Viễn Phương (1928 – 2005): Thơ ông thường nhỏ nhẹ, giàu tình cảm, giàu chất mộng mơ ngay trong hoàn cảnh khốc liệt của chiến trường.

- Bài thơ: sáng tác trong dịp sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ kết thúc thắng lợi, đất nước thống nhất, lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng vừa khánh thành, Viễn Phương ra thăm miền Bắc, vào lăng viếng Bác Hồ và in trong tập thơ “Như mây mùa xuân” (1978).

2. Phân tích bài thơ

a. Cảm xúc của tác giả trước khi vào lăng viếng Bác:

Khổ thơ thứ nhất một lời thông báo thể hiện tâm trạng vô cùng xúc động của một người con từ miền Nam được ra viếng Bác.

“ Con...Bác ”

- Cách xưng hô trong gia đình của người con với cha mẹ. Câu thơ gọn như một lời thông báo, nhưng gợi ra tâm trạng xúc động của một người từ chiến trường miền Nam sau bao nhiêu năm mong mỏi bây giờ mới được ra viếng lăng Bác.

- Viếng: trang trọng, khẳng định sự thật Bác đã mất.
- Thăm: đến gặp gỡ, trò chuyện, hỏi han để biết được tình hình, tỏ sự quan tâm-> nói giảm, gọi sự gần gũi, thân mật => Bác chưa ra đi, Bác vẫn sống trong trái tim mọi người: Con về thăm Cha, thăm nhà Bác ở, thăm nơi Bác nằm.
- Hàng tre: Bát ngát, xanh xanh, bão táp mưa sa đứng thẳng hàng
- => Không chỉ tả thực, còn nhân hóa, liên tưởng tượng trưng
- => Hàng tre biểu tượng cho cây cối mang màu xanh đất nước, sức sống bền bỉ, dẻo dai của d/tộc đã tập trung về chung quanh Bác, canh cho giấc ngủ của Người.
- => Niềm xúc động thành kính.

Khổ thơ thứ hai:

Hai câu thơ đầu:

*“Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng
Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ”.*

- Mặt trời 1: Mặt trời trên lăng là một vật thể tự nhiên được dùng theo nghĩa thực để diễn tả hình ảnh ngày lại ngày từ sáng đến tối mặt trời chiếu trên lăng Bác => đem ánh sáng và sự sống cho mọi vật trên trái đất xong cũng có lúc bị mây che u ám
- Mặt trời trong lăng: Là một ẩn dụ, ví ngầm Bác như mặt trời rất đỏ nằm trong lăng luôn tỏa sáng, vĩnh hằng, có giá trị gọi cảm: ý nói Bác như ánh mặt trời soi đường chỉ lối cho cách mạng Việt Nam, xóa bỏ cuộc sống nô lệ tăm tối, đem hạnh phúc no ấm cho nhân dân, độc lập tự do cho Tổ Quốc.
- Câu thơ tiếp theo tả thực dòng người đi trong không gian hết sức đặc biệt - không gian thương nhớ vào viếng Bác:

*"Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ
Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân..."*

-"Kết tràng hoa...xuân" → ẩn dụ → sự sáng tạo của nhà thơ. Dòng người như vô tận vào viếng Bác trở thành tràng hoa dâng lên Bác với tấm lòng thành kính thiêng liêng.

b Cảm xúc của tác giả khi vào viếng lăng Bác:

- Khung cảnh và không khí thanh tĩnh như ngưng kết cả thời gian và không gian trong lăng:

*“Bác nằm trong giấc ngủ bình yên
Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền”
Vẫn biết trời xanh là mãi mãi
Mà sao nghe nhói ở trong tim!*

- "Bác nằm ...yên... dịu hiền" → Bác nằm thanh thản như đang ngủ- một giấc ngủ rất đời bình yên trong ánh sáng dịu như vầng trăng trong lăng.
- “Giấc ngủ bình yên”: nói giảm nói tránh nhằm giảm đi nỗi đau, vừa thể hiện thái độ nâng niu, trân trọng giấc ngủ của Bác.

- “vàng trắng sáng dịu hiền”: nhân hóa chỉ ánh đèn tỏa ra từ lãg, đó cũng là ẩn dụ chỉ vẻ đẹp tâm hồn thanh cao của Người.

- Niềm biết ơn thành kính dần chuyển sang sự xúc động nghẹn ngào khi tác giả nhìn thấy Bác: “Trời xanh”- ẩn dụ Bác trường tồn, vĩnh hằng cùng non sông đất nước.

=> Nhà thơ dùng nghệ thuật ẩn dụ chuyển đổi cảm giác “nghe nhói ở trong tim”, nhà thơ như nghe thấy nỗi đau cứ nhức nhối như cắt cứa trong tim mình.

c. Cảm xúc của tác giả khi rời lãg:

- “Mai về miền Nam thương trào nước mắt”: cảm xúc trực tiếp lưu luyến không muốn rời xa.

- Phép liệt kê, ẩn dụ “con chim, đóa hoa, cây tre” cùng với điệp ngữ “muốn làm”: niềm dâng hiến tha thiết, mãnh liệt, muốn làm một điều gì đó vì Bác.

- Hình ảnh cây tre được lặp lại tạo kết cấu đầu cuối tương ứng: Muốn làm con chim hót .. đóa hoa tỏa hương , cây tre trung hiếu → được bên Bác canh giấc ngủ cho Người

=> Chủ thể “con” đến đây không xuất hiện thể hiện ước nguyện này không phải của riêng tác giả mà là của tất cả mọi người, của dân tộc ta đối với Bác.

=> Tâm trạng lưu luyến, mong ước được ở mãi bên Bác.

BÀI: SANG THU

1. Giới thiệu chung

- Giới thiệu vài nét về tác giả Hữu Thỉnh- là một nhà thơ viết nhiều và viết rất hay về con người, cuộc sống nông thôn- một nhà thơ mộc mạc nhưng vô cùng tinh tế.

- Giới thiệu vài nét về bài thơ “Sang thu”: bài thơ miêu tả những chuyển biến nhẹ nhàng của đất trời từ hạ sang thu, không chỉ có hình ảnh thiên nhiên mà còn có bóng dáng con người trước mùa thu của cuộc đời.

2. Thân bài

a. Khổ 1: Cảm nhận về thiên nhiên lúc giao mùa, tín hiệu báo thu về

Thiên nhiên cảm nhận từ những gì vô hình- “hương ổi”: hương thơm bình dị của làng quê Bắc Bộ mà bất cứ ai cũng đã từng cảm nhận mỗi dịp chớm thu.

“Gió se”: gió heo may, khiến làn da cảm nhận được hơi lạnh và khô.

“phả”: gợi sự sánh, hòa quyện, hương thu hòa trong làn gió se trải đều khắp các ngõ ngách làng quê.

Nhân hóa “sương chùng chình”: tả làn sương mỏng nhẹ bắt đầu xuất hiện, có lẽ làn sương cũng như cố chậm lại có vẻ dè dặt chờ ai.

⇒ Những chuyển biến của không gian được tác giả cảm nhận bằng nhiều giác quan tinh tế: khứu giác (hương ổi), xúc giác (gió se), thị giác (sương chùng chình) và bằng tâm hồn (hình như thu đã về?).

⇒ Con người quanh năm bận rộn thấm thoát thu đã đến, cái ngõ mà sương chùng chình chưa muốn qua có lẽ là cái ngõ của cuộc đời vào thu.

b. Khổ 2: Quang cảnh đất trời vào thu

Không gian đất trời vào thu bằng những dấu hiệu và hình ảnh: “sông dềnh dàng”, “chim vội vã”: Sông cạn nước đã chảy chậm hơn, đàn chim đã bắt đầu bay đi tránh rét.

“sông dềnh dàng”, “chim vội vã”, “mây vắt nửa mình”: Phép nhân hóa => từ những dấu hiệu vô hình giờ đây hữu hình, không gian đất trời mở ra nhiều tầng bậc khác nhau.

Phép nhân hóa “mây vắt nửa mình”: những đám mây xanh mỏng lững lờ bàng lảng như một dải lụa nửa nghiêng về mùa hạ nửa ngã về mùa thu.

⇒ Con người vừa muốn níu kéo cái rực rỡ của mùa hè vừa muốn vội vã làm việc gì chưa xong khi mùa thu chưa chiều.

c. Khổ 3: Những biến chuyển âm thầm của tạo vật và suy ngẫm về cuộc đời người lúc chớm thu

Dần sang thu, nắng vẫn còn nhưng đã nhạt, mưa ít đi, sấm cũng bớt đi, “hàng cây đứng tuổi”- nhân hóa chỉ những cây cổ thụ già, lâu năm.

⇒ Tín hiệu mùa hạ vẫn còn nhưng đã nhạt dần.

Lớp nghĩa ẩn dụ đem đến cho bài thơ sự đặc sắc: Sấm là những biến đổi bất thường, hàng cây đứng tuổi chỉ những con người từng trải sẽ vững vàng hơn.

3. Tổng kết

- Tổng kết những thành công về nội dung nghệ thuật:

Cách sử dụng từ ngữ độc đáo, cảm nhận tinh tế, giọng thơ êm đềm sử dụng các biện pháp tu từ quen thuộc.

Cảm nhận về những biến chuyển nhẹ nhàng của khoảnh khắc giao mùa từ hạ sang thu ở miền Bắc.

***Hướng dẫn tự học (1p)**

- Ôn tập kĩ những nội dung có trong đề kiểm tra
- Tìm văn mẫu tham khảo cách làm bài NL về thơ (đoạn thơ).
- Tiết sau học: Tổng kết về ngữ pháp

TUẦN 32 TIẾT 155-156: TỔNG KẾT VỀ NGŨ PHÁP TIẾT 157-158: TỔNG KẾT VỀ NGŨ PHÁP (TT)		
TIẾT 155-156	TỔNG KẾT NGŨ PHÁP	NS: 21/3/2024

I. Mục tiêu cần đạt: Giúp HS:

1. Kiến thức:

- Hệ thống kiến thức về các từ loại và cụm từ (danh từ, động từ, tính từ, cụm DT, cụm ĐT, cụm TT và các từ loại khác.

2. Năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực nhận thức, tư duy logic

- Năng lực chuyên biệt : Năng lực sử dụng ngôn ngữ, sử dụng Tiếng Việt, đọc hiểu văn bản, cảm thụ văn học, cảm thụ thẩm mỹ.

3. Phẩm chất:

- Yêu ngôn ngữ dân tộc, cần trọng trong dùng từ, đặt câu.

II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:

1. Giáo viên: Thiết kế bài dạy Ngữ văn 9, phiếu học tập, bảng phụ...

2. Học sinh: Sách Ngữ văn 9, bảng nhóm, bảng con...

III. Tiến trình dạy học.

1. Khởi động (3p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
- Kể tên các từ loại đã học? - Những loại cụm từ đã học? - Dẫn nhập nội dung bài học	- Động từ, danh từ, tính từ, số từ, đại từ, lượng từ, trợ từ... - Cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ	

2. Hoạt động hình thành kiến thức (87 phút)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Hệ thống từ loại tiếng Việt: - Giao nhiệm vụ cho các nhóm: Hỏi đáp tìm hiểu về danh từ, động từ, tính từ. - Danh từ, động từ, tính từ thường đứng sau những từ nào? - Giao việc cho các nhóm.: làm	- Cử đại diện hỏi và chỉ định người trả lời.	A- HỆ THỐNG TỪ LOẠI TIẾNG VIỆT: I/ Danh từ, động từ, tính từ: 1. Khái niệm; 2. Bài tập:

[illegible]

cụm DT, cụm ĐT, cụm TT - GV chia nhóm theo tổ làm BT SGK + Nhóm 1,2: bài tập 1. + Nhóm 3 : bài tập 2 + Nhóm 4 : bài tập 3 -GV gọi đại diện các nhóm lên trình bày	từ những, số từ một đứng trước. b. Có lượng từ những đứng trước. c Có thể thêm lượng từ những vào trước. BT2:Dấu hiệu nhận biết: a. Có các phó từ đã, sẽ, sẽ đứng trước. b. Có phó từ vừa đứng trước. BT3:Dấu hiệu nhận biết: a. Có từ rất đứng trước.	c/ tiếng. BT2: Thành tố chính là động từ: a/ đến, chạy, ôm b/ lên. BT3: Thành tố chính là Tính từ

3. Hoạt động luyện tập, vận dụng (5 phút)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Phát mỗi nhóm 1 đoạn văn, yêu cầu HS thảo luận, ghi ra các cụm từ có trong đoạn văn đó - Viết đoạn chủ đề tự chọn, chỉ ra ít nhất 3 cụm từ đã học có trong đoạn văn đó. - Nhận xét, bổ sung.	-Thảo luận nhóm, thực hiện theo yêu cầu. - Trình bày và hoàn thiện.	

5. Hoạt động tìm tòi mở rộng (3 phút)

- GV cho HS nhắc lại kiến thức về các từ loại và về cụm từ bằng bản đồ tư duy

* Hướng dẫn tự học (2P)

- Nắm lại kiến thức về từ loại và các cụm từ đã học
- Viết đoạn văn chỉ ra các từ đã học có trong đoạn văn đó

TIẾT 157-158	TỔNG KẾT NGỮ PHÁP	NS: 21/3/2024

I/ Mục tiêu cần đạt: *Giúp HS:*

1. Kiến thức:

- Hệ thống kiến thức về câu (Các thành phần câu, các kiểu câu, biến đổi câu)

2. Năng lực:

+ **Năng lực chung:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực nhận thức, tư duy logic

+ **Năng lực chuyên biệt:**

- Tổng hợp kiến thức về câu.

- Nhận biết và sử dụng thành thạo những kiểu câu đã học

3. Phẩm chất:

- Vận dụng những kiến thức ngữ pháp để tạo lập văn bản đúng và hay.

II/ Chuẩn bị:

- Học sinh: Soạn bài và làm các bài tập

- Giáo viên: Hướng dẫn hệ thống kiến thức, bảng phụ.

III/ Tiến trình lên lớp:

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5p)

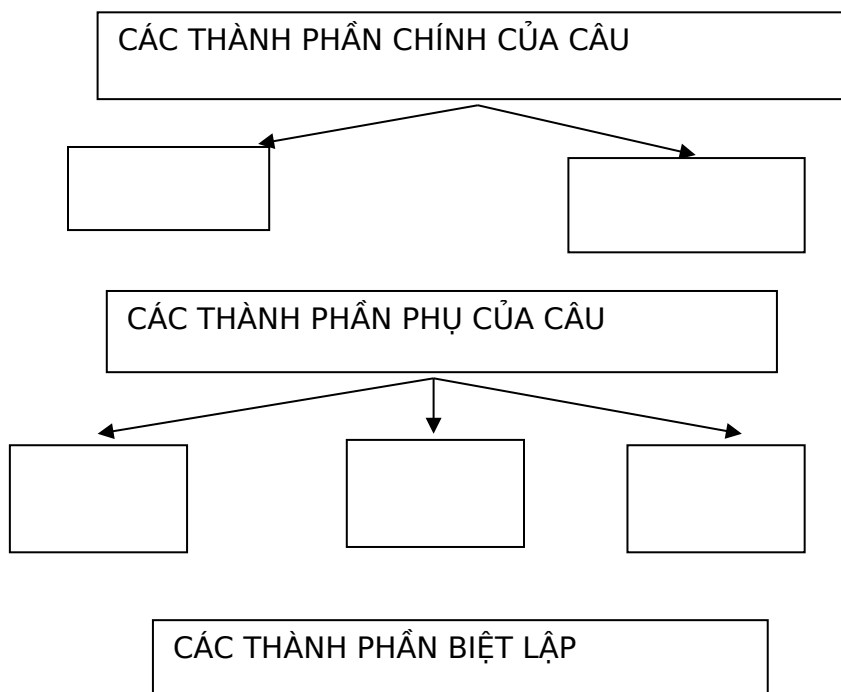
- Nêu mục tiêu cần đạt

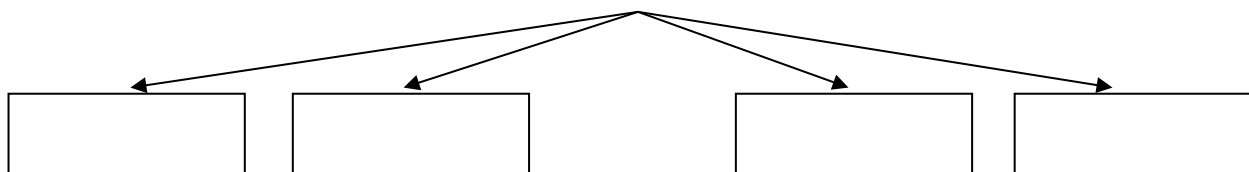
- GV: Vừa qua, chúng ta đã ôn tập những nội dung gì?

- HS: Từ loại và cụm từ.

- GV: Hôm nay, chúng ta sẽ tiếp tục ôn các thành phần của câu và các kiểu câu.

- Gv trình chiếu sơ đồ, HS điền các thông tin tương ứng với nội dung đã học;





HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (75p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
<i>Ôn tập thành phần chính</i> - Kể tên các thành phần chính trong câu? - Vị ngữ có khả năng gì? dấu hiệu nào để nhận biết VN? - Chủ ngữ có khả năng gì? dấu hiệu nào để nhận biết CN? * Bài tập nhanh: Xác định C-V trong câu sau: <i>Để người con gái khỏi trở lại bàn, anh lấy chiếc khăn tay còn vo tròn cặp giữa cuốn sách tới trả cho cô gái.</i> (NTL) - Thành phần phụ của câu? Nêu dấu hiệu nhận biết từng phần đó? - Treo bảng phụ có nội dung bài tập 2, yêu cầu hs phân tích các thành phần trong các câu đó? GV chỉ định 3 hs lên bảng, mỗi em làm một	<i>HĐ theo đôi bạn</i> - Có 2 thành phần chính trong câu đó là chủ ngữ và vị ngữ. + Vị ngữ là tp chính của câu, có khả năng kết hợp với các phó từ chỉ quan hệ thời gian và trả lời cho các câu hỏi: làm gì? làm sao? ntn? + Chủ ngữ là tp chính của câu, nêu tên sự vật, hiện tượng có đặc điểm, hành động, trạng thái được miêu tả ở VN; CN thường trả lời cho các câu hỏi: ai? con gì? cái gì <i>Để người con gái khỏi trở lại bàn, anh / lấy chiếc khăn tay còn vo tròn cặp giữa cuốn sách tới trả cho cô gái.</i> (NTL) - Trạng ngữ: <i>đứng ở đầu hoặc cuối câu; có tác dụng cụ thể hoá không gian, thời gian, cách thức, phương tiện, nguyên nhân, mục đích... được diễn đạt ở nội dung cốt câu.</i> - Đọc yêu cầu BT 2 và cử 3 đại diện lên bảng làm 3 câu: a. <u>Đôi càng tôi</u> / <u>mắm bóng</u> CN VN b. <u>Sau một hồi trống thúc vang dội cả</u> TN	C. Thành phần câu: I. Thành phần chính và thành phần phụ: 1. Thành phần chính: - Chủ ngữ. - Vị ngữ. 2. Thành phần phụ: Trạng ngữ, Khởi ngữ, Bỏ ngữ... * Bài tập:

câu. - Kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở hs dưới lớp làm vào vở bài tập và yêu cầu nhận xét. - Yêu cầu hs kể tên các thành phần biệt lập đã học? - Dấu hiệu nhận biết các thành phần biệt lập đó? - Treo bảng phụ có nội dung câu hỏi 2 sgk, yêu cầu hs xác định các từ in đậm thuộc thành phần biệt lập gì? Chuyển tiết 2 Có những kiểu câu nào chúng ta đã học? - Thế nào là câu đơn? - Treo bảng phụ có nội dung bt 1, yêu cầu hs xác định CN-VN của các câu đó? - Treo bảng phụ có nội dung bài tập 2 và yêu cầu hs xác định câu nào là câu đặc biệt?	<u>lòng tôi, mấy người học trò cũ /</u> CN VN <u>đến sắp hàng dưới hiên rồi đi vào</u> <u>lớp.</u> c. <u>Còn tám gương thủy tinh trắng</u> <u>bạc,</u> KN <u>nó/ vẫn là người bạn trung thành...</u> CN VN <i>HD theo đôi bạn</i> * Dấu hiệu nhận biết: - TP tình thái: <i>hình như, dường như, chắc hẳn, chắc là, có lẽ...</i> - TP cảm thán: <i>chao ôi! Than ôi!</i> - TP gọi đáp: <i>này, vâng, ời...</i> - TP phụ chú: <i>đứng giữa 2 dấu gạch ngang/ ngoặc đơn/ hoặc 1 gạch ngang 1 phẩy/ 1 gạch ngang 1 chấm.</i> + Xác định các từ in đậm trong bài tập 2: - Tình thái: <i>có lẽ, ngẫm ra, có khi</i> - Phụ chú: <i>dừa xiêm...vỏ hồng</i> - Gọi đáp: <i>ôi, bầm</i> <i>Hoạt động đôi bạn:</i> - Câu đơn, câu ghép, câu rút gọn, câu chia theo mục đích nói. - Trình bày khái niệm câu đơn. - Xác định CN, Vn trong các câu: a. CN: <i>Nhưng nghệ sĩ</i> b. CN: <i>lời gửi... nhân loại</i> c. CN: <i>nghệ thuật</i> d. CN: <i>tác phẩm</i> e. CN: <i>đứa con gái đầu lòng của anh; anh</i> - Xác định các câu đặc biệt: a. <i>Có tiếng nói léo xéo ở gian trên.</i> <i>Tiếng mu chủ.</i>	II. Các thành phần biệt lập: - TP tình thái - TP cảm thán - TP gọi đáp - TP phụ chú * Bài tập D. Các kiểu câu: I. Câu đơn. 1. Khái niệm. 2. Bài tập. - Xác định CN, Vn trong các câu II. Câu đặc biệt: Xác định các câu đặc biệt:

(Hết tiết 1) - Thế nào là câu ghép? - treo bảng phụ có nội dung mục II.1, yêu cầu hs xác định câu ghép trong các đoạn trích? - Chỉ ra các kiểu quan hệ trong những câu ghép vừa tìm được ở bài tập 1? - Yêu cầu hs tìm quan hệ về nghĩa giữa các câu trong bài tập 3? Từ những cặp câu đơn ở mục 4, hãy tạo câu ghép theo các quan hệ đã học? - Treo bảng phụ có mục III sgk, yêu cầu hs lần lượt trả lời các câu hỏi:	b. Một anh thanh niên 27 tuổi. c. Những ngọn điện...thần tiên. - Hoa trong công viên. - Những quả bóng...ở góc phố. - Tiếng rao... trên đầu. - Chao ôi, có thể là tất cả những cái đó. - Khái niệm về câu ghép, làm bài tập 2: 1. Các câu ghép: a. Anh gửi... chung quanh. b. Nhưng vì...Nho bị choáng. c. Ông lão...hả hê cả lòng. d. Còn nhà hoạ sĩ...kì lạ. e. Để người con gái... cô gái. 2- Mỗi quan hệ giữa các vế câu: - a,c: quan hệ bổ sung. - b,d: quan hệ nguyên nhân. - e: quan hệ mục đích. 3.- Quan hệ về nghĩa giữa các câu: a. quan hệ tương phản b. Quan hệ bổ sung c. Qh điều kiện - giả thuyết 4. Tạo câu ghép theo yêu cầu: a. NN- kết quả: - Vì quả bom tung lên và nổ trên không nên... - Quả bom tung lên và nổ trên không, hằm... b. Điều kiện- kết quả: - Nếu quả bom tung lên và nổ trên kg thì.. c. Tương phản: - Quả bom nổ qua gần, nhưng hằm của Nho không bị sập. - Quả bom nổ qua gần. Hằm của Nho không bị sập. d. Nhượng bộ: - Hằm của Nho không bị sập, tuy quả	III. Câu ghép: 1. Khái niệm 2. Bài tập: - BT1: Xác định các câu ghép trong đoạn trích. - BT2: Xác định mqh giữa các vế của câu ghép vừa tìm được. - BT3: Tìm qh về nghĩa giữa các câu ghép. IV. Biến đổi câu: 1. Câu rút gọn 2. Tách câu

- Tìm câu rút gọn trong mục 1? - Xác định trong mục 2, những câu nào vốn là bộ phận của câu trước nó được tách ra? - Biến đổi các câu trong mục 3 thành câu bị động? - Yêu cầu hs đọc mục IV sgk và thực hiện các câu hỏi: - Trong đoạn trích mục I.1, câu nào là câu nghi vấn? chúng có được dùng để hỏi không? - Trong đoạn trích 2, câu nào là câu cầu khiến? chúng dùng để làm gì? - Xác định câu nói của anh Sáu trong mục 3 có hình thức của kiểu câu nào? Anh Sáu dùng để nói hay để bộc lộ cảm xúc? Chỗ nào trong lời kể của tác giả bộc lộ điều đó?	1. Các câu rút gọn: - <i>Quen rồi.</i> - <i>Ngày nào ít ba lần.</i> 2. Các câu được tách ra: - <i>Và làm việc có khi suốt đêm</i> - <i>Thường xuyên</i> - <i>Một dấu hiệu chẳng lành.</i> <i>* tác dụng: nhằm nhấn mạnh nội dung của câu được tách ra.</i> 3. Tạo câu bị động từ các câu cho sẵn: a. <i>Đồ gốm được người thợ thủ công...</i> b. <i>Một cây cầu lớn sẽ được tỉnh ta...</i> c. <i>Những ngôi đền lớn đã được người ta..</i> - Đọc mục IV và trả lời: Các câu nghi vấn: - <i>Ba con, sao con không nhận?(để hỏi)</i> - <i>Sao con biết là không phải?(để hỏi)</i> Các câu cầu khiến: a- <i>Ở nhà trông em nhá (để ra lệnh)</i> - <i>Đừng có đi đâu đấy(ra lệnh)</i> b.- <i>Thì má cứ kêu đi. (để yêu cầu)</i> - <i>Vô ăn cơm(dùng để mời)</i> <i>* Cơm chín rồi! là câu trần thuật dùng để cầu khiến.</i> Xác định câu nói của anh Sáu: - <i>Có hình thức của câu nghi vấn.</i> - <i>Dùng để bộc lộ cảm xúc.</i> - <i>Điều này được xác nhận trong câu đứng trước của tác giả: “Giận quá và không kịp suy nghĩ, anh vung tay đánh vào mông nó và hét lên:”</i>	3. Câu bị động. V. Các kiểu câu ứng với mục đích giao tiếp khác nhau. - Câu trần thuật. - Câu nghi vấn. - câu cầu khiến. - Câu cảm thán.

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (5p)

Gv treo bảng phụ, yêu cầu hs xác định các kiểu câu trong đoạn trích?

Chị Thao vấp ngã, tôi đỡ chị. Nhưng chị vùng ra, mắt mở to, mồ trắng đi như không còn sự sống. Sao vậy? Tôi không hiểu. Chị kéo luôn tay tôi, sà xuống mô đất. Vâng, một mô đất nhỏ, hơi dài, phủ đầy thuốc bom màu xám.

GV chỉ định một hs lên bảng xác định, yêu cầu cả lớp làm vào vở bài tập.

*Đáp án:

- Câu đơn:

+ *Nhưng chị vùng ra, mắt mở to, mồ trắng đi như không còn sự sống.*

+ *Tôi không hiểu.*

+ *Chị kéo luôn tay tôi, sà xuống mô đất.*

- Câu ghép: *Chị Thao vấp ngã, tôi đỡ chị.*

- Câu đặc biệt: *Vâng, một mô đất nhỏ, hơi dài, phủ đầy thuốc bom màu xám.*

Viết đoạn văn nói về việc bảo vệ môi trường, trong đó có sử dụng các kiểu câu đã học.

Hs viết, gv gọi các em đọc, nhận xét.

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (3p)

HS vẽ sơ đồ tư duy khái quát nội dung ôn tập:



Hướng dẫn tự học (2p):

- Viết đoạn văn rồi chỉ các kiểu câu có trong đoạn văn đó.
- Học và nắm vững nội dung tiết ôn tập.
- Chuẩn bị: Tổng kết phần văn bản

TIẾT 157-158-159	TỔNG KẾT VĂN	NS: 28/4/2023

I. Mục tiêu cần đạt: Giúp học sinh

1. Kiến thức:

- Những hiểu biết ban đầu về lịch sử văn học Việt nam
- Một số khái niệm liên quan đến thể loại văn học đã học

2. Năng lực:

+ **Năng lực chung:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực nhận thức, tư duy logic

+ **Năng lực chuyên biệt :**

- Hệ thống các VB tác phẩm VH đã học, đã đọc thêm trong chương trình ngữ văn toàn cấp THCS
- Đọc – hiểu tác phẩm theo đặc trưng thể loại.

3. Phẩm chất:

- Hình thành những hiểu biết ban đầu về nền VHVN: Các bộ phận VH, các thời kì lớn những đặc sắc về ND và NT.

II. Chuẩn bị:

- G/V: Bài soạn; ngữ liệu minh hoạ bằng bảng phụ,
- H/S: Đọc và tìm hiểu các câu hỏi bài TKVH. Các ngữ liệu minh hoạ.

III. Tiến trình tổ chức các hoạt động.

***Khởi động:** (1p)

- Đây là bài TK VH với nội dung rất rộng của toàn cấp THCS về phần VB của 2 tiết TK.

*** Hình thành kiến thức:** (112 p)

Hoạt động của Gv	Nội dung chính
1. Nhìn chung về nền văn học Việt Nam. Trên cơ sở H/S đã chuẩn bị ở nhà. - H/S nêu rõ y/c của 4 câu hỏi và trả lời được theo sự chuẩn bị của mình. *G/V kiểm tra việc trả lời câu hỏi, việc thống kê của H/S ở câu 1 (Trang 181) - Nhìn vào bảng thống kê đã chuẩn bị VHVN tạo thành từ những bộ phận nào?	Phần A: Nhìn chung về nền văn học Việt Nam. *Nền VHVN ra đời, tồn tại phát triển cùng với sự vận động của lịch sử dân tộc; phản ánh tâm hồn tư tưởng, tính cách của con người VN. -Phong phú về số lượng tác phẩm, đa dạng về thể loại. <u>1) Các bộ phận hợp thành nền VH Việt Nam.</u>

(VH dân gian và VH Viết) - Cho VD từ những TP mà em đã học? *G/V y/c đọc SGK trang 187 và chốt lại được những ý chính. - VH dân gian được hình thành và phát triển ntn? Là tiếng nói của ai? được lưu truyền ntn? Vai trò của VH DG? Thể loại của VH DG? Kể tên các TP VH DG (theo thể loại) mà em đã được học? (Hết tiết 1) - Học sinh đọc mục 2 trang 188? ?VH viết (VH trung đại) được phân chia thời gian ntn? - Các TP VH được viết bằng chữ Hán? (VD: Thơ chữ Hán của Nguyễn Trãi) (VD: Nam Quốc Sơn Hà) ?Nhận xét của em về các TP VH chữ Hán, chữ Nôm trong VH viết? ?Cho VD các TP cụ thể?	VHVN được tạo thành từ hai bộ phận lớn: Văn học dân gian, Văn học viết. a)<u>Văn học dân gian</u>: -Được hình thành từ thời xa xưa và tiếp tục được bổ sung phát triển trong các thời kỳ lịch sử tiếp theo; nằm trong tổng thể văn hoá dân gian -Là sản phẩm của nhân dân được lưu truyền bằng miệng. -Có vai trò nuôi dưỡng tâm hồn trí tuệ của nhân dân là kho tàng cho VH viết khai thác, phát triển. -Tiếp tục phát triển trong suốt thời kì trung đại khi VH viết đã ra đời. -Về thể loại: Phong phú. *Truyền thuyết: Con Rồng cháu Tiên, Bánh chưng bánh giầy, Sơn Tinh Thủy Tinh, Thánh Gióng, Sự tích Hồ Gươm. *Truyện cổ tích: Thạch Sanh, Em bé thông minh, Cây bút thần, Ông lão đánh cá và con cá vàng. *Ngụ ngôn: Thầy bói xem voi; Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng. *Truyện cười: Treo biển; Lợn cưới, áo mới. *Ca dao, dân ca: Những câu hát về tình cảm gia đình, tình yêu quê hương đất nước, những câu hát than thân... *Tục ngữ: Tục ngữ về thiên nhiên, con người, xã hội, về lao động sản xuất. b)<u>Văn học viết (VH trung đại)</u> -Xuất hiện từ TK X – hết TK XIX -Bao gồm: VH chữ Hán, VH chữ Nôm, VH chữ quốc ngữ. +Ví dụ: Nam quốc Sơn Hà (chữ Hán) +Ví dụ: Truyện Kiều (Nguyễn Du), thơ Hồ Xuân Hương (chữ Nôm). -Các TP chữ Hán: chứa chan tinh thần

H/S đọc mục II trang 189? ?VHVN được chia mấy thời kỳ lớn (3 thời kì)? cụ thể về thời gian và nội dung phản ánh? ?Lấy VD cụ thể các tác phẩm? *G/V: Hướng dẫn +Thời kì 1: Các TP VH trung đại: +Thời kì 2: Văn thơ yêu nước và CM; văn học 30/45? +Thời kì 3: Văn học hiện đại chống Pháp, chống Mỹ, xây dựng đất nước và sau 1975? ?H/S đọc mục III trang 191 SGK. ?Về nội dung qua các TP VHVN đã phản ánh lên ND lớn là gì? VD cụ thể qua các tác phẩm? *G/V hướng dẫn: Lấy VD qua những thời kỳ, giai đoạn VH những TP tiêu biểu? ?Về nghệ thuật có gì đặc sắc? +Chú ý: Về vẻ đẹp giản dị, tinh tế qua cách thể hiện? +Tên cụ thể của các TP? (Bảng phụ các TP cụ thể ở các thời kì VH) Các TP tiêu biểu. (Hết tiết 2) <u>2.Sơ lược về một số thể loại văn học</u> H/S cho ví dụ: TP VH là một truyện ngắn; là một bài thơ, là một vở kịch trong phần VH hiện đại đã học ở lớp 9? ?Thể nào là thể loại VH? ?Sáng tác VH có những loại nào? (3 loại) ?Ngoài ra còn có loại nào khác? ?Ví dụ loại rộng hơn thể qua việc minh họa các TP?	dân tộc, cốt cách của người VN. -Các TP chữ Nôm: Phát triển phong phú kết tinh thành tựu nghệ thuật và giá trị tư tưởng. -Các TP chữ quốc ngữ xuất hiện từ cuối TK XIX. <u>2)Tiến trình lịch sử VHVN</u> -VHVN phát triển trong sự gắn bó mật thiết với LS dân tộc. -VHVN (chủ yếu nói về VH viết) Trải qua 3 thời kì lớn: +Từ đầu TK X →Cuối TK XIX +Từ TK XX →1945 +Từ sau CMT8/1945 → nay. Thời kì thứ ba chia làm 2 giai đoạn +Giai đoạn 1945→1975 +Từ sau 1975→nay. <u>III.Mấy nét đặc sắc nổi bật của văn học Việt Nam</u> <u>1)Về nội dung</u> -Tinh thần yêu nước, ý thức cộng đồng là một nội dung tư tưởng đậm nét, xuyên suốt. -Tinh thần nhân đạo. -Sức sống bền bỉ và tinh thần lạc quan. <u>2)Về nghệ thuật:</u> -Các TPVH không phải là hướng tới sự bề thế đồ sộ phi thường mà là vẻ đẹp tinh tế, hài hoà, giản dị, vẻ đẹp ở ngôn từ trong thơ và văn xuôi. -Thơ Nôm kết tinh cao nhất là Truyện Kiều. -Văn xuôi truyện ngắn phong phú và đặc sắc hơn. <u>Phần B: Sơ lược về một số thể loại văn học</u> *Thể loại VH là gì? Là sự thống nhất giữa một loại nội dung với một loại hình thức VB và phương thức chiếm

(Ví dụ: Loại trữ tình, có nhiều thể đó là thơ, tùy bút,...)? VH dg bao gồm những thể loại nào? Nêu định nghĩa? ?Cho ví dụ cụ thể các VB đã học? ?Giá trị của VH dg ntn? *G/V giới thiệu: Nguồn gốc và sự phân loại các thể thơ Trung đại. ?Ví dụ về thể cổ phong? ?Nhận xét đặc điểm của thể cổ phong? ?Ví dụ về thể Đường luật? (Ví dụ các dạng: Tứ tuyệt, Thất Ngôn Bát Cú) *Học sinh đọc thể thơ Đường luật trang 169 SGK. ?Trong thơ Đường luật (Thất Ngôn Bát Cú) Những quy định về vần, thanh, luật, niêm, đối, và kết cấu ntn? ?Các thể thơ nguồn gốc dân gian bao gồm? ?Đặc điểm của các thể thơ đó? ?Cho VD minh họa? ?VD các truyện, kí trong VH trung đại. ?Phản ánh lên những ND gì? ?Nghệ thuật thể hiện ntn? ?Truyện thơ Nôm viết ở thể thơ gì?	lĩnh đời sống. *Sáng tác VH thuộc ba loại: Tự sự, trữ tình và kịch. Ngoài ra còn có loại nghị luận, chủ yếu sử dụng phương thức lập luận. *Loại rộng hơn thể, loại bao gồm nhiều thể: <i>1) Một số thể loại VH dân gian:</i> -Tự sự dân gian: gồm các truyện thần thoại, cổ tích. -Trữ tình dân gian: Ca dao, dân ca -Chèo và Tuồng. Ngoài ra tục ngữ coi là một dạng đặc biệt của nghị luận. <i>2) Một số thể loại VH trung đại</i> a) <u>Các thể thơ:</u> *Các thể thơ có nguồn gốc thơ ca Trung Quốc → Có 2 loại chính: Cổ Phong và thể Đường Luật +Thể cổ phong: Không cần tuân theo vần, hiệp, luật, chữ , số câu trong bài thơ. VD: Côn Sơn ca (Nguyễn Trãi) Chinh Phụ Ngâm (Viết bằng chữ Hán của Đặng Trần Côn). +Thể Đường Luật: Quy định khá chặt chẽ về thanh, đối, số câu, số chữ, cấu trúc thể hiện nhiều dạng Ví dụ: Qua Đèo Ngang (Bà Huyện Thanh Quan). Bạn Đến Chơi Nhà (Nguyễn Khuyến) *Các thể thơ có nguồn gốc dân gian

?Được chia làm mấy loại? ?Cho VD cụ thể? ?Các dạng thể văn nghị luận? cho VD? ?Đặc điểm chủ yếu là gì? ?Ví dụ cụ thể ở các TP văn nghị luận này? *Các ngữ liệu (bảng phụ các TP: Chiếu, hịch, cáo) ?Đọc mục III trang 199? ?Các thể loại của VH hiện đại bao gồm? ?Đặc điểm của thể truyện? thể tùy bút? Thể thơ? ?Sự đổi mới của thơ hiện đại là gì? ?Cho ví dụ những tác phẩm tiêu biểu về VH hiện đại. *Bảng phụ ghi các TP tiêu biểu sắp xếp theo thể loại.	-Thể thơ lục bát để sáng tác truyện thơ Nôm VD: Truyện Kiều – Nguyễn Du. -Thể song thất lục bát VD: Chinh Phụ Ngâm - Đoàn Thị Điểm. <u>b)Các thể truyện, kí</u> -Ví dụ: “Truyện kì mạn lục” – Nguyễn Dữ. “Thượng Kinh Kí Sự”- Lê Hữu Trác... -Kể về các nhân vật lịch sử, các anh hùng, về phụ nữ; có truyện còn mang yếu tố kì ảo tưởng tượng. <u>c)Truyện thơ Nôm</u> -Viết chủ yếu là thơ lục bát; có cốt truyện nhân vật...giàu chất trữ tình. -Truyện thơ nôm: Bình dân (khuyết danh); bác học đỉnh cao là kiệt tác truyện Kiều của Nguyễn Du. <u>d)Một số thể văn nghị luận:</u> -Các dạng thể: Chiếu, biểu, hịch, cáo; có sự kết hợp giữa tư tưởng lí lẽ với tình cảm, cảm xúc, lập luận chặt chẽ với hình ảnh phong phú; ngôn ngữ biểu cảm. -Khái niệm về các dạng thể đó. -Ví dụ: Chiếu Dời Đô (Lí Công Uẩn) Hịch Tướng Sĩ (Trần Quốc Tuấn) Bình Ngô Đại Cáo (Nguyễn Trãi) <u>3)Một số thể loại VH hiện đại</u> -Thể truyện (truyện ngắn, tiểu thuyết) được phát triển. -Thể tùy bút in đậm dấu ấn của chủ thể sáng tác giàu biểu cảm. Thơ hiện đại, tính từ thơ mới (1932-1945) có nhiều dạng thể; thơ tự do xuất hiện và phát triển có nhiều thành công. →Thơ hiện đại không chỉ đem lại những cái mới về nội dung tư tưởng cảm xúc mà còn đổi mới về sáng tạo

	hình ảnh, cấu trúc câu thơ, ngôn ngữ thơ.
Phân tổng kết ghi nhớ dài, y/c đèn chiếu ngữ liệu này cho H/S học	* Tổng kết: Ghi nhớ SGK Trang 201

*** HĐ LUYỆN TẬP (20 p)**

Các nội dung về thể loại VH đã tổng kết ở tiết 2 -Câu hỏi 1,2,3,4 SGK trang 200

Yêu cầu chia 4 nhóm để thảo luận và trình bày 4 câu hỏi

-Nội dung phân ghi nhớ.

*** Hướng dẫn tự học (2P)**

- Phân tích nét nổi bật về ND và đặc sắc NT của một tác phẩm văn học Việt Nam đã học.

- Tự ôn tập theo đề cương để kiểm tra cuối kì 2.

TUẦN 33

TIẾT 159 -160: KIỂM TRA CUỐI KÌ 2

TIẾT 161-162: TỔNG KẾT VĂN BẢN (TT)

TIẾT 163-164-165: TRẢ BÀI KIỂM TRA CUỐI KỲ (BÙ)

TIẾT 159-160	KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 2

NS: 01/5/2024

I. MỤC TIÊU ĐỀ KIỂM TRA

- Thu thập thông tin, đánh giá mức độ đạt được của quá trình dạy học (từ tuần 19-30) so với yêu cầu đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình giáo dục.
- Nắm bắt khả năng học tập, mức độ phân hóa về học lực của học sinh. Trên cơ sở đó, giáo viên có kế hoạch dạy học phù hợp với đối tượng học sinh nhằm nâng cao chất lượng dạy học.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo Viên: Đề, hướng dẫn chấm
2. Học sinh: Giấy, bút, thước.

III. Tiến trình dạy học

1. Ổn định lớp.
2. Phát đề kiểm tra
3. Làm bài
4. Thu bài

TIẾT 161- 162-166	TỔNG KẾT VĂN BẢN	NS: 01/5/2024

I.Mục tiêu cần đạt: Giúp học sinh

1. Kiến thức:

- Những hiểu biết ban đầu về lịch sử văn học Việt nam
- Một số khái niệm liên quan đến thể loại văn học đã học

2. Năng lực:

+ **Năng lực chung:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực nhận thức, tư duy logic

+ **Năng lực chuyên biệt :**

- Hệ thống các VB tác phẩm VH đã học, đã đọc thêm trong chương trình ngữ văn toàn cấp THCS

- Đọc – hiểu tác phẩm theo đặc trưng thể loại.

3. Phẩm chất:

- Hình thành những hiểu biết ban đầu về nền VHVN: Các bộ phận VH, các thời kì lớn những đặc sắc về ND và NT.

II.Chuẩn bị:

- G/V: Bài soạn; ngữ liệu minh hoạ bằng bảng phụ,

- H/S: Đọc và tìm hiểu các câu hỏi bài TKVH. Các ngữ liệu minh hoạ.

III. Tiến trình tổ chức các hoạt động.

***Khởi động:** (1p)

- Đây là bài TK VH với nội dung rất rộng của toàn cấp THCS về phần VB của 2 tiết TK.

*** Hình thành kiến thức:** (112 p)

Hoạt động của Gv	Nội dung chính
1. Nhìn chung về nền văn học Việt Nam. Trên cơ sở H/S đã chuẩn bị ở nhà. - H/S nêu rõ y/c của 4 câu hỏi và trả lời được theo sự chuẩn bị của mình. *G/V kiểm tra việc trả lời câu hỏi, việc thống kê của H/S ở câu 1 (Trang 181) - Nhìn vào bảng thống kê đã chuẩn bị VHVN tạo thành từ những bộ phận nào?	Phần A: Nhìn chung về nền văn học Việt Nam. *Nền VHVN ra đời, tồn tại phát triển cùng với sự vận động của lịch sử dân tộc; phản ánh tâm hồn tư tưởng, tính cách của con người VN. -Phong phú về số lượng tác phẩm, đa dạng về thể loại. <u>1)Các bộ phận hợp thành nền VH Việt Nam.</u> VHVN được tạo thành từ hai bộ phận lớn: Văn học dân gian, Văn học

(VH dân gian và VH Viết) - Cho VD từ những TP mà em đã học? *G/V y/c đọc SGK trang 187 và chốt lại được những ý chính. - VH dân gian được hình thành và phát triển ntn? Là tiếng nói của ai? được lưu truyền ntn? Vai trò của VH DG? Thể loại của VH DG? Kể tên các TP VH DG (theo thể loại) mà em đã được học? (Hết tiết 1) - Học sinh đọc mục 2 trang 188? ?VH viết (VH trung đại) được phân chia thời gian ntn? - Các TP VH được viết bằng chữ Hán? (VD: Thơ chữ Hán của Nguyễn Trãi) (VD: Nam Quốc Sơn Hà) ?Nhận xét của em về các TPVH chữ	viết. a)<u>Văn học dân gian</u>: -Được hình thành từ thời xa xưa và tiếp tục được bổ sung phát triển trong các thời kỳ lịch sử tiếp theo; nằm trong tổng thể văn hoá dân gian -Là sản phẩm của nhân dân được lưu truyền bằng miệng. -Có vai trò nuôi dưỡng tâm hồn trí tuệ của nhân dân là kho tàng cho VH viết khai thác, phát triển. -Tiếp tục phát triển trong suốt thời kì trung đại khi VH viết đã ra đời. -Về thể loại: Phong phú. *Truyền thuyết: Con Rồng cháu Tiên, Bánh chưng bánh giầy, Sơn Tinh Thủy Tinh, Thánh Gióng, Sự tích Hồ Gươm. *Truyện cổ tích: Thạch Sanh, Em bé thông minh, Cây bút thần, Ông lão đánh cá và con cá vàng. *Ngụ ngôn: Thầy bói xem voi; Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng. *Truyện cười: Treo biển; Lợn cưới, áo mới. *Ca dao, dân ca: Những câu hát về tình cảm gia đình, tình yêu quê hương đất nước, những câu hát than thân... *Tục ngữ: Tục ngữ về thiên nhiên, con người, xã hội, về lao động sản xuất. b)<u>Văn học viết</u> (VH trung đại) -Xuất hiện từ TK X – hết TK XIX -Bao gồm: VH chữ Hán, VH chữ Nôm, VH chữ quốc ngữ. +Ví dụ: Nam quốc Sơn Hà (chữ Hán) +Ví dụ: Truyện Kiều (Nguyễn Du),

Hán, chữ Nôm trong VH viết? ?Cho VD các TP cụ thể? H/S đọc mục II trang 189? ?VHVN được chia mấy thời kỳ lớn (3 thời kì)? cụ thể về thời gian và nội dung phản ánh? ?Lấy VD cụ thể các tác phẩm? *G/V: Hướng dẫn +Thời kì 1: Các TP VH trung đại: +Thời kì 2: Văn thơ yêu nước và CM; văn học 30/45? +Thời kì 3: Văn học hiện đại chống Pháp, chống Mỹ, xây dựng đất nước và sau 1975? ?H/S đọc mục III trang 191 SGK. ?Về nội dung qua các TP VHVN đã phản ánh lên ND lớn là gì? VD cụ thể qua các tác phẩm? *G/V hướng dẫn: Lấy VD qua những thời kỳ, giai đoạn VH những TP tiêu biểu? ?Về nghệ thuật có gì đặc sắc? +Chú ý: Về vẻ đẹp giản dị, tinh tế qua cách thể hiện? +Tên cụ thể của các TP? (Bảng phụ các TP cụ thể ở các thời kì VH) Các TP tiêu biểu. (Hết tiết 2) <u>2.Sơ lược về một số thể loại văn học</u> H/S cho ví dụ: TP VH là một truyện ngắn; là một bài thơ, là một vở kịch trong phần VH hiện đại đã học ở lớp 9? ?Thể nào là thể loại VH? ?Sáng tác VH có những loại nào? (3 loại)	thơ Hồ Xuân Hương (chữ Nôm). -Các TP chữ Hán: chứa chan tinh thần dân tộc, cốt cách của người VN. -Các TP chữ Nôm: Phát triển phong phú kết tinh thành tựu nghệ thuật và giá trị tư tưởng. -Các TP chữ quốc ngữ xuất hiện từ cuối TK XIX. <u>2)Tiến trình lịch sử VHVN</u> -VHVN phát triển trong sự gắn bó mật thiết với LS dân tộc. -VHVN (chủ yếu nói về VH viết) Trải qua 3 thời kì lớn: +Từ đầu TK X →Cuối TK XIX +Từ TK XX →1945 +Từ sau CMT8/1945 → nay. Thời kì thứ ba chia làm 2 giai đoạn +Giai đoạn 1945→1975 +Từ sau 1975→nay. <u>III.Mấy nét đặc sắc nổi bật của văn học Việt Nam</u> <u>1)Về nội dung</u> -Tinh thần yêu nước, ý thức cộng đồng là một nội dung tư tưởng đậm nét, xuyên suốt. -Tinh thần nhân đạo. -Sức sống bền bỉ và tinh thần lạc quan. <u>2)Về nghệ thuật:</u> -Các TPVH không phải là hướng tới sự bề thế đồ sộ phi thường mà là vẻ đẹp tinh tế, hài hoà, giản dị, vẻ đẹp ở ngôn từ trong thơ và văn xuôi. -Thơ Nôm kết tinh cao nhất là Truyện Kiều. -Văn xuôi truyện ngắn phong phú và đặc sắc hơn. <u>Phần B: Sơ lược về một số thể loại văn học</u>

?Ngoài ra còn có loại nào khác? ?Ví dụ loại rộng hơn thể qua việc minh họa các TP? (Ví dụ: Loại trữ tình, có nhiều thể đó là thơ, tùy bút,..)? VH dg bao gồm những thể loại nào? Nêu định nghĩa? ?Cho ví dụ cụ thể các VB đã học? ?Giá trị của VH dg ntn? *G/V giới thiệu: Nguồn gốc và sự phân loại các thể thơ Trung đại. ?Ví dụ về thể cổ phong? ?Nhận xét đặc điểm của thể cổ phong? ?Ví dụ về thể Đường luật? (Ví dụ các dạng: Tứ tuyệt, Thất Ngôn Bát Cú) *Học sinh đọc thể thơ Đường luật trang 169 SGK. ?Trong thơ Đường luật (Thất Ngôn Bát Cú) Những quy định về vần, thanh, luật, niêm, đối, và kết cấu ntn? ?Các thể thơ nguồn gốc dân gian bao gồm? ?Đặc điểm của các thể thơ đó? ?Cho VD minh họa? ?VD các truyện, kí trong VH trung đại. ?Phản ánh lên những ND gì?	*Thể loại VH là gì? Là sự thống nhất giữa một loại nội dung với một loại hình thức VB và phương thức chiếm lĩnh đời sống. *Sáng tác VH thuộc ba loại: Tự sự, trữ tình và kịch. Ngoài ra còn có loại nghị luận, chủ yếu sử dụng phương thức lập luận. *Loại rộng hơn thể, loại bao gồm nhiều thể: <i>1) Một số thể loại VH dân gian:</i> -Tự sự dân gian: gồm các truyện thần thoại, cổ tích. -Trữ tình dân gian: Ca dao, dân ca -Chèo và Tuồng. Ngoài ra tục ngữ coi là một dạng đặc biệt của nghị luận. <i>2) Một số thể loại VH trung đại</i> a) <u>Các thể thơ:</u> * Các thể thơ có nguồn gốc thơ ca Trung Quốc → Có 2 loại chính: Cổ Phong và thể Đường Luật + Thể cổ phong: Không cần tuân theo vần, hiệp, luật, chữ , số câu trong bài thơ. VD: Côn Sơn ca (Nguyễn Trãi) Chinh Phụ Ngâm (Viết bằng chữ Hán của Đặng Trần Côn). + Thể Đường Luật: Quy định khá chặt chẽ về thanh, đối, số câu, số chữ, cấu trúc thể hiện nhiều dạng Ví dụ: Qua Đèo Ngang (Bà Huyện Thanh Quan). Bạn Đến Chơi Nhà (Nguyễn

?Nghệ thuật thể hiện ntn? ?Truyện thơ Nôm viết ở thể thơ gì? ?Được chia làm mấy loại? ?Cho VD cụ thể? ?Các dạng thể văn nghị luận? cho VD? ?Đặc điểm chủ yếu là gì? ?Ví dụ cụ thể ở các TP văn nghị luận này? *Các ngữ liệu (bảng phụ các TP: Chiếu, hịch, cáo) ?Đọc mục III trang 199? ?Các thể loại của VH hiện đại bao gồm? ?Đặc điểm của thể truyện? thể tùy bút? Thể thơ? ?Sự đổi mới của thơ hiện đại là gì? ?Cho ví dụ những tác phẩm tiêu biểu về VH hiện đại. *Bảng phụ ghi các TP tiêu biểu sắp xếp theo thể loại.	Khuyến) *Các thể thơ có nguồn gốc dân gian -Thể thơ lục bát để sáng tác truyện thơ Nôm VD: Truyện Kiều – Nguyễn Du. -Thể song thất lục bát VD: Chinh Phụ Ngâm - Đoàn Thị Điểm. <u>b)Các thể truyện, kí</u> -Ví dụ: “Truyện kì mạn lục” – Nguyễn Dữ. “Thượng Kinh Kí Sự”- Lê Hữu Trác... -Kể về các nhân vật lịch sử, các anh hùng, về phụ nữ; có truyện còn mang yếu tố kì ảo tưởng tượng. <u>c)Truyện thơ Nôm</u> -Viết chủ yếu là thơ lục bát; có cốt truyện nhân vật...giàu chất trữ tình. -Truyện thơ nôm: Bình dân (khuyết danh); bác học đỉnh cao là kiệt tác truyện Kiều của Nguyễn Du. <u>d)Một số thể văn nghị luận:</u> -Các dạng thể: Chiếu, biểu, hịch, cáo; có sự kết hợp giữa tư tưởng lí lẽ với tình cảm, cảm xúc, lập luận chặt chẽ với hình ảnh phong phú; ngôn ngữ biểu cảm. -Khái niệm về các dạng thể đó. -Ví dụ: Chiếu Dời Đô (Lí Công Uẩn) Hịch Tướng Sĩ (Trần Quốc Tuấn) Bình Ngô Đại Cáo (Nguyễn Trãi) <u>3)Một số thể loại VH hiện đại</u> -Thể truyện (truyện ngắn, tiểu thuyết) được phát triển. -Thể tùy bút in đậm dấu ấn của chủ

	thể sáng tác giàu biểu cảm. Thơ hiện đại, tính từ thơ mới (1932-1945) có nhiều dạng thể; thơ tự do xuất hiện và phát triển có nhiều thành công. →Thơ hiện đại không chỉ đem lại những cái mới về nội dung tư tưởng cảm xúc mà còn đổi mới về sáng tạo hình ảnh, cấu trúc câu thơ, ngôn ngữ thơ.
Phần tổng kết ghi nhớ dài, y/c đèn chiếu ngữ liệu này cho H/S học	* Tổng kết: Ghi nhớ SGK Trang 201

*** HĐ LUYỆN TẬP (20 p)**

Các nội dung về thể loại VH đã tổng kết ở tiết 2 -Câu hỏi 1,2,3,4 SGK trang 200

Yêu cầu chia 4 nhóm đề thảo luận và trình bày 4 câu hỏi

-Nội dung phần ghi nhớ.

*** Hướng dẫn tự học (2P)**

- Phân tích nét nổi bật về ND và đặc sắc NT của một tác phẩm văn học Việt Nam đã học.

TIẾT 163-164-165	TRẢ BÀI KIỂM TRA CUỐI KÌ	NS: 9/5/2023

I. Mục tiêu cần đạt.

1. Kiến thức:

- Đánh giá bài làm, đánh giá khả năng tiếp thu kiến thức ngữ văn
- Sửa chữa kịp thời những lỗi sai cơ bản.

2. Năng lực:

- **Năng lực chung:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực nhận thức, tư duy logic
- **Năng lực chuyên biệt :** năng lực sử dụng ngôn ngữ, sử dụng Tiếng Việt, đọc hiểu văn bản, cảm thụ văn học, cảm thụ thẩm mỹ.

3. Phẩm chất:

- Cần trọng trong sử dụng ngôn ngữ và tạo lập văn bản.

II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:

1. Giáo viên: Thiết kế bài dạy, đề, hướng dẫn chấm...

2. Học sinh: Sách Ngữ văn ,...

III. Tiến trình dạy học.

1. Hoạt động khởi động (3 phút).

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Nội dung cần đạt
- Đề đánh giá được được sự tiếp thu môn học, người học cần làm gì? - Dẫn nhập nội dung bài học Cách tốt nhất để kiểm tra năng lực tiếp thu tri thức của bản thân, người học cần tham gia vào các cuộc khảo nghiệm và cố gắng hết mình (Bài khảo nghiệm có thể là bài test nhanh, những bài kiểm tra định kì...). Đồng thời qua những bài kiểm tra này, người học sẽ được rèn luyện thêm khả năng thực hành. Hôm nay, các em sẽ được nhận lại những bài viết của mình và phân tích kết quả...	- Trình bày quan niệm của bản thân.	

2. Hoạt động hình thành kiến thức. (80 phút)

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Nội dung cần đạt
Phân đọc- hiểu văn bản. - Yêu cầu học sinh đọc lại đề kiểm tra. - GV cung cấp đáp án		I. Phân đọc- hiểu văn bản.

- Yêu cầu học sinh đối chiếu với bài viết. - Nguyên nhân nào dẫn đến những lỗi sai trên? - Cho HS thảo luận và đưa ra câu trả lời đúng. - Nêu phương án đúng. -Chuẩn hóa kiến thức. Hoạt động 2: Tạo lập văn bản. Thuyết minh về đồ dùng học tập -Tìm hiểu đề, tìm ý. + Đề văn trên thuộc thể loại (tính chất) nào? + Đề văn yêu cầu gì? +Để làm được đề văn trên, cần trình bày những ý nào? -Hãy lập dàn bài cho đề văn trên. -Nhận xét, bổ sung. -Chuẩn hóa kiến thức. Hoạt động 3:Nhận xét chung. - Yêu cầu HS khái quát những ưu điểm và hạn chế trong bài kiểm tra trong nhóm. -Nhận xét, chuẩn hóa. Hoạt động 4: Hướng dẫn sửa lỗi. -Lỗi về kỹ thuật làm bài. -Lỗi về nội dung. -Lỗi về diễn đạt. -Nhắc nhở học sinh rút kinh nghiệm cho bài viết sau được tốt hơn. Hoạt động 5: Tuyên dương. 1.Khen ngợi những bài viết tốt. 2.Đọc mẫu bài văn hay		II. Tạo lập văn bản. 1. Tìm hiểu đề, tìm ý. 2.Lập dàn bài. III. Nhận xét chung. 1. Ưu điểm: 2. Hạn chế: a.Phần đọc-hiểu: b. Phần tạo lập văn bản: IV. Hướng dẫn sửa lỗi. V.Tuyên dương.

3. Hoạt động luyện tập, vận dụng (50 phút)

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Nội dung cần

		đạt
-Qua tiết trả bài viết, em rút ra bài học gì cho bản thân khi làm bài? - Tự hoàn thiện bài làm của bản thân	-Thể hiện quan điểm.	

***Hướng dẫn tự học (2p)**

- Tự sửa lỗi của bài làm
- Chuẩn bị tiết sau học: Chương trình địa phương: Đóng góp của phương ngữ Quảng Nam.

UBND HUYỆN NÚI THÀNH TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN ĐỀ CHÍNH THỨC (Đề này gồm có 1 trang)	KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II NĂM HỌC 2023-2024 Môn: NGỮ VĂN – Lớp 9 Thời gian: 90 phút (Không kể thời gian giao đề)

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ II NĂM HỌC 2023-2024

Môn: Ngữ văn - Lớp 9

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kĩ năng	Mức độ nhận thức				Tổng
			Nhận biết (Số câu)	Thông hiểu (Số câu)	Vận dụng thấp (Số câu)	Vận dụng cao (Số câu)	
1	Đọc hiểu	*Nhận biết - Phương thức biểu đạt - Thành phần biệt lập - Hàm ý - Biện pháp tu từ *Thông hiểu - Nội dung chính của đoạn trích. *Vận dụng - Bài học từ đoạn trích	4	1	1	0	6
Tỉ lệ % điểm			30	10	10		50
2	Làm văn	Văn nghị luận về đoạn thơ	1*	1*	1*	1*	1
Tỉ lệ % điểm			10	20	10	10	50
Tỉ lệ % điểm các mức độ			40	30	20	10	100

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

TT	Kĩ năng	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Văn bản thơ	* Nhận biết: - Phương thức biểu đạt - Thành phần biệt lập - Hàm ý - Biện pháp tu từ * Thông hiểu: Nội dung chính của đoạn trích * Vận dụng: Bài học từ đoạn trích	4	1	1	
2	Làm văn	Văn nghị luận	*Nhận biết: Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu văn nghị luận , bố cục bài viết *Thông hiểu: Viết đúng về đối tượng nghị luận *Vận dụng: Viết được bài văn theo đúng phương pháp nghị luận *Vận dụng cao: Viết bài văn hoàn chỉnh, kết cấu hợp lý, diễn đạt trôi chảy, sáng tạo, mới mẻ.	1*	1*	1*	1*
Tổng câu				4 1*	1 1*	1 1*	1*
Tổng điểm				4	3	2	1
Tỉ lệ %				40	30	20	10

I. ĐỌC HIỂU (5.0 điểm)

Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới.

Em ơi em Đất Nước là xương máu của mình

Phải biết gắn bó và san sẻ

Phải biết hóa thân cho dáng hình xứ sở

Làm nên Đất Nước muôn đời ...

(Trích *Đất Nước* – Nguyễn Khoa Điềm)

Câu 1 (0.5 điểm). Đoạn thơ trên đã sử dụng phương thức biểu đạt chính nào ?

Câu 2 (0.5 điểm). Gọi tên và chỉ ra thành phần biệt lập có trong đoạn thơ ?

Câu 3 (1.0 điểm). Xác định hàm ý của câu thơ: “*Phải biết hóa thân cho dáng hình xứ sở*”?

Câu 4 (1.0 điểm). Xác định và nêu tác dụng của 1 biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ ?

Câu 5 (1.0 điểm). Em hãy nêu nội dung của đoạn thơ trên ?

Câu 6 (1.0 điểm). Từ cảm nhận về đoạn thơ, em hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 8 đến 10 câu) nói về trách nhiệm của thế hệ trẻ hôm nay với đất nước.

II. LÀM VĂN (5.0 điểm)

Cảm nhận của em về 2 khổ thơ sau trong bài *Mùa xuân nho nhỏ*

Ta làm con chim hót

Ta làm một cành hoa

Ta nhập vào hòa ca

Một nốt trầm xao xuyến

Một mùa xuân nho nhỏ

Lặng lẽ dâng cho đời

Dù là tuổi hai mươi

Dù là khi tóc bạc.

(Trích *Mùa Xuân nho nhỏ* - Thanh Hải)

HẾT.

(Thí sinh không được sử dụng tài liệu, giám thị coi thi không giải thích gì thêm.)

HƯỚNG DẪN CHẤM

I. Hướng dẫn chung

- Giáo viên cần nắm vững yêu cầu của hướng dẫn chấm để đánh giá tổng quát bài làm của học sinh, tránh trường hợp đếm ý cho điểm.

- Do đặc trưng của bộ môn Ngữ văn nên giáo viên cần chủ động, linh hoạt trong việc vận dụng đáp án và thang điểm; khuyến khích những bài viết có ý tưởng riêng và giàu chất văn.

- Giáo viên cần vận dụng đầy đủ các thang điểm; tránh tâm lí ngại cho điểm tối đa. Cần quan niệm rằng một bài đạt điểm tối đa vẫn là một bài làm có thể còn những sơ suất nhỏ.

- Điểm lẻ toàn bài tính đến 0,25 điểm. Sau đó, làm tròn số đúng theo quy định.

II/ Đáp án và thang điểm

PHẦN ĐỌC – HIỂU (5.0 điểm)

CÂU	NỘI DUNG CẦN ĐẠT	Điểm
Câu 1.	Phương thức biểu đạt: + biểu cảm	0.5
Câu 2.	Thành phần biệt lập - Gọi đáp - Từ: em ơi em	0.5 0.5
Câu 3.	- Hàm ý: tự nhủ, lời khuyên bảo đồng thời là lời căn dặn, gửi gắm đến thế hệ trẻ của đất nước rằng phải sống sao cho đúng đắn, phù hợp, sống hết mình và biết hy sinh, bảo vệ, kiến thiết đất nước, làm đẹp Đất Nước muôn đời.	0.5
Câu 4.	Trong đoạn trích trên tác giả đã sử dụng những biện pháp tu từ: - Điệp ngữ “phải biết” hoặc “Đất nước” -> Tác dụng: nhấn mạnh nhận thức của con người về việc hy sinh cho đất nước hoặc nhấn mạnh ý nghĩa của đất nước. - So sánh : đất nước là máu xương của mình -> tác dụng: tăng sức gợi hình, gợi cảm cho câu thơ, đồng thời nhấn mạnh vai trò quan trọng của đất nước (HS chỉ cần nêu 1 biện pháp tu từ)	0.5 0.5
Câu 5.	Nội dung của đoạn thơ là: Đoạn thơ là lời nhắn nhủ chân thành, tha thiết về trách nhiệm của mỗi người với đất nước. Đất nước là máu xương. Vì vậy, mỗi người cần phải biết gắn bó, san sẻ và hóa thân cho đất nước, làm nên đất nước bền vững muôn đời.	0.5 0.5
Câu 6.	- Hình thức: đoạn văn - Nội dung: Có thể làm bài dựa theo các ý sau: + Tích cực học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, nhân cách;	0.25 0.75

	+ Tham gia các hoạt động ngoại khóa, phát triển lành mạnh về thể chất, tinh thần; + Tích cực lao động, xây dựng, bảo vệ Tổ quốc; + Phát huy văn hóa, truyền thống tốt đẹp của dân tộc; + Sẵn sàng chiến đấu, hi sinh vì độc lập, chủ quyền quốc gia dân tộc khi Tổ quốc cần,.. (Đảm bảo từ 2 ý trở lên)	

PHẦN LÀM VĂN (5.0 điểm)

	1. Yêu cầu chung Học sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng để viết bài văn nghị luận. Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng, diễn đạt mạch lạc; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.	
	2. Yêu cầu cụ thể a) Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận: Trình bày đầy đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài.	3.0
	Mở bài: -Nêu vấn đề: ước nguyện cống hiến của nhà thơ Thanh Hải	0.5
	Thân bài: * Niềm nguyện ước chân thành của tác giả: - Niềm khát khao dâng hiến cuộc đời được khơi gợi từ những cảm nhận về một mùa xuân mới, mùa xuân của thiên nhiên đất trời, mùa xuân của cuộc sống lao động và chiến đấu của dân tộc.	0.25
	- Niềm khát khao dâng hiến cuộc đời được thể hiện một cách khiêm nhường nhưng rất đổi chân thành: <i>Ta làm con chim hót</i> <i>Ta làm một cành hoa</i> <i>Ta nhập vào hòa ca</i> <i>Một nốt trầm xao xuyến</i>	0.25
	+ Điệp từ “ta làm”, lặp cấu trúc, liệt kê -> giúp tác giả bày tỏ ước nguyện được hiến dâng cuộc đời mình cho quê hương, xứ sở.	0.25
	+ Các hình ảnh “con chim hót” “một cành hoa” “nốt trầm”: giản dị, tự nhiên mà đẹp đẽ, thể hiện ước nguyện khiêm nhường mà đáng quý.	0.25
	+ Có sự ứng đối với các hình ảnh ở đầu bài thơ -> lí tưởng cống hiến cho đời là một lẽ tự nhiên, tất yếu; gợi liên tưởng đến mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng, giữa con người – đất nước.	0.25
	Tầm lòng thiết tha được hòa nhập, được cống hiến cho cuộc đời, cho đất nước. - Khát vọng sống đẹp được nâng lên thành lí tưởng sống cao cả”:	0.25

	<i>Một mùa xuân nho nhỏ</i> <i>Lặng lẽ dâng cho đời</i> <i>Dù là tuổi hai mươi</i> <i>Dù là khi tóc bạc.</i> + “Mùa xuân nho nhỏ”: ẩn dụ cho những gì đẹp nhất, tinh túy nhất của cuộc đời con người để góp phần làm nên mùa xuân của đất nước. Là cách nói khiêm nhường, giản dị, gợi một tâm hồn đẹp, một lối sống đẹp, một nhân cách đẹp “lặng lẽ dâng cho đời”. + Điệp từ “dù là” + hình ảnh tương phản “tuổi hai mươi” – “khi tóc bạc” khẳng định sự tồn tại bền vững của những khát vọng và lí tưởng sống ấy. Cả cuộc đời mình ông vẫn luôn chất chiu những gì tốt đẹp nhất để hiến dâng cho đời. *Đặc sắc nghệ thuật + Thể thơ 5 chữ, cách gieo vần liên giữa các khổ thơ tạo sự liên mạch của cảm xúc. + Ngôn ngữ, hình ảnh giản dị, trong sáng. + Cảm xúc chân thành, tha thiết. Kết bài: Khái quát nội dung, nghệ thuật	0.25 0.25 0.25 0.25
	b) Xác định đúng đối tượng nghị luận: Ước nguyện của tác giả	0.5
	c) Triển khai các ý đảm bảo nội dung: Vận dụng tốt kĩ năng, phương pháp làm văn nghị luận	0.5
	d) Sáng tạo: Có cách diễn đạt mới mẻ, thuyết phục	0.5
	e) Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	0.5

TUẦN 34

TIẾT 166: TỔNG KẾT VĂN BẢN (T3)

TIẾT 167-168: TỔNG KẾT LÀM VĂN

TIẾT 169: ĐÓNG GÓP CỦA PHƯƠNG NGỮ QUẢNG NAM

TIẾT 170-171: BIÊN BẢN VÀ LUYỆN TẬP VIẾT BIÊN BẢN

TIẾT 172-173: HỢP ĐỒNG VÀ LUYỆN TẬP VIẾT HỢP ĐỒNG (bù)

**TIẾT 161-
162-166**

TỔNG KẾT VĂN BẢN

NS: 01/5/2024

I. Mục tiêu cần đạt: Giúp học sinh

1. Kiến thức:

- Những hiểu biết ban đầu về lịch sử văn học Việt nam
- Một số khái niệm liên quan đến thể loại văn học đã học

2. Năng lực:

+ **Năng lực chung:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực nhận thức, tư duy logic

+ **Năng lực chuyên biệt :**

- Hệ thống các VB tác phẩm VH đã học, đã đọc thêm trong chương trình ngữ văn toàn cấp THCS

- Đọc – hiểu tác phẩm theo đặc trưng thể loại.

3. Phẩm chất:

- Hình thành những hiểu biết ban đầu về nền VHVN: Các bộ phận VH, các thời kì lớn những đặc sắc về ND và NT.

II. Chuẩn bị:

- G/V: Bài soạn; ngữ liệu minh họa bằng bảng phụ,

- H/S: Đọc và tìm hiểu các câu hỏi bài TKVH. Các ngữ liệu minh họa.

III. Tiến trình tổ chức các hoạt động.

***Khởi động:** (1p)

- Đây là bài TK VH với nội dung rất rộng của toàn cấp THCS về phần VB của 2 tiết TK.

*** Hình thành kiến thức:** (112 p)

Hoạt động của Gv	Nội dung chính
1. Nhìn chung về nền văn học Việt Nam. Trên cơ sở H/S đã chuẩn bị ở nhà. - H/S nêu rõ y/c của 4 câu hỏi và trả	Phần A: Nhìn chung về nền văn học Việt Nam. *Nền VHVN ra đời, tồn tại phát triển cùng với sự vận động của lịch sử

lời được theo sự chuẩn bị của mình. *G/V kiểm tra việc trả lời câu hỏi, việc thống kê của H/S ở câu 1 (Trang 181) - Nhìn vào bảng thống kê đã chuẩn bị VHVN tạo thành từ những bộ phận nào? (VH dân gian và VH Viết) - Cho VD từ những TP mà em đã học? *G/V y/c đọc SGK trang 187 và chốt lại được những ý chính. - VH dân gian được hình thành và phát triển ntn? Là tiếng nói của ai? được lưu truyền ntn? Vai trò của VH DG? Thể loại của VH DG? Kể tên các TP VH DG (theo thể loại) mà em đã được học? (Hết tiết 1)	dân tộc; phản ánh tâm hồn tư tưởng, tính cách của con người VN. -Phong phú về số lượng tác phẩm, đa dạng về thể loại. <u>1) Các bộ phận hợp thành nền VH Việt Nam.</u> VHVN được tạo thành từ hai bộ phận lớn: Văn học dân gian, Văn học viết. <u>a) Văn học dân gian:</u> -Được hình thành từ thời xa xưa và tiếp tục được bổ sung phát triển trong các thời kỳ lịch sử tiếp theo; nằm trong tổng thể văn hoá dân gian -Là sản phẩm của nhân dân được lưu truyền bằng miệng. -Có vai trò nuôi dưỡng tâm hồn trí tuệ của nhân dân là kho tàng cho VH viết khai thác, phát triển. -Tiếp tục phát triển trong suốt thời kì trung đại khi VH viết đã ra đời. -Về thể loại: Phong phú. *Truyện thuyết: Con Rồng cháu Tiên, Bánh chưng bánh giầy, Sơn Tinh Thủy Tinh, Thánh Gióng, Sự tích Hồ Gươm. *Truyện cổ tích: Thạch Sanh, Em bé thông minh, Cây bút thần, Ông lão đánh cá và con cá vàng. *Ngụ ngôn: Thầy bói xem voi; Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng. *Truyện cười: Treo biển; Lợn cưới, áo mới. *Ca dao, dân ca: Những câu hát về tình cảm gia đình, tình yêu quê hương đất nước, những câu hát than thân... *Tục ngữ: Tục ngữ về thiên nhiên, con người, xã hội, về lao động sản

- Học sinh đọc mục 2 trang 188? ?VH viết (VH trung đại) được phân chia thời gian ntn? - Các TP VH được viết bằng chữ Hán? (VD: Thơ chữ Hán của Nguyễn Trãi) (VD: Nam Quốc Sơn Hà) ?Nhận xét của em về các TPVH chữ Hán, chữ Nôm trong VH viết? ?Cho VD các TP cụ thể? H/S đọc mục II trang 189? ?VHVN được chia mấy thời kỳ lớn (3 thời kì)? cụ thể về thời gian và nội dung phản ánh? ?Lấy VD cụ thể các tác phẩm? *G/V: Hướng dẫn +Thời kì 1: Các TP VH trung đại: +Thời kì 2: Văn thơ yêu nước và CM; văn học 30/45? +Thời kì 3: Văn học hiện đại chống Pháp, chống Mỹ, xây dựng đất nước và sau 1975? ?H/S đọc mục III trang 191 SGK. ?Về nội dung qua các TP VHVN đã phản ánh lên ND lớn là gì? VD cụ thể qua các tác phẩm? *G/V hướng dẫn: Lấy VD qua những thời kỳ, giai đoạn VH những TP tiêu biểu? ?Về nghệ thuật có gì đặc sắc? +Chú ý: Về vẻ đẹp giản dị, tinh tế qua cách thể hiện? +Tên cụ thể của các TP? (Bảng phụ các TP cụ thể ở các thời kì VH) Các TP tiêu biểu.	xuất. b) <u>Văn học viết</u> (VH trung đại) -Xuất hiện từ TK X – hết TK XIX -Bao gồm: VH chữ Hán, VH chữ Nôm, VH chữ quốc ngữ. +Ví dụ: Nam quốc Sơn Hà (chữ Hán) +Ví dụ: Truyện Kiều (Nguyễn Du), thơ Hồ Xuân Hương (chữ Nôm). -Các TP chữ Hán: chứa chan tinh thần dân tộc, cốt cách của người VN. -Các TP chữ Nôm: Phát triển phong phú kết tinh thành tựu nghệ thuật và giá trị tư tưởng. -Các TP chữ quốc ngữ xuất hiện từ cuối TK XIX. 2) <u>Tiến trình lịch sử VHVN</u> -VHVN phát triển trong sự gắn bó mật thiết với LS dân tộc. -VHVN (chủ yếu nói về VH viết) Trải qua 3 thời kì lớn: +Từ đầu TK X → Cuối TK XIX +Từ TK XX → 1945 +Từ sau CMT8/1945 → nay. Thời kì thứ ba chia làm 2 giai đoạn +Giai đoạn 1945 → 1975 +Từ sau 1975 → nay. III. <u>Mấy nét đặc sắc nổi bật của văn học Việt Nam</u> 1) <u>Về nội dung</u> -Tinh thần yêu nước, ý thức cộng đồng là một nội dung tư tưởng đậm nét, xuyên suốt. -Tinh thần nhân đạo. -Sức sống bền bỉ và tinh thần lạc quan. 2) <u>Về nghệ thuật</u>: -Các TPVH không phải là hướng tới sự bề thế đồ sộ phi thường mà là vẻ

(Hết tiết 2) <u>2.Sơ lược về một số thể loại văn học</u> H/S cho ví dụ: TP VH là một truyện ngắn; là một bài thơ, là một vở kịch trong phần VH hiện đại đã học ở lớp 9? ?Thế nào là thể loại VH? ?Sáng tác VH có những loại nào? (3 loại) ?Ngoài ra còn có loại nào khác? ?Ví dụ loại rộng hơn thể qua việc minh họa các TP? (Ví dụ: Loại trữ tình, có nhiều thể đó là thơ, tùy bút,..)? VH dg bao gồm những thể loại nào? Nêu định nghĩa? ?Cho ví dụ cụ thể các VB đã học? ?Giá trị của VH dg ntn? *G/V giới thiệu: Nguồn gốc và sự phân loại các thể thơ Trung đại. ?Ví dụ về thể cổ phong? ?Nhận xét đặc điểm của thể cổ phong? ?Ví dụ về thể Đường luật? (Ví dụ các dạng: Tứ tuyệt, Thất Ngôn Bát Cú) *Học sinh đọc thể thơ Đường luật trang 169 SGK. ?Trong thơ Đường luật (Thất Ngôn Bát Cú) Những quy định về vần, thanh,	đẹp tinh tế, hài hoà, giản dị, vẻ đẹp ở ngôn từ trong thơ và văn xuôi. -Thơ Nôm kết tinh cao nhất là Truyện Kiều. -Văn xuôi truyện ngắn phong phú và đặc sắc hơn. <u>Phần B: Sơ lược về một số thể loại văn học</u> *Thể loại VH là gì? Là sự thống nhất giữa một loại nội dung với một loại hình thức VB và phương thức chiếm lĩnh đời sống. *Sáng tác VH thuộc ba loại: Tự sự, trữ tình và kịch. Ngoài ra còn có loại nghị luận, chủ yếu sử dụng phương thức lập luận. *Loại rộng hơn thể, loại bao gồm nhiều thể: <u>1)Một số thể loại VH dân gian:</u> -Tự sự dân gian: gồm các truyện thần thoại, cổ tích. -Trữ tình dân gian: Ca dao, dân ca -Chèo và Tuồng. Ngoài ra tục ngữ coi là một dạng đặc biệt của nghị luận. <u>2)Một số thể loại VH trung đại</u> a)<u>Các thể thơ:</u> *Các thể thơ có nguồn gốc thơ ca Trung Quốc →Có 2 loại chính: Cổ Phong và thể Đường Luật +Thể cổ phong: Không cần tuân theo vần, hiệp, luật, chữ , số câu trong bài thơ. VD: Côn Sơn ca (Nguyễn Trãi)

luật, niêm, đối, và kết cấu ntn? ?Các thể thơ nguồn gốc dân gian bao gồm? ?Đặc điểm của các thể thơ đó? ?Cho VD minh hoạ? ?VD các truyện, kí trong VH trung đại. ?Phản ánh lên những ND gì? ?Nghệ thuật thể hiện ntn? ?Truyện thơ Nôm viết ở thể thơ gì? ?Được chia làm mấy loại? ?Cho VD cụ thể? ?Các dạng thể văn nghị luận? cho VD? ?Đặc điểm chủ yếu là gì? ?Ví dụ cụ thể ở các TP văn nghị luận này? *Các ngữ liệu (bảng phụ các TP: Chiếu, hịch, cáo) ?Độc mục III trang 199? ?Các thể loại của VH hiện đại bao gồm? ?Đặc điểm của thể truyện? thể tùy bút? Thể thơ? ?Sự đổi mới của thơ hiện đại là gì? ?Cho ví dụ những tác phẩm tiêu biểu về VH hiện đại. *Bảng phụ ghi các TP tiêu biểu sắp xếp theo thể loại.	Chinh Phụ Ngâm (Viết bằng chữ Hán của Đặng Trần Côn). +Thể Đường Luật: Quy định khá chặt chẽ về thanh, đối, số câu, số chữ, cấu trúc thể hiện nhiều dạng Ví dụ: Qua Đèo Ngang (Bà Huyện Thanh Quan). Bạn Đến Chơi Nhà (Nguyễn Khuyến) *Các thể thơ có nguồn gốc dân gian -Thể thơ lục bát để sáng tác truyện thơ Nôm VD: Truyện Kiều – Nguyễn Du. -Thể song thất lục bát VD: Chinh Phụ Ngâm - Đoàn Thị Điểm. <u>b)Các thể truyện, kí</u> -Ví dụ: “Truyện kì mạn lục” – Nguyễn Dữ. “Thượng Kinh Kí Sự”- Lê Hữu Trác... -Kể về các nhân vật lịch sử, các anh hùng, về phụ nữ; có truyện còn mang yếu tố kì ảo tưởng tượng. <u>c)Truyện thơ Nôm</u> -Viết chủ yếu là thơ lục bát; có cốt truyện nhân vật...giàu chất trữ tình. -Truyện thơ nôm: Bình dân (khuyết danh); bác học đỉnh cao là kiệt tác truyện Kiều của Nguyễn Du. <u>d)Một số thể văn nghị luận:</u> -Các dạng thể: Chiếu, biểu, hịch, cáo; có sự kết hợp giữa tư tưởng lí lẽ với tình cảm, cảm xúc, lập luận chặt chẽ với hình ảnh phong phú; ngôn ngữ biểu cảm. -Khái niệm về các dạng thể đó.

	-Ví dụ: Chiều Dài Đò (Lí Công Uẩn) Hịch Tướng Sĩ (Trần Quốc Tuấn) Bình Ngô Đại Cáo (Nguyễn Trãi) 3)<u>Một số thể loại VH hiện đại</u> -Thể truyện (truyện ngắn, tiểu thuyết) được phát triển. -Thể tùy bút in đậm dấu ấn của chủ thể sáng tác giàu biểu cảm. Thơ hiện đại, tính từ thơ mới (1932-1945) có nhiều dạng thể; thơ tự do xuất hiện và phát triển có nhiều thành công. →Thơ hiện đại không chỉ đem lại những cái mới về nội dung tư tưởng cảm xúc mà còn đổi mới về sáng tạo hình ảnh, cấu trúc câu thơ, ngôn ngữ thơ.
Phân tổng kết ghi nhớ dài, y/c đèn chiếu ngữ liệu này cho H/S học	* Tổng kết: Ghi nhớ SGK Trang 201

*** HĐ LUYỆN TẬP (20 p)**

Các nội dung về thể loại VH đã tổng kết ở tiết 2 -Câu hỏi 1,2,3,4 SGK trang 200

Yêu cầu chia 4 nhóm đề thảo luận và trình bày 4 câu hỏi

-Nội dung phần ghi nhớ.

*** Hướng dẫn tự học (2P)**

- Phân tích nét nổi bật về ND và đặc sắc NT của một tác phẩm văn học Việt Nam đã học.

TIẾT 167-168	TỔNG KẾT LÀM VĂN	NS: 1/5/2024

A.Mục tiêu cần đạt:

1. Kiến thức:

- Đặc trưng của từng kiểu văn bản và phương thức biểu đạt đã được học.
- Sự khác nhau giữa kiểu văn bản và thể loại văn học.

2. Năng lực:

+ **Năng lực chung:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực nhận thức, tư duy logic

+ Năng lực chuyên biệt :

- Tổng hợp, hệ thống hóa kiến thức về các kiểu văn bản đã học.
- Đọc – hiểu các kiểu văn bản theo đặc trưng của kiểu văn bản ấy.
- Nâng cao năng lực đọc và viết các kiểu văn bản thông dụng.
- Kết hợp hài hòa, hợp lí các kiểu văn bản trong thực tế làm bài

3. Phẩm chất:

- Rèn kỹ năng đọc, cảm thụ các kiểu VB.
- Có ý thức nắm rõ các kiểu văn bản đã học.

II. Chuẩn bị:

- G/V: Bài soạn; các kiểuVB, các phương thức biểu đạt ở lớp 6; ngữ liệu minh hoạ.
- H/S: Các yêu cầu chuẩn bị cho tiết tổng kết TLV đã nêu.

III. Tiến trình tổ chức các hoạt động:

***Khởi động: (3 p)** Em hãy nêu các kiểu văn bản đã học trong chương trình TLV ở bậc THCS?

Phân bố ở các khối lớp như thế nào?

→Sự cần thiết phải hiểu rõ các kiểu VB, các phương thức biểu đạt và sự kết hợp các phương thức đó trong 1 văn bản ntn? Đó là những yêu cầu chính của tiết tổng kết TLV.

*G/V: Giới thiệu sự cần thiết phải hiểu rõ các kiểu VB và sự kết hợp các P/T biểu đạt.

*** HĐ hình thành kiến thức: (77 p)**

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò và định hướng	Ghi bảng
I. Ôn tập: - Cho HS đọc bảng tổng kết. - Em đã học mấy kiểu văn bản? Kể ra và cho ví dụ?	- HS đọc bảng tổng kết. - Các kiểu văn bản đã học: + Văn bản tự sự + Văn bản miêu tả + Văn bản biểu cảm	I. Các kiểu văn bản đã học trong chương trình ngữ văn THCS: - Văn bản tự sự - Văn bản miêu tả - Văn bản biểu cảm

- Phương thức biểu đạt của từng kiểu văn bản? - Hãy cho biết sự khác nhau của các kiểu văn bản trên? - Các kiểu văn bản trên có thể thay thế cho nhau được hay không? Vì sao? - Các phương thức biểu đạt trên có thể được phối hợp với nhau trong một văn bản cụ thể hay không? Vì sao? Nêu một số ví dụ để minh họa? - Từ bảng trên, hãy cho biết kiểu văn bản và hình thức thể hiện, thể loại tác phẩm văn học có gì giống nhau và khác nhau? - GV dựa vào mục 2 những điều cần lưu ý ở sgv để nói rõ cho HS hiểu. - Hãy kể tên các thể loại văn học đã học?	+ Văn bản thuyết minh + Văn bản nghị luận + Văn bản điều hành (hành chính công vụ) - HS dựa vào bảng tổng kết để nêu rõ phương thức biểu đạt của mỗi kiểu văn bản. - HS trình bày, GV giải thích thêm. - Không, vì mỗi kiểu văn bản có phương thức biểu đạt và mục đích khác nhau. - Có thể, vì sự phối hợp đó là cần thiết. Ít có một văn bản nào chỉ sử dụng duy nhất một phương thức biểu đạt, có kết hợp mới tăng được hiệu quả diễn đạt. (trừ văn bản điều hành) (HS nêu ví dụ minh họa) Truyện Bến quê- NMC. Phương thức biểu đạt chính là tự sự nhưng có sự kết hợp giữa miêu tả, biểu cảm, nghị luận. - HS trả lời. * Quan hệ kiểu văn bản và thể loại văn học: - Tự sự, trữ tình, kịch, kí (tản văn) - Tùy theo yêu cầu mỗi loại, mỗi lúc mà sử dụng tự	- Văn bản thuyết minh - Văn bản nghị luận - Văn bản điều hành (hành chính công vụ) - Các phương thức biểu đạt trên có thể được phối hợp với nhau trong một văn bản cụ thể. * Quan hệ kiểu văn bản và thể loại văn học: - Các thể loại văn học đã học: + Tự sự + Trữ tình

- Mỗi thể loại đã sử dụng phương thức biểu đạt nào? - Tác phẩm văn học như thơ, truyện, kịch có khi nào sử dụng yếu tố nghị luận không? Cho ví dụ và cho biết yếu tố nghị luận đó có đặc điểm gì? - Kiểu văn bản tự sự và thể loại văn học tự sự khác nhau như thế nào? Kiểu văn biểu cảm và thể loại văn học trữ tình giống và khác nhau ntn? Tác phẩm nghị luận có cần các yếu tố thuyết minh, miêu tả, tự sự không? Cần ở mức độ nào? - Phần văn và tập làm văn có mối quan hệ với nhau như thế nào? Nêu ví dụ? - Phần tiếng Việt có quan	sự, thuyết minh, nghị luận, miêu tả, trữ tình. - Có. HS cho ví dụ cụ thể. Các yếu tố nghị luận làm tăng sức thuyết phục và nội dung tác phẩm sâu sắc hơn. - Không nên đồng nhất tự sự với văn tự sự nghệ thuật. Văn bản tự sự có thể dùng trong bản tin (tường thuật), trong văn bản hành chính (bản tường trình), trong văn học (truyện ngắn), trong lịch sử (kí sự, tiểu truyện). - HS trả lời, GV bổ sung. +giống: đều biểu hiện các cảm xúc của con người. +khác: Văn bản bc bày tỏ trực tiếp hoặc gián tiếp. Thể loại vh trữ tình bày tỏ cảm xúc của con người thông qua các hình tượng nghệ thuật trữ tình. Cần có để làm cho bài nghị luận thêm sinh động, ngoài tác động đến lí trí còn lay động tình cảm người đọc nhưng không được lấn át phương thức nghị luận. - Phần tập làm văn, văn và tiếng Việt có quan hệ chặt chẽ với nhau (các phân môn có sự tác động qua lại lẫn nhau)	+ Kịch +Kí (tản văn) Tùy yêu cầu mỗi loại mà sử dụng kiểu văn bản phù hợp. II. Phần tập làm văn trong chương trình ngữ văn THCS: Phần tập làm văn, văn và tiếng Việt có quan hệ chặt chẽ với nhau

***HD luyện tập: (8 p)**

Trình bày sự khác nhau của các kiểu văn bản đã học?

Luyện viết một đoạn văn nghị luận.

Hướng dẫn tự học ở nhà: (2 p)

-Xác định kiểu văn bản và phân tích đặc trưng của kiểu văn bản đó trong một văn bản tự chọn.

-Tiết sau: Trả bài kiểm tra cuối kì

TIẾT 169	CTĐP: ĐÓNG GÓP CỦA PHƯƠNG NGỮ QUẢNG NAM	NS: 5/5/2024

I. Mục tiêu cần đạt : Giúp HS

1. Kiến thức:

- Nhận ra được sự đóng góp của phương ngữ Quảng Nam trong việc bổ sung, làm phong phú thêm vốn từ chung.

2. Năng lực:

*Năng lực chung.

- Năng lực hợp tác: Thảo luận nhóm để hiểu nội dung văn bản.

- Năng lực giải quyết vấn đề

- Năng lực tiếp nhận: đọc hiểu văn bản.

- Năng lực sử dụng CNTT

*Năng lực riêng.

- Cảm nhận sự đóng góp của phương ngữ Quảng Nam trong việc góp phần mang lại sắc thái Quảng Nam trong những tác phẩm văn chương viết về Quảng Nam.

3. Phẩm chất:

- Thể hiện thái độ trân trọng, tự hào về vẻ đẹp của phương ngữ Quảng Nam.

II. Chuẩn bị :

- HS: Sưu tầm các phương ngữ Quảng Nam và các từ vùng miền khác tương ứng

- GV: Lập bảng hệ thống, bảng phụ.

III. Tiến trình lên lớp:

* **HD1.** Khởi động: (1p)

- Nêu yêu cầu cần đạt.

Qua giao lưu văn hóa vùng miền, cũng như các phương ngữ khác, phương ngữ Quảng Nam ngày càng phát triển ổn định, góp phần làm phong phú thêm ngôn ngữ của đời sống và ngôn ngữ văn học dân tộc. Hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu sự đóng góp của phương ngữ Quảng Nam.

* **HD3.** :Hình thành kiến thức (36 p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
1.Tìm hiểu phương ngữ Quảng Nam. -Tìm những từ ngữ vùng miền khác tương ứng với phương ngữ Quảng Nam. Bảng phụ.	- Hoạt động nhóm - Đại diện trả lời, lớp nhận xét Gv bổ sung. Bảng thống kê bên dưới.	I. Tìm hiểu phương ngữ Quảng Nam: 1.Lập bảng hệ thống phương ngữ Quảng Nam tương ứng với các từ ngữ địa phương khác a.Dùng để xưng hô: b.Dùng để gọi tên

- Đóng góp phương ngữ Quảng Nam vào vốn từ chung của dân tộc như thế nào? - Đóng góp phương ngữ Quảng Nam trong các tác phẩm văn chương. - Các nhóm thảo luận (có thể mỗi nhóm chỉ tìm từ ngữ một vài thể loại nào đó trong 5 thể loại văn học), đại diện nhóm trình bày trước lớp. - Nguồn gốc của phương ngữ Quảng Nam	PNQN không chỉ ít nhiều gợi lên một sắc thái Quảng Nam trong giao tế và trong văn chương mà còn góp phần bổ sung, làm phong phú thêm vốn từ ngữ chung của dân tộc. PNQN góp phần mang lại sắc thái Quảng nam trong những tác phẩm văn chương viết về Quảng Nam. - Hoạt động nhóm - Đại diện trả lời, lớp nhận xét Gv bổ sung, giới thiệu thêm. (ở phần tư liệu bên dưới) - Hoạt động nhóm - Đại diện trả lời, lớp nhận xét GV: PNQN gồm những từ ngữ thường được dùng ở địa phương Quảng Nam trong đời sống hằng ngày của người dân xứ Quảng, đặc biệt là trong những giao tiếp thân tình, gần gũi không mang tính nghi thức trang trọng (không mang tính chính thức xã hội). Xuất phát từ thực tế địa lí và thực tế lịch sử, PNQN chịu tác động sâu sắc và cũng tác động trở lại sâu sắc đến phương ngữ miền Trung. - Theo thời gian và qua giao lưu	người, sự vật, sự việc: c.Dùng để chỉ hoạt động, trạng thái: d.Từ ngữ chỉ tính chất đặc điểm mức độ: 2.Đóng góp phương ngữ Quảng Nam vào vốn từ chung của dân tộc: - Làm phong phú vốn từ dân tộc 3.Đóng góp phương ngữ Quảng Nam trong các tác phẩm văn chương : - Tục ngữ - Ca dao - Truyện cổ - Văn xuôi - Thơ 4.Nguồn gốc của phương ngữ Quảng Nam - Nguồn gốc tại chỗ - Nguồn gốc du nhập

	văn hóa vùng miền, PNQN đã tự làm giàu thêm cho chính mình, góp phần làm phong phú thêm ngôn ngữ của đời sống đất nước và ngôn ngữ của văn học dân tộc.	

Bảng hệ thống phương ngữ Quảng Nam tương ứng với các từ ngữ địa phương khác

Các phương tiện thể hiện	Phương ngữ Quảng Nam	Từ ngữ các vùng miền khác
Dùng để xưng hô	ba bậu, nậu cậu dì dượng mẹ mợ qua tui tau	cha, bố, tía bạn bác (anh trai của mẹ) bác (chị gái của mẹ) bác (chồng chị gái của cha hoặc của mẹ), chú (chồng em gái của cha hoặc của mẹ). mạ, má, me bác (vợ anh trai của mẹ) tôi, mình tôi tôi, tao
Dùng để gọi tên người, sự vật, sự việc	cái đầu gói cái giuộc cái mui (người) cái tộ cái xỉ chấp (nữa) con ách con óc nóc con trùn khoai xiêm đậu phụng đôi (mô) (lá) thơ Nhưn (bánh)	cái đầu gói cái phều cái môi (người) cái tô, cái bát cái thìa, cái muỗng lát (nữa), chốc (nữa) con ếch con nòng nọc con giun củ mì, củ sắn lạc chỗ (nào) (lá) thư Nhân (bánh)
Dùng để chỉ hoạt	đẻ	li dị

động, trạng thái	biều bươi (rác) lui cui mắc tịt mần nhóm rinh ráng té rúi (trí)	bảo bới lúi húi mắc cỡ, xấu hổ, dị... làm nhón bụng gắng ngã rối (trí)
Từ ngữ chỉ tính chất, đặc điểm, mức độ	dặn xăn bự bự chát, bự chẳng hung lủ khủ túi (trời)	bận rộn to rất to nhiều rất nhiều tối (trời)

* Đóng góp phương ngữ Quảng Nam trong các tác phẩm văn chương :

a. Tục ngữ:

- Chóp đèo Le lấy **ghè** đựng nước
Chóp La Nga thì hạn, chóp Cao Ngạn thì mưa.
- **Coi** gió, bỏ buồm.

b. Ca dao:

- Trời ơi trời ở không phân
Kẻ ăn không hết người **mần** không ra.
- Ai về đất Quế làm dâu
Ăn cơm **sáo** mít, hát câu ân tình
- **Nhóm chun** kêu **bớ nậu** nguồn
Mít non gọi xuống, cá chuồn gọi lên

c. Truyện cổ:

- **Chập** nữa đái làng, mâm tôi ngồi với ông hương kiểm, chú dọn bầy đôi đĩa thôi nghe. Bữa **ni** tôi **ả** mình, không muốn ăn uống **chi** hết.
- Các anh **ních** hết rồi, còn **chi** mà **thiệt** giả.
(Truyện cười Thủ Thiêm – Còn chi mà thiệt giả)

d. Văn xuôi Quảng Nam:

- **Trật lất! Dòm** kĩ lại **coi**.
(Lam Hà – Điều thuốc một thời)
- Duy Xuyên? **Đổi** mô **hè**?
(Hồ Duy Lệ - Mạ tôi)

- Ngày mai bà nhớ bắt cho **tui** cặp gà, chọn con **mập mập**.
- Ông định hỏi **mô** ra thăm cháu mà bắt nhót sớm thế cho **ốm** gà?

e. Thơ Quảng Nam:

- Nhà ngoại xưa cũng Thăng Bình
Về **mô ướ bậu** đợi mình về theo
(Nguyễn Đức Dũng – Qua Kê Xuyên)

- Ve hồn nhiên trong lá
Phượng hồn nhiên giữa trời
Những tâm hồn rớt mạng
Ta ở **mô**... trong đời!?

(Thi Nguyễn – Rớt mạng)

3.Luyện tập (4p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Tìm những từ ngữ vùng miền khác tương ứng phương ngữ Quảng Nam trong các tác phẩm văn chương ở trên?	Thực hiện	

4. Vận dụng (2p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
- Cho HS tìm thêm những cứ liệu khác mà em biết.	Thực hiện	

***Hướng dẫn tự học (2 p)**

- Nắm được vai trò sử dụng phương ngữ Quảng Nam trong các tác phẩm văn chương

TIẾT 170-171	BIÊN BẢN, LUYỆN TẬP VIẾT BIÊN BẢN	NS: 5/5/24

I. Mục tiêu cần đạt: Giúp HS:

1. Kiến thức:

- Mục đích, yêu cầu, nội dung của biên bản và các loại biên bản thường gặp trong cuộc sống.

2. Năng lực:

- **Năng lực chung:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực nhận thức, tư duy logic

- **Năng lực chuyên biệt:** năng lực sử dụng ngôn ngữ, sử dụng Tiếng Việt, đọc hiểu văn bản...

3. Phẩm chất:

- Nắm yêu cầu của biên bản và các loại biên bản thường gặp trong thực tế cuộc sống.

*Tích hợp: Với thực tế cuộc sống của hs.

II. Chuẩn bị :

- GV: SGK, SGV,TKBG một số biên bản mẫu cho HS xem

- HS : Đọc và trả lời các câu hỏi trong SGK

III. Tiến trình lên lớp:

1. Hoạt động khởi động (5 phút)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
- Hãy nhắc lại các kiểu văn bản được học trong chương trình THCS? GV dẫn nhập: Năm lớp 6,7,8, các em đã học những văn bản điều hành như: đơn từ, đề nghị, báo cáo, tường trình, thông báo. Hôm nay, chúng ta tìm hiểu một văn bản điều hành nữa. Đó là biên bản.	- Trả lời cá nhân. Tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh, nghị luận, điều hành (hành chính - công vụ)	

2.Hoạt động hình thành kiến thức (25 phút).

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
1.Hướng dẫn HS tìm hiểu đặc điểm của biên bản. - Cho HS đọc thầm 2 biên bản SGK - Hai biên bản trên viết để làm gì?	- HS quan sát và đọc thầm 2 biên bản trong SGK. - HĐ độc lập trả lời các câu hỏi (Ghi chép sự việc đang diễn ra, mới xảy ra)	I- Đặc điểm của biên bản: a/ Mục đích: - Ghi chép sự việc đang xảy ra, mới xảy ra

- Cụ thể mỗi biên bản ghi chép sự việc gì?	- Biên bản 1: Ghi lại nội dung tiết sinh hoạt đội. - Biên bản 2: Ghi lại sự vụ trả giấy tờ, tang vật cho chủ sở hữu.	+ VB1: Hội nghị. +VB 2: Sự vụ

- Biên bản cần đạt những yêu cầu gì về nội dung, hình thức? - GV nhận xét và chốt lại các ý ở bên. Bảng phụ.	HS độc lập suy nghĩ và trả lời câu hỏi - HS khác nhận xét, bổ sung từng phần - Yêu cầu: + Số liệu, sự kiện phải chính xác, cụ thể (nếu có tang vật, chứng cứ, các mục lục diễn giải phải kèm theo biên bản). + Ghi chép trung thực, đầy đủ, không suy diễn chủ quan. + Thủ tục chặt chẽ (biên bản phải ghi thời gian, địa điểm cụ thể và cần được đọc lại cho mọi người tham dự cùng nghe để sửa chữa, bổ sung và nhất trí tán thành). + Lời văn ngắn gọn, chính xác. <i>HD nhóm</i>	b/ Yêu cầu: - Nội dung: Cụ thể, chính xác, trung thực, đầy đủ - Hình thức: lời văn ngắn gọn, chặt chẽ, chính xác.
2. Hướng dẫn HS viết biên bản. - Giao bài tập theo nhóm: N1,2:BT1: BB trên gồm có những mục nào? Các mục đó được sắp xếp ra sao? - Phần mở đầu của BB gồm những mục gì? - Tên của BB được viết như thế nào? N3,4-BT2: Phần nội dung của BB gồm những mục gì? Nhận xét cách ghi những nội dung này trong BB?	Các nhóm thực hiện theo yêu cầu - Biên bản gồm ba phần (mở đầu, nội dung, kết thúc). Các mục được sắp xếp theo một trình tự hợp lí. - Phần mở đầu: Quốc hiệu, tiêu ngữ, tên biên bản, thời gian, địa điểm, thành phần tham dự. - Tên BB viết in hoa. - Phần nội dung: Diễn biến và kết quả sự việc.	II- Cách viết biên bản: 1/Phần mở đầu: 2/ Phần nội dung: 3/ Phần kết thúc:

N5,6-BT3:Phần kết thúc BB gồm có những mục nào? -Lời văn ghi BB phải như thế nào? N7,8-BT4:Điểm giống nhau và khác nhau của hai loại biên bản? - Các mục nào không thể thiếu trong một biên bản? (Thảo luận). - GV nhận xét và chốt lại những ý trong ghi nhớ	Rõ ràng, ngắn gọn. Phần kết thúc: Thời gian kết thúc, họ tên, chữ kí của chủ tọa, thư kí (đ/v biên bản hội nghị) hoặc đại diện các bên (đ/v biên bản sự vụ). - Giống nhau về cách trình bày và một số mục cơ bản, khác nhau về nội dung cụ thể. - Quốc hiệu, tiêu ngữ, tên biên bản, thời gian, địa điểm, những người tham dự, diễn biến và kết quả sự việc, họ tên và chữ kí của những người có trách nhiệm (chủ tọa, thư kí hoặc đại diện các bên). - HS đọc ghi nhớ trong sgk. + Cách trình bày họ tên và chữ kí của những người có liên quan.	* Ghi nhớ sgk.

3.Luyện tập (53p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
BT1: Lựa chọn tình huống viết BB: a- Ghi lại diễn biến và kết quả của đại hội chi đội. c- Chú công an ghi lại một vụ tai nạn GT. d- Nghiệm thu phòng thí nghiệm BT2: Tập viết BB. (ghi lại các mục lớn) Yêu cầu đúng qui định. (Hết tiết 1)	- Thảo luận nhóm đôi - Làm việc cá nhân	III.Luyện tập

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Hoạt động 2.Hướng dẫn HS luyện tập: - Giao nhiệm vụ cho các nhóm GV chia nhóm: mỗi tổ 1 nhóm BT1: - Nội dung ghi chép đã đầy đủ chưa? Cần thêm, bớt gì? - Cách sắp xếp các ý như thế nào? Em hãy sắp xếp lại - GV hướng dẫn HS khôi phục lại biên bản(Có thể ghi bảng phụ cho HS quan sát) BT2: Yêu cầu HS đọc BT2 - Gọi HS lên trình bày dàn ý đại cương - GV nhận xét, bổ sung BT3 Ghi lại biên bản bàn giao nhiệm vụ trực tuần. - Gọi HS đại diện lên trình bày	HS hoạt động theo nhóm Hoạt động theo nhóm + Nhóm 1: bài tập 1. + Nhóm 2: bài tập 2 + Nhóm 3,4 bài tập 3 - Đại diện nhóm lên trình bày BT1: - Quốc hiệu, tiêu ngữ - Tên biên bản - Thời gian, địa điểm cuộc họp - Thành phần tham dự - Diễn biến và kết quả cuộc họp +Khai mạc + Lớp trưởng báo cáo +Hai bạn HS giới báo cáo kinh nghiệm + Trao đổi + Tổng kết -Thời gian kết thúc, kí tên - Cả lớp nhận xét, bổ sung - Đại diện nhóm lên trình bày BT 2: Dàn ý đại cương Biên bản sinh hoạt lớp cuối tuần 30 vừa qua. Phần đầu: Phần nội dung: I- Nhận xét công tác trong tuần qua: (từng tổ	BT1: BT2:

- GV nhận xét, sửa, cho điểm theo nhóm - GV rút kinh nghiệm cho HS qua kết quả làm bài Chuẩn kiến thức	lên báo cáo, các ban cán sự lớp báo cáo...) II- Công tác tuần tới: III- Ý kiến nhận xét của cô giáo CN IV- Rút kinh nghiệm: Phần cuối: Đại diện nhóm trình bày BT3: Phần đầu: Phần nội dung: Nội dung bàn giao như thế nào -Kết quả đã làm ... - Nội dung trong tuần tới - Các phương tiện, hiện trạng Phần kết thú - Cả lớp nhận xét, bổ sung	

4. Vận dụng (23p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Lựa chọn tình huống viết BB: Yêu cầu đúng qui định. ->HS đọc, nhận xét ->Gv chốt	- Làm việc cá nhân	III.Luyện tập

***Hướng dẫn tự học (2p)**

- Hoàn thành biên bản
- Nắm chắc nội dung bài học
- Tìm các biên bản thường gặp để tham khảo.
- Chuẩn bị: Hợp đồng, luyện tập viết hợp đồng

TIẾT 172-173	HỢP ĐỒNG, LUYỆN TẬP VIẾT HỢP ĐỒNG	NS: 6/5/24

I. Mục tiêu cần đạt : Giúp HS:

1. Kiến thức: HS **nhắm được:** đặc điểm, mục đích và tác dụng của hợp đồng

2. Năng lực

-Năng lực chung:

+ Năng lực hợp tác: Thảo luận nhóm .

+ Năng lực tự học.

+ Năng lực giải quyết vấn đề

-Năng lực chuyên biệt : Viết một hợp đồng đơn giản

3. Phẩm chất

- Có ý thức cẩn trọng khi soạn thảo hợp đồng và ý thức trách nhiệm với việc thực hiện các điều khoản ghi trong hợp đồng đã được thỏa thuận và ký kết.

II. Chuẩn bị :

- GV: Sgk, TKBK, Mẫu hợp đồng

- HS : Chuẩn bị theo nội dung đã dặn ở tiết trước

III. Tiến trình lên lớp:

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5p)

GV treo bảng phụ có nội dung câu hỏi sau đây, yêu cầu HS lựa chọn và trả lời.

Trường hợp nào ứng với nội dung loại văn bản nào?

1. Diễn biến và kết quả của Đại hội chi đội Trần Quốc Toản, năm học 2008-2009.

2. Bên A và bên B thỏa thuận mua bán nhà đất.

3. Nguyên vọng và đề nghị của lớp gửi đến thầy Hiệu trưởng.

4. Học sinh đánh nhau, giám thị bắt lên văn phòng gặp BGH.

A – Biên bản; B- Đề nghị; C- Bản kiểm điểm.

->Vậy trường hợp 2, chúng ta cần viết loại giấy tờ gì? Hôm nay cô giới thiệu với các em một loại vb mới: *Hợp đồng*

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (20 p)

Hoạt động của GV	HD của HS	Nội dung cần đạt
1.Hướng dẫn HS tìm hiểu đặc điểm của hợp đồng: <i>Chuyển giao nhiệm vụ học tập:</i> - Cho HS đọc thầm các văn bản SGK - Tại sao cần phải có hợp	- <i>Hoạt động đôi bạn-</i> trả lời các câu hỏi. Để hai bên thống nhất nội dung và ràng buộc lẫn nhau, có trách nhiệm thực hiện các điều khoản đã ghi.	I- Đặc điểm của hợp đồng: 1/ Ví dụ: 2/ Nhận xét: - Tầm quan trọng của hợp đồng: Cơ sở pháp lí để

đồng? - Hợp đồng ghi lại những nội dung gì? - Hợp đồng cần đạt những yêu cầu gì? - Cho biết nội dung chủ yếu của một văn bản hợp đồng? - Qua ví dụ trên, em hiểu hợp đồng là gì? <i>Lắng nghe HS trình bày, n xét</i> Cho biết 1 số kiểu hợp đồng?	+ Nội dung giao dịch. + Trách nhiệm và nghĩa vụ của hai bên. + Phương thức thanh toán. Phải ghi cụ thể, chính xác, rõ ràng, dễ hiểu, đơn nghĩa. - Các bên tham gia kí kết, các điều khoản, nội dung thỏa thuận, hiệu lực của hợp đồng... Hs đọc ghi nhớ 1. - <i>HD độc lập</i>	thực hiện công việc đạt kết quả. - Nội dung: Sự thỏa thuận, thống nhất về trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi của 2 bên tham gia. - Yêu cầu: Cụ thể, chính xác, rõ ràng, dễ hiểu, chặt chẽ 3/ Kết luận: Ghi nhớ 1 SGK
2. hướng dẫn tìm hiểu cách làm hợp đồng: Yêu cầu Hs dựa vào các hợp đồng ở mục I, ghi ra các phần của hợp đồng lên bảng nhóm -Nhận xét cách ghi hợp đồng?	HS hoạt động theo nhóm Ghi ba phần của hợp đồng lên bảng nhóm Theo dõi, nhận xét phần trình bày của nhóm bạn. Trình bày cách ghi HD Cách ghi: + ngắn gọn, rõ ràng, cụ thể. + có gạch đầu dòng. Lời văn của hợp đồng phải chính xác, chặt chẽ. - Đọc ghi nhớ 2 SGK	II- Cách làm hợp đồng: - Phần mở đầu: Quốc hiệu và tiêu ngữ, tên hợp đồng, thời gian, địa điểm, họ tên, chức vụ, địa chỉ của các bên kí kết hợp đồng. - Phần nội dung: + Thống nhất nội dung giao dịch. + Trách nhiệm và nghĩa vụ của hai bên. +Phương thức thanh toán. + Hiệu lực của hợp đồng. - Phần kết thúc: + Họ tên, chức vụ, chữ kí của đại diện hai bên. + Xác nhận bằng dấu của cơ quan (nếu có). * Ghi nhớ SGK

3.Luyện tập (53p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
-BT1/139: Gọi HS đọc BT1 Chọn tình huống viết hợp đồng: b,c,e	Thực hiện	

BT2/139: Ghi lại phần mở đầu, các mục lớn trong phần nội dung, phần kết thúc và dự kiến các điều kiện cần cụ thể hóa bản hợp đồng thuê nhà. HS chuẩn bị trong 5 phút và lên viết trên bảng theo yêu cầu của GV. - GV nhận xét BT1/157 1- Treo bảng phụ có nội dung bài tập 1 trong sgk, yêu cầu hs chọn cách trả lời đúng nhất và giải thích tại sao? - Đọc yêu cầu bài tập 1 và chọn cách trả lời đúng nhất: + a-1: vì nó đảm bảo tính chính xác, chặt chẽ của vb HĐ + b-2: vì nó cụ thể và chính xác hơn. + c- 2: vì nó ngắn gọn, đủ ý, rõ ràng + d- 2: vì nó ràng buộc trách nhiệm của bên B. BT2/158. Lập hợp đồng cho thuê xe đạp theo những thông tin cho sẵn. Gv treo bảng phụ có nội dung các thông tin - 1 HS lên bảng làm. - Cả lớp làm vào vở bài tập		

4.Vận dụng (23p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Lựa chọn trình hướng, viết hợp đồng ->Hs trình bày, nhận xét ->Gv chốt	Thực hiện cá nhân	

*Hướng dẫn tự học (2p)

- Nắm nội dung bài học
- Làm bài tập 3/158
- Hoàn thành bản hợp đồng
- Chuẩn bị các tiết mục trình diễn liên quan đến các bài thơ: Viếng lăng Bác, Mùa xuân nho nhỏ, đề tài mùa thu...

TUẦN 35

TIẾT 174-175: NGOẠI KHÓA: VĂN HỌC-HỌC VĂN

TIẾT 174-175	NGOẠI KHÓA: VĂN HỌC-HỌC VĂN	NS: 14/5/2024

I. Mức độ cần đạt:

1. **Kiến thức:** Giúp các em nhớ lại một số văn bản đã học

2. **Năng lực:**

- **Năng lực chung:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tự quản.

- **Năng lực chuyên biệt :** năng lực sử dụng ngôn ngữ

3. **Phẩm chất:** Tích cực trong giờ học.

II. Chuẩn bị:

1. Giáo viên: Thiết kế bài giảng, video về 1 số bài thơ được chuyển thành nhạc

2. Học sinh: Chuẩn bị các tiết mục biểu diễn

III. Tiến trình tổ chức các hoạt động.**1. Hoạt động khởi động (2 phút)**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
Nêu mục tiêu tiết học	Lắng nghe	

2. Hoạt động hình thành kiến thức (10 phút)

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
-Cho hs nhắc lại 1 số bài thơ đã học trong chương trình Ngữ văn 9 - Cho hs nhắc lại nội dung các bài thơ đó	-Nhắc lại	

3. Hoạt động vận dụng (78p)

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
-Chia lớp thành 2 đội -Cho các đội lần lượt biểu diễn các bài thơ đã được phổ nhạc: Mùa xuân nho nhỏ, Viếng lăng Bác, Đồng chí	-Nhắc lại -Biểu diễn	

-Cho hs nhận xét, bình chọn đội có tiết mục xuất sắc nhất và bạn có giọng hát hay nhất ->tuyên dương -Gv cho hs xem video về các bài hát, cùng hát theo	-Bình chọn	